**Tuần 1:**

**Tiết 1,2,3: BÀI MỞ ĐẦU**

**NỘI DUNG CHÍNH CỦA SÁCH GIÁO KHOA – HỌC ĐỌC, HỌC VIẾT, HỌC NÓI VÀ NGHE – GIỚI THIỆU CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA**

**I.MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức:***

- Thông qua các hoạt động, học sinh nhận biết được nội dung cơ bản của cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 8- bộ “ Cánh diều”.

- Biết được một số phươg pháp học đọc, học viết, học nghe và nói theo từng thể loại.

- Chia sẻ được tâm tình khi nói về môi trường học tập mới, những niềm vui và sự hồi hộp khi gặp thầy mới, bạn mới.

- Biết cấu trúc một bài học trong SGK và cách tiếp cận từng hoạt động trong từng bài.

***2. Năng lực***:

- Giải quyết vấn đề: nêu được những khó khăn của học sinh khi tiếp cận chương trình SGK mới và hướng giải quyết.

- Hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, điều chỉnh thái độ, cách ứng xử phù hợp.

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

***3. Phẩm chất:***

**-**Yêu Tổ quốc: Có ý thức tìm hiểu và gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thể hiện qua các nội dung bài học: cảm thu văn học, sử dụng tiếng mẹ đẻ, ...

- Luôn trung thực, có trách nhiệm, biết vươn lên tự hoàn thiện bản thân.

-Tự học: khám phá nội dung SGK - liên hệ - trao đổi tìm kiếm sự giúp đỡ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 1:**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

\* Chuyển giao nhiệm vụ:

*Cảm nhận của em về tên bộ sách và cuốn Ngữ văn 8 tập 1, tập 2?*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, trả lời câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả:** Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá, bổ sung.

**\* Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** *Ngữ văn là môn học công cụ. Các văn bản khiến chúng ta rung động trước những cảnh, những người được tái hiện để rồi trái tim mình biết yêu thương nhiều hơn, biết sống nhân hậu và lương thiện hơn, biết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để đạt mục tiêu trong cuộc sống... Ngữ văn còn giúp chúng ta nhe, nói, đọc viết đúng hơn, hay hơn, thuyết phục hơn... Vì vậy, có thể nói, môn Ngữ văn giúp ta làm giàu trí tuệ, làm đẹp tâm hồn, làm giàu tình cảm... Vậy chương trình ngữ văn 6 gồm những gì?*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**\*CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**Phần 1: Tìm hiểu nội dung Sách Ngữ văn 8**

**I. HỌC ĐỌC**

**1. Đọc hiểu văn bản truyện**

**2. Đọc hiểu văn bản thơ**

**3. Đọc hiểu văn bản hài kịch**

**4. Đọc hiểu văn bản nghị luận**

**5. Đọc hiểu văn bản thông tin**

**6. Rèn luyện tiếng việt**

**II. HỌC VIẾT**

**III. HỌC NÓI VÀ NGHE**

**Phần 2: Tìm hiểu cấu trúc của sách và cấu trúc của mỗi bài học trong sách.**

**Phần 3: Hướng dẫn học sinh soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học.**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 6**

**a) Mục tiêu**: Nhận biết được nội dung cơ bản về sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**\*\*Trước khi đọc nội dung sgk Ngữ văn 8**

**- HS hoàn thiện bảng sau:**

**Phiếu học tập số 1: Bảng KWL**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những điều em đã biết**  **về SGK Ngữ văn 8** | **Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8** | **Những điều học được (*Cuối tiết học sẽ điền cột này*)** |
| **…** | **…** |  |
| **...** | **...** |  |
| **...** | **...** |  |

**-** GV chiếu cho HS xem video **Giới thiệu Sách giáo khoa Ngữ văn 8.**

**https://www.youtube.com/watch?v=d9oCuzcqzAY**

GV yêu cầu HS chú ý lắng nghe, nắm được các thông tin để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV yêu cầu HS đọc phần Nội dung Sách Ngữ văn 6 (tr 5/SGK).Yêu cầu đọc to, rõ ràng. | **A. TÌM HIỂU NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 8** |
| **THẢO LUẬN NHÓM:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  a) Sách Ngữ văn 8 hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại văn học nào? So với các sách Ngữ văn 6, Ngữ văn 7, sách Ngữ văn 8 có những thể loại nào mới?  b) Bài Mở đầu nêu những lưu ý về yêu cầu đọc hiểu mỗi thể loại văn học nhằm mục đích gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ.**.  **\* Báo cáo sản phẩm.**  **Dự kiến sản phẩm:** Sách Ngữ văn 8 hướng dẫn em đọc hiểu các thể loại văn học: truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện cười, thơ sáu chữ, bảy chữ, thơ Đường luật, văn bản hài kịch, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. So với sách Ngữ văn 6, Ngữ văn 7, sách Ngữ văn 8 có thể loại truyện cười, thơ sáu chữ, bảy chữ, thơ Đường luật và văn bản hài kịch là những thể loại mới.  b) Những lưu ý về yêu cầu đọc hiểu mỗi thể loại văn học nhằm mục đích giúp học sinh nắm được những đặc trưng cơ bản cần chú ý ở mỗi thể loại, từ đó giúp việc đọc các văn bản hiệu quả hơn.  **\* GV nhận xét, chốt kiến thức**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  a) Mục Đọc hiểu văn bản nghị luận nêu lên những văn bản nào? Theo em, điểm giống nhau và khác nhau của các văn bản này là gì? Khi đọc văn bản nghị luận cần chú ý những gì?  b) Các văn bản thông tin được học trong sách Ngữ văn 8 gồm những loại văn bản nào? Cần lưu ý những gì về yêu cầu đọc hiểu văn bản thông tin?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi.  Dự kiến sản phẩm:  a) - Mục Đọc hiểu văn bản nghị luận nêu những văn bản:  + Văn bản nghị luận xã hội: Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), đoạn trích Nước Đại Việt ta (trích Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi), Chiếu dời đô (Lí Công Uẩn), Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nào? (Dương Trung Quốc) và Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới (Vũ Khoan).  + Văn bản nghị luận văn học: Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” (Lê Trí Viễn), Chiều sâu của truyện “Lão Hạc” (Văn Giá), Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) (Lê Quang Hưng) và Hoàng tử bé – một cuốn sách diệu kì (theo taodan.com.vn).  - Điểm giống và khác nhau của các văn bản này:  + Giống nhau: đều nghị luận về một vấn đề được nêu trong tác phẩm.  + Khác nhau: văn bản nghị luận xã hội nghị luận về các vấn đề liên quan đến tư tưởng đạo lí, còn văn bản nghị luận văn học nghị luận về các vấn đề trong tác phẩm văn học và chúng ta phải dựa vào tác phẩm để làm sáng tỏ vấn đề đó.  - Khi đọc văn bản nghị luận, cần chú ý:  + Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng (dẫn chứng) tiêu biểu trong văn bản.  + Phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  + Phân tích được lí lẽ, bằng chứng khác quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  + Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  b) - Các văn bản thông tin được học trong sách Ngữ văn 8 gồm những văn bản:  + Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên: Sao băng (theo Hồng Nhung), Nước biển dâng: bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI (theo Lưu Quang Hưng), Lũ lụt là gì? – Nguyên nhân và tác hại (theo Mơ Kiều) và Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường? (theo Hoàng Tần, Trần Thúy Hoa).  + Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim: truyện Lá cờ thêu sáu chữ vàng, bộ phim Người cha và con gái, về cuốn sách khoa học Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ và tập truyện Quê mẹ.  - Khi đọc hiểu văn bản nghị luận cần chú ý:  + Nhận biết và phân tích được đặc điểm của kiểu văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  + Nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc so sánh và đối chiếu.  + Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện tông tin cơ bản của văn bản.  + Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.  + Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  **\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn  kiến thức.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  Đọc mục Rèn luyện tiếng Việt và trả lời các câu hỏi sau:  a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 là gì?  b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 có những loại cơ bản nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi.  Dự kiến sản phẩm:  a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8: từ ngữ, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và sự phát triển của ngôn ngữ.  b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 có những loại cơ bản sau:  - Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập nhận biết các câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu khẳng định và câu phủ định,…  - Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ trong tác phẩm văn học và đời sống,…  - Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt, ví dụ: viết các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.  **\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn  kiến thức. | **I. HỌC ĐỌC**  **1. Đọc hiểu văn bản truyện**  **2. Đọc hiểu văn bản thơ**  **3. Đọc hiểu văn bản hài kịch**  **4. Đọc hiểu văn bản nghị luận**  **5. Đọc hiểu văn bản thông tin**  **6. Rèn luyện tiếng việt**  **II. HỌC VIẾT**  **III. HỌC NÓI VÀ NGHE** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS đọc mục II. HỌC VIẾT (Tr 10 - 11/SGK) và mục III. HỌC NÓI VÀ NGHE (Tr 12/SGK).  Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập 03 theo nhiệm vụ được phân công.  Thời gian thảo luận: 05 phút  **Nhóm 1+ 2:** Đọc phần Học viết và trả lời các câu hỏi sau:  a) Sách Ngữ văn 8 rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?  b) Những yêu cầu về quy trình và kĩ năng viết các kiểu văn bản có gì giống và khác so với sách Ngữ văn 7?  **Nhóm 3+ 4:** Đọc phần Học nói và nghe, trả lời các câu hỏi sau:  a) Các nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe là gì?  b) So với các yêu cầu cụ thể về nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe, em còn những hạn chế nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS trao đổi, thảo luận nhiệm vụ.  + GV quan sát, động viên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  **+** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận.  + HS nhận xét lần nhau.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Nhóm 1+ 2:**  a) - Sách Ngữ văn 8 rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản và nội dung của từng kiểu văn bản:  + Tự sự: kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả, biểu cảm.  + Biểu cảm: bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.  + Nghị luận: viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học).  + Thuyết minh: giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách.  + Nhật dụng: kiến nghị về một vấn đề đời sống.  b) - Điểm giống của những yêu cầu về quy trình và kĩ năng viết các kiểu văn bản với sách Ngữ văn 7: đều hướng dẫn rèn luyện kĩ năng viết văn bản theo bốn bước (chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa.  - Điểm khác: so với sách Ngữ văn 7, trong sách Ngữ văn 8, phần tìm ý và lập dàn ý giới thiệu về các cách tìm ý khác nhau (suy luận, so sánh, đối chiếu,…). Ngoài ra, sách còn bổ ung yêu cầu rèn luyện kĩ năng viết, mỗi bài rèn luyện một kĩ năng cụ thể.  **Nhóm 3+ 4:**  a) Các nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe:  - Nói:  + Trình bày ý kến về một vấn đề xã hội.  + Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.  - Nghe:  + Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  + Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.  - Nói nghe tương tác: Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.  b) Liên hệ bản thân đưa ra những hạn chế đang gặp phải.  **\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **II. HỌC VIẾT**  **HS thực hành tạo lập 5 kiểu văn bản:**   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu văn bản** | **Yêu cầu** | | 1. VB tự sự | kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả, biểu cảm. | | 2. VB biểu cảm | bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. | | 3. VB nghị luận | viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học). | | 4. VB thuyết minh | giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. | | 5. VB nhật dụng | kiến nghị về một vấn đề đời sống. |   **-** Ở mỗi bài học lớn, yêu cầu viết có quan hệ chặt chẽ với đọc hiểu văn bản.  **III. HỌC NÓI VÀ NGHE**  - Nói:  + Trình bày ý kến về một vấn đề xã hội.  + Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.  - Nghe:  + Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  + Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.  - Nói nghe tương tác: Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. |

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 2:**

**NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU CẤU TRÚC CỦA SÁCH *NGỮ VĂN 8***

**a) Mục tiêu**: Nhận biết được cấu trúc của sách và các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG THEO CẶP:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**    Đọc phần Cấu trúc của sách “Ngữ văn 8” và trả lời câu hỏi:  a) Mỗi bài học trong sách Ngữ văn 8 có những phần chính nào? Những nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?  b) Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS trao đổi, thảo luận nhiệm vụ.  + GV quan sát, động viên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  **+** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận.  + HS nhận xét lần nhau.  **\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **B. TÌM HIỀUCẤU TRÚC CỦA SÁCH *NGỮ VĂN 8***  a) - Các phần của bài học trong sách Ngữ văn 8: yêu cầu cần đạt, kiến thức ngữ văn, đọc, viết, nói và nghe, tự đánh giá và hướng dẫn tự học.  - Những nhiệm vụ mà em cần làm ở lớp:  + Vận dụng trong quá trình thực hành  + Trả lời câu hỏi đọc hiểu  + Làm bài tập thực hành tiếng Việt  + Làm bài tập thực hành viết  + Làm bài tập thực hành nói và nghe  - Những nhiệm vụ em cần làm ở nhà:  + Đọc trước và sau khi học để có định hướng đúng và tự đánh giá  + Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành  + Tìm hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm,…  + Đọc trực tiếp văn bản, các câu gợi ý ở bên phải và chú thích ở chân trang  + Đọc định hướng viết  + Đọc định hướng nói và nghe  + Tự đánh giá kết quả đọc hiểu, viết thông qua đọc và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về một văn bản tương tự các văn bản đã học  + Đọc mở rộng theo gợi ý  + Thu thập tư liệu liên quan đến bài học  b) Theo em, cần biết cấu trúc sách trước khi học để nắm rõ mình đang học những kiến thức, phần bài, nhiệm vụ và yêu cầu của mỗi phần. Từ đó, em sẽ chủ động chuẩn bị trước ở nhà để lên lớp thực hành một cách tốt hơn. |

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 3:**

**NỘI DUNG 3: HƯỚNG DẪN HỌC SINH SOẠN BÀI, CHUẨN BỊ BÀI HỌC, GHI BÀI, TỰ ĐÁNH GIÁ.**

**a) Mục tiêu**: học sinh nắm được khâu soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| *?* Trước khi học bài mới, em cần phải có công đoạn gì?   * Công đoạn soạn bài, chuẩn bị bài học   ?Công đoạn soạn bài, chuẩn bị bài học em cần tiến hành như thế nào?   * Đọc trước nội dung bài học, trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học vào vở soạn bài ở nhà. * Thực hiện các phiếu học tập thầy cô giao trước về nhà. * Trao đổi, thảo luận với bạn về nội dung sẽ học.   Tìm kiếm thông tin có liên quan đến bài học trên mạng để phục vụ cho bài học. | **1, Hướng dẫn học sinh soạn bài, chuẩn bị bài học**  1.1 Chuẩn bị đầy đủ phương tiện học tập:  **a. Sách:**  -          Bắt buộc: Sách giáo khoa (quyển tập 1 và tập 2)  -          Sách tham khảo: (Khuyến khích học sinh đọc thêm để mở rộng hiểu biết)  Ví dụ: + Truyện dân gian Việt Nam  + *Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài  + Tập thơ *“Góc sân và khoảng trời*” – Trần Đăng Khoa  ...  **b. Chuẩn bị đủ vở ghi**  3 quyển:  -          Vở trên lớp: ghi chép nội dung học trên lớp và những dặn dò cho bộ môn  -          Vở soạn: dùng để soạn phần nhiệm vụ ở nhà  + Đối với truyện: tóm tắt văn bản (có thể làm miệng), tìm bố cục, trả lời câu hỏi trong SGK (theo khả năng tìm hiểu của bản thân)  + Đối với thơ: không soạn tóm tắt, chỉ tìm bố cục, trả lời câu hỏi SGK  - Vở bài tập: Làm bài tập của bài học GV giao.  1.2. Sự chuẩn bài trước tiết học  - Mang đầy đủ sách, vở bộ môn khi đến lớp;  - Đọc bài (ít nhất 3 lần), soạn bài, làm bài đầy đủ trước khi đến lớp;  - Tập kể lại truyện nhiều lần không nhìn vào sách, vở;  - Sưu tầm tài liệu liên quan bài học (video, clip, hình ảnh, bài hát,...)  - Thường xuyên đọc sách, báo, truyện, ... phù hợp với lứa tuổi và có tính nhân văn;  - Cần đọc nhiều để mở rộng kiến thức, trau dồi vốn từ, mở rộng kiến thức;  - Chia sẻ những thắc mắc, những tâm đắc cho bạn bè (qua mail, điện thoại, ...)  **Với Đọc hiểu văn bản:**  - Tóm tắt, nắm được nội dung, nghệ thuật;  - Đọc thêm nguyên tác để hiểu rõ về đoạn trích.  **Với Thực hành Tiếng Việt:**  - Thực hành nhiều bài tập;  - Tìm thêm ví dụ.  **Với kĩ năng Viết:**  - Lập dàn ý, học cách viết theo từng thể loại (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, nhật dụng);  - Tập viết nhiều để rèn kĩ năng tạo lập văn bản (viết từng đoạn vàviết thành bài).  **Với kĩ năng Nói và nghe:**  Tập điều chỉnh thái độ, cảm xúc và kĩ năng nói/nghe cho phù hợp; tích cực khắc phục các lỗi mắc phải. |
| ? Em cần ghi chép như thế nào? | **2, Hướng dẫn học sinh ghi bài**  - Ghi bài theo nội dung giáo viên trình bày trên bảng:  - Chú ý lắng nghe để ghi chép chắt lọc nội dung thầy cô truyền tải.  - Tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ . |
| ? Em cầntự đánh giá như thế nào sau mỗi bài học? | **3, Hướng dẫn học sinh tự đánh giá**  - Học sinh nhận rõ những sai lầm của mình và tìm cách giải quyết vấn đề một cách chính xác  - Đánh giá mới để tiếp tục ghi nhận sự tiến bộ của bản thân.  - Lưu giữ hồ sơ học tập của cá nhân. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b) Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu KWL và sơ đồ tư duy bài học.

c) Sản phẩm học tập:

- Mục L trong phiếu KWL

- Sơ đồ tư duy cá nhân về nội dung bài học.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-** Hoàn thành phiếu KWL (Cột Những điều học được)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những điều em đã**  **biết về SGK Ngữ văn 8** | **Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8** | **Những điều học được (*Cuối tiết học sẽ điền cột này*)** |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Phiếu học tập số 1: Bảng KWL**

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS tự hoàn thành phiếu KWL.

**\* Báo cáo kết quả:**

**-** GV gọi một số HS rút ra những điều học được trong phiếu KWL

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: HS hiểu chia sẻ cảm xúc của bản thân.

b) Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em khi bước vào môi trường mới - phiếu gợi ý.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cảm xúc | Thuận lợi | Khó khăn | Nguyện vọng |
|  |  |  |  |

**\* Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị theo hướng dẫn

**\*** **Báo cáo, thảo luận:**

**+** GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ suy nghĩ.

+ Các nhóm HS khác lắng nghe trình bày và nhận xét., bổ sung ý kiến.

**1. Cảm xúc:** -Vui vì...-Lo lắng vì...

**2. Thuận lợi:**

- Thầy cô và bố mẹ quan tâm, bạn bè thân thiện.

-Phương tiện và tài liệu học tập đầy đủ.

**3. Khó khăn:**

-Lớp 6 có nhiều môn học mới, mỗi môn học là một giáo viên khác nhau nên chưa quen cách học.

-Mỗi ngày đều phải học rất nhiều môn học và nhiều bài tập phải hoàn thành.

-Cách đánh giá xếp loại khác bậc tiểu học.

**4. Nguyện vọng:** *......*

- Với thầy cô và các bạn:

**\*** **Đánh giá, kết luận:** Giáo viên quan sát , lắng nghe, cùng HS tháo gỡ những điều còn vướng mắc, động viên các em và giúp các em có thêm tự tin, hào hứng học tập.

***Kết thúc: Hát karaoke “ Lớp chúng mình”*** ***https://www.youtube.com/watch?v=bCImr-GCBqw***

**VỀ NHÀ:**

1.Chuẩn bị bài 1 theo yêu cầu SGK.

-Đọc kỹ phần “ Kiến thức Ngữ văn”

-Đọc các văn bản trong bài và thực hiện yêu cầu phần chuẩn bị.

2.Sưu tầm tư liệu, hình ảnh, câu chuyện liên quan đến bài học.

**---------------------------------------------------------------------------------------------------**

**BÀI 1: TRUYỆN NGẮN (13 TIẾT)**

**Tuần 1:**

**Tiết 4,5,6: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: TÔI ĐI HỌC**

**(THANH TỊNH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) của truyện ngắn Tôi đi học.

- Cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng những kỉ niệm và phát huy những cảm xúc, tình cảm tốt đẹp trong sáng về con người và cuộc sống.  
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 4:**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nghe và xem video

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Sử dụng phần mềm YouTube

https://www.youtube.com/watch?v=8QSXX9Nr6G4

Cảm xúc của em khi xem hình ảnh và nghe lời bài hát?

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Mùa thu vốn là nàng thơ của đất trời. Mùa thu dường như đã chạm vào hồn ta với những con đường vàng đầy sắc lá và với cả vòm trời xanh mát, cao rộng, mênh mông nữa. Hơn thế nữa cô nghĩ rằng tuổi học trò mỗi khi mà chúng ta cắp sách tới trường, trong một buổi sớm mùa thu, chúng ta còn nhận ra được rằng mùa thu còn thơm trang sách mới, hân hoan trong tiếng hát ngày khai trường. Các em biết không giữa cái vòm trời cao, rộng của mùa thu, sống chậm lại một nhịp cả người lớn như là cô đã đi qua rất nhiều ngày tựu trường rồi và bây giờ cũng đã có một thời đã xa xôi với nó như cả trẻ con hay cả người lớn cô nghĩ rằng đều háo hức, đều đợi chờ, đều muốn lắng lòng mình một chút trong những giây phút thăng hoa của những ngày đầu năm học mới- ngày tựu trường. Một người lớn dù là đã lớn hay là sắp lớn cũng như là những cô cậu trò lớp tám đang ngồi học ở đây có lẽ cũng đều bâng khuâng khi mà đón tháng chín về. Chẳng còn gì thích thú hơn khi ta tìm được lại kí ức của những ngày đầu tiên đi học, tưởng như đã trôi về một cái miền thời gian xa xôi nào đó, ta được ngắm nghía kỹ lại chính mình của ngày hôm ấy, ta thấy được sự trưởng thành của ngày hôm nay ta có thể gửi một lời biết ơn đến đoạn đường đầu đời vẫn còn ngây ngô, vụng dại với những nâng đỡ dìu dắt của mái trường cũ, của đôi bàn tay dịu dàng, cần mẫn nơi các thầy cô. Và ngày hôm nay chúng ta cũng sẽ được trở lại cùng hòa vào nhịp bước sự náo nức của cái thuở ban đầu hồn nhiên với nhiều trong trẻo ấy trong một câu chuyện rất đẹp và thơ nữa có một cái tên rất đẹp “**TÔI ĐI HỌC” (THANH TỊNH)**

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của truyện ngắn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. TÌM HIỂU VỀ TRI THỨC ĐỌC HIỂU** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, dự án  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc tri thức ngữ văn sgk trang/  **Nhóm 1:** Truyện ngắnlà gì?  **Nhóm 2:** Tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học là gì?  **Nhóm 3:** Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học là gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| **1. Truyện ngắn** là thể loại tự sự cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật.  Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến nhân vật; sử dụng chi tiết và cô đúc; lối hành văn mang nhiều ẩn ý. Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ, lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện ngắn giàu tính triết lí, trào phúng, châm biếm, hài hước, có truyện ngắn rất giàu chất thơ, …  Vì vậy, vì truyện ngắn thuộc TỰ SỰ, vì vậy khi tìm hiểu truyện ngắn luôn luôn cần cần chú ý ba yếu tố cơ bản: Cốt truyện – nhân vật – chủ đề, đề tài Thể loại truyện ngắn HS đã được làm quen với một số tác phẩm từ lớp 6 (Chích Bông ơi! – Cao Duy Sơn,…) và lớp 7 (Buổi học cuối cùng – An – phông – xơ Đô đê) và tiếp tục với lớp 8.  Ví dụ về tình huống độc đáo: Tình huống tặng áo của Sơn và Lan cho Hiên trong Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)  Từ khóa: Tự sự cỡ nhỏ; văn xuôi hư cấu; phản ánh một “khoảnh khắc”, tình huống độc đáo; nhân vật không chia nhiều tuyến. 2. Tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học Tưởng tượng là tạo ra trong tâm trí hình ảnh những cái không có trước mắt hoặc chưa hề có. Tưởng tượng gắn với nhiều công việc và lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống con người. Văn học phản ánh đời sống bằng hình tượng nghệ thuật. Vì thế khi sáng tác, các nhà văn vận dụng trí tưởng tượng để tạo ra cuộc sống như thật trong tác phẩm của mình. Không chỉ các nhà văn mà độc giả khi đọc văn bản văn học cũng phải tưởng tượng. Nhờ có tưởng tượng mà hình ảnh, âm thanh, hoạt động…của sự vật (con người, vật, phong cảnh,...) tỏng tác phẩm đều có thể hiện lên trước mắt người đọc như thật.  Ví dụ: Nhờ trí tưởng tượng, người đọc như nhập được vào thế giới của tác phẩm với những cảnh sắc yên ả, thanh bình và hòa chung tâm trạng “nao nức” của nhà văn Thanh Tịnh trong truyện ***Tôi đi học*:** *Hằng năm, cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường*.  Calendar  Description automatically generated(Nội dung tri thức Ngữ văn đã tương đối đầy đủ, song có thể xem lại bài bổ trợ của khóa Ngữ văn 7 để hiểu thêm về thao tác và luyện tập tưởng tượng.) 3. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học **Nhan đề** là tên của văn bản, thường do tác giả đặt. Có những nhan đề có ý nghĩa gắn với chủ đề của văn bản, gợi mở cho người đọc nhiều suy nghĩ,… **Ví dụ**, với nhan đề ***Tắt đèn***, Ngô Tất Tố gợi lên hình ảnh cuộc sống tối tăm, nghèo đói và số phận bi thảm của người nông dân trong xã hội cũ. Nhan đề ***Bệnh sĩ*** (Lưu Quang Vũ) thể hiện rõ chủ đề trung tâm của vở kịch: phê phán thói háo danh, sĩ diện hão, “bệnh” thành tích. Nhan đề bài thơ ***Quê người*** (Vũ Quần Phương) gợi cho người đọc liên tưởng và nghĩ đến quê nhà,…  Tuy nhiên, cần lưu ý, không phải nhan đề nào cũng hàm chứa ý ngĩa, thông điệp của tác phẩm.  Có nhiều cách đặt nhan đề văn bản văn học, sau đây chỉ nêu một số cách phổ biến:  - Lấy tên một nhân vật chính trong tác phẩm, như: ***Lão Hạc*** (Nam Cao), ***Lượm*** (Tố Hữu), ***Vũ Như Tô*** (Nguyễn Huy Tưởng),…  - Lấy tên một sự vật, sự kiện, hiện tượng, hình ảnh cụ thể,… có trong tác phẩm, như: ***Tôi đi học*** (Thanh Tịnh), ***Tiếng gà trưa*** (Xuân Quỳnh), ***Cái kính*** (A- dít Nê xin), ***Buổi học cuối cùng*** (An – phông – xơ Đô – đê (Alphonse Daudet)),…  - Lấy tên một địa danh cụ thể được nói tới trong tác phẩm, như ***Qua đèo Ngang*** (Bà Huyện Thanh Quan), ***Việt Bắc*** (Tố Hữu), ***Đất rừng phương Nam*** (Đoàn Giỏi), ***Nếu mai em về Chiêm Hóa*** (Mai Liễu),…  - Dựa vào ý khái quát của toàn bộ nôi dung tác phẩm, như: ***Bước đường cùng*** (Nguyễn Công Hoan), ***Mẹ và quả*** (Nguyễn Khoa Điềm), ***Búp sen xanh*** (Sơn Tùng), …  - Các tác phẩm trung đại thường lấy nhan đề gần với thể lại như: ***Hịch tướng sĩ*** (Trần Quốc Tuấn), ***Đại cáo bình Ngô*** (Nguyễn Trãi), ***Chiếu dời đô*** (Lý Công Uẩn),..  - Có khi dùng Không đề, Vô đề hoặc nhan đề bằng chữ số, … để cho người đọc tự suy ngẫm.  => Việc hiểu thêm về vai trò của tác phẩm giúp chúng ta có thể hiểu tthêm thế giới nghệ thuật của tác phẩm văn học, đồng thời cũng cung cấp thêm công cụ để HS có thể đặt nhan đề cho bài viết của mình.  -> Một tác phẩm nghệ thuật độc đáo có thể nhìn nhận từ nhan đề | |

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 5:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng.  Giọng đọc chậm rãi, tha thiết, bồi hồi thể hiện được những cảm xúc suy nghĩ của nhân vật “tôi” theo dòng hoài niệm Chiến thuật đọc liên hệ, dự đoán, đặt câu hỏi, tưởng tượng  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Thanh Tịnh và quê mẹ: Thanh Tịnh có lẽ là nhà văn đầu tiên của miền Trung đã trình bày các mối dây liên lạc nhẹ như tơ đờn ngày thu nhưng không vì thế mà kém phần vương vít và quyến luyến. Ông đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre thổi sáo để ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê.” ( Thạch Lam) | **1.** **Tác giả**  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: In trong tập truyện ngắn “ Quê mẹ” 1941  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu Bối cảnh, Cốt truyện và chi tiết, Chất trữ tình, Nhân vật, Đề tài, chủ đề  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn sau và tưởng tượng về ngày hôm đó!  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Bối cảnh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thiên nhiên cuối thu có gì đặc biệt?** | **Con người như thế nào?** | **Lòng người cảm thấy ra sao?** | | ..................... | ........................ | ...................... |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thiên nhiên cuối thu có gì đặc biệt?** | **Con người như thế nào?** | **Lòng người cảm thấy ra sao?** | | Thời gian: Cuối thu  Lá ngoài đường rụng nhiều  Mây bàng bạc trên cao | mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường | nao nức, mơn man, tưng bừng, rộn rã |  |  |  | | --- | --- | | **Hiện tại** | **Quá khứ** | | **- Thời gian:** Hàng năm cứ vào cuối thu  **- Khung cảnh:**  + Lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc.  + Mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên. | **- Thời gian:** Một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh  **- Khung cảnh:**  + Con đường làng dài và hẹp.  + Mẹ âu yếm dắt tay đến trường. | | **Tương đồng-> Liên tưởng**  **Cảnh vật-> Tâm trạng** | |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về kĩ thuật viết trong đoạn đầu?  Những thanh bằng liên tiếp  Những câu văn dài, nhịp điệu chậm rãi, dàn trải  => Tái hiện mùa thu nhẹ nhàng, êm dịu, nhịp điệu tâm hồn chất đầy kỉ niệm, thu đã khơi nguồn kí ức trong tâm tưởng của nhân vật “tôi” | **1. Bối cảnh**  **- Thiên nhiên:**  Thời gian: Cuối thu  Lá ngoài đường rụng nhiều  Mây bàng bạc trên cao  **- Con người :** mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường  - **Lòng người:** nao nức, mơn man, tưng bừng, rộn rã |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **TÌM HIỂU CỐT TRUYỆN**   |  |  | | --- | --- | | **1. Liệt kê các sự kiện chính trong truyện** |  | | **2. Kỉ niệm ngày đầu tiên đến trường của tôi được kể theo trình tự nào?** |  | | **3. Nhận xét về cốt truyện** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **1. Liệt kê các sự kiện chính trong truyện** | Từ hiện tại, tác giả hồi tưởng về những kỷ niệm của ngày đầu tiên vào lớp một với một là các sự kiện:  + Cậu bé được mẹ đưa tới trường.  + Cậu bé đứng ở sân trường với tâm trạng bỡ ngỡ, lo lắng và hồi hộp.  + Cậu bé bước vào lớp học và học giờ tập đọc đầu tiên. | | **2. Kỉ niệm ngày đầu tiên đến trường của tôi được kể theo trình tự nào?** | - Theo trình tự thời gian: truyện được kể theo dòng hồi tưởng từ hiện tại nhớ về quá khứ.  - Theo trình tự không gian: trên đường đến trường-> sân trường Mĩ Lí -> trong lớp học Nhận xét: Trình tự diễn biến tâm trạng nhân vật. | | **3. Nhận xét về cốt truyện** | Cốt truyện đơn giản, kể lại sự việc đời thường, giản dị. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Cốt truyện và chi tiết**  **Cốt truyện**  **Thường thấy**: có tình huống hấp dẫn, có những sự kiện và biến cố để thu hút sự chú ý của người đọc.  **Tôi đi học:** tập trung khắc họa dòng chảy tâm trạng, cảm xúc, của những diễn biến tinh tế trong tâm hồn nhân vật. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  Có những nhân vật nào xuất hiện trong văn bản?  Các nhân vật thường được khắc họa qua những yếu tố nào?  Tên tuổi, lai lịch  Ngoại hình  Thế giới nội tâm( tâm trạng, suy nghĩ)  Lời nói  Hành động  Trong mối quan hệ với các nhân vật khác  ? Trong truyện nhân vật “tôi” được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?  - Tâm trạng, suy nghĩ  Diễn biến tâm trạng  Làm thế nào để khai thác được diễn biến tâm trạng của nhân vật?  Tâm trạng nhân vật “tôi” thể hiện như thế nào trong chuyện?  Tại sao nhân vật lại có tâm trạng như vậy?  Tại sao tác giả tập trung khai thác dòng tâm trạng của nhân vật mà không phải các yêu tố khác?  Dòng tâm trạng của nhân vật:  + Đọc kĩ văn bản. Đọc và gạch chân các từ khóa, chi tiết quan trọng  + Hoàn thành bảng thống kê. Diễn biến mạch cảm xúc.  + Nhận xét, lí giải. Nghệ thuật diễn tả tâm lí  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG NHÂN VẬT “TÔI”   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thời điểm | Chi tiết, hình ảnh | Nhận xét về nghệ thuật, tâm trạng | | 1. Trên đường tới trường |  |  | | 2. Lúc ở sân trường |  |  | | 3. Trong lớp học |  |  |   Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **3. Nhân vật**  **- Tôi, mẹ, ông đốc, học trò khác, thầy giáo** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thời điểm** | **Chi tiết, hình ảnh** | **Nhận xét về nghệ thuật, tâm trạng** | | **1. Trên đường tới trường** | **Con đường:** tự nhiên thấy lạ, cảnh vật thay đổi.  Cảm thấy trang trọng và đứng đắn  Nâng niu mấy quyển vở, bặm tay ghì thật chặt, muốn thử sức cầm bút.  **Ý nghĩ:** non nớt, ngây thơ, chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước: “Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.” | Chi tiết chân thực, hình ảnh so sánh đẹp, giầu chất thơ.  Tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ pha lẫn niềm thích thú của nhân vật tôi; nhận thức được sự lớn lên, tự lập của bản thân. | | **2. Lúc ở sân trường** | **Ở sân trường**  + Thấy dày đặc người, xinh xắn, oai nghiêm.  + Cảm thấy: lo sợ vẩn vơ.  + Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.  + Khi xếp hàng, nghe gọi tên và rời tay mẹ: chơ vơ, lúng túng, dềnh dàng, run run, giật mình và lúng túng, như quả tim ngừng đập, hoặc nức nở thấy xa mẹ. | Nhiều động từ, tính từ, từ láy gợi tả; hình ảnh so sánh đặc sắc đã diễn tả tâm trạng rụt rè, lúng túng, lo lắng, bịn rịn khi thực sự xa mẹ và trở thành cậu học trò nhỏ. | | **3. Trong lớp học** | + Mùi hương lạ, thấy lạ với bức hình treo trên tường.  + Lạm nhận bàn ghế, chỗ ngồi là của mình.  + Không hề thấy xa lạ với người bạn ngồi mới ngồi bên, quyến luyến.  + Nhìn theo cánh chim, kỷ niệm cũ sống lại.  + Chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhầm đánh vần đọc: Bài viết tập: **Tôi đi học** | - Tự sự kết hợp với miêu tả  - Thể hiện sự thích thú, cảm giác xốn xang, vừa lạ, vừa quen với mọi vật, với người bạn ngồi bên và sự tự tin, nghiêm túc, khát vọng vươn tới ước mơ khi bước vào năm học mới, giờ học đầu tiên. | | |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **TIẾT 6:**  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não    **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vai trò của chất trữ tình và nó biểu hiện trong văn bản như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **4. Chất trữ tình**  a) Vai trò chất trữ tình  - Tạo ra sức hấp dẫn và vẻ đẹp của tác phẩm;  - Giúp người đọc cảm nhận được những dịu êm trong trẻo nơi dòng xúc cảm của nhân vật.  - Phong cách của nhà văn: lãng mạn, sâu sắc với những rung cảm mãnh liệt ngay khi viết về những câu chuyện dung dị, đời thường  b) Chất trữ tình trong truyện  **Nội dung:**  Chủ đề, đề tài  Thiên nhiên đẹp và thế giới tâm trạng trẻ thơ trong trẻo, hồn hậu, ngây thơ  **Hình thức**  Không chú trọng tình huống, biến cố, ít nhân vật, giọng văn êm ái, du dương, tha thiết  Ngôn ngữ: Từ ngữ được chọn lựa diễn tả sắc thái nhẹ nhàng, êm dịu. Phép so sánh đầy chất thơ. |
| Chất trữ tình nó sẽ chi phối phương thức biểu đạt trong văn bản này  Tự sự  Biểu cảm  Miểu tả   * Câu chuyện được kể trở nên hay hơn và giàu xúc cảm, lay động trái tim người đọc |  |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu đề tài, chủ đề của truyện?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **5. Đề tài, chủ đề**  **Đề tài:** Thế giới trẻ thơ và ngày tựu trường  **Chủ đề:** Những kỉ niệm đẹp đẽ thời học trò, nhất là buổi tựu trường sẽ được ghi nhớ mãi trờ thành nguồn sáng tâm hồn trong trẻo, thiêng liêng, nâng đỡ tâm hồn con người.  **Nhận xét:** Đề tài rất gần gụi nhưng không dễ viết vì nó ít kịch tính, những xúc cảm cũng mong manh, mơ hồ chưa rõ ràng=> chạm đến phạm trù xúc cảm quen thuộc của mỗi độc giả nên có sức sống bền lâu. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  Sự kết hợp phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm và tự sự  chất trữ tình thấm đượm cả hình thức, nội dung, ngôn ngữ.  **2. Nội dung:** Truyện ngắn là dòng hồi tưởng, cảm xúc trong trẻo của nhân vật tôi về ngày đầu tiên đi học |
| **3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP** |  |
| Hãy tưởng tượng mình là người bạn tí hon ngồi cạnh nhân vật “tôi”, em sẽ nói điều gì với “tôi” ?  Làm quen  Trò chuyện  Nói về những ước mơ  Lời chúc cho năm học mới... |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Văn bản đã nói hộ suy nghĩ và tình cảm gì của rất nhiều người đọc?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:** Ngày tựu trường đầu tiên là một kỉ niệm đáng nhớ một dấu mốc bắt đầu cho chặng đường đi học đầu đời còn non nớt, ngô nghê.

Mỗi khi nhớ về, ta như được trở về thời thơ bé, náo nức và mơn man những xúc cảm đẹp. Hãy trân quý khoảng thời gian tươi đẹp tuổi học trò, hãy nâng niu những ước mơ.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.
* **Chuẩn bị bài sau:**Gió lạnh đầu mùa

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 2 :

**Tiết 7,8,9: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

**(THẠCH LAM)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) của truyện.

- Biết cách đọc diễn cảm

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kĩ năng đọc

**2. Phẩm chất:**

- Biết đồng cảm chia sẻ với những mảnh đời nghèo khó thiếu may mắn quanh ta

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 7**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nghe và xem video

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, chia sẻ

***GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Đã khi nào các em cho người khác đồ gì mà chưa hỏi ý kiến cha mẹ hay chưa? Khi biết chuyện đã phản ứng như thế nào?

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Có đôi lúc trong cuộc sống này có những cuộc gặp gỡ rất tình cờ, bất ngờ Và chúng ta có thể gặp những người ở trong hoàn cảnh kém may mắn rất là khó khăn, bột phát một cái hành động, đấy là chúng ta sẽ chạy về nhà hay là sẵn ở trong tay, trong túi mình có món đồ gì, chúng ta có thể trao tặng hoặc là cho họ. Và chúng ta lúc đó lại chưa kịp hỏi ý kiến của cha mẹ. Và không biết là trong những tình huống đó thì cha mẹ mà biết chuyện sẽ phản ứng như thế nào. Cậu bé ngày hôm nay được bắt gặp, làm quen ở trong câu chuyện cũng ở trong tình huống đó và không biết cậu đã cho ai, tặng ai món đồ gì, và khi mà cha mẹ biết chuyện thì cha mẹ đã có phản ứng như thế nào, sẽ mang lại cho chúng ta những thông điệp bài học gì. Cô trò chúng ta sẽ cùng bước vào bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  - Sử dụng phần mềm PowerPoint  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc rõ ràng ngắt nghỉ đúng. Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng như lời tâm tình. Đọc phân vai, phân biệt lời của người kể và nhân vật. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc và tâm trạng của Sơn.  Chiến thuật đọc liên hệ, dự đoán, đặt câu hỏi, tưởng tượng  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1.** **Tác giả**  **2. Văn bản**  **- Xuất xứ:** In trong tập “Gió đầu mùa”, xuất bản năm 1937  **- Thể loại:** Truyện ngắn  - **Phương thức biểu đạt**: Tự sự, miêu tả, biểu cảm  - **Ngôi kể**: Thứ 3 |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu cốt truyện và bối cảnh  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Tìm hiểu cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện? |  | | 2. Trình tự của các sự việc? |  | | 3. Nhận xét? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện?** | - Những cơn gió lạnh đầu mùa thổi đến phố chợ.  - Sơn và Lan thức dậy uống trà và mặc quần áo ấm, cùng lúc đó nhớ tới người em đã mất qua trước áo bông em đã từng mặc. - Hai chị em ra chợ chơi, thấy những đứa trẻ nghèo hàng xóm mặc áo mong manh, riêng Hiên mặc áo rách tơi tả, co ro vì lạnh.  - Thương Liên, hai chị em quyết định về nhà lấy áo bông của em Duyên xấu số, giấu mẹ mang cho Hiên.  - Chuyện đến tai bà vú, sợ bị mẹ phát hiện và mắng, hai chị em đi tìm duyên đòi lại áo, nhưng không tìm được bạn, không dám về nhà.  - Mẹ Hiên mang áo bông trả lại, mẹ Sơn và Lan cho vay tiền mua áo ấm cho Liên. | | **2. Trình tự của các sự việc?** | - Trình tự thời gian  -Trình tự diễn biến tâm trạng | | **3. Nhận xét?** | Cốt truyện viết về câu chuyện đời thường, giản dị, giàu chất “thơ” |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu cốt truyện và bối cảnh**   1. **Cốt truyện**   **Các sự việc chính trong truyện:**  - Những cơn gió lạnh đầu mùa thổi đến phố chợ.  - Sơn và Lan thức dậy uống trà và mặc quần áo ấm, cùng lúc đó nhớ tới người em đã mất qua trước áo bông em đã từng mặc. - Hai chị em ra chợ chơi, thấy những đứa trẻ nghèo hàng xóm mặc áo mong manh, riêng Hiên mặc áo rách tơi tả, co ro vì lạnh.  - Thương Liên, hai chị em quyết định về nhà lấy áo bông của em Duyên xấu số, giấu mẹ mang cho Hiên.  - Chuyện đến tai bà vú, sợ bị mẹ phát hiện và mắng, hai chị em đi tìm duyên đòi lại áo, nhưng không tìm được bạn, không dám về nhà.  - Mẹ Hiên mang áo bông trả lại, mẹ Sơn và Lan cho vay tiền mua áo ấm cho Liên.  **Trình tự của các sự việc:**  - Trình tự thời gian  -Trình tự diễn biến tâm trạng  =>Cốt truyện viết về câu chuyện đời thường, giản dị, giàu chất “thơ” |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 8**  - Hình thức: Làm việc nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** **TÌM HIỂU BỐI CẢNH CHỊ EM SƠN CHO ÁO BÔNG**  **?**Các chi tiết miêu tả gia đình Sơn?  Các chi tiết miêu tả lũ trẻ con nhà nghèo?  Em hình dung gì cuộc sống được miêu tả ở trong truyện?   |  |  | | --- | --- | | Các chi tiết miêu tả gia đình Sơn | Các chi tiết miêu tả lũ trẻ con nhà nghèo | | Thời gian, cảnh vật thiên nhiên:....................................................................................................................................................................................................................................................... | | |  |  | | Nhận xét? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | Các chi tiết miêu tả gia đình Sơn | Các chi tiết miêu tả lũ trẻ con nhà nghèo | | Mùa đông rét mướt ập tới, không báo trước, cây cối cũng như se sắt lại vì rét. | | | - “Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo,... đống quần áo rét.”  - “ Sơn đã mặc xong áo ấm: cả cái áo dạ chỉ đỏ... thâm dài”.  - “Nhà Sơn quay lưng vào chợ, cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào tay mượn ở nhà Sơn.” | - “Chúng nó thấy chị em Sơn ...chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy.”  - “ Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường... hàm răng đập vào nhau”.  - “Sơn bây giờ mới chợt nhớ đến là mẹ cái Hiên rất nghèo ...cho con nữa.” | | Nhận xét: Sơn và Lan là hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả, còn những đứa trẻ hàng xóm sống trong sự nghèo khổ. Cuộc sống của nhiều đứa trẻ rất nhọc nhằn, thậm chí không có cả áo ấm mặc mùa đông giá rét. | |   ? Thông qua bối cảnh, em hiểu thêm gì về phong cách của nhà văn Thạch Lam?  Một Thạch Lam rất êm dịu, nhẹ nhàng. Dù một ý chợt đến, một việc chợt nảy ra, một hình sắc chợt để mắt tới, một hương vị thoáng qua, thế là cả một đoạn đời sống súc tích rung động và nổi dậy. | **b) Bối cảnh** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  - Có những nhân vật nào xuất hiện trong văn bản?  - Các nhân vật thường được khắc họa qua những yếu tố nào?  Tên tuổi, lai lịch  Ngoại hình  Thế giới nội tâm (tâm trạng, suy nghĩ)  Lời nói  Hành động  Trong mối quan hệ với các nhân vật khác  ? Trong truyện nhân vật “tôi” được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?  - Tâm trạng, suy nghĩ  Diễn biến tâm trạng  - Làm thế nào để khai thác được diễn biến tâm trạng của nhân vật?  - Tâm trạng nhân vật “tôi” thể hiện như thế nào trong chuyện?  - Tại sao nhân vật lại có tâm trạng như vậy?  - Tại sao tác giả tập trung khai thác dòng tâm trạng của nhân vật mà không phải các yêu tố khác?  **Dòng tâm trạng của nhân vật:**  + Đọc kĩ văn bản. Đọc và gạch chân các từ khóa, chi tiết quan trọng  + Hoàn thành bảng thống kê. Diễn biến mạch cảm xúc.  + Nhận xét, lí giải. Nghệ thuật diễn tả tâm lí  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đặc biệt trong truyện tác giả đã chú ý miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật Sơn trước và sau khi cho áo  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG NHÂN VẬT SƠN TRƯỚC VÀ SAU KHI CHO ÁO   |  |  | | --- | --- | | **1. Trước khi cho áo** |  | | **2. Sau khi cho áo** |  | | **3. Phẩm chất** |  | | **4. Nghệ thuật** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **2. Nhân vật**  - Sơn, Lan, Hiên và những đứa trẻ nghèo, Hai bà mẹ (mẹ Sơn và mẹ Hiên) |
| |  |  | | --- | --- | | **Trước khi cho áo** | + Khi nhìn thấy Hiên đang đứng “co ro” bên cột quán, trong gió lạnh chỉ mặc có manh “áo rách tả tơi”, “ hở cả lưng và tay” Sơn đã “động lòng thương” và chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở vườn nhà.  + Sơn đã nói với chị Lan cho Hiên chiếc áo bông cũ. | | **Sau khi cho áo** | Lúc Sơn yên lặng đợi chờ chị Lan về nhà lấy áo trong lòng tự nhiên thấy “ấm áp vui vui” | | **Phẩm chất** | Một cậu bé sinh ra trong gia đình khá giả, nhưng có trái tim nhân ái, biết đồng cảm với nỗi khổ của người khác. Cậu không hề khinh thường họ mà còn thương cảm họ nhiều hơn và biết giúp đỡ họ. | | **Nghệ thuật** | Tác giả khắc họa nhân vật qua nhiều yếu tố: ngoại hình, lời nói, hành động ... nhưng đặc biệt chú trọng vào diễn biến tâm trạng, suy nghĩ. | | |
| **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Sau đó, Sơn đòi đi đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm thiện cảm với nhân vật không? vì sao?**  + Không, vì nét tâm lý rất trẻ con hồn nhiên em sợ mẹ mắng, em nhận ra mẹ rất quý chếc áo bông ấy.  + Có, vì hành động trẻ con, Hiên không xin, Sơn đã tự cho còn đòi lại  Nếu em là Sơn...  + Đòi lại áo như trong truyện  + Tự mình nói với mẹ về lí do cho Hiên áo bông. Thuyết phục mẹ để mẹ hiểu việc làm ý nghĩa của mình.  **? Cách ứng xử của hai bà mẹ?**  Mẹ Hiên: không đồng ý cho con nhận đồ của người khác =>dù nghèo khổ nhưng có lòng tự trọng  + Mẹ Sơn: mắng yêu con, ôm con vào lòng và cho mẹ Hiên vay tiền.=> nhân hậu, trọng tình nghĩa  Chuyện Sơn cho Hiên áo và cách ứng xử của hai bà mẹ |  |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **TIẾT 9:**  - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, chia sẻ  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  | | --- | --- | | **Biểu hiện** | **Gió lạnh đầu mùa** | | Bức tranh thiên nhiên lúc gió lạnh đầu mùa. |  | | Nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của các nhân vật |  | | Tình cảm trong sáng của những tấm lòng nhân hậu bao dung |  | | Truyện có nhiều chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm, được diễn đạt với lối văn trong sáng, truyền cảm phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn. |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **3. Chất trữ tình**  - Bức tranh thiên nhiên lúc gió lạnh đầu mùa.  - Nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của các nhân vật  - Tình cảm trong sáng của những tấm lòng nhân hậu bao dung  - Truyện có nhiều chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm, được diễn đạt với lối văn trong sáng, truyền cảm phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn. |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu đề tài, chủ đề của truyện?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Tại sao tác giả lại đặt nhan đề là “ Gió lạnh đầu mùa”?  **Nhan đề:**  + Gợi ra làn gió lạnh tràn về, làm se sắt những chiếc lá, bao trùm lên vạn vật  + Tình yêu thương  **Nhưng trong những ngày giá lạnh ấy, tình yêu thươngđã thắp lửa, sửa ấm trái tim con người**  **=> Câu chuyện ấm áp về tình người, tình đời** | **4. Đề tài, chủ đề**  **Đề tài:** Cuộc sống của những đưa trẻ nghèo trong cơn gió lạnh đầu mùa  **Chủ đề:** Ca ngợi vẻ đẹp của những tấm lòng nhân ái, tình yêu thương con người. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  + Truyện kết hợp phương thức tự sự, với miêu tả vàbiểu cảm.  + Khắc họa chân thực tâm lý trẻ thơ trong sáng, hồn nhiên. + Chất trữ tình toát lên từ các yếu tố hình thức và ngôn ngữ truyện.  **2. Nội dung:** Câu chuyện kể về cuộc sống của những đứa trẻ nơi phố chợ nghèo trong một ngày đầu đông và những tấm lòng trong sáng, nhân hậu bao dung của những con người nơi đây. |
| **3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**  - HS: Vẽ sơ đồ tư duy bài học | - Vẽ sơ đồ tư duy bài học |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**a) So sánh Hiên và Cô bé bán diêm**

**HIÊN**

- Có tên, diễn ra ở Việt Nam thế kỷ 20, người dân nghèo

- Thời gian: Đầu mùa đông=> Cái lạnh mới bắt đầu

- Tình thương: Hiên có được nhận được tình thương của mọi người xung quanh, mẹ, bạn bè - Kết: Có hậu, Hiên có áo ấm

**CÔ BÉ BÁN DIÊM**

- Không có tên, nước ngoài khắc họa rõ sự đối lập giàu nghèo

- Thời gian: khoảnh khắc giao thừa trời rất lạnh, có tuyết rơi.

- Tình thương: Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập mắng chửi bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ.

- Kết quả: Vừa có hậu vừa mang lại tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết.

. Cốt truyện của hai văn bản “**Tôi đi học” và “ Gió lạnh đầu mùa”** có gì giống nhau về cốt truyện?

**- Tôi đi học:** Kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

- **Gió lạnh đầu mùa:** Lan và Sơn giấu mẹ đem một chiếc áo bông tặng một người bạn nghèo

**Cốt truyện của hai truyện ngắn:**

+ Văn bản đều để lại sự việc sản dị, đời thường, giàu chất thơ.

+ Văn bản có những dòng cảm xúc, những diễn biến tâm trạng khác nhau của nhân vật

1. Bài học nhắc nhở con người về cách ứng xử của cá nhân trong phạm vi và hoàn cảnh cụ thể nào trong đời sống? Từ đó em rút ra bài học cho bản thân?

**– Phạm vi:** ngoài xã hội, trong cuộc sống rộng lớn

**- Hoàn cảnh:** Khi ta gặp những con người nghèo khổ và bất hạnh, thiếu may mắn

**-** Bài học ứng xử: hãy biết lắng nghe, quan sát, chia sẻ và đồng cảm, hãy yêu thương và cho đi

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.
* **Chuẩn bị bài sau:..**

TỰ ĐÁNH GIÁ.

\*\*\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập,

+ Chuẩn bị bài: Trợ từ, thán từ

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 3:

**TIẾT 10: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRỢ TỪ VÀ THÁN TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ thán từ.

- Thực hành làm các dạng bài tập nhận biết trợ từ, thán từ; phân tích chức năng của trợ từ, thán từ và tạo lập được đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy giúp các bạn chỉ ra các từ loại đã học trong các ví dụ sau:

- Tớ dùng để chỉ người, sinh vật, sự vật, sự việc, khái niệm, hiện tượng, đơn vị. (DANH TỪ)

- Khi muốn gọi tên các hoạt động hoặc trạng thái của con người và sự vật hiện tượng khác, các bạn sẽ sử dụng tớ. (ĐỘNG TỪ)

- Nhờ tớ mà các bạn có thể biết đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái...

- Khi bạn muốn chỉ số lượng hay số thứ tự của sự vật, tớ sẽ xuất hiện ngay! (SỐ TỪ)

- Tớ thường đi kèm danh từ, động từ, tính từ hoặc đại từ để bổ sung các ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ hay đại từ đó? (PHÓ TỪ)

|  |  |
| --- | --- |
| Số ít hoặc số nhiều | **mỗi** người, **các** bạn, **những** ai,... |
| Thời gian | **đang** đi, **đã** đến,... |
| Mức độ | **rất** đẹp, **hơi** khó, giỏi **lắm**,... |
| Cầu khiến | **hãy** đứng dậy, **đừng** về,... |
| Sự tiếp diễn | **vẫn** khoe, **cứ** nói,... |
| Sự diễn ra đồng thời, tương tự | **đều** biết , **cũng** nói,.... |
| Sự khẳng định, phủ định | **có** đến, **không** hiểu, **chẳng** cần |

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  năng được chia ra làm 5 loại

**Ô hay, thế đã nhớ chửa?**

**Xác định từ loại được bôi đỏ trong câu trên?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ loại** | **Đặc điểm** | **Chức năng** |
|  |  |  |

**Để hoàn thành được bảng này, chúng ta sẽ bước vào bài học hôm nay**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs hiểu ví dụ và nêu được khái niệm và phân loại trợ từ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **1. Trợ từ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**    TÌM HIỂU VÍ DỤ 1  (1) Nó đưa cho tôi mười ngàn.  (2) Nó đưa cho tôi **mỗi** mười ngàn.  (3) Nó đưa cho tôi **những**  mười ngàn.  (4) Nó đưa cho tôi mười ngàn **à**?  (5) Nó đưa cho tôi mười ngàn **cơ**.  Các câu 2,3,4,5 có gì khác so với câu 1?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **Điểm khác biệt**  Biểu thị sự đánh giá về số lượng: ít(mỗi)  Biểu thị sự đánh giá về số lượng: ít(những)  Thể hiện mục đích hỏi và tình cảm thân mật của người nói(à)  Chỉ sự thân mật( cơ)  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **a) Tìm hiểu ví dụ** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1   |  |  | | --- | --- | | **TRỢ TỪ** | | | Khái niệm |  | | Phân loại |  | | Ví dụ |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**     |  |  | | --- | --- | | **TRỢ TỪ** | | | Khái niệm | Là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói. | | Phân loại | Đi kèm các từ ngữ trong câu: chính, đích, ngay, cả. Ở cuối câu: à, ư, nhỉ, nhé, cơ, cơ mà, thôi. | | Ví dụ | Tôi còn **tận** năm ngày để ôn thi. Mai mình đi chơi **nhé!** |   **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | b) Nhận xét:  - **Khái niệm:** Là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói.  **- Phân loại:** Đi kèm các từ ngữ trong câu: chính, đích, ngay, cả. Ở cuối câu: à, ư, nhỉ, nhé, cơ, cơ mà, thôi.  **- Ví dụ:** Tôi còn **tận** năm ngày để ôn thi. Mai mình đi chơi **nhé!** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm trợ từ trong những câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Ý nghĩa** | | a) Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học. (Thanh Tịnh) |  |  | | b) Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. (Thanh Tịnh) |  |  | | c) Các em đừng khóc. Trưa nay, các em được về nhà cơ mà. (Thanh Tịnh) |  |  | | d) Con Hiên không có áo à? (Thạch Lam) |  |  | | e) Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư? (Thạch Lam) |  |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**a. Trợ từ: chính  Tác dụng: Nhấn mạnh sự vật nêu ở chủ ngữ( lòng tôi)  b. Trợ từ: cả  Tác dụng: Nhấn mạnh sự quên hết thảy, quên cả mẹ của nhân vật “tôi”  c. Trợ từ: cơ mà  Tác dụng: Biểu thị tình cảm thân mật, gần gũi của ông đốc  d. Trợ từ: à  Tác dụng: Thể hiện mục đích hỏi và tình cảm thân mật của mẹ dành cho hai con của mình  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | c) Thực hành |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Trong các từ in đậm dưới đây, từ nào là trợ từ? Vì sao?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Ý nghĩa** | | a) Vì có những hôm đi chơi suốt **cả**ngày với chúng bạn ở đồng làng Lê Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết. (Thanh Tịnh) |  |  | | b) Trước sân trường làng Mỹ Lý dày đặc **cả** người. (Thanh Tịnh) |  |  | | c) **Chính** lúc này, toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp. (Thanh Tịnh) |  |  | | d) Nhân vật **chính** là nhân vật then chốt của cốt truyện, giữ vị trí trung tâm trong việc thể hiện đề tài, chủ đề và tư tưởng của tác phẩm. (Theo Từ điển thuật ngữ văn học, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng Chủ biên) |  |  |   Gợi ý: **LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TRỢ TỪ?**  1. Đọc câu văn và xác định từ in đậm, nhấn mạnh hoặc sắc thái câu có gì đặc biệt?  2. Thử bỏ từ in đậm ra khỏi câu để xem nội dung câu văn có thay đổi hay không?  3. Trường hợp từ in đậm làm sắc thái câu thay đổi và khi bỏ từ ngữ nội dung không thay đổi thì có thể xác định từ in đậm là trợ từ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**  **b)**Nhấn mạnh từ ngữ phía sau( người)  **c)** Nhấn mạnh trạng ngữ ( lúc này)  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| a) Mục tiêu: Hs hiểu ví dụ và nêu được khái niệm và phân loại thán từ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **2. Thán từ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  TÌM HIỂU VÍ DỤ 2: Các từ in đậm có ý nghĩa gì?   1. Con **ơi**, con đang làm gì thế? 2. **Dạ**, con đang nghĩ vẩn vơ ạ. 3. **Ô hay**, giờ nào rồi mà còn ngồi nghĩ nghĩ vẩn vơ hở con? 4. **Trời ơi**, con vừa làm xong hết bài văn đấy mẹ!   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **Điểm khác biệt**  Tiếng gọi: **ơi**  Biểu thị cảm xúc ngạc nhiên: **ô hay**  Tiếng đáp: **dạ**  Biểu thị cảm xúc chán nản, mệt mỏi: **trời ơi**  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **a) Tìm hiểu ví dụ** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1   |  |  | | --- | --- | | **TRỢ TỪ** | | | Khái niệm |  | | Phân loại |  | | Ví dụ |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**   |  |  | | --- | --- | | **TRỢ TỪ** | | | Khái niệm | Là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói. | | Phân loại | Đi kèm các từ ngữ trong câu: chính, đích, ngay, cả. Ở cuối câu: à, ư, nhỉ, nhé, cơ, cơ mà, thôi. | | Ví dụ | Tôi còn **tận** năm ngày để ôn thi. Mai mình đi chơi **nhé!** |   **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **b) Nhận xét:**  - **Khái niệm:** Là những từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết hoặc dùng để gọi đáp.  **- Phân loại:**  + Bộc lộ tình cảm, cảm xúc: **ái, ô hay, a ha, trời ơi...**  + Gọi đáp: **này, ơi, dạ, vâng,...**  **- Ví dụ:**  + **Này**, cậu đi đâu đấy?  + **Giời ơi**! tớ phải đi làm bài thi đây này? |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm thán từ trong những câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng:  a) A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây. (Thạch Lam)  b) Ừ, phải đẩy. Để chị về lấy. (Thạch Lam)  c) Ôi chào, sớm với muộn thì có ăn thua gì. (Thạch Lam)  d) Vâng, bà để mặc em.... (Kim Lân)  e) Ô hay, thể là thế nào nhỉ? (Kim Lân)  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  a. Thán từ: A. Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc vui sướng, ngạc nhiên  b. Thán từ: Ừ. Tác dụng: dùng để đáp lời.  c. Thán từ: Ôi chào. Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc chán nản, than vãn  c. Thán từ: Vâng. Tác dụng: dùng để đáp lời.  d. Thán từ: Ô hay. Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc, ngạc nhiên  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **c) Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6: Trong các từ in đậm ở những câu dưới đây, từ nào là thán từ? Vì sao?  a) Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng **ấy** nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. (Thanh Tịnh)  b) **Ấy**, rẽ lối này cơ mà. (Kim Lân)  c) Con đường **này** tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. (Thanh Tịnh)  d) **Này**, thầy nó ạ. (Kim Lân)  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  a. Không phải là thán từ vì từ ấy ở đây là để chỉ cảm giác của nhân vật tôi.  b. Là thán từ dùng để bộc lộ cảm xúc.  c. Không phải là thán từ vì từ này ở đây dùng để chỉ con đường.  d. Là thán từ dùng để gọi đáp.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) kể về một kỉ niệm của em, trong đó có sử dụng ít nhất một trợ từ hoặc một thán từ. Chỉ ra trợ từ (hoặc thán từ) trong đoạn văn đó.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thức** | **Nội dung** |
| Đoạn văn  Dung lượng 6 – 8 dòng  Có trợ từ hoặc thán từ và chú thích rõ | Kể về một kỉ niệm của em:  + Không gian  + Thời gian  +Người tham gia  + Sự việc chính  + Cảm xúc, suy nghĩ.... |

**Tham khảo đoạn văn:** Ai ai trong cuộc đời này cũng có những kỉ niệm đáng nhớ, em cũng vậy. Kỉ niệm đáng nhớ nhất nhất trong cuộc đời em đó là ngày đầu tiên em đi học lớp một. Khi ấy trường học là một nơi thật xa lạ trong mắt em. Bước tới cổng trường trong cái nắm tay của mẹ em vô cùng hồi hộp. Sân trường đông đúc với những tiếng loa gọi tập trung của cô giáo tổng phụ trách khiến cho em cảm thấy lo lắng, em đã nắm chặt lấy tay mẹ. **Chính** lúc ấy, mẹ em đã buông nắm tay ra để em xếp hàng vào lớp, em đã cảm thấy lo sợ vô cùng bởi đó là lần đầu tiên em thấy mình xa mẹ đến vậy. Sau này khi đã quen hơn với việc tới lớp, em không còn sợ hãi như lần đầu tiên ấy nữa những đó vẫn mãi là một kỉ niệm khó phải trong kí ức của em.

Trợ từ: Chính

**\* Kết luận, đánh giá.**

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thành bài tập

**- Chuẩn bị bài sau:** Người mẹ vườn cau

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tuần 3:**

**Tiết 11: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: NGƯỜI MẸ VƯỜN CAU**

**(NGUYỄN NGỌC TƯ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thực hành kĩ năng đọc thơ với các yêu cầu cụ thể: nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ và đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thông điệp, thái độ của người kể chuyện thông qua văn bản.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kĩ năng đọc

**2. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Bồi dưỡng lòng biết ơn, trân trọng quá khứ.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Chia sẻ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, chia sẻ

***GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Nếu được viết về mẹ em sẽ viết về những gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Từ chương trình lớp sáu trải dài cho đến chương trình lớp tám, chúng ta cũng sẽ tiếp tục bắt gặp hình ảnh người mẹ như vậy ở trong những trang thơ, trải dài trên những trang văn nữa. Ngày hôm nay vẫn cứ tiếp tục nối dài những yêu thương về mẹ, chúng ta sẽ được tìm hiểu những trang văn rất đẹp cũng đông đầy xúc cảm, một hình ảnh người mẹ rất là quen thuộc, rất là bình dị cũng với tình yêu thương như vậy nhưng cũng vô cùng đặc biệt. Và không biết là hình ảnh người mẹ ấy đặc biệt như thế nào, Nguyễn Ngọc Tư thể hiện thành công ra sao ở trong một truyện ngắn có tên là “Người mẹ vườn cau”.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  - Sử dụng phần mềm PowerPoint  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  ĐỌC SAO CHO HAY:  + Đọc rõ ràng ngắt nghỉ đúng. Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng như lời tâm tình.  + Đọc phân vai, phân biệt lời của người kể và nhân vật.  + Thể hiện được tình cảm, cảm xúc và tâm trạng của nhân vật tôi dành cho người mẹ vườn cau.  + Chiến thuật đọc liên hệ, dự đoán, đặt câu hỏi, tưởng tượng  CÙNG SUY NGẪM:  - Tại sao đặt tên truyện là : Người mẹ vườn cau”?  - Tại sao ba lại bảo bà nội là một bà mẹ anh hùng?  - Tưởng tượng về vườn đầy trái chín của nội?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  | | Ngôi kể |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu từ khó**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **1** | *Lẹp nhẹp* | Tiếng do vật ướt và dính lại mà phát ra | | **2** | *Oành oạch* | Mô phỏng tiếng ngã mạnh và liên tiếp xuống nền đất | | **3** | *Tong tong* | Chỉ tiếng nước nhỏ thành giọt nhanh, đều đều từ trên cao | | **4** | *Huyên thuyên* | Nói lan man từ chuyện này đến chuyện khác, không có hồi kết | | **5** | *Tòn tọt* | (uống) rất nhanh và nhiều | | **6** | *Nheo nheo* | Cố co mắt lại để nhìn vật nào đó ở quá xa hay quá gần so với tầm nhìn | | **7** | *Xập xoài* | Từ tượng thanh miêu tả tiếng mưa | | **1.** **Tác giả:** Nguyễn Ngọc Tư  **2. Văn bản**  **- Xuất xứ:** Trích từ tập truyện “Xa xóm Mũi”  **- Thể loại:** Truyện ngắn  - **Phương thức biểu đạt**: Tự sự, miêu tả, biểu cảm  - **Ngôi kể**: Thứ nhất  -> Thể hiện được những cảm xúc, cách nhìn cùng tiếng nói nội tâm của nhân vật tôi khi bày tỏ nỗi niềm về người bà của mình. |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu cốt truyện và bối cảnh  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Tìm hiểu cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện? |  | | 2. Trình tự của các sự việc? |  | | 3. Nhận xét? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện? | - Đề văn cho hai chữ “người mẹ”, “tôi” cắn bút suy nghĩ xem nên viết thế nào.  - “Tôi” nhớ về lúc còn nhỏ, có một lần được ba dẫn về thăm nội vườn rau nhân dịp dỗ chú Sơn; nhờ đó “tôi” hiểu được hoàn cảnh và cả tình yêu của nội dành cho các con.  - Rồi ba chuyển công tác lên tỉnh, ít khi về thăm nội, vườn cau nhận được quà quê của nội gửi, ba buồn rầu rủ “tôi” mai về nội vườn cau.  - Bài văn về mẹ của “tôi” được 4 điểm với lời phê “nghèo ý”. | | 2. Trình tự của các sự việc? | - Từ hiện tại với đề bài làm văn viết về mẹ, “tôi” quay trở về dòng kí ức ngập tràn hình ảnh của nội vườn cau  - Kết thúc truyện là hiện thực với điểm 4 bài tập làm văn vòn vẹn mấy dòng. | | 3. Nhận xét? | Cốt truyện gần gũi, đời thường nhưng chạm đến xúc cảm sâu kín. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu cốt truyện, tình huống**  a) Cốt truyện  \* Các sự việc chính trong truyện:  - Đề văn cho hai chữ “người mẹ”, “tôi” cắn bút suy nghĩ xem nên viết thế nào.  - “Tôi” nhớ về lúc còn nhỏ, có một lần được ba dẫn về thăm nội vườn rau nhân dịp dỗ chú Sơn; nhờ đó “tôi” hiểu được hoàn cảnh và cả tình yêu của nội dành cho các con.  - Rồi ba chuyển công tác lên tỉnh, ít khi về thăm nội, vườn cau nhận được quà quê của nội gửi, ba buồn rầu rủ “tôi” mai về nội vườn cau.  - Bài văn về mẹ của “tôi” được 4 điểm với lời phê “nghèo ý”.  \* Trình tự của các sự việc:  - Từ hiện tại với đề bài làm văn viết về mẹ, “tôi” quay trở về dòng kí ức ngập tràn hình ảnh của nội vườn cau  - Kết thúc truyện là hiện thực với điểm 4 bài tập làm văn vòn vẹn mấy dòng.  =>Cốt truyện gần gũi, đời thường nhưng chạm đến xúc cảm sâu kín. |
| - Hình thức: Làm việc nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tình huống trong truyện này là gì? Nhận xét về tình huống và phân tích vai trò của tình huống đó?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **b) Tình huống**  - Tình huống: Cô giáo giao đề bài làm văn về “người mẹ”.  - Nhận xét: tình huống giản dị, rất đời thường, không có xung đột, kịch tính.  - Vai trò: Góp phần bộc lộ tính cách và tình cảm của nhân vật tôi dành cho bà; rất nhẹ nhàng nhưng có khả năng đánh động vào tâm hồn người đọc. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  Có những nhân vật nào xuất hiện trong văn bản?( Tôi, Nội vườn cau, Ba, Chú Biểu)  Các nhân vật thường được khắc họa qua những yếu tố nào?  Tên tuổi, lai lịch  Ngoại hình  Thế giới nội tâm( tâm trạng, suy nghĩ)  Lời nói  Hành động  Trong mối quan hệ với các nhân vật khác  ? Trong truyện nhân vật “tôi” được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?  - Tâm trạng, suy nghĩ  Diễn biến tâm trạng  Làm thế nào để khai thác được diễn biến tâm trạng của nhân vật?  Tâm trạng nhân vật “tôi” thể hiện như thế nào trong chuyện?  Tại sao nhân vật lại có tâm trạng như vậy?  Tại sao tác giả tập trung khai thác dòng tâm trạng của nhân vật mà không phải các yêu tố khác?  **Dòng tâm trạng của nhân vật:**  + Đọc kĩ văn bản. Đọc và gạch chân các từ khóa, chi tiết quan trọng  + Hoàn thành bảng thống kê. Diễn biến mạch cảm xúc.  + Nhận xét, lí giải. Nghệ thuật diễn tả tâm lí  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc kĩ văn bản và hoàn thành hồ sơ nhân vật  Từ đó, rút ra phẩm chất, tính cách và ý nghĩa của hình tượng người mẹ vườn cau.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **2. Nhân vật**    \* Nhân vật Nội vườn cau |
| |  |  | | --- | --- | | 1. Tên tuổi, ngoại hình | - Tên: nội vườn cau, vì gắn liền với vườn cây bình dị thôn quê, nơi đó có hàng cau trước sân  - Tuổi: nội đã cao tuổi (tóc bạc trắng)  - Ngoại hình:  + gầy gò, cười phô cả lợi  + nhớ cái dáng còm cõi, lưng còng, nụ cười phúc hậu, đôi mắt già nua nheo nheo  + tóc nội cũng trắng phau phau, bàn tay bà nhăn nheo, gân guốc | | **2. Hoàn cảnh, gia đình** | + Nội có hai người con, đã hi sinh trong chiến tranh  + Nội sống một mình nơi căn nhà nhỏ nhiu, mà lá dột tong tong, con đường từ dưới biển lên nhà đất bùn lẹp nhẹp | | **3. Lời nói** | - Má tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm  - Tiên tổ mầy, sao mà giống cha quá vậy? | | **4. Hành động** | - Trong chiến tranh, Nội bán ve chai, đưa thư, đưa thức ăn, tin tức cho bộ đội  - Nội ra đòn hai bố con, nội làm cơm canh chua cá rô đồng, mắm kho, bông súng và gắp thức ăn cho tôi  - Nội cười vui như cái vui thức dậy sau đêm dài vươn mình ngắm bình minh  - Nội ôm tôi vào lòng và đưa võng  - Nắm tay tôi, đưa tôi ra vườn, mắc mùng cho tôi ngủ  - Đưa xâu ếch đầu mùa lên cho ba tôi | | **5. Trong mối quan hệ với các nhân vật khác** | Mọi người gọi nội là má, má rất đông con | | **6. Phẩm chất và ý nghĩa** | -> Một người mẹ già nua, nghèo khổ, chịu rất nhiều những đắng cay, vất vả, hi sinh trong chiến tranh; Về già, người mẹ ấy vẫn luôn đau đầu nghĩ và lo cho con cháu với tình yêu thương bình dị mà đong đầy, sâu sắc.  -> Biểu tượng cho những **bà mẹ Việt Nam anh hùng.** | | **7. Nghệ thuật** | Khắc họa nhân vật qua các chi tiết nhỏ nhưng giàu sức biểu cảm, khiến người đọc xúc động | | |
| **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu đề tài, chủ đề của truyện?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **4. Đề tài, chủ đề**  **Đề tài:**  Viết về bà mẹ Việt Nam anh hùng  Nhan đề: Danh từ chung để ngụ ý rằng trên dải đất Việt Nam ta, có rất nhiều những bà mẹ anh hùng như thế.  **Chủ đề:** Lời nhắc nhở phải biết ơn, thủy chung cùng quá khứ, lối sống đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Ngôi kể thứ nhất, bộc lộ nhiều xúc cảm, suy tư, tình huống và cốt truyện bình dị mà sâu sắc.  **2. Nội dung:** Những kí ức của tác giả về người bà nội- một người mẹ anh hùng giàu đức hi sinh và đáng thương.  => Qua đó, gửi gắm thông điệp về sự biết ơn và kính trọng những người đã hi sinh vì lí tưởng cách mạng, vì nền hòa bình độc lập và những người mẹ anh hùng. |
| **3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**  **- HS vẽ sơ đồ tư duy bài học.** |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn ngắn (10-12 câu) trình bày suy nghĩ của em với thông điệp được tác giả nêu trong truyện ngắn “Người mẹ vườn cau”( Nguyễn Ngọc Tư)

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

1. Chuẩn bị: Xác định thông điệp “Uống nước nhớ nguồn”; “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Biết ơn”.

2. Trình bày suy nghĩ của em:

- Nêu đánh giá của em: truyền thống quý báu của dân tộc, của một con người, vì vậy mọi người cần trân trọng, nâng niu.

- Truyền thống quý báu của xin tộc, tuy nhiên đã không còn phù hợp với lối sống hiện nay.

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cần tập trung phát triển kinh tế không cần nhìn vào quá khứ.

- Trong bối cảnh hiện đại, con người cần tập trung vào nhu cầu cao hơn, nên chỉ cần biết mà không cần có những hành động cụ thể.

- Giải thích- nêu biểu hiện của truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”.

- Mở rộng: Thực hành biết ơn cũng là cách nuôi dưỡng cảm xúc và yêu thương bản thân mình.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

**- Chuẩn bị bài:** Viết kể về một chuyến đi…

----------------------------------------------------------------------------------------------------

**Tuần 3,4**

**Tiết 12,13:** **VIẾT KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI HOẶC**

**MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ và rút ra được những bài học quý giá về những chuyến đi hoặc hoạt động xã hội mà em tham gia.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kỹ năng viết

**3. Phẩm chất:**

- Biết nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp với những con người, sự việc đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc trong những chuyến đi.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 12**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: quan sát hình ảnh

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy quan sát hai hình ảnh sau và cho biết các hình ảnh đó gợi ra trong em những suy nghĩ gì?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Chắc hẳn trong hành trình của chúng ta từ khi sinh ra cho đến thời điểm này, chúng ta đã có rất nhiều những chuyến đi, có rất nhiều những hoạt động, rất nhiều những trải nghiệm như vậy, có thể là cùng với cha mẹ, gia đình mình kể cả những người bạn của mình cùng với thầy cô, cùng ngôi trường của mình. Ngày hôm nay khi đọng lại trong tiết học này chúng ta hãy hồi tưởng lại những miền ký ước đó những trải nghiệm đó những hành động đó để chúng ta có thể đưa em trải nghiệm trải nghiệm, cảm xúc và suy nghĩ của mình.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được khái niệm, đặc điểm viết bài văn ....  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, chia sẻ  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội là gì?  **- Kể:** Thuật lại các sự việc theo trình tự thời gian, không gian, tâm trạng. Đan xen yếu tố miêu tả, bộc lộ cảm xúc....  **Ví dụ:** Tôi hiểu rằng nếu ta cho đi... ta nhận lại sự hạnh phúc và nụ cười của những người khác khi ta giúp đỡ họ.  - Một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội : Một sự kiện đã diễn ra để lại trong em nhiều cảm xúc, suy nghĩ.  **Ví dụ:** Chuyến đi du lịch cùng gia đình, hoạt động đoàn đội, các việc làm công ích, tình nguyện, giúp đỡ người già neo đơn.  - Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội : Kể lại sự kiện đã diễn ra, có kết hợp với yếu tố biểu cảm, miêu tả giúp người đọc hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của sự kiện đó.  **Ví dụ:** Về một chuyến đi cùng cả lớp, gia đình; một chuyến đi du lịch hay một chuyến đi thiện nguyện.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội   |  |  | | --- | --- | | **1** |  | | **2** |  | | **3** |  | | **4** |  | | **5** |  | | **6** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Yêu cầu của bài viết hay:**  - Một bài viết mở ra những điều thú vị, mới mẻ.  - Một bài viết chân thành, xuất phát từ trái tim, chạm đến xúc cảm của người đọc.  - Có những suy ngẫm sâu sắc, thể hiện được hiểu biết, trải nghiệm của người viết. | **a, Yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội**  - Chọn viết về một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.  - Trước khi viết, cần tìm hiểu kỹ đề, tìm ý và lập dàn ý.  - Viết bài văn tự sự, kể theo ngôi thứ nhất xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”, “ chúng em”.  - Cần kết hợp kể lại sự việc và miêu tả không gian, cảnh vật, thiên nhiên, con người; phát biểu những nhận xét, cảm nghĩ của bản thân. |
| a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng bài tập  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hoeẹn các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành**  **Đề bài:** Kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hoàn thành bảng sau để em biết mình cần làm gì ở bước 1  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Nhiệm vụ của phần chuẩn bị   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động** | **Kết quả** | | 1. Đọc kĩ đề và tìm hiểu đề |  | |  | |  | | 2. Liên hệ |  | | 3. Tìm hiểu các bài viết |  | | 4. Ghi chép tư liệu |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động** | **Kết quả** | | 1. Đọc kĩ đề và tìm hiểu đề | Kiểu văn bản: Tự sự | | Trọng tâm đề: hoạt động xã hội | | Phạm vi kiến thức: kiến thức thực tế, các hoạt động xã hội, kiến thức lịch sử, địa lí và thơ văn liên quan | | 2. Liên hệ | Những hoạt động xã hội nào em đã từng tham gia, chứng kiến và cảm xúc của em khi đó như thế nào. | | 3. Tìm hiểu các bài viết | Bài viết trên các trang mạng xã hội, trang mạng điện tử, sách, tạp chí,... | | 4. Ghi chép tư liệu | Những thông tin liên quan đến hoạt động xã hội mà em chứng kiến, tham gia bằng sơ đồ hay bảng thống kê, sketchnote một cách sáng tạo, ấn tượng. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.1. Thực hành viết theo các bước**  **Bước 1: Chuẩn bị**  **Bước 1:** Chuẩn bị trước khi viết: |
| - Hình thức: Thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Mở rộng hệ thống các ý lớn sau theo trình tự từ khái quát đến cụ thể    **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Dự kiến: | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.**  **Tìm ý**  **1. Mục đích:**  + Từ thiện  + Cải tạo môi trường  + Giúp đỡ bạn bè  + Giúp đỡ người thân  **2. Tổ chức**  + Thời gian  + Địa điểm  + Thành phần  **3. Quá trình hoạt động**  + Bắt đầu  + Hoạt động chính  + Kết thúc  **4. Kết quả hoạt động**  + Vật chất  + Tinh thần  **5. Ý nghĩa của hoạt động**  + Hiểu biết  + Bài học  **Lập dàn ý**  **Mở bài:** Giới thiệu khái quát: tên hoạt động xã hội và lý do tham gia của em (bằng ba đến bốn câu văn)  **Thân bài:**  + Hình thức tổ chức hoạt động  + Quá trình  + Kết quả.  **Kết bài:** Ý nghĩa và bài học sau khi tham gia hoạt động xã hội. |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 13**  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cần viết như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 3:** Viết bài  - Chia thời gian phù hợp với từng phần mở, thân, kết.  - Bám sát dàn ý, trình tự các hoạt động xã hội.  - Nêu được những sự kiện nổi bật trong chuyến tham quan.  - Chú ý đưa cảm xúc, suy nghĩ vào bài viết một cách tự nhiên, chân thành.  - Sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ kể, tả, biểu cảm, các phép tu từ cho bài viết sinh động |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cần kiểm tra và chỉnh sửa như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**  **+** Đọc lại bài văn đã viết để tự phát hiện các lỗi (về bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả...) và khắc phục.  + Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài văn của mình và cùng bạn đánh giá bài văn của bạn.  **Dựa vào bảng kiểm:** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: KIỂM TRA VÀ CHỈNH SỬA**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng đánh giá** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Thân bài kể chi tiết hoạt động xã hội theo trình tự thống nhất. |  |  | | Nội dung hoạt động được kể sinh động, giàu sức thuyết phục. |  |  | | Có sự kết hợp của yếu tố miêu tả, biểu cảm. |  |  | | Nêu được suy nghĩ, cảm xúc và suy nghĩ, bài học của hoạt động xã hội đó. |  |  | | Bài đủ ba phần, thân bài có tách đoạn |  |  | | Diễn đạt rõ ràng, ít gạch xóa |  |  | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
|  | **2. Rèn luyện kĩ năng viết mở bài và kết bài**  **1. Mở bài**  **+** Bắt đầu với 1 câu hỏi  + Trải nghiệm nhỏ  + 1 câu danh ngôn  + Giới thiệu trực tiếp |
| **Bắt đầu với 1 câu hỏi:**  Khi xem những thước phim trên máy kể về những bạn nhỏ nghèo khổ nơi vùng cao Tây Bắc, tôi lại tự hỏi: mình có thể làm gì để giúp các bạn ấy được tới trường, được đi học nhỉ? Và khi trường tôi tổ chức hoạt động “Áo ấm cho em” , hướng về những mảnh đời bất hạnh ấy, tôi đã không ngần ngại tham gia với niềm tự hào, vui sướng khi mình đã thực hiện được điều tôi mong ước bấy lâu.  **Bằng 1 trải nghiệm nhỏ.**  Và mùa đông lạnh giá năm trước, có lần tôi và mẹ cùng tới siêu thị mua đồ, trên đường về mẹ đã giận tôi lấy bánh quy xa chia cho mấy người vô gia cư cạnh đó. Tôi nhớ mãi ánh mắt sáng lên của họ lúc nhận được đồ ăn mà tôi tặng, điều đó đã khiến tôi thật hạnh phúc. Lớn lên, tôi càng muốn được tham gia nhiều hoạt động xã hội để giúp cuộc sống của những người xung quanh mình trở nên tốt hơn. Tôi còn nhớ mãi..... |  |
| **Ví dụ:** Chuyến đi đã khép lại nhưng lại mở ra trong tôi nhiều xúc cảm. Tôi chợt nhận ra rằng trong cuộc sống muôn màu này, có đôi mắt sáng thôi là chưa đủ, hãy dùng trái tim để quan sát, bạn sẽ biết yêu thương nhiều hơn. | **2. Kết bài:**  + Khẳng định ý nghĩa  + Nêu cảm nghĩ |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Lấy chủ đề: “Đông se lạnh - Ấm trong tim” em hãy viết một bài văn kể về một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa vào mùa đông mà em biết.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài về nhà : **ĐÔNG SE LẠNH - ẤM TRONG TIM**, em hãy viết một bài văn kể về một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa vào mùa đông mà em biết.

\*\*\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

+ Chuẩn bị bài: “ Nói và Nghe”

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 4 :

TIẾT 14: **NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**+** Xác định các tiêu chí cần biết để trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Nắm vững quy trình thực hành nói và nghe kể lại trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Thực hiện được một bài nói hoàn chỉnh.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Vần đề mà em thường quan tâm trong xã hội là vấn đề gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Hôm nay chúng ta cùng đi ôn tập “**NÓI VÀ NGHE TRÌNH ABYF Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI”**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1, Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?  ? Vấn đề xã hội là gì?  *+* Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | Vấn đề xã hội trong cuộc sống | Vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học | | - Giúp người cao tuổi - một việc làm đẹp  - Những hành vi đẹp và không đẹp trong khi tham gia giao thông đường bộ.  - Hãy đổ lỗi cho người khác một thái hư tật xấu cần tránh. | - Em hiểu thế nào là lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam.  - Truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc được gợi ra sau khi đọc truyện ngắn “ Người mẹ vườn cau” của Nguyễn Ngọc Tư? | | ***a. Định nghĩa***  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội là nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói, sử dụng các luận điểm xác đáng và bằng chứng tin cậy, cụ thể nhằm thuyết phục người nghe về một vấn đề xã hội. - - Vấn đề xã hội có thể là một câu hỏi cần trả lời, một điều cần giải quyết, một hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực hay vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực trong cuộc sống.  b. Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung theo bảng sau: |
| ? Khi xác định vấn đề cần trả lời các câu hỏi như thế nào? | **Xác định vấn đề**  **1, Nói cho ai nghe?**  Đối tượng lắng nghe: thầy cô bạn bè một người lạ người thân khác.  **2, Nói để làm gì?**  Mục đích: trình bày ý kiến của bản thân về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm và thuyết phục người nghe về vấn đề đó.  **3, Nói cái gì?**  Nội dung: một vấn đề là một hiện tượng trong đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm.  **4, Nói như thế nào?**  Hình thức: diễn đạt bằng lời nói, thực hành kể lại trước lớp, hoặc trước một người khác. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2, Thực hành**  Bài tập: Chọn một trong hai đề bài sau:  (1) Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng: “Hay đổ lỗi cho người khác”.  (2) Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam). |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bước 1:** Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 2)   Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam.  - Xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có).  **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý  Tìm ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam kể về chuyện gì?  → Văn bản Gió lạnh đầu mùa kể về kể về hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả tên là Sơn và Lan, luôn hòa đồng và gần gũi với những đứa trẻ trong phố huyện. Trong ngày trời chuyển lạnh, hai chị em ra chợ chơi thì thấy Hiên - cô bé hàng xóm đang co ro bên cột quán với manh áo mong manh, rách tả tơi. Sơn bàn với chị Lan đem chiếc áo bông cũ. Về đến nhà, người vú già nói với chị em Sơn mẹ đã biết chuyện. Sợ bị mắng, Sơn và Lan đến nhà Hiên đòi áo nhưng không thấy ai. Đến khi về nhà đã thấy mẹ con Hiên đem áo sang trả. Mẹ Sơn đã cho mẹ Hiên vay tiền để may áo cho con.  + Nội dung của truyện đặt ra vấn đề về lòng nhân ái như thế nào?  → Hai chị em đã tặng cho Hiên chiếc áo bông cũ để sưởi ấm qua mùa đông giá rét. Chi tiết này đã thắp sáng tình yêu thương, che chở và giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người. Đồng thời, truyện đã để nhiều cảm xúc trong lòng độc giả, thấm thía từng nỗi khổ đau, bất hạnh với hoàn cảnh éo le của người nghèo khổ. Qua đó thể hiện tình yêu thương bao la, sâu sắc, nồng ấm và thiêng liêng, giúp con người thêm trân quý cuộc sống này hơn.  + Em hiểu như thế nào là lòng nhân ái?  → Lòng nhân ái là sự yêu thương, là phẩm chất yêu thương giữa người với người, là sự chia sẻ, cảm thông cho nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn.  + Tại sao trong cuộc sống cần có lòng nhân ái?  → Để gắn kết bản thân với xã hội, con người sống rất cần phải có tấm lòng nhân ái. Nhân ái giúp ta nâng cao giá trị của bản thân mình, làm cho mối quan hệ giữa con người với con người càng trở nên tốt đẹp. Cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi chúng ta sống vì người khác, nhưng nó cũng trở nên đẹp đẽ và hạnh phúc hơn.  + Em sẽ làm gì để thể hiện lòng nhân ái?  → Luôn sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và giúp đỡ người khác khi người ta gặp khó khăn; Luôn yêu thương mọi người, sẵn sàng cho đi mà không mong nhận lại, không ích kỉ nhỏ nhen, tính toán thiệt hơn với người khác; Sống chan hòa với mọi người xung quanh, luôn mang những điều tích cực đến cho mọi người và lan tỏa được những thông điệp, hành động tốt đẹp ra xã hội.  Ngoài các câu hỏi nêu trên, các em có thể nêu thêm các câu hỏi khác.  - Lập dàn ý, tổ chức hệ thống các ý theo ba phần:  + Mở đầu: Nêu vấn đề cần trình bày.  + Nội dung chính: Lần lượt trình bày các nội dung chính đã chuẩn bị trong phần tìm ý.  + Kết thúc: Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống. |
| **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **Bước 3:** Thực hành nói và nghe  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ chưa đạt** | | Mở đầu | Có dẫn dắt và nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận |  | | Nội dung chính | Có nêu và làm rõ ý kiến của em về vấn đề |  | | Kết thúc | Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống. |  | |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).**\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).  **Gợi ý:** |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn.  Trong chương trình chúng ta được học và tìm hiểu về truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của nhà văn Thạch Lam. Đây là một truyện ngắn xuất sắc của Thạch Lam viết về đề tài trẻ em. Truyện đã giúp người đọc hiểu rõ hơn về phong cách nghệ thuật của Thạch Lam.  2. Nội dung chính  Tác giả đã khắc họa trước mắt người đọc hình ảnh thiên nhiên lúc giao mùa thật tinh tế. Chỉ sau một đêm mưa rào, trời bắt đầu nổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến khiến con người tưởng rằng mình đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, cậu thấy mọi người trong nhà, mẹ và chị đã trở dậy, ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Mọi người đều “đã mặc áo rét cả rồi”. Ở ngoài sân “Gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lăn những cái lá khô lạo xạo. Bầu trời không u ám, toàn một màu trắng đục”. Những cây lan trong chậu “lá rung động và hình như sắt lại vì rét”. Chỉ vài chi tiết nhưng người đọc đã thấy được sự chuyển biến về thời tiết, thiên.  Câu chuyện tiếp tục diễn biến, đem đến cho người đọc niềm đồng cảm sâu sắc. Mẹ Sơn đã bảo Lan - chị gái của Sơn vào buồng lấy thúng áo ra. Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét. Bà giơ lên một chiếc áo bông cánh xanh đã cũ nhưng còn lành. Đó chính là chiếc áo của Duyên - đứa em gái đáng thương của Sơn đã mất năm lên bốn tuổi. Người vú già đã “với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ”. Khi nghe mẹ nhắc về em gái, Sơn cũng cảm thấy “nhớ em, cảm động và thương em quá”. Cậu xúc động khi thấy mẹ “hơi rơm rớm nước mắt”. Chiếc áo bông chính là kỉ vật gợi nhớ về người em gái đã mất với biết bao tình yêu thương sâu sắc. Điều đó cho thấy tình cảm gia đình thắm thiết, sâu sắc.  Trái ngược với cuộc sống sung túc của gia đình Sơn. Những nhân vật trẻ em trong xóm trọ lại có hoàn cảnh thật bất hạnh. Nào tằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc - những đứa trẻ em nghèo khổ vẫn phải mặc những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Môi chúng nó “tím lại”, chỗ áo quần rách “da thịt thâm đi”. Gió lạnh thổi đến, chúng nó lại “run lên, hai hàm răng đập vào nhau”. Khi nhìn thấy Sơn và Lan trong những bộ quần áo ấm áp, chúng cảm thấy xuýt xoa, ngưỡng mộ. Hai chị em Sơn tỏ ra thân thiết với chúng chứ không khinh khỉnh như các em họ của Sơn.  Câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn khi Lan nhìn thấy Hiên đang đứng “co ro” bên cột quán, trong gió lạnh chỉ mặc có manh áo “rách tả tơi”, “hở cả lưng và tay”. Cả hai chị em đều cảm thấy thương xót cho con bé. Sơn chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt thoáng qua trong tâm trí Sơn - đó là đem chiếc áo bông cũ của em Duyên cho Hiên. Nghĩ vậy, cậu đã nói với chị gái của mình, nhận được sự đồng tình của chị. Chị Lan đã “hăm hở” chạy về nhà lấy áo. Còn Sơn thì đứng yên lặng đợi chờ, trong lòng tự nhiên thấy “ấm áp vui vui”.  Kết thúc đem đến cho người đọc nhiều điều ấn tượng. Hai chị em Sơn lo lắng khi người vú già biết mẹ đã biết chuyện hai chị em lén mang áo cho Hiên. Sơn cảm thấy lo lắng, sợ hãi và sang nhà tìm Hiên để đòi lại áo. Nhưng đó là một phản ứng bình thường của một đứa trẻ khi mắc lỗi và bị phát hiện. Đến khi trở về nhà, chị em Sơn vô cùng ngạc nhiên khi thấy mẹ con cái Hiên đang ở nhà mình. Mẹ Hiên đem chiếc áo bông đến trả mẹ của Sơn. Có thể thấy dù sống khó khăn, khổ cực nhưng bà vẫn giữ vững phẩm chất tốt đẹp: “Đói cho sạch, rách cho thơm”. Còn người mẹ của Sơn, sau khi nghe rõ việc, bà đã cho mẹ của Hiên mượn năm hào về may áo ấm cho con. Điều đó thể hiện mẹ Sơn là một người trái tim nhân hậu. Sau khi mẹ con Hiên về, mẹ Sơn không tức giận, đánh mắng con mà còn “vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm”.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề | |

**\* HDVN:**

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị bài 2: Soạn “Nắng mới”

**\* Gợi ý** : TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Theo em, nhân vật Na là người như thế nào?  
  
Na là một cô bé nhà nghèo nhưng chăm chỉ, đáng yêu, rất trân trọng tình bạn và hay khóc nhè trước trò đùa của nhân vật "tôi".  
  
2. Chi tiết “Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lắp bắp không ra tiếng.” thể hiện điều gì đang xảy ra trong tâm hồn nhân vật Na?  
  
 Na đang cảm thấy buồn, thất vọng, tức giận vì món quà chia tay mình tặng Di lại bị đem đeo cho một con vật.  
  
 3. Em suy nghĩ như thế nào về đoạn kết thúc truyện: “Hằng ngày, tôi lên lớp, cố tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!”?  
  
 Nhân vật "tôi" đang cảm thấy ân hận về hành động của mình trong quá khứ. Cậu muốn tìm kiếm bóng hình của Na để xin lỗi vì hành động của mình. Đây có lẽ sẽ là chăn trở trong suốt cuộc đời cậu.  
  
 4. Có người cho rằng: “Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng.”. Em nghĩ như thế nào về ý kiến trên?  
  
 Đồng ý, bởi xuyên suốt văn bản, người đọc được trải mình cùng những kỉ niệm của nhân vật "tôi", từ những kỉ niệm vui vẻ đến kỉ niệm buồn. Kết truyện khiến chúng ta phải cảm thấy hối tiếc. Truyện cũng nhắc nhở chúng ta phải biết cẩn thận trong từng hành động tưởng chừng như nhỏ nhặt, bởi nó có thể tạo thành vết thương lòng với người khác và khiến ta phải ân hận vì những gì đã qua.  
  
5. Chắc hẳn, em đã có lần vô tình làm cho người thân, bạn bè và những người xung quanh buồn phiền. Hãy kể lại sự việc ấy trong khoảng 6 – 8 dòng.  
  
 Trong cuộc đời ai cũng có lúc gây ra những lỗi lầm khiến cho những người xung quanh phải buồn phiền, em cũng vậy em đã làm một chuyện vô cùng không nên đó là nói dối. Hôm ấy cô giáo giao bài tập về nhà cho cả lớp nhưng buổi tối em lại muốn được đi chơi nên em đã nói dối mẹ rằng em không có bài tập. Sáng hôm sau, khi cô giáo kiểm tra vở em đã nói dối rằng do tối qua em bị ôm nên không thể hoàn thành bài. Em đã nói dối cả cô giáo và bố mẹ. Em áy náy vô cùng khi bị mẹ gặng hỏi chuyện ở lớp. Sau cùng em đã xin lỗi, nhận lỗi với bố mẹ em và cả lớp. Sau này nhất định em không bao giờ làm như vậy nữa.

**BÀI 2: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ (11 TIẾT)**

Tuần 5

**TIẾT 15,16,17: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: NẮNG MỚI**

**(LƯU TRỌNG LƯ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu thơ sáu chữ, bảy chữ theo quy trình đọc hiểu, làm rõ các yếu tố hình thức nội dung, nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết được bài thơ sáu chữ, bảy chữ

- Vận dụng làm bài theo yêu cầu

**2. Năng lực**

- Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển năng lực đọc

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức đọc mở rộng thêm các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ và biết yêu thương, trân trọng mẹ, những tình cảm về mẹ, về gia đình.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 15**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hình ảnh nào của mẹ mà ghi dấu ở trong trái tim ta nhiều nhất?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Trong muôn vàn những dấu yêu mà mẹ dành cho ta, trong muôn vàn những hình ảnh đong đầy trong trái tim của chúng ta về mẹ, nào là hình ảnh mẹ vất vả đưa ta tới trường, hình ảnh người mẹ đi làm cặm cụi kiếm từng đồng hào về để nuôi con, rồi là hình ảnh mẹ ốm, hay hình ảnh của mẹ rất rực rỡ trong những ngày kỷ niệm nào đó mẹ xinh xắn và tươi tắn như một nàng tiên. Rõ ràng hình ảnh củ mẹ đã trở thành nỗi nhớ, niềm thương ở trong lòng của rất nhiều những người con trong đó có cả những thi sĩ của chúng ta. Và ngày hôm nay chúng ta cũng quay lại với chủ đề rất quen ấy chúng ta sẽ được tìm hiểu một ý thơ, một tứ thơ rất lạ đó chính là bài thơ **Nắng mới (Lưu Trọng Lư)**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh nhắc lại đặc điểm của bài thơ 6 chữ , 7 chữ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. NHẮC LẠI ĐẶC ĐIỂM CỦA THỂ THƠ 6 CHỮ, 7 CHỮ.** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thơ là gì?  Thơ là một loại hình nghệ thuật của ngôn từ, âm thanh của thơ có vần, có điệu nhịp nhàng.  Lời lẽ của thơ ngắn gọn, hàm súc.  Một bài thơ hay giống như một bài ca, khiến người đọc rung động và đồng cảm với những tình cảm được thể hiện. Thơ là phương tiện truyền tải cảm xúc cũng như truyền tải những giá trị của cuộc đời.  **Nhóm 1+2:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ 6 chữ.  **Nhóm 3+4:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ 7 chữ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Thể thơ 6 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 6 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ) hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c) Nhịp thơ:** Thơ 6 chữ thường ngắt nhịp: 2/2/2; 2/4 hoặc 4/2, có khi 3/3  => Cách ngắt nhịp linh hoạt.  Ví dụ:  Nhà mình sát đường / họ đến  Có cho/ thì có là bao  Con không bao giờ / được hỏi  Quê hương họ/ ở nơi nào  ( Dặn con- Trần Nhuận Minh) |
|  | **2. Thể thơ 7 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 7 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ) hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c) Nhịp thơ:** Thơ 7 chữ thường ngắt nhịp: 4/3. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.  Ví dụ:  Tà áo nâu/ in giữa cánh đồng, Gió chiều cuốn bụi / bốc sau lưng. Bóng u / hay bóng người thôn nữ Cúi nón mang đi / cặp má hồng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  **Yêu cầu đọc:**  **Nhịp thơ?**  **Giọng điệu?**  -> Đảm bảo chính tả, nhịp thơ, giọng điệu thiết tha mềm mại  **Từ ngữ, hình ảnh:** Liên tưởng, tưởng tượng  Tìm hiểu từ khó:  + Đọc và gạch chân các từ khó  + Đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh  + Tra từ điển + Tưởng tượng hình ảnh, đặt câu để nhớ lâu  Giải thích từ khó:  + Não nùng: buồn đau tê tái và day dứt  + Xao xác: từ gợi tả vẻ rối loạn, nhớn nhác vì hoảng sợ của đám đông  **Đặt câu:** Tiếng than khóc não nùng  Xóm làng xao xác cả lên  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Xuất xứ |  | | PTBĐ |  | | Bố cục |  |  * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Đọc hiểu thơ, em cần chú ý đến những yếu tố nào?  **-** Thể loại và đặc trưng thể loại **(** thơ 7 chữ)  **-** Nhan đề  - Người bộc lộ cảm xúc, đối tượng hướng đến  - Bố cục, mạch cảm xúc  - Hình ảnh, nghệ thuật ngôn từ  - Đề tài, chủ đề  - Thông điệp | **1, Tác giả:**  Lưu Trọng Lư ( 1912-1991) quê Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam.  **2, Văn bản**  **- Xuất xứ:** In trong tập thơ “Tiếng thu” 1939  - Thể thơ: 7 chữ  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 16** | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** |
| a)Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Đặc điểm hình thức:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Đặc điểm hình thức**   |  |  | | --- | --- | | Số chữ |  | | Số khổ/dòng |  | | Ngắt nhịp |  | | Vần |  | |  |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**     |  |  | | --- | --- | | Số chữ | 7 chữ/ dòng | | Số khổ/dòng | 3 khổ thơ | | Ngắt nhịp | ¾, 4/3 | | Vần | vần chân, vần liền, vần cách |   **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| a)Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nội dung bài thơ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Tìm hiểu nội dung bài thơ** |
| Nhân vật bộc lộ cảm xúc ở đây là ai?( dựa vào lời đề từ, nội dung văn bản)  **Lời đề từ:** Tặng hương hồn thầy mẹ  **Lời thơ:** Tôi nhớ mẹ tôi  Hình bóng mẹ tôi chửa xóa mờ- Nhân vật bộc lộ cảm xúc là người con  ? Cần tìm hiểu nội dung bài thơ theo trình tự nào ?  - Bố cục:  **Khổ 1:** Bức tranh thiên nhiên nắng mới  **Khổ 2, 3:** Kí ức xưa cũ về người mẹ  -> Bức tranh thiên nhiên đánh thức kí ức  - Đan xen quá khứ và hiện tại, bài thơ là một hồi ức đẹp về người mẹ hiền từ. |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Bức tranh thiên nhiên nắng mới   |  |  | | --- | --- | | Bức tranh thiên nhiên hiện lên khi nào? |  | | Bức tranh thiên nhiên ấy hiện lên với các chi tiết nào? Ý nghĩa của các chi tiết đó? |  | | Ngoại cảnh đã đánh thức tâm trạng nào của nhân vật bộc lộ cảm xúc? |  | | Nhận xét về nghệ thuật của khổ thơ? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | a) Bức tranh thiên nhiên nắng mới |
| |  |  | | --- | --- | | Bức tranh thiên nhiên hiện lên khi nào? | Thời điểm: Mỗi lần, khi nắng mới hắt bên song | | Bức tranh thiên nhiên ấy hiện lên với các chi tiết nào? Ý nghĩa của các chi tiết đó? | Hình ảnh:sông=> Quen thuộc nơi quê hương, đã in đậm trong nỗi nhớ của tác giả.  **- Màu sắc**: nắng mới=> Nắng đầu mùa trong trẻo, tươi mới làm xốn xang lòng người, vừa là không gian gợi mở, đánh thức những xúc cảm, vừa soi rọi vào tiềm thức nhà thơ, gọi về những kỉ niệm đã xa của một thời còn mẹ. Đồng thời cũng làm cho hình bóng, của mẹ hiện lên trong nỗi nhớ tươi tắn, ấm áp và sâu đậm hơn.  **- Âm thanh:** tiếng gà trưa=> âm thanh buồn bã, não nề, mênh mông, xa vắng, hiu quạnh dễ gợi cái buồn của lòng người. | | Ngoại cảnh đã đánh thức tâm trạng nào của nhân vật bộc lộ cảm xúc? | Lòng rượi buồn, nhớ về thời dĩ văng, những kí ức của “những ngày không” ùa về. | | Nhận xét về nghệ thuật của khổ thơ? | - Hai từ láy gợi âm, gợi cảm nhiều hơn gợi tả: “xao xác”, “não nùng”.  - Nhà thơ bắt được khoảnh khắc nắng mới để khơi guồn cho kỉ niệm, chọn lọc các hình ảnh, chi tiết đắt giá, để gợi sự đồng điệu nơi người đọc. | | |
| ? Nhận xét về bức tranh thiên nhiên nắng mới?  - Không gian rộng, tĩnh lặng, nét buồn.  - Hình ảnh “nắng mới” có ấn tượng mạnh trong kí ức của nhân vật.  - Thiên nhiên đánh thức kí ức của con người. | - Không gian rộng, tĩnh lặng, nét buồn.  - Hình ảnh “nắng mới” có ấn tượng mạnh trong kí ức của nhân vật.  - Thiên nhiên đánh thức kí ức của con người. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 17**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Nắng mới đã đánh thức kỉ niệm xưa, cõi kỉ niệm ấy có những hình ảnh, thanh âm, màu sắc nào, hãy hoàn thành PHT  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Nỗi nhớ của con người   |  |  | | --- | --- | | Trước bức tranh thiên nhiên nắng mới, người con đã nhớ về ai, về điều gì? |  | | Người xuất hiện trong nỗi nhớ ấy được hiện lên qua những chi tiết nào? Nhận xét về hình ảnh con người trung tâm? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | Trước bức tranh thiên nhiên nắng mới, người con đã nhớ về ai, về điều gì? | Nhớ về người mẹ của mình:  Tôi nhớ mẹ tôi  Những ngày còn mẹ. | | Người xuất hiện trong nỗi nhớ ấy được hiện lên qua những chi tiết nào? Nhận xét về hình ảnh con người trung tâm? | Chi tiêt: khi nắng mới reo ngoài nội, Áo đỏ người đưa trước giậu phơi; Mẹ đi vào ra nụ cười đen nhánh sau tà áo  => Hình ảnh mẹ vui vầy, gắn liền với thiên nhiên “reo” vui, với những hoạt động và “đen nhánh”. | | b) Kí ức xưa của người con được tái hiện |
| **Nỗi nhớ của nhân vật trữ tình:**  - Mạch thơ liên tục, trải dài sang khổ hai để chuyển hoàn toàn về quá khứ.  + Hình ảnh người mẹ thân yêu của tác giả hiện lên, lúc đầu còn mờ nhạt nhưng càng về sau càng rõ nét và tràn đầy tâm trí.  -> Qua cách nói dường như đang cố nén niềm thương nhớ chỉ chực dâng trào, ta chợt hiểu ra và đồng cảm sâu sắc với nỗi buồn của tác giả: người mẹ ấy không còn nữa  + Từ “nắng mới” là cái nắng mỗi độ xuân về, khi mẹ tác giả thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt.  + Cũng là “nắng mới” nhưng cái nắng của quá khứ không “hắt bên song” buồn bã mà tràn đầy sức sống, niềm vui “reo ngoài nội” vì đó là nắng của những ngày còn mẹ.  + Từ “reo” như một nốt nhạc lảnh lót, tươi vui khiến câu thơ chợt bùng lên sức sống.  -> Hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thấp thoáng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu nhưng đã gây một ấn tượng mạnh mẽ trong lòng lòng người đọc. Đó có lẽ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, trìu mến, thương yêu nhất mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí.  - Mạch thơ quay về hiện tại, nhà thơ sực tỉnh nhưng vẫn chưa hết thổn thức, bồi hồi.  + Hình ảnh người mẹ vẫn còn đó, nơi đồng nội, giậu phơi, nơi hiên nhà, song cửa...=> Dường như đâu đâu cũng in bóng mẹ, vương hơi ấm của mẹ nên nỗi nhớ lúc nào cũng chỉ chực dâng trào.  - Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh “nụ cười đen nhánh”, như một nốt lặng cuối bản nhạc để dư ba, dư vị của ý thơ còn lan tỏa mãi trong lòng người đọc.  + Hình ảnh “ tay áo” đã đẩy “ nét cười” ra phía sau, tạo nên độ sâu cho bức tranh, đồng thời tăng lên sức duyên dáng, gợi cảm cho “nét cười”.  -> Hình ảnh người mẹ quá cố của nhà thơ từ đầu đến cuối chỉ được phác họa qua ba chi tiết: “nắng mới”, “áo đỏ” và “nét cười”, trong những giây phút xuất thần của họa sĩ – thi sĩ Lưu Trọng Lư, nó đã để lại một ấn tượng đẹp và sâu sắc.  -> Phải chăng là vì ta chợt bắt gặp trong hình ảnh đó một cái gì đó rất đỗi thân quen như mẹ ta mà cũng là của tất cả những người phụ nữ Việt Nam thầm lặng, hy sinh, thương yêu, chăm sóc chồng con suốt cả cuộc đời. |  |
| ? Nhận xét  - Cách tác giả đã tái hiện lại hình ảnh người mẹ bằng vài nét chấm phá đặc sắc. Nắng mới, phơi áo; áo đỏ, nụ cười đen nhánh  - Sử dụng hình ảnh, từ ngữ độc đáo, nghệ thuật đảo ngữ  đã giúp cho chúng ta có thể cảm nhận được cái kí ức ấy là kí ức đậm nét trong lòng người con, thấy được cả tình yêu thương mà tác giả dành cho mẹ, một nỗi nhớ theo thời gian không hề mờ phai và chúng ta cũng đồng cảm với nỗi đau của một người con, với nỗi buồn của một người con nay đã xa mẹ. | - Cách tác giả đã tái hiện lại hình ảnh người mẹ bằng vài nét chấm phá đặc sắc. Nắng mới, phơi áo; áo đỏ, nụ cười đen nhánh  - Sử dụng hình ảnh, từ ngữ độc đáo, nghệ thuật đảo ngữ  => Kí ức ấy là kí ức đậm nét trong lòng người con, thấy được cả tình yêu thương mà tác giả dành cho mẹ, một nỗi nhớ theo thời gian không hề mờ phai và chúng ta cũng đồng cảm với nỗi đau của một người con, với nỗi buồn của một người con nay đã xa mẹ. |
| Xác định mạch cảm xúc của bài thơ? (Bằng cách men theo bố cục bài thơ, chỉ ra nội dung của từng phần, trình tự mạch cảm xúc)  K1: Nói về bức tranh thiên nhiên nắng mới-> Cảm xúc của tác giả gợi buồn nhớ về những kỉ niệm xa xưa ngày còn có mẹ  K2,3: Là dòng chảy kỉ niệm, là hình ảnh của người mẹ hiện lên với cả nắng mới, với cả chiếc áo đỏ và với nụ cười đen nhánh=> Cảm xác của tác giả là cảm xúc u buồn, nỗi buồn khi không còn có mẹ nữa. Càng nhớ về mẹ bao nhiêu càng thấy cái nắng mới reo ngoài nội ngày xưa nó hắt hiu, nó hiu quạnh nó buồn, nó xao xác, nó não nùng bấy nhiêu. |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Từviệc tìm hiểu nội dung và mạch cảm xúc của bài thơ, xác định đề tài, chủ đề của văn bản ?  Tác giả viết về ai, về điều gì?  Viết về người mẹ, về những kỉ niệm thuở thiếu thời khi còn ở bên mẹ-> Đề tài quen thuộc, tình cảm  ? Thông qua đó muốn thể hiện điều gì? Thể hiện tình cảm nhớ nhung dành cho người mẹ của mình  Em có nhận xét gì về cách đặt nhan đề của văn bản?  ( **Gợi ý:** Khi phân tích nhan đề cần đặt ra các câu hỏi:  + Đấy là một nhan đề như thế nào?  + Nhan đề đấy được đặt tên theo cách nào? Nó là một chi tiết đã xuất hiên trong văn bản hay nó là một cụm từ, hay nó là một phép đảo ngữ, hay nó là một cụm danh từ, hay nó là một phép ẩn dụ...  + Nhan đề ấy có nghĩa là gì? Nắng mới là nắng như thế nào, nó liên quan gì đến chủ đề của tác phẩm)  **Nhan đề đẹp, giàu hình ảnh, nó ngay lập tức gợi ra cho ta màu nắng mới trong trẻo vô cùng**  + Được đặt tên từ một hình ảnh ấn tượng, xuất hiện trong văn bản( 2 lần), khơi nguồn cảm xúc của tác giả.  + Nhan đề gợi mở chủ đề của bài thơ: kí ức tuổi thơ khi còn có mẹ, tươi vui và ấm áp như màu nắng mới.  => **Nhan đề góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề văn bản** | **3. Chủ đề, đề tài, thông điệp**  **- Chủ đề:** Viết về người mẹ  **- Đề tài: T**ình cảm gia đình.  **- Thông điệp:**  **+** Hãy yêu thương và trân trọng mẹ, cùng những kí ức tuổi thơ bên mẹ.  + Tình cảm gia đình quí giá và thiêng liêng, sẽ đi theo ta trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm? | **III. Tổng kết**  **1, Giá trị nghệ thuật:**  - Thơ 7 chữ, giọng điệu trầm buồn  - Chọn lọc những từ ngữ gợi hình, gợi cảm  - Nhiều biện pháp tu từ đặc sắc  **2, Nội dung:** Tình cảm, cảm xúc nhớ thương mẹkhi nắng mớiđánh thức những kí ức tuổi thơ còn có mẹ của nhân vật trữ tình. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ sơ đồ tư duy  + Thể loại  + Nội dung bài thơ: Nhan đề, lời đề từ; mạch cảm xúc( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ), chủ đề, đề tài, thông điệp.  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV. LUYỆN TẬP:** Vẽ sơ đồ tư duy |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Theo em vì sao bài thơ có giọng điệu trầm buồn mà lại đặt tên nhan đề “ Nắng mới”  Gợi ý:  + Nắng mới là gì?  + Trong bài thơ “nắng mới” xuất hiện mang những ý nghĩa nào?  + Từ đó thấy được nhan đề góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm như thế nào?  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.    **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **V. VẬN DỤNG**  Theo em vì sao bài thơ có giọng điệu trầm buồn mà lại đặt tên nhan đề “ Nắng mới”  Gợi ý:  + Nắng mới là gì?  + Trong bài thơ “nắng mới” xuất hiện mang những ý nghĩa nào?  + Từ đó thấy được nhan đề góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm như thế nào? |
| Khi miêu tả về nắng mới tác giả đã lựa chọn 2 từ rất tinh tế (hắt, reo)  Có thể hoán đổi vị trí của hai động từ (hắt, reo) trong khổ thơ thứ nhất (mỗi lần nắng mới hắt bến song) và thứ hai “Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội” được không? Vì sao?  Gợi ý: Hoán đổi vị trí các từ cho nhau và đọc lại toàn bài có phù hợp với sắc thái của bài thơ hay không?  Trả lời 3 câu hỏi:  + Nghĩa là gì (hắt, reo là gì?)  + Điểm giống nhau của “hắt” và “reo” là gì?  + Điểm khác nhau của “hắt” và “reo” là gì? |  |

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập.

Trong ký ức tuổi thơ của nhân vật tôi ở bài “Nắng mới”, người mẹ hiện lên qua những hình ảnh được lựa chọn, để lại ấn tượng sâu đậm cho tác giả và người đọc.

Với mẹ, hình ảnh nào về người mẹ của mình khiến em thấy yêu thương nhất hãy chia sẻ bằng một đoạn văn khoảng tám đến 10 dòng.

+ Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn

+ Đảm bảo chính tả, ngữ pháp, dung lượng không lan man

+ Xác định kỷ niệm và chia sẻ lại

- Tìm đọc thêm những bài thơ của Lưu Trọng Lư

**\* Chuẩn bị bài sau:**Nếu mai em về Chiêm Hóa

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 5 :

**TIẾT 18,19: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HÓA**

**(MAI LIỄU)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu thơ sáu chữ, bảy chữ theo quy trình đọc hiểu, làm rõ các yếu tố hình thức nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết được bài thơ sáu chữ, bảy chữ

- Vận dụng làm bài theo yêu cầu

**2. Năng lực**

***-*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển năng lực đọc

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức đọc mở rộng thêm các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ và biết yêu thương và trân trọng vẻ đẹp quê hương mình, cội nguồn.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 18**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Địa danh chúng ta đang chuẩn bị dừng chân là ở đâu?

**Câu 1:** Cho biết các địa danh trong câu thơ sau đây thuộc tỉnh nào của nước ta?

Mình đi, mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa” (Tố Hữu)

A. Thái Nguyên

**B. Tuyên Quang**

C. Cao Bằng

D. Bắc Cạn

**Câu 2: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II được tổ chức tại địa phương nào?**

A. Khuổi Nậm, Cao Bằng

B. Đông Triều, Quảng Ninh

**C. Chiêm Hóa, Tuyên Quang**

D. Pác Pó, Cao Bằng

**Câu 3:** Việt Nam nổi tiếng với những vùng đất thiên nhiên hùng vĩ, cho biết Thác Bình Đa thuộc địa danh nào?

A. Bắc Yên, Sơn La

B. Y Tí, lào Cai

C. Mường Lay, Điện Biên

**D. Chiêm Hóa, Tuyên Quang**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy, với những câu hỏi tương tác ở phần đầu, chúng ta đã nhận ra được điểm mà chúng ta ngày hôm nay dừng chân, đó chính là địa điểm Chiêm Hóa của tỉnh Tuyên Quang. Nơi ấy đã đi vào muôn vàn những vần thơ rất nhiều những vần thơ hay, nói về sức sống bền bỉ của những con người nơi này, với về những vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi đây.Có một nhà thơ lớn lên, được nuôi dưỡng tâm hồn từ mảnh đất này và ông đã tạo ra, đã viết những vần thơ róc rách giống như là những dòng suối chảy ở giữa đại ngàn. Ngày hôm nay thì cô trò chúng ta sẽ cùng tìm về những vần thơ mà róc rách giống như là dòng suối chảy giữa đại ngàn ấy , bài thơ có tên **NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HÓA (MAI LIỄU)**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc đúng chính tả, ngắt nghỉ đúng nhịp  + Chú ý các thẻ chỉ dẫn bên tay trái; đặt câu hỏi, đọc kĩ  + Đọc tưởng tượng, liên tưởng, diễn cảm  + Giọng điệu nhớ nhung và thiết tha  **Lưu ý vài thao tác khi đọc:**  **Theo dõi:** số tiếng trong một dòng, vần, nhịp thơ.  **Hình dung:** Hình ảnh của vùng đất Chiêm Hóa trong nỗi nhớ.  **Theo dõi:** Tình cảm của nhân vật trữ tình với quê mình.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ |  | | PTBĐ |  | |  |  |  * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1, Tác giả:**  - Mai Liễu (1949-2020) là người dân tộc Tày sinh ra và lớn lên ở Tuyên Quang, sau đó chuyển công tác về Hà Nội.  - Phó chủ tịch Thường trực Hội nhà văn Tuyên Quang, Tổng biên tập báo Tân Trào,...  - Cả đời ông đau đáu về quê hương và có nhiều bài thơ viết về tình quê rất thành công, nổi tiếng với tập “ Suối làng”, “Mây vẫn bay”  **2, Văn bản**  **- Xuất xứ:** Tháng Giêng, Ất Hợi 1995, In trong tập “Thơ Mai Liễu”, NXB Hội nhà văn, Hà Nôi, 2015  - Thể thơ: 6 chữ  - Phương thức biểu đạt : biểu cảm |
|  | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** |
| a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Đặc điểm hình thức** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Đặc điểm hình thức**     |  |  | | --- | --- | | Đặc điểm dòng thơ |  | | Số dòng/ khổ  Số khổ/ bài |  | | Cách ngắt nhịp |  | | Gieo vần |  |   - Đánh dấu gạch chéo vào các vị trí ngắt nhịp  - Xác định các tiếng được gieo vần, phân biệt vần liền/cách ; chân/lưng | - Đặc điểm dòng thơ: 6 tiếng trên một dòng  - Đặc điểm khổ thơ:  4 dòng/ khổ  Có 5 khổ/ bài  - Cách ngắt nhịp: chủ yếu ngắt nhịp chẵn (2/4, 2/2/2)  - Gieo vần: vần chân, vần liền và vần cách. |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**     |  |  | | --- | --- | | Số chữ | 7 chữ/ dòng | | Số khổ/dòng | 3 khổ thơ | | Ngắt nhịp | ¾, 4/3 | | Vần | vần chân, vần liền, vần cách |   **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| a)Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nội dung bài thơ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Tìm hiểu nội dung bài thơ** |
| ? Đọc lại bài thơ, bài thơ có bố cục mấy phần ?  - Bố cục:  **Khổ 1+2:** Bức tranh thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hóa  **Khổ 3+ 4:** Vẻ đẹp con người trong mùa xuân  **Khổ 5:** Lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Công đoạn, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Bức tranh thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hóa  Nhóm 1: . Dựa vào nhan đề và khổ 1, 2 xác định những yếu tố sau đây:  - Người bộc lộ cảm xúc là ai ?  - Sự việc  - Không gian  - Thời gian  Nhóm 2: Em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?  Nhóm 3: Nghệ thuật đặc sắc của khổ 1, 2  **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **a) Bức tranh thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hóa** |
| Dự kiến sản phẩm :   |  |  | | --- | --- | | 1. Dựa vào nhan đề và khổ 1, 2 xác định những yếu tố sau đây:  - Người bộc lộ cảm xúc là ai ?  - Sự việc  - Không gian  - Thời gian | - Người bộc lộ cảm xúc là “ta” ( cho ta gửi nỗi nhớ cùng): người con của Chiêm Hóa.  - Khi mùa xuân đến, “ta” ở xa quê, nhớ da diết những nét xuân tươi vui nơi quê nhà. | | 2. Bức tranh mùa xuân  - Các hình ảnh chi tiết thể hiện bức tranh thiên nhiên mùa xuân.  - Nhận xét về bức tranh đó.  - Em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao? | - Các hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên:  + Mưa tơ rét lộc, mùa măng, sông Gâm “ đôi bờ cát trắng”, non Thần “ xanh ngút ngát”.  + Bức tranh có núi, sông, lộc non, mưa nhẹ; với gam màu xanh, trắng, đỏ tươi tắn và tinh khôi trần đầy sức sống, gợi được cái hồn của mùa xuân Chiêm Hóa. | | 3. Nghệ thuật đặc sắc của khổ 1, 2 | - Lựa chọn những hình ảnh đặc trưng của mùa xuân quê hương (sông Gâm, mùa măng, non Thần)  - Phép nhân hóa thổi hồn cho cảnh vật trở nên sinh động, căng tràn không khí xuân ngời. | | |
| Tác giả đã thể hiện cảm xúc nào trong khổ 1? | Tác giả thể hiện niềm yêu mến, nhớ thương những nét đẹp thiên nhiên bình dị quê mình khi xuân về. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Vẻ đẹp con người Chiêm Hóa trong mùa xuân   |  |  | | --- | --- | | 1. Dựa vào khổ 3, 4, chỉ ra các hình ảnh, chi tiết thể hiện vẻ đẹp của con người nơi Chiêm Hóa. |  | | 2. Cách nói “sắc chàm pha hương”, “mùa xuân lạc đường” có gì đặc biệt? |  | | 3. Nghệ thuật đặc sắc của khổ 3, 4. |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | Phiếu học tập sô 4, Vẻ đẹp của con người Chiêm Hóa | | | 1. Dựa vào khổ 3, 4, chỉ ra các hình ảnh, chi tiết thể hiện vẻ đẹp của con người nơi Chiêm Hóa. | - Cô gái Dao nào cũng đẹp, vòng bạc rung rinh, ngù hoa mơn mởn.  - Con gái bản Tày duyên quá, nụ cười môi mọng. | | 2. Cách nói sắc chàm pha hương, mùa xuân lạc đường có gì đặc biệt? | Phép nhân hóa tô thêm thắm nét đẹp của những cô gái Dao, cô gái bản Tày khi xuân về:  + Họ đẹp như khiên sắc áo chàm có pha thêm sắc hương của nắng thơm tho, làm xốn xang lòng người.  + Vẻ đẹp ấy còn khiến mùa xuân ngây ngất đắm say mà lạc cả đường. | | 3. Nghệ thuật đặc sắc của khổ 3, 4. | - Sử dụng nhiều tính từ gợi cảm, gợi tả: rung rinh, mơn mởn, duyên (dáng), môi (mọng),...  - Kết hợp với phép nhân hóa khiến lời thơ sinh động. | | **b) Vẻ đẹp con người Chiêm Hóa trong mùa xuân** |
| Vẻ đẹp con người Chiêm Hóa trong mùa xuân hiện lên như thế nào? | Say mê ngây ngất trước vẻ đẹp duyên dáng, căng tràn sức sống của những cô gái |
| Qua việc đọc hiểu nội dung của khổ 1,2,3,4 chúng ta đã thấy được mạch cảm xúc của bài thơ bắt đầu đi từ cái niềm yêu mến, nhớ thương những nét đẹp thiên nhiên của mùa xuân, những nét đẹp bình dị của cảnh quan, của quê hương mình khi mùa xuân về, tác giả đã mở rộng ra đấy chính là nỗi nhớ dành cho con người nơi này đặc biệt là tác giả say mê ngây ngất trước vẻ đẹp duyên dáng, căng tràn sức sống của những cô gái Dao đỏ, của những cô gái Tày. Và không biết được rằng ở phần cuối cùng khi đề cập đến lễ hội mùa xuân thì tác giả đã bộc lộ cảm xúc gì và trước những nét đẹp, nét riêng nào của lễ hội mùa xuân nơi Chiêm Hóa |  |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 19**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Đặc sắc l**ễ hội mùa xuân nơi Chiêm Hóa   |  |  | | --- | --- | | 1. Câu thơ nào đã được lặp lại ở khổ cuối? Ý nghĩa của sự lặp lại ấy là gì? |  | | 2. Tìm các từ đồng nghĩa với từ “về” trong dòng thơ “nếu mai em về Chiêm Hóa”. Theo em, vì sao nên chọn từ “về”? |  | | 3. Khổ cuối giúp em biết thêm nét đặc sắc nào của vùng đất này? |  | | 4. Nghệ thuật đặc sắc của khổ 5? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | Phiếu học tập sô 5. Đặc sắc lễ hội mùa xuân | | | 1. Câu thơ nào đã được lặp lại ở khổ cuối? Ý nghĩa của sự lặp lại ấy là gì? | - Câu thơ được lặp lại: Nếu mai em về Chiêm Hóa.  - Ý nghĩa: Tạo kết cấu đầu cuối tương ứng, khiến mạch thơ chặt chẽ; ý thơ được nhấn mạnh, thể hiện niềm mong nhớ của tác giả, muốn trở về quê hương Chiêm Hóa để sống trong không khí mùa xuân tươi vui. | | 2. Tìm các từ đồng nghĩa với từ “về” trong dòng thơ “nếu mai em về Chiêm Hóa”. Theo em, vì sao nên chọn từ “về”? | Các từ đồng nghĩa với từ “về”: quay lại, lại, đến,.... Nên chọn từ “về” vì nó tạo cho ta một cảm giác thân quen như người đi xa quay lại nơi mình có quan hệ gắn bó coi như nhà mình, quê hương mình, hoặc người nhà mình. | | 3. Khổ cuối giúp em biết thêm nét đặc sắc nào của vùng đất này? | Lễ hội lùng tùng lớn nhất tại Tuyên Quang, được tổ chức vào đầu xuân với nhiều ý nghĩa văn hóa. Trò chơi ném còn vào mỗi lễ hội đầu xuân với mong ước về một mùa màng bội thu, nhân dân no ấm và tìm được sợi tơ hồng trong tương lai, kết mối duyên lành. | | 4. Nghệ thuật đặc sắc của khổ 5? | Chỉ vài nét vẽ, tác giả đã tạo ra bức tranh khung cảnh lễ hội rộn ràng, nhộn nhịp của vùng quê Chiêm Hóa với những giá trị bản sắc văn hóa riêng. | | **c) Lễ hội mùa xuân nơi Chiêm Hóa** |
|  |  |
| Nhận xét về mạch cảm xúc?  + Mạch cảm xúc đi từ phần nào đến phần nào và kép lại ở phần nào?  + Mạch cảm xúc ấy là mạch cảm xúc như thế nào, mạch cảm xúc đặc biệt không? mạch cảm xúc đơn giản hay bình dị? mạch cảm xúc ấy theo trình tự thời gian hay không gian, hay theo trình tự xúc cảm của con người? |  |
| Mạch cảm xúc:  **Khổ 1+2:** Bức tranh thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hóa  **Khổ 3+ 4:** Vẻ đẹp con người trong mùa xuân  **Khổ 5:** Lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa  => Mạch cảm xúc với kết cấu giản đơn, bình dị, đi từ khung cảnh thiên nhiên đến con người và những rung cảm, nét đặc sắc riêng về cảnh sắc khi bước sang xuân tại quê hương, thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước. |  |
| => Mạch cảm xúc góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm, thể hiện nỗi nhớ, thể hiện tình yêu thương, thể hiện sự tự hào và trân trọng của tác giả về quê mình, sự liên kết chặt chẽ, mối liên kết chặt chẽ tình cảm của tác giả, nỗi nhớ của tác giả về quê.  ->để từ đó thể hiện thành công tình cảm của tác giả dành cho quê hương, nỗi nhớ, niềm yêu, và tình yêu sự trân trọng tự hào giành cho vẻ đẹp của quê mình. |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Từviệc tìm hiểu nội dung và mạch cảm xúc của bài thơ, xác định chủ đề và thông điệp của văn bản ? | **3. Chủ đề, đề tài, thông điệp**  **- Đề tài:** Viết về quê hương, nỗi nhớ khi xa quê=. Chủ đề thân thuộc với thơ Mai Liễu và với kho tàng thơ ca Việt Nam    **- Thông điệp:** Cần biết trân trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm? Những yếu tố cần chú ý khi đọc bài thơ 6 chữ?  Các yếu tố cần chú ý khi đọc bài thơ 6 chữ?( tiếng)  - Thể thơ:  + Mỗi dòng gồm 6 chữ( tiếng). Số lượng dòng không hạn chế.  + Vần chân: nhiều kiểu gieo vần( vần liền, vần cách, vần chân)  + Nhịp: thường ngắt nhịp 2/2/2 hoặc 2/4 đồng thời ngắt linh hoạt phù hợp với cảm xúc  - Bố cục  - Nhan đề bài thơ  - Trạng thái cảm xúc  - Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... | **III. Tổng kết**  **1, Giá trị nghệ thuật:**  - Thể thơ sáu chữ( tiếng) ngắn gọn, vần chân, nhịp chẵn.  - Cách diễn đạt giàu hình ảnh, từ ngữ dung dị.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. **2, Nội dung:** Tình yêu nỗi nhớ và cả niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp quê mình lúc xuân về. Sự gắn kết bền chặt của con người với quê hương với bản sắc dân tộc mình. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ sơ đồ tư duy  + Thể loại  + Nội dung bài thơ: Nhan đề, lời đề từ; mạch cảm xúc( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ), chủ đề, đề tài, thông điệp.  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV, LUYỆN TẬP:** Vẽ sơ đồ tư duy |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Giả sử sau dấu ba chấm “ Nếu mai em về ....”là tên vùng đất quê hương em, thì em sẽ chia sẻ những hình ảnh, chi tiết nào của quê hương mình ? Vì sao em lại chọn các chi tiết hình ảnh đó?  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.    **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **V. VẬN DỤNG**  Giả sử sau dấu ba chấm “ Nếu mai em về ....”là tên vùng đất quê hương em, thì em sẽ chia sẻ những hình ảnh, chi tiết nào của quê hương mình ? Vì sao em lại chọn các chi tiết hình ảnh đó?  **Gợi ý:**  **Chi tiết:** Thiên nhiên, con người, văn hóa  **Lí giải:**  + ý nghĩa  + Tinh thần, sự gắn bó |

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập.

Viết bài văn ngắn giới thiệu về một trong 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam.

**Gợi ý:** Đại bàn cư trú, trang phục, lễ hội- nghi lễ truyền thống, đặc sắc, món ăn, không khí....

- Tìm đọc thêm những bài thơ viết về quê hương

**\* Chuẩn bị bài sau:** THTV: Sắc thái nghĩa của từ

------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 5:

**TIẾT 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được khái niệm, vai trò và biểu hiện của sắc thái nghĩa của từ

- Thực hành luyện tập các dạng bài tập về sắc thái nghĩa của từ

- Thực hành sử dụng các từ ngữ có sắc thái phù hợp với hoàn cảnh trong môn học vào đời sống thực tế.

**2. Năng lực**

***-***  Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy tìm những từ ngữ bộc lộ những cung bậc cảm xúc của học sinh khi trở lại trường học được thể hiện trong bức tranh trên?

- Vui sướng

- Hạnh phúc

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học :** Cùng có tên gọi xúc cảm là niềm vui thì có rất nhiều sắc màu khác nhau. Kông chỉ riêng từ “niềm vui” có những sắc màu thú vị như vậy đâu, mà trong cuộc sống này, trong kho tàng từ vựng của chúng ta cũng có rất nhiều lần chúng ta bắt gặp những sắc màu, những sắc thái nghĩa của từ ngữ khác nhau. Ở đó chúng ta thấy được giá trị của từng từ ngữ và sự linh hoạt trong quá trình chúng ta sử dụng từ ở trong ngữ cảnh khác nhau sẽ phụ thuộc vào việc chúng ta có hiểu được sắc thái của những từ ngữ này như thế nào không. Bài học ngày hôm nay sẽ là cái nhịp cầu để giúp chúng ta hiểu hơn về sắc thái nghĩa của từ ngữ và giúp chúng ta có thể tự tin hơn dùng từ đúng, hợp lý và có giá trị.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs hiểu ví dụ và nêu được khái niệm và phân loại trợ từ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **1. Sắc thái nghĩa của từ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**      Hãy tìm những từ ngữ chỉ sắc vàng trong đoạn văn?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vàng xuộm  vàng hoe  vàng lịm | vàng ối  vàng tươi  vàng giòn | vàng mượt  vàng mới  vàng xọng |   Vàng xuộm: màu vàng đậm, lúa vàng xuộm là lúa đã chín  vàng hoe: màu vàng nhạt, tươi, ánh lên  vàng lịm: màu vàng của quả chín gợi cảm giác rất ngọt  vàng ối: vàng rất đậm, đều khắp trên mặt lá   * Những sắc vàng rất khác nhau   Gv: Như vậy chỉ cần đi qua bốn lượt mà chúng ta tìm hiểu bốn sắc thái vàng, chúng ta đã nhận ra rằng cùng là vàng đấy nhưng đây lại là những sắc vàng rất khác nhau. Qua đó ta mới nhận được ra được rằng là rõ ràng cùng là vàng, cùng là xanh, cùng là đỏ, cùng là tím mà mỗi một khi chúng ta sử dụng những từ xanh...vàng.... kèm theo những tiếng khác nhau đằng sau và chỉ ra những sắc thái bí ẩn rất riêng của gam màu đó. Đấy chính là cái lý do mà tại sao trong hôm nay để được coi là một đoạn văn rất là hay của Tô Hoài khi mà ông đã sử dụng rất nhiều những từ đồng nghĩa là từ cùng chỉ màu vàng nhưng nhờ sự tinh tế của mình khi mà sử dụng từ cùng chỉ màu vàng nhưng mang những sắc thái  màu vàng rất khác nhau thì Tô Hoài đã gợi ra được cái hồn của cảnh vật để nhận được ra sân bóng làng quê ấy giống với được quét một lớp sơn màu vàng nhưng lại là những sắc thái màu vàng rất khác nhau rất khác biệt của sự vật vô cùng phong phú.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **a) Tìm hiểu ví dụ**  **b) Nhận xét:** Nhiều từ cùng để chỉ màu vàng nhưng lại diễn đạt các sắc thái khác nhau.  Gợi ra liên tưởng khung cảnh giống như một bức tranh khung cảnh ngày mùa sống động với những sắc vàng khác nhau, hiệu ứng đậm- nhạt, xa- gần |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Sắc thái là gì?  Sắc thái nghĩa là gì?  Sắc thái nghĩa được phân loại thế nào?  Vai trò của sắc thái là gì?  Làm thế nào hiểu hơn về sắc thái nghĩa?  Ví dụ minh họa?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | c) Ghi nhớ  Khái niệm sắc thái nghĩa của từ:  + Là nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ  + Là những khác biệt rất nhỏ và tinh tế giữa các từ tương tự  - Vai trò:  + Tạo ra nét riêng sự phong phú của kho từ vựng  + Hiểu về sắc thái giúp ta lựa chọn từ ngữ để diễn đạt tốt hơn cảm xúc, suy nghĩ và phát triển vốn từ  **Ví dụ:**  Sắc thái miêu tả: xanh mượt, xanh biếc  Sắc thái biểu cảm: anh, kẻ, hắn, chàng.... |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **Tìm một từ đồng nghĩa với từ ngút ngát trong khổ thơ dưới đây và cho biết vì sao từ ngút ngát phù hợp hơn trong văn cảnh này.**  *Sông Gâm đôi bờ trắng cát* *Đá ngồi dưới bến trông nhau* *Non Thần hình như trẻ lại* *Xanh lên ngút ngát một màu.*  **(Mai Liễu, Mai em về Chiêm Hóa)**   |  |  | | --- | --- | | Từ đồng nghĩa với từ “ngút ngát” |  | | Tại sao từ “ngút ngát” phù hợp hơn? |  |   Dùng từ điển để tr nghĩa của từ  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  Gv: Lúc này khi dùng từ “ngút ngát” khiến cho câu thơ khiến cho sắc xanh có cảm giác trải dài theo độ cao lên trên cao, còn “ngút ngàn” không thấy mức độ của chiều cao và “bạt ngàn” cũng tương tự như vậy. Chưa kể là về mặt thanh âm, rõ ràng nghe không hay về sự kết hợp giữa thanh dấu “ngút ngát” trong trường hợp này hay hơn khiến câu thơ vút lên cũng vô cùng tươi vui mình có cảm giác đây không chỉ câu thơ miêu tả cái vẻ đẹp của sông Gâm, của Non Thần, cái màu xanh của dòng sông, của Non Thần này nữa mà dường như là từ cái tình yêu, nỗi nhớ của tác giả cảm nhận được vẻ đẹp của khung cảnh nơi dòng sông Gâm, nơi núi bách Thần. Từ “ngút ngát” ấy cũng giống như một nốt nhạc vút lên cao thể hiện một cảm xúc rất tươi vui của tác giả, niềm tự hào của tác giả, tình yêu của tác giả đối với quê hương của mình. | **Bài 1**  – Từ đồng nghĩa với từ “ngút ngát”: bạt ngàn, ngút ngàn,…  – Từ “ngút ngát” phù hợp hơn trong ngữ cảnh này bởi vì từ lột tả được màu sắc xanh trải dài, bất tận, vượt qua khỏi tầm mắt với mức độ cao nhất |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Tìm các từ trong khổ thơ dưới đây đồng nghĩa với từ đỏ. Sắc thái nghĩa của các từ ấy khác nhau thế nào? Vì sao đó là những từ phù hợp nhất để miêu tả sự vật?**  *Thúng cắp bên hông, nón đội đầu,* *Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu,* *Trông u chẳng khác thời con gái* *Mắt sáng, môi hồng, má đỏ au.*  **(Đoàn Văn Cừ, Đường về quê mẹ)**     |  |  | | --- | --- | | **Từ đồng nghĩa với từ “đỏ”** |  | | Sự khác nhau về s**ắc thái nghĩa** |  | | **Vì sao đó là những từ phù hợp nhất để miêu tả sự vật?** |  |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Gv:** Như vậy ở bài tập 2, chúng ta nhận ra có những từ đồng nghĩa nhưng sắc thái nghĩa của nó lại hoàn toàn khác nhau.  Khi chúng ta lựa chọn ngôn từ đưa vào thơ ca, đưa vào lời văn hay là đưa vào trong lời hội thoại của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày thì chúng ta cũng cần phải có sự lựa chọn tinh tế để đảm bảo là các từ ngữ ấy với sắc thái nghĩa của nó phù hợp với điều mà chúng ta đang muốn diễn tả. | **Bài 2:**  **Từ đồng nghĩa với từ “đỏ”:** thắm, hồng, đỏ au  **Sắc thái nghĩa :**  **+** thắm: chỉ màu đỏ đậm và tươi  + hồng: chỉ màu đỏ nhạt và tươi  + đỏ au: đỏ tươi, ửng đỏ một cách tươi nhuận  => Những từ đó là những từ phù hợp nhất để miêu tả sự vật vì nó mang ý nghĩa, sắc thái liên quan đến sự vật. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Tìm các từ láy trong khổ thơ dưới đây. Chỉ ra nghĩa của mỗi từ láy tìm được. Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ láy đó đối với sự thể hiện tâm trạng của tác giả.**  Mỗi lần nắng mới hắt bên song, Xao xác, gà trưa gáy não nùng, Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng, Chập chờn sống lại những ngày không.  **(Lưu Trọng Lư, Nắng mới)**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  Từ bài 1,2,3 ta rút ra cách cảm nhận và giải thích sắc thái nghĩa của từ ngữ:  + Chọn một đoạn văn để phân tích  + Xác định ngữ cảnh  + Cảm xúc chủ đạo của đoạn này là gì?Tại sao? Xác định các từ ngữ gợi lên cảm xúc đó?  + Tìm từ đồng nghĩa, phân tích sắc thái  + Ý nghĩa của việc sử dụng các từ có sắc thái nghĩa vừa tìm được | **Bài 3**  - Xao xác: Từ gợi tả tiếng như tiếng gà gáy nối tiếp nhau làm sao động cảnh không gian vắng lặng.  - Não nùng: Chỉ sự buồn đau tê tái và day dứt.  - Chập chờn : Ở trạng thái khi ẩn khi hiện, khi tỏ khi mờ, khi rõ, khi không. => Khiến bài thơ chợt chùng hẳn xuống, nặng chĩu một nỗi buồn man mác, dịu nhẹ trong không gian quạnh hiu xa vắng. Cảnh thiên nhiên nắng mới đã đánh thức dòng hồi tưởng về mẹ thật gần gũi, thân thuộc trong tâm trí của con. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) về sắc thái nghĩa của từ “rượi buồn”( buồn rượi) trong bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư và sự phù hợp của từ đó đối với việc yêu cầu diễn tả tâm trạng tác giả so với một số từ đồng nghĩa.

Gợi ý:

Ý nghĩa của từ khi việc diễn tả tâm trạng: “rượi buồn”

+ Xem lại đoạn thơ

+ Đọc kĩ ngữ cảnh

+ Xác định cảm xúc chính

+ Từ “rượi buồn” góp phần diễn tả tâm trạng, cảm xúc gì của tác giả

+ Tìm từ đồng nghĩa, khác...

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | - Trước: Ánh nắng mới hắt bên song, tiếng gà trưa gáy não nùng, xao xác  - Sau: Thời dĩ vãng, sống lại những ngày không. |
| **Cảm xúc chủ đạo** | Buồn và nhớ về thời tuổi thơ còn có mẹ. |
| **Rượi buồn** | Buồn và lộ vẻ ủ rũ |
| **Từ đồng nghĩa** | - Buồn bã: có tâm trạng buồn  - Rầu rĩ: có vẻ bên ngoài biểu lộ tâm trạng buồn bã, đau khổ  - Phiền muộn: Buồn và cảm thấy đau khổ, phải suy nghĩ nhiều |
| **Ý nghĩa** | **- Rượi buồn:**  + Gợi nỗi buồn với sự ủ rũ của nhân vật trữ tình khi nhớ về mẹ, thấy quạnh hiu bên đời.  + Từ “rượi” đảo lên trước, nhấn mạnh sắc thái nặng trĩu của nỗi buồn đang ngự trị trong lòng người; thanh bằng trong chữ “ buồn” như kéo nỗi buồn dài và rộng ra, kéo người con từ hiện tại tan vào cõi mộng- thời dĩ vãng đẹp tươi khi có mẹ. |

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở đoạn | Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, dẫn ra câu thơ và từ có sắc thái nghĩa mà đề bài yêu cầu. |
| Thân đoạn | Phân tích nghĩa của từ, giá trị gợi hình, gợi cảm của từ ngữ đó; so sánh với sắc thái nghĩa của các từ đồng nghĩa. |
| Kết đoạn | Khẳng định sắc thái nghĩa của từ “rượi buồn” có vai trò trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật từ đó thể hiện tài năng dùng từ của tác giả. |

**\* Kết luận, đánh giá.**

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, về sưu tầm thêm các đoạn văn/ thơ có sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa hoặc có sắc thái nghĩa hay, thú vị, góp phần tăng giá trị diễn đạt cho văn bản ...

**\* Chuẩn bị bài sau:** THĐH: Đường về quê mẹ

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 6:

**TIẾT 21,22: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: ĐƯỜNG VỀ QUÊ MẸ**

**(ĐOÀN VĂN CỪ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu thơ sáu chữ, bảy chữ theo quy trình đọc hiểu, làm rõ các yếu tố hình thức nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết được bài thơ sáu chữ, bảy chữ

- Vận dụng làm bài theo yêu cầu

**2. Năng lực**

***-*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức đọc mở rộng thêm các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ và biết yêu thương và trân trọng mẹ, những tình cảm về gia gia đình, cội nguồn.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 21**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Mỗi dịp tết đến, chúng mình có thích về quê không? Hãy chia sẻ những cảm xúc của em khi về quê nhé!

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Mỗi một chúng ta khi được trở về quê nhà của mình được gặp gỡ ông bà, được ăn tết ở quê thì sẽ có những cảm xúc khác nhau. Và ngày hôm nay khi mà chúng ta hòa vào những dòng thơ, những vần thơ rất là mộc mạc của một nhà thơ làng quê Việt thì chúng ta cũng sẽ cùng theo bước chân ông trên nẻo đường trở về quê mẹ và gặp gỡ được nét đẹp rất thuần hậu, rất đằm thắm của những con người quê mình của thiên nhiên quê hương Việt Nam mình trng thấp thoáng không gian cổ xưa.

qua bài thơ **ĐƯỜNG VỀ QUÊ MẸ (ĐOÀN VĂN CỪ)**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc đúng chính tả, ngắt nghỉ đúng nhịp  + Thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình  + Kết hợp các chiến thuật đọc thơ phù hợp với thể loại để hiểu được nội dung và vẻ đẹp của bài thơ  **Lưu ý vài thao tác khi đọc:**  **Theo dõi:** số tiếng trong một dòng, vần, nhịp thơ.  **Hình dung:** Hình ảnh hình ảnh của mẹ và khung cảnh trên đường về quê  **Theo dõi:** Tình cảm của nhân vật trữ tình  **Suy ngẫm:** vẻ đẹp của mẹ trong tâm trí của nhân vật trữ tình.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ |  | | PTBĐ |  | |  |  |  * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.     |  |  | | --- | --- | | A (Từ ngữ) | B (Nghĩa của từ) | | 1.U | d. mẹ (chỉ dùng để xưng gọi, ở một số vùng nông thôn) | | 2. Dặm liễu | g. Chỉ đường xa (điển tích, điển cố trong thơ cổ trở thành biểu tượng) | | 3. Hai thân | a. phụ thân và mẫu thân; cha mẹ, ví dụ: hai thân vui vầy, hai thân bác mẹ,.. | | 4. Cồn | f. dải đồi cát do tác động của gió tạo thành | | 5. The | c. hàng dệt bằng tơ nhỏ sợi, mặt thưa, mỏng, không bóng, thời trước thường dùng để may áo dài hoặc khăn, màn, ví dụ: áo the – khăn nhiễu,... | | 6. Ấp | b. làng, xóm nhỏ được lập nên ở nơi mới khai khẩn, ví dụ: Khai khẩn đất hoang,... | | 7. Đề | e. cây to, lá có mũi nhọn dài, hình trám rộng, thường trồng để lấy bóng mát, làm cảnh ở đình chùa | | **1, Tác giả:**   - Nhà thơ Đoàn Văn Cừ (1913 - 2004) quê gốc ở xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.  - Ông được bạn đọc biết đến từ những bài thơ viết về hội hè, đình đám, chợ tết nông thôn đăng trên báo Ngày nay của nhóm Tự lực văn đoàn.  - Ông vốn là một giáo viên tiểu học, hay làm thơ và đã từng có tập thơ Thôn ca in từ năm 1939.  - Hoài Thanh- thi nhân Việt Nam đã viết: “Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rực rỡ như Đoàn Văn Cừ”  - Hoài Thanh trong thi nhân Việt Nam, ví thơ ông là **nụ cười ngũ sắc** con lẽ vì ông hóm và cái thị hiếu “cu-lơ” đó  **2, Văn bản**  **- Xuất xứ:** 1942, trích từ tập “Thơ mới 1932 – 1945: Tác giả và tác phẩm”  - Thể thơ: 7 chữ  - Phương thức biểu đạt : Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự |
|  | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** |
| a)Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Đặc điểm hình thức** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Đặc điểm hình thức**     |  |  | | --- | --- | | Đặc điểm dòng thơ |  | | Số dòng/ khổ  Số khổ/ bài |  | | Cách ngắt nhịp |  | | Gieo vần |  |   - Đánh dấu gạch chéo vào các vị trí ngắt nhịp  - Xác định các tiếng được gieo vần, phân biệt vần liền/cách ; chân/lưng | - Đặc điểm dòng thơ: 7 tiếng trên một dòng  - Đặc điểm khổ thơ:  4 dòng/ khổ  Có 6 khổ/ bài  - Cách ngắt nhịp: Vần chân, chủ yếu ở cuối câu 1,2,4 trong mỗi khổ  - Gieo vần: vần chân, vần liền và vần cách  - Nhận xét :  + Thể thơ quen thuộc và phổ biến  + Nhịp thơ nhẹ nhàng, giọng thơ êm dịu, diễn tả được nỗi nhớ và sự gắn bó tha thiết với mẹ, với quê hương của nhân vật trữ tình |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**     |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 3: Đặc điểm thể thơ** | | | Đặc điểm dòng thơ | 7 tiếng/ dòng | | Đặc điểm khổ thơ | 4 dòng/khổ  Có 6 khổ thơ/ bài | | Cách ngắt nhịp | Vần chân, chủ yếu ở cuối câu 1,2,4 trong mỗi khổ | | Gieo vần | Nhịp 2/2/3; 3/2/2; 4/3 |   **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| a)Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nội dung bài thơ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Tìm hiểu nội dung bài thơ** |
| ? Đọc lại bài thơ, xác định mạch cảm xúc của bài thơ ?(bằng cách men theo bố cục của bài thơ, chỉ ra nội dung của từng phần)  - Bố cục:  **Khổ 1:** Thời gian và không gian khi mẹ đưa tôi về quê ngoại  **Khổ 2+3:** Bức tranh thiên nhiên và con người nơi làng quê  **Khổ 4+5:** Suy ngẫm của tác giả về cội nguồn  **Khổ 6:** Hình ảnh người  mẹ trong hoài niệm  Bài thơ bắt đầu là những dòng hoài niệm về thời gian và không gian khi mẹ đưa “tôi” về quê ngoại.  Để rồi từ đó vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và sinh hoạt của con người nơi thôn quê cứ lần lượt hiện ra thật đẹp đẽ. Nhất là hình ảnh của người mẹ thảo Hiền, thanh tân duyên dáng.  Khép lại bài thơ là những xúc cảm, suy ngẫm của “tôi” về quê hương nguồn cội.  => Mạch cảm xúc có sự vận động đi từ quá khứ về hiện tại từ hồi tưởng đến suy ngẫm |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Công đoạn, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thời gian và không gian khi mẹ đưa tôi về quê ngoại**  Nhóm 1: . **Dựa vào nhan đề và khổ 1, xác định những yếu tố sau đây:**  **+** Người bộc lộ cảm xúc là ai?  **+** Sự việc  + Không gian  **+** Thời gian  Nhóm 2: **Nhận xét về thời gian, không gian xuất hiện trong khổ thơ**  Nhóm 3: **Nghệ thuật đặc sác của khổ thơ**  **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **a)** **Thời gian và không gian khi mẹ đưa tôi về quê ngoại**  + Mùa xuân gợi đến những phút giây xum họp, con cháu về quê lễ bái tổ tiên, ông bà – với con trẻ đấy là một niềm vui, sự mong chờ  + Hình ảnh “mây trắng ngần” gợi ra không gian bầu trời làng quê thanh bình, yên ả hay còn thể hiện xúc cảm tinh khôi, tâm hồn trong trẻo của ngày thơ bé của “tôi” |
| Dự kiến sản phẩm :   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thời gian và không gian khi mẹ đưa tôi về quê ngoại** | | | **Dựa vào nhan đề và khổ 1, xác định những yếu tố sau đây:**  **+** Người bộc lộ cảm xúc là ai?  **+** Sự việc  + Không gian  **+** Thời gian | + Người bộc lộ cảm xúc: tôi (người con)  + Sự việc: “tôi” được mẹ đưa về quê ngoại  + Thời gian: mùa xuân  + Không gian: đường xa, mây bay sắc  + trắng ngần | | **Nhận xét về thời gian, không gian xuất hiện trong khổ thơ** | + Mùa xuân gợi đến những phút giây xum họp, con cháu về quê lễ bái tổ tiên, ông bà – với con trẻ đấy là một niềm vui, sự mong chờ  + Hình ảnh “mây trắng ngần” gợi ra không gian bầu trời làng quê thanh bình, yên ả hay còn thể hiện xúc cảm tinh khôi, tâm hồn trong trẻo của ngày thơ bé của “tôi” | | **Nghệ thuật đặc sắc của khổ thơ** | Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị đã vẽ ra khung cảnh chân thực; cách gieo vần “ân” gợi xúc cảm gần gũi, quấn quýt | | |
| Có thể ướm mình vào dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình, rằng chúng ta chính là cậu bé này đây đi cùng với mẹ ở trên một con đường làng quê rất là êm ả, thanh bình như thế này và không biết là ở trong dòng hồi tưởng ấy thì điều gì đã hiện ra đầu tiên |  |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt nơi làng quê**   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các hình ảnh, chi tiết về thiên nhiên và con người trong bài thơ |  | | 2. Qua đó, hãy nên nhận xét của em về màu sắc, đường nét của bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp con người được thể hiện trong tác phẩm |  | | 3. Em có cảm nhận gì về kí ức về miền quê ngoại của tác giả? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các hình ảnh, chi tiết về thiên nhiên và con người trong bài thơ. | - Về thiên nhiên: rạng đề, dòng sông uốn lượn ven đê, cồn xanh, bãi tía, đường làng, trời xanh, phơi xác lá bàng.  - Về con người: những ngưới xới cà, ngô bộn bề, đoàn người gánh khoai lang. | | 2. Qua đó, hãy nên nhận xét của em về màu sắc, đường nét của bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp con người được thể hiện trong tác phẩm. | - Khung cảnh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy sức sống với những gam màu tươi tắn.  - Con người nơi đây đang rộn ràng trong khung cảnh lao động quen thuộc nhưng cũng rất đỗi bình yên và ấm áp. | | 3. Em có cảm nhận gì về kí ức về miền quê ngoại của tác giả? | Qua những cảm nhận của người con, quê ngoại là cả một vùng kí ức êm đềm và thơ mộng. | | **b)** **Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt nơi làng quê** |
|  | Qua những cảm nhận của người con, quê ngoại là cả một vùng kí ức êm đềm và thơ mộng. |
| Ở khổ thơ thứ 4, giọng điệu và cảm xúc của nhân vật trữ tình có gì thay đổi? Hãy chỉ ra sự thay đổi đó và lí giải?  - Giọng điệu vui tươi ở ba câu thơ đầu, sang câu cuối có sự ngậm ngùi, man mác.  - Dường như xuân vừa tới, hồn của lá bàng đã về với mùa đông, chỉ còn lại xác lá rải rác trên các lều chợ, gợi ra sự buồn thương, mất mát. Lá bàng rụng xuống cho mùa xuân về.  - Hay tác giả còn buồn vì năm nay, mùa xuân và con đường về quê cùng mình mỗi mùa xuân đã không còn.  -> Như vậy, ở đây tác giả đã mượn cảnh vật vui tươi để che giấu tâm trạng mình, đồng thời khéo léo thể hiện sự biết ơn và nỗi nhớ về mẹ.      Đây là khung cảnh làng quê, cái con đường về quê- một con đường lượn ven đê, gắn liền với cả những rặng đề xung quanh, gắn liền với cả hình ảnh của những cánh đồng một khung cảnh làng quê rất là yên bình và thanh tĩnh. Từ khung cảnh làng quê thanh bình yên tĩnh đó thực ra cũng chạm vào lòng người đọc, chúng ta đọc xong chúng ta cũng có cảm nhận được là mình đang lạc vào miền quê Việt Nam của mấy chục năm trở về trước ở đó ta thấy khung cảnh rất là đẹp đẽ, rất là bình yên và trên cái khung cảnh thanh bình và đẹp đẽ của làng quê ấy, trên cái con đường về quê vốn là gợi nhớ gợi thương ấy thì có lẽ là hình ảnh hiện lên một cách rõ nét nhất trong hoài niệm của tác giả đó chính là hình ảnh của người mẹ. Chúng ta sẽ đi tìm hiểu tiếp để cảm nhận hình ảnh người mẹ qua nét vẽ của tác giảvề hình ảnh người mẹ trong hoài niệm. |  |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 22**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Hình ảnh người mẹ trên con đường về quê**   |  |  | | --- | --- | | 1. Tìm và liệt kê các hình ảnh tác giả khắc họa về người mẹ trên con đường về quê |  | | 2. Nhận xét về hình ảnh người mẹ và tình cảm của người con trong hai khổ thơ |  | | 3. Đặc sắc nghệ thuật? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | 1. Tìm và liệt kê các hình ảnh tác giả khắc họa về người mẹ trên con đường về quê | Các hình ảnh tác giả khắc họa về người mẹ trên con đường về quê: thúng cắp bên hông, nón đôi đầu, khuyên vàng, áo thắm, áo the nâu, mắt sáng , môi hồng, má đỏ au, bóng u hay bóng người thôn nữ. | | 2. Nhận xét về hình ảnh người mẹ và tình cảm của người con trong hai khổ thơ | - Hình ảnh người mẹ mang nét đẹp ngọt ngào, duyên dáng, tươi trẻ, đi giữa làng quê xuân ngời bừng lên nét yêu kiều diễm lệ  - Bên cạnh đó là vẻ đẹp lao động, cần mẫn, chăm chỉ, tảo tần. Tình cảm của người con: yêu thương, kính trọng mẹ, nhớ mẹ rất nhiều... | | 3. Đặc sắc nghệ thuật? | - Phép liệt kê, sử dụng những gam màu tươi sáng để làm nổi bật vẻ đẹp tươi trẻ thuở đôi mươi của mẹ. | | c) **Hình ảnh người mẹ trên con đường về quê** |
| Hình ảnh thơ “Cúi nón mang đi cặp má hồng”  + Khi làm việc, cô gái cúi xuống, chiếc nón vô tình che đi cặp má hồng  + Hay là chiếc nón thời gian đã “mang đi” đôi má hồng của quá khứ, bóng dáng mẹ nay không còn mà chỉ là hoài niệm mà thôi.  -> Một hình ảnh thơ đa nghĩa, giàu liên tưởng. |  |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm bàn (5p)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Suy ngẫm về mẹ và cội nguồn**   |  |  | | --- | --- | | 1. Những người cùng quê đã dành cho mẹ những lời khen nào? |  | | 2. Qua hai câu thơ cuối, nhà thơ đã gửi gắm những suy nghĩ gì về cội nguồn? |  |   **-**  Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | 1. Những người cùng quê đã dành cho mẹ những lời khen nào? | Những người cùng quê khen u nét thảo hiền (tốt, ăn ở phải đạo với cha mẹ). | | 2. Qua hai câu thơ cuối, nhà thơ đã gửi gắm những suy nghĩ gì về cội nguồn? | Người con tự hào về mẹ, một người con gái đã theo chồng nhưng vẫn không quên hướng về quê hương nguồn cội. Và mẹ như đã hóa thân vào mùa xuân, quê hương xứ sở, vào hồn non nước ngàn đời, để rồi mẹ ở đây như đã trở thành mẹ Tổ Quốc mẹ Việt Nam mến yêu.  =>Dù đi đâu, về đâu, dù làm dâu nhà người hay ở miền nào xa xôi, đừng bao giờ quên đường về quê mẹ- sợi dây kết nối mỗi người với quê hương xứ sở của mình. | | **d) Suy ngẫm về mẹ và cội nguồn** |
| Gv: Đường về quê mẹ hay chính là hành trình chúng ta trở về với nơi mà chôn rau cắt rốn với những nét đẹp văn hóa, bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Và điều này rõ ràng đi qua muôn đời, muôn thời với muôn người thì nó đều đúng chứ không chỉ riêng là cái lời ấy dành cho những con người cùng thời đại của Đoàn Văn Cừ. |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Từviệc tìm hiểu nội dung và mạch cảm xúc của bài thơ, xác định chủ đề và thông điệp của văn bản ?  Tác giả viết về ai, viết về điều gì ?( Đề tài)  -Tình yêu mẹ và tình yêu làng quê bền chặt của con người=> đề tài quen thuộc, tình cảm  Thông qua đó, muốn thể hiện điều gì ?( chủ đề)  - Thể hiện tình cảm nhớ nhung dành cho người mẹ của mình, hình ảnh của mẹ là miền kí ức tươi sáng và đẹp đẽ trong lòng con | **3. Chủ đề, đề tài, thông điệp:**  **- Đề tài:** Tình yêu mẹ và tình yêu làng quê bền chặt của con người  => đề tài quen thuộc, tình cảm    **- Thông điệp:** Thể hiện tình cảm nhớ nhung dành cho người mẹ của mình, hình ảnh của mẹ là miền kí ức tươi sáng và đẹp đẽ trong lòng con |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:*** Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm? Những yếu tố cần chú ý khi đọc bài thơ 7 chữ? | **III. Tổng kết**  **1, Giá trị nghệ thuật:**  - Thể thơ 7 chữ (tiếng) ngắn gọn, giọng điệu nhịp nhàng, thiết tha.  - Hình ảnh thơ đẹp đẽ, tươi sáng, nhiều phép tu từ thú vị  **2, Nội dung:**  **-** Bài thơ ghi lại những kỉ niệm tươi tắn và ấm áp của tác giả về mẹ, về con đường về quê mẹ, từ đó ta thấy được tình yêu mẹ, tình yêu quê hương đậm đà của ông.  - Lời nhắc nhở mỗi chúng ta về mối liên kết bền chặt với quê hương, nguồn cội dân tộc |
| Các yếu tố cần chú ý khi đọc bài thơ 7 chữ? (tiếng)  - Thể thơ:  + Mỗi dòng gồm 7 chữ (tiếng). Số lượng dòng không hạn chế.  + Vần chân: nhiều kiểu gieo vần (vần liền, vần cách, vần chân)  + Nhịp: thường ngắt nhịp 3/2/2 hoặc 2/2/3 đồng thời ngắt linh hoạt phù hợp với cảm xúc  - Bố cục  - Nhan đề bài thơ  - Trạng thái cảm xúc  - Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ sơ đồ tư duy  + Thể loại  + Nội dung bài thơ: Nhan đề, lời đề từ; mạch cảm xúc( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ), chủ đề, đề tài, thông điệp.  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV, LUYỆN TẬP:** Vẽ sơ đồ tư duy |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, thảo luận  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ lại bức tranh đường về quê mẹ( Hoặc miêu tả lại bằng ngôn ngữ bức tranh đường về quê mẹ)  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **V. VẬN DỤNG**  Vẽ lại bức tranh đường về quê mẹ (Hoặc miêu tả lại bằng ngôn ngữ bức tranh đường về quê mẹ) |

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập.

- Tìm đọc thêm những bài thơ 7 chữ ( Mùa xuân nho nhỏ, Mùa xuân chín)

**\* Chuẩn bị bài sau:** Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ; Tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ

------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 6,7 :

**TIẾT 23,24: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ SAU KHI ĐỌC BÀI THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ; TẬP LÀM THƠ THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ. Làm một bài thơ 6 chữ, 7 chữ.

+ Nhận biết được đặc điểm kiểu đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ.

+ Nắm rõ quy trình viết đoạn văn ghi lại viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ.

+ Xác định các yêu cầu cần thiết của một bài thơ 6 chữ, 7chữ dựa trên đặc điểm về thể loại của hai thể thơ này.

+ Nắm vững và thực hiện thuần thục các bước khi tập làm một bài thơ 6 chữ, 7chữ

+ Làm được một bài thơ 6 chữ, 7chữ và chia sẻ với mọi người xung quanh.

**2. Năng lực**

***-*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-**Phát triển kỹ năng viết

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng vẻ đẹp đáng quí của tình cảm, thông điệp ý nghĩa từ bài thơ mà tác giả gửi gắm. Biết cách bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 23**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: quan sát hình ảnh

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Thơ 6 chữ, 7 chữ là gì? Làm thế nào để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ 6 chữ, 7 chữ?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Làm thế nào để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ 6 chữ, 7 chữ? ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng viết đoạn văn đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ 6 chữ, 7 chữ.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1, Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ cần làm gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bài thơ em yêu:**  **Đặt câu hỏi:**  Đó là bài thơ nào?  Lí do vì sao em yêu thích/ lựa chọn bài thơ này?  + Nêu cảm xúc về nội dung hoặc nghệ thuật một câu thơ, khổ thơ, đoạn thơ và cả bài thơ mà em ấn tượng và yêu thích. |
| Một số kĩ năng cần lưu ý khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, cũng như cảm nhận của em khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ 6 chữ, 7 chữ ?      Đọc đoạn văn để nhận biết các yếu tố nội dung, hình thức được người viết quan tâm khi phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ và thực hiện các yêu cầu:  - Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết nào trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan?  → Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết:  + Thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ trong bài Qua Đèo Ngang.  + Đèo Ngang vào buổi chiều tà.  + Với cảnh cây cỏ và núi non thấy được sự heo hút của những câu thơ trên kia.  + Cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,…  - Hãy chỉ ra các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết.  → Các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết:  + …tôi thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ….  + Trong trí tưởng tượng, Bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà.  + Tuổi lên bảy, lên tám của tôi khi ấy lại còn được những rung động này nữa:…  + Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,… | **Một số kĩ năng cần lưu ý.**  **+ Kỹ năng đọc hiểu ngôn từ:** hiểu đúng ý nghĩa từ ngữ. Nhận ra tư tưởng, tình cảm của tác giả=>Đọc sâu, hiểu đúng.  **+ Kỹ năng phát hiện tín hiệu thẩm mỹ:**  Từ ngữ độc đáo.  Sự lặp lại của từ ngữ. Biện pháp tu từ.  Sự ngắt nhịp, thanh điệu. Các yếu tố tự sự.  **+ Kỹ năng phân tích:**  Cái hay, đẹp của ngôn ngữ, của các yếu tố tự sự, miêu tả.  Tình cảm của tác giả.  So sánh, liên tưởng, tưởng tượng tưởng tượng.  **+ Kỹ năng nhận xét đánh giá.**  Cảm nhận của bản thân. Nhận xét |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu đối với bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2, Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy xác đinh yêu cầu đối với từng bước  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. 1. Thực hành viết theo các bước**  **Bài tập: Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư**  **Bước 1: Chuẩn bị:**    - Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư.  - Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. |
| Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào? | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  + Em thích nhất dòng, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ?  → Em thích cả bài thơ.  + Dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ đó có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật?  → Nội dung bài thơ xoay quanh chủ đề về tình cảm gia đình, làm nổi bật cảm xúc chủ đạo về nỗi nhớ thương mẹ trong kí ức tuổi thơ của tác giả. Qua đó, bài thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, cao quý, đồng thời thể hiện lòng yêu thương, nỗi nhớ và niềm nuối tiếc của tác giả. Bên cạnh đó, nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ cũng làm nên sự thành công bởi các yếu tố: thể thơ bảy chữ, hình ảnh thơ gần gũi, giản dị, phép nhân hóa đặc sắc, âm điệu da diết lắng sâu, các thanh bằng trắc, các từ láy giàu giá trị biểu cảm,…  + Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, tưởng tượng gì?  → Yếu tố ấy giúp em nhận thức rõ về sự thiêng liêng của tình mẫu tử trong cuộc sống. Qua đó, em tự rút bài học cho bản thân rằng mình nên bày tỏ tình yêu thương nhiều hơn qua lời nói và hành động, và thể hiện trách nhiệm hiếu thảo đối với mẹ.  - Lập dàn ý cho đoạn văn bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần. |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: LẬP DÀN Ý   |  |  | | --- | --- | | Mở đoạn |  | | Thân đoạn |  | | kết đoạn |  | | LẬP DÀN Ý  **Mở đoạn:**  + Nêu tên bài thơ, tác giả.  + Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ.  **Thân đoạn:**  Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **Kết đoạn:** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đã trình bày. |
| **\* Tham khảo đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ**  Bài thơ Nắng mới của tác giả Lưu Trọng Lư đã mang tới cho em nhiều cảm xúc thật đặc biệt. Qua bài thơ, em cảm nhận được nỗi nhớ và tình yêu mẹ vô bờ của tác giả. Nỗi nhớ da diết, lắng đọng của nhân vật "tôi" cũng chính là tình cảm chân thành mà con dành cho mẹ. Bằng ngôn từ giản dị, mộc mạc, giàu sức gợi hình, gợi cảm cùng giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, tâm tình, nhà thơ Lưu Trọng Lư muốn bày tỏ tình yêu thương mãnh liệt của mình đối với mẹ. Đúng như những gì Hoài Thanh đã nhận định: "Tôi chỉ biết, dầu có ưa thơ người này hay người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở về với Lưu Trọng Lư". Thơ của ông luôn có một sức hút đặc biệt với mọi người. Tác phẩm của ông là lời ca chan chứa về tình mẫu tử thiêng liêng. Qua đó, thể hiện giá trị đạo đức cao đẹp của người Việt Nam, đó là tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu sắc. Nhờ đó, em tự nhận thấy trách nhiệm phải hiếu thảo của mình đối với mẹ và càng yêu thương mẹ của mình nhiều hơn. | **Bước 3: Viết bài**  Lựa chọn hình thức triển khai bài văn: diễn dịch, tổng phân hợp.  Viết theo dàn ý đã xây dựng.  Chú ý về sự diễn đạt, sử dụng thêm các thao tác tổng, phân, hợp, phân tích, so sánh, sử dụng thêm trích dẫn để bài văn trở nên sinh động, hấp dẫn. |
|  | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 KIỂM TRA VÀ CHỈNH SỬA |  |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Sáng tạo** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến chỉnh sửa** | | Đảm bảo hình thức đoạn văn( cấu trúc, dung lượng) |  |  |  |  | | Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ. |  |  |  |  | | Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn. |  |  |  |  | | Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đã trình bày. |  |  |  |  | | Có các từ ngữ liên kết câu liên kết ý. |  |  |  |  | | Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt . |  |  |  |  | | |
|  | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm**  **a) Cách thức**  Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ, người viết có thể áp dụng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:  - Bộc lộ trực tiếp cảm nghĩ về bài thơ qua việc lựa chọn sử dụng các từ ngữ biểu cảm, câu văn cảm thán, câu hỏi tu từ,…  - Bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ bằng cách tưởng tượng, hình dung ra bức tranh thiên nhiên, con người trong tác phẩm, liên tưởng các chi tiết, hình ảnh,…trong bài thơ với những tác phẩm văn học khác hoặc với cuộc sống, kỉ niệm của bản thân.  Dù bộ lộ theo cách nào thì cũng cần dựa vào bài thơ và cảm nhận của bản thân. Sơ đồ dưới đây là một gợi ý giúp các em thực hiện hoạt động này. |
| Trong hai đoạn văn sau, đoạn nào bộc lộ trực tiếp, đoạn nào bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư? | **b) Bài tập**  - Đoạn văn “Năm nào, cuối xuân, đầu hạ, nắng mới cũng trở về,….” bộc lộ trực tiếp cảm nghĩ về bài thơ.  - Đoạn văn “Trong cuốn phim quay chậm của kí ức tác gủa, hình ảnh người mẹ hiện lên…” bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

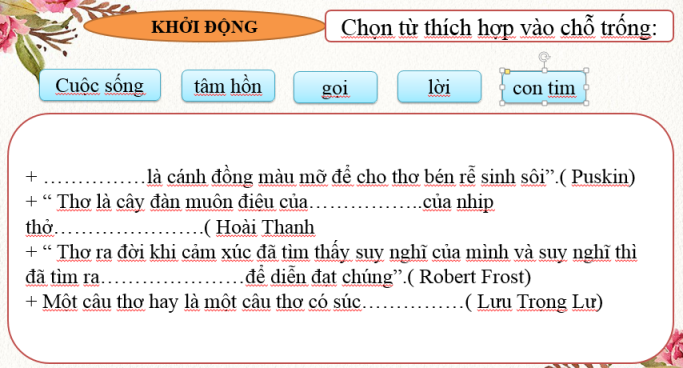
**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:  Kĩ thuật viết tích cực.**  Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm xúc về bài thơ sau:  **Bây Giờ Đang Mùa Lá Rụng Tác giả: Thu Phong**  Bây giờ đang mùa lá rụng Trên đường từng lớp lao xao Hình như trên mỗi cánh lá Cũng mang khuôn mặt hư hao  Dáng đông ngoài kia lấp ló Đã nghe tiếng gọi giao mùa Tôi thấy có người qua phố Co mình trong áo lụa thưa  Bao nhiêu dư âm tha thiết Cùng nhau đi dọc tháng ngày Bao nhiêu ấm nồng da diết Vẫn còn quanh quẩn đâu đây  Bây giờ đang mùa lá rụng Biết người có kịp về không Giấu thơ vào trong mắt lá Hương thầm gửi đến mai sau….  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. |  |
| **Một số lỗi thường gặp.**   * Diễn xuôi bài thơ   + Kết hợp với lời nhận xét, nêu cảm xúc    - Không thích dẫn.  +Chọn lọc từ cần trích dẫn(vừa phải).  + Đặt trong ngoặc kép.   * Bị thiếu ý, các ý thiếu sự liên kết.   +Bám sát dàn ý  + Tránh sử dụng từ ngữ liên kết linh hoạt. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT **24: TẬP LÀM THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy chúng ta đã nhìn lại những đặc điểm thú vị của thơ. Cô nghĩ rằng các em cũng đã quen với thể loại này và cũng đã yêu mến nó. Vậy ngày hôm nay chúng ta sẽ tập làm thơ nhé!

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh nhắc lại đặc điểm của bài thơ 6 chữ ,7 chữ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. NHẮC LẠI ĐẶC ĐIỂM CỦA THỂ THƠ 6 CHỮ, 7 CHỮ.** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thơ là gì?  Thơ là một loại hình nghệ thuật của ngôn từ, âm thanh của thơ có vần, có điệu nhịp nhàng.  Lời lẽ của thơ ngắn gọn, hàm súc.  Một bài thơ hay giống như một bài ca, khiến người đọc rung động và đồng cảm với những tình cảm được thể hiện. Thơ là phương tiện truyền tải cảm xúc cũng như truyền tải những giá trị của cuộc đời.  **Nhóm 1+2:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ 6 chữ.  **Nhóm 3+4:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ 7 chữ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Thể thơ 6 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 6 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền( vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ( hoặc vần cách(vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c)Nhịp thơ:** Thơ 6 chữ thường ngắt nhịp: 2/2/2; 2/4 hoặc 4/2, có khi 3/3) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt.  Ví dụ:  Nhà mình sát đường / họ đến  Có cho/ thì có là bao  Con không bao giờ / được hỏi  Quê hương họ/ ở nơi nào  ( Dặn con- Trần Nhuận Minh) |
|  | **2. Thể thơ 7 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 7 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền( vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ( hoặc vần cách(vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c)Nhịp thơ:** Thơ 7 chữ thường ngắt nhịp: 4/3. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.  Ví dụ:  Tà áo nâu/ in giữa cánh đồng, Gió chiều cuốn bụi / bốc sau lưng. Bóng u / hay bóng người thôn nữ Cúi nón mang đi / cặp má hồng. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu đối với bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II, YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ.** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Yêu cầu đối với bài thơ 6 chữ, 7 chữ.   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Yêu cầu cụ thể** | | Về nội dung |  | | Về hình thức |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1, Về nội dung**:  + Đề tài, chủ đề của bài thơ phù hợp với lứa tuổi học sinh, thể hiện được những cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trước cuộc sống.  + Đặt nhan đề phù hợp với nội dung bài thơ.  + Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  + Thông điệp mà người viết gửi gắm qua nội dung bài thơ  **2, Về hình thức**  **+** Ngôn ngữ:hàm súc, gợi hình, gợi cảm.,  + Thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói. Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, điệp ngữ …. để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.  + Sử dụng các hình ảnh sống động, thú vị. Kết hợp các phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự và biểu cảm.  + Thỏa mãn yêu cầu về hình thức của thể thơ 6 chữ, 7 chữ: |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được Quy trình sáng tác bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **III, THỰC HÀNH** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Xác định đề tài  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **Tìm ý tưởng cho bài thơ.**      **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Đề bài:** Viết bài thơ bốn chữ( về người thân trong gia đình hay một kỉ niệm của em với người thân, bạn bè )hoặc bài thơ năm chữ (về một loài vật cây cối mà em yêu thích)  **Bước 1: Chuẩn bị**  **Bước 2: Viết bài thơ** |
| **Lưu ý về cách làm bài thơ 6 chữ, 7chữ.**  **Cần tuân thủ một số luật thơ cơ bản** nhưng cũng cần có sự **linh hoạt, biến tấu** để thể hiện cảm xúc cá nhân một cách trọn vẹn, độc đáo.  **Nên chọn lọc ngôn từ, hình ảnh giầu sức gợi**, thể hiện góc nhìn độc đáo của bản thân và tạo điều kiện cho người đọc có thể mở rộng sự liên tưởng cảm nhận về bài thơ. | **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa** |
|  | **Thực hành gieo vần** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Chọn những tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với chỗ trống (…). Từ đó, xác định cách gieo vần ở mỗi khổ thơ. | - Giếng  - Làng, trắng |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và lảm việc cá nhân  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **II, LUYỆN TẬP**  Hãy làm một bài thơ thơ 6 chữ hoặc 7 chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng nào đó trong thiên nhiên hoặc cuộc sống. |
| **PHIẾU Ý TƯỞNG CỦA TÔI VỀ BÀI THƠ SẼ VIẾT**  1, Em sẽ viết về đề tài gì? …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  2, Trong phạm vi đề tài đã chọn, có những hình ảnh nào tạo cho em nhiều cảm xúc nhất? :…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  3, Với những hình ảnh đó, em sẽ liên tưởng và kết nối chung với nhau ra sao? Qua bài thơ này, em muốn chuyển tải thông điệp:……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. | |
| **Gv giới tiệu một số bài thơ hay:**  Bài thơ: Mùa xuân trong em  Tác giả: Quý Phương  Em giấu xuân trong làn tóc Thoảng bay theo gió nồng nàn Làm cõi lòng ai ngây ngất Quyện hương trời đất mênh mang Em giấu xuân trong tà áo Thướt tha trên phố chiều nay Hoa xuân tình về nương náu Trong tim ấp ủ bao ngày Em giấu xuân trên môi thắm Cười duyên tỏa nắng rạng ngời Xuân về cho bao nắng ấm Để em tôi cũng xinh tươi Em giấu xuân trong mắt biếc Ngẫn ngơ bao kẻ ngắm nhìn Ngại ngần theo em từng bước Nàng xuân trông thật là xinh Em giấu tình trong tim nhỏ Tặng anh nhịp đập yêu thương Em đã buộc câu duyên nợ Cùng anh đi đến cuối đường. |  |
| **XUÂN LÒNG**  **Nguồn: LÀNG TRẦN XÁ**  Đông tàn xuân đến xuân nở hoa Nổi buồn dấu kín giữa chiều tà Vui thơ xướng họa cùng bè bạn Gửi chút tình riêng đến nẻo xa  Chợt nghĩ hình ai nơi cỏi vắng Chiếu nay lặng lẹ ngắm mây trời Lòng ta man mác buồn da diết Thả hồn trong gió say tình say  Xứ Huế đây, ở xứ Huế đây Tiếng thơ dìu dắt nước non này Mơ màng bóng cũ người xưa ấy Say đắm một thời tuổi thơ ngây  Ta muốn tình thơ luôn sẽ đến Để cùng chung điệu tiếng ngân nga Để hồn ấm lại trong hưu quạnh Ngây ngất xuân lòng ta với ta |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

+ Tìm đối tượng được so sánh.

+Tìm đặc điểm so sánh.

+ Tìm đối tượng dùng để so sánh.

**\* Báo cáo kết quả:**

+ Tìm đối tượng được so sánh.

Xác định sự vật, hiện tượng được so sánh.

Sử dụng một trong năm giác quan để hình thành so sánh:

Thị giác

Thính giác

Khứu giác

Xúc giác

Vị giác

Ví dụ: Sự vật, hiện tượng là tàu ngoài khơi và sử dụng giác quan thính giác.

=> Đối tượng so sánh là âm thanh của tàu.

+Tìm đặc điểm so sánh.

Thay vì được cảm thấy bởi người viết, thì cần đưa đối tượng vào giọng chủ động trong câu.

Gắn thêm động từ/ tính từ miêu tả để hình ảnh thêm sinh động, làm rõ đặc điểm so sánh phù hợp với văn cảnh.

Đặt thêm từ so sánh: như, giống, giống như,…

Ví dụ: Tôi cảm thấy âm thanh của tàu ngoài khơi vô cùng dữ dội như…=> Tiếng ầm ầm của con tàu ngoài khơi dữ dội giống như…

+ Tìm đối tượng dùng để so sánh.

Liệt kê các sự vật, hiện tượng có thể so sánh dựa vào đặc điểm đã xác định.

Dựa vào văn cảnh để lựa chọn đối tượng phù hợp để so sánh.

Ví dụ: Đặc điểm là âm thanh dữ dội, ầm ầm của con tàu ngoài khơi nên có thể so sánh với:

Một trận tuyết lở khủng khiếp.

Bài hát u sầu của lũ cá voi sâu dưới đại dương vang vọng lại.

Bài ca lao động vui tươi, rộn ràng….

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 7 :

**TIẾT 25,26: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**+** Xác định các tiêu chí cần biết để trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Nắm vững quy trình thực hành nói và nghe kể lại trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Thực hiện được một bài nói hoàn chỉnh.

**2. Năng lực**

***-*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 25**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Vần đề mà em thường quan tâm trong đời sống là vấn đề gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Hôm nay chúng ta cùng đi ôn tập “**NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1, Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Thế nào là thảo luận về một vấn đề trong đời sống?*  *+ Để thảo luận về một vấn đề trong đời sống, chúng ta cần chú ý những gì?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.   |  |  | | --- | --- | | **Hiện tượng đời sống.** | **Vấn đề văn học** | | + Vấn đề ô nhiễm môi trường.  + Vấn đề tình yêu thương gia đình xung quanh ta.  + Chơi game ảnh hưởng sức khỏe. | + Ký ức tuổi thơ trong “Tiếng gà trưa” Xuân Quỳnh.  + Lòng yêu nước thông qua truyện “Buổi học cuối cùng”.  + Tình mẫu tử qua bài “Về quê mẹ” | | ***a. Định nghĩa***  - Thảo luận về một vấn đề trong đời sống là đưa ra ý kiến của cá nhân và trao đổi, bàn bạc, lắng nghe ý kiến của mọi người cùng tham gia để có hiểu biết đúng, đầy đủ, toàn diện hơn và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề một cách phù hợp.  - Vấn đề trong đời sống có thể nêu lên từ thực tế cuộc sống nhưng cũng có thể rút ra từ những tác phẩm văn học  ***b. Những chú ý khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống***  - Quan tâm, theo dõi các sự kiện, hiện tượng,…trong cuộc sống xung quanh hoặc suy nghĩ từ các văn bản đọc hiểu để phát hiện vấn đề có ý nghĩa.  - Lựa chọn một vấn đề cần thảo luận. Tìm hiểu các thông tin về vấn đề và suy nghĩ, xác định ý kiến của em về vấn đề đó.  - Thảo luận trong nhóm về vấn đề đã lựa chọn.  - Khi thảo luận, cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân về vấn đề, đồng thời, tôn trọng các ý kiến khác. |
| ? Khi xác định vấn đề cần trả lời các câu hỏi như thế nào? | **Xác định vấn đề**  **1, Nói cho ai nghe?**  Đối tượng lắng nghe: thầy cô bạn bè một người lạ người thân khác.  **2, Nói để làm gì?**  Mục đích: trình bày ý kiến của bản thân về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm và thuyết phục người nghe về vấn đề đó.  **3, Nói cái gì?**  Nội dung: một vấn đề là một hiện tượng trong đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm.  **4, Nói như thế nào?**  Hình thức: diễn đạt bằng lời nói, thực hành kể lại trước lớp, hoặc trước một người khác. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2, Thực hành**  Bài tập: Chọn một trong các vấn đề sau đây (hoặc tự nêu vấn đề) để thảo luận trong nhóm, lớp. Khi chọn, cần suy nghĩ về mối liên hệ giữa vấn đề ấy với các văn bản ở phần đọc hiểu.  (1) Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?  (2) Tình cảm quê hương quan trọng với mỗi người như thế nào?  (3) Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bước 1:** Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 2)  - Xác định vấn đề thảo luận: Vai trò của tình cảm quê hương đối với mỗi người; đối tượng tham gia thảo luận: các bạn trong nhóm/lớp.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có).  **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý  - Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:   * Em hiểu thế nào là quê hương? * Tình cảm với quê hương mang lại cho mỗi người những điều gì? * Chúng ta nên bày tỏ, thể hiện tình cảm với quê hương như thế nào?   - Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:  (1). Mở bài  Nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận: Vai trò của tình cảm quê hương đối với mỗi người.  (2). Nội dung chính  Nêu và làm rõ ý kiến của em về vấn đề. Ví dụ:  - Quê hương là nơi gia đình, dòng họ của mỗi người đã trải qua nhiều đời làm ăn, sinh sống,… Tình yêu quê hương là một nguồn tình cảm tự nhiên đối với mỗi chúng ta.  - Tình cảm với quê hương đem đến cho con người nhiều điều.  - Chúng ta cần thể hiện tình cảm, trách nhiệm với quê hương bằng những suy nghĩ, việc làm phù hợp, ý nghĩa.  (3). Kết bài  Khẳng định lại ý kiến và thông điệp chung. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 26** | **Bước 3:** Thực hành nói và nghe  + Lựa chọn hình thức triển khai bài văn: diễn dịch, tổng- phân- hợp, quy nạp.  + Viết theo dàn ý đã xây dựng.  + Chú ý về sự diễn đạt, sử dụng thêm các thao tác, tổng hợp, phân tích, so sánh, sử dụng thêm trích dẫn để bài văn trở nên sinh động, hấp dẫn. |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **Người nghe:**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa.  + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ chưa đạt** | | Mở đầu | Có dẫn dắt và nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận |  | | Nội dung chính | Có nêu và làm rõ ý kiến của em về vấn đề |  | | Kết thúc | Khẳng định lại ý kiến và thông điệp chung. |  | |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Có người cho rằng: Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Có người cho rằng: Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?**  **Gợi ý:** |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề: Có người cho rằng: Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?  2. Nội dung chính  - Game online – trò chơi trực tuyến (rất quyến rũ, lôi cuốn người chơi đặc biệt là giới trẻ bởi nội dung phong phú, đa dạng, li kì huyền ảo, hấp dẫn…).  - Game online – bản thân nó không phải một điều xấu (cũng đem lại cho người chơi nhiều lợi ích như: giải trí, xả bớt căng thẳng, giết thời gian rảnh rỗi, thể hiện cá tính, mở rộng mối quan hệ, nhưng cái tiêu cực mà nó mang đến lại vô cùng nguy hại, ảnh hưởng rất lớn đến tâm hồn, thể xác của giới trẻ…).  - Tác hại của game:  + Tốn kém thời gian, tiền bạc, lơ là học tập…  + Sức khỏe bị suy giảm dẫn đến suy nhược cơ thể, sinh nhiều bệnh nguy hiểm (trong đó có những căn bệnh về thần kinh rất tốn tiền điều trị, mất thời gian, khó chữa, có trường hợp dẫn đến cái chết…).  + Bị tha hóa (khiến người ta quên đi tất cả, hờ hững xa lánh người thân, tính khí thất thường, ảnh hưởng đến phát triển nhân cách, băng hoại đạo đức, có thể dẫn đến phạm tội…).  + Nhầm lẫn thực ảo, xa rời thực tế, ít quan tâm đến đời sống thực…  + Nguồn nhân lực lao động trong tương lai bị giảm sút, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của xã hội…  - Biện pháp phòng chống:  + Giáo dục giới trẻ sống lành mạnh, có lý tưởng, biết ước mơ và khao khát biến ước mơ thành hiện thực…  + Giúp họ nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng game online.  + Nhà nước phải có những quy định chặt chẽ, có hệ thống về sản xuất chương trình, về dịch vụ kinh doanh game online và giám sát việc thực hiện có hiệu quả…  + Gia đình dành thời gian quan tâm, chăm sóc, yêu thương, chia sẻ, cảm thông, tôn trọng con cái; không nuông chiều vô lối, cũng không quá khắc nghiệt, không ép con học quá sức…  + Không lập tức cấm cản bằng thái độ gay gắt, hoặc quát mắng hay dùng vũ lực, dành nhiều thời gian gần gũi, khuyên bảo, quan tâm, giám sát, đưa đến các chuyên gia tư vấn và phòng khám tâm thần để điều trị…  + Nhà trường động viên, giúp trẻ nhận thức được mặt tiêu cực của nghiện game online, giúp trẻ hòa nhập, vui chơi với các bạn cùng trang lứa, khích lệ các em làm những việc có ích…  - Đề xuất:  + Xã hội cần quan tâm đến giới trẻ (tạo điều kiện cho họ có nhiều chỗ vui chơi, giải trí và được vui chơi, giải trí lành mạnh, giúp họ bộc lộ cá tính, năng lực một cách tự nhiên…  + Chương trình học cần giảm tải, phương pháp dạy học tích cực (phát huy niềm đam mê học tập tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Không tạo ra áp lực khiến học sinh chán nản dễ đẩy các em tìm đến game online để giải tỏa).  + Các bậc cha mẹ cần quan tâm đến con cái nhiều hơn…  - Ý nghĩa của việc giúp mọi người nhận thức đúng đắn về game online:  + Làm chủ được bản thân, không mắc nghiện.  + Khai thác được mặt tích cực của game online: giải trí, rèn tư duy, xả stress…  **3. Kết thúc:** Khẳng định game không xấu, nếu xấu là do con người đã lạm dụng nó một cách quá đà. | |

**\* TỰ ĐÁNH GIÁ – HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**- ÔN LẠI KIẾN THỨC BÀI 2**

**- TỰ ĐÁNH GIÁ :**

1. Bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả trong hoàn cảnh nào?  
- Bài thơ thể hiện nỗi nhớ quê hương khi tác giả xa quê.  
  
 2. Hãy tưởng tượng và miêu tả hành động, ánh mắt, tâm trạng của nhà thơ được thể hiện qua các hình ảnh, từ ngữ trong khổ thơ kết.  
- Khổ cuối bài thơ, hình ảnh nhà thơ hiện lên đầy cô đơn ngắm nhìn khung cảnh nơi đất khách quê người, lòng nhớ quê hương da diết. Tác giả nhìn lên trời thấy mây trắng, nắng vàng, nhìn lại mình, đôi giày như điểm tựa, chỗ nghỉ chân cho người lữ khách xa quê. Bụi đất còn dính trên mũi giày cũng là bụi đất của quê hương người khác, không phải quê hương mình  
  
3. Sự đối lập trong hai khổ thơ đầu đã được phát triển như thế nào trong khổ kết của bài thơ? Điều đó đem lại cảm nhận gì cho người đọc về tâm trạng của tác giả khi ở chốn “quê người"?  
- Nếu hai khổ thơ đầu tác giả cảm thấy khung cảnh nơi xứ người cũng có đôi nét tương đồng với quê mình thì đến khổ hai đi sâu vào các chi tiết nhỏ, tác giả nhận ra sự khác lạ của cảnh vật, mọi thứ xung quanh đều rất xa lạ. Cuối cùng, đoạn thơ cuối tác giả nhìn cảnh vật mà nhớ về quê hương. Qua bài thơ, em cảm thấy nỗi nhớ quê hương da diết của một người con xa xứ, sống xa quê hương, luôn muốn tìm kiếm hình bóng quê hương quen thuộc trong từng khung cảnh và thấy vô vọng khi nhận ra nó khác lạ.

4. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?  
Em thích nhất hình ảnh “Tôi ngỡ là tôi lúc ở nhà”, đây là câu thơ cho thấy nỗi nhớ quê hương đã lớn đến mức chỉ cần nhìn thấy những cảnh vật quen thuộc là nhân vật trữ tình lại có cảm giác như được ở trên chính quê hương mình. Điều này cho thấy tình yêu to lớn của người con xa xứ với quê hương mình.

5. Hãy viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) để trình bày cảm nhận của em về tình cảm, tâm

sự của nhà thơ được thể hiện trong tác phẩm.  
 “Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người”

            Câu thơ trên đã phần nào thể hiện tầm quan trọng của quê hương đối với mỗi con người. Ai trong chúng ta cũng đều có quê hương. Quê hương là nơi ta được sinh ra và lớn lên, là nơi gắn liền với nhiều kỉ niệm tuổi thơ. Bài thơ “Quê người” đã cho ta thấy tình cảm sâu nặng của tác giả dành cho quê hương mình. Chúng ta ai rồi cùng phải trường thành, lớn khôn và sẽ có lúc phải rời xa quê hương nhưng hình ảnh quê hương luôn được khắc ghi trong tâm trí, để ta nhớ rằng ta luôn có một nơi để về. Quê hương là một phần quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người, giúp cho con người trở nên tốt đẹp hơn. Ai cũng phải có tình yêu đối với quê hương mình, nhà thơ Xan Đi-ê-gô cũng vậy, ông đã dành những tình cảm thiêng liêng, tốt đẹp nhất cho quê hương của mình qua những áng thơ tuyệt vời.

\* Chuẩn bị bài 3: Sao băng

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**BÀI 3 : VĂN BẢN THÔNG TIN**

**MỤC TIÊU CHUNG CỦA CHỦ ĐỀ**- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản; liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề

của xã hội đương đại.

- Nhận biết và giải thích được đặc điểm, chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

- Tóm tắt được nội dung bài thuyết trình về một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

- Thích tìm hiểu, giải thích về một hiện tượng tự nhiên và có ý thức vận dụng cách hiểu biết về hiện tượng tự nhiên và cuộc sống.

**Tuần 7:**

**Tiết 27,28,29: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: SAO BĂNG**

**(THEO HỒNG NHUNG)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cách trình bày thông tin trong bài, vai trò của sapô, cấu trúc bài, hình ảnh.

- Biết và lý giải được hiện tượng sao băng

**2. Kĩ năng:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

-Năng lực đặc thù: Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thích tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tự nhiên. Có ý thức vận dụng các hiểu biết về tự nhiên và thực tiễn.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh**: Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 27**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS Nghe và quan sát vi deo

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

Theo em, mọi người thường nghĩ gì về sao băng?

**https://youtube.com/shorts/saAJuKqS6dk?feature=share**

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

Như vậy quan sát rất kĩ , có rất nhiều ngôi sao băng trên bầu trời, điều này làm cho ta nhớ đến một tác phẩm chúng ta đã được học của nhà văn An-đec-xen đó chính là cô gái bán diêm rằng là khi có một vì sao đổi ngôi có nghĩa là có một linh hồn bay lên trời cùng với thượng đế. Một bạn cho rằng khi có một vì sao băng xuất hiện trên bầu trời, ta có thể nhắm mắt lại và nghĩ về một cái điều gì mà chúng ta mong muốn, một cái điều nguyện ước nào đó, mình sẽ cầu nguyện khi sao băng rơi, điều ước của mình sẽ trở thành hiện thự. Một bvaif bạn thì cho rằng phải dừng ngay suy nghĩ ngớ ngẩn ấy lại bởi vì suy cho cùng cậu ấy đang gửi điều ước của mình vào một cụ đá đấy....Vậy đâu sẽ là quan điểm đúng đắn về hiện tượng mưa sao băng, hi vọng là buổi học ngày hôm nay chúng ta sẽ được đi tìm kiếm, tìm hiểu, phát hiện về những bí ẩn về sao băng, cũng như là mưa sao băng.

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của truyện ngắn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **TÌM HIỂU VỀ TRI THỨC ĐỌC HIỂU** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, dự án  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc tri thức ngữ văn sgk trang/  Cách trình bày thông tin trong văn bản    **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên**  Trước các hiện tượng ấy, con người thường có nhu cầu tìm hiểu:  + Hiện tượng đó là gì?  + Tại sao lại có hiện tượng đó?  + Chúng có lợi hay có hại như thế nào?  + Cần làm gì để tận dụng lợi ích và khắc phục ảnh hưởng xấu của chúng  Văn bản tập trung nêu lên và trả lời các câu hỏi ấy bằng những kiến thức có cơ sở khoa học là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **2. Cách trình bày thông tin trong văn bản**  - Trong văn bản thông tin, nội dung ý tưởng và thông tin có thể được triển khai theo một cách hoặc kết hợp với những cách khác nhau như: trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nhân - quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng; trình bày hoàn toàn bằng phương tiện ngôn ngữ hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ,..  - Sách Ngữ văn 8 tiếp tục hướng dẫn về bố cục của đoạn văn để đọc hiểu và tạo lập  văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.  Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ,... được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu thị bằng các phương tiện ngôn ngữ. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Chiến thuật đọc:  + Chú ý nhan đề, sa-pô, tiêu mục, tiểu mục, loại chữ đậm, các ký hiệu gạch đầu dòng và số thứ tự, hình minh họa và ảnh...  + Phân tích cách đặt nhan đề của tác giả, nhận biết được mục đích của người viết.  + Thấy được ý nghĩa và tác dụng của cách trình bày trong văn bản  + Kết nối với việc hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống cá nhân và các hoạt động tra cứu khác để hỗ trợ việc tìm hiểu và vận dụng thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả, xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Đối tượng |  | | Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản |  | | Tín hiệu phi ngôn ngữ |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.    HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH  Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 28** | **1.** **Tác giả :**  Hồng Nhung,  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Theo Hồng Nhung, kienthutonghop.vn, 14-11-2020    - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin  - Đối tượng: Hiện tượng tự nhiên: Sao băng  - Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản: Cung cấp thông tin về sao băng, hình thức  - Tín hiệu phi ngôn ngữ: Hình ảnh minh họa sao băng |
| a) Mục tiêu:  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** TÌM HIỂU YẾU TỐ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN     |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản |  | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo |  | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản |  | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên |  | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản | Sao băng: Ngắn gọn, đề cập tới đối tương chính của văn bản | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo | Từ”Sao băng (hay sao sa)... đến “...thú vị này nhé”: sử dụng nhiều câu hỏi, khơi gợi sự hứng thú, tò mò để người đọc tiếp tục đọc văn bản; định hướng chủ đề của văn bản | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản | - P1: Sao băng là gì? Tại sao lại xuất hiện những cơn mưa sao băng? => Lí giải khái niệm, nguồn gốc sao băng, thông tin khoa học về mưa sao băng  - P2: Thấy sao băng rơi là điềm báo gì? => Điềm báo từ sao băng theo quan niệm duy tâm  - P3: Cách ước khi sao băng rơi như thế nào?  Bố cục được đánh dấu bằng các dòng chữ thẳng, in đậm | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên | Trình tự triển khai ý tưởng và thông tin:  - Khái niệm và nguồn gốc của hiện tượng mưa sao băng. Thời gian và cách quan sát mưa sao băng  - Ý nghĩa của hiện tượng  - Ứng dụng của hiện tượng trong thực tế  -> Trình tự này giúp người đọc lí giải được nguồn gốc, bản chất, hệ quả của hiện tượng tự nhiên; cung cấp những thông tin khoa học cụ thể về hiện tượng đó | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? | Hình ảnh sao băng: Văn bản hấp dẫn, lôi cuốn; người đọc dễ hình dung về hiện tượng tự nhiên này |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu hình thức văn bản** |
| Quan hệ giữa cách triển khai thông tin và mục đích  của văn bản  Mục đích: Cung cấp thông tin về sao băng, mưa sao  băng  + Khái niệm (là gì?)  + Nguyên nhân của hiện tượng này là gì?  + Chu kì và thời gian xuất hiện  + Cách để quan sát hiện tượng  + Điềm báo từ hiện tượng và những điều thú vị khác  Cách triển khai thông tin (nhóm thông tin) đã làm sáng tỏ nhiều điều cơ bản, thiết yếu về hiện tượng tự nhiên này |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ(kỹ thuật 635.)/ Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm hiểu về sao băng   |  |  | | --- | --- | | **Động não** | **Trong văn bản** | | 1. Khái niệm hiện tượng  2. Có tên gọi nào khác không? Tại sao lại gọi như thế  3. Hình thành khi nào? Từ bao giờ?  4. Ai phát hiện ra nó? Bằng cách nào?  5. Tại sao lại có hiện tượng này?  6. Hiện tượng này sẽ mang lại những điều gì?... | - Khái niệm và nguyên nhân, thời gian xảy ra và cách quan sát  - Ý nghĩa về duy tâm (điềm báo)  - Cách ước khi có sao băng |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Tìm hiểu nội dung văn bản**  - Khái niệm, nguồn gốc, thời gian, cách quan sát  + **Sao băng** là tia lửa thoáng qua trên bầu trời, là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào khí quyển của Trái Đất  + **Sao chổi** khi đến gần mặt trời, tan ra thành dải bụi; nếu lúc nó đi qua gần Trái Đất, dải bụi bay vào khí quyển, phát sáng xuất hiện mưa sao băng.  + **Sao băng** xuất hiện có chu kì, thường là một năm, Cách quan sát: từ những nơi gần xích đạo, có thể nhìn thấy các chòm sao.  - Ý nghĩa duy tâm (điềm báo)  + Một người nào đó vừa mất  + Sự thay đổi lớn (vua chúa, triều đại, đất nước)  + Tình yêu đôi lứa  - ỨNG DỤNG  Cách ước khi thấy sao băng  + Nhắm mắt lại  + Nghĩ về điều ước  + Điều ước ấy sẽ biến thành sự thật |
| Từ sơ đồ tư duy trên, em có nhận xét gì về hiện tượng sao băng, mưa sao băng và vũ trụ?  - Đây là hiện tượng tự nhiên rất thú vị, đẹp mắt và lãng mạn.  - Có nhiều lý giải khoa học về hiện tượng này nhưng vẫn luôn khiến cho người tò mò không biết còn bí ẩn nào nữa đằng sau hiện tượng này không?  - Vũ trụ bao la, rộng lớn, con người vẫn đang đi tìm kiếm và mở rộng hiểu biết của mình |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  1**. Nội dung:**  - Mục đích: Cung cấp những thông tin về sao băng  - Nội dung thông tin: nguồn gốc, nguyên nhân và cách thức quan sát, hệ quả của hiện tượng này  **2. Hình thức:**  - Nhan đề, sapo súc tích và gợi mở với nhiều câu hỏi hay  - Tiêu đề in đậm giúp người đọc dễ theo dõi bố cục và tập trung vào các ý chính |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 29**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một văn bản thông tin  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Vẽ sơ đồ tư duy bài học** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm kiếm các video về chủ đề sao băng và thực hành một vài các yêu cầu sau:

- Lý giải vì sao người ta gọi là sa sa, sao băng hay sao đổi ngôi?

- Vẽ mô phỏng lại sao băng và giới thiệu về sao băng trong khoảng năm đến bẩy câu.

- Tưởng tượng mình đang nhìn thấy một cảnh sao băng tả lại những gì anh thấy, những cảm nhận và suy nghĩ khi chứng kiến hiện tượng này.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.
* **Chuẩn bị bài:** Nước biển dâng

Tuần 7,8

Tiết 30,31: **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:NƯỚC BIỂN DÂNG**

**BÀI TOÁN KHÓ CẦN GIẢI TRONG THẾ KỈ XXI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cách trình bày thông tin trong bài, vai trò của sapô, cấu trúc bài, hình ảnh.

- Biết và lý giải được nguyên nhân tác hại của hiện tượng nước biển dâng.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Năng lực đặc thù: Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Từ nội dung văn bản, nhận ra được bài học và có ý thức trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 30**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS Nghe và quan sát vi deo

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

Xem vi deo và cho biết hiện tượng gì xảy ra trong vi deo? Em biết gì về hiện tượng đó?

**https://www.youtube.com/watch?v=aVldwfRxBzs**

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Nước biển dâng nó sẽ gây ra như thế nào đối với con người, kinh tế Việt Nam, hi vọng bài học hôm nay chúng ta sẽ giúp cho chúng mình có những lời giải đáp cũng như nhận ra xem con người có thể đưa ra những gải pháp nào để có thể hạn chế những thiệt hại do hiện tượng này gây ra.

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Chiến thuật đọc:  + Chú ý nhan đề, sa-pô, tiêu mục, tiểu mục, loại chữ đậm, các ký hiệu gạch đầu dòng và số thứ tự, hình minh họa và ảnh...  + Phân tích cách đặt nhan đề của tác giả, nhận biết được mục đích của người viết.  + Thấy được ý nghĩa và tác dụng của cách trình bày trong văn bản  + Kết nối với việc hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống cá nhân và các hoạt động tra cứu khác để hỗ trợ việc tìm hiểu và vận dụng thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả, xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Đối tượng |  | | Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản |  | | Tín hiệu phi ngôn ngữ |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.    HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1.** **Tác giả :**  Hồng Nhung,  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Theo Lưu Quang Hưng, tiasang.com.vn, 25-3-2020  - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin  - Đối tượng: Nước biển dâng  - Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản:  + Yếu tố hình thức: nhan đề, sapo, đề mục in đậm, biểu đồ...  + Yếu tố nội dung: Giải thích hiện tượng nước biển dâng  - Tín hiệu phi ngôn ngữ: Biểu đồ nước biển dâng |
| a) Mục tiêu:  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** TÌM HIỂU YẾU TỐ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN     |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản |  | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo |  | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản |  | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên |  | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản | - Nhan đề nêu ra hiện tượng chính, khơi sự tò mò của người đọc bằng phép ẩn dụ: nước biển dâng được ngầm hiểu như một bài toán khó cần tìm lời giải – tại sao vậy? | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo | - Từ “không chỉ đồng bằng...” đến “... thế kỉ XXI”: đã nêu ra vấn đề trọng tâm của văn bản nói tới | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản | - 3 phần, dựa trên các đề mục in đậm:  + Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân  + Mực nước biển sẽ dâng bao nhiêu?  + Lời kết | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên | - Theo mức độ quan trọng của thông tin:  + Nguyên nhân  + Biểu hiện  + Lời cam kết | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? | - Biểu đồ, số liệu  + Trực quan, người đọc dễ dàng tiếp nhận, ghi nhớ các thông tin  + Văn bản có căn cứ khoa học, số liệu cụ thể, thêm thuyết phục |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu hình thức văn bản** |
| Quan hệ giữa cách triển khai thông tin và mục đích  của văn bản  - Khái niệm  - Nguyên nhân  - Biểu hiện  - Thông điệp  => Làm rõ được bản chất của hiện tượng nước biển dâng, các khía cạnh của hiện tượng này; đặc biệt tập trung vào nguyên nhân để người đọc hiểu rõ về việc thích ứng với hiện tượng này là không hề dễ dàng |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ(kỹ thuật 635.)/ Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Những điều em muốn biết?  Là gì?  Thực trạng  Nguyên nhân  Hậu quả  Gải pháp  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** **Tìm hiểu hiện tượng nước biển dâng**    **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Tìm hiểu hiện tượng nước biển dâng**  a. Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân  - Vai trò của biển:  + Hơn ½ lượng oxi con người sử dụng  + Nguồn hải sản  + Vận chuyển ¾ hàng hóa tiêu dùng  + 40% dân số cư ngụ gần biển |
| Sự khác nhau của hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu và do các nguyên nhân khác là gì?  (1) Tác động của gió, bão, thủy triều  Lượng nước tăng lên rồi lại xuống, có tính chu kỳ hằng năm.  (2) Biến đổi khí hậu  - Diễn ra âm thầm, sự dâng lên thường rất nhỏ, chỉ vài mi-li-mét mỗi năm, rất khó nhận biết trực tiếp bằng mắt thường.  - Lượng nước biển tăng lên là vĩnh viễn và không đảo ngược được. | - Nguyên nhân  + Tác động của gió, bão, thủy triều  + Biến đổi khí hậu |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** **Tìm hiểu biểu hiện hiện tượng nước biển dâng** | **b. Biểu hiện**  **-** Từ CMCN lần thứ nhất tới nay: tăng 20 cm  **-** Nơi tăng nhiều: quanh hai cực của Trái Đất và gần “bể nước nóng nhiệt đới” giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương  **-** Mức tăng theo thời gian: không đồng đều; trong những năm gần đây đều tăng năm sau cao hơn năm trước  **-** Kịch bản xấu nhất: tăng 86 cm so với ngày nay  =>Nhận xét: nước biển vẫn tiếp tục tăng, là mối đe dọa lớn của con người trên Trái Đất |
| Hiện tượng được nêu trong văn bản liên quan gì đến Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung? Dẫn ra một số ví dụ trong văn bản cho thấy tác động của hiện tượng này?  - Vấn đề đặt ra trong văn bản ảnh hưởng tới Việt Nam và nhiều khu vực ven biển khác trên thế giới, đó là một thách thức với con người trong việc tìm hướng giải quyết, khắc phục hậu quả về hiện tượng này.  - Một số ví dụ trong văn bản cho thấy tác động của hiện tượng này:  + Khi kết hợp với triều cường, chúng sẽ có tác động rất lớn đến tương lai của những nơi có cư dân đông đúc như các thành phố Niu Ooc( New York). Van-cu-vơ( Vancouver),...  + Dự kiến vào cuối thế kỷ tới, mực nước biển sẽ tăng lên trong khoảng 35 đến 85cm, gây thiệt hại cho kinh tế toàn cầu hàng ngàn tỉ đô la Mỹ và nhiều hệ lụy về phát triển. |  |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 31**  HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Lời kết** | **3. Lời kết**  a. **Nội dung:**  - Khái quat lại những thông tin chính trong văn bản  - Chỉ ra mối đe dọa trong tương lai của hiện tượng nước biển dâng.  **b. Nhận xét:** Khái quát lại thông tin, nhấn mạnh thông tin mà người viết đưa ra, khẳng định lại một lần nữa đây là một trong những bài toán khó giải nhất của thế kỉ này( nhan đề đã nêu). |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  1**. Nội dung:**  - Giải thích hiện tượng nước biển dâng.  - Lời cảnh báo về nguy cơ đe dọa của hiện tượng này.  **2. Hình thức:**  - Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ hiệu quả.  - Có sapo ngắn gọn, các đề mục in đậm, người đọc dễ thu nhận thông tin. |
| **Lưu ý đọc hiểu:**  - Chú ý các chiến thuật đọc  - Tập trung vào các yếu tố: nhan đề, sapo, biểu đồ, con số đề mục in đậm. |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một văn bản thông tin  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Vẽ sơ đồ tư duy bài học** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. “Điều gì sẽ xảy ra với các doanh nghiệp và người dân nếu mực nước biển dâng lên vài mét”.

2. Những gì em có thể thực hiện được để góp phần chống lại biến đổi khí hậu hiện nay?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

\*\***Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

+ Vẽ hình minh họa cho hiện tượng này: biểu hện, nguyên nhân

+ Tìm hiểu thêm các thông tin về hiện tượng nước biển dâng và biến đổi khí hậu

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Thực hành Tiếng Việt

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 8 :

**TIẾT 32: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁC ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH, QUY NẠP, SONG HÀNH, PHỐI HỢP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được các sự kiện, số liệu, hình ảnh.

- Nhận biết và giải thích được đặc điểm chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Thực hành tạo lập đoạn văn theo các mô hình đã học.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

-Năng lực đặc thù: Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Khi nào chúng ta cần viết đoạn văn?

+ Khi viết bài luận/ đoạn văn trình bày ý kiến của mình.

+ Viết các đoạn văn biểu cảm về đối tượng nào đó.

Và chúng ta viết đoạn văn ở trong những hoàn cảnh nào?

Hãy viết đoạn văn 8-10 câu trình bày suy nghĩ của em về tác hại của El Nino

Kĩ năng viết đoạn văn:

+ Tiểu học

+ Lớp 6,7,8

Mô hình đoạn văn- cách thức triển khai ý kiến, lập luận.

Cách tạo lập và sử dụng.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học : 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs hiểu vai trò của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **1. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Khi muốn thể hiện tình yêu của mình dành cho một người, chúng ta có những cách nào?  Theo em, chúng ta có bao nhiêu cách để truyền tải thông tin?    **Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là gì?**  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Là quá trình truyền tải và nhận thông tin mà không cần sử dụng lời nói hoặc viết.  - Được dùng phối hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu thị bằng các phương tiện ngôn ngữ  - Trong văn bản: biểu đồ, kí hiệu, hình ảnh, số liệu  - Trong trò chuyện trực tiếp: cái cúi đầu, cái lắc đầu, gật đầu, xòe bàn tay.... |
| a) Mục tiêu: Hs hiểu vai trò của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **2. Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Đoạn văn diễn dịch, đoạn văn quy nạp, đoạn văn song song, đoạn văn phối hợp.   |  |  | | --- | --- | | **Loại đoạn văn** | **Đặc điểm và chức năng** | | Diễn dịch |  | | Quy nạp |  | | Song song |  | | Phối hợp |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **a) Diễn dịch**  - Đi từ ý khái quát đến ý cụ thể  - Câu chủ đề đặt ở đầu đoạn  - Các câu còn lại phát triển ý ở câu chủ đề  **b)** Quy nạp  - Đi từ ý cụ thể đến ý khái quát  - Câu chủ đề đặt ở cuối đoạn  - Các câu trước câu chủ đề là các ý phụ, giải thích cho phần kết luận cuối đoạn  c) Song song  - Không có câu chủ đề  - Các câu có quan hệ bình đẳng, cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau đó  d) Phối hợp  - Câu chủ đề xuất hiện ở đầu đoạn và cuối đoạn( là sự phối hợp cách trình bày ở đoạn diễn dịch và quy nạp) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Từ việc đọc hiểu và dựa vào Biểu đồ của bài Nước biển dâng, em hãy cho biết tác dụng của biểu đồ trong văn bản.  Hình 1. Nước biên dâng từ cuối thê ki XIX  đến năm 2020 từ các nguồn dữ liệu khác nhau.  (Nguồn: Church ct al., 2013)   |  |  | | --- | --- | | **Biểu đồ** | **Tác dụng** | |  | - Minh họa là rõ nội dung được trình bày trong văn bản  - Mực nước biển từ năm 1880 đến năm 2000 ngày một dâng cao hơn.  - Cụ thể đã dâng lên đến hơn 0,2 mét( tương đương với 20 xăng-ti- mét) |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 1**  - Minh họa là rõ nội dung được trình bày trong văn bản  - Mực nước biển từ năm 1880 đến năm 2000 ngày một dâng cao hơn.  - Cụ thể đã dâng lên đến hơn 0,2 mét( tương đương với 20 xăng-ti- mét)  - Khiến văn bản thu hút người đọc hơn, ta dễ dàng nắm bắt, ghi nhớ thông tin qua các biểu đồ. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số liệu** | **Tác dụng** | | a | 40% dân số  600 triệu người  10 mét |  | |  | | b | 28 trên 64 tỉnh thành; Hơn 3000ki-lô-mét |  | | c | 72% |  | | d | 35-85 xăng-ti-mét |  |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  - Nhấn mạnh, khẳng định sự ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đến cuộc sống của con người.  - Tăng tính xác thực, sức thuyết phục, tính khách quan cho lập luận của người viết. |
| Rút ra được điều gì khi đọc, tạo lập văn bản thông tin?  - Chú ý đọc các phương tiện gioa tiếp phi ngôn ngữ khi phân tích, tìm hiểu văn bản thông tin.  - Suy nghĩ về việc tại sao tác giả lại sử dụng biểu đồ, hình ảnh, số liệu đó. |  |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | | **Đoạn văn** | **Phân loại** | **Câu chủ đề** | | **a** | Diễn dịch | Bên cạnh thuỷ triều, mực nước biển còn bị ảnh hưởng bởi tác động của khối không khí trên mặt biển, đặc biệt là gió. | | **b** | Song song | **không có** | | **c** | Quy nạp | Có thể nói lũ lụt gây nhiều thiệt hại trực tiếp về vật chất đối với người dân. | | **d** | Phối hợp | Không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà lũ lụt còn gây thiệt hại cả về con người, cướp đi sinh mạng của rất nhiều người.  Như vậy, có thể thấy lũ lụt gây thiệt hại nghiêm trọng về người. |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3:** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Chọn một trong hai đề sau:

a) Viết một đoạn văn diễn dịch (khoảng 5 – 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người. Chỉ ra câu chủ đề trong đoạn văn đó.

b) Viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 5 – 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tác hại của lũ lụt. Chỉ ra câu chủ đề trong đoạn văn đó.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

- Hình thức: Đoạn văn diễn dịch- câu chủ đề đặt ở đầu đoạn, dung lượng 5-7 dòng

- Nội dung: ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người.

Câu chủ đề: hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người.

Trước hết, ý nhỏ 1

Trước hết, nước biển dân khiến nhiều vùng đất nông nghiệp, thành phố, nơi ở và sinh hoạt của con người biến mất.

Hơn thế nữa, ý nhỏ 2...

Đặc biệt, ý nhỏ 3...

Cuối cùng, ý nhỏ 4...

**\* Kết luận, đánh giá.**

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, về sưu tầm thêm các đoạn văn/ thơ có sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa hoặc có sắc thái nghĩa hay, thú vị, góp phần tăng giá trị diễn đạt cho văn bản ...

**- Chuẩn bị: Ôn tập giữa kì 1**

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 8 :

**TIẾT 33,34: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- Đánh giá năng lực đọc hiểu VBVH: ở 3 chủ đề 1,2,3

- Đánh giá năng lực tạo lập văn bản: ở 3 chủ đề 1,2,3

- KTĐG kiến thức thưc hành tiếng Việt: ở 3 chủ đề 1,2,3

***2. Năng lực:***

- Đọc - viết – nói và nghe:

- Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm:Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học thống. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng truyền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 33**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Giúp học sinh kết nối kiến đã học vào nội dung ôn tập, tạo tâm thế hào hứng cho việc ôn tập.

***b. Nội dung:***Hs nghe nhớ lại và trả lời câu hỏi

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| Đi tìm tác phẩm văn học: Quan sát những bức trang dưới đây kết hợp với các từ khóa bên dưới em hãy đoán tên của tác phẩm văn học đã được học trong nửa đầu kì 1 | | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  ***a. Mục tiêu:***  Củng cố, hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu, thực hành tiếng việt và tạo lập văn bản trong 8 tuần đầu của học kì.  ***b. Nội dung:*** hệ thống được các kiến thức thông qua các câu hỏi và các phiếu học tập  ***c. Tổ chức thực hiện:*** | | | |
| **Kĩ thuật công đoạn**    **Nhóm 1:** Nhắc lại đặc điểm của truyện ngắn  **Nhóm 2:** Thơ 6 chữ, 7 chữ  **Nhóm 3:** Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên | | **A, ÔN TẬP KIẾN THỨC**  I. PHẦN ĐỌC HIỂU | |
| **1. Truyện ngắn** là thể loại tự sự cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật.  Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến nhân vật; sử dụng chi tiết và cô đúc; lối hành văn mang nhiều ẩn ý. Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ, lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện ngắn giàu tính triết lí, trào phúng, châm biếm, hài hước, có truyện ngắn rất giàu chất thơ, …  Vì vậy, vì truyện ngắn thuộc TỰ SỰ, vì vậy khi tìm hiểu truyện ngắn luôn luôn cần cần chú ý ba yếu tố cơ bản: Cốt truyện – nhân vật – chủ đề, đề tài Thể loại truyện ngắn HS đã được làm quen với một số tác phẩm từ lớp 6 (Chích Bông ơi! – Cao Duy Sơn,…) và lớp 7 (Buổi học cuối cùng – An – phông – xơ Đô đê) và tiếp tục với lớp 8.  Ví dụ về tình huống độc đáo: Tình huống tặng áo của Sơn và Lan cho Hiên trong Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam) 2. Tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học Tưởng tượng là tạo ra trong tâm trí hình ảnh những cái không có trước mắt hoặc chưa hề có. Tưởng tượng gắn với nhiều công việc và lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống con người. Văn học phản ánh đời sống bằng hình tượng nghệ thuật. Vì thế khi sáng tác, các nhà văn vận dụng trí tưởng tượng để tạo ra cuộc sống như thật trong tác phẩm của mình. Không chỉ các nhà văn mà độc giả khi đọc văn bản văn học cũng phải tưởng tượng. Nhờ có tưởng tượng mà hình ảnh, âm thanh, hoạt động…của sự vật (con người, vật, phong cảnh,...) tỏng tác phẩm đều có thể hiện lên trước mắt người đọc như thật.  Ví dụ: Nhờ trí tưởng tượng, người đọc như nhập được vào thế giới của tác phẩm với những cảnh sắc yên ả, thanh bình và hòa chung tâm trạng “nao nức” của nhà văn Thanh Tịnh trong truyện ***Tôi đi học*:** *Hằng năm, cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường*. 3. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học **Nhan đề** là tên của văn bản, thường do tác giả đặt. Có những nhan đề có ý nghĩa gắn với chủ đề của văn bản, gợi mở cho người đọc nhiều suy nghĩ,… **Ví dụ**, với nhan đề ***Tắt đèn***, Ngô Tất Tố gợi lên hình ảnh cuộc sống tối tăm, nghèo đói và số phận bi thảm của người nông dân trong xã hội cũ. Nhan đề ***Bệnh sĩ*** (Lưu Quang Vũ) thể hiện rõ chủ đề trung tâm của vở kịch: phê phán thói háo danh, sĩ diện hão, “bệnh” thành tích. Nhan đề bài thơ ***Quê người*** (Vũ Quần Phương) gợi cho người đọc liên tưởng và nghĩ đến quê nhà,…  Tuy nhiên, cần lưu ý, không phải nhan đề nào cũng hàm chứa ý ngĩa, thông điệp của tác phẩm.  Có nhiều cách đặt nhan đề văn bản văn học, sau đây chỉ nêu một số cách phổ biến:  - Lấy tên một nhân vật chính trong tác phẩm, như: ***Lão Hạc*** (Nam Cao),  ***Lượm*** (Tố Hữu), ***Vũ Như Tô*** (Nguyễn Huy Tưởng),…  - Lấy tên một sự vật, sự kiện, hiện tượng, hình ảnh cụ thể,… có trong tác phẩm, như: ***Tôi đi học*** (Thanh Tịnh), ***Tiếng gà trưa*** (Xuân Quỳnh), ***Cái kính*** (A- dít Nê xin), ***Buổi học cuối cùng*** (An – phông – xơ Đô – đê (Alphonse Daudet)),…  - Lấy tên một địa danh cụ thể được nói tới trong tác phẩm, như ***Qua đèo Ngang*** (Bà Huyện Thanh Quan), ***Việt Bắc*** (Tố Hữu), ***Đất rừng phương Nam*** (Đoàn Giỏi), ***Nếu mai em về Chiêm Hóa*** (Mai Liễu),…  - Dựa vào ý khái quát của toàn bộ nôi dung tác phẩm, như: ***Bước đường cùng*** (Nguyễn Công Hoan), ***Mẹ và quả*** (Nguyễn Khoa Điềm), ***Búp sen xanh*** (Sơn Tùng), …  - Các tác phẩm trung đại thường lấy nhan đề gần với thể lại như: ***Hịch tướng sĩ*** (Trần Quốc Tuấn), ***Đại cáo bình Ngô*** (Nguyễn Trãi), ***Chiếu dời đô*** (Lý Công Uẩn),..  - Có khi dùng Không đề, Vô đề hoặc nhan đề bằng chữ số, … để cho người đọc tự suy ngẫm.  => Việc hiểu thêm về vai trò của tác phẩm giúp chúng ta có thể hiểu tthêm thế giới nghệ thuật của tác phẩm văn học, đồng thời cũng cung cấp thêm công cụ để HS có thể đặt nhan đề cho bài viết của mình.  -> Một tác phẩm nghệ thuật độc đáo có thể nhìn nhận từ nhan đề  **1. Thể thơ 6 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 6 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền( vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ( hoặc vần cách(vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c)Nhịp thơ:** Thơ 6 chữ thường ngắt nhịp: 2/2/2; 2/4 hoặc 4/2, có khi 3/3) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt.  Ví dụ:  Nhà mình sát đường / họ đến  Có cho/ thì có là bao  Con không bao giờ / được hỏi  Quê hương họ/ ở nơi nào  ( Dặn con- Trần Nhuận Minh)  **2. Thể thơ 7 chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm 7 chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b) Gieo vần:** Thường là vần chân ( được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ 2, thứ 4 ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền( vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ( hoặc vần cách(vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ)  **c)Nhịp thơ:** Thơ 7 chữ thường ngắt nhịp: 4/3. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.  Ví dụ:  Tà áo nâu/ in giữa cánh đồng, Gió chiều cuốn bụi / bốc sau lưng. Bóng u / hay bóng người thôn nữ Cúi nón mang đi / cặp má hồng.  **3. Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong thơ**  - Bố cục là sự tổ chức, sắp xếp các dòng thơ, khổ thơ tương ứng với một nội dung nhất định để tạo thành bài thơ.  - Mạch cảm xúc là diễn biến dòng cảm xúc, tâm trạng của tác giả trong bài thơ  Ví dụ: Với bài thơ Nắng mới ( Lưu Trọng Lư) ở trên bằng cách đan xen quá khứ và hiện tại. Mạch cảm xúc của bài thơ là một hồi ức đẹp về người mẹ hiền từ, tác giả đó cũng thể hiện nỗi nhớ nhung, yêu thương với người mẹ của mình.  - Cảm hứng chủ đạo trong bài thơ là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt được thể hiện xuyên suốt tác phẩm nhằm thể hiện tư tưởng của tác giả  Nhan đề là tên của văn bản, thường do tác gỉa đặt. Có nhiều cách để đặt nhan đề:  - Chọn một chi tiết, hình ảnh, âm thanh, cảm xúc hay sự việc gây ấn tượng, gây nguồn cảm hứng cho tác giả “tiếng gà trưa”( Xuân Quỳnh)  - Dựa vào ý khái quát của toàn bộ bài thơ, ví dụ “Đường về quê mẹ”( Đoàn văn Cừ), “Quê người” ( Vũ Quần Phương)  - Có khi dung Không đề, Vô đề hoặc nhan đề bằng chữ số,... để cho người đọc tự suy ngẫm  **1. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên**  Trước các hiện tượng ấy, con người thường có nhu cầu tìm hiểu:  + Hiện tượng đó là gì?  + Tại sao lại có hiện tượng đó?  + Chúng có lợi hay có hại như thế nào?  + Cần làm gì để tận dụng lợi ích và khắc phục ảnh hưởng xấu của chúng  Văn bản tập trung nêu lên và trả lời các câu hỏi ấy bằng những kiến thức có cơ sở khoa học là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **2. Cách trình bày thông tin trong văn bản**  - Trong văn bản thông tin, nội dung ý tưởng và thông tin có thể được triển khai theo một cách hoặc kết hợp với những cách khác nhau như: trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nhân - quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng; trình bày hoàn toàn bằng phương tiện ngôn ngữ hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ,..  - Sách Ngữ văn 8 tiếp tục hướng dẫn về bố cục của đoạn văn để đọc hiểu và tạo lập  văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.  Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ,... được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu thị bằng các phương tiện ngôn ngữ. | | | |
| Nhóm 1: Trợ từ thán từ **Nhóm 2:** Sắc thái nghĩa của từ  **Nhóm 3:** Các kiểu đoạn văn | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  1. Trợ từ thán từ  - **Khái niệm:** Là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói.  **- Phân loại:** Đi kèm các từ ngữ trong câu: chính, đích, ngay, cả. Ở cuối câu: à, ư, nhỉ, nhé, cơ, cơ mà, thôi.  **- Ví dụ:** Tôi còn **tận** năm ngày để ôn thi. Mai mình đi chơi **nhé!**  - **Khái niệm:** Là những từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết hoặc dùng để gọi đáp.  **- Phân loại:**  + Bộc lộ tình cảm, cảm xúc: **ái, ô hay, a ha, trời ơi...**  + Gọi đáp: **này, ơi, dạ, vâng,...**  **- Ví dụ:**  + **Này**, cậu đi đâu đấy?  + **Giời ơi**! tớ phải đi làm bài thi đây này?  2. **Sắc thái nghĩa của từ**  Khái niệm sắc thái nghĩa của từ:  + Là nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ  + Là những khác biệt rất nhỏ và tinh tế giữa các từ tương tự  - Vai trò:  + Tạo ra nét riêng sự phong phú của kho từ vựng  + Hiểu về sắc thái giúp ta lựa chọn từ ngữ để diễn đạt tốt hơn cảm xúc, suy nghĩ và phát triển vốn từ  **Ví dụ:**  Sắc thái miêu tả: xanh mượt, xanh biếc  Sắc thái biểu cảm: anh, kẻ, hắn, chàng....  3. Các kiểu đoạn văn  **1. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**  - Là quá trình truyền tải và nhận thông tin mà không cần sử dụng lời nói hoặc viết.  - Được dùng phối hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu thị bằng các phương tiện ngôn ngữ  - Trong văn bản: biểu đồ, kí hiệu, hình ảnh, số liệu  - Trong trò chuyện trực tiếp: cái cúi đầu, cái lắc đầu, gật đầu, xòe bàn tay....  **2. Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song**  **a) Diễn dịch**  - Đi từ ý khái quát đến ý cụ thể  - Câu chủ đề đặt ở đầu đoạn  - Các câu còn lại phát triển ý ở câu chủ đề  **b)** Quy nạp  - Đi từ ý cụ thể đến ý khái quát  - Câu chủ đề đặt ở cuối đoạn  - Các câu trước câu chủ đề là các ý phụ, giải thích cho phần kết luận cuối đoạn  c) Song song  - Không có câu chủ đề  - Các câu có quan hệ bình đẳng, cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau đó  d) Phối hợp  - Câu chủ đề xuất hiện ở đầu đoạn và cuối đoạn( là sự phối hợp cách trình bày ở đoạn diễn dịch và quy nạp) | | |
|  | **III, PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN** | | |
| Nhóm 1,2: Viết bài văn kể lại một chuyến đi(tham quan di tích lịch sử, văn hóa )  Nhóm 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ.  Nhóm 4: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. | Viết 1: Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội  Viết 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 6 chữ, 7 chữ.  Viết 3: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. | | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:    **TIẾT 34**  **B. LUYỆN ĐỀ**  TRONG LỜI MẸ HÁT Tuổi thơ chở đầy cổ tíchDòng sông lời mẹ ngọt ngàoĐưa con đi cùng đất nước *Chòng chành nhịp võng ca dao.*  *Con gặp trong lời mẹ hát*  *Cánh cò trắng, dải đồng xanh*  *Con yêu màu vàng hoa mướp*  *“Con gà cục tác lá chanh”.*  *…*  *Thời gian chạy qua tóc mẹ*  *Một màu trắng đến nôn nao*  *Lưng mẹ cứ còng dần xuống*  *Cho con ngày một thêm cao.*  *Mẹ ơi, trong lời mẹ hát*  *Có cả cuộc đời hiện ra*  *Lời ru chắp con đôi cánh*  *Lớn rồi con sẽ bay xa.*  *(Trong lời mẹ hát-Trương Nam Hương)* Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 7): Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?   1. Sáu chữ 2. Bảy chữ 3. Lục bát   D. Tự do  **Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:**  A. Tự sự  B. Trữ tình  C. Biểu cảm  D. Miêu tả  **Câu 3. Nội dung chính của khổ thơ cuối là gì?**  **A.** Tình cảm gắn bó, yêu kính dành cho mẹ, sự yêu mến với quê hương mộc mạc, nghĩa tình **B.** Tình cảm gắn bó, biết ơn và thương nhớ mẹ khi người con đã khôn lớn.  **C.** Tình yêu quê hương đất nước hòa quyện với tình mẹ ngọt ngào.  **D.** Công lao của mẹ nuôi dạy con từ thời thơ bé qua những lời ru ầu ơ.  **Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai dòng thơ cuối của khổ đầu tiên?**  A. Đảo ngữ, ẩn dụ.  B. Ẩn dụ, điệp ngữ  C. Hoán dụ, ẩn dụ  D. So sánh, đảo ngữ  **Câu 5. Từ “nôn nao” trong dòng thờ “Một màu trắng đến nôn nao” được hiểu như thế nào?**  A. Có cảm giác khó chịu trong người, như bị chao đảo, chóng mặt, buồn nôn.  B. Có cảm giác mệt mỏi khi nhắc tới điều gì đó.  C. Ở trạng thái xao động trong tình cảm khi đang mong mỏi hoặc gợi nhớ đến điều gì.  D. Cả A và C đều đúng.  **Câu 6. Trong bài thơ trên có hình ảnh trong lời hát được miêu tả. Đó là những hình ảnh nào?**  A. Cuộc đời, dòng sông, cổ tích, ca dao.  B. Cánh cò trắng, cánh đồng, hoa mướp.  C. Cánh cò, dòng sông, ca dao, cổ tích.  D. Cánh cò, cánh đồng, dòng sông, hoa mướp.  **Câu 7. Nhan đề “Trong lời mẹ hát” có ý nghĩa gì?**  A. Trong lời mẹ hát là một nhan đề đẹp ở sự bình dị, gợi ra thế giới tuổi thơ với tình yêu thương của mẹ đã được thể hiện trọn vẹn qua những lời ru.  B. Trong lời mẹ hát là một nhan đề ngắn gọn, thể hiện được nội dung của bài thơ là những lời hát ru của mẹ.  C. Trong lời mẹ hát khẳng định rằng những lời hát ngọt ngào của mẹ đã đi cùng tuổi thơ con.  D. Cả ba đáp án trên đều sai. Câu 8. Hãy tưởng tượng và miêu tả vẻ đẹp của quê hương, đất nước mình qua lời ru của mẹ bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.Câu 9. Cảm nhận về vẻ đẹp của hai câu thơ sau: *“Lưng mẹ cứ còng dần xuống Cho con ngày một thêm cao”* Câu 10. Bài thơ gợi em nhớ đến những vần thơ nào cũng là lời của người con thể hiện lòng biết ơn về công ơn sinh thành, nuôi nấng của mẹ. Hãy ghi lại hai dòng thơ mà em thích nhất trong bài thơ đó, ghi rõ tên tác giả, tác phẩm. HƯỚNG DẪN: 1A, 2C, 3A, 4A, 5D, 6B, 7A.  **Câu 8.**  **-** Hình thức đoạn văn: 5-7 câu, dùng phương thức miêu tả.  - Nội dung: miêu tả được vẻ đẹp của quê hương, đất nước dựa vào lời ru của mẹ và nêu được cảm xúc của em( 1 câu)  + Cánh đồng lúa bát ngát xanh, với những cánh cò trắng bay la đà.  + Những bông hoa mướp vàng tươi, ướp vào khu vườn mùi hương dịu dàng, man mác.  **Câu 9.** Nội dung chính của hai câu thơ là gì?  Về nghệ thuật, câu thơ đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Có những từ ngữ nào thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình?  **Câu 10.**  **1. Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm)**  Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên  Còn những bí và bầu thì lớn xuống  **2. Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương)**  Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn  Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày | | | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1. Ôn tập các nội dung trong bài 1 và 2

2. Chuẩn bị: Buổi sau làm bài kiểm tra giữa kì

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 9 :

**TIẾT 35,36: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- KTĐG năng lực đọc hiểu VBVH: ở 3 chủ đề 1,2,3

- KTĐG năng lực tạo lập văn bản: ở 3 chủ đề 1,2,3

- KTĐG kiến thức thưc hành tiếng Việt: ở 3 chủ đề 1,2,3

***2. Năng lực:***

- Viết – Đọc hiểu:

- Vận dụng suy nghĩ làm bài kiểm tra

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bài kiểm tra – Giáo án

**2. Học liệu:** Giấy kiểm tra – Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | TRUYỆN NGẮN | **4** | **0** | **1** | **1** |  | **2** |  |  | **60** |
| **2** | **Viết** | *Viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ 6 chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | TRUYỆN NGẮN | **Nhận biết**:  - Nhận biết được ngôi kể, phương thức biểu đạt, từ láy, kiểu câu  **Thông hiểu**:  - Hiểu được ý nghĩacủa nhân vật  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp từ câu chuyện  **-** Viết được đoạn văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của mình về thông điệp rút ra | 3TN | 2TN | 3TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | *Viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ 6 chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.* | **Nhận biết:**    **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các kĩ năng viết doạn văn biểu cảm để làm bài  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **2TN** | **3 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**3. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

  Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

*- Chiếc xe này của bạn đấy à?* . Cậu bé hỏi.

- *Anh* *mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy.* Tôi trả lời, không giấu vẻ  tự hào và mãn nguyện.

*- Ồ, ước gì tôi...* Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

-*Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế!* . Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- *Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.*

(*“Hạt giống tâm hồn”*, tập 4, nhiều tác giả. NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006)

**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi từ 1 đến 5 và viết chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời đó vào giấy làm bài**

**Câu 1. Câu chuyện trên được kể theo ngôi nào?**

1. Ngôi thứ ba B. Ngôi thứ nhất C. Ngôi thứ nhất số nhiều D. Ngôi thứ hai

**Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:**

1. Biểu cảm B. Tự sự C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 3.** Đoạn văn **“**Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.” gồm mấy từ láy?

1. 2 từ B. 3 từ C. 4 từ D. 5 từ

**Câu 4. Xét về mục đích nói, câu "Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế !" thuộc kiểu câu gì?**

A. Câu cầu khiến B. Câu nghi vấn C. Câu cảm thán D.  Câu trần thuật

**Câu 5.** Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?

A. Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào cho người em.

B. Cậu bé ước trở thành người anh có tình thương em, mang lại niềm hạnh phúc cho em.

C. Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương.

D. Gồm các ý A,B,C

**Câu hỏi vận dụng: (3,5đ)**

**Câu 6.** Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm” có ý nghĩa gì?

**Câu 7.** Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

**Câu 8.** Em hãy viết một đoạn văn khoảng 100 chữ về thông điệpvăn bản trên gửi đến**?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

*Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ sau:*

**Quê hương**

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là cầu tre nhỏ

Mẹ về nón lá nghiêng che

Là hương hoa đồng cỏ nội

Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí

Là hồng tím giậu mồng tơi

Là đỏ đôi bờ dâm bụt

Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

**(**Đỗ Trung Quân)

**4. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:  - Câu văn cho ta biết rõ hơn về sự trăn trở và lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé: trở thành người anh đáng tự hào.  - Câu văn cho thấy lòng quyết tâm cao độ của cậu bé muốn biến ước mơ của mình thành hiện thực.  - Cậu bé đang nung nấu quyết tâm thực hiện ước mơ của mình là tặng xe lăn cho người em tật nguyền.  Các câu trả lời tương tự... | 1,0 |
| **7** | Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể rút ra một bài học nào đó miễn là hợp lí, có sức thuyết phục. Chẳng hạn như: Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người... | 1,0 |
| **8** | Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận xã hội:  - Mở đoạn: nêu vấn đề nghị luận  - Thân đoạn: Trình bày suy nghĩ về thông điệp mà văn bản gợi ra(Chẳng hạn như: Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người...)  + Giải thích  + Bàn luận  + Mở rộng  - Kết đoạn: Khẳng định vấn đề, rút ra bài học | 1,5 |
| **II** |  | VIẾT | 4,0 |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ 6 chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.* | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn biểu cảm  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | **Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ.  **Thân đoạn:** Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **Kết đoạn:** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lời văn trong sáng. | 0,25 |

\* Thu bài: - Nhận xét giờ

\* HDVN: - Chuẩn bị bài Lũ lụt là gì ? Nguyên nhân và tác hại

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 9:

Tiết 37,38: **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**LŨ LỤT LÀ GÌ? NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI**

**(THEO MƠ KIỀU)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cách trình bày thông tin trong bài, vai trò của sapô, cấu trúc bài, hình ảnh.

- Biết và lý giải được nguyên nhân tác hại của hiện tượng nước biển dâng.

**2. Kĩ năng:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Năng lực đặc thù: Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Từ nội dung văn bản, nhận ra được bài học và có ý thức trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 37**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS Nghe và quan sát vi deo, điền thông tin

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, KWL

https://www.youtube.com/watch?v=CiCz9TB5fic&t=7s

Xem vi deo và cho biết hiện tượng gì xảy ra trong vi deo? Điền thông tin vào cột 1,2

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** KWL

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K  (Những điều em biết về lũ lụt) | W  (Những điều em muốn biết thêm) | L  (Những điều em học được) |
|  |  |  |

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Chắc hẳn sau khi chúng ta xem xong những chi tiết trong đoạn video hẳn đã giúp chúng ta nhớ lại câu chuyện truyền thuyết nổi tiếng về thời Hùng Vương. Đây là một câu chuyện truyền thuyết có khoác một chiếc áo tưởng tượng, kỳ ảo với rất nhiều chi tiết hoang đường, kỳ lạ và cũng được chắp cánh bởi trí tưởng tượng, phong phú của nhân dân ta xưa. Nhưng ở đằng sau lớp áo tưởng tượng, hoang đường ấy chúng ta thấy nó còn là mong ước của nhân dân về công cuộc trị thủy của cư dân nông nghiệp đồng bằng Bắc bộ từ ngàn đời nay. Sau khi các em điền thông tin vào cột 1, 2, ắt hẳn chúng ta đã rất tò mò xem, vậy lũ lụt theo một cách nhìn của khoa học thì lũ lụt là gì, nguyên nhân và tác hại của hiện tượng này như thế nào

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Chiến thuật đọc:  + Chú ý nhan đề, sa-pô, tiêu mục, tiểu mục, loại chữ đậm, các ký hiệu gạch đầu dòng và số thứ tự, hình minh họa và ảnh...  + Phân tích cách đặt nhan đề của tác giả, nhận biết được mục đích của người viết.  + Thấy được ý nghĩa và tác dụng của cách trình bày trong văn bản  + Kết nối với việc hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống cá nhân và các hoạt động tra cứu khác để hỗ trợ việc tìm hiểu và vận dụng thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả, xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Đối tượng |  | | Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản |  | | Tín hiệu phi ngôn ngữ |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.    HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1.** **Tác giả :**  Mơ Kiểu  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Theo Mơ Kiểu, khbvptr.vn, 2-11-2020  - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin  - Hiện tượng tự nhiên: lũ lụt  - Dấu hiệu nhận biết kiểu văn bản: Nội dung: Cung cấp thông tin về sao băng; Hình thức: Cách đặt tiêu đề, sapo, đề mục in đậm, hình ảnh minh họa  - Tín hiệu phi ngôn ngữ: Hình ảnh minh họa ngập lụt |
| a) Mục tiêu:  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** TÌM HIỂU YẾU TỐ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN     |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản |  | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo |  | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản |  | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên |  | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Nhận biết về nhan đề văn bản | Ngắn gọn, chỉ ra được chủ đề và các nội dung chính trong văn bản. | | 2. Sapo của văn bản là phần nào? Nêu tác dụng của sapo | Đoạn đầu tiên của phần đọc hiểu được in đậm: “Hiện nay...” đến “..như thế nào?”  Ngắn gọn, cập nhật tính thời sự của thông tin, đưa ra câu hỏi để gợi sự tò mò của người đọc. | | 3. Chỉ ra bố cục của văn bản và nội dung từng phần. Làm cách nào em nhận ra bố cục của văn bản | Chia làm 3 phần:  + P1: Lũ lụt là gì? + P2: Nguyên nhân gây ra lũ lụt  +P3: Tác hại của lũ lụt | | 4. Chỉ ra trình tự triển khai ý tưởng và thông tin, nhận xét về trình tự này khi trình bày về một hiện tượng tự nhiên | Trình tự triển khai ý tưởng: + Khái niệm  + Nguyên nhân  + Tác hại  Nguyên nhân – hệ quả: Cách triển khai này giúp người đọc dễ theo dõi, hiểu bản chất của hiện tượng tự nhiên và mối quan hệ với đời sống con người. | | 5. Ý nghĩa của việc sử dụng các loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là gì? | Hình ảnh minh họa: lũ lụt ở một làng quê.  Văn bản hấp dẫn và người đọc dễ hình dung về hiện tượng tự nhiên ấy như thế nào? |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu hình thức văn bản** |
| Quan hệ giữa cách triển khai thông tin và mục đích  của văn bản  - Khái niệm  - Nguyên nhân  - Biểu hiện  - Thông điệp  => Làm rõ được bản chất của hiện tượng nước biển dâng, các khía cạnh của hiện tượng này; đặc biệt tập trung vào nguyên nhân để người đọc hiểu rõ về việc thích ứng với hiện tượng này là không hề dễ dàng |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ(kỹ thuật 635.)/ Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Những điều em muốn biết?  Những điều em muốn biết?  Khái niệm  Nguyên nhân  Tác hại  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** **Tìm hiểu hiện tượng lũ lụt**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khái niệm** | **Nguyên nhân** | **Tác hại** | |  |  |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Tìm hiểu về nội dung văn bản**  Tìm hiểu về hiện tượng lũ lụt  - Khái niệm:  + Lũ: là hiện tượng ngập lụt, nước chảy xiết có khả năng cuốn trôi nhà cửa, cây cối; chia thành lũ ống, lũ quét, lũ sông.  + Lụt: là hiện tượng nước ngập trong một vùng đất với một khoảng thời gian nhất định.  + Lũ lụt: hiện tượng mức nước sông hồ quá lớn dẫn đến tình trạng ngập úng, nước tràn, vỡ đê, tràn vào khu dân cư.  - Nguyên nhân:  + Triều cường + Thảm họa sóng thần, thủy triều  + Mưa lớn kéo dài  + Tác động của con người  - Tác hại:  + Thiệt hại vật chất  + Thương vong về người  + Tác động xấu tới môi trường nước  nước |
| Cách tác giả giải thích hiện tượng lũ lụt trong văn bản này có gì đặc biệt?  - Làm rõ khái niệm bằng cách tách rõ các thành tố, phân loại chúng.  Chiếu hình ảnh minh họa |  |
| Qua bài học này, em có nhận xét gì về hiện tượng lũ lụt ở nước ta và trên thế giới nói chung?  - Hiện tượng tự nhiên quen thuộc.  - Gây nhiều thiệt hại về con ngừời, vật chất.  - Đến từ nhiều nguyên nhân tự nhiên và con người. |  |
|  |  |
|  |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  1**. Nội dung:** Lí giải hiện tượng lũ lụt, đưa ra khái niệm, nguyên nhân và tác hại.  **2. Hình thức:** Cách đặt nhan đề rõ ràng, phần sapo khái quát nội dung toàn văn bản, các đề mục chính thể hiện bố cục văn bản. |
| Lưu ý khi đọc văn bản thông tin:  - Cách đưa tin: nhan đề, sapo, các đề mục in đậm, in nghiêng, các kí hiệu gạch đầu, cộng đầu dòng.  - Nội dung: em hiểu gì về đối tượng được đưa tin |  |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 38**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Học sinh thiết kế và tạo ra một tấm áp phích để trưng bày trong nhà của mình thông báo cho gia đình về những điều họ nên làm để tạo sự an toàn trong trường hợp có lũ lụt lớn.  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | Học sinh thiết kế và tạo ra một tấm áp phích để trưng bày trong nhà của mình thông báo cho gia đình về những điều họ nên làm để tạo sự an toàn trong trường hợp có lũ lụt lớn. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm kiếm các thông tin về chủ đề lũ lụt và hoàn thành một một vài các yêu cầu sau:

1. Tại sao đôi khi người ta xây dựng các thành phố hoặc thị trấn gần một con sông ở vùng đồng bằng ngập lũ.

2. Tại sao chúng ta cần quan tâm đến lũ lụt.

3. Sử dụng những gì đã học về các loại lũ lụt để tạo áp phích tranh vẽ hoặc tờ rơi an toàn cho một thị trấn nằm trên vùng đồng bằng ngập lũ. Em sẽ nói gì để giúp người dân nơi này hiểu thêm về nguy cơ lũ lụt và những gì người dân có thể làm để giúp bảo vệ nơi ở của họ khỏi lũ lụt?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

\*\***Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

Đọc mở rộng và tìm kiếm thông tin về ít nhất một hiện tượng tự nhiên khác.

\*\***Chuẩn bị bài sau:..**

Tuần 10

**TIẾT 39,40: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH**

**MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Viết được văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

-Phát triển kỹ năng viết

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thích tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tự nhiên. Có ý thức vận dụng các hiểu biết về tự nhiên vào thực tiễn. Nhận ra được bài học và có ý thức trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 39**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật: Xem vi deo/ động não

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :** Xung quanh chúng ta có hàng ngàn hiện tượng tự nhiên. Có những hiện tượng vô hại, nhưng cũng có những hiện tượng nguy hiểm.

Kể tên một vài hiện tượng tự nhiên mà em quan tâm theo mô hình sau:

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Những hiện tượng tự nhiên trong đời sống vô cùng quen thuộc và gần gũi nhưng để có thể lý giải nó một cách cặn kẽ hay l cơ bản hơn chúng ta viết được một văn bản giới thiệu hoặc làm sáng rõ bản chất của hiện tượng tự nhiên nào đó thì chúng ta cần phải đầu tư thời gian nhiều hơn và phải dựa trên những kĩ thuật viết sách cơ bản và bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ hướng tới kĩ năng kỹ năng viết một văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên?*  *+ Khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần chú ý điều gì?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **a) Khái niệm**  - Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản thông tin nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó.  - Nội dung chính của loại văn bản này thường tập trung vào một số thông tin:  + Đó là hiện tượng gì?  + Biểu hiện như thế nào?  + Vì sao lại có hiện tượng đó?  + Tác dụng/ tác hại của hiện tượng đó như thế nào?  + Tận dụng/ phòng chống – khắc phục hiện tượng đó ra sao? |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: Thảo luận nhóm  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu của bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | | | **Tiêu chí** | **Thể hiện trong đoạn văn** | | Hình thức là một bài văn |  | | Các câu trong đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ |  | | Cấu trúc ba phần:  + Mở bài: giới thiệu hiện tượng tự nhiên  + Thân bài: trình bày các khía cạnh của hiện tượng( là gì, biểu hiện, như thế nào...)  + Kết bài: đánh giá chung về hiện tượng trong đời sống con người |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **b) Yêu cầu**   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu của bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | | | **Tiêu chí** | **Thể hiện trong đoạn văn** | | Hình thức là một bài văn | Cấu trúc 3 phần  : Mở, thân , kết | | Các câu trong đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ | Các từ liên kết hình thức: nhưng, và, sau đó... | | Cấu trúc ba phần:  + Mở bài: giới thiệu hiện tượng tự nhiên  + Thân bài: trình bày các khía cạnh của hiện tượng( là gì, biểu hiện, như thế nào...)  + Kết bài: đánh giá chung về hiện tượng trong đời sống con người | Cấu trúc ba phần:  + Mở bài: giới thiệu hiện tượng tự nhiên  + Thân bài: trình bày các khía cạnh của hiện tượng( là gì, biểu hiện, như thế nào...)  + Kết bài: đánh giá chung về hiện tượng trong đời sống con người |   **c) Các lưu ý**  - Đối tượng lựa chọn hiện tượng tự nhiên gần gũi với cuộc sống, hấp dẫn và phù hợp với trình độ hiểu biết của lứa tuổi.  - Thông tin:  + Hiện tượng khoa học, vì vậy cần phải có thông tin chính xác, sử dụng liên môn và nhiều nguồn tin cậy khác nhau.  + Các thông tin, số liệu trích dẫn cần ghi nguồn cụ thể và có thể nêu tên tại tài liệu tham khảo cuối bài văn.  - Văn bản cấu trúc đảm bảo ba phần mở bài, thân bài, kết bài |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy xác đinh yêu cầu đối với từng bước  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. 1. Thực hành viết theo các bước**  **Bài tập:** *Giới thiệu hiện tượng núi lửa.*  **Bước 1: Chuẩn bị:**    - Kiểu văn bản: Thuyết minh, giải thích về một hiện tượng tự nhiên  - Nội dung cần giải thích: Núi lửa và nguyên nhân hình thành núi lửa  - Phạm vi kiến thức: địa lí, lịch sử, hóa học  - Đọc, tìm hiểu, thu thập các thông tin về hiện tượng núi lửa. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Thực hành lọc thông tin  Đọc thông tin trong SGK (tr75), lựa chọn, sắp xếp các thông tin phù hợp trả lời cho những câu hỏi sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Là gì? |  | | | Có những loại nào? |  | | | Hoạt động ra sao? |  | | | Ảnh hưởng đến đời sống con người? |  |  | |  |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** |
| Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Là gì? | Mục d. Núi lửa được hình thành là do nhiệt độ bên dưới lớp bề mặt Trái Đất rất nóng, càng vào sâu trong tâm Trái Đất, nhiệt độ càng tăng cao. Ở độ sâu khoảng 20 dặm trong lòng đất, nhiệt độ có thể lên đến 6000 độ C, có thể làm tan chảy mọi thứ, kể cả các loại đá cứng | | | Có những loại nào? | Mục e. Có nhiều loại núi lửa. Việc phân loại tùy vào tiêu chí, chẳng hạn dựa vào hình dạng, có:  - Núi lửa hình chóp  - Núi lửa hình khiên  Dựa vào hoạt động, có:  - Núi lửa phun trào đang hoạt động (hay núi lửa thức)  - Núi lửa đang phục hồi dung nham (hay núi lửa đang ngủ)  - Núi lửa không còn khả năng hoạt động nữa (hay núi lửa chết) | | | Hoạt động ra sao? | Khi đã được đun nóng và tan chảy, chúng sẽ giãn nở ra, do đó, cần phải có nhiều không gian hơn, Ở một số khu vực trên Trái Đất, các dãy núi liên tục được nâng lên cao hơn. Áp suất ở phía dưới nó không lớn nên hình thành một hồ chứa đá nóng chảy hay còn gọi là mắc ma được hình thành bên dưới.  - Đá nóng chảy liên tục được đẩy lên phía trên và kết quả là những ngọn núi liên tục tăng về độ cao. Khi áp lực của các dòng chảy mắc ma cao hơn cộng với áp lực tạo bởi lớp đất đá bên trên, dòng mắc ma phun trào lên trên qua miệng núi gây ra hiện tượng núi lửa phun trào  - Trong quá trình núi lửa phun trào, khí ga nóng và các chất thể rắn khác cũng bị hất tung lên không trung. Những chất được phun trào ra từ miệng núi lửa sẽ rơi xuống,tràn lên sườn núi và chân núi, hình thành một ngọn núi hình nón. | | | Ảnh hưởng đến đời sống con người? | Lợi ích | Lợi ích mà núi lửa phun trào mang lại:  - Mỏ khoáng sản phong phú  - Năng lượng địa nhiệt  - Đất đai  Núi lửa góp phần phát triển hoạt động du lịch | | Tác hại | Tác hại do núi lửa gây ra:  - Đối với con người  - Đối với môi trường tự nhiên |   Mục a. núi lửa đã gây ra rất nhiều ảnh hưởng đến đời sống của con người, nhất là những người đang sống trong vùng gần núi lửa.  Xếp ở mục nào?  Câu khái quát cho đoạn văn về ảnh hưởng của núi lửa đến với đời sống con người. | |
| Quan hệ giữa cách triển khai thông tin và mục đích của văn bản  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Lập dàn ý cho bài văn   |  |  | | --- | --- | | Mở bài |  | | Thân bài |  | | Kết bài |  | | LẬP DÀN Ý |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Nội dung triển khai | Nhận xét | | Mở bài | Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên, đánh giá chung | Việc triển khai theo trình tự này phù hợp với mục đích văn bản: giới thiệu đối tượng; núi lửa. Không thể xáo trộn | | Thân bài | - Núi lửa là gì?  - Các loại núi lửa  - Nguyên lí hoạt động của núi lửa  - Lợi ích – tác hại | | Kết bài | Đánh giá chung và đề xuất giải pháp khắc phục | | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 40** | **Bước 3: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã lập và thông tin về núi lửa đã tìm được, viết văn bản thuyết minh giải thích về hiện tượng núi lửa.  - Lưu ý hoàn thiện cấu trúc một bài văn hoàn chỉnh; phối hợp các hình thức đoạn văn phù hợp: Diễn dịch, quy nạp, phối hợp.  - Chú ý về lối diễn đạt, chính tả.  - Có thể bổ sung một số ý ngoài gợi ý SGK, nhưng chú ý không lan man, dài dòng dẫn đến lệch yêu cầu đề bài. |
|  | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
|  | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song hành**  **a) Đoạn văn diễn dịch**  - Nêu ý khái quát  - Phát triển bằng các ý cụ thể  b)  **Đoạn văn quy nạp**  - Phát triển bằng các ý cụ thể  - Nêu ý khái quát  **c) Đoạn văn phối hợp**  - Phát triển bằng các ý cụ thể  - Nêu ý khái quát  - Tổng hợp các ý cụ thể |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua bài viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, tìm hiểu về các khu vực núi lửa ở Việt Nam.

+ Việt Nam có khu vực núi lửa hay không? Là những khu vực nào?

+ Phân loại núi lửa ở Việt Nam?

+ Ảnh hưởng của núi lửa tới đời sống con người xung quanh?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

- Chuẩn bị bài: Nói và nghe “Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 11:

**TIẾT 41,42: NÓI VÀ NGHE: TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT MINH**

**GIẢI THÍCH MỘT HIÊN TƯỢNG TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

*a. Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  **Phát triển kĩ năng tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên**

- HS tóm tắt được nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

-Trình bài bài tóm tắt ý chính theo mức độ

**2. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 41**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

+Nhớ lại kiến thức đã học hãy cho biết thế nào là văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên? Nội dung chính của các văn bản đó là gì?

+Hãy kể tên một số hiện tượng tự nhiên mà em biết? Nêu hiểu biết của em về một trong số những hiện tượng đó?

+Khi đọc một bài văn thuyết minh, làm thế nào để em có thể ghi nhớ lại được thông tin của các bài văn đó một cách ngắn gọn, nhanh chóng nhất?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành tóm tắt nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết yêu cầu tóm tắt được ý chính của bài trình bày  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Khi nghe người khác thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, để nắm được nội dung thông tin, cần làm gì?  Muốn tóm tắt được ý chính của bài trình bày, các em cần chú ý những gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | 1.1. Khi nghe người khác thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, để nắm được nội dung thông tin, cần biết tóm tắt ý chính của người nói. Tóm tắt ý chính của nội dung bài nói cũng giống như tóm tắt ý chính của một văn bản viết; về độ dài có thể khác nhau, nhưng cần nêu được các ý chính của bài trình bày. Kĩ năng tóm tắt văn bản có tác dụng rất lớn trong việc giúp các em nắm bắt nội dung chính của bài nói; rèn luyện kĩ năng tìm ý, lập dàn ý khi thực hành nói hoặc viết kiểu bài này.  **1.2. Muốn tóm tắt được ý chính của bài trình bày, các em cần chú ý:**  - Chú ý nghe kĩ nội dung thuyết minh giải thích mà người nói đã trình bày.  - Tùy theo yêu cầu tóm tắt để lựa chọn và ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn, ý nhỏ, các ví dụ minh họa tiêu biểu,.. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài tóm tắt được nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2, Thực hành**  Bài tập: *Nghe bạn thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa, ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.* |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và thực hành: *Nghe bạn thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa, ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.*  - GV yêu cầu HS tiến hành chuẩn bị theo các bước hướng dẫn trong SGK.  + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem lại nội dung thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa đã làm trong phần Viết.  + HS đọc lại các hướng dẫn trong phần 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe:   |  | | --- | | Núi lửa là gì? | | Có những loại núi lửa nào? | | Vì sao có hiện tượng núi lửa phun trào? | | Núi lửa phun trào mang lại những lợi ích và tác hại gì? |   - Sau 15 phút chuẩn bị, GV yêu cầu HS trình bày theo trình tự:  + Người nói trình bày vấn đề theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Người nghe ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bước 1: Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa đã làm trong phần Viết.  - Chú ý các hướng dẫn trong mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe.  **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý   |  |  | | --- | --- | |  | Nội dung triển khai | | Mở bài | Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên, đánh giá chung | | Thân bài | - Núi lửa là gì?  - Các loại núi lửa  - Nguyên lí hoạt động của núi lửa  - Lợi ích – tác hại | | Kết bài | Đánh giá chung và đề xuất giải pháp khắc phục | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 42** | **Bước 3:** Thực hành nói và nghe   |  |  | | --- | --- | | **Dàn ý** | **Nội dung** | | **Lời chào** | Giới thiệu bản thân | | **Hiện tượng** | Núi lửa | | **Nội dung** :  Khái niệm ?   Biểu hiện như  thế nào?  Vì sao có hiện  tượng này?   Những tác dụng hoặc tác hại của   hiện tượng thiên nhiên ấy là gì?  Tác dụng hoặc phòng chống,  khắc phục tác động của  hiện   tượng đó như  thế nào?,… | - Núi lửa là ngọn núi có miệng ở đỉnh, các chất khoáng được nóng chảy với nhiệt độ và áp suất cao bị phun ra ngoài  - Phân loại núi lửa:  + Dựa theo hình dáng: núi lửa hình chóp và núi lửa hình khiên  + Dựa theo dạng thức hoạt động: núi lửa thức, núi lửa ngủ và núi lửa chết.  - Hoạt động của núi lửa: Đá nóng chảy liên tục được đẩy lên phía trên, những ngọn núi liên tục tăng về độ cao. Khi áp lực của các dòng chảy mắc ma phun trào lên trên qua miệng núi thì gây ra hiện tượng núi lửa phun trào.  - Tác hại của hiện tượng: mỏ khoáng sản phong phú, năng lượng địa nhiệt, đất đai tơi xốp, màu mỡ.  - Lợi ích của hiện tượng: làm biến đổi môi trường sinh thái, suy giảm tài nguyên sinh học của vùng bị ảnh hưởng, tăng tính nhạy cảm của những thiên tai nguy hiểm. | |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **Người nghe:**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa.  + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
|  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện***- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi, làm bài tập phần Tự đánh giá: Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường? (SGK – trang 81, 82)

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***\*Dự kiến sản phẩm:***

**Câu 1:** Đáp án A.

**Câu 2:** Đáp án C.

**Câu 3:** Đáp án B.

**Câu 4:** Đáp án C

**Câu 5:** Đáp án B.

**Câu 6:** Văn bản trên được coi là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên vì nó đưa ra các kiến thức khoa học cơ sở để giải thích cụ thể, chi tiết về hiện tượng chim bồ câu không bị lạc đường.

**Câu 7:** Hiện tượng mà văn bản nói tới nhằm giải thích khả năng tuyệt diệu của chim bồ câu mà không phải con vật nào cũng có được. Nhờ khả năng đó mà các nhà khoa học Ốc-xpho phát hiện ra rằng thông qua đường bay mà chim bồ câu có thể nhớ được các kiến trúc tiêu biểu để tìm được đường về.

**Câu 8:** Bố cục văn bản gồm 3 phần:

- Phần 1 (từ đầu đến …khả năng tuyệt diệu này?): giới thiệu khái quát về khả năng của loài bồ câu.

- Phần 2 (tiếp đến …một cự li xa): các khả năng xác định được về nhà của bồ câu.

- Phần 3 (phần còn lại): phát hiện mới lạ của các nhà khoa học Ốc-xpho về bồ câu.

**Câu 9:** Thông quan văn bản, ta biết thêm được những kiến thức về các khả năng xác định đường bay của loài bồ câu.

**Câu 10:**

***Đoạn văn tham khảo:***

Thế giới loài vật xung quanh ta thật phong phú và đa dạng. Hầu hết, chúng đã trở thành người bạn thân thiết với con người, được yêu mến. Và loài chim bồ câu là một trong số loài vật đó. Chúng không còn xa lạ gì ở cuộc sống đời thường, nhất là vào những thời kì cổ đại ngày xưa, khi mà loài người đã mượn “trí thông minh” của chúng để làm phương tiện liên lạc hữu ích. Điều em vô cùng ấn tượng với loài chim này đó là cách chúng bay đi đưa thư. Bởi chúng biết định vị và bay về nhà ở một khoảng cách khá xa, có khi lên đến cả hàng ngàn cây số. Ngoài ra, chúng còn được coi là biểu tượng cho hòa bình, cho tình thân ái. Cũng bởi vậy, mỗi khi nhắc đến loài bồ câu, không chỉ riêng em mà rất nhiều người yêu mến bởi khả năng tuyệt diệu, sự hiền lành và dễ thương của nó.

------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tuần 11:**

**Tiết 43: Tr¶ bµi kiÓm tra, ĐÁNH GIÁ GIỮA k× I**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập củng cố lại cho HS các kiến thức cơ bản đã học ở học kì I bài 1,2

- Đánh giá các ­ưu nh­ược điểm trong bài làm của HS trên các phư­ơng diện nội dung, hình thức.

- Sửa chữa các lỗi mắc phải để rút kinh nghiệm. Biểu dương những bài viết tốt cho cả lớp cùng trao đổi rút kinh nghiệm.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp;

năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**3. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên**: thống kê kết quả bài làm; Bảng phụ những lỗi sai tiêu biểu đa số học sinh mắc khi làm bài thuyế minh

**2. HS**: đọc lại đề, tìm hiểu kĩ yêu cầu của đề

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chức hoạt động:

Gv chuyển giao nhiệm vụ

Hs tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày

Gv nhận xét, bào bài

§Ó gióp c¸c em tæng hîp c¸c kiÕn thøc ë bé m«n Ng÷ v¨n, còng nh­ nhËn ra c¸c ­u khuyÕt ®iÓm cña m×nh trong bµi kiÓm tra ®Ó cã thÓ rót kinh nghiÖm trong c¸c bµi lµm sau.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

a. Mục tiêu: giúp HS xây dựng đáp án

b. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu hs đọc đề

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc đề bài

- HS hoạt động cá nhân, ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ hs cùng xây dựng đáp án

**\* Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét: gv chốt KT**

|  |  |
| --- | --- |
| \* GV yêu cầu hs tái hiện lại đề bài.  \* GV hướng dẫn hs xác định yêu cầu của đề bài.  \* GV đưa ra đáp án- biểu điểm cụ thể cho từng câu, từng phần.  \* GV cho HS nhận xét xem với đáp án trên đã phù hợp chưa và HS đối chiếu với bài của mình xem bài làm đúng và sai ở những ý nào trong bài. | **I. Đề bài – XD đáp án** |

**\* ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

  Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

*- Chiếc xe này của bạn đấy à?* . Cậu bé hỏi.

- *Anh* *mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy.* Tôi trả lời, không giấu vẻ  tự hào và mãn nguyện.

*- Ồ, ước gì tôi...* Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

-*Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế!* . Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- *Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.*

(*“Hạt giống tâm hồn”*, tập 4, nhiều tác giả. NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006)

**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi từ 1 đến 5 và viết chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời đó vào giấy làm bài**

**Câu 1. Câu chuyện trên được kể theo ngôi nào?**

1. Ngôi thứ ba B. Ngôi thứ nhất C. Ngôi thứ nhất số nhiều D. Ngôi thứ hai

**Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:**

1. Biểu cảm B. Tự sự C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 3.** Đoạn văn **“**Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.” gồm mấy từ láy?

1. 2 từ B. 3 từ C. 4 từ D. 5 từ

**Câu 4. Xét về mục đích nói, câu "Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế !" thuộc kiểu câu gì?**

A. Câu cầu khiến B. Câu nghi vấn C. Câu cảm thán D.  Câu trần thuật

**Câu 5.** Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?

A. Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào cho người em.

B. Cậu bé ước trở thành người anh có tình thương em, mang lại niềm hạnh phúc cho em.

C. Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương.

D. Gồm các ý A,B,C

**Câu hỏi vận dụng: (3,5đ)**

**Câu 6.** Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm” có ý nghĩa gì?

**Câu 7.** Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

**Câu 8.** Em hãy viết một đoạn văn khoảng 100 chữ về thông điệpvăn bản trên gửi đến**?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

*Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ sau:*

**Quê hương**

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là cầu tre nhỏ

Mẹ về nón lá nghiêng che

Là hương hoa đồng cỏ nội

Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí

Là hồng tím giậu mồng tơi

Là đỏ đôi bờ dâm bụt

Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

**(**Đỗ Trung Quân)

**\* Đáp án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:  - Câu văn cho ta biết rõ hơn về sự trăn trở và lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé: trở thành người anh đáng tự hào.  - Câu văn cho thấy lòng quyết tâm cao độ của cậu bé muốn biến ước mơ của mình thành hiện thực.  - Cậu bé đang nung nấu quyết tâm thực hiện ước mơ của mình là tặng xe lăn cho người em tật nguyền.  Các câu trả lời tương tự... | 1,0 |
| **7** | Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể rút ra một bài học nào đó miễn là hợp lí, có sức thuyết phục. Chẳng hạn như: Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người... | 1,0 |
| **8** | Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận xã hội:  - Mở đoạn: nêu vấn đề nghị luận  - Thân đoạn: Trình bày suy nghĩ về thông điệp mà văn bản gợi ra(Chẳng hạn như: Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người...)  + Giải thích  + Bàn luận  + Mở rộng  - Kết đoạn: Khẳng định vấn đề, rút ra bài học | 1,5 |
| **II** |  | VIẾT | 4,0 |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ 6 chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.* | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn biểu cảm  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | **Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ.  **Thân đoạn:** Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **Kết đoạn:** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lời văn trong sáng. | 0,25 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cho HS tự nhận ưu, nhược điểm của mình.  - GV nhận xét ưu nhược điểm trong bài của HS.  - Gv đọc 2-3 bài làm tốt hs học tập  - Gv đọc 1-2 bài kém để hs rút kinh nghiệm  Gv công bố kết quả. Trả bài, lấy điểm  **3, Hoạt động 3: Luyện tập**  a. Mục tiêu: giúp hs sửa lỗi  b. Tổ chức thực hiện:  Gv chuyển giao nhiệm vụ: chép đoạn văn, câu văn của những HS bị mắc lỗi ra bảng phụ.  Hs nhận và thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát, phát hiện lỗi, sửa vào bài:  - Hãy phát hiện lỗi sai trong những câu trên? Đó là những lỗi gì?  - Hãy sửa lại các lỗi đó?  \*GV định hướng cho HS và lắng nghe HS sửa, chốt lại và yêu cầu HS chữa vào vở hoặc phía dưới bài làm của chính HS mắc lỗi. | **II. Nhận xét bài làm**  **1. Ưu điểm**  - N¾m ®­îc yªu cÇu cña ®Ò.  - Đ· biÕt liªn kÕt c¸c ý l¹i víi nhau ®Ó cã 1 bµi viÕt l­u lo¸t, râ rµng.  - Mét sè bµi tr×nh bµy s¹ch sÏ, ch÷ viÕt râ rµng  - Mét sè bµi viÕt cã c¶m xóc, diÔn ®¹t tèt  ***\* Nh­îc ®iÓm***:  - Cßn 1 sè em ch­a biÕt c¸ch diÔn ®¹t, c©u v¨n thiÕu râ rµng vµ thiÕu tÝnh m¹ch l¹c, ch­a biÕt liên kết c¸c ý l¹i víi nhau nªn bµi viÕt cßn lủng củng.  - chưa biết viết đoạn văn  - Nhiều bµi viÕt rÊt cÈu th¶, tÈy xo¸ bõa b·i, ch÷ viÕt thiÕu nÐt kh«ng ®äc ®ược.  - Sai nhiÒu lçi chÝnh t¶: l/n; tr/ch; x/s...  **\* KÕt qu¶:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Lớp | Sĩ số | Trên 5 | Dưới 5 | | 8A |  |  |  | | 8B |  |  |  |   **III. Sửa lỗi sai sót**  \* Lỗi chính tả  - L/n  - r/d  - S/x  \* Lỗi diễn đạt  **IV. Tr¶ bµi- lÊy ®iÓm**  **V. HS tự söa bµi** |

**4, Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

- Viết một đoạn văn phân tích một khổ thơ mà em thích nhất trong c¸c bµi th¬ ®· häc.

HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**\*Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thiện đoạn văn

- Chuẩn bị bài 4: Đọc hiểu văn bản “Đổi tên cho xã”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**BÀI 4 : HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**

**Tuần12:**

**Tiết 44,45,46: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: ĐỔI TÊN CHO XÃ**

*(Trích ”Bệnh sĩ”, – Lưu Qung Vũ)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố xung đột kịch, hành động kịch, thủ pháp trào phúng, nhân vật, đề tài, chủ đề, thông điệp tư tưởng của tác giả... trong kịch bản hài kịch.

- Biết được các bước đọc hiểu một kịch bản hài kịch.

- Biết lên án những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Thực hành kĩ năng tìm kiếm và sàng lọc thông tin, mở rộng ngữ liệu cùng thể loại; lắng nghe tích cực và ghi chép hiệu quả.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thích tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tự nhiên. Có ý thức vận dụng các hiểu biết về tự nhiên và thực tiễn.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 44**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS Nghe và quan sát vi deo

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

Dựa vào những hiểu biết của em và các gợi ý cho trước, em hãy gọi tên các thể loại phim/ văn bản sau đây

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Chúng ta biết mình có tự sự, có trữ tình, có kịch , trong kịch có hài kịch, bi kịch có cả chính kịch nữa, chúng ta sẽ mở đầu bằng một thể loại nhỏ bên trong đó chính là hài kịch. Hi vọng những chi tiết gây cười trong buổi học hôm nay không chỉ giúp cho chúng ta có một giờ học thật là thoải mái, vui vẻ, thú vị mà còn giúp cho chúng ta có thể có kĩ năng để đọc hiểu một tác phẩm hài kịch, sẽ giúp cho chúng ta có thể trả lời một vài cái băn khoăn Hài kịch là gì và có những đặc trưng nào?Đọc hiểu một tác phẩm hài kịch như thế nào?Hài kịch có ý nghĩa gì trong đời sống?

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của truyện ngắn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **TÌM HIỂU VỀ TRI THỨC ĐỌC HIỂU** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, dự án  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc tri thức ngữ văn sgk trang/  Cách trình bày thông tin trong văn bản    **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | 1. Hài kịch  Hài kịch là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lỗi thời.... trong đời sống. Tiếng cười trong hài kịch được tạo ra bởi các mâu thuẫn( xung đột), nhân vật, hành động, lời thoại,... và một số thủ pháp trào phúng tiêu biểu.  MỘT SỐ YẾU TỐ KHI TIẾP CẬN CẦN CHÚ Ý  1. Hình thức trình bày của văn bản kịch: tên nhân vật, lời thoại, chỉ dẫn( biểu hiện, bài trí sân khấu)  2. Cốt truyện( chuỗi sự việc)  3. Nhân vật( lời thoại, cử chỉ; đặc điểm tính cách qua những biến cố)  4. Xung đột, mâu thuẫn( tính cách, xã hội, kịch tính)\  5. Yếu tố tạo kịch tính  6. Thủ pháp trào phúng ( chú ý qua lời thoại, cử chỉ)  7. Đối tượng gây cười( kiểu người/ thói xấu)  8. Ý nghĩa vở kịch/ thông điệp |
|  | 2. Truyện cười  - Truyện cười là một thể loại truyện chứa đựng cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để giải trí, mua vui hoặc châm biếm đả kích phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Có truyện cười dân gian và chuyện cười hiện đại.  - MỘT SỐ YẾU TỐ KHI TIẾP CẬN CẦN CHÚ Ý  1. Đề tài  2. Nhân vật  3. Thủ pháp gây cười  4. Kết cấu/ kết thúc  5. Ý nghĩa( giải trí/ phê phán/ đả kích)  - Đặc điểm: Truyện cười thường ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật. Nhân vật, ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng trong truyện cười cũng có những điểm giống như trong hài kịch. Bối cảnh của truyện cười thường là các tình huống mâu thuẫn giữa thật và giả, nội dung, hình thức, bên trong và bên ngoài ...kết cấu truyện cười thường bất ngờ. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc:**  - Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng; chú ý chỉ dẫn kĩ thuật đọc bên phải văn bản  - Đọc diễn cảm, nhập tâm vào tình huống của nhân vật.  - Sử dụng cử chỉ, điệu bộ để hỗ trợ giọng điệu, thể hiện được tính cách nhân vật, nội dung của hài kịch.  Chiến thuật đọc hài kịch:  - Tập trung vào đặc trưng của văn bản kịch: hình thức trình bày, cốt truyện, nhân vật, xung đột kịch, các yếu tố tạo kịch tính và thủ pháp trào phúng.  So sánh tác phẩm với ngữ cảnh xã hội và văn hóa ( thời điểm văn bản ra đời và hiện nay) để hiểu rõ hơn về ý nghĩa của nó.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Thể loại |  | | Đề tài |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1.** **Tác giả :**  Lưu Quang Vũ  - Một cây bút tài năng, đã để lại dấu ấn trong nhiều thể loại: thơ ca, văn xuôi  **-** Ông được mệnh danh là người tiên phong cho văn học đổi mới, đặc biệt ở thể loại kịch.  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Từ “Bệnh sĩ”(1980  )  - Thể loại: Hài kịch  - Đề tài: Bệnh sĩ diện |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu cách trình bày kịch bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Cách trình bày kịch bản** |
|  |  |
|  |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hãy nêu cách trình bày kịch bản**  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Văn bản chủ yếu nêu tên hệ thống nhân vật, lời thoại của nhân vật.  - Có chỉ dẫn sân khấu: lời của tác giả kịch bản chỉ dẫn về bối cảnh, ánh sáng, đạo cụ, trang phục, hành động của các nhân vật trên sân khấu. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhan đề văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Nhan đề văn bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  “Bệnh sĩ” có nghĩa là gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 45**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** TÓM TẮT VĂN BẢN   |  |  | | --- | --- | | 1. Bối cảnh |  | | 2. Tóm tắt văn bản |  |   **Dự kiến sp**   |  |  | | --- | --- | | Bối cảnh | - Xã nghèo Cà Hạ, nơi có những người dân hiền lành, chân chất nhưng ông Toàn Nha lại háo danh, thích sĩ diện. Thay vì đổi mới cách làm ăn để cuộc sống người dân no đủ thì ông Nha chỉ quan tâm đến việc đặt ta những cái tên sang trọng…Sau một năm, người dân đói kém và nhận ra những giá trị chân thật, hậu quả của căn bệnh sĩ diện, dối trá.  - Đổi tên cho xã là cảnh mở đầu, tái hiện lại lễ đổi tên xã Cà Hạ thành Hùng Tâm. | | Tóm tắt văn bản | - Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo đổi tên cho xã.  - Chủ tịch xã công bố kế hoạch cách tân toàn diện, đổi tên cho Hợp tác xã, các tổ, đội, bộ phận nghành nghề trong xã; phân công nhiệm vụ cho mọi người;  - Ông Sửu thắc mắc về nhiệm vụ của mình và được giao cho vị trí chủ nhiệm trung tâm Triệt sản gia súc.  - Ông Thình- chủ nhiệm Trung tâm công nghệ kiêm Trưởng ban Ngoại vụ không hiểu công việc cụ thể của mình là gì, được ông Nha chủ tịch xã giải thích. | | Nhận xét chung về nội dung | Có chứa đựng các yếu tố gây cười: Những cái tên- vẻ bề ngoài với hoạt động thực tế- nội dung bên trong. | | “Bệnh sĩ” có nghĩa là gì?  - “Sĩ” nghĩa là người thức thời cổ, là người trí thức. Họ phải chịu trách nhiệm đối với chính hành vi của mình; có ý thức trách nhiệm; có cảm giác xấu hổ và luôn lo sợ nhân cách, phẩm chất của bản thân mình bị vớấy bẩn. Họ cần giữ nhân cách, đạo đức, phong thái.  - “Sĩ diện”: vẻ bề ngoài của kẻ sĩ có học thức, sang trọng quý phái, lịch lãm trầm ồn.  - Sự quan tâm quá mức tới danh tiếng, hình ảnh, vẻ ngoài; coi sĩ diện là mục tiêu sau cùng của cuộc sống, nên có thể đánh mất đi sự chân thành và giá trị bên trong, xây dựng những giá trị hào nhoáng, giả tạo, cổ vũ cho thói khoe mẽ, hợm hĩnh, phù phiếm lãng phí. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **3. Tìm hiểu nhân vật** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ (kỹ thuật 635.) / Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **Tìm hiểu nhân vật Toàn Nha**   |  |  | | --- | --- | | Cách tổ chức trang trí cuộc họp có gì đặc biệt? |  | | Nhận xét về ngôn ngữ( lời phát biểu, lời nói) của nhân vật. |  | | Đối tượng gây cười |  | | Nghệ thuật gây cười |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | Cách tổ chức trang trí cuộc họp có gì đặc biệt? | - Căn phòng rộng, nhiều cờ quạt, khẩu hiệu, áp phích, bản đồ với dòng chữ Hùng Tâm vươn lên giàu mạnh hạnh phúc; thay trời đổi đất sắp đặt Hùng Tâm.  - Tiếng pháo rầm rộ, tiếng nhạc rầm rộ, ông đứng bên bàn phủ vải hoa và đặt mi-crô.=> Ưa hình thức trang trọng, chuộng sự hào nhoáng. | | Nhận xét về ngôn ngữ( lời phát biểu, lời nói) của nhân vật. | - Cái tên nói lên cái tâm hào hùng của người dân xã ta…  - Trung tâm triệt sản gia súc…  - Như Nguyễn Trãi phò Lê Lợi, chú lắm chữ nghĩa, giỏi…  => Ngôn ngữ dài dòng, văn hoa, sáo rỗng. Từ đó thể hiện nét tính cách của con người sĩ diện, háo danh. | | Đối tượng gây cười | - Thói háo danh, ảo tưởng, thích khoe khoang.  - Bệnh sĩ diện hão. | | Nghệ thuật gây cười | - Thủ pháp phóng đại: phóng đại tính cách sĩ diện của ông chủ tích qua lời nói và phần chỉ dẫn sân khấu.  - Thủ pháp tương phản: giữa lời nói, mong muốn và thực tế hành động.  - Thủ pháp nói chữ: bung ra pháo. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **a. Tìm hiểu nhân vật Toàn Nha** |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu xung đột kịch  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **b. Xung đột kịch** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU XUNG ĐỘT KỊCH VÀ HÀNH ĐỘNG KỊCH   |  |  | | --- | --- | | Kịch sẽ trở nên vô nghĩa nếu không có xung đột và những tình huống éo le. Đó là cơ sở của kịch | | | Cảnh 1 khai thác dạng xung đột nào? |  | | Vai trò của xung đột kịch là gì? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   |  |  | | --- | --- | | Kịch sẽ trở nên vô nghĩa nếu không có xung đột và những tình huống éo le. Đó là cơ sở của kịch | | | Cảnh 1 khai thác dạng xung đột nào? | - Xung đột giữa thực chất bên trong và danh nghĩa bên ngoài, giữa cái tốt và cái xấu:  + Bên trong: Như cũ, không có gì thay đổi>< Bên ngoài: Những cái tên mĩ miều, sáo rỗng.  + Viễn tưởng vẽ ra rất đẹp đẽ>< Thực chất khiến người dân thêm đói nghèo.  - Biểu hiện: | | Vai trò của xung đột kịch là gì? | - Làm cho kịch có tính sân khấu, có thể diễn được, thành kịch được.  - Người đọc cảm thấy sự lố bịch ở nhân vật, vở kịch trở nên hấp dẫn, chứ không phải là một “hoạt cảnh nhạt nhẽo”. | |  |
|  |  |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 46**  a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu thủ pháp trào phúng  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **c. Thủ pháp trào phúng** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: **Thủ pháp trào phúng**   |  |  | | --- | --- | | **Thủ pháp trào phúngtrong hài kịch (Biện pháp tạo ra tiếng cười)** | **Trong cảnh 1 - Vở kịch Bệnh sĩ (Lưu Quang Vũ)** | | **1. Tạo tình huống kịch tính** |  | | **2. Cải trang** |  | | **3. Điệu bộ gây cười** |  | | **4. Nghệ thuật phóng đại** |  | | **5. Chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, giễu nhại** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Thủ pháp trào phúngtrong hài kịch (Biện pháp tạo ra tiếng cười)** | **Trong cảnh 1- Vở kịch Bệnh sĩ (Lưu Quang Vũ)** | | **1. Tạo tình huống kịch tính** | - **Tình huống:** Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ có một số người.  - **Nói quá, cường điệu**:  + Người hoạn lợn được mở một Trụ sở hoạn lợn và được lấy với cái tên bớt thô là “Trung tâm triệt sản gia súc Hùng Tâm”  + Tên của các chức vụ  - **Dùng nhiều từ ngữ không có ý nghĩa** “bung ra, ta bung ra,... ta bung ra pháo”; **ngôn ngữ khoa trương** để giễu cợt, mỉa mai. | | **2. Cải trang** | | **3. Điệu bộ gây cười** | | **4. Nghệ thuật phóng đại** | | **5. Chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, giễu nhại** | |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  1**. Nội dung:**  Đoạn trích dã phê phán thói sĩ diện hão, bệnh háo danh, ưa thành tích, hình thức có trong mỗi con người, mỗi tập thể.  **2. Nghệ thuật:**  Sử dụng thành công thủ pháp phóng đại tạo tiếng cười hài hước mà sâu cay.  3. Lưu ý khi đọc hiểu hài kịch  Chú ý **nhan đề, cốt truyện, nhân vật, xung đột kịch và thủ pháp gây cười.** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một văn bản thông tin  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Vẽ sơ đồ tư duy bài học** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

a) Hãy chỉ ra những dấu hiệu giúp em nhận biết đây là một hài kịch.

b) Hiện tượng được nêu trong văn bản- căn bệnh sĩ còn có ý nghĩa như thế nào với đời sống hiện nay?

c) Một người gìn giữ sĩ diện, thể hiện của mình có phải là mắc bệnh sĩ không? Vì sao?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Dự kiến sản phẩm:

a) Những dấu hiệu giúp em nhận biết đây là một hài kịch:

- Hình thức trình bày

- Xung đột kịch, nhân vật, thủ pháp trào phúng.

- Đề tài, chủ đề, ý nghĩa của vở kịch

b) Xưa: Bệnh sĩ là thói xấu thâm căn cố đế của một bộ phận người Việt.

Nay: Thế giới ảo lên ngôi, người ta càng dễ sa vào lối sống hào nhoáng, hình thức, sĩ diện hão.

c) Sĩ diện và bênh là hai khái niệm khác nhau.

Chữ thầy giả thầy

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.
* **Chuẩn bị bài:** Cái kính

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Tuần 12,13:**

**Tiết 47,48: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: CÁI KÍNH**

**(A-DIT NÊ-XIN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của truyện cười.

- Phân tích được các mâu thuẫn, chi tiết gây cười; cái nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức về giá trị, hoàn cảnh của bản thân và biết lắng nghe chính mình. Phê phán những người khoác lác không có năng lực.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 47**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS đọc và điền từ còn thiếu

c) Sản phẩm học tập: từ còn thiếu

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

THỬ THÁCH CÙNG MR.BEAN

- Có một số đoạn trích đoạn từ các truyện cười đã bị loại bỏ một số từ, cụm từ.

- Yêu cầu học sinh điền các từ thiếu vào chỗ trống để hoàn thành câu chuyện và tạo nên một truyện cười hoàn chỉnh.

**1, Bố mẹ nói chuyện như thế nào?**

Cô giáo hỏi học sinh:

- Đề bài là “ cuộc trò chuyện của bố mẹ”, tại sao em chỉ viết toàn lời của mẹ?

- Thưa cô, vì

.......................................................( vì bố mẹ em chỉ toàn gật đầu)

**2, Chỉ là một con mèo**

Hai tên trộm chui qua ống khói đột nhập vào một nhà triệu phú, không may, hôm đó ông chủ lại thức khuya đọc báo nghe thấy động hỏi:

- Ai đó?

- Meo...meo... Tên trộm thứ nhất bèn giả giọng mèo để đánh lạc hướng. Tưởng mèo thật, chủ nhà yên tâm tiếp tục nằm đọc. Tên thứ hai gây tiếng động mạnh hơn, làm chủ nhà bật hẳn dậy:

- Ai?

-.................................................  
( Lại một con mèo khác thôi mà, thưa ông...)

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Rõ ràng trong cuộc sống ít khi chúng ta đọc truyện cười hay là chúng ta bật cười bởi chi tiết đáng cái cười nào đó. chúng ta đã có thể làm quen với câu chuyện tiếu lâm, đã làm quen với câu chuyện trạng, đã làm quen với câu chuyện cười đương đại. Và không biết là khi chúng ta đọc nhiều một câu truyện cười chúng ta cần để ý đến chi tiết nào, hay chúng ta cần có những chiến thuật nào để chúng ta có thể đọc hiểu tầng ý nghĩa và một câu truyện cười. Và làm thế nào để chúng ta có thể đưa ra được kết luận rằng à đây là một câu chuyện cười thú vị. Hy vọng rằng bài học ngày hôm nay với một câu truyện cười có tên là **CÁI KÍNH( A-DIT NÊ-XIN)** sẽ giúp chúng ta giải đáp được những băn khoăn và thắc mắc vừa rồi.

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc: Đọc phân vai, sân khấu hóa**  - Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng; chú ý chỉ dẫn kĩ thuật đọc bên phải văn bản  - Nhập vai nhân vật và chú ý sự thay đổi giọng điệu của nhân vật tôi từ đầu đến cuối truyện.  - Chú ý các chú ý về kĩ thuật đọc nêu bên phải của văn bản  Chiến thuật đọc:  - Tập trung vào các yếu tố nghệ thuật gây cười giọng hóm hỉnh, hài hước; làm sống lại truyện cười bằng các cử chỉ, hành động, nét mặt phụ họa,....  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Thể loại |  | | Đề tài |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1. Tác giả :**  - Azit Nesin (1915-1995) tên khai sinh là Mehmet Nusret, tại Heybeliada, Istanbul dưới chế độ Ottoman.  - Là một nhà văn châm biếm được ngưỡng mộ ở Thổ Nhĩ Kỳ và là tác giả của hơn 100 cuốn sách  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: trích trong "Những người thích đùa", Thái Hà dịch (NXB Văn học, Hà Nội, 2014)  - Thể loại: Truyện cười  - Đề tài: Tính sĩ diện, sự vô trách nhiệm của con người trong đời sống. |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu cốt truyện  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Cốt truyện** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** CỐT TRUYỆN LEO NÚI    **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  - **Tôi** trò chuyện với một người bạn và phát hiện ra tự nhiên mắt mình bị mờ, không nhìn thấy gì cả  - **Tôi muốn** được đeo kính để ra dáng trí thức và bác học.  - **Nhưng** sau rất nhiều lần đi khám, tôi gặp nhiều bác sĩ chuyên môn khác nhau, đeo nhiều loại kính khác nhau mà vẫn không nhìn rõ.  - **Do vậy,** tôi đi hết nơi này đến nơi kia khám rồi uống thuốc, thay kính nhưng vẫn nhìn khó khăn, không hoạt động bình thường được.  - **Cuối cùng,** tôi bị ngã, kính rơi ra, mắt kính vỡ, tôii nhìn gì cũng rõ ràng.    **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về cốt truyện?  - Cốt truyện đơn giản, ngắn gọn  - Đẩy mâu thuẫn lên rất nhanh  - Kết thúc bất ngờ, lật tẩy sự thật và tạo ra bất ngờ | - Cốt truyện đơn giản, ngắn gọn  - Đẩy mâu thuẫn lên rất nhanh  - Kết thúc bất ngờ, lật tẩy sự thật và tạo ra bất ngờ |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật của văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Nhân vật** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Tìm hiểu nhân vật “tôi”   |  |  | | --- | --- | | **Mong muốn** |  | | **Hành động** |  | | **Lời nói, suy nghĩ** |  | | **Khía cạnh gây cười** |  | | **Nghệ thuật gây cười** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Mong muốn** | Muốn đeo kính, trông ra dáng nhà bác học, dân trí thức. | | **Hành động** | - Đi khám và mua kính ở nhiều nơi: lần 1: buồn nôn, lần 2: chỷ nước mắt, mắt đỏ hoe; lần 3: nhìn vật gì cũng thấy bé xíu, lần 3: mọi vật nhân đôi; lần 4: đục nhân mắt, lần thứ n.  - Ngã, bỏ kính ra xem thấy sáng mắt. | | **Lời nói, suy nghĩ** | - Cho rằng đeo kính là dấu hiệu của một anh trí thức; ai nhìn thấy tôi cũng phải bảo: bác học đấy!  - Khổ sở vì mỗi lần thay kính  - Sung sướng khi nhìn thấy các dòng chữ nhỏ tí trên báo và tự nhủ chẳng đời nào đến bác sĩ mắt nữa.  - Ngỡ ngàng khi phát hiện ra mắt kính vỡ. | | **Khía cạnh gây cười** | Tính sĩ diện của nhân vật “tôi”  Sự vô trách nhiệm của bác sĩ | | **Nghệ thuật gây cười** | Phóng đại tính cách ưa sĩ diện của nhân vật qua hành động, suy nghĩ nhân vật “tôi” phóng đại sự vô trách nhiệm của các nhân vật bác sĩ. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhận xét của em về nhân vật “tôi”?**  - Nhân vật “tôi” là một người không tự nhận thức được mình, háo danh | **a) Nhân vật “tôi”**  - Nhân vật “tôi” là một người không tự nhận thức được mình, háo danh |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ(kỹ thuật 635.)/ Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: **Tìm hiểu nhân vật bác sĩ**   |  |  | | --- | --- | | **Bác sĩ** | **Kết quả chuẩn đoán** | | 1. Bác sĩ đầu tiên |  | | 2. Bác sĩ thứ hai |  | | 3. Bác sĩ thứ ba |  | | 4. Bác sĩ thứ tư |  | | 5. Bác sĩ thứ năm |  | | 6. Bác sĩ thứ sáu |  | | 7. Bác sĩ thứ n |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | **Bác sĩ** | **Kết quả chuẩn đoán** | | 1. Bác sĩ đầu tiên | Bị cận thị | | 2. Bác sĩ thứ hai | Bị viễn thị | | 3. Bác sĩ thứ ba | Bị loạn thị | | 4. Bác sĩ thứ tư | Tiếp tục thay kính | | 5. Bác sĩ thứ năm | Một mắt viễn thị, một mắt cận | | 6. Bác sĩ thứ sáu | Quáng gà | | 7. Bác sĩ thứ n | Mắt trái cận, mắt phải viễn ; đục nhãn mắt; chứng mù màu. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhận xét về nhân vật bác sĩ?**  Nhân vật bác sĩ là những người không có năng lực nhưng khoe khoang, khoác lác về mình, thói vô trách nhiệm. | **b) Nhân vật bác sĩ**  - Nhân vật bác sĩ là những người không có năng lực nhưng khoe khoang, khoác lác về mình, thói vô trách nhiệm. |
| Vì sao “tôi” lại rơi vào tình huống thay kính hết lần này tới lần khác mà vẫn không nhìn rõ?  - Vì nhân vật này sĩ diện thích học đòi giống bác học  - Vì các bác sĩ có chuyên môn kém và vô trách nhiệm với công việc của mình  - Vì anh ta không đủ tỉnh táo, thông minh để tin vào chính mình, cứ chạy theo dư luận bên ngoài |  |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu tình huống truyện  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **3. Tình huống** |
| Vậy ở trong câu chuyện này , tình huống truyện là gì? Tình huống truyện có gì đặc biệt?Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5:Tình huống truyệnCâu 1: Tình huống truyện là gì?Câu 2: Tình huống truyện có gì đặc biệt? **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Nhận xét về tình huống?  - Tình huống đơn giản  - Góp phần làm nổi bật tính cách của các nhân vật tham gia kiến tạo tình huống. | **\* Tình huống:**  **-** Nhân vật “tôi” muốn đeo kính để ra dáng bác học nên đã đi khám mắt nhưng anh đeo kiểu kính nào cũng không nhìn thấy rõ ràng, thậm chí có những biểu hiện về sức khỏe khác.  - > Tình huống không được giải quyết, ẩn chứa mâu thuẫn.  **\* Mâu thuẫn**  **- Giả, bên ngoài**  1. Tôi cảm thấy mình bị bệnh về mắt, muốn đi khám mắt và đeo kính về để ra dáng bác học.  2. Các bác sĩ luôn tỏ ra mình tài giỏi, phán bệnh, phê phán đồng nghiệp khám trước.  **- Thật, bên trong**  1. Không mắc bệnh về mắt, mắc “bệnh” tưởng, tự ám ảnh mình, tự làm khổ chính mình.  2. Các bác sĩ chuyên môn kém, khám bệnh sơ sài. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 48**  a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu thông điệp của văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **4. Thông điệp** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu chuyện đã nêu lên và châm biếm, phê phán điều gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Dự kiến sản phẩm: | Truyện nêu lên và chấm biếm, phê phán những thành phần ưa sĩ diện trong xã hội. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  1**. Nội dung:** Truyện dùng tiếng cười nhẹ nhàng, phê phán hiện tượng bệnh tưởng tương trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ .  **2. Nghệ thuật:**  Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng thành công thủ pháp phóng đại  **3. Lưu ý khi đọc hiểu truyện cười**  Đặc điểm cốt truyện  Nhân vật  Tình huống  Nghệ thuật kể chuyện |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một văn bản thông tin  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Vẽ sơ đồ tư duy bài học** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Câu chuyện có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay như thế nào?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

* **Chuẩn bị bài:** Thực hành Tiếng việt “Nghĩa tường minh và hàm ẩn”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT **49: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA TƯỜNG MÌNH VÀ HÀM ẨN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ý trong câu phù hợp với ngữ cảnh.

- Biết được vai trò, cách dùng phù hợp trong từng trường hợp cụ thể của nghĩa hàm ẩn.

- Biết cách tạo lập câu với nghĩa hàm ẩn, nghĩa tường minh.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nói gì trong tình huống

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong cuộc sống chúng ta luôn đứng trước rất nhiều những **Tình huống 1.** Ở mỗi một tình huống đó chúng ta có sự lựa chọn khác nhau.

Em sẽ nói gì và hành động như thế nào trong các tình huống sau:

**Tình huống 2:** Vì mới có bộ màu và bộ bài ma sói mới, nên sau khi hoàn thành xong bài tập về nhà, mấy anh em tụ tập chơi rất vui vẻ. Đồng hồ đã điểm 23 h đêm, ngày mai là thứ hai đầu tuần, phải dậy sớm đi học. Mẹ xuất hiện và bảo:

- Giờ này mà các con vẫn còn chơi à?

Em:.........................

( Vâng mẹ! Vẫn chơi chứ ạ!

Nhìn ánh mắt mẹ, nét mặt của mẹ rồi thu gọn đồ cất đi)

**Tình huống 2.** Một người bạn vừa đến nhà em chơi, trưa hè nắng nóng, bạn đi bộ tới nơi cũng nhễ nhại mồ hôi. Bạn nói:

* Trời hôm nay nắng quá nhỉ?

Em:..........................................

**( -** Ừ, trời nắng lắm, tớ vừa nghe dự báo thời tiết là 38 độ cơ mà.....

**- Đi pha một cốc nước chanh, nước mát để mời người bạn của mình**

**- Bật quạt lên cho bạn nghỉ ngơi, bạn bớt mệt mỏi**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học :** Rõ ràng đứng trước bất kỳ một tình huống nào ta cũng có rất nhiều cách cư xử khác nhau quan trọng nhất là chúng ta cần dựa vào hoàn cảnh đó, dựa vào tính cách con người bạn mình hai người mẹ của mình và chúng ta có cách xử lý tình huống sao cho vẹn cả đôi đường hợp lý hợp cả tình nữa mà không làm cho mọi người bị thất vọng, buồn, tủi thân, hay chạnh lòng. Cô hi vọng trong bài học hôm nay khi mà tìm hiểu nghĩa tường minh và nghĩahàm ẩn ở trong mỗi câu văn, ở trong mỗi lời nói, trong mỗi một ngữ cảnh thì sẽ giúp cho chúng ta có thể hiểu rõ hơn về ngô ngữ, về những hoàn cảnh ta sử dụng ngôn ngữ thế nào sao cho hợp lí, và chúng ta biết câu văn có 2 nghĩa, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, và trong trường hợp nào chúng ta phải dựa vào nghĩa tường minh, trong trường hợp nào chúng ta phải dựa vào nghĩa hàm ẩn, trong trường hợp nào chúng ta sẽ cư xử như thế nào?

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu ví dụ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **1. Tìm hiểu ví dụ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu ví dụ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu nói** | **Nghĩa trực tiếp** | **Nghĩa được suy ra từ nghĩa trực tiếp** | | **a. Giờ này mà các con vẫn còn chơi à?** |  |  | | **b. Trời hôm nay nắng quá nhỉ?** |  |  | | **c. Một con ngựa đau, cả tàu ngựa bỏ cỏ** |  |  | | **d. Lên thác xuống ghềnh** |  |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu nói** | **Nghĩa trực tiếp** | **Nghĩa được suy ra từ nghĩa trực tiếp** | | **a** | Giờ này 11h đêm rồi, mà các con vẫn còn tiếp tục chơi. | Giờ này đã muộn rồi, và không được chơi nữa, ngủ sớm đi mai còn đi học. | | **b** | Trời hôm nay rất nắng. | Trời nắng và tớ rất mệt, cậu có thể mời nước hay bật quạt cho tớ với. | | **c** | Một con ngựa đau, cả tàu ngựa sẽ lo lắng không ăn | Một người trong tập thể bị làm sao thì cả tập thể sẽ lo lắng không yên, họ sẽ san sẻ và đồng hành cùng nhau. | | **d** | Nơi sông núi lắm thác ghềnh hiểm trở, trèo đèo lội suối, đường đi khó khăn | Chỉ sự khó khăn cực khổ của con người, khi làm gì đó rất nhọc nhằn vất vả. |   **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
|  |  |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Ghi nhớ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nghĩa** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** | | **Tường minh** |  |  |  | | **Hàm ẩn** |  |  |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nghĩa** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** | | **Tường minh** | Là nội duung thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu | Dễ nhận biết | Giờ đã là 21h trưa rồi đấy cô nhỉ? | | **Hàm ẩn** | Là nội dung thông báo được suy ra từ nghĩa tường minh và ngữ cảnh | Phải suy ngẫm, dựa dẫm vào ngữ cảnh, giọng điệu, thái độ người nói/ viết; Tạo ra chiều sâu cho sự diễn đạt trong văn chương, đời sống. | -12h trưa là giờ ăn cơm, cô có thể khao tụi con một bữa cô nhé! |   **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| Một số lưu ý:  - Trong lĩnh vực khoa học, lý luận, thường không sử dụng các cách diễn đạt mang nghĩa hàm ẩn vì có thể tạo ra nhiều cách hiểu sai lệch.  - Trong các tình huống câu văn có cả nghĩa tường minh và hàm ẩn, thường nghĩa hàm ẩn mới là nội dung thông báo chính mà người đọc/ viết rất muốn truyền tải. |  |
|  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Xác định nghĩa hàm ẩn của những câu dưới đây:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **Xác định nghĩa hàm ẩn**   |  |  | | --- | --- | | a. *Nói thật với ông: chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm.* (Lưu Quang Vũ) |  | | b. *Thằng cha lang băm nào cho anh đơn mua cái kính này thế?*(Nê-xin) |  | | c. *Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao*! (Nê-xin) |  |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 1**    **Xác định nghĩa hàm ẩn- BT 1**  **Đọc kĩ câu văn**  **Xác định ngữ cảnh**  **Phân tích nghĩa hàm ẩn**  a) Tôi có một chỗ dựa đáng tin cậy, là một người có chức quyền ở huyện, nên tôi muốn làm gì cũng được.  b) Lão thầy lang đã cho anh cái đơn mua kính này là một tên lang băm dốt nát.  c) Cậu đi khám ở viện nhà nước sẽ có nhiều bác sĩ giỏi và có chuyên môn tốt hơn ở cơ sở tư nhân. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc đoạn văn dưới đây (trích tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) và thực hiện các yêu cầu nêu sau đó:  *Chị Dậu vừa nói vừa mếu:*  *- Thôi u không ăn, để phần cho con.****Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi.****U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u.*  *Cái Tí chưa hiểu hết ý câu của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:*  *- Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?*  *Điểm thêm một giây nức nở, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa:*  *-****Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.***  a. Nêu nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm. Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn?  b. Nghĩa hàm ẩn trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy?   |  |  | | --- | --- | | a. Nêu nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm. Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn? |  | | b. Nghĩa hàm ẩn trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy? |  |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  a) - Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi; Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài: Cả hai câu đều có nghĩa hàm ẩn là Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị rồi.  - Chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn vì chị sợ mình sẽ càng thêm đau lòng và khiến cái Tí tổn thương mà chị lại yêu thương con rất nhiều.  b) - Nghĩa hàm ẩn trong câu sau rõ hơn câu trước.  - Chỉ phải nói rõ hơn vì sau câu trước dường như cái Tí chưa hiểu ý của chị. |
|  |  |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Ghép câu tục ngữ ở cột bên trái với nghĩa hàm ẩn tương ứng ở cột bên phải:   |  |  | | --- | --- | | **Tục ngữ** | **Nghĩa hàm ẩn** | | a. Cái nết đánh chết cái đẹp | 1. việc làm ra thóc gạo vô cùng vất vả, khó nhọc | | b. Một hạt thóc vàng chín giọt mồ hôi | 2. có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc | | c. Một điều nhịn chín điều lành | 3. cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài | | d. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề | 4. nhẫn nhịn sẽ giúp tránh được những điều không hay | | e. Tốt danh hơn lành áo | 5. thành thạo, tinh thông một nghề còn hơn biết nhiều nghề không đến nói đến chốn |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3:** |
|  |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cách hiểu về một câu tục ngữ mà em thích và bài học em rút ra được từ câu tục ngữ đó

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Nội dung:

+ Giới thiệu được câu tục ngữ em thích

+ Giải thích cách hiểu

+ Bài học rút ra

Hình thức:

+ Một đoạn văn, lùi một ô, bắt đầu với chữ viết hoa và kết thúc với một dấu câu.

+ Dung lượng 5-7 dòng.

Tham khảo: Câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” nói lên tầm quan trọng của môi trường trong cuộc sống của con người. Xét theo nghĩa đen, “mực” là một loại chất lỏng, dùng để in hoặc viết. Còn “đèn” là một đồ vật, có thể phát ra ánh sáng. Xét theo nghĩa bóng, “mực” gợi đến những điều tăm tối, xấu xa. Còn “đèn” ý chỉ những điều sáng rõ, tốt đẹp. Như vậy, câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng” muốn nói đến ảnh hưởng của môi trường đối với con người. Chúng ta sống trong môi trường xấu, thường xuyên tiếp xúc với người xấu thì sẽ dễ bị nhiễm thói hư tật xấu. Ngược lại, chúng ta sống trong môi trường tốt, tiếp xúc với những người tốt thì ta sẽ học hỏi được điều hay, trở thành người có ích. Bên cạnh đó, vẫn có những người không chịu ảnh hưởng của môi trường xung quanh. Họ vẫn giữ được lối sống đẹp đẽ, nhân cách tốt đẹp dù sống trong hoàn cảnh xấu xa. Những tấm gương như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm đều là các bậc ẩn sĩ, từ bỏ chốn quan trường xô bồ để tìm về với thiên nhiên, quê hương. “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” đã giúp người đọc có được một lời khuyên quý giá.

**\* Kết luận, đánh giá.**

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, về sưu tầm thêm các đoạn văn/ thơ có sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa hoặc có sắc thái nghĩa hay, thú vị, góp phần tăng giá trị diễn đạt cho văn bản ...
* **Chuẩn bị bài: Ông Giuốc đanh mặc lễ phục**

----------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Tuần:**

**Tiết 50,51: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**ÔNG GIUỐC ĐANH MẶC LỄ PHỤC (MÔ-LI-E)**

**THI NÓI KHOÁC (THEO TRUYỆN CƯỜI HAY)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được nội dung của văn bản: Ông Giuốc đanh mặc lễ phục; Thi nói khoác

- Nhận biết được các yếu tố xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng....

- Nhận biết được các yếu tố đề tài, chủ đề, ý nghĩa của văn bản, tư tưởng, thái độ của tác giả.

- Hiểu được nguyên nhân ý nghĩa của tiếng cười và những nét đặc sắc của nghệ thuật gây cười trong truyện cười được học.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực. Ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 50**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS đọc và điền từ còn thiếu

c) Sản phẩm học tập: từ còn thiếu

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

Đã bao giờ em đứng trước nhiều sự lựa chọn trong cuộc sống? với 2 tình huống sau, em sẽ chọn tình huống nào?

**Tình huống 1:** Có mục tiêu trở thành đại biểu thanh niên ASEAN, thực hiện xây dựng nền tảng kiến thức, lập kế hoạch cụ thể, kiên trì từng bước để đạt được điều mình mong muốn. **Tình huống 2:** Có mục tiêu trở thành đại biểu thanh niên ASEAN, chi tiền bạc để học những nghi lễ, đưa tiền cho người khác để bỏ phiếu cho mình.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Trong một cái tác phẩm hài kịch của Molie được viết vào thế kỉ 17 chúng ta cũng thấy có một nhân vật cũng đứng trước sự lựa chọn như vậy. Ông có một mục tiêu là trở thành một nhà quý tộc và một nhà quý tộc đồng nghĩa với việc phải có nhận thức, phải có trí tuệ và cách hành xử thể hiện thể hiện ra bên ngoài như dáng vẻ, diện mạo, lời ăn tiếng nói hay tất cả những hoạt động thuộc cả âm nhạc, thuộc cả những phần thuộc về nghệ thuật nữa phải rất là chỉn chu thể hiện đẳng cấp của một giai cấp quí tộc, để được mọi người yêu mến. Nhân vật của chúng ta đã có những sự lựa chọn như thế nào trong muôn vàn con đường ông có thể đi và cuối cùng ông có đạt được mục tiêu của mình hay không thì hy vọng rằng sau bài học đọc hiểu ngày hôm nay cô trò chúng ta sẽ đạt được sẽ trả lời được cho mình những câu hỏi đó và từ đó chúng ta có thể liên hệ với tình huống giả định mà ban đầu cô đưa ra để xem là chúng ta nên đưa ra sự lựa chọn nào thì sẽ là hợp lí nhất.

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **A. Văn bản: Ông Giuốc đanh mặc lễ phục:**  **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc: Đọc phân vai, sân khấu hóa**  - Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng; chú ý chỉ dẫn kĩ thuật đọc bên phải văn bản  - Đọc trước bối cảnh và tóm tắt nội dung của toàn vở kịch.  - Chú ý các chỉ dẫn ở bên phải văn bản.  - Dựa vào bối cảnh, chỉ dẫn sân khấu, xác định đúng giọng điệu của nhân vật.  - Sử dụng cử chỉ, điệu bộ hỗ trợ giọng điệu của nhân vật.  Chiến thuật đọc:  - Tập trung vào các yếu tố nghệ thuật gây cười giọng hóm hỉnh, hài hước; làm sống lại truyện cười bằng các cử chỉ, hành động, nét mặt phụ họa,....  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Đề tài |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1. Tác giả :**  - Mô-li-e (1622- 1673) sinh ra ở Pa-ri, cha của ông là 1 nhà buôn dạ giàu có, sau làm hầu cận nhà vua .  - Ông là nhà soạn kịch nổi tiếng nhất nước Pháp thế kỉ XVII  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Trích trong vở kịch “Trưởng giả học làm sang”. Văn bản thuộc hồi 2, lớp thứ 5  - Thể loại: Hài kịch  - Đề tài: Bệnh sĩ diện |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu cách trình bày kịch bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Cách trình bày kịch bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hãy nêu cách trình bày kịch bản**  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Văn bản chủ yếu nêu tên hệ thống nhân vật, lời thoại của nhân vật.  - Có chỉ dẫn sân khấu: lời của tác giả kịch bản chỉ dẫn về bối cảnh, ánh sáng, đạo cụ, trang phục, hành động của các nhân vật trên sân khấu. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhan đề văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Nhan đề văn bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nhan đề “Trưởng giả học làm sang” gợi cho em suy nghĩ gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** TÓM TẮT VĂN BẢN   |  |  | | --- | --- | | 1. Bối cảnh |  | | 2. Tóm tắt văn bản |  | | 3. Nhận xét chung về nội dung |  |   **Dự kiến sp**   |  |  | | --- | --- | | Bối cảnh | Ông Giuốc-đanh nhờ bố mẹ có cửa hiệu buôn bán lớn, trở nên giàu có, khát khao trở thành nhà quý tộc.  Ông bắt chước những người cao sang, thuê thầy về dạy cho mình đủ các môn như âm nhạc, kiếm thuật, triết lý và cả cách ăn mặc, nói năng ....người nhà khuyên răn không được. | | Tóm tắt văn bản | Ông Giuốc-đanh mặc thử bộ lễ phục của bác phó may nhưng may hoa ngược nên rất tức giận nhưng thấy bác phó máy bảo các quý tộc đều mặc thế nên đã vui vẻ mặc. Lại được bốn thợ phụ đi theo bác phó may mặc đồ cho rồi tung hô ông lớn, đức ông nên ông Giuốc-đanh rất hài lòng và thưởng cho họ tiền. | | Nhận xét chung về nội dung | Có chứa đựng các yếu tố gây cười: quý tộc mặc lễ phục may hoa ngược; những sự tung hô nhân vật.... | | “Trưởng giả học làm sang”  Nhan đề giàu sức gợi: hình ảnh của những kẻ trung lưu, giàu nổi,; thích đua đòi, bắt chước giai cấp trên( quý tộc), nhiều khi lố bịch, làm trò cười cho thiên hạ.  **-> Phê phán và lên án đối tượng trưởng giả học đòi.** |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **3. Tìm hiểu nhân vật** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: Kĩ thuật XYZ(kỹ thuật 635.)/ Phương pháp thảo luận nhómBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:Nhân vật trong trích đoạn của vở hài kịch này thường được bộc lộ qua những yếu tố nào? Có phẩm chất ra sao? PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **Tìm hiểu nhân vật ông Giuốc-đanh**   |  |  | | --- | --- | | Xuất thân |  | | Mong muốn |  | | Cảm xúc suy nghĩ |  | | Lời nói |  | | Hành động |  | | Tính cách |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | Xuất thân | Con của một nhà buôn, giàu có. | | Mong muốn | Khao khát trở thành một nhà quý tộc. | | Cảm xúc suy nghĩ | - Cảm thấy khó chịu khi mặc trang phục của thợ may.  - Cảm thấy sung sướng, hạnh phúc thấy mình sang hẳn lên khi nghe lời nịnh nọt của người khác: cụ lớn, ông lớn.... | | Lời nói | Đôi bít tất chật quá... đứt hai mắt; Đôi giày làm tôi đau chân; Tôi tưởng tượng ra thế vì tôi thấy thế...; Bác may hoa ngược mất rồi; Cần phải bảo may hoa xuôi?  Thế thì may được đấy; Không, không,... Tôi bảo có mà. Ngài may thế này được rồi... | | Hành động | - Chi tiền thuê thợ may lễ phục cho mình.  - Chấp nhận bị mấy tay thợ phụ lột quần áo, mặc lễ phục lố lăng, nhảy nhóc theo nhạc.  - Khen thưởng những kẻ nịnh nọt. | | Tính cách | Học đòi một cách lố bịch kịch cỡm. Người thiếu hiểu biết, ưa nịnh nọt, thích khoe khoang, hợm hĩnh, học đòi, bắt chước người sang. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **a) Tìm hiểu nhân vật ông Giuốc-đanh**  - Thiếu hiểu biết nhưng thích khoe khoang, thích nghe nịnh bợ. |
| Nhân vật chứa đựng mâu thuẫn  Một gã tài sản giàu có liên tiếp bị thợ may “xỏ mũi”: đôi giày và đôi tất cỡ nhỏ (bớt tiền); áo hoa may ngược( may hỏng); bớt vải may áo; thưởng tiền cho kẻ nịnh bợ.  Bản chất là trưởng giả ngu dốt nhưng cố tình muốn trở thành tầng lớp quý tộc.  Yếu tố hài được xây dựng trên cơ sở “Cái trái tự nhiên”  Nhân vật tiêu biểu cho kiểu người nào trong xã hội?  - Thiếu hiểu biết nhưng thích khoe khoang, thích nghe nịnh bợ. |  |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: **Tìm hiểu các nhân vật khác**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Phó may** | **Thợ phụ** | | Hành động | ................. | ................... | | Lời nói | ................... | ................ | | Nhận xét | ....................... | | | **b) Các nhân vật khác** |
| Dự kiến   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Phó may** | **Thợ phụ** | | Hành động | May xấu, cắt xén đồ làm tất và giày khiến ông Giuốc-đanh đi chật , may hoa ngược | ọi ông Giuốc-đanh là “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông” để xin tiền uống rượu | | Lời nói | Ngài cứ tường tượng ra thế!  Nào ngài có bảo là ngài muốn may hoa xuôi đâu. | Bẩm cụ lớn anh em chúng con mang ơn cụ lắm! | | Nhận xét | Kẻ ma mãnh, lừa lọc, xu nịnh để lấy phần lợi về mình. | | | **Phó may**  **Thợ phụ**  **=>** Kẻ ma mãnh, lừa lọc, xu nịnh để lấy phần lợi về mình. |
|  |  |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu xung đột kịch  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **4. Xung đột kịch- hành động kịch** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: TÌM HIỂU XUNG ĐỘT KỊCH VÀ HÀNH ĐỘNG KỊCH   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột kịch | Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may | | Các hành động nảy sinh xung đột | Ông Giuốc-đanh:  Phó may: | | Các hành động giải quyết xung đột | Ông Giuốc-đanh:  Phó may: |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột kịch | Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may | | Các hành động nảy sinh xung đột | - Phó may: ăn bớt tiền, mua bít tất chật  - Ông Giuốc-đanh: kêu than, bực dọc, trách móc vì đi tất bị đau chân | | Các hành động giải quyết xung đột | - Phó may: lí sự, tìm cách xoa dịu về bít tất bị đau chân  - Ông Giuốc-đanh: Được nịnh nọt trở nên bằng lòng, chấp nhận mặc đồ không thoải mái. |   **Xung đột (1) được giải quyết**   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột kịch | Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may | | Các hành động nảy sinh xung đột | - Ông Giuốc-đanh: ngờ vực, chất vấn về việc may hoa ngược.  - Phó may: May hoa ngược, ba hóa, khoác lác về bộ lễ phục. | | Các hành động giải quyết xung đột | - Ông Giuốc-đanh: Được nịnh nọt trở nên bằng lòng, từ chê sang khen.  - Phó may: đánh vào thói muốn “học làm sang”, ve vuốt Giuốc đang gọi như thế mới “qúy phái” |   **Xung đột (2) được giải quyết**   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột kịch | Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may | | Các hành động nảy sinh xung đột | - Phó may: “gạn” bớt vải vốn dùng để may lễ phục để may áo cho bản thân  - Ông Giuốc-đanh: Phát hiện và phàn nàn về việc phó may ăn bớt vải. | | Các hành động giải quyết xung đột | - Phó may: Lý do vải tốt, dùng từ ngữ lập lờ “gạn” để làm nhẹ đi việc ăn bớt, và đánh lạc hướng bằng cách chuyển sang thử lễ phục.  - Ông Giuốc-đanh: Chưa nhận được phản ứng về việc bị ăn bớt đã bị mê hoặc bởi việc thử lễ phục “đúng thể thức”, mặc theo nhà quý phái) |     **Xung đột (3) được giải quyết**    Màn kịch này khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?  A.. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”  B. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”  C. Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”  => Ý c Vì với Giuốc-đanh là sự kệch cỡm, lố bịch.  Phó may là sự xu nịnh, lừa lọc, bằng mọi giá để có lợi về mình | Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”  => Vì với Giuốc-đanh là sự kệch cỡm, lố bịch.  Phó may là sự xu nịnh, lừa lọc, bằng mọi giá để có lợi về mình |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu thủ pháp trào phúng  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **5. Ngôn ngữ kịch- Thủ pháp trào phúng** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: **Thủ pháp trào phúng**  Tác phẩm đã sử dụng các thủ pháp trào phúng nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Tạo tình huống, xung đột kịch có tính tăng tiến, hài hước: Giuốc-đanh phát hiện ra điều không hợp lý => nhưng lại mê đi với những lời ngon tiếng ngọt hết lần này đến lần khác.  - Xây dựng nhân vật với những điệu bộ cử chỉ lố bịch phù hợp với đặc điểm nhân vật: Giuốc-đanh ngu ngốc, ưa nịnh nọt, khao khát trở thành quý tộc; Phó may lừa lọc, bịp bợm cùng thợ phụ xun xoe nịnh nọt.  - Nghệ thuật phóng đại, cường điệu hóa kéo chậm tiết tấu kịch:  + Lời chỉ dẫn sân khấu( Hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh ; đi đi lại lại giữa đám thợ phụ, phô áo mới cho họ xem; cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc)  + Lời thoại của nhân vật (tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài thưởng đám thợ phụ vì chúng gọi “ông lớn” “cụ lớn” “đức ông”) |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nội dung và hình thức của văn bản? | **III. Kết luận**  **1. Chủ đề :** thông qua sự xa hoa tốn kém của ông Giuốc-đanh nhằm thể hiện thói “ học đòi làm sang”  **2. Nội dung:** Thông qua hình tượng lố bịch của các nhân vật ông Giuốc-đanh, phó may và đám thợ phụ giả đã phản ánh về thói sĩ diện trong xã hội.  **3. Nghệ thuật:**  Xây dựng mâu thuẫn trong nhân vật một cách sinh động, kết hợp nhiều thủ pháp trào phúng, tạo tình huống hấp dẫn, hài hước.  3. Lưu ý khi đọc hiểu hài kịch  Chú ý **nhan đề, cốt truyện, nhân vật, xung đột kịch và thủ pháp gây cười.** |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 51: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: THI NÓI KHOÁC**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS XEM VIDEO

c) Sản phẩm học tập: từ còn thiếu

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

Hiện tượng gì được đề cập đến trong video?

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Một câu chuyện rất hài hước và hóm hỉnh. Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam ngoài những câu chuyện ngụ ngôn, những câu chuyện truyền thuyết, cổ tích như chúng ta được học, những câu ca dao, tục ngữ thì bên cạnh đó những truyện cười dân gian như thế này cũng thể hiện phần nào đó vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của con người Việt Nam. Ngày hôm nay chúng ta sẽ được đi vào chuyện kho tàng truyện dân gian Việt Nam và đọc hiểu một truyện cười dân gian THI NÓI KHOÁC (THEO TRUYEN CUOI HAY

**2. Hoạt động 2+3: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **B. Văn bản: Thi nói khoác**  **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Trình bày một phút  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc: Đọc phân vai, sân khấu hóa**  - Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng; chú ý chỉ dẫn kĩ thuật đọc bên phải văn bản  - Nhập vai nhân vật và chú ý sự thay đổi giọng điệu của nhân vật tôi từ đầu đến cuối truyện.  - Chú ý các chú ý về kĩ thuật đọc nêu bên phải của văn bản  Chiến thuật đọc:  - Tập trung vào các yếu tố nghệ thuật gây cười giọng hóm hỉnh, hài hước; làm sống lại truyện cười bằng các cử chỉ, hành động, nét mặt phụ họa,....  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ TRUYỆN CƯỜI**  **Em hãy đọc kĩ mục Truyện cười trong Tri thức ngữ văn để hoàn thành bài tập sau:**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1. Khái niệm truyện cười**  Truyện cười là thể loại...............chứa đựng yếu tố, nhằm mục đích .....Truyện cườilà một trong những biểu hiện sinh động cho ................. của tác giả dân gian.  **2. Đặc điểm của** **truyện cười**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố của truyện cười** | **Đặc điểm** | | Cốt truyện | **.**........................... | | Bối cảnh | ........................... | | Nhân vật | Thường có hai loại:  - Loại 1:...........  - Loại 2:................. | | Ngôn ngữ | ........................... | | Các thủ pháp gây cười | ........................... | |   ? Thể loại truyện cười và cách đọc thể loại?  Đặc điểm nhân vật?  Ngôn ngữ?  Thủ pháp gây cười?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS TÌM HIỂU CHÚ THÍCH | **1. Thể loại truyện cười và cách đọc thể loại**  **- Truyện cười:** Truyện cười là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư tật xấu trong cuộc sống  **- Truyện cười** là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.  **2. Đặc điểm của** **truyện cười**  - Cốt truyện, tình huống  Cốt truyện thường xoay quanh những tình huống hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.  - Bối cảnh  Bối cảnh thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, phong tục gắn với từng truyện.  3. **Đặc điểm nhân vật**  **Nhân vật( Nhân vật thông minh- chơi khăm; nhân vật chứa thói xấu) Nhân vật thường có hai loại:**  **Loại thứ nhất** thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt.... hoặc mang thấy xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mỹ.  **Loại thứ hai** thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến( truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột....) hoặc dùng khiếu hài hước thể hiện niềm vui sống tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện bác Ba Phi...)  **4. Ngôn ngữ:** Ngôn ngữ thường ngắn gọn, súc tích, hài hước mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...  Ví dụ: đa số những truyện cười dân gian rất ngắn chỉ nửa trang giấy: Lợn cưới áo mới, con răn vuông....  **5. Thủ pháp gây cười:** Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường 1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:   |  |  | | --- | --- | | Tạo tình huống trào phúng | Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng | | a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động...  b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị. | Lối nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ,... |   Ngoài chuyện thật là sang và hàng động kể chuyện và lời nhân vật thật lòng của các nhân vật phản diện trên hoàng đạo chơi chữ |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu nhan đề  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành tìm hiểu văn bản.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Nhan đề** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hiểu nhan như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Là những điều quá xa sự thật hoặc không có trong thực tế để khoe khoang hoặc để đùa vui- đồng nghĩa với khoác lác, nói phét, nói khoác, phét lác.  “Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống.    => Nhan đề gợi mở nội dung là kể về một cuộc thi nói khoác, gián tiếp lên án thói khoác lác, khoe khoang những điều không có thật, quá mức độ sự thật.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về cốt truyện?  - Cốt truyện đơn giản, ngắn gọn  - Đẩy mâu thuẫn lên rất nhanh  - Kết thúc bất ngờ, lật tẩy sự thật và tạo ra bất ngờ | Là những điều quá xa sự thật hoặc không có trong thực tế để khoe khoang hoặc để đùa vui- đồng nghĩa với khoác lác, nói phét, nói khoác, phét lác.  “Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống.    => Nhan đề gợi mở nội dung là kể về một cuộc thi nói khoác, gián tiếp lên án thói khoác lác, khoe khoang những điều không có thật, quá mức độ sự thật. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu các sự kiện của văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Cốt truyện** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | **STT** | **Sự kiện** | | **1** |  | | **2** |  | | **3** |  | | **4** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **STT** | **Sự kiện** | | **1** | Nhưng ngày được nghỉ bốn ông quan thi nói khoác | | **2** | Ông quan thứ nhất bảo bà đã nhìn thấy con trâu to lớn, ăn một lần hết cả sào mạ. | | **3** | Lần lượt ông sang thứ hai, ba tiếp lời, đến ông quan thứ tư- người cuối cùng tiếp lời, rằng thấy một cái cây rất cao, chim rơi đến nửa chừng đã đủ lông cánh. | | **4** | Tên lính hầu bên cạnh cũng nói hùa theo khiến các quan bất ngờ hoảng hốt, nhưng anh lính nhanh trí nói cũng chỉ muốn tham gia cùng các quan. |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| Sự hài hước trong cốt truyện  Kết thúc truyện cười  + Bốn viên quan đang sung sướng, sảng khoái, đắc chí vì sự khoác lác của mình thì bỗng có tiếng thét làm các quan giật bắn người, “run cầm cập, nhìn xung quanh”  + Bất ngờ hơn nữa tính thét “uy quyền” khiến bốn viên quan hoảng sợ là tên lính hầu nhỏ bé cũng đang nói khoác “chơi chơi” với các quan. |  |
| => Kết thúc có sự hài hước  Ông nào cũng muốn hơn thua nhau, không ai chịu ai nhưng cuối cùng đều thua một câu nói khoác của anh lính gác.  -> Câu nói của anh lính gác có thật có giả, khiến các quan run sợ  + Thật là các quan đều nói khoác  + Giả là bắt các quan  => Cái kết nhanh, gọn nhưng bất ngờ, tạo ra tiếng cười giễu nhại |  |
| ? Nhận xét về cốt truyện- tình huống? | Truyện ít sự kiện, ngắn gọn, cốt truyện đơn giản. Kết thúc truyện bất ngờ, tạo tiếng cười giễu nhại. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật của văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **3. Nhân vật 4 viên quan lại- 1 tên lính hầu** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: kĩ thuật bể cá, Phương pháp thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Tìm hiểu nhân vật tham gia: 4 viên quan lại- 1 tên lính hầu   |  |  | | --- | --- | |  | Cử chỉ, lời nói | | Quan thứ nhất |  | | Quan thứ hai |  | | Quan thứ ba |  | | Quan thứ tư |  | | Lính hầu |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | |  | **Cử chỉ, lời nói** | | Quan thứ nhất | Trông thấy con trâu to lớn, liếm một cái hết cả sào mạ; biết quan thứ hai nói lỡm mình giục quan thứ ba nói. | | Quan thứ hai | Phản bác lại ông quan thứ nhất, trông thấy cái dây thừng gấp 10 cai cột đình làng này. | | Quan thứ ba | Thấy cây cầu dài, đứng đầu cầu không nhìn thấy bên kia. Cha mất, con sang đến nơi thì đã đoạn tang ba năm. | | Quan thứ tư | Thấy cây cao khiếp lắm, trứng chim rơi đến nửa chừng đã nở, chim đủ lông đủ cánh bay đi. | | Lính hầu | Quát lớn: “Đồ nói láo cả! Lính đâu? Trói cổ chúng nó lại cho ta!” |   **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Lời nói của viên quan có gì đặc biệt?**  Viên quan cũng ra sức nói khoác lác để chứng tỏ mình giỏi hơn người kia.  Nội dung nói khoác của ông thứ hai **có ý** **giễu cợt ông thứ nhất** vì “một sợi dây thừng gấp mười cái cột đình làng này” chính là dùng để xỏ mũi “con trâu liếm một cái hết cả sào mạ”.  Nội dung nói khoác của ông thứ tư **có ý** **giễu cợt ông thứ ba** vì cái cây cao “trứng chim ở ngọn cây rơi xuống nửa chừng, chim đã nở đủ lông đủ cánh bay đi rồi” chính là dùng để làm cây cầu mà “người ở hai đầu chẳng bao giờ trông thấy được nhau, hai cha con ở hai đầu chẳng bao giờ gặp được nhau”  ? Ngoài những yếu tố trên em cần chú ý những yếu tố nào khác khi tìm hiểu về nhân vật trong truyện cười?  Hồ sơ nhân vật: hoàn cảnh, lời nói, hành động, phẩm chất, ý nghĩa biểu tượng  -> Sự mâu thuẫn trong nhân vật, gây cười.  Những viên quan này có tính cách gì, biểu tượng cho kiểu người nào trong xã hội?  - Tính cách khoác lác  - Kiểu người: nói dóc, nói khoác trong xã hội. |  |
| Nhận xét về nhân vật?  - Số lượng nhân vật không nhiều  - Được khắc họa khía cạnh( thường là hành động, lời nói một cách lố lăng, gây cười)  - Thuộc kiểu nhân vật chứa đựng tật xấu.  - Đại diện cho một nhóm người trong xã hội: thích khoe khoang hơn người, nhưng hèn nhát. | - Số lượng nhân vật không nhiều  - Được khắc họa khía cạnh( thường là hành động, lời nói một cách lố lăng, gây cười)  - Thuộc kiểu nhân vật chứa đựng tật xấu.  - Đại diện cho một nhóm người trong xã hội: thích khoe khoang hơn người, nhưng hèn nhát. |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu ngôn ngữ- Thủ pháp trào phúng  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **4. Ngôn ngữ- Thủ pháp trào phúng** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Nhận xét về ngôn ngữCâu 1: Ngôn ngữ dễ hiểu hay không?Câu 2: Sử dụng nhiều từ Hán Việt hay không?Câu 3: Diễn đạt dài dòng hay súc tích?Câu 4: Sử dụng hình ảnh có nghĩa trực tiếp hay hàm ẩn, đa nghĩa? **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Nhận xét về thủ pháp trào phúng?  Lời nhân vật: Ông quan thứ nhất, ông quan thứ hai, ông quan thứ ba, ông quan thứ tư | - Ngôn ngữ dễ hiểu  - Sử dụng các từ Thuần việt dễ hiểu  - Diễn đạt ngắn gọn, súc tích  - Sử dụng hình ảnh có nghĩa hàm ẩn, đa nghĩa |
| a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu thông điệp của văn bản  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **5. Chủ đề- thông điệp** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: Truyện đề cập đến khía cạnh gì? Thông điệp cho người đọc là gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Chủ đề:**  - Thói khoác lác của một nhóm đối tượng trong cuộc đời  - Mua vui, lên án, phê phán thói khoác lác  **Thông điệp**  Không nên nói những điều không có thật, quá sự thật trong cuộc sống. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một văn bản thông tin  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Vẽ sơ đồ tư duy bài học** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chuẩn bị và thực hành một số buổi phỏng vấn với người bạn của em về những vấn đề xoay quanh buổi học, sử dụng những câu hỏi gợi ý.

- Phác thảo chân dung nhân vật Giuốc-đanh trong năm phút

- Theo bạn, trang phục có làm thay đổi được bản chất con người không? Vì sao?

- Đánh giá hiện tượng muốn chứng minh đẳng cấp sành điệu qua vẻ bề ngoài trong xã hội nay.

1. Tại sao có thể nói: Nội dung nói khoác của ông quan thứ hai và ông quan thứ tư đều có ý “nói lỡm” ông quan thứ nhất và ông quan thứ ba?

Nói lỡm là gì?

2. Truyện cười luôn có trong nó ít nhiều sự thật. theo em, sự thật trong truyện *Thi nói khoác* là gì?

3. Thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sản phẩm:**

1. Nói xỏ ngầm, làm người nghe mắc lừa để đùa cợt hoặc chế giễu

+ Ông quan thứ nhất: Con trâu to khủng khiếp

+ Ông quan thứ hai: Dây thừng gấp mười lần-> xỏ mũi con trâu ông quan thứ nhất nói.

+ Ông quan thứ ba: Cây cầu dài lắm

+ Ông quan thứ tư: Cây cao khiếp-> gỗ làm cầu mà ông thứ ba nói.

2. Truyện “Thi nói khoác” là truyện cười, sử dụng thủ pháp phóng đại, nhưng vẫn chứa một phần sự thật. Sự thật ấy là: Trong thực tế đương thời, các quan lại thường hay bốc đồng, có một nói thành hai ( nói phét, nói khoác)

3.

- Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười giúp ta thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời

- Tiếng cười giúp con người trẻ trung, khỏe khoắn, kết nối, yêu thương....

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

* **Chuẩn bị bài: VIẾT**

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**TIẾT 52,53: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết trình bày những hiểu biết, quan điểm cá nhân về một hiện tượng trong xã hội, một vấn đề của xã hội.

- Biết cách đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng phù hợp; biết cách nêu, trình bày và phân tích dẫn chứng.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 52**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật: Quan sát tranh

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  Quan sát tranh sau và hãy mô tả lại những gì mà em thấy. Hãy tìn điểm chung của các văn bản đã học?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến:

Ánh đèn rực rỡ- trung tâm của sân khấu

Coi trọng danh tiếng, danh hiệu trên mức thực tế.

-> Thói háo danh, bệnh thành tích.

+ Một người không có bệnh gì về mắt nhưg muốn đeo kính cho ra vẻ trí thức.

+ Một vị trưởng giả muốn học làm sang đến mức lố bịch, đáng cười: mặc lễ phục may hoa ngược....

+ Một vị chủ tịch xã và những người nông dân nơi Hùng Tâm mong muốn những cái tên sang trọng, hiện đại dù thực tế đói khổ, nghèo nàn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Rõ ràng tất cả các nhân vật ở trong tất cả các tác phẩm mà cô vừa nhắc đến đều gợi chúng ta nhớ đến một vấn đề và có lẽ là vấn đề này tuy rất là cũ nhưng vô cùng mới mẻ đó chính là con người ta luôn luôn coi trọng quá mức danh tiếng, danh hiệu đó chính là thói háo danh. Đề cập đến vấn đề này nó không chỉ đề tài, không chỉ là chủ đề của những văn bản mà chúng ta đã học và đây thực sự là vấn đề đời sống đặt ra cho tất cả chúng ta trong bối cảnh xã hội hiện nay khi mà căn bệnh sĩ, căn bệnh háo danh, căn bệnh thành tích vẫn được coi là căn bệnh trầm kha của người Việt Nam, một bộ phận của người Việt Nam. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem trước hiện tượng như thế này chúng ta sẽ đưa ra ý kiến, góc nhìn, quan điểm của mình như thế nào và làm thế nào để chúng ta có thể viết hoàn thiện một bài văn khi bày tỏ quan điểm của mình, ý kiến của mình, góc nhìn của mình về vấn đề đó.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **Định hướng**   |  |  | | --- | --- | | Nghị luận về một vấn đề đời sống là gì? |  | | Yêu cầu của kiểu văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống |  | | Dẫn chứng và trình bày dẫn chứng như thế nào? |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | a) Nghị luận về một vấn đề đời sống là:  + Bàn luận một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày.  + Bàn luận một vấn đề xã hội đặt ra trong một hoặc một số tác phẩm văn học  + Bàn luận về một tư tưởng, đạo lí.  => Tập trung: bàn luận một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày( gần gũi với đời sống có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,...) |
| |  |  | | --- | --- | | Bằng chứng là gì? | Bằng chứng là các ví dụ cụ thể( con người, sự kiện, số liệu, thơ văn….) mà người viết dẫn ra để làm sáng tỏ ý kiến và lĩ lẽ, tạo nên sức thuyết phục cho bài nghị luận. | | Có mấy loại bằng chứng? | Bằng chứng từ đời sống.  Bằng chứng trong thơ văn. | | Khi dẫn ra bằng chứng ta cần chú ý điều gì? | - Khi nêu dẫn chứng cần phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho lí lẽ, ý kiến.  - Các bằng chứng lấy nguyên văn từ sách vở, thơ văn cần để trong dấu ngoặc kép và ghi rõ nguồn trích. | | Ví dụ | Có ai đó từng nói rằng: “ Những gì ta có là những gì ta công nhận và biết ơn” | | **b) Yêu cầu**   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống | | | STT | Tiêu chí | | 1 | Nêu được quan điểm, ý kiến của mình về hiện tượng đó. | | 2 | Có hệ thống lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, phong phú, xác đáng | | 3 | Khẳng định ý kiến đồng ý/ không đồng ý, rút ra bài học. | | 4 | Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. | | 5 | Hình thức là một bài văn, dài từ 1,5-2 trang, có các đoạn văn được liên kết chặt chẽ với nhau. | | 6 | Diễn đạt trôi chảy, rõ ràng, văn phong trong sáng. |   **c) Dẫn chứng và trình bày dẫn chứng như thế nào?**  **Bằng chứng/ dẫn chứng là một phần cốt yếu của văn nghị luận**    **Bằng chứng/ dẫn chứng lấy từ nhiều nguồn**  **Ví dụ:** “Công việc rất quan trọng” Seals nói, “nhưng trí tò mò ham hiểu biết còn quan trọng hơn. Không ai học chăm bằng một đứa trẻ tò mò ham hiểu biết”. Tôi muốn được chi tiền để cho khắc lên cổng của tất cả các ngôi trường ở nước Mỹ dòng chữ ấy: “Không ai học chăm bằng một đứa trẻ tò mò ham hiểu biết.”  Để khiến quan điểm của mình thêm thuyết phục, tác giả đã dẫn ra ý kiến của ai? Ý kiến đó được trình bày như thế nào?  **Ví dụ:** “Không thể đánh đồng những trò tầm thường đó với những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa lớn lao. Tôi đã đọc bài báo nói về chuyện ông Ni-nô-mi-gia( Ninomiya)- một doanh nhân người Nhật. Trong những ngày tháng làm việc ở Việt Nam, cứ mỗi sáng Chủ nhật, ông đến nhặt rác để làm sạch Hồ Gươm. Việc làm của ông Ni-nô-mi-gia có sức lan tỏa rất lớn. Từ chỗ một mình ông Ni-nô-mi-gia, thời gian sau đã có thêm hơn chục người nước ngoài cùng tham gia nhặt rác. Việc làm ấy đúng là rất nhỏ nhưng ý nghĩa và sức tác động của nó thì không hề nhỏ chút nào.”  ( Việc lớn, việc nhỏ, sưu tầm)  **c) Các lưu ý**  - Suy ngẫm kỹ khi lựa chọn hiện tượng cần bàn luận: gần gũi, có ý nghĩa.  - Động não, đặt câu hỏi tìm kiếm ý tưởng, tư liệu thật tốt.  - Lập dàn ý trước khi viết  - Nêu được quan điểm, lí lẽ, dẫn chứng xác đáng, thuyết phục |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**     |  |  | | --- | --- | | **Các bước chuẩn bị** | **Kết quả** | | Tìm hiểu đề | Nội dung chính:  Kiểu bài viết:  Phạm vi bằng chứng: | | Giải nghĩa từ | - Háo danh:  - “Bệnh thành tích”: | | Bẳng chứng | 2 bằng chứng( nguồn rõ ràng): | | Tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,… | Sưu tầm thêm |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. 1. Thực hành viết theo các bước**  **Bài tập:** Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  **Bước 1: Chuẩn bị:**     |  |  | | --- | --- | | **Các bước chuẩn bị** | **Kết quả** | | Tìm hiểu đề | Nội dung chính: nêu ý kiến về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.  Kiểu bài viết: nghị luận  Phạm vi bằng chứng: trong các lĩnh vực đa dạng( giáo dục, kinh tế, xã hội…) | | Giải nghĩa từ | - Háo danh: là sự ham muốn, thèm khát một cái tên định vị cho mình, trong mối tương quan của cá nhân với cộng đồng.  - “Bệnh thành tích”: “bệnh”- thói xấu hoặc khuyết điểm về tư tưởng tạo nên những hành động đáng chê trách hoặc gây hại, “thành tích” là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được; “bệnh thành tích” là tư tưởng thích được khen ngợi, đánh giá cao nên tạo ra những thành tích không có thật hoặc chạy theo thành tích bên ngoài mà không chú trọng đến thực chất và các mặt lợi, hại của nó khi giá trị thực bên trong không được đảm bảo. | | Bẳng chứng | - 2019, một người đàn ông đã gây xôn xao dư luận khi tự nhận là nhà báo quốc tế, Tổng biên tập tạp chí chống tham nhũng và hợp tác quốc tế, tiến sĩ danh dự từ Vương quốc Anh….Nhưng sau đó, người ta phát hiện các chức danh này đều được cấp bởi các tổ chức hầu như không được biết đến hoặc khai man, không được xác thực…  - Trong đề án cuộc thi Nữ hoàng Thương hiệu Việt Nam 2019, không chỉ có các danh xưng Nữ hoàng Thương hiệu Việt Nam 2019, không chỉ có các danh xưng Nữ hoàng các ngành mà còn có cả Á hoàng 1, Á hoàng 2.  - Không chỉ thế, trong nhiều lĩnh vực, nhìn đâu cũng thấy những danh hiệu rốn rảng. Âm nhạc thì có “ông hoàng nhạc trẻ”, “bà hoàng bolero”; thế giới người mẫu thì lại có “ông trùm chân dài”; màn bạc thì có “nữ hoàng điện ảnh”; khởi nghiệp thì có “shark”( cá mập). Tâm lý ưa nổi bật, khoái khổng lồ khiến người ta thích những cái mác như “kỉ lục”, “siêu khủng”, “đỉnh cao”, “vượt trội”, “ triệu view”, “ngàn like”… | | Tranh,  ảnh, bảng biểu, sơ đồ,… |  | |
| Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào? | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Thế nào là hiện háo danh và “bệnh” thành tích?  + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?  + Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích có liên quan đến nhau như thế nào?  + Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  + Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng tượng háo danh và “bệnh” thành tích? |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Lập dàn ý cho bài văn   |  |  | | --- | --- | | **Cấu trúc** | **Nhiệm vụ- nội dung** | | Mở bài |  | | Thân bài |  | | Kết bài |  | | LẬP DÀN Ý |
| |  |  | | --- | --- | | **Cấu trúc** | **Nhiệm vụ, nội dung** | | Mở bài | - Giới thiệu về vấn đề bàn luận là gì? Háo danh và “bệnh” thành tích  - Đánh giá chung về hiện tượng- đồng tình/ không đồng tình. | | Thân bài | - Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  - Các biểu hiện của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  - Những ví dụ về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  - Sự liên quan của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  - Phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích và hướng khắc phục, cải thiện.  - Đối thoại lại ý kiến đưa ra. | | Kết bài | - Đánh giá tổng kết về hiện tượng và suy nghĩ của em  - Liên hệ bản thân |  |  |  | | --- | --- | | **Cấu trúc** | **Nhiệm vụ, nội dung** | | Mở bài | - Giới thiệu về vấn đề bàn luận là gì? Háo danh và “bệnh” thành tích  - Đánh giá chung về hiện tượng- đồng tình/ không đồng tình. | | Thân bài | - Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  “háo danh” là một hiện tượng tiêu cực, chỉ việc coi trọng danh tiếng trên mức thực tế, đặt mục tiêu danh tiếng lên đầu và luôn làm mọi cách để đạt được.  “bệnh” thành tích là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được khen ngợi nhưng thực chất bên trong không được như vậy.  - Các biểu hiện của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  Luôn coi trọng danh tiếng quá mức, làm mọi cách để đạt được danh tiếng: Những chiêu trò, truyền thống bẩn, hạ bệ người khác…  Nói vống những thành tích của mình lấy thành tích của người khác nhưng lại nói là của mình nhằm thu danh tiếng: Báo cáo “láo” thành tích, mua “danh” bán “chức”, rình rang các sự kiện ra mắt nhưng thực tế không có chất lượng,….  - Những ví dụ về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  - Sự liên quan của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích  Đa số, “bệnh” thành tích là hệ quả của hiện tượng háo danh.  - Phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích : Hiện tượng xấu trong xã hội, cần loại b  Phản biện vấn đề và hướng khắc phục, cải thiện.  Nhìn từ hướng tích cực, có thể xuất phát từ tâm lí: ai cũng mong muốn mình trở thành người có giá trị, có ích cho xã hội.  Cần phải xây dựng nền tảng tốt, tôn trọng sự thật, bản chất, cái vốn có. | | Kết bài | - Đánh giá tổng kết về hiện tượng và suy nghĩ của em  - Liên hệ bản thân | | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 53** | **Bước 3: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã thực hiện, niết bài văn bàn luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống.  - Lưu ý hoàn thiện cấu trúc một bài văn hoàn chỉnh; phối hợp các hình thức đoạn văn phù hợp: Diễn dịch, quy nạp, phối hợp.  - Chú ý về lối diễn đạt, chính tả.  - Có thể bổ sung một số ý ngoài gợi ý SGK, nhưng chú ý không lan man, dài dòng dẫn đến lệch yêu cầu đề bài. |
|  | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
|  | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song hành**  **a) Đoạn văn diễn dịch**  - Nêu ý khái quát  - Phát triển bằng các ý cụ thể  b)  **Đoạn văn quy nạp**  - Phát triển bằng các ý cụ thể  - Nêu ý khái quát  **c) Đoạn văn phối hợp**  - Phát triển bằng các ý cụ thể  - Nêu ý khái quát  - Tổng hợp các ý cụ thể |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: Nhận biết và phân loại các dẫn chứng trong đoạn văn sau:**

**Đoạn 1:** “Trên lĩnh vực kinh tế, thời gian có những vụ án thất thoát hàng ngàn tỉ đồng sau khi bị phanh phui đều thấy có bóng dáng của “bệnh” thành tích, háo danh. Biểu hiện thường thấy của “bệnh” này là đẩy nhanh tiến độ thuộc dự án công trình để chào mừng một sự kiện nào đó. Do đó, **người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,...miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cắt băng khánh thành” cho các bạn khánh thành**. Và hậu quả của việc chạy theo thành tích bằng mọi giá là công trình, dự án nhanh xuống cấp, không đảm bảo chất lượng.

(tuyengiao.vn, 24-09-2019)

=> Bằng chứng trong đời sống

**Đoạn 2:** “Háo danh là “căn bệnh” được nhà viết kịch Mô-li-e thể hiện rất sinh động và hài hước trong vở hài kịch Trưởng giả học làm sang. Ở văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, chỉ vì được đám phó may, thợ phụ gọi là “ông lớn’, “ cu lớn”, “đức ông”,... mà ông đã sung sướng hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”. Kết quả là ông đã mất rất nhiều tiền thưởng vì cái “bệnh” háo danh ấy”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

TIẾT **54,55: NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN**

**ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**Phát triển kĩ năng nói và nghe**

- HS nói – nghe: bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống theo yêu cầu.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn :

Ngày dạy:

**TIẾT 54**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**- GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY VĂN HỌC**

**Câu 1 : Nghị luận về một hiện tượng đời sống là:**

**A. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống**

B. Tái hiện lại sự việc và con người trong đời sống

C. Bộc lộ tình cảm về con người, sự việc trong cuộc sống

D. Cung cấp thông tin về một vấn đề trong cuộc sống

**Câu 2 : Bài nói thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống khác với bài viết như thế nào?**

A. Dùng hình thức viết để bàn luận, nêu suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống có thật trong cuộc sống hoặc trong văn bản văn học

**B. Dùng hình thức nói để bàn luận, nêu suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống có thật trong cuộc sống hoặc trong văn bản văn học**

C. Dùng hình thức nói để kể lại một sự việc, hiện tượng có thật trong đời sống hàng ngày.

D. Dùng hình thức nói để bày tỏ cảm xúc của mình về một sự việc, hiện tượng có thật trong đời sống hàng ngày.

**Câu 3 : Điều cần lưu ý khi thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống là gì?**

A. Nêu được hiện tượng cần thảo luận, trình bày được quan điểm cá nhân, sử dụng hệ thống các sự việc đáng tin cậy

B. Nêu được hiện tượng cần thảo luận; đưa ra ý kiến ý kiến đồng tình hoặc phản đối, sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm phù hợp

C. Nêu được hiện tượng cần thảo luận, trình bày được quan điểm cá nhân, sử dụng các thông tin khoa học, cụ thể

**D. Nêu được hiện tượng cần thảo luận; đưa ra ý kiến ý kiến đồng tình hoặc phản đối; sử dụng lí lẽ, bằng chứng tin cậy, cụ thể, giàu sức thuyết phục**

**Câu 4 : Cần lưu ý gì khi đưa bằng chứng trong hoạt động thảo luận nhóm về một hiện tượng trong đời sống.**

**A. Bằng chứng phù hợp với VĐ bàn luận và cần có thao tác phân tích bằng chứng cụ thể, thuyết phục**

B. Bằng chứng phù hợp với thực tế cuộc sống, có lí lẽ cụ thể, thuyết phục.

C. Bằng chứng phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và cần có ý kiến cụ thể, thuyết phục.

D. Bằng chứng phù hợp với một TP văn học và cần có thao tác phân tích bằng chứng cụ thể, thuyết phục

**Câu 5. Trong khi trình bày bài nói, cần chú ý những yêu cầu gì?**

A. Xác định và ghi lại thông tin chính, tác phong tự tin, đảm bảo thời gian.

B. Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe, tác phong tự tin, đảm bảo thời gian.

**C. Trình bày nội dung mạch lạc, rõ ràng, tác phong tự tin, đảm bảo thời gian.**

D. Giải đáp thắc mắc, ghi lại ý chính, tác phong tự tin, đảm bảo thời gian.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.*

***- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Cô vừa kiểm tra một chút kiến thức của các em về kiểu bài nghị luận. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành “Thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống”.*

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết yêu cầu tóm tắt được ý chính của bài trình bày  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc phần Định hướng (SGK/36) và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?  2. Nội dung bài nói bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gồm có mấy phần? Cho biết nội dung của mỗi phần.  3. Cần chú ý những kĩ năng nói và nghe gì trong hoạt động trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Về nội dung – hình thức**  **a. Nội dung**  - Bài thảo luận ý kiến về 1 hiện tượng trong đời sống sẽ giống với bài viết nghị luận về 1 hiện tượng.  - Bài nói cần có:  + Vấn đề, hiện tượng.  + Lí lẽ, quan điểm đồng tình hay phản đối.  + Dẫn chứng (Văn học – thực tế đời sống)  **b. Hình thức**  + Trình bày bằng lời nói (Có thể kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ)  + Thực hiện bằng hình thức nhóm hoặc cả lớp.  **2. Những điểm cần lưu ý**  - Nêu được hiện tượng cần thảo luận phù hợp với lứa tuổi  - Phân tích và chứng minh ý kiến của mình bằng các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, cụ thể, giàu sức thuyết phục.  - Nêu rõ ý kiến, quan điểm của người nói (đồng tình/phản đối) với vấn đề đã nêu  - Khi trình bày, kết hợp sử dụng CNTT, tranh, ảnh để tăng hiệu quả.  theo bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Những điểm cần lưu ý** | **Yêu cầu cụ thể** | | Bối cảnh trình bày | Không gian, thời gian | | Xác định vấn đề trình bày | Đề tài | | Đối tượng người nghe | Thầy cô, bạn bè, người thân trong gia đình | | Mục đích | Nêu ý kiến, thuyết phục người nghe | | Phương tiện hỗ trợ | Máy móc thiết bị, tranh, ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu | |  | Mở đầu:  Nêu vấn đề và lí do chọn vấn đề | | Nội dung chính:  - Trình tự các luận điểm  - Lí lẽ tương ứng với từng luận điểm  - Bằng chứng tương ứng với từng luận điểm | | Kết thúc:  - Khái quát ý nghĩa vấn đề đã trình bày  - Một số đề xuất, kiến nghị (nếu có) | | Cách thức và thái độ khi nói | Hướng về người nghe; kết hợp lời nói và cử chỉ, động tác,…; giọng điệu và âm lượng phù hợp | |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài tóm tắt được nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành**  Bài tập: Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam). |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và thực hành: Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).  - GV yêu cầu HS tiến hành chuẩn bị theo các bước hướng dẫn trong SGK.  + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem lại nội dung thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa đã làm trong phần Viết.  - Sau 15 phút chuẩn bị, GV yêu cầu HS trình bày theo trình tự:  + Người nói trình bày vấn đề theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Người nghe ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bước 1: Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam.  - Xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có).  **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý  a) Tìm ý  - Tìm ý cho bài trình bày bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam kể về chuyện gì?  → Văn bản Gió lạnh đầu mùa kể về kể về hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả tên là Sơn và Lan, luôn hòa đồng và gần gũi với những đứa trẻ trong phố huyện. Trong ngày trời chuyển lạnh, hai chị em ra chợ chơi thì thấy Hiên - cô bé hàng xóm đang co ro bên cột quán với manh áo mong manh, rách tả tơi. Sơn bàn với chị Lan đem chiếc áo bông cũ. Về đến nhà, người vú già nói với chị em Sơn mẹ đã biết chuyện. Sợ bị mắng, Sơn và Lan đến nhà Hiên đòi áo nhưng không thấy ai. Đến khi về nhà đã thấy mẹ con Hiên đem áo sang trả. Mẹ Sơn đã cho mẹ Hiên vay tiền để may áo cho con.  + Nội dung của truyện đặt ra vấn đề về lòng nhân ái như thế nào?  → Hai chị em đã tặng cho Hiên chiếc áo bông cũ để sưởi ấm qua mùa đông giá rét. Chi tiết này đã thắp sáng tình yêu thương, che chở và giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người. Đồng thời, truyện đã để nhiều cảm xúc trong lòng độc giả, thấm thía từng nỗi khổ đau, bất hạnh với hoàn cảnh éo le của người nghèo khổ. Qua đó thể hiện tình yêu thương bao la, sâu sắc, nồng ấm và thiêng liêng, giúp con người thêm trân quý cuộc sống này hơn.  + Em hiểu như thế nào là lòng nhân ái?  → Lòng nhân ái là sự yêu thương, là phẩm chất yêu thương giữa người với người, là sự chia sẻ, cảm thông cho nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn.  + Tại sao trong cuộc sống cần có lòng nhân ái?  → Để gắn kết bản thân với xã hội, con người sống rất cần phải có tấm lòng nhân ái. Nhân ái giúp ta nâng cao giá trị của bản thân mình, làm cho mối quan hệ giữa con người với con người càng trở nên tốt đẹp. Cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi chúng ta sống vì người khác, nhưng nó cũng trở nên đẹp đẽ và hạnh phúc hơn.  + Em sẽ làm gì để thể hiện lòng nhân ái?  → Luôn sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và giúp đỡ người khác khi người ta gặp khó khăn; Luôn yêu thương mọi người, sẵn sàng cho đi mà không mong nhận lại, không ích kỉ nhỏ nhen, tính toán thiệt hơn với người khác; Sống chan hòa với mọi người xung quanh, luôn mang những điều tích cực đến cho mọi người và lan tỏa được những thông điệp, hành động tốt đẹp ra xã hội.  Ngoài các câu hỏi nêu trên, các em có thể nêu thêm các câu hỏi khác.  b) Lập dàn ý   |  |  | | --- | --- | |  | Nội dung triển khai | | Mở đầu | Nêu vấn đề cần trình bày. | | Nội dung chính | Lần lượt trình bày các nội dung chính đã chuẩn bị trong phần tìm ý. | | Kết thúc | Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống. | |
|  | **Bước 3:** Thực hành nói và nghe  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày. | - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | |
| Ngày soạn :  Ngày dạy:  **TIẾT 55**  **?Yêu cầu đối với người nói?**    **?Yêu cầu đối với người nghe?** | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**  - Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
|  |  |

**\* Bài nói tham khảo:**

Xin chào thầy cô và các bạn. Ở phần Đọc của Bài 1 Truyện ngắn chúng ta đã từng được tìm hiểu về truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa”. Đây là tác phẩm nổi tiếng của Thạch Lam đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc và gợi ra nhiều suy ngẫm cho mỗi người về tình yêu thương trong cuộc sống.

Với giọng văn nhẹ nhàng, sâu lắng, nhà văn đã khắc họa một cách rõ nét hình ảnh các nhân vật xuất hiện xuyên suốt truyện ngắn với chân dung đẹp đẽ, sống động. Hai chị em Lan và Sơn vì thương đám trẻ nghèo mà mang áo của em gái mình ra cho cô bạn nhỏ. Để rồi sợ mẹ mắng mà khép nép không dám nhìn mẹ. Đó chính là khoảnh khắc đẹp đẽ của trẻ em – khoảnh khắc chứa chan tình người khiến cho người đọc chúng ta cũng rưng rưng xúc động. Con người thường chỉ nghĩ đến mình mà khó nghĩ được cho người khác, và người mà có cuộc sống đủ đầy lại càng khó nghĩ cho những người khốn khó hơn mình vì họ không hiểu được những gánh nặng của những người khó khăn. Thế nhưng, những em bé trong câu chuyện dù sống trong nhung lụa vẫn hiểu và thương những mảnh đời khó khăn thì đó thực sự là vẻ đẹp quý giá của tình người.

Truyện không dừng lại ở đó. Phần cuối truyện, mẹ Hiên đã đem cái áo bông đến trả mẹ của Sơn. Hành động này thể cho thấy có những con người trong xã hội xưa, dù sống khó khăn, khổ cực nhưng vẫn giữ vững phẩm chất tốt đẹp: “Đói cho sạch, rách cho thơm”. Mẹ Sơn sau khi nghe rõ việc, đã cho mẹ Hiên mượn năm hào về may áo ấm cho con. Còn với hai chị em Sơn, bà chẳng những không tức giận mà còn “vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm”. Cả mẹ Sơn hay mẹ Hiên đều là những người phụ nữ đức hạnh, giàu lòng tự trọng. Có thể khẳng định rằng truyện ngắn là một câu chuyện nhẹ nhàng, nhưng lại chan chứa tình yêu thương và lòng nhân ái giữa con người với nhau trong xã hội.

Có thể thấy, bức tranh đầu mùa đông được nhà văn Thạch Lam miêu tả rất chính xác, tinh tế. Cảnh vật như nổi hình, nổi khối trước mắt người đọc. Còn bức tranh tình người hiện lên vừa ấm áp, vừa đơn sơ, vừa quen thuộc nhưng rộn ràng, hạnh phúc, dạt dào tình cảm, cảm xúc.

Với ngòi bút tài hoa của nhà văn Thạch Lam, truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả trong suốt mấy mươi năm qua vì vẻ đẹp tình người.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện***- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi, làm bài tập phần Tự đánh giá: Treo biển (SGK – trang 108, 109)

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***\*Dự kiến sản phẩm:***

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Đáp án D.

**Câu 2:** Đáp án A.

**Câu 3:** Đáp án B.

**Câu 4:** Đáp án A

**Câu 5:** Đáp án C.

**Câu 6:** - Truyện mang yếu tố hài hước, gây cười: người bán hàng không có chính kiến bản thân, đi nghe lời mọi người dổi tên biển hiệu hết lần này đến lần khác, cuối cùng là cất luôn không treo nữa.

- Cách xây dựng truyện: cái tên sau mỗi lần góp ý của mọi người lại rút ngắn thêm, khiến người đọc phải bật cười vì sự bị động, hành động ngu ngốc của người chủ.

**Câu 7:** - Nếu bỏ đi các chữ như mọi người đã góp ý thì mục đích của người bán hàng không thành công.

**Câu 8:** - Truyện phê phán những người không có chính kiến của mình, tin người và không tập trung trong cuộc sống.

**Câu 9:** - Theo em, chi tiết đáng cười nhất trong truyện là chi tiết người bán hàng cất luôn biển đi, không treo nữa. Vì qua đó, ta thấy được việc không hiểu được nội dung, ý nghĩa của tấm biển, bị động đi nghe lời mọi người, rồi cuối cùng lại quyết định cất đi.

**Tuần:**

**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**Tiết 56,57,58: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: HỊCH TƯỚNG SĨ**

**(Trần Quốc Tuần)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

- Nhận biết được nội dung bao quát: luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết)

- Hiểu được quy trình đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại, từ đó hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản Hịch tướng sĩ.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 56**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** TRÒ CHƠI: HIỂU BIẾT VỀ CÁC VỊ DANH TƯỚNG TRONG LỊCH SỬ

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Nhắc đến Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn người ta nhắc đến hình ảnh của một vị võ tướng với những chiến công hiển hách trong lịch sử nước Nam. Nhưng nhắc tới trần Quốc Tuấn cô cũng nói với các bạn thêm rằng con người ấy không chỉ có những võ công hiển hách mà cũng còn có cả văn tài với những áng văn có thể lưu danh muôn thủa. Ngày hôm nay cùng trong BÀI 5, chúng ta sẽ được tìm hiểu áng văn như thế- một áng thiên cổ hùng văn trong lịch sử văn học của nước Nam ta đó chính là văn bản “......”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. TÌM HIỀU TRI THỨC ĐỌC HIỂU** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1. Luận đề , luận điểm trong văn bản nghị luận**  - Luận đề là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận, vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản.  - Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Nhận biết luận đề: luận đề có thể được nêu ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản.  - Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  - Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.  - Qua luận điểm được trình bày, có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.  **2. Mối quan hệ giữa luận đề , luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận.**  - Luận đề , luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luậnlà những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc.  - Văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lý lẽ và mỗi lý lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. |
|  | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 57**

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung: |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  - Giọng đọc to, dõng dạc, mạnh mẽ  - Lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu  - Chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn( khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc.)  - Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh    PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**     |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Tên tiếng Hán |  | | Thể loại |  | | Hoàn cảnh ra đời |  | | Luận đề ( vấn đề bàn luận) |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Em biết gì về thể loại hịch?    **Tìm hiểu chú thích** | | **a. Tác giả:**  - Trần Quốc Tuấn(?....?) tức Hưng Đạo Vương là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc.  - Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai( năm 1285) và thứ ba( 1287-1288) ông đều được vua Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân cả hai lần đều chiến thắng oanh liệt.  - Nhân dân tôn ông là Đức thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên cả nước.  **b. Văn bản:**  **\* Tên tiếng Hán**: Dụ chư tì tướng hịch văn  **\* Thể loại**: Hịch  **\* Hoàn cảnh ra đời:** Ra đời trước cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên lần thứ 2 (1285)    **\*Luận đề (vấn đề bàn luận):**  lòng yêu nước và quyết tâm đánh giặc của quân và dân nhà Trần trước cuộc xâm lăng lần thứ hai của quân Mông Nguyên. |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu luận đề  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Luận đề**  Lòng yêu nước của nhân dân ta, của các tì tướng thời Trần khi đất nước lâm nguy | |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp: Thảo luận cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu luận đề**  Sau khi đọc văn bản, tìm hiểu về thể loại hịch, em nhận thấy văn bản đã đề cập đến vấn đề nghị luận nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu sơ đồ lập luận  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Sơ đồ lập luận** | |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  Trước khi đi tìm hiểu mạch lập luận của văn bản, em hãy tìm ra bố cục của bài hịch này?  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản “ Hịch tướng sĩ” Trần Quốc Tuấn     |  |  | | --- | --- | | **Sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù** | | | **các từ ngữ miêu tả hành động của kẻ thù và tính chất của những hành động đó.** |  | | **Thái độ của tác giả** |  | | **Các thao tác lập luận và tác dụng** |  | | **Đặc điểm ngôn ngữ của đoạn trích** |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | **a. Bố cục:**  **Phần 1:** Từ đầu đến....”đến “ còn lưu tiếng tốt”: Nêu Nêu gương trung thần nghĩa sĩ  **Phần 2:** tiếp theo đến....”vui lòng”: Tình hình đất nước hiện tại và nỗi lòng người chủ tướng  **Phần 3:** từ ....”Nay các người nhìn chủ nhục dẫu các người muốn vui chơi phòng có được không?=> Phân tích phải trái, làm rõ đúng sai trong lối hành động của các tướng sĩ.  **Phần 4:** phần còn lại: Nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ.  **3. Phân tích:**  **a. Hệ thống các luận điểm:**  \* LUẬN ĐIỂM 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.  - Liệt kê dẫn chứng tiêu biểu toàn diện  - Những tấm gương sẵn sàng chết vì vua, vì nước, hoàn thành xuất xắc nhiệm vụ  => Nhìn vào lịch- soi vào gương  Thấy trách nhiệm của mình và có thêm ý chí.  \* LUẬN ĐIỂM 2: Lòng căm thù giặc và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.  - Căm giận tội các của giặc  - Thái độ không đội trời chung  \* LUẬN ĐIỂM 3: Ân tình chủ tướng và khích lệ tướng sĩ hành động theo lẽ phải  - Mối ân tình giữa chủ và tướng  - Phê phán những biểu hiện sai trái  \* LUẬN ĐIỂM 4: Lời kêu gọi  các tướng sĩ  - Chuyên học tập binh pháp- đọa thần chủ  - Nếu không- là kẻ nghịch thù  Ngắn gọn nhưng giọng điệu thanh thanh thép, nghiêm khắc và rạch ròi, không còn sự khoan dung độ lượng nữa (“muôn đời để thẹn” - sự tuyệt tự về tinh thần); vạch ra hai con đường chính- tà = sống - chết = vinh - nhục  => Quân lệnh như sơn | |
| |  |  | | --- | --- | | **b. Sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù** | | | **Các từ ngữ miêu tả hành động của kẻ thù và tính chất của những hành động đó.** | Đòi ngọc lụa thu bạc vàng, vét của kho có hạn, hung hãn như hổ đói, đi lại ngênh ngang ngoài đường, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ. | | **Thái độ của tác giả** | Khinh bỉ, căm phẫn | | **Các thao tác lập luận và tác dụng** | So sánh (với phần một ) kết hợp với chứng minh, bình luận giúp người đọc nghe thấy được sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù. | | **Đặc điểm ngôn ngữ của đoạn trích** | Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ( lưỡi cú diều, thân dê chó ...), đối lập ( lưỡi cú diều- sỉ mắng triều đình, thân dê chó- bắt nạt để phụ...) so sánh( như đem thịt mà nuôi hổ đói ), liệt kê, động từ mạnh. |     **a) Mối ân tình giữa chủ và tướng** “ Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng;đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa;lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì. “   => Những lời tâm huyết, ruột gan lại được lập luận theo lối văn nghị luận chặt chẽ vừa làm thức tỉnh lương tri tuoiwngs sĩ, vừa làm họ xúc động và thấm thía trách nhiệm của mình.  **b) Phê phán những biểu hiện sai trái**    1. Lối văn tứ lục (mỗi vếcâu có bốn hoặc sáu chữ) đối nhau cân xứng cả ý và lời, thanh điệu; viết liền nhau như nhấn mạnh tấm lòng và sự đồng hành của chủ với tướng=> Tác động vào tình cảm thức nhận một cách sâu sắc.  2. Cách nói thẳng, giọng điệu, mỉa mai, chế giễu: cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc,....  3. So sánh và điệp ngữ, điệp cấu trúc ý, tăng tiến:  - Viễn cảnh đầu hàng: những từ phủ định “không”, “ mất”, “ tan”, “khốn”=> Mất hết  - Viễn cảnh thắng lợi: những từ khẳng định “mãi mãi”, “ngàn đời”, “ không bị mai một”, “sử sách lưu thơm”  Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 58**  **c) Lời kêu gọi các tướng sĩ**  **Tác giả nêu ta nhiệm vụ cấp bạch nào cho tướng sĩ? Thái độ của tác giả trong đoạn này là gì?**  - Chuyên học tập binh pháp- đọa thần chủ  - Nếu không- là kẻ nghịch thù  Ngắn gọn nhưng giọng điệu thanh thanh thép, nghiêm khắc và rạch ròi, không còn sự khoan dung độ lượng nữa ( “muôn đời để thẹn”- sự tuyệt tự về tinh thần); vạch ra hai con đường chính- tà= sống- chết= vinh - nhục  => QUÂN LỆNH NHƯ SƠN  **Thái độ:** Dứt khoát, cương quyết, tâm tình  -> Gan ruột của một chủ tướng yêu nước  -> Khích lệ, động viên mức cao nhất ý chí chiến đấu của tướng sĩ | | |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? | | **III. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **1. Nội dung:**  - Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên.  - Thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng kẻ thù xâm lược.  - Kêu gọi các tướng lĩnh cần rèn luyện, đọc binh pháp.  **2. Nghệ thuật:**  **-** Áng văn nghị luận xuất sắc: luận đề, luận điểm, lý lẽ, bằng chứng liên kết chặt chẽ.  - Giọng điệu đa dạng, truyền cảm hứng, cùng lối văn biển ngẫu tạo ra một bài văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.  - Biện pháp tu từ đặc sắc. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một một văn bản nghị luận?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập:** Cách đọc hiểu một một văn bản nghị luận? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  1. Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu ) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

2. Tuổi trẻ VN hôm nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Đoạn văn có thể gồm các ý như sau:

+ Truyền thống đáng tự hào đó là gì? Biểu hiện ra sao?

+ Truyền thống đó có vai trò, ý nghĩa gì với lịch sử phát triển của dân tộc?

+ Chúng ta cần làm gì để duy trì, tiếp nối và phát triển truyền thống đó trong bối cảnh xã hội hiện đại?

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Nước Đại Việt ta

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

Tiết 59,60: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: **NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**(Trích Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

- Nhận biết được nội dung bao quát: luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết)

- Hiểu được quy trình đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại, từ đó hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản Hịch tướng sĩ.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 59**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** *- Hs xem video bài hát và trả lời hai câu hỏi:*

*1. Cảm xúc của em khi nghe những ca từ và âm hưởng bài hát?*

*2.* Trong lời bài hát có nhắc đến các triều đại từng góp công xây đắp nên non sông đất Việt. Đó là những triều đại nào? Em có thể kể tên những anh hùng hào kiệt làm rạng rỡ non sông đất nước trong từng thời đại không?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Câu 1: Trải hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, đất nước ta ghi dấu nhiều mốc son chói lọi bởi những gương anh hùng hào kiệt. Có lẽ là bất cứ người dân Việt Nam nào khi nghe bài hát này cũng đều dấy lên lòng tự hào, biết ơn, lòng tự tôn dân tộc và dòng máu nóng yêu nước như tuôn trào trong huyết quản.

Câu 2: Trong lời bài hát có nhắc đến các triều đại từng góp công xây đắp nên non sông đất Việt. Đó là những triều đại: Triều đại nhà Đinh: Đinh Bộ Lĩnh; Triều đại nhà Lý: Lý Công Uẩn; Triều đại nhà Trần : Trần Quốc Tuấn; Triều đại nhà Lê: Lê Lợi, Nguyễn Trãi.)

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Các triều đại có thể thịnh rồi suy, nhưng các anh hùng hào kiệt thì mãi lưu danh sử sách. Bên cạnh những người con ưu tú nhất của đất nước, Nguyễn Trãi được nhắc đến như một quân sư lỗi lạc, một anh hùng kiệt xuất, một danh nhân văn hóa của mọi thời đại. Hôm nay, chúng ta thật vinh dự được xuôi về cội nguồn lịch sử nước nhà trong văn bản "Nước Đại Việt ta" trích từ tác phẩm nổi tiếng của ông" Bình ngô Đại Cáo", một tác phẩm được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  - Giọng đọc to, dõng dạc, mạnh mẽ  - Lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu  - Chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn( khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc.)  - Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh    PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**     |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Thể loại |  | | Hoàn cảnh ra đời |  | | Luận đề ( vấn đề bàn luận) |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Thể cáo:  + Thể văn nghị luận cổ do vua chúa, thủ lĩnh soạn thảo để trình bày chủ trương hay công bố kết quả sự nghiệp.  + Phần nhiều được viết bằng văn biền ngẫu (Không quy định gieo vần nhưng phải có đối)  + Có tính chất hùng biện.  Điểm giống và khác nhau của thể chiếu, hịch và cáo.  \* Giống: + Đều là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng...  \*Khác:  + Chiếu dùng để ban bố mệnh lệnh  + Hịch được dùng để cổ động, thuyết phục, hoặc kêu gọi đấu tranh.  + Cáo dùng để công bố một chủ trương hay một kết quả để mọi người cùng biết.  **Tìm hiểu chú thích** | **1. Tác giả:**  - Ông là nhà yêu nước anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới được vua Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo  **2. Văn bản:**    **- Thể loại**: Cáo  **- Hoàn cảnh ra đời:** ra đời trong không khí hào hùng của ngày vui đại thắng (1428), sau 10 năm k/c chống quân Minh xâm lược. Tác phẩm có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn.  **- Luận đề (vấn đề bàn luận):** Tư tưởng nhân nghĩa vì dân |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu luận đề  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Luận đề** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp: Thảo luận cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu luận đề**  Sau khi đọc văn bản, tìm hiểu về thể loại hịch, em nhận thấy văn bản đã đề cập đến vấn đề nghị luận nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | “Tư tưởng nhân nghĩa vì dân” được nêu ngay ở câu đầu tiên. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu sơ đồ lập luận  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Sơ đồ lập luận** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  Trước khi đi tìm hiểu mạch lập luận của văn bản, em hãy tìm ra bố cục của bài hịch này?  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản “    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  . GV: - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái.  - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.  - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc.  - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo  - Dân: là người dân nước Đại Việt.  - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước.  => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.  **Gv:**Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, Vb “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời.  Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng đinh chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều.....(chỉ bảng)  Và hơn thế nữa, nếu trong “Nam quốc sơn hà”. Lý Thường Kiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ Nguyễn Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh dân tộc, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa.  **Chuyển ý:** Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lich sử thật tiêu biểu.  **- GV:**  - Lưu Cung-> thất bại  - Triệu Tiết-> tiêu vong  - Toa Đô-> bắt sống  - Ô Mã-> giết tươi  -> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại  **\*** Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.  -> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.  **=>**Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL  -> Yêu nước  Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ  Giàu tình cảm và lòng tự hào DT... | **Bố cục:**  **Phần 1:** Hai câu đầu: Tư tưởng nhân nghĩa  **Phần 2:** Tám câu tiếp: Chân lý chủ quyền, độc lập dân tộc Đại Việt  **Phần 3:** Sáu câu còn lại: Sức mạnh của nhân nghĩa, của chủ quyền dân tộc.  **3. Phân tích:**  **a. Luận điểm 1:** Cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa là “yên dân” và “trừ bạo”:  - “Yên dân”: Làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc  - “Trừ bạo”: Diệt mọi thế lực tàn bạo để giữ yên cuộc sống cho nhân dân  **b.Luận điểm 2:** Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền:  Theo Nguyễn Trãi, những yếu tố căn bản, phát triển một cách hoàn chỉnh, sâu sắc, toàn diện quan niệm về quốc gia, dân tộc là dựa trên các yếu tố lịch sử, văn hóa, độc lập, chủ quyền.  - Có nền văn hiến lâu đời.  - Có lãnh thổ riêng.  - Có phong tục tập quán riêng.  - Có chủ quyền riêng trải qua nhiều thời đại.  - Có truyền thống lịch sử hào hùng.  **c. Luận điểm 3:**Sức mạnh của nhân nghĩa, sức mạnh của độc lập dân tộc :  Sức mạnh làm cho kẻ thù thất bại thảm hại, sức mạnh ấy đập tan mọi khó khăn mọi thử thách |
|  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? | **III. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **1. Nội dung:**  *Như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử, kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa nhất định thất bại.*  *- Nêu lên tiền đề chính nghãi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.*  **2. Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng phong phú, hùng hồn.  - Câu văn biền ngẫu nhịp nhàng, phép so sánh, liệt kê, đối. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đoạn trích *Nước Đại Việt ta* giúp em hiểu thêm những gì về Nguyễn Trãi và thế hệ cha ông ta thời bấy giờ?   **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  - Dự kiến sản phẩm:....   |  |  |  | | --- | --- | --- | | So sánh | Sông núi nước Nam | Nước Đại Việt ta | | Nước có chủ quyền | Vua Nam ở | Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. | | Sức mạnh của nhân nghĩa | Bị đánh tơi bời | Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong. | | **Bài tập:**  Có thể thấy, tài năng và đức độ của Nguyễn Trãi đã được đánh giá cao. Cách sử dụng lí lẽ vô cùng đanh thép, chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  - Gv: Hãy so sánh hai văn bản “Sông núi nước Nam” Lý Thường Kiệt và “Nước Đại Việt ta” Nguyễn Trãi? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Dựa vào nội dung đoạn trích, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) để trả lời câu hỏi: Nước Đại Việt ta là một quốc gia như thế nào?  
**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Đoạn văn có thể gồm các ý như sau:

- Nước Đại Việt ta có một nền văn hiến lâu đời, có truyền thống lịch sử oanh liệt, ngang hàng với các quốc gia khác, đã nhiều lần chiến thắng các cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của các quốc gia phương Bắc.

- Có cương vực lãnh thổ riêng, là một quốc gia độc lập và hùng mạnh trong khu vực.

- Có nền văn hóa với nhiều phong tục, tập quán khác biệt với các nước khác.

- Hào kiệt đời nào cũng

\*\***Chuẩn bị bài sau: Thực hành Tiếng Việt**

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

TIẾT **60: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ÔN TẬP VỀ TỪ HÁN VIỆT**

**THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ý trong câu phù hợp với ngữ cảnh.

- Biết được vai trò, cách dùng phù hợp trong từng trường hợp cụ thể của nghĩa hàm ẩn.

- Biết cách tạo lập câu với nghĩa hàm ẩn, nghĩa tường minh

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nói gì trong tình huống

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”:

- Luật chơi:

+ Chia lớp thành 3 đội chơi, phát cho mỗi đội 1 bộ hình ảnh, bảng phụ, băng dính.

+ Các đội quan sát các hình ảnh, phát hiện nội dung và sắp xếp vào các cột trong bảng phụ (thành ngữ, tục ngữ) trong thời gian 3 phút.

+ Khi hết thời gian, các đội lên bảng dán sản phẩm của nhóm mình. Đội nào có nhiều đáp án chính xác đội ấy giảnh chiến thắng.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Các đội chơi chia nhóm, quan sát hình ảnh, tìm ra nội dung và sắp xếp vào bảng phụ theo thời gian quy định.

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học :** Các em ạ, thành ngữ và tục ngữ là trí tuệ dân gian, được cha ông ta lưu truyền lại đến ngày nay bằng cách sử dụng trong lời ăn, tiếng nói hàng ngày. Trong quá trình phát triển, cha ông ta đã rất khéo léo tiếp thu có chọn lọc các từ Hán Việt để tạo nên những câu tục ngữ, thành ngữ mới, ngắn gọn, hàm súc mà ý nghĩa rất sâu xa. Các kiến thức về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ chúng ta đều đã được học ở lớp 6, lớp 7, ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng ôn luyện và vận dụng vào bài tập để một lần nữa thêm hiểu, thêm yêu sự giàu có trong ngôn ngữ Tiếng Việt các em nhé.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nhắc lại kiến thức về về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **1. NHẮC NHỚ KIẾN THỨC VỀ TỪ HÁN VIỆT, THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  (?) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nhắc lại các kiến thức đã học về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.  (?) Phân biệt sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **- Từ Hán Việt:**  là từ mượn tiếng Hán  **- Thành ngữ:**  + Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  + Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...  **- Tục ngữ:** là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm từ ghép Hán Việt trong các cụm từ dưới đây (ở *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn). Chỉ ra nghĩa của mỗi từ ghép Hán Việt tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó:  *các bậc trung thần nghĩa sĩ, lưu danh sử sách, binh thư yếu lược.*  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | Bài tập 1:  - Các từ ghép Hán Việt là: trung thần nghĩa sĩ, lưu danh sử sách, binh thư yếu lược.  - Nghĩa của các từ ghép Hán Việt và nghĩa của các thành tố:   |  |  | | --- | --- | | Nghĩa của mỗi yếu tố | Nghĩa của từ ghép Hán Việt | | trung: trung thành (trước sau 1 lòng 1 dạ không thay đổi) | Những người trung với vua, sẵn sàng làm việc nghĩa | | thần: bề tôi của vua | | nghĩa: điều tốt đẹp, lẽ phải | | Sĩ: người | | Lưu: giữ lại, để lại | Giữ lại tiếng tốt, tên tuổi về sau trong sách sử | | Danh: tên tuổi | | Sử: quá trình phát triển đã qua của một đất nước | | Sách: xấp giấy có in chữ đóng thành tập | | Binh: quân lính, việc quân sự | Cuốn sách tập hợp những nội dung khái quát, quan trọng về quân sự | | Thư: sách | | Yếu: quan trọng, cần thiết | | Lược: khái quát, vắn tắt | |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm các thành ngữ trong những câu dưới đây. Giải thích nghĩa của mỗi thành ngữ tìm được và nghĩa của mỗi tiếng trong các thành ngữ đó.  1. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các ngươi cũng đời đời hưởng thụ, chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão... (Trần Quốc Tuấn)  2. Muốn cho người ta tin theo thì phải có danh chính ngôn thuận. (Nguyễn Huy Tưởng)  3. Ta sẽ chiêu binh mãi mã cầm quân đi đánh giặc. (Nguyễn Huy Tưởng)  4. Dân gian ai chẳng có lòng trung quân ái quốc. (Nguyễn Huy Tưởng)   |  |  | | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Nghĩa** | |  |  |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  Bài tập 2: Các thành ngữ là:  a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.  Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.  b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.  c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.  d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Ghép các thành ngữ, tục ngữ (in đậm) ở cột bên trái với nghĩa phù hợp ở cột bên phải:**   |  |  | | --- | --- | | **Thành ngữ, tục ngữ** | **Nghĩa** | | a. Dã tâm của quân giặc đã ***hai năm rõ mười***. (Nguyễn Huy Tưởng) | 1. khi đất nước có giặc, bổn phận của mọi người dân là phải đứng lên đánh giặc | | b. Chữ đề phải ***quang minh chính đại*** như ban ngày. (Nguyễn Huy Tưởng) | 2. chịu đựng nắng mưa, sương gió qua nhiều năm tháng | | c. Hầu muốn luyện cho mình thành một người có thể ***dãi gió dầm mưa***. (Nguyễn Huy Tưởng) | 3. có sức mạnh phi thường, có thể làm được những việc to lớn | | d. Họ nhìn lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng, lòng họ bừng bừng, tay họ như có thể ***xoay trời chuyển đất***. (Nguyễn Huy Tưởng) | 4. ngay thẳng, đúng đắn, rõ ràng, không chút mờ ám | | e. **Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh**. (Tục ngữ) | 5. (sự việc) quá rõ ràng, sáng tỏ, không còn nghi ngờ gì nữa |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3:**  a - 5  b - 4  c - 2  d - 3  e - 1 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  **Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn; trong đó có dùng ít nhất hai từ Hán Việt. Chỉ ra nghĩa của hai từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn văn.**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Lòng yêu nước là tình cảm thiêng liêng và vô giá của con người. Nhờ thứ tình cảm ấy mà nhân dân ta đã trải qua biết bao sóng gió, thăng trầm, đã từng phải đối mặt với những kẻ thù mạnh nhất thế giới nhưng nhân dân ta chưa bao giờ nao núng. Tấm lòng yêu nước của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn cũng được thể hiện thật cảm động qua bài Hịch tướng sĩ. Bài hịch được Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285). Bài hịch là lời kêu gọi ý chí chiến đấu và sự thức tỉnh của tướng lĩnh và **binh sĩ** trước những hành động ngang ngược, bạo tàn của kẻ thù. Qua đó cũng thể hiện tình yêu nước nồng nàn và lòng căm thù giặc sâu sắc cùng ý chí chiến đấu quyết chiến, quyết thắng kẻ thù **xâm lược** của Trần Quốc Tuấn.

- Xâm lược: Xâm phạm chiếm đoạt.

- Binh sĩ: Người lính

**\* Kết luận, đánh giá.**

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoàn thành bài tập
* **Chuẩn bị bài sau:** Chiếu dời đô

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần:

**TIẾT 62: THỰC HÀNH ĐỌC: CHIẾU DỜI ĐÔ**

**(Lý Công Uẩn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua "Chiếu dời đô".

- Nắm được đặc điểm cơ bản của thể chiếu. Thấy được sức thuyết phục to lớn của "Chiếu dời đô" là sự kết hợp giữa lý lẽ và tình cảm.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Trân trọng, biết ơn và tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với cộng đồng, với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs nghe bài hát và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Địa danh nào được nhắc tới trong bài hát? Em hiểu biết gì về địa danh đó?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Nhắc tới địa danh NB ta không chỉ nhắc tới khu du lịch tâm linh Bái Đính- Tràng An mà ta còn nhắc tới Lí Công Uẩn (Lý Thái Tổ) là vị Vua đầu tiên sáng lập vương triều Lý. Người có sáng kiến quan trọng: Năm 1010 rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La (Hà Nội), đổi thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay), đổi tên nước từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt, mở ra một thời kỳ mới của đất nước Việt Nam. Với khát vọng xây dựng đất nước Đại Việt hùng mạnh và bền vững muôn đời, Vua ban "Thiên đô chiếu" cho triều đình và nhân dân được biết. Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung của bài trong tiết học hôm nay:

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**    GV hướng dẫn cách đọc: Giọng mạch lạc, rõ ràng, trang trọng và chú ý những câu hỏi, câu cảm thán, các danh từ riêng, từ cổ, câu văn biền ngẫu được sử dụng trong văn bản.  - Giáo viên: Cho học sinh nghe một đoạn băng ghi âm, phát loa bản đọc mẫu của nghệ sỹ Quốc Anh để lôi cuốn học sinh tạo tâm thế sống trong tác phẩm và nhập tâm vào bài học.  - Gọi học sinh đọc tiếp –hs nhận xét- giáo viên nhận xét.  ***GV nhận xét bổ sung***  Gọi HS đọc chú thích (Sgk)  - GV phát **phiếu bài tập số 1**, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập.  ***- Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.***  ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm hiểu chung***   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: | | | Tác giả | ***..........................*** | | Hoàn cảnh sáng tác | ***.......................*** | | Thể loại | ***..........................*** | | Phương thức biểu đạt | ***..........................*** | | Vấn đề nghị luận | ***..........................*** | | Bố cục |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Gv nhấn mạnh về tác giả: Trong 19 năm trị vì, ông luôn cho thấy sự sáng suốt, anh minh của mình trong công cuộc xây dựng đất nước độc lập tự cường và chăm lo đời sống cho nhân dân.  Ở trên màn hình của cô là hình ảnh tượng Lí Thái Tổ bằng đồng đúc liền khối được đặt trang trọng tại vườn hoa Lí Thái Tổ nằm trên đường Đinh Tiên Hoàng của quận Hoàn Kiếm, đây cũng là nơi diễn ra rất nhiều hoạt động của người dân thủ đô và cũng thu hút rất nhiều khách tham quan du lịch trong và ngoài nước.  Bức hình tiếp theo là Đền Đô được gọi là đền Lí Bát Đế- Bắc Ninh, nơi đây thờ 8 vị vua nhà Lý trong đó có Lý Thái Tổ.  Tượng Lí Thái Tổ và Lí Thái Tông ở Đền Đô (Bắc Ninh)  **Gv chốt nhấn mạnh:** Trong chương trình ngữ văn lớp 8 học kì 2, các em sẽ được tìm hiểu những văn bản nghị luận trung đại như là Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta, . Cô muốn lưu ý các em đó là sự xuất hiện của laoij hình văn nghị luận trung đại gắn với những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước mang tính chức năng hành chính. Thời trung đại thì văn, sử, triết bất phân và các thể văn như là chiếu, hịch, cáo ra đời nhằm đảm nhận những nhiệm vụ nhất định của đời sống và mang tính chất khuôn mẫu, in đậm thế giới quan của con người trung đại như là tư tưởng mệnh trời, thần chủ, tâm lí sùng cổ. Về mặt hình thức những văn bản nghị luận trung đại có đặc điểm đó là thường được viết bằng chữ Hán và văn bản ở trong sgk chính là những văn bản dịch chúng có chung một đặc điểm đó là sử dụng từ ngữ cổ, cách diễn đạt cổ, hình ảnh thì thường mang tính ước lệ, câu văn biền ngẫu tương xứng nhịp nhàng, sử dụng những điển tích, điển cố và lực lượng sáng tác các tác phẩm này chủ yếu là tầng lớp thống trị là vua, quan, tướng lĩnh, , những người đứng đầu chịu trách nhiệm đối với vận mệnh và sự tồn vong của dân tộc. Vì vậy mà các tác phẩm văn nghị luận trung đại thời điểm này không chỉ có giá trị văn chương mà còn có giá trị về mặt lịch sử chính trị. Các em sẽ được tìm hiểu những điều cô vừa chia sẻ ở những bài tiếp theo trong chương trình cũng như năm học lớp 9 và kể cả khi chúng ta vào cấp 3.  ? Em hiểu gì về thể chiếu? Về mục đích? Nội dung và hình thức?  - Về mục đích: Vua dùng để ban bố mệnh lệnh.  - Về nội dung: Chiếu thường thể hiện một tư tưởng lớn lao, có ảnh hưởng đến vận mệnh triều đại, đất nước.  - Về hình thức: Văn biền ngẫu, văn vần, văn xuôi.  **Gv:** Các em phải nắm được đặc điểm của thể chiếu để phân biệt với thể loại hịch, cáo sau này các em học. Bài “Chiếu dời đô” được viết bằng văn xuôi có xen các câu văn biền ngẫu. Biền ngẫu là gì? Biền là có 2 con ngựa kéo xe song song nhau, ngẫu là từng cặp. Ở đây có thể hiểu là những cặp câu, những cặp đoạn câu cân xứng và trong bài “ Chiếu dời đô” chúng ta cũng có thể tìm được những câu văn biền ngẫu như “ Đã đúng ngôi nam… cao mà thoáng.” Và những câu văn biền ngẫu này nó làm cho cái lời văn của bài chiếu dời đô trở nên can xứng nhịp nhàng. Và các em cũng sẽ gặp được những câu văn biền ngẫu này ở trong những văn tiếp theo như “ Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, hay “ Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi.  Chiếu dời đô bên cạnh những đặc điểm chung của thể chiếu thì còn có những đặc điểm riêng. Bên cạnh cái tính chất mệnh lệnh thì còn mang cái tính chất tâm tình và cái ngôn từ ở đây không phải mang tính một chiều mà là mang cái tính chất đối thoại, trao đổi | ***1. Tác giả:***  - Lí Công Uẩn, tức Lí Thái Tổ (974-1028), người châu Cổ Pháp, lọ Bắc Giang( nay là xẽ Đinh Bằng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  - Ông là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Dưới triều Tiền Lê, ông làm đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ.  - Năm 1009, Lê Ngoạ Triều mất, ông được quần thần tôn lên làm vua.  - Ông là người sáng lập ra vương triều nhà Lí, mở ra thời kì hưng thịnh cho đất nước.  ***2.Văn bản:***  **a, Hoàn cảnh sáng tác:** Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất(1010), Lý Công Uẩn viết bài chiếu để bày tỏ ý định rời đô từ Hoa Lư( nay thuộc tỉnh Ninh Bình)ra thành Đại La( tức Hà Nội ngày nay)..  ***b, Thể loại:*** Chiếu  **c, Phương thức biểu đạt**: Nghị luận  Vấn đề nghị luận: Sự cần thiết phải rời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La  ***c, Bố cục:*** 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu...không thể dời đổi=> Lý do dời đô  ***.***  + Phần 2: Tiếp theo….” Muôn đời”=> Lý do chọn thành Đại La là kinh đô mới  + Phần 3: Còn lại => Quyết định của nhà vua.  **d, Tìm hiểu chú thích** |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu hiểu được nguyên nhân vì sao Lí Công Uẩn phải rời đô  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Lí do phải dời đô** |
| **- Sử dụng kĩ thuật động não**  **- PP: Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + Đọc thầm phần từ chỗ ” Xua nhà Thương... phồn thịnh”. Nêu nội dung chính của đoạn văn ?  - Nêu tiền đề lịch sử cho việc dời đô.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tiền đề lịch sử**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cơ sở lịch sử** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** | | ……………….  ……………… | …………………………… | ………………  …………… |   *Mở đầu nhà vua đã viện dẫn sử sách bên Trung Quốc như thế nào?*  **Nhà Thương năm lần dời đô**  **Nhà Chu ba lần dời đô**  **Gv:** Một trong những đặc điểm của con người trung đại là noi gương theo người xưa, làm theo ý trời.Người Việt Nam thời trung đại bị ảnh hưởng sâu sắc của nền văn hoá Trung Hoa coi nền văn hoá ấy là mẫu mực đáng làm theo. Vì vậy mà ngay trong phần mở bài Lý Công Uẩn đã trích điển tích, điển cố có nghĩa là trích những tích truyện xưa và cái nét tâm lí này các em sẽ còn được gặp ở trong văn bản tiếp theo ví dụ như Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, khi mà Trần Quốc Tuấn nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để mà khích lệ ý chí lập công danh xả thân vì nước.  ? Ta quan sát 3 câu tiếp theo, ở 3 câu này tác giả đã phân tích, bình luận, nguyên nhân, ý nghĩa của những sự kiện lịch sử ấy như thế nào?.  Gv: Tác giả đã nêu câu hỏi: Phải đâu các vua thời trung đại làm theo ý riêng mình mà tự chuyển dời? Ngay trong câu hỏi đã thể hiện rõ việc dời đô, định đô đó là một việc làm hệ trọng nó liên quan đến vận mệnh của cả dân tộc triều đại và một việc quan trong như thế thì không thể chiều theo ý kiến chủ quan của bất cứ cá nhân nào. Tiếp đó , tác giả đã giải đáp câu hỏi bằng việc đưa ra nguyên nhân dẫn đến những sự kiện lịch sử ấy.  Nguyên nhân dời đô là thế nhưng còn phụ thuộc vào ý thức, tầm nhìn của mỗi người, mỗi thời, mỗi triều đại.  Thời trung đại với ý thức sùng cổ thì con người thường sống và noi theo gương sáng của tiền nhân và coi mệnh trời ý trời là thiêng liêng. Vì vậy mà ở đây Lí Công uẩn đã trên những dẫn chứng lịch sử ấy để khẳng định cái việc dời đô là vừa thuận theo ý trời tức là phù hợp với quy luật khách quan vừa thuận theo ý dân đó là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và cái kết quả của các lần dời đô ấy đó là vận nước được lâu dài phong tục phồn thịnh.  Các em có thể thấy việc lấy dẫn chứng trong sử sách nhằm mục đích chuẩn bị cho lí lẽ ở phần sau.  Trong lịch sử đã có những cuộc dời đô và đều đem kết quả tốt đẹp. Cho nên việc Lí Thái Tổ dời đô đó là việc hết sức hợp với lẽ thường và thuận theo quy luật.  Việc dời đô không chỉ xem xét ở các bài học trong quá khứ mà nó còn được soi sáng tiền đề vào tình hình thực tiễn của hai triều Đinh Lê để thấy rằng việc ấy không còn phù hợp với sự phát triển của đất nước*. Mời các em đọc đoạn trích sau:* | **a, Tiền đề lịch sử**   * Trong lịch sử:   + Nhà Thương năm lần dời đô  + Nhà Chu ba lần dời đô   * Nguyên nhân:   + Muốn định đô ở nơi trung tâm  + Mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu.  + Trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân.   * **Kết quả:**   + Vận nước lâu dài  + Phong tục phồn thịnh. |
| Đọc đoạn trích: *“…*Thế mà hai nhà Đinh Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở ơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.”? Nêu nội dung chính của đoạn trích?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: *Thực tế lịch sử đất nước.***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thực tế nhà Đinh, Lê** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | | ……………….  ……………… | …………………………… | ………………  …………… | | ***b, Thực tế lịch sử đất nước.***   * Thực tế nhà Đinh, Lê: Cứ đóng yên đô thành ở Hoa Lư. * Nguyên nhân:   + Theo ý riêng mình  + Khinh thường mệnh trời.  + Không noi theo dấu cũ của Thương, Chu.   * Hậu quả   + Triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi.  + Trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. |
| **Gv mở rộng kiến thức lịch sử:** Đó là những dãn chứng được lấy từ trong thực tế lịch sử và cô cũng muốn mở rộng kiến thức lịch sử cho các em ở đây: Sử sách ghi chép sau khi dẹp loạn 12 sứ quân năm 968 Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế nhưng đến năm 979 thì ông bị hãm hại, Lê Hoàn, tức Lê Đại Hành lên ngôi vua. Tuy đã đánh thắng giặc Tống Xâm lược thế nhưng đến năm 1005 thì nhà vua băng hàn. Các thế lực phong kiến, các hoàng tử mâu thuẫn xung đột, tranh giành ngôi báu gây ra tình trạng loạn lạc kéo dài trăm họ phải hao tổn nhiều sương máu tiền của. Cái chết của vua Lê Ngoạ Triều vào năm 1009 đã cho thấy triều đại Đinh, Lê số phận là ngắn ngủi và không được lâu bền. |  |
| **? Nhận xét về hình thức của câu văn?**  “ Thế mà hai nhà Đinh Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở ơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi.”   * Phép đối, hình thức biền văn.   Tạo sự nhịp nhàng, cân xứng, nhấn mạnh hậu quả của việc không dời đô. |  |
| *Gv chiếu địa thế Hoa Lư*  Hoa Lư ngày nay các em được biết đó là một vùng non nước hữu tình, chúng ta quay ngược dòng thồi gian về với quá khứ thì chúng ta thấy rằng đây là một vùng núi non hiểm trở giao thông không thuận lợi, kinh tế khó phát triển và không phải là chốn hội tụ của muôn nơi, vì vậy việc lựa chọn kinh đô ở Hoa Lư là không còn phù hợp nữa. Tuy nhiên, nếu các em quan tâm vào chú thích số 8 ở trong sgk, với con mắt của người hiện đại bây giờ ta có lẽ cũng phải đánh giá khách quan hơn với hai triều đại Đinh, Lê. Bời vì vào thời điểm đó nguyên nhân mà hai nhà Đinh Lê không dời đô là bởi vì thế và lực của họ chưa đủ mạnh, họ còn phải dựa vào địa hình núi non hiểm trở để mà có thể tổ chứ các âm mưu xâm lược của phong kiến phương Bắc.  Như vậy qua quá trình phân tích ở đây Lí Công uẩn đã nêu sử sách làm tiền đề, làm chỗ dựa cho lí lẽ và soi sáng tiền đề vào thực tế hai triều Đinh Lê để cho thấy thực tế nó không có phù hợp đối với sự phát triển của đất nước. Nhận xét cách lập luận của tác giả?  *Lập luận chặt chẽ, luận cứ thuyết phục, lời văn biền ngẫu, cân xứng, nhịp nhàng.* |  |
| ? Bên cạnh việc phê phán hai nhà Đinh Lê, tác giả cũng bày tỏ cảm xúc của mình bằng câu văn cuối đoạn :  « Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.”  Cau văn đã bộc lộ trực tiếp cái tâm trạng, tình cảm của Lí Công Uẩn trước hiện thực đất nước.  Các em ạ, trong văn nghị luận thì lí lẽ, dẫn chứng, lập luận đóng vai trò chủ yếu nhưng mà cái tình cảm của người viết phải chân thành, sâu sắc thì cũng sẽ góp phần làm cho quá trình lập luận thuyết phục người đọc, người nghe. không thể không dời đổi phủ định một điều phủ định ấy chính là khẳng định đây chính là chân lí của tư duy.  Vậy lí do nào chọn thành Đại La là kinh đô mới? |  |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu lí do chọn Đại La làm kinh đô  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Lí do chọn Đại La làm kinh đô** |
| **- Sử dụng kĩ thuật động não**  **- PP: Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:**  1. Theo tác giả, thành Đại La có những thuận lợi gì để có thể chọn làm nơi đóng đô? (Về vị trí địa lí, địa hình, sự thận tiện trong giao lưu và phát triển mọi mặt của đất nước)   |  |  | | --- | --- | | Những thuận lợi của thành Đi La | | | **-**Về mặt lịch sử | .............................. | | -Về mặt địa lí | ............................ | | -Về văn hoá chính trị: | ............................. | | Nhận xét? | |   2. Khi tiên đoán Đại La sẽ là “*Chốn tụ hội... đế vương muôn đời*” tác giả đã bộc lộ nỗi khát vọng nào của nhà vua cũng như của dân tộc lúc bấy giờ ? |  |
| **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Dự kiến sản phẩm :   |  |  | | --- | --- | | **Những thuận lợi của thành Đại La** | | | -Về mặt địa lí | Ở vào nơi trung tâm trời đất, đượ cái thế rồng cuộn hổ ngồi, đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông, dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng, không phải chịu cảnh ngập lụt. | | **-**Về mặt lịch sử | Từng là kinh đô cũ, nơi xưa Cao Vương đóng đô | | -Về văn hoá chính trị | Là nơi thắng địa, là đầu mối giao lưu tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, là mảnh đất hưng thịnh “*muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươ*i” | | ->***Hội tụ đủ mọi điều kiện để trở thành kinh đô của đất nước*** | |   2. Khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất. Khẳng định sức mạnh, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc. | **-**Về mặt lịch sử: Từng là kinh đô cũ  -Về mặt địa lí:Trung tâm, có núi có sông, đất rộng bằng cao thoáng.  -Về văn hoá chính trị: Là mảnh đất thịnh vượng,, đầu mối giao lưu  🡺 Hội tụ đủ mọi mặt của đất nước xứng đáng là trung tâm văn hoá, kinh tế, chính trị. |
| ? Em có nhận xét gì về cách viết các câu văn ở đây?  - Câu văn được viết theo lối biền ngẫu, các vế đối nhau, cân xứng, nhịp nhàng, có tác dụng hỗ trợ cho dẫn chững và lí lẽ, dễ đi vào lòng người, thuyết phục người nghe.  ? Thế nào là văn biền ngẫu?  **Văn biền ngẫu:**  Biền: hai ngựa kéo song song nhau  -> Văn biền ngẫu là loại văn có những cặp câu hoặc những cặp đoạn câu cân xứng với nhau làm cho lời văn nhịp nhàng  HS lấy VD: Đã đúng ngôi Nam, Bắc, Đông, Tây; lại tiện hướng nhìn sông tựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng  Gv chiếu máy chiếu và nhấn mạnh  - Học sinh đọc 2 câu cuối  ? Tại sao kết thúc bài chiếu, nhà vua không ra lệnh mà lại hỏi ý kiến của quần thần? Cách kết thúc ấy có tác dụng gì?(Thảo luận cặp đôi)  - Lí Công Uẩn hoàn toàn có thể ra lệnh nhưng ông là nhà vua khởi nghiệp thần dân, dân chủ và khôn khéo. Việc dời đô, việc chọn thành Đại La là theo mệnh trời, hợp lòng người, thiên thời, địa lợi, nhân hòa gồm đủ, là lẽ phải hiển nhiên, là yêu cầu của lịch sử. Thế nhưng ông vẫn muốn nghe ý nguyện của mình có trở thành ý nguyện chung của trăm họ. Kết thúc ấy làm cho bài chiếu mang tính chất mệnh lệnh nghiêm khắc, độc thoại trở thành đối thoại có phần cởi mở, dân chủ, tạo ra sự đồng cảm, ở mức độ nhất định giữa vua và dân và bầy tôi.  ? Từ thực tế, theo em quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La của Lí Công Uẩn có chính xác không? Vì sao?  - Quyết định dời đô của Lí Công Uẩn về Đại La là chính xác vì ngày nay đất nước ta đã phát triển, sánh ngang với bè bạn năm châu.  Giáo viên cho học sinh quan sát ảnh chùa một cột, nói về những thành tựu to lớn của Thăng Long, giáo dục cho học sinh lòng tự hào, tinh thần dân tộc, lòng biết ơn các bậc tiền nhân. |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? | **III. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **1. Nghệ thuật:**  - Kết cấu chặt chẽ  - Cách lập luận giàu sức thuyết phục  - Sử dụng những câu văn biền ngẫu, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm  2. Nội dung: Bài chiếu thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập. |
| ? Đọc chiếu dời đô, em hiểu khát vọng nào của dân tộc ta được phản ánh trong bài văn này?  - Khát vọng về một đất nước độc lập thống nhất, hùng cường đồng thời còn thể hiện ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.  ? Từ bài chiếu dời đô, em trân trọng những phẩm chất nào của Lí Công Uẩn?  - Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.  - Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước. Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.  ? Sự đúng đắn của quan điểm dời đô về Đại La đã được minh chứng như thế nào trong lịch sử nước ta?  - Thăng Long là trung tâm chính trị, văn hóa khoa học kỹ thuật của cả nước từ khi Lí Công Uẩn dời đô đến nay.  - Thủ đô Hà Nội luôn là trái tim của Tổ quốc.  - Thăng Long- Hà Nội luôn vững vàng trong mọi thử thách lịch sử của dân tộc. |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ sơ đồ tư duy bài học  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 1:** Vẽ sơ đồ về trình tự lập luận của tác giả?  **Bài tập 2:** Sức hấp dẫn của bài “Chiếu dời đô” là ở sự kết hợp lí trí và tình cảm. Dựa vào gợi ý ở câu hỏi trong SGK, hãy chứng minh ? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trả lời cho câu hỏi: phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ cần thể hiện khi Tổ Quốc bị xâm lăng?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Kiểu bài: Nghị luận xã hội

Chủ đề đoạn văn: Những biểu hiện của lòng yêu nước

Kiểu hình thức của đoạn văn: đoạn văn cần có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; lựa chọn hình thức của đoạn diễn dịch, quy nạp hoặc đoạn phối hợp.

Dung lượng : 7-9 câu

Xác định nội dung đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi:

+ Vì sao khi Tổ Quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của dân ta được khơi dậy mạnh mẽ?

+ Trong hoàn cảnh hòa bình, xây dựng đất nước, lòng yêu nước của mỗi người có cần phát huy nữa không? Vì sao?

+ Lòng yêu nước biểu hiện trong hòa bình có khác gì so với trong kháng chiến bảo vệ Tổ Quốc?

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

Tiết 63: **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:** **NƯỚC VIỆT NAM TA**

**NHỎ HAY KHÔNG NHỎ?**

(Dương Trung Quốc)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

- Nhận biết được nội dung bao quát: luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết)

- Hiểu được quy trình đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại, từ đó hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản Hịch tướng sĩ.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân giặc ngoại xâm đem quân xâm lược nước ra đều phải chịu thất bại?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  - Giọng đọc to, dõng dạc, mạnh mẽ  - Lưu ý các chiến lược đọc như theo dõi, hình dung, dự đoán, đối chiếu.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**     |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Thể loại |  | | Hoàn cảnh ra đời |  | | Luận đề ( vấn đề bàn luận) |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | **1. Tác giả:**  + Dương Trung Quốc (2/6/1947) là nhà nghiên cứu lịch sử và chính trị gia người Việt Nam. Ông từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam, là một trong 21 người ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam trúng cử).  + Năm 2016, ông là ứng cử viên đại biểu Quốc hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử.  + Ông nổi tiếng vì những phát biểu thẳng thắn của mình trong các kỳ họp quốc hội. Ông có bằng cử nhân chuyên ngành lịch sử, là Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng Biên tập tạp chí Xưa & Nay và chủ tịch Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Hà Nội.  + Ông còn là đại biểu Quốc hội thâm niên của Việt Nam qua bốn khóa XI, XII, XIII, XIV thuộc đoàn đại biểu tỉnh Đồng Nai.     + Tác phẩm nổi bật: *Lịch sử Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh Và Phong Trào Thanh Niên Việt Nam*, nhà xuất bản Thanh Niên, 4-2001; *Việt Nam Những Sự Kiện Lịch sử (1919 - 1945)*, nhà xuất bản Giáo dục, 02-2005.  **2. Văn bản:**    **- Thể loại**: văn nghị luận  **- Hoàn cảnh ra đời:** Diễn đàn “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?” được báo Thanh Niên mở ra từ ngày 27-3 đến 30-6-2006, bắt đầu từ bài báo của nhà nghiên cứu lịch sử Dương Trung Quốc. Diễn đàn đã thu hút hàng vạn lượt ý kiến của bạn đọc trong và ngoài nước, thể hiện tâm huyết của mọi tầng lớp người Việt Nam mong muốn đất nước thoát khỏi tình trạng tụt hậu, kém phát triển với tâm lí nước nhỏ để trở thành một quốc gia hùng mạnh.  **- Luận đề ( vấn đề bàn luận):** Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ? |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu luận đề  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Nhan đề** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp: Thảo luận cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu luận đề**  Em hiểu nhan đề văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* như thế nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | Từ *nhỏ*trong nhan đề văn bản không chỉ hiểu theo kích cỡ, diện tích lãnh thổ của nước ta với các nước khác mà nó còn có thể hiểu theo nhiều ý khác như: tinh thần dân tộc, lịch sử, văn hóa, con người.... Nhan đề đã đặt ra câu hỏi với người đọc về việc Việt Nam ta là một quốc gia giàu mạnh hay yếu kém, phát triển hay không phát triển. Nội dung của bài sẽ trả lời cho câu hỏi này. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu sơ đồ lập luận  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Sơ đồ lập luận** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  Trước khi đi tìm hiểu mạch lập luận của văn bản, em hãy tìm ra bố cục của văn bản này?  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản “ *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?”*    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  *Phần (1) và (2) của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích gì? Đâu là điều đã tạo nên sức mạnh dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng?*  **- Phần (1) và (2)** của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích giúp người đọc hiểu rõ về thời kì, con người đó đã đấu tranh, hi sinh để đánh đổi được một đất nước như ngày hôm nay, tự hào về lịch sử hào hùng đó.  - Điều đã tạo nên sức mạnh của một dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng đó chính là niềm tự hào, tự tôn dân tộc.  Tác giả nhắc tới những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích đưa ra dẫn chứng khẳng định nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ rất lâu về trước. Chúng ta là một dân tộc hào hùng, có độc lập, chủ quyền, có lịch sử, truyền thống, văn hóa... người Việt Nam ta giàu lòng yêu nước. | **Luận đề ( vấn đề bàn luận):** Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?  + Luận điểm 1: Sự phấn đấu để tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam đã làm nên niềm tự hào dân tộc.  + Luận điểm 2: Dân tộc ta đã chứng minh cho thế giới thấy sức mạnh của mình thông qua các cuộc chiến bảo vệ đất nước.  + Luận điểm 3: Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ thụt lùi của đất nước.  + Chiến tranh tàn phá của cải vật chất, để lại những tổn thất nặng nề.  + Nếp nghĩ và hành xử của con người.  - Ý kiến chủ quan của người viết: "Cách hành xử và tâm thế của chúng ta dường như luôn mặc cảm Việt Nam giờ đây là nước nhỏ. Không ít những phát biểu của các quan chức luôn khiến ta nghĩ rằng Tổ quốc của mình giống như những địa phương mong được xếp vào diện nghèo hay vùng sâu, vùng xa của thế giới để được hưởng những ưu tiên, trợ giúp, mà không thấy nỗi hèn nhục của một nước nghèo và tụt hậu."  - Lí lẽ:  + Bây giờ, nếu mỗi ngày, cùng ... chúng ta mới chiến thắng nghèo hèn để vươn lên cho xứng đáng với dân tộc của mình,...  + .... nếu chỉ bỏ mình bỏ mình trong những ước muốn chật hẹp thì mục tiêu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu là vô vọng. Còn như.... hành xử."  - Bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) trong văn bản:  + Lời nhắc nhở của Đại tướng Võ Nguyên Giáp  + Hai doanh nghiệp quyết định đặt tên cho những công trình và thương hiệu của mình bằng những quốc danh thời xa xưa..  + Luận điểm 4: Tâm thế lớn thì dám làm cái lớn và sẽ làm cho nước ta lớn, như cha ông ta đã tư duy và hành xử. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? | **III. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **1. Nghệ thuật**  - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.  - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.  - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  "Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?" là một bài văn nghị luận xã hội. Văn bản làm nổi bật lên tinh thần yêu nước, truyền thống, lịch sử chiến đấu bảo vệ độc lập, hòa bình của dân tộc ta. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ hiện nay? Theo em, làm thế nào để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập:**  Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ hiện nay? Theo em, làm thế nào để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”?   Vấn đề trong văn bản là một thực trạng đáng buồn của giới trẻ hiện nay. Họ tự ti vì đất nước ta có diện tích nhỏ nhưng tinh thần lại vô cùng lớn lao. Chúng ta cần có lòng tự tôn dân tộc và tự hào về những truyền thống quý báu của đất nước mình. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày quan điểm của em về vấn đề “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Tham khảo đoạn văn: “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ”? là một trong những vấn đề đáng được quan tâm trong xã hội ngày nay. Nước chúng ta có thể nhỏ về diện tích nhưng tinh thần và lòng yêu nước của ta chưa bao giờ nhỏ. Đất nước ta đang trên đà phát triển tuy còn nhiều khó khăn nhưng từng ngày từng giờ những công dân Việt Nam vẫn luôn nỗ lực, cố gắng xây dựng đất nước giàu đẹp. Tuy chưa thể so sánh với các quốc gia hiện đại trên thế giới, song bằng tinh thần và ý chí nghị lực, con người Việt Nam đã và đang trên con đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước. Chúng ta nên có cho mình lòng tự tôn, tự hào dân tộc và nỗ lực xây dựng đất nước phát triển hơn trong tương lai.  
\*\***Chuẩn bị bài sau:** Nghị luận về một vấn đề đời sống

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần :

Tiết 64,65,66: **VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA**

**TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**2. Năng lực:**Phát triển kỹ năng viết

- Biết trình bày những hiểu biết, quan điểm cá nhân về một hiện tượng trong xã hội, một vấn đề của xã hội.

- Biết cách đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng phù hợp; biết cách nêu, trình bày và phân tích dẫn chứng.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 64**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật: Quan sát tranh

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :** Thế nào là một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ một tác phẩm văn học?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ  ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?  ? Theo em việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống cần có những lưu ý gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?**  - *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) đặt vấn đề: thái độ và hành động trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang.  - Đoạn mở đầu bài *Đại cáo Bình Ngô* (Nguyễn Trãi) khẳng định Việt Nam là nước độc lập, có nền văn hiến và lịch sử rất đáng tự hào.  - *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn) trình bày lí do và ý nghĩa của việc dời thủ đô về đất Thăng Long.  - *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* (Dương Trung Quốc) nêu lên vấn đề: Làm thế nào để đất nước Việt Nam mãi trường tồn và phát triển ngày càng lớn mạnh?  -> Để làm rõ vấn đề các tác giả đều nêu lên ý kiến, dẫn ra các lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **2. Lưu ý**  - Vấn đề của đời sống mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa.  - Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên.  - Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,...  - Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn. |
|  |  |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý  ? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: lập dàn ý  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Đề bài**: Suy nghĩ của em về “Những sắc màu của tình yêu Tổ quốc”  **a.** **Chuẩn bị**  - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết:  + Trọng tâm cần làm rõ: các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc.  + Kiểu văn bản chính: nghị luận xã hội.  + Phạm vi bằng chứng: từ thực tế cuộc sống; từ kiến thức lịch sử, thơ văn liên quan,...  - Nhớ lại những trang lịch sử oai hùng và đầy tự hào của dân tộc (sự kiện, con người,...).  - Tìm đọc, tham khảo các bài viết về lòng yêu nước xưa và nay.  - Ghi chép những nội dung liên quan và chuẩn bị tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu về các sự kiện, con người tiêu biểu (nếu có).  **b.** **Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể như sau:  + Xác định vấn đề (ý khái quát): biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc.  + Phát triển ý cụ thể cấp 1 (ý lớn): yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;...  + Phát triển ý cụ thể cấp 2 (ý nhỏ):  / Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;...  / Quý trọng văn hoá dân tộc: tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá.  / Tự hào về lịch sử dân tộc: dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,...  / Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: học tập, lao động, bảo vệ đất nước,...  **\* Lập dàn ý:**  **Mở bài:** Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.  **Thân bài:**  Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người:...  Đoạn 2: Quý trọng văn hoá dân tộc: ...  Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ...  Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: ...  **Kết bài:** Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú.  **c.** **Viết**  - Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài, Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3. Đoạn 4 trong phần thân bài)  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm  **d.** **Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc lại  - Kiểm tra về nội dung: các ý nêu trong đoạn văn, bài văn nghị luận đã hợp lí và đầy đủ chưa và hình thức: bố cục, diễn đạt, trình bày  - Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa  - Tự đánh giá kết quả bài viết |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 65**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc? | - yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của yêu thiên nhiên, đất nước, con người? | - yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của quý trọng văn hóa dân tộc? | - quý trọng tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá. | | + Nêu biểu hiện cụ thể của tự hào về lịch sử dân tộc? | - tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? | - học tập, lao động, bảo vệ đất nước,... |   Từ các ý đã tìm được, có thể trình bày bằng một sơ đồ: | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  - Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc?  + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì? |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Lập dàn ý cho bài văn   |  |  | | --- | --- | | **Cấu trúc** | **Nhiệm vụ- nội dung** | | Mở bài |  | | Thân bài |  | | Kết bài |  | | **\* Bước 3: Lập dàn ý** |
| |  |  | | --- | --- | | **Cấu trúc** | **Nhiệm vụ, nội dung** | | Mở bài | Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc | | Thân bài | - Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: …  - Đoạn 2: Quý trọng văn hóa dân tộc: …  - Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: …  - Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: …. | | Kết bài | Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú |   Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 66** | |
|  | **Bước 4: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã thực hiện, niết bài văn bàn luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống.  - Lưu ý hoàn thiện cấu trúc một bài văn hoàn chỉnh; phối hợp các hình thức đoạn văn phù hợp: Diễn dịch, quy nạp, phối hợp.  - Chú ý về lối diễn đạt, chính tả.  - Có thể bổ sung một số ý ngoài gợi ý SGK, nhưng chú ý không lan man, dài dòng dẫn đến lệch yêu cầu đề bài. |
|  | **Bước 5: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận có cách thức như thế nào?  ? Làm bài tập sgk trang 128  **Bài tập**  1. Nhận biết các yếu tố khẳng định (phủ định) và biểu cảm trong hai đoạn văn sau:  + *Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đìinh đứng hầu quân man mà không biêt tức; nghe nhạc thái thường đãi yến sứ ngụy mà không biết căm...*  *(Hịch tướng sĩ –* Trần Quốc Tuấn).  *+ Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó,...*  *(Chiếu dời đô -* Lý Công Uẩn).  2. Viết đoạn văn cho đề bài nêu ở mục II. Thực hành, trong đó có sử dụng câu khẳng định, câu phủ định và câu cảm.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. Rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận**  **a. Cách thức**  - Văn nghị luận vừa có lí lẽ, lập luận chặt chẽ, vừa biểu hiện cảm xúc, tình cảm của người viết; nêu rõ được ý kiến đồng tình hay phản đối. Vì thế, khi viết cần chú ý kết hợp các loại từ ngữ và  + Câu khẳng định, phủ định *(nhất định, không, không thể,...)*  *+* Câu văn biểu cảm (*ôi,* *than ôi, hỡi ôi,...),...*  + Cần vận dụng từ ngữ thể hiện sự lập luận *(tuy ... nhưng, vì thế, cho nên, không những ... mà còn, càng ... càng, phải chăng, chẳng lẽ, như vậy, suy ra,...)*  *+* Các từ ngữ như đang tranh luận, đối thoại trực tiếp với người đọc *(vâng, chẳng lẽ, đúng thế, điều ấy đã rõ,...).*  **b. Bài tập**  Chú thích:  gạch chân và in đậm: yếu tố khẳng định  gạch chân và không in đậm*:* yếu tố phủ định |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Suy nghĩ của em về “Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

**Tiết 67,68: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống hóa các kiến thức về loại,thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì I

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

***2. Năng lực:***

***- Năng lực ngôn ngữ:*** Đọc - viết – nói và nghe:

***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm:Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 67**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập kiến thức học kì I.

**b.Tổ chức thực hiện : Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi SKG (132-133)**

**Câu 1**. Các thể loại và kiểu văn bản đã học trong sách Ngữ văn 8, tập một là những thể loại và kiểu văn bản nào? Nêu một số tên văn bản cụ thể của mỗi thể loại và kiểu văn bản đó.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Kiểu văn bản** | **Tác phẩm** |
| Văn bản văn học | Truyện ngắn | *Tôi đi học, Gió lạnh đầu mùa, Người mẹ vườn cau* |
| Thơ | *Nắng mới, Nếu mai em về Chiêm Hóa, Đường về quê mẹ* |
| Hài kịch và truyện cười | *Đổi tên cho xã, Cái kính, Ông Giuốc - đanh mặc lễ phục, Thi nói khoác* |
| Văn bản nghị luận | Hịch | *Hịch tướng sĩ* |
| Cáo | *Nước Đại Việt ta* |
| Báo chí | *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* |
| Văn bản thông tin | Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên | *Sao Băng, Nước biển dâng: bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI, Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại* |

**Câu 2**

Nội dung khái quát bao trùm toàn bộ các văn bản truyện ở Bài 1 trong sách Ngữ văn 8, tập một là gì? Nêu nhận xét về đặc điểm hình thức thể loại nổi bật của các văn bản đó và những điểm cần lưu ý về cách đọc hiểu.

- Nội dung: câu chuyện giản dị, đời thường, giàu tính triết lí.

- Nhận xét:

+ Truyện ngắn là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật. Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến.

+ Khi đọc văn bản, độc giả phải tưởng tượng để cảm nhận được tất cả những hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hình khối,... được tác giả miêu tả trong tác phẩm.  
 **Câu 3**

Nhận xét về nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,...) của các văn bản thơ (sáu chữ, bảy chữ) trong Bài 2 và nêu một số điểm cần lưu ý về cách đọc thể thơ này.

- Nhận xét: là những dòng thơ hoài niệm về quá khứ về quê hương, gia đình

- Một số điểm cần lưu ý:

+ Thơ sáu chữ: mỗi dòng có sáu chữ; thường ngắt nhịp 2/2/2, 2/4, 4/2 hoặc 3/3

+ Thơ bảy chữ: mỗi dòng có bảy chữ; thường ngắt nhịp 4/3, 3/4….

+ Thường có nhiều vần: vần chân hoặc vần cách.

**Câu 4**

Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin ở Bài 3 có gì đặc sắc? Nêu ý nghĩa của các nội dung học ở bài này. Xác định các lưu ý về cách đọc các văn bản thông tin trong Bài 3.

- Đề tài và chủ đề chung: giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Ý nghĩa: tập trung nêu lên và trả lời các câu hỏi ấy bằng những kiến thức có cơ sở khoa học

- Lưu ý: trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng.

**Câu 5**

Nêu nội dung chính của các văn bản hài kịch và truyện cười trong Bài 4, từ đó nhận xét và phân tích ý nghĩa tiếng cười được thể hiện trong các văn bản này.

- Nội dung chính: xoay quanh những xung đột giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả).

- Nhận xét: tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lỗi thời, trong đời sống.

**Câu 6**

Các văn bản trong Bài 5 có chung nội dung gì? Cần lưu ý những gì về cách đọc các văn bản này?

- Nội dung chung: văn bản nghị luận xã hội thời kì trung đại.

- Lưu ý: xác định được các luận đề bao trùm bài viết, các luận điểm, luận cứ, ý kiến đánh giá của người viết cùng các dẫn chứng chứng minh.

**Câu 7**

Nhìn chung, tất cả các văn bản trong sách Ngữ văn 8, tập một đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay. Em hãy phân tích và làm sáng tỏ nhận xét đó thông qua một số ví dụ cụ thể.

Sách Ngữ Văn 8, tập một giúp cho chúng ta hiểu và cảm nhận được tình cảm gia đình, quê hương ấm áp qua những câu chuyện đời thường gần gũi thân quen, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay.

**Câu 8**

Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập một thuộc những kiểu văn bản nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa phần viết và phần đọc hiểu **Lời giải chi tiết:**

- Các dạng văn bản cụ thể thuộc những kiểu văn bản:

+ Bài 1: Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội

+ Bài 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ

+ Bài 3: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

+ Bài 4: Nghị luận về một vấn đề của đời sống

+ Bài 5: Nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Giữa phần viết và phần đọc hiểu mỗi bài học có quan hệ mật thiết với nhau.

**Câu 9**

Nêu yêu cầu và tác dụng của việc tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Yêu cầu: xác định rõ đề tài, chú ý đảm bảo số chữ và cách gieo vần

- Tác dụng: giúp học sinh hiểu hơn và nắm bắt được các bước cơ bản làm thơ.

**Câu 10**

Sách giáo khoa Ngữ văn 8, tập một hướng dẫn em rèn luyện những kĩ năng viết nào? Phân tích ý nghĩa và tác dụng của các kĩ năng ấy.

- Kĩ năng viết: Viết văn ghi lại kỉ niệm; cảm nhận về một bài thơ; thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên; nghị luận về một vấn đề trong xã hội.

=> Tác dụng: giúp học sinh biết cách làm, biết cách nhìn nhận và phân tích vấn đề theo các hướng khác nhau.

**Câu 11**

Các nội dung và yêu cầu của phần viết trong sách Ngữ văn 8, tập một có gì mới so với sách Ngữ văn 7?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 68:**

**Lời giải chi tiết:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần Viết** | **Lớp 7** | **Lớp 8** |
| ***Tự sự*** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, có sử dụng các yếu tố miêu tả | Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả, biểu cảm. |
| ***Biểu cảm*** | Bước đầu biết làm thơ bốn chữ, năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. Biểu cảm về con người hoặc sự việc | Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. |
| ***Nghị luận*** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nghị luận xã hội) và phân tích đặc điểm nhân vật (nghị luận văn học) | Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học). |
| ***Thuyết minh*** | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi | Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. |
| ***Nhật dụng*** | Viết bản tường trình | Kiến nghị về một vấn đề đời sống. |

**Câu 12**

Nêu những nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe trong sách Ngữ văn 8, tập một. Xác định trọng tâm phần nói và nghe của mỗi bài học.

Những nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe:

- Nghe và tóm tắt lại nội dung chính của một bài thuyết trình về một vấn đề của đời sống

- Thảo luận về một vấn đề trong đời sống

- Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

- Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống

- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

=> Trọng tâm: rèn luyện kĩ năng nghe hiểu, tóm tắt, viết và kỹ năng nói trước đám đông.

**Câu 13**

Nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe liên quan với nội dung đọc hiểu và viết trong mỗi bài học như thế nào? Phân tích một số ví dụ ở các bài học trong sách Ngữ văn 8, tập một để làm sáng tỏ điều ấy.

- Kĩ năng nói và nghe liên quan mật thiết với nội dung đọc hiểu và viết trong mỗi bài học.

- Ví dụ ở bài 5 nội dung phần rèn luyện kỹ năng nghe và nói là "Nghe và tóm tắt lại nội dung chính của một bài thuyết trình về một vấn đề của đời sống" thì các văn bản đọc hiểu là nghị luận về một vấn đề xã hội, bài viết cũng là nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**Câu 14**

Nêu những nội dung chính của phần tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8, tập một. Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần đọc hiểu, viết, nói và nghe?

Những nội dung chính:

- Bài 1: luyện tập trợ từ và thán từ

- Bài 2: bài tập từ đồng nghĩa, trái nghĩa, sắc thái nghĩa của từ.

- Bài 3: trình bày đoạn văn, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Bài 4: nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Bài 5: bài tập về từ ghép Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.

=> Các nội dung này là những vấn đề được sử dụng nhiều trong các văn bản của phần đọc hiểu và được áp dụng trong quá trình viết bài, quá trình rèn luyện kỹ năng nói và nghe.

**Câu 15**

Nêu một số biện pháp tu từ có trong các văn bản thơ đã học ở Bài 2 và phân tích tác dụng của một biện pháp mà em thích.

\*Văn bản “Nếu mai em về Chiêm Hoá”

*Khổ 2:*

- Đá - ngồi, trông nhau.

- Non Thần - trẻ lại.

=> Tác dụng: Làm cho sự vật có hồn, bức tranh thiên nhiên mùa xuân trở nên sống động.

*Khổ 4:*

Mùa xuân - lạc đường.

=> Tác dụng: Gợi vẻ đẹp của các cô gái bản Tày, vẻ đẹp khiến cho mùa xuân mải mê say đắm đến mức lạc đường.

\*Văn bản “Nắng mới”:

- Biện pháp: nhân hoá (nắng mới reo ngoài nội).

=> Tác dụng: khiến bài thơ chợt chùng hẳn xuống, nặng trĩu một nỗi buồn, một nỗi buồn dịu nhẹ, một tâm trạng quạnh hiu xa vắng, gợi nỗi nhớ về người mẹ đã đi xa.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận về vẻ đẹp của quê em vào buổi sớm mùa đông

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

\* HDVN: - Ôn tập

- Giờ sau kiểm tra học kỳ

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

**Tiết 69,70: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I**

NS:

ND:

TUẦN 18 TIẾT 69,70 **KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở kì 1.

**2. Năng lực:**

Học sinh làm được các bài kiểm tra thông qua các nội dung đã học.

**3.Phẩm chất:**

- Nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1- GV**: Tài liệu tham khảo, đề bài, đáp án, photo đề.

2- **HS**: Soạn bài ở nhà và chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**MA TRẬN MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại của văn bản.  - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản.  - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười.  **Thông hiểu**:  - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến.  - Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt.  - Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện.  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  **- Viết được đoạn văn nghị luận theo yêu cầu** | 3 TN | 5TN | 1TL | 1TL |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **1 TL** | **2 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***10*** | ***30*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?*

*Quan lớn ngạc nhiên :*

*- Nhà ngươi biết để làm gì ?*

*Người thợ may đáp :*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí. B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

**Câu 6 (0.5 điểm):** Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 7 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội?

Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 8: (2,0 điểm): Từ nội dung câu chuyện trên với những hiểu biết xã hội em hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.**

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên ./.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu (6,0 điểm)** | 1 | A | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
|  |  |  |
|  |  |  |
| 7 | \* Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.  \* Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | 0,5  0,5 |
| 8 | \* Hình thức: Đúng đoạn văn nghị luận; 2/3 trang  \* Nội dung:  *Xác định đúng yêu cầu của đề* : Tình yêu thương trong cuộc sống.  *- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở đoạn**:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  **Thân đoạn**:  **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?**  – ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.  **+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)**  - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.  - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con.  - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em.  - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…  **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...  **+ Dẫn chứng về tình yêu thương**  - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.  - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.  - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...*  **\* Phản biện:**  Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  **\* Liên hệ bản thân**  - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn.  - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người.  - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.  - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...  **Kết đoạn**:  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | 0,5  1,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **II. Viết (4,0 điểm)** |  | a. *Hình thức:Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 1,0  3,0  0,5  0,5  0,5  0,25  0,5  0,25  0,5  0,5 |
| b. *Nội dung: Xác định đúng yêu cầu của đề*.  **I. Mở bài**  - Điều mà toàn xã hội phải quan tâm nhất hiện nay, là tiếng chuông báo động lớn nhất, chính là vấn đề biến đổi khí hậu.  **II. Thân bài**  **1. Giải thích**  - Biến đổi khí hậu Trái Đất: là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm.  + Bao gồm: nóng lên toàn cầu, băng tan, nhiệt độ thay đổi, hiện tượng nhà kính,…  **- Thực trạng**  + Theo thống kê, số cơn bão trên biển Đông ảnh hưởng đến nước ta với cường độ mạnh có chiều hướng tăng lên, mùa bão kết thúc muộn, quỹ đạo của bão trở nên dị thường và số cơn bão ảnh hưởng đến khu vực Nam Trung bộ, Nam bộ ngày càng tăng.  + Ở Mỹ trong năm vừa qua đón những cơn lũ lụt kinh hoàng trong lịch sử khiến nhiều người dân thương vong và ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế quốc dân.  + Biến đổi khí hậu đang tác động rộng lớn trên toàn thế giới. Từ vài năm trở lại đây nhân loại phải đứng trước những đe dọa của thiên nhiên, thiên tai và dịch bệnh gây nguy hại cho đời sống con người. Băng tan hai cực, sóng thần, ... lần lượt các thảm họa thiên tai diễn ra trên diện rộng trên nhiều quốc gia. Ngay như ở Việt Nam, bão lũ cũng xảy ra với tần suất cao và cường độ mạnh, ngày càng có nhiều làng "ung thư" xuất hiện,...  + Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề của riêng ai. Quan tâm và chung tay hành động, chúng ta sẽ giúp cho Trái Đất ngày một xanh tươi, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.Ở nước ta đã có 12 tỉnh công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn.  + Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, là băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài... dẫn đến thiếu lương thực, thực phẩm và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm.  **3. Nguyên nhân**  - Do tự nhiên  - Chủ yếu do hoạt động của con người: chặt phá rừng bừa bãi, khói thải công nghiệp, xả thải nước trực tiếp ra biển, phá hỏng tầng ozon.  **4. Hậu quả**  - Rừng bị khai thác quá đà gây ra lũ lội, nhiều động vật mất nhà, con người phải chịu cảnh lũ lụt thường xuyên, môi trường khói bụi không có cây lọc khí CO2.  - Băng tan ở hai cực gây ra sóng thần, đời sống người dân cực khổ  - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên  - Đất nước rơi vào tình trạng khó khăn  - Gây tình trạng hạn hán kéo dài ảnh hưởng tới vấn đề cây trồng vật nuôi  - Biến đổi khí hậu còn gây nên tình trạng lũ lụt, thiên tai...  - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, thiếu nước sinh hoạt hoặc ô nhiễm nguồn nước  - Kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng.  - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nông dân  **5. Giải pháp**  - Chủ động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường  - Có những chính sách khai thác phù hợp  - Kêu gọi mọi người trên toàn thế giới chung tay góp sức bảo vệ trái đất  **III. Kết bài**  - Trái đất là ngôi nhà của chúng ta, vì thế bảo vệ trái đất không bị phá huỷ bởi ô nhiễm môi trường ta phải chung tay góp sức ngăn chặn hiện tượng này.  - Hãy tham gia trồng cây, bảo vệ rừng và biển.  - Hãy tham gia và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường. Những hoạt động tình nguyện của các cá nhân, tập thể có ý nghĩa thiết thực và góp phần phát triển cộng đồng bền vững. |

\***Hướng dẫn về nhà**

- Thu bài

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Nói và nghe

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần :

Tiết 71: **NÓI VÀ NGHE:** **NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Phát triển kĩ năng nói và nghe.

- HS chọn được môt vấn đề của đời sống có ý nghĩa nhân sinh sầu sắc, thấm thìa.

**2. Năng lực:**

***-*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Sống chia sẻ, dũng cảm, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nghe và xem video

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Sử dụng phần mềm YouTube

Các em có biết những người trong bức ảnh là ai không?

https://www.youtube.com/watch?v=dsD4ySL93sE



**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**Dự kiến sp:**

Bác Hồ trong ngày tuyên ngôn độc lập, đọc bản tuyên ngôn độc lập cả biển người lắng nghe.

Nich VuJcic diễn giả nổi tiếng thế giới.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Đây đều là những người rất nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới. Thành công của họ đến từ khả năng ăn nói, khả năng thuyết phục mọi người. Họ đã sử dụng lời nói để truyền cảm hứng, để thuyết phục mọi người để lan toả những thông điệp ý nghĩa. Biết nghe cũng quan trọng như biết nói. Trong nhiều trường hợp nghe mà không hiểu, không nắm được hoặc hiểu sai thông tin chính dẫn đến tình trạng “ông nói gà, bà nói vịt”. Nghe hiểu cũng cần rèn luyện như đọc hiểu văn bản. Bài hôm nay, chúng ta sẽ tập trung vào yêu cầu: nghe và tóm tắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận về một vấn đề của đời sống.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những định hướng...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  - Sử dụng phần mềm PowerPoint  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu nội dung chính của cuộc thảo luận, trao đổi thường được thể hiện qua đề tài, chủ đề của buổi thảo luận?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | a) Nội dung chính của cuộc thảo luận, trao đổi thường được thể hiện qua đề tài, chủ đề của buổi thảo luận. Ví dụ:  - Từ một số tác phẩm tiêu biểu, suy nghĩ về các biểu hiện của lòng yêu nước.  - Qua truyện Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam), bàn về vẻ đẹp của lòng nhân ái  - Từ các bài thơ Nắng mới (Lưu Trọng Lư), Nếu mai em về Chiêm Hóa (Mai Liễu), Đường về quê mẹ (Đoàn Văn Cừ), Quê người (Vũ Quần Phương)… em hãy nêu suy nghĩ của mình về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.  - Suy nghĩ về những thói hư tật xấu cần phê phán qua một số hài kịch và truyện cười đã học.  b) Muốn tóm tắt dược ý chính của cuộc trao đổi, thảo luận, các em cần lưu ý:  - Chú ý nghe kĩ nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống mà người nói đã trình bày.  - Ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn (Đó là vấn đề gì? Nội dung lớn gồm các ý nào?), ý nhỏ (triển khai ý lớn), các bằng chứng, ví dụ minh hoạ,...  - Tuỳ theo yêu cầu của việc tóm tắt để lựa chọn và ghi lại các nội dung chính.  - Trình bày bản tóm tắt nội dung chính theo từng mức độ. |
| a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng bài tập  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
|  | ***Đề bài***: Nghe và ghi lại nội dung chính của cuộc thảo luận, trao đổi về vấn đề: Từ các tác phẩm đã học, hãy phát biểu suy nghĩ của em về những biểu hiện của tình yêu Tổ quốc. |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Phần chuẩn bị cần yêu cầu gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 1: Chuẩn bị.**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  - Xem lại nội dung phần viết về một vấn đề trong đời sống đã làm  - Chuẩn bị các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với sự, nội dung câu chuyện.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh ảnh, video…và máy chiếu, màn hình ( nếu có) |
| - Hình thức: Thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não  - Sử dụng phần mềm PowerPoint  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Khi tìm ý ta sẽ có thể đặt những câu hỏi gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.**  ***a) Tìm ý* : *Với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể như sau:***  + Xác định vấn đề ( ý khái quát): biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc.  + Phát triển ý cụ thể cấp 1 ( Ý lớn): yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;...  + Phát triển ý cụ thể cấp 2 (Ý nhỏ):  Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; biển yêu gia đình và những người trong cộng đồng ....  Quý trọng văn hóa dân tộc: tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hóa.  Tự hào về lịch sử dân tộc: dựng nước, giữ nước, văn hóa nghệ thuật,...  Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: học tập, lao động, bảo vệ đất nước,... |
| - Hình thức: Làm việc nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẠP SỐ 2: Lập dàn ý cho bài nói  Cách thức đặt câu hỏi- Tìm kiếm câu trả lời  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Lập dàn ý   |  |  | | --- | --- | | **Mở đầu** |  | | **Nội dung chính** |  | | **Kết thúc** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Lập dàn ý**  **+ Mở đầu**  Chào mọi người, giới thiệu rõ ràng, rành mạch về nội dung mà em trình bày. (Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.)  **Ví dụ:** Em xin kính chào các thầy cô giáo. Xin chào các bạn!  Thông qua các tác phẩm văn học đã được học, chúng ta thấy tình yêu Tổ quốc luôn thường trực trong trái tim mỗi con người Việt Nam. Vậy tình yêu Tổ quốc nó được biểu hiện như thế nào?  **+ Nội dung chính: Nêu các biểu hiện:**  **Biểu hiện 1:** ++Yêu thiên nhiên, con người: Thiên nhiên mang lại sự sống cho con người, là nơi con người sinh sống, phát triển, khi thiên nhiên bị hủy hoại cũng là lúc cuộc sống con người bị đe dọa, ảnh hưởng nặng nề.  Tình yêu thiên nhiên của con người là điều vô cùng quan trọng và quý báu, có yêu thiên nhiên, con người ta mới có những hành động thiết thực để bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.  Tình yêu thiên nhiên dẫn đến những hành động bảo vệ thiên nhiên, khi thiên nhiên trở nên tốt hơn cũng là lúc cuộc sống của con người tốt hơn.  **Biểu hiện 2:** ++ Tự hào về lịch sử dân tộc: Tự hào dân tộc là thái độ ngưỡng mộ, trân trọng, sự tự tôn trước những vẻ đẹp trong bản sắc văn hoá dân tộc. Tự hào dân tộc là biểu hiện của tình yêu đất nước, ý thức trách nhiệm công dân đối với đất nước… Tự hào dân tộc không phải là sự tự tôn mù quáng đề cao văn hoá dân tộc mình mà hạ thấp văn hoá các dân tộc khác. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần hoà nhập để thể hiện bản sắc văn hoá nhưng không hoà tan và luôn có ý thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam. Cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ về văn hoá dân tộc, những nét đẹp và cả những điểm hạn chế, phát huy nét đẹp và loại trừ những hủ tục lạc hậu, thói quen xấu… Phê phán những người quay lưng lại với văn hoá dân tộc, bài xích, xem thường văn hoá cha ông, chạy theo lối sống lai căng, học đòi, sính ngoại, sùng ngoại… Tự hào dân tộc không phải là việc vỗ ngực xưng tên, xem nhẹ các nền văn hóa khác mà là thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế. Để tôn vinh, gìn giữ và phát huy niềm tự hào dân tộc, mỗi cá nhân cần có những hành động thiết thực, trực tiếp để thể hiện niềm tự hào dân tộc, ***chuẩn bị hành trang văn hóa để hội nhập thế giới.***  **Biểu hiện 3:** ++ Sẵn sàng bảo vệ tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;...  Như Bác Hồ đã nói: “Việc nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình”. Do đó, là một học sinh lớp 9, em sẽ có những việc làm riêng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của mình, cụ thể là:  . Tích cực học tập tốt  . Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn  . Tham gia học quân sự chăm chỉ, rèn luyện thể dục thể thao để có sức khỏe tốt.  . Tham gia các hoạt động bảo vệ trật tự an toàn, trị an ở nơi khu vực mình sinh sống và trường học.  . Tuyên truyền và báo cáo ngay với chính quyền khi có những hành động phá hoại….  **+ Kết thúc**  **.** Khẳng định vấn đề  . Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.  **Ví dụ:**  Tóm lại, lòng yêu tổ quốc của mỗi con người Việt Nam được biểu hiện cụ thể thông qua các việc làm thiết thực. Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý. |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu của người nói và người nghe?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 3: Nói và nghe**  + Lựa chọn hình thức bắt đầu một bài nói.  + Luyện tập trước theo dàn Ý đã xây dựng.  + Chú ý về sự diễn đạt, sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ và điệu bộ, cử chỉ để bài nói trở nên sinh động, hấp dẫn.  **Người nói:**  + Dựa vào dàn ý để trình bày,  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  **Người nói:**  + Tập trung lắng nghe ý kiến của người khác.  + Nhận xét được những điểm mạnh và điểm yếu về cách trình bày của người nói.  + Đưa ra ý kiến để trao đổi, thảo luận.  Lên thuyết trình( nhiệm vụ đã giao)  Nhóm 1: **Biểu hiện 1**  Nhóm 2: **Biểu hiện 2**  Nhóm 3: **Biểu hiện 3** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Kiểm tra và chỉnh sửa dựa vào đâu?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa** |

Đánh giá theo tiêu chí người nói:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1.Nêu ý kiến | Chưa nêu được ý kiến. | Đưa ra được ý kiến nhưng chưa sẵn sàng. | Thể hiện quan điểm rõ ràng. |
| 2.Lập luận | Không có lý lẽ hợp lý, dẫn chứng chưa phong phú. Rõ ràng, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục. | Có sự kết nối giữa các nghi lễ phải dẫn chứng. | Phải có lời nhận xét, bình luận thuyết phục. |
| 3.Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ khó nghe; nói lắp, ngập ngừng. | Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lập lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Gịong điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không gặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ cho phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin; nét mặt chưa biểu cảm hoặc kiểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung . | Rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thức hợp lí. | Không mở đầu và kết thúc bài nói. | Có chào hỏi và có kết thúc bài nói. | Mở đầu lôi cuốn và hấp dẫn, nêu được vấn đề. Kết thúc mới mẻ, đồng thời khẳng định lại quan điểm của bản thân. |

**Đánh giá theo tiêu chí người nghe:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1.Tập trung lắng nghe | Chưa tập trung lắng nghe. | Tập trung lắng nghe | Tập trung lắng nghe, thái độ khích lệ người nói (ánh mắt, cử chỉ) |
| 2.Tóm tắt bài nói | Thông tóm tắt được các thông tin của người nói. | Tóm tắt được một số nội dung. | Ghi chép được sơ đồ: ý kiến - lí lẽ - dẫn chứng. |
| 3. Trao đổi với người nói. | Không trao đổi được các thông tin với người nói hoặc có thái độ chưa đúng. | Trao đổi được các thông tin với người nói nhưng chưa đầy đủ. | Mạnh dạn trao đổi được các thông tin với người nói về các tiêu chí trong bảng kiểm với thái độ cầu thị và lịch sự. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

\*\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập, tập nói trước gương và tập nói trước bạn bè,

+ Chuẩn bị bài “ Tự đánh giá”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tuần 18:**

**Tiết 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập củng cố lại cho HS các kiến thức cơ bản đã học ở học kì I

- Đánh giá các ­ưu nh­ược điểm trong bài làm của HS trên các phư­ơng diện nội dung, hình thức.

- Sửa chữa các lỗi mắc phải để rút kinh nghiệm. Biểu dương những bài viết tốt cho cả lớp cùng trao đổi rút kinh nghiệm.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp;

năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**3. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên**: thống kê kết quả bài làm; Bảng phụ những lỗi sai tiêu biểu đa số học sinh mắc khi làm bài thuyế minh

**2. HS**: đọc lại đề, tìm hiểu kĩ yêu cầu của đề

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chức hoạt động:

Gv chuyển giao nhiệm vụ

Hs tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày

Gv nhận xét, bào bài

§Ó gióp c¸c em tæng hîp c¸c kiÕn thøc ë bé m«n Ng÷ v¨n, còng nh­ nhËn ra c¸c ­u khuyÕt ®iÓm cña m×nh trong bµi kiÓm tra ®Ó cã thÓ rót kinh nghiÖm trong c¸c bµi lµm sau.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

a. Mục tiêu: giúp HS xây dựng đáp án

b. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu hs đọc đề

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc đề bài

- HS hoạt động cá nhân, ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ hs cùng xây dựng đáp án

**\* Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét: gv chốt KT**

|  |  |
| --- | --- |
| \* GV yêu cầu hs tái hiện lại đề bài.  \* GV hướng dẫn hs xác định yêu cầu của đề bài.  \* GV đưa ra đáp án- biểu điểm cụ thể cho từng câu, từng phần.  \* GV cho HS nhận xét xem với đáp án trên đã phù hợp chưa và HS đối chiếu với bài của mình xem bài làm đúng và sai ở những ý nào trong bài. | **I. Đề bài – XD đáp án** |

**\* ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?*

*Quan lớn ngạc nhiên :*

*- Nhà ngươi biết để làm gì ?*

*Người thợ may đáp :*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí. B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

**Câu 6 (0.5 điểm):** Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 7 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội?

Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 8: (2,0 điểm): Từ nội dung câu chuyện trên với những hiểu biết xã hội em hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.**

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên ./.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu (6,0 điểm)** | 1 | A | | 0,5 |
| 2 | B | | 0,5 |
| 3 | C | | 0,5 |
| 4 | C | | 0,5 |
| 5 | D | | 0,5 |
| 6 | D | | 0,5 |
|  |  | |  |
|  |  | |  |
| 7 | \* Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.  \* Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | | 0,5  0,5 |
| 8 | \* Hình thức: Đúng đoạn văn nghị luận; 2/3 trang  \* Nội dung:  *Xác định đúng yêu cầu của đề* : Tình yêu thương trong cuộc sống.  *- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở đoạn**:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  **Thân đoạn**:  **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?**  – ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.  **+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)**  - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.  - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…  **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  **+ Dẫn chứng về tình yêu thương**  - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.  - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.  - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...*  **\* Phản biện:**  Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  **\* Liên hệ bản thân**  - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn.  - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người.  - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.  **Kết đoạn**:  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | | 0,5  1,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  |  | |  |
| **II. Viết (4,0 điểm)** |  | a. *Hình thức:Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | | 1,0  3,0  0,5  0,5  0,5  0,25  0,5  0,25  0,5  0,5 |
| b. *Nội dung: Xác định đúng yêu cầu của đề*.  **I. Mở bài**  - Điều mà toàn xã hội phải quan tâm nhất hiện nay, là tiếng chuông báo động lớn nhất, chính là vấn đề biến đổi khí hậu.  **II. Thân bài**  **1. Giải thích**  - Biến đổi khí hậu Trái Đất: là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm.  + Bao gồm: nóng lên toàn cầu, băng tan, nhiệt độ thay đổi, hiện tượng nhà kính,…  **- Thực trạng**  + Theo thống kê, số cơn bão trên biển Đông ảnh hưởng đến nước ta với cường độ mạnh có chiều hướng tăng lên, mùa bão kết thúc muộn, quỹ đạo của bão trở nên dị thường và số cơn bão ảnh hưởng đến khu vực Nam Trung bộ, Nam bộ ngày càng tăng.  + Ở Mỹ trong năm vừa qua đón những cơn lũ lụt kinh hoàng trong lịch sử khiến nhiều người dân thương vong và ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế quốc dân.  + Biến đổi khí hậu đang tác động rộng lớn trên toàn thế giới. Từ vài năm trở lại đây nhân loại phải đứng trước những đe dọa của thiên nhiên, thiên tai và dịch bệnh gây nguy hại cho đời sống con người. Băng tan hai cực, sóng thần, ... lần lượt các thảm họa thiên tai diễn ra trên diện rộng trên nhiều quốc gia. Ngay như ở Việt Nam, bão lũ cũng xảy ra với tần suất cao và cường độ mạnh, ngày càng có nhiều làng "ung thư" xuất hiện,...  + Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề của riêng ai. Quan tâm và chung tay hành động, chúng ta sẽ giúp cho Trái Đất ngày một xanh tươi, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.Ở nước ta đã có 12 tỉnh công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn.  + Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, là băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài... dẫn đến thiếu lương thực, thực phẩm và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm.  **3. Nguyên nhân**  - Do tự nhiên  - Chủ yếu do hoạt động của con người: chặt phá rừng bừa bãi, khói thải công nghiệp, xả thải nước trực tiếp ra biển, phá hỏng tầng ozon.  **4. Hậu quả**  - Rừng bị khai thác quá đà gây ra lũ lội, nhiều động vật mất nhà, con người phải chịu cảnh lũ lụt thường xuyên, môi trường khói bụi không có cây lọc khí CO2.  - Băng tan ở hai cực gây ra sóng thần, đời sống người dân cực khổ  - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên  - Đất nước rơi vào tình trạng khó khăn  - Gây tình trạng hạn hán kéo dài ảnh hưởng tới vấn đề cây trồng vật nuôi  - Biến đổi khí hậu còn gây nên tình trạng lũ lụt, thiên tai...  - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, thiếu nước sinh hoạt hoặc ô nhiễm nguồn nước  - Kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng.  - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nông dân  **5. Giải pháp**  - Chủ động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường  - Có những chính sách khai thác phù hợp  - Kêu gọi mọi người trên toàn thế giới chung tay góp sức bảo vệ trái đất  **III. Kết bài**  - Trái đất là ngôi nhà của chúng ta, vì thế bảo vệ trái đất không bị phá huỷ bởi ô nhiễm môi trường ta phải chung tay góp sức ngăn chặn hiện tượng này.  - Hãy tham gia trồng cây, bảo vệ rừng và biển.  - Hãy tham gia và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường. Những hoạt động tình nguyện của các cá nhân, tập thể có ý nghĩa thiết thực và góp phần phát triển cộng đồng bền vững. | |
| Cho HS tự nhận ưu, nhược điểm của mình.  - GV nhận xét ưu nhược điểm trong bài của HS.  - Gv đọc 2-3 bài làm tốt hs học tập  - Gv đọc 1-2 bài kém để hs rút kinh nghiệm  Gv công bố kết quả. Trả bài, lấy điểm  **3, Hoạt động 3: Luyện tập**  a. Mục tiêu: giúp hs sửa lỗi  b. Tổ chức thực hiện:  Gv chuyển giao nhiệm vụ: chép đoạn văn, câu văn của những HS bị mắc lỗi ra bảng phụ.  Hs nhận và thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát, phát hiện lỗi, sửa vào bài:  - Hãy phát hiện lỗi sai trong những câu trên? Đó là những lỗi gì?  - Hãy sửa lại các lỗi đó?  \*GV định hướng cho HS và lắng nghe HS sửa, chốt lại và yêu cầu HS chữa vào vở hoặc phía dưới bài làm của chính HS mắc lỗi. | | | **II. Nhận xét bài làm**  **1. Ưu điểm**  - N¾m ®­îc yªu cÇu cña ®Ò.  - Đ· biÕt liªn kÕt c¸c ý l¹i víi nhau ®Ó cã 1 bµi viÕt l­u lo¸t, râ rµng.  - Mét sè bµi tr×nh bµy s¹ch sÏ, ch÷ viÕt râ rµng  - Mét sè bµi viÕt cã c¶m xóc, diÔn ®¹t tèt  **2. Nhược điểm**  - Cßn 1 sè em ch­a biÕt c¸ch diÔn ®¹t, c©u v¨n thiÕu râ rµng vµ thiÕu tÝnh m¹ch l¹c, ch­a biÕt liên kết c¸c ý l¹i víi nhau nªn bµi viÕt cßn lủng củng.  - chưa biết viết đoạn văn  - Nhiều bµi viÕt rÊt cÈu th¶, tÈy xo¸ bõa b·i, ch÷ viÕt thiÕu nÐt kh«ng ®äc ®ược.  - Sai nhiÒu lçi chÝnh t¶: l/n; tr/ch; x/s...  \* Kết quả:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Lớp | Sĩ số | Trên 5 | Dưới 5 | | 8A |  |  |  | | 8B |  |  |  |   **III. Sửa lỗi sai sót**  \* Lỗi chính tả  - L/n  - r/d  - S/x  \* Lỗi diễn đạt  **IV. Trả bài – lấy điểm:**  **V. HS tự sửa bài** | |

**4, Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

- Viết một đoạn văn nêu cảm nhận về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**\*Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thiện đoạn văn

- Chuẩn bị bài 6: Đọc hiểu văn bản “Lão Hạc”

BÀI 6 :

Tuần :

**Tiết 73,74,75: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: LÃO HẠC**

**(Nam Cao)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Giúp Hs**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) của văn bản Lão Hạc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện quan văn bản

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Năng lực đặc thù: Phát triển kĩ năng đọc:

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng những kỉ niệm và phát huy những cảm xúc, tình cảm tốt đẹp trong sáng về con người và cuộc sống.  
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 73**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nghe và xem video

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh xem đoạn trích lão Hạc nói chuyện với cậu Vàng trong bộ phim Làng Vũ Đại ngày ấy.

Sử dụng phần mềm YouTube

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của truyện ngắn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. TÌM HIỂU VỀ TRI THỨC ĐỌC HIỂU:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, dự án  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc tri thức ngữ văn sgk trang/  Nhắc lại đề tài và chủ đề của truyện ngắn?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Đề tài:** là phạm vi cuộc sống dược miêu tả trong văn bản( Tác phẩm viết về cái gì( hiện tượng, phạm vi cuộc sống)?  Ví dụ: đề tài của truyện ngắn Lão Hạc là vấn đề cuộc sống cùng khổ và nhân phẩm của người nông dân  **2. Chủ đề:** là vấn đề chính được thể hiện trong văn bản.  **Ví dụ:** Chủ đề của truyện Hoàng tử bé là trẻ thơ có cách nghĩ và cách nhìn riêng, cần nhìn trẻ con bằng con mắt của trẻ thơ. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Đọc:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng.  Đọc phân vai theo giọng đọc đọc nhân vật  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nam Cao tên khai sinh là Trần Hữu Tri (có nguồn ghi là Trần Hữu Trí), sinh ngày 29 tháng 10 năm 1915 nhưng giấy khai sinh ghi là 1917. Quê ông tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam). Ông đã ghép hai chữ của tên tổng và huyện làm bút danh: Nam Cao.  Là một nhà văn, nhà thơ, nhà báo và cũng là một chiến sĩ, liệt sỹ người Việt Nam. Ông là nhà văn hiện thực lớn (trước Cách mạng Tháng Tám), một nhà báo kháng chiến (sau Cách mạng), một trong những nhà văn tiêu biểu nhất thế kỷ 20. Nam Cao có nhiều đóng góp quan trọng đối với việc hoàn thiện phong cách truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ 20. Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm?  + Nhan đề ngắn gọn nhưng có ý nghĩa sâu xa  + Tên nhan đề cũng là tên nhân vật chính. Nội dung chính của tác phẩm xoay quanh số phận nghèo khổ của Lão Hạc  + Nhan đề gợi sự đồng cảm của người đọc với thân phận người nông dân đồng thời gợi sự căm phẫn với ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến | **2. Tìm hiểu chung:**  **a. Tác giả**  -  Nam Cao (1915 – 1951)  - Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông đân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ  **b. Văn bản**  - Xuất xứ: Đăng báo lần đầu năm 1943. Đoạn trích nằm cuối truyện.  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu Bối cảnh, Cốt truyện và chi tiết, Chất trữ tình, Nhân vật, Đề tài, chủ đề  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước đọc hiểu văn bản  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **III. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Tìm hiểu cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện? |  | | 2. Trình tự của các sự việc? |  | | 3. Nhận xét? |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | 1. Liệt kê các sự việc chính trong truyện? | - Kể về sự việc Lão Hạc sang nhà ông giáo nói dự định bán cậu Vàng.  - Lão Hạc sang nhà ông giáo thông báo bán cậu Vàng và nhờ ông giáo 2 việc( giữ hộ 3 xào ruộng cho con trai và gửi 30 đồng lo ma chay cho mình)  - Kể về cái chết thảm thương của Lão Hạc và lời hứa của ông giáo trước vong linh ông lão. | | 2. Trình tự của các sự việc? | - Trình tự thời gian  -Trình tự diễn biến tâm trạng | | 3. Nhận xét? | Cốt truyện viết về câu chuyện đời thường, giản dị, .. |   + Tóm tắt: Lão Hạc là một người nông dân nghèo, sống cùng một con chó gọi là cậu Vàng. Lão có một người con trai nhưng vì nghèo không có tiền lấy vợ nên đã bỏ đi làm đồn điền cao su. Một mình lão phải tự lo liệu mưu sinh. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhà lão không còn gì nữa, lão đành phải bán cậu Vàng - con chó mà lão hết mực thương yêu như con trai mình. Lão mang hết số tiền bán chó và dành dụm được từ việc bán mảnh vườn gửi nhờ ông Giáo. Mấy hôm sau lão kiếm được gù ăn nấy. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó nói dối là đánh bả con chó hay sang vườn để giết thịt ăn nhưng thực ra là để tự tử. Cái chết của lão Hạc dữ dội, vật vã, chẳng ai hiểu vì sao lão chết ngoại trừ ông Giáo và Binh Tư.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu cốt truyện:**  - Kể về sự việc Lão Hạc sang nhà ông giáo nói dự định bán cậu Vàng.  - Lão Hạc sang nhà ông giáo thông báo bán cậu Vàng và nhờ ông giáo 2 việc( giữ hộ 3 xào ruộng cho con trai và gửi 30 đồng lo ma chay cho mình)  - Kể về cái chết thảm thương của Lão Hạc và lời hứa của ông giáo trước vong linh ông lão. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 74** |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  Truyện có những nhân vật nào đáng chú ý? Phần (1) và (2) (in chữ nhỏ) mở đầu văn bản có vai trò như thế nào đối với phần sau của truyện?  - Truyện có những nhân vật đáng chú ý: Lão Hạc, ông giáo, cậu Vàng.  - Phần (1) và (2) mở đầu văn bản có vai trò giới thiệu hoàn cảnh khốn khổ của lão Hạc; từ đó, tô đậm thêm những ngang trái xảy đến với lão Hạc trong phần (3) cũng như góp phần làm rõ nguyên nhân dẫn đến sự lựa chọn kết cục đầy bi thảm của lão Hạc ở cuối ở văn bản.  Các nhân vật thường được khắc họa qua những yếu tố nào?  Tên tuổi, lai lịch  Ngoại hình  Thế giới nội tâm( tâm trạng, suy nghĩ)  Lời nói  Hành động  Trong mối quan hệ với các nhân vật khác  ? Trong truyện nhân vật được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?  - Tâm trạng, suy nghĩ  Diễn biến tâm trạng  Làm thế nào để khai thác được diễn biến tâm trạng của nhân vật?  Tâm trạng nhân vật thể hiện như thế nào trong chuyện?  Tại sao nhân vật lại có tâm trạng như vậy?  Tại sao tác giả tập trung khai thác dòng tâm trạng của nhân vật mà không phải các yêu tố khác?  Dòng tâm trạng của nhân vật:  + Đọc kĩ văn bản. Đọc và gạch chân các từ khóa, chi tiết quan trọng  + Hoàn thành bảng thống kê. Diễn biến mạch cảm xúc.  + Nhận xét, lí giải. Nghệ thuật diễn tả tâm lí  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ : NHÂN VẬT LÃO HẠC  Câu 1: Hoàn cảnh lão Hạc trong truyện có gì đặc biệt? Người đọc biết được hoàn cảnh ấy qua lời kể của ai?  **Nhóm 1:** PHIẾU HỌC TẬP 1: HOÀN CẢNH NHÂN VẬT LÃO HẠC   |  |  | | --- | --- | | **Biểu hiện** | **Đối tượng thuật lại** | |  |  |   **Câu 2:** Phân tích diễn biến hành động, tâm trạng của lão Hạc sau khi bán con chó Vàng. Theo em, nguyên nhân nào khiến lão Hạc có hành động và tâm trạng như vậy?  **Nhóm 2:** PHIẾU HỌC TẬP 2: VIỆC BÁN CON CHÓ VÀNG   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Hành động sau khi bán chó |  |  | | Tâm trạng sau khi bán chó |  |  | | Nguyên nhân dẫn đến hành động và tâm trạng trên? |  |  |   **Câu 3:** Trước khi chết, lão Hạc đã chuẩn bị những gì? Tìm các chi tiết miêu tả cái chết của lão Hạc. Từ các chi tiết đó, em nhận xét gì về nhân vật này?  **Nhóm 3:** PHIẾU HỌC TẬP 3: CÁI CHẾT CỦA LÃO HẠC   |  |  | | --- | --- | | Việc làm trước khi chết |  | | Diễn biến của cái chết |  |   Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **2. Nhân vật:**  **a. Nhân vật Lão Hạc:** |
| **Nhóm 1:** PHIẾU HỌC TẬP 1: HOÀN CẢNH NHÂN VẬT LÃO HẠC   |  |  | | --- | --- | | **Biểu hiện** | **Đối tượng thuật lại** | | - Nghèo khổ, vợ đã mất sớm, đứa con trai duy nhất bỏ đi làm phu đồn điền cao su.  - Sống cô đơn, chỉ bầu bạn với mỗi con chó mà con trai từng nuôi. | - Chính nhân vật lão Hạc thuật lại.    - Qua lời kể của nhân vật ông giáo. | | - Sau trận ốm nặng, lão đã không còn đủ sức đi làm thuê, làm mướn như trước được nữa.  - Cuối cùng, lão đành đau đớn bán đi con chó. | - Chính nhân vật lão Hạc thuật lại.    - Qua lời kể của nhân vật ông giáo. | | - Sau khi nhờ ông giáo giữ tiền lo ma chay và giấy tờ mảnh vườn để lại cho con, lão Hạc sống rất khổ sở.  - Cuối cùng, lão xin bả chó của Bình Tư để kết thúc cuộc đời trong vật vã, đau đớn. | - Chủ yếu qua lời kể của nhân vật ông giáo. |   **Nhóm 2:** PHIẾU HỌC TẬP 2: VIỆC BÁN CON CHÓ VÀNG   |  |  | | --- | --- | | Hành động sau khi bán chó | + “Cố làm ra vẻ vui vẻ” nhưng “trông lão cười như mếu”.  + Khóc hu hu. | | Tâm trạng sau khi bán chó | + Cảm thấy tội lỗi, tệ bạc khi lừa một con chó.  + Đau đớn, dằn vặt vì quá thương cậu Vàng.  + Chua chát, cay đắng cho số phận cơ cực của bản thân. | | Nguyên nhân dẫn đến hành động và tâm trạng trên? | + Việc “lừa một con chó” mâu thuẫn với nhân cách tử tế từ trước tới giờ của lão.  - Lão Hạc xem cậu vàng như một người bạn, thậm chí là một người thân của mình.  + Cậu Vàng là kỉ niệm và cũng là sự kết nối duy nhất của lão với con trai.  + Lão Hạc nhận thức được sự bế tắc của số phận khi phải lừa bán con chó. |   **Nhóm 3:** PHIẾU HỌC TẬP 3: CÁI CHẾT CỦA LÃO HẠC   |  |  | | --- | --- | | Việc làm trước khi chết | + Nhờ ông giáo đứng tên văn tự để trông nom hộ ba sào vườn.  + Gửi ông giáo ba mươi đồng để làm đám tang nếu lão có mệnh hệ gì. | | Diễn biến của cái chết | + “Vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc”, “tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên”.  + Chịu sự hành hạ khổ sở đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. | | |
| **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về nhân vật lão Hạc? | - Số phận: đầy bi thảm.  + Đói nghèo đã buộc nhân vật phải bán đi kỷ vật của con trai và cũng là người bạn thân thiết của bản thân.  + Bao nhiêu cơ cực đã đẩy nhân vật vào đường cùng, đành phải chọn cái chết để bảo toàn tài sản cho con và giữ gìn lòng tự trọng cho bản thân.  cho bản thân.  - Phẩm chất: rất tốt đẹp.  + Rất mực thương con, luôn muốn vun đắp, dành dụm tất cả những gì có thể có để con được sống hạnh phúc.  + Dù trong hoàn cảnh khốn cùng vẫn giữ lòng tự trọng. |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não    **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em có nhận xét gì về nhân vật ông giáo (hoàn cảnh, suy nghĩ, thái độ, tình cảm dành cho lão Hạc…)? Chỉ ra vai trò của nhân vật này trong văn bản.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: **NHÂN VẬT ÔNG GIÁO**   |  |  | | --- | --- | | Hoàn cảnh |  | | Suy nghĩ |  | | Tình cảm, thái độ dành cho lão Hạc |  | | Vai trò của nhân vật |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **b. Nhân vật ông Giáo:** |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: **NHÂN VẬT ÔNG GIÁO**   |  |  | | --- | --- | | Hoàn cảnh | - Có hoàn cảnh tương tự lão Hạc:  + Nghèo khổ, vất vả.  + Vì cuộc sống mà phải dứt ruột bán đi những thứ vô cùng quý giá với bản thân.  Ít nhiều gắn bó với lão Hạc:  + Được lão chia sẻ những dự định, nỗi niềm.  + Được lão tin tưởng nhờ cậy hai chuyện quan trọng cuối cùng. | | Suy nghĩ | - Thường có sự đối chiếu giữa hoàn cảnh của bản thân với hoàn cảnh của lão Hạc.  - Có những bình luận, đánh giá khá sắc sảo, tinh tế về những chuyện lão Hạc kể hoặc những điều biết về lão Hạc.  - Càng về cuối tác phẩm càng nhiều những day dứt, suy tư về nhân thế. | | Tình cảm, thái độ dành cho lão Hạc | – Thoạt đầu có vẻ dửng dưng, thờ ơ khi nghe chuyện lão Hạc muốn bán chó và tâm sự về con trai.  – Cảm thông, chia sẻ, muốn giúp đỡ lúc thấy lão Hạc đau đớn vì bán chó.  – Buồn bã, khó hiểu khi lão Hạc từ chối sự giúp đỡ.  – Thoáng nghi ngờ, thất vọng khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó.  – Thương cảm, xót xa khi chứng kiến cái chết của lão Hạc và nguyện làm theo những mong muốn của lão để lão ra đi được nhẹ lòng. | | Vai trò của nhân vật | – Bộc lộ tình cảm, thái độ của nhà văn dành cho nhân vật lão Hạc.  – Với vai trò người kể chuyện, nhân vật đã giúp câu chuyện sinh động hơn nhờ sự đan xen, kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong quá trình trần thuật. |   Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 76** | |
| Theo em, với truyện ngắn Lão Hạc, Nam Cao đã gửi gắm những điều gì khi viết về người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám 1945? | **\* Tình cảm, cảm xúc của người viết:**  - Nhà văn xót xa, đau đớn cho số phận bi thảm của người nông dân trong xã hội cũ.  - Nhà văn trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân dù trong hoàn cảnh khốn cùng vẫn giữ lòng tự trọng.  - Nhà văn chia sẻ và cảm thông với những khát vọng, ước mơ chính đáng của họ. |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu đề tài, chủ đề của truyện?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **3. Đề tài, chủ đề:**  **a. Đề tài:** cuộc sống cùng khổ và nhân phẩm của người nông dân  **b. Chủ đề:**  Phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **IV. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  + Xây dựng nhân vật sinh động, khắc hoạ tâm lí tinh tế.  + Trần thuật bằng ngôi thứ nhất làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện.  + Kết hợp linh hoạt tự sự và một số phương thức biểu đạt khác.  **2. Nội dung:** Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  - Em thích nhất đoạn văn “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta… không bao giờ ta thương....” vì đoạn văn này thể hiện sự cảm thông của tác giả với người lao động trong xã hội cũ, họ đã quá khổ sở để lo cho chính bản thân mình mà không thể động lòng thương với bất cứ ai. | **V. LUYỆN TẬP**  Trong truyện có nhiều đoạn văn mang tính triết lí về cuộc sống, con người. Em thích nhất đoạn văn nào? Vì sao? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết một đoạn văn theo mộ hình tổng hợp - phân tích - tổng hợp (Từ 5-10 câu) trình bày cảm nhận cua em về nhận vật lão Hạc trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

- Về kĩ năng :

+ Biết viết và trình bày đúng đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp. Đảm bảo số lượng câu như yêu cầu.

+ Diễn đạt rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng.

- Về nội dung : Trình bày được những cảm nhận về nhân vật lão Hạc.

+ Cuộc sống đói nghèo cơ cực, số phận bi thảm.

+ Phẩm chất tốt đẹp : Yêu thương con, giàu đức hi sinh, sống lương thiện trong sạch, giàu lòng tự trọng.

+ Là điển hình cho người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, cuộc sống khốn cùng tăm tối nhưng vẫn ngời sáng những phẩm chất tốt đẹp.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

**- Chuẩn bị bài sau:** Trong mắt trẻ

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần :

**Tiết 76,77: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: TRONG MẮT TRẺ**

**(Trích Hoàng tử bé - Ê- xu – pe - ri)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Giúp Hs**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) của vưan bản

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện quan văn bản

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kĩ năng đọc hiểu

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng những kỉ niệm và phát huy những cảm xúc, tình cảm tốt đẹp trong sáng về con người và cuộc sống.  
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 76**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  EM CÓ BIẾT TÁC PHẨM NÀY KHÔNG , NẾU BIẾT HÃY CHIA SẺ NHÉ?



**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** “Hoàng tử bé” của nhà văn *Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri* là cuốn sách giắc mơ nhẹ nhàng, trong trẻo nhưng có lẽ mỗi người khi đọc cuốn sách này sẽ có những cảm nhận khác nhau ứng với những thời điểm khác nhau trong cuộc đời. Kết hợp với những dự đoán của các em chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu văn bản...viết về sự kiên gì hay những đặc sắc xoay quanh sự kiến đó thì chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu văn bản này.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc rõ ràng, ngắt nghỉ đúng, giọng điệu nhẹ nhàng, chậm rãi  Đọc phân vai theo giọng đọc đọc nhân vật  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Tìm hiểu chung:**  **a. Tác giả**  Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri  - Sinh năm 1900 mất năm 1944  - Là một nhà văn và phi công Pháp nổi tiếng  - Các đề tài của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.  - Ngòi bút đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn  **b. Văn bản**  - Xuất xứ: Trích “Hoàng tử bé”, tác phẩm nổi tiếng nhất của Ê-xu-pe-ri.  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  -Nhân vật: nhân vật “tôi” và “hoàng tử bé”  **c. Bố cục: 3 phần**  + Chương 1: nhân vật “tôi” nhớ lại kỉ niệm vẽ tranh hồi nhỏ.  + Chương 2: Cuộc gặp gỡ bất ngờ của nhân vật “tôi” và cậu bé.  + Chương 3: Suy nghĩ của nhân vật “tôi” sau nhiều năm khi cậu bé trở lại hành tình của mình |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu Bối cảnh, Cốt truyện và chi tiết, Chất trữ tình, Nhân vật, Đề tài, chủ đề  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước đọc hiểu văn bản  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Tìm hiểu cốt truyện**  Đoạn trích trên kể về sự kiện gì? Nội dung các chương I, II và XXVII liên quan với nhau như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:  Đoạn trích trên kể về sự kiện sau:  + Nhân vật “tôi” phải từ bỏ ước mơ trở thành họa sĩ để làm một phi công, cố trở thành một người sống không mơ mộng, không tưởng tượng với những chuyện nhạt nhẽo trong thế giới của người lớn.  + Bất chợt, lúc gặp tai nạn trên sa mạc, những gì nhân vật “tôi” ngày xưa mong muốn người khác hiểu mình đã được như ý khi anh gặp được hoàng tử bé.  + Cuộc gặp gỡ ấy đã cho anh rất nhiều ngạc nhiên để rồi nhiều năm sau khi đã chia tay hoàng tử bé, anh vẫn còn thấy tiếc và mong gặp lại cậu ấy.  - Những nội dung này đã kết hợp với nhau nhằm đích:  + Tạo một sự gắn kết chặt chẽ trong cốt truyện (sự gặp gỡ của những nhận thức tuổi thơ phong phú, đa dạng, khoei nguồn hồn nhiên, tươi tắn, vô tư ngỡ đã bị vùi lấp theo thời gian trong nhân vật “tôi”)  + Làm sáng tỏ vai trò của nhân vật hoàng tử bé (là một người tri kỉ đáng quý mà nhân vật “tôi” bất ngờ có được, nhắc anh và cả người đọc về giá trị khôn cùng của trí tưởng tượng trong thế giới tuổi thơ).  + Góp phần thể hiện ý nghĩa của văn bản (cần tôn trọng góc nhìn đa diện đối với một sự vật, hiện tượng).  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu cốt truyện:**  - Đoạn trích trên kể về sự kiện nhân vật "tôi" gặp được hoàng tử bé khi đang gặp sự cố trên hoang mạc.  - Nội dung các chương I, II và XXVII đều đề cập đến việc nhân vật "tôi" gặp sự cố ở hoang mạc và những bức tranh của nhân vật "tôi". |
|  |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm    Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: NHÂN VẬT HOÀNG TỬ BÉ Câu 1: Xác định và nêu ý nghĩa của hoàn cảnh diễn ra cuộc gặp gỡ giữa nhân vật “tôi” và hoàng tử bé?  Câu 2: Theo em, điều gì đã dẫn đến sự khác nhau trong cách nhìn của hoàng tử bé và những người lớn đối với bức tranh con trăn mà nhân vật “tôi” đã vẽ? Điều này có tác động đến cách nhìn của hoàng tử bé với những bức tranh con cừu hay không? Vì sao?  Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **2. Tìm hiểu nhân vật:**    **a. Nhân vật Hoàng Tử bé:** |
| Câu 1:  - Nhân vật “tôi” gặp hoàng tử bé khi đang ở trong tình huống sống còn: cô độc trên sa mạc rộng lớn, nước chỉ còn dùng đủ tám ngày, tự mình sửa chữa máy bay để mong thoát khỏi nơi đây, đang thiếp đi vì mệt mỏi.  - Trong bối cảnh ấy, khi cạn dần sức lực, hi vọng, con người rất cần một chỗ dựa. Có thể nói hoàng tử bé xuất hiện rất đúng lúc, xuất hiện một cách đối lập hoàn toàn với những gì mà nhân vật “tôi” đang gặp ( ngoại hình đẹp đẽ, chẳng có vẻ gì là lạc đường hay mệt mỏi, không lả người vì đói khát, cũng chẳng hề tỏ ra “sợ sệt”, lời nói và phản ứng rất nhẹ nhàng, yêu cầu một vấn đề thiên về tinh thần chứ không phải những thứ giúp thoát khỏi tình trạng cô đơn, lạc lõng nơi sa mạc) để thực sự trở thành một điểm tựa tinh thần cho nhân vật “tôi”. Trong bối cảnh nhiều khó khăn, đầy thủ thách như vậy, giá trị của việc hoàng tử bé xuất hiện càng được thể hiện rõ.  Câu 2:  - Nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau trong cách nhìn của hoàng tử bé và những người lớn đối với bức tranh con trăn mà nhân vật “tôi” đã vẽ đó là ở chỗ người lớn không còn/ không có khả năng tưởng tượng, liên tưởng phong phú như trẻ thơ. Người lớn đã nhìn bức tranh ở bề mặt chứ không chú tâm đến sự bay bổng của ý tưởng, sự đột phá trong suy nghĩ, sự thú vị trong những phát hiện và trẻ con muốn trình bày. Nói đúng hơn, người lớn đã không nhìn tranh vẽ của trẻ con bằng đôi mắt của trẻ con.  - Điều này tác động sâu sắc đến cách nhìn của hoàng tử bé với những bức tranh con cừu vì bằng sự phát hiện tinh tế, khả năng tưởng tượng, liên tưởng phong phú, sự bay bổng của ý tưởng, sự đột phá trong suy nghĩ, cậu đã nhận ra những điều mà mình khó có thể thấy:  + Cậu chỉ ra một vài thay đổi nhỏ trong nét vẽ của nhân vật “tôi” cũng đủ biến con cừu này thành con cừu khác về trạng thái, giới tính, độ tuổi.  + Cậu chỉ nhìn cái hộp mà hình dung ra cả một chú cừu đang ở trong hộp ấy, tưởng tượng được cả vẻ ngoài lẫn trạng thái của chú cừu đó.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về nhân vật Hoàng tử bé? | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 77** |  |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não    **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” sau khi đã chia tay hoàng tử bé và trở về nhà. Theo em, nguyên nhân nào khiến nhân vật “tôi” mong gặp lại hoàng tử bé?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:  - Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” sau khi đã chia tay hoàng tử bé và trở về nhà:  + Buồn: “buồn lắm”, “những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt”, cho rằng nơi từng gặp hoàng tử bé là “quang cảnh đẹp nhất và buồn nhất thế gian”.  + Ngổn ngang nhiều cảm giác khó tả: lo lắng vì mình đã quên vẽ vòng da của rọ mõm cho con cừu nên nó có thể ăn mất bông hoa; tuy nhiên anh vẫn yên tâm hạnh, phúc vì tin tưởng và sự cẩn thận của cậu bé.  + Khát khao được gặp lại hoàng tử bé: cứ nghĩ mãi về cậu bé, nề nơi cậu xuất hiện, về chốn cậu sinh sống, về những thứ nhỏ nhoi xung quanh cậu như con cừu và bông hoa; mong muốn mọi người nếu có đi qua nơi tác giả chừng từng gặp hoàng tử bé và vô tình gặp được cậu ấy thì “hãy nhanh tay viết thư cho tôi biết là cậu đã trở lại”.  - Nguyên nhân khiến nhân vật “tôi” mong gặp lại hoàng tử bé:  + Gặp gỡ hoàng tử bé là một kỉ niệm không thể quên trong đời.  + Hoàng tử bé như là một tri kỉ vô cùng quan trọng đối với nhân vật “tôi”.  + Hoàng tử bé là tấm gương phản chiếu những giấc mộng ấu thơ chưa thành, là động lực làm sáng lại đôi mắt trẻ thơ hồn nhiên, vô tư, lạc quan nhìn cuộc đời mà nhân vật “tôi” đã đánh mất, là chất xúc tác làm thăng hoa sự bay bổng của ý tưởng, sự đột phá trong suy nghĩ, sự thú vị trong phát hiện đã từng có. | **b. Nhân vật “tôi”:** |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em rút ra được thông điệp gì sau khi đọc đoạn trích trên?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **3. Thông điệp:**  + Trẻ em rất cần sự động viên, khuyến khích của người lớn đối với những nguyện vọng, mơ ước của mình vì điều đó thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm, chia sẻ, thấu hiểu và đồng cảm của người lớn với các em.  + Trẻ em cần lắng nghe những khuyên bảo của người lớn trên con đường thực hiện mơ ước, cần nhận thức được ý nghĩa của sự hỗ trợ từ gia đình. Các em cũng cần học cách thuyết phục người khác chấp nhận những ước mơ của mình bằng tất cả sự cầu thị, tự tin và kiên định.  + Mỗi người đều cần học cách chấp nhận những quan điểm khác biệt, có sự tôn trọng cần thiết đối với góc nhìn riêng của từng cá nhân về một sự vật, hiện tượng.  + Đừng bao giờ đánh mất sự bay bổng của ý tưởng, sự đột phá trong suy nghĩ, sự thú vị trong những phát hiện đã từng có ở thời thơ ấuvì đây chính là những nền tảng quan trọng để giúp mỗi cá nhân có thể trưởng thành nhanh chóng. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng nhân vật sinh động, khắc hoạ tâm lí tinh tế.  - Trần thuật bằng ngôi thứ nhất làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện.  - Sử dụng các bức tranh tạo sự sinh động, giúp người xem dễ hình dung về nội dung câu chuyện.  - Kết hợp linh hoạt tự sự và một số phương thức biểu đạt khác.  **2. Nội dung:**  **-** Tác phẩm đã thể hiện cái nhìn sáng tạo sâu sắc của những người trẻ, sự quan trọng của hội họa và trí tưởng tượng; cùng với đó là sự đối mặt của con người đối với sự thật mất mát đi người thân yêu của mình. Qua đó cũng thể hiện rằng, họ sẽ càng trân trọng và yêu quý người mình yêu thương hơn. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  - Gợi ý: Học sinh tùy chọn bức tranh ấn tượng, có thể đó là bức tranh con trăn hoặc chiếc hộp( thể hiện khả năng tưởng tượng, liên tưởng phong phú của trẻ thơ), hoặc chân dung của hoàng tử bé( nhân vật chính, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện ý nghĩa tác phẩm), hay quang cảnh nơi nhân vật “tôi” đã gặp hoàng tử bé (khao khát cháy bỏng được gặp lại hoàng tử bé của nhân vật “tôi”,... Yếu tố bản thân lựa chọn phải được nêu rõ nguyên nhân kèm theo. | **IV. LUYỆN TẬP**  Nhận xét về hình thức trình bày của văn bản Trong mắt trẻ. Em ấn tượng với bức tranh nào nhất? Vì sao? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Việc tái hiện sự khác nhau trong cách nhìn những bức tranh liên quan chặt chẽ đến ý nghĩa của đoạn trích. Em có đồng ý với nhận xét này không? Vì sao? (Trình bày một đoạn văn khoảng 8 đến 10 dòng)

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

Gợi ý: Quan điểm: Đồng ý với nhận xét “Việc tái hiện sự khác nhau trong cách nhìn những bức tranh liên quan chặt chẽ đến ý nghĩa của đoạn trích.”

Nguyên nhân:

+ Đoạn trích đặt ra vấn đề cách nhìn của trẻ con nói riêng và vấn đề góc nhìn nói chung.

+ Đoạn trích khiến người đọc lưu tâm đến việc cùng một vấn đề sẽ có những cách tiếp cận, những cách nhìn khác nhau.

+ Tác giả cho thấy cách nhìn về thế giới, về con người của trẻ con vốn ngây thơ, thuần phác, giàu tưởng tượng, đầy bay bổng, có it nhiều biệt với cách nhìn của người lớn. Người cần tôn trọng cách nhìn của các em, dần định hướng cho các em có nhìn chân thực, hợp lý và tích cực.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

**- Chuẩn bị bài sau:** Thực hành TV “Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội”

---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần:

**Tiết 78:** **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Giúp Hs**

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nói gì trong tình huống

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hiện nay trên mạng xã hội facebook có 1 group đang ngày càng đông thành viên có tên là “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Bạn hiểu thế nào về từ “flex”?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nhắc lại kiến thức về **TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **I. NHẮC NHỚ KIẾN THỨC VỀ TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  (?) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nhắc lại thế nào là từ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1. Từ ngữ toàn dân:**  - Từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước.  *VD: cha, mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,…*  - Là khối từ ngữ cơ bản và có số lượng lớn nhất của ngôn ngữ.  - Từ ngữ toàn dân không chỉ có vai trò quan trọng trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp có hiệu quả.  **2. Từ ngữ địa phương**  - Là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định.  *VD: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa,…*  - Số lượng không lớn, phạm vi dùng hạn chế  - Phản ánh nét riêng của con người, sự vật mỗi vùng miền, có vai trò quan trọng đối với hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và đối với sáng tác văn chương.  - Cần hiểu được nghĩa và biết sử dụng đúng chỗ, đúng mức nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp.  **3. Biệt ngữ xã hội**  - Là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định.  *VD: pó tai, rùi, bít, ga tô,…*  - Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào.  - Việc sử dụng cần có chừng mực để đảm bảo hiệu qủa giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  làm bài tập 1  + Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”.  + Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát 1 phiếu học tập.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ngữ địa phương** | **Vùng sử dụng** | **Tác dụng** | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  | | d |  |  |  |   + Mỗi nhóm có 5 phút để thực hiện nhiệm vụ.  + GV chiếu đáp án lên bảng. Các nhóm chấm chéo cho nhau. Nhóm chiến thắng được tặng phần quà nhỏ hoặc cộng điểm miệng cho mỗi thành viên.  *a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng (Hồ Chí Minh)*  *b. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! (Thép Mới)*  *c. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét (Đoàn Giỏi)*  *d. Thuyền em đã nhẹ, chèo lẹ khó theo (Ca dao)*  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | Bài tập 1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TNĐP** | **Vùng** | **Tác dụng** | | a | bẹ (ngô) | miền núi phía Bắc | - Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc).  - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người. | | b | tầm vông  (loại tre thân nhỏ, gióng dài, không gai, đặc ruột và cứng, thường dùng làm gậy) | Nam Bộ | - Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp. | | c | đòn (từ chỉ đơn vị)  bánh tét (loại bánh làm bằng gạo nếp, nhân đỗ xanh, thịt lợn, hình trụ) | miền Trung | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. | | d | lẹ (nhanh) | miền Nam | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. | |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** *Giải thích nghĩa của các từ in đậm dưới đây bằng các từ toàn dân cùng nghĩa:*  *a. … Lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng* ***dòm ngó*** *đến… (Nam Cao)*  *b. Đón* ***ba, nội*** *gầy gò, cười phô cả lợi:*  *-* ***Má*** *tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm. (Nguyễn Ngọc Tư)*  *c. Một hôm, chú Biểu đến nhà, chú mang theo xâu ếch dài* ***thiệt*** *dài, bỗ bã:*  *- Cái này má* ***gởi*** *cho* ***mầy****, má* ***biểu*** *phải đem đến tận nhà. (Nguyễn Ngọc Tư)*  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  a. Dòm ngó: nhòm ngó  b. Ba: bố, cha  Nội: bà nội, ông nội  Má: mẹ  c. Thiệt: thật  Gởi: gửi  Mầy: mày  Biểu: bảo |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu sau (ở tác phẩm *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào?  *a. Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì “bỉ” này “hắc” lắm.*  *b. Cái “cá” ngon làm vậy thằng “vỏ lõi” nó còn “mõi” được huống hồ chị …*  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3:**  - Các biệt ngữ xã hội được sử dụng trong các câu đã cho:  + bỉ: đàn bà, con gái  + hắc: cẩn thận, khôn ngoan  + cá: ví tiền  + vỏ lõi: kẻ cắp nhỏ tuổi  + mõi: lấy cắp  => Góp phần thể hiện rõ hơn đặc điểm của nhân vật được nói đến: những kẻ thuộc giới lưu manh, trộm cắp.  => Việc chúng đặt ra và sử dụng các biệt ngữ xã hội trong giao tiếp là nhằm che giấu những việc làm xấu xa, tội lỗi của mình. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu ý kiến của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Hiện nay, trên mạng xã hội xuất hiện phổ biến hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội, đặc biệt là trong giới trẻ. Đây là hiện tượng bình thường, phản ánh sự vận động của ngôn ngữ dưới tác động của các nhân tố tâm lí, xã hội và phương tiện giao tiếp mới (Internet). Hiện tượng này, xét ở góc độ nào đó, cũng có khía cạnh tích cực (chẳng hạn: đáp ứng nhu cầu, sở thích giao tiếp của một nhóm xã hội nhất định). Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội cần có chừng mực để không ảnh hưởng đến việc giao tiếp trong môi trường giao tiếp chính thức và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

(Nguồn: SGV ngữ văn 8 cánh diều)

**\* Kết luận, đánh giá.**

**- Hướng dẫn về nhà:**

**- Chuẩn bị bài sau:** Thực hành đọc hiểu “Người thầy đầu tiên”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

**Tiết 79,80: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

**( Trích Trin-ghi-dơ Ai – ma - tôp)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Giúp Hs**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) của truyện

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện quan văn bản

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kĩ năng đọc hiểu

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Bồi đắp và trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận trong cuộc sống. Yêu mến kính trọng và biết ơn các thầy giáo cô giáo đã dạy dỗ mình

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 79**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Hãy kể ngắn gọn về một người thầy/ cô giáo mà em đặc biệt yêu quý.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Cá nhân trả lời kết quả.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Chắc hẳn tromg chúng ta, ai cũng đa từng một lần rụt rè núp dưới nón mẹ tro ng lần đầu tiên đi đến trường, với lòng tưng bừng rộn rã của một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Tuổi thơ bé đã đi qua được mấy năm rồi nhưng đâu rễ quên, và cũng có nhiều người lần đầu tiên được đi học bình dân học vụ sau ngày cách mạng tháng tám thành công, hạnh phúc biết bao khi mà được sáng mắt, sáng lòng. Có thể nói phần đông trong mỗi chúng ta ai cũng đã từng được lưu giữ trong tâm hồn của mình hình ảnh tuyệt đẹp về một người thầy, người cô mà không bao giờ phai mờ trong tâm trí của mỗi chúng ta. Ngày hôm nay chúng ta đi tìm hiểu một tác phẩm của nhà văn Xô viết đó chính là Ai-ma-tôp cũng viết về một người thầy vùng Trung á vào những năm đầu của thế kỉ XX đó chính là tác phẩm “…..”. Người thầy ấy đã từng nói: “Các em hãy gọi ta là thầy, các em có muốn xem trường không? Vào đây, các em đừng ngại gì cả” , đó là tiếng nói của thầy Đuy Sen- một đoàn viên thanh niên cộng sản, với trái tim yêu thương mênh mông, với nhiệt tình say mê đã đem ánh sáng cách mạng tháng mười Nga đến với tuổi thơ miền núi, hẻo lánh, xa xôi. Thầy Đuy-sen và cô học trò An-tư-nai bé bỏng tội nghiệp đã hiện lên trên trang văn thật trong sáng, thật nhẹ nhàng của Ai-ma-top đã để lại bao rung động, bồi hồi trong lòng của mỗi chúng ta về một thời cắp sách tới trường.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung của văn bản...  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc theo trình tự: đọc thầm trước-> đọc thành tiếng -> đọc phân vai.  + Đọc phân vai để thể hiện đúng giọng điệu, tính cách cảm xúc của các nhân vật.  + Đọc phân biệt lời dẫn chuyện, lời đối thoại của các nhân vật.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Tìm hiểu chung:**  **a. Tác giả:**  + Là nhà văn nổi tiếng người Cư-rơ-gư-rơ-xtan  + Các tác phẩm của ông tập trung viết về thiên nhiên và con người quê hương với một tình yêu tha thiết, sâu nặng.  + Với lối văn cô động, hàm súc và nhiều cách tân trong nghệ thuật kể chuyện.  + Nhiều tác phẩm quen thuộc với các thế hệ độc giả Việt Nam: Giai-mi-li-a(1958), Cây phong non trùm khăn đỏ(1961), Người thầy đầu tiên(1962)  **a. Văn bản**  - Xuất xứ : Vị trí: trích ở phần đầu truyện ***“ Người thầy đầu tiên*”** rút từ tập truyện ***“ Núi đồi và thảo nguyên”***  **- Thể loại:** Truyện vừa  **- Phương thức biểu đạt**: tự sự |
| a) Mục tiêu: Học sinh đi tìm hiểu Bối cảnh, Cốt truyện và chi tiết, Chất trữ tình, Nhân vật, Đề tài, chủ đề  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước đọc hiểu văn bản  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hs giới thiệu đôi nét về đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan.( đã chuẩn bị ở nhà)**  Là một vùng thiên nhiên rất đẹp đẽ và hùng vĩ. Nơi ấy con ngừời sống một cuộc sống rất giàu bản sắc văn hoá. Tuy nhiên để các em dễ dàng hình dung hơn về vùng đất mà chúng ta đang nói đến, về con người của quốc gia đó, các em xem thêm một số hình ảnh. Nhắc đến đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan là chúng ta nhắc đến một quốc gia ở vùng Trung á, nổi bật là các dãy núi trải dài vô cùng đẹp mắt. Đất nước có thể chia làm hai phần ở vùng biên giới phía Bắc, tiếp giáp với đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan là một vùng lãnh thổ được bao phủ bởi cánh đồng thảo nguyên mênh mông của trung Á, còn phần lớn là lãnh thổ còn lại được bao phủ bởi núi non, núi chiếm đến 80% diện tích của Cư-rơ- gư-dơ-xtan. Do đó, khung cảnh rất quen thuộc người ta thường thấy ở đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan này đó là những bản làng, thôn làng của những ngừời dân cư trú ở trong những thung lũng, trải dài theo những mạch núi rất hùng vĩ. Và chính vì những đặc điểm khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của người dân như vậy, nó rất là hoang sơ và hùng vĩ như thế cho nên Cư-rơ- gư-dơ-xtan trong hình dung của con người của thế giới cực kì hiện đại còn được mệnh danh là viên ngọc của thế giới đang chờ đợi mọi người chinh phục.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** **Tìm hiểu ngôi kể**  Đoạn trích *Người thầy đầu tiên* kể về chuyện gì? Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm:  Đoạn trích trên kể về sự kiện sau:    **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu ngôi kể**    - Đoạn trích “Người thầy đầu tiên” kể về kí ức đau buồn của An-tư-nai khi còn ở ngôi làng Ku-ku-rêu hẻo lánh: bị người thân bán làm vợ lẽ cho một kẻ giàu có.  - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện  chính là nhân vật An-tư-nai  -> Ngôi kể thứ nhất khiến cho câu chuyện được kể lại chân thật, sinh động và giàu cảm xúc khi biểu cảm trực tiếp, thể thiện cảm xúc chân thực trước sự việc mà nhân vật tham gia,... |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** **Tìm hiểu bối cảnh và cốt truyện**  **Câu 1:** Truyện được viết trong bối cảnh nào?  **Câu 2:** Tóm tắt nội dung chính của từng phần được đánh số trong văn bản. Nội dung phần (3) cho biết sự khác biệt gì về thời gian kể chuyện so với hai phần trước? Câu văn nào nói lên điều đó?  Tóm tắt nội dung chính của từng phần được đánh số trong văn bản.:  + Phần (1) thầy Đuy-sen hứa sẽ bảo vệ anh An-tư-nai trước âm mưu của người thím, động viên cô lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng khi cùng cô trồng cây hai cây phong.  + Phần (2) biến cố đau buồn vẫn xảy ra với An-tư-nai và thầy Đuy-sen đã trải qua nhiều khó khăn, vất vả để giải thoát cho cô.  + Phần (3) là những suy nghĩ của An-tư-nai ở hiện tại nên có sự khác biệt về thời gian kể chuyện so với hai phần trước- vốn là hồi ức của nhân vật. Câu văn nói lên điều đó: “Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà thầy Đuy-sen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và hôn lên vết chân của thầy tôi”. “Thiêng liêng và diễm phúc thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình với những niềm hi vọng mới, với ánh sáng... Cảm ơn ánh sáng Mặt Trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy | **2. Tìm hiểu bối cảnh và cốt truyện**  **a. Bối cảnh:**Cuộc sống ở một vùng quê miền núi lạc hậu ở nước Cư-rơ-gư-rơ-xtan (làng Ku-ku-rêu) những năm đầu thế kỷ XX.  **b. Cốt truyện**  + Phần (1) thầy Đuy-sen hứa sẽ bảo vệ anh An-tư-nai trước âm mưu của người thím, động viên cô lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng khi cùng cô trồng cây hai cây phong.  + Phần (2) biến cố đau buồn vẫn xảy ra với An-tư-nai và thầy Đuy-sen đã trải qua nhiều khó khăn, vất vả để giải thoát cho cô.  + Phần (3) : Những suy nghĩ của An-tư-nai về con đường mòn mà thầy Đuy-sen đã đưa cô đi hôm ấy.  -> mạch kể chuyện từ qáu khứ đến hiện tại  - Nội dung phần (3) là những suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai ở hiện tại nên có sự khác biệt về thời gian kể chuyện so với hai phần trước- vốn là hồi ức của nhân vật. Câu văn nói lên điều đó: “Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà thầy Đuy-sen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và hôn lên vết chân của thầy tôi”. “Thiêng liêng và diễm phúc thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình với những niềm hi vọng mới, với ánh sáng... Cảm ơn ánh sáng Mặt Trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm    Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: NHÂN VẬT THẦY ĐUY-SEN  Câu 1: Thầy trồng hai cây phong với mong ước gì? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện suy nghĩ, tình cảm và mong ước của thầy Đuy-sen khi trồng hai cây phong nhỏ.  Câu 2: Phân tích nhân vật thầy Đuy-sen trong đoạn trích Người thầy đầu tiên.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật thầy Đuy-sen trong đoạn trích Người thầy đầu tiên. | | | | Yếu tố | Chi tiết | Nhận xét | | Ngôn ngữ |  |  | | Hành động |  |  | |  | | |   Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm: | **3. Nhân vật**    **a. Nhân vật thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai**  - Yêu thương, quan tâm học trò  - Có trách nhiệm với học trò  - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò  => thầy Đuy-sen ấm áp, dũng cảm và cao thượng |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật thầy Đuy-sen trong đoạn trích Người thầy đầu tiên. | | | | **Yếu tố** | **Chi tiết** | **Nhận xét** | | Ngôn ngữ | “Thầy sẽ chịu trách nhiệm về em”, “ em đừng buồn” , “thầy bao giờ cũng tin em sẽ trở thành người thông thái”, “ tất cả những gì tốt đẹp hãy còn ở phía trước” | rắn rỏi và điềm tĩnh | | Hành động | - Nhìn thẳng vào mắt, dặt tay lên vai, mình cười khi nói với An-tư-nai  - Mang hai cây phong về trồng  - Chặn lối bà thím , đạp vào bụng tên mặt đỏ | giận dữ, nóng nảy, có những hành động dứt khoát. | | - Mong ước về tương lai tươi sáng: “Tất cả những gì đẹp nhất hãy còn ở phía trước”  - Khơi gợi niềm lạc quan: “Và mọi người sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng.”  - Thể hiện rõ tình yêu sâu sắc, niềm tin mãnh liệt dành cho học trò. | | |   Qua cảm nhận của An-tư-nai  + Vẻ mặt sa sầm như đnag lo nghĩ điều gì.  + Vẻ đẹp sáng ngời, tấm lòng trìu mến, trung hậu, mạnh mẽ và khéo léo trong lao động.  - Yêu thương, quan tâm học trò (không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn dạy học trò cách làm người, giúp An-tư-nai tạo lập nhân cách của mình).  - Có trách nhiệm với học trò (ra sức bảo vệ An-tư-nai, dám hi sinh cả tính mạng để mong đem lại cuộc sống mới đầy hi vọng cho học trò của mình)  - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò (tin tưởng mạnh mẽ vào năng lực của An-tư-nai, gieo vào lòng cô bé niềm tin, nghị lực trong cuộc sống)  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhận xét về nhân vật thầy Đuy - sen? | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 80** |  |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não    **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**    PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Thông qua cuộc đời nhân vật An-tư-nai có thể nêu lên nhận xét gì về số phận của người phụ nữ được nói tới trong câu chuyện?   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật An-tư-nai** | | | Hoàn cảnh |  | | Hành động |  | | Suy nghĩ |  | | tình cảm dành cho thầy |  | | -> số phận của người phụ nữ ; | |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.     |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật An-tư-nai** | | | Hoàn cảnh | An-tư-nai sinh ra trong một khu làng nhỏ vùng núi cao, cha mẹ mất sớm phải sống với gia đình chú thím bị đối xử tàn nhẫn. | | Hành động | Lao vào đám đánh nhau lôi theo cả lũ trẻ đnag bấu víu vào người | | Suy nghĩ | + Lặng đi vì kinh hãi  + Cố gắng can đảm để thầy Đuy-sen khỏi bận tâm  + Trằn trọc không ngủ được vì lo nghĩ về tai họa sắp ập tới. | | tình cảm dành cho thầy | tình cảm dành cho thầy Đuy-sen : cảm kích, biết ơn thầy | | -> số phận của người phụ nữ ;  + Chịu nhiều thiệt thòi  + Bị đói, nghèo, lạc hậu đày đọa, mất hết quyền làm người. | | | **b. Nhân vật An-tư-nai**  + Chịu nhiều thiệt thòi  + Bị đói, nghèo, lạc hậu đày đọa, mất hết quyền làm người. |
| - Hình thức: Cá nhân, nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy xác định đề tài, chủ đề, thông điệp gì sau khi đọc đoạn trích trên?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **4. Đ**ề **tài, chủ đề, thông điệp**  **a. Đề tài:** Người thầy, tình thầy trò.  **b. Chủ đề:**  + Ca ngợi người thầy với tình thương bao la, sự kiên trì, lòng quả cảm đã mang ánh sáng tri thức về tuổi trẻ vùng cao.  + Lòng biết ơn sâu sắc và sự yêu kính của học trò, cũng như của những thế hệ sau dành cho người thầy đầu tiên.  **c. Thông điệp:**  + Trân trọng biết ơn những người thầy trong cuộc sống  + Trong cuộc sống cần có ý chí và quyết tâm để vượt qua hoàn cảnh hướng tới điều tốt đẹp. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  + Lựa chọn ngôi kể thứ nhất  + Sự kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm với ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc.  + Nhân vật được miểu tả qua hành động, qua cảm xúc suy nghĩ  **2. Nội dung:**  + Ca ngợi người thầy với tình thương bao la, sự kiên trì, lòng quả cảm đã mang ánh sáng tri thức về tuổi trẻ vùng cao.  + Lòng biết ơn sâu sắc và sự yêu kính của học trò, cũng như của những thế hệ sau dành cho người thầy đầu tiên |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Chi tiết hoặc hình ảnh nào trong văn bản đã để lại trong em những ấn tượng sâu đậm? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) ghi lại ấn tượng ấy.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

Gợi ý: Văn bản “Người thầy đầu tiên” của tác giả Ai-ma-tốp đã để lại cho em nhiều ấn tượng. Chi tiết mà em ấn tượng nhất chính là khi thầy Đuy-sen sẵn sàng đứng ra bảo vệ cho học trò của mình. Điều này không chỉ cho thấy tình cảm chân quý mà thầy dành cho các nữ sinh mà nó còn thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức của thầy. Trước hoàn cảnh xã hội đất nước Cư-rơ-gư-xtan lúc bấy giờ, phụ nữ không được coi trọng và việc để phụ nữ đi học lại càng không. Thầy Đuy-sen đã dũng cảm chống lại những suy nghĩ lạc hậu đó để bảo vệ học trò của mình. Chính sự dũng cảm ấy đã cứu rỗi cả một cuộc đời của cô bé An-tư-nai, nhờ có sự giúp đỡ của thầy mà sau này An-tư-nai đã trở thành một người có ích cho xã hội, khẳng định được vị thế của người phụ nữ.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy.

**- Chuẩn bị bài sau:** Viết “Phân tích một tác phẩm truyện”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

Tiết 81,82: **VIẾT: PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Phát triển kỹ năng viết

- Viết được bài phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 81**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  GV yêu cầu HS kể tên một số truyện ngắn mà em đã học/đã đọc( HS ghi vào tờ giấy note) và cho biết tác phẩm truyện nào đã để lại ấn tượng sâu sắc? Vì sao?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Trước một tác phẩm truyện, mỗi người đọc có thể có những cảm nhận, quan điểm riêng biệt. Khi cần chia sẻ những cảm nhận, quan điểm đó, chúng ta có thể  sử dụng kiểu bài phân tích một tác phẩm truyện, ở dạng bài viết này bạn cần làm rõ chủ đề của truyện là gì? Truyện có những nét đặc sắc nào về hình thức nghệ thuật? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu ***Viết phân tích một tác phẩm truyện.***

**2. Hoạt động 2 + 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ  HS đọc phần Định hướng (sách giáo khoa trang 26, 27) và trả lời các câu hỏi:  *?* *Thế nào là phân tích một tác phẩm truyện?*  *? Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện em cần chú ý những yêu cầu nào?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | - Phân tích một tác phẩm truyện là kiểu bài nghị luận văn học mà trong đó, người viết dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  - Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:  + Phải bám sát cốt truyện, chủ đề, nhân vật, những nét đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm.  + Căn cứ vào đề bài để xác định cách tìm ý cho phù hợp.  + Các nhận xét, đánh giá phải rõ ràng, đúng đắn, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.  + Bài văn cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý  ? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: lập dàn ý  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **\* Đề bài**: Đề bài: *Phân tích truyện ngắn “ Lão Hạc” của Nam Cao.*  **a. Bước 1: Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao  - Nắm vững các thông tin liên quan( thể loại, các nhân vật cần chú ý, chủ đề và các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện) |
| Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | **-** Nhan đề văn bản và cốt truyện tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao có gì đặc sắc? |  | | - Chủ đề của truyện là gì? Ấn tượng chung của em sau khi đọc văn bản như thế nào? |  | | - Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố hình thức trong truyện là gì? |  | | - Có thể rút ra những bài học nào từ văn bản truyện? |  | | - Với em điều gì sâu sắc và đáng nhớ nhất sau khi đọc truyện? |  |   Từ | **b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  **-** Nhan đề văn bản và cốt truyện tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao có gì đặc sắc?  - Chủ đề của truyện là gì? Ấn tượng chung của em sau khi đọc văn bản như thế nào?  - Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố hình thức trong truyện là gì?  - Có thể rút ra những bài học nào từ văn bản truyện?  - Với em điều gì sâu sắc và đáng nhớ nhất sau khi đọc truyện?  **\* Lập dàn ý:**  **- Mở bài:** Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về tác phẩm.  **- Thân bài:** Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm:  + Phân tích nhan đề và đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề.  + Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện:  \* Nhân vật Lão Hạc( các chi tiết về hoàn cảnh, hành động, việc làm, cử chỉ, lời nói,….) trong mối quan hệ với các nhân vật khác: con trai, ông giáo, “ cậu Vàng”,….  \* Nhân vật ông giáo ( Ông giáo là người thế nào, những chi tiết nào thể hiện điều đó?...)  + Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện: nghệ thuật khắc họa đặc điểm tính cách nhân vật, bút pháp miêu tả( ngoại hình và nội tâm), lựa chọn chi tiết giàu ý nghĩa, lời văn giản dị, tự nhiên,….  **- Kết bài :** Nhận xét khía quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện với cá nhân người viết. |
|  | **c. Bước 3: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:  + Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài  + Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. |
|  | **d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 82**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện có cách thức như thế nào?  ? Làm bài tập sgk trang 29  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện**  **a. Cách thức**  - Hiểu một tác phẩm truyện, không phải chị hiểu nội dung như chủ đề, tình cảm, thái độ của nhà văn,... mà cần nhận biết và hiểu được các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung. Các yếu tố hình thức của truyện thường được chú ý phân tích như nghệ thuật xây dựng nhân vật, cốt truyện, tình tiết, lời văn, ngôi kể...  Ví dụ đoạn văn phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện sau đây: |
| |  |  | | --- | --- | | **Đoạn văn** | **Chức năng của câu văn** | | (1) Để đạt được chiều sâu về tư tưởng nói trên, không thể phủ nhận vai trò quyết định của ngòi bút truyện ngắn Nam Cao.(2) Ngòi bút này khẳng định giá trị trước hết ở việc xây dựng nhân vật. (3)Biệt tài của Nam cao thể hiện rõ nhất trong sự biến chuyển của giọng điệu nhân vật của truyện ngắn này. (4) Khi thì là một nỗi nhớ con luôn thường trực, khi thì là nỗi đau đớn của một người lương thiện bị dằn vật bởi mặc cảm tội lỗi (“thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”), khi thì là nỗi chua chát cho số kiếp tận cùng của nỗi khổ ( “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để làm kiếp người may, ra có sung sướng hơn một chút ...kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !...và cũng có khi sau những lời nói ẩn chứa cả một toan tính ( “Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong”) (5) Trong truyện ngắn, nhà văn để cho nhân vật chính nói không nhiều; thế nhưng, mỗi câu nói của nhân vật đều có sức mạnh thể hiện tâm trạng. (6)Tương tự với những đoạn văn hiếm hoi miêu tả nhân vật trong thiên truyện (nếu có thì rất ngắn, chỉ vài câu), những lời thoại này đã đạt đến độ cô động và tạo được hiệu quả nghệ thuật cao.  ( Theo Phạm Xuân Thạch, Giảng văn Văn học trung học cơ sở NXB giáo dục Việt Nam , 2010) | (1) Thực hiện chức năng chuyển đoạn và liên kết .  (2) Nêu yếu tố hình thức cần phân tích: nghệ thuật xây dựng nhân vật.  (3) Xác định yếu tố hình thức cần phân tích: ngôn ngữ của nhân vật.  (4) Nêu những bằng chứng tiêu biểu, xác thực để làm rõ cho yếu tố.  (5) Nhận xét về tác dụng của yếu tố hình thức vừa tìm hiểu.  (6) Diễn giải thêm tác dụng của tổ và thực hiện chức năng liên kết. | | |
| **Bài tập**  Viết đoạn văn phân tích tác dụng của cách kết thúc truyện Lão Hạc( Nam Cao) | **b. Bài tập**  Viết đoạn văn phân tích tác dụng của cách kết thúc truyện Lão Hạc( Nam Cao) |
| **Tham khảo:**  Kết thúc truyện Lão Hạc gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa tạo cho tác phẩm có sức vang lớn. Lão đã kết liễu cuộc đời mình bằng bả chó, có thể nói đó là một cái chết dữ dội và đau đớn nhất, “*Lão vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi … chốc chốc lại giật nảy lên, lão tru tréo, bọt mép sùi ra”,* bấy nhiêu cụm từ đó đã khiến cho ta ấn tượng cái chết của lão Hạc. Tác giả đã liên tiếp sử dụng các từ láy gợi hình, gợi cảm, nó khiến cho ta hình dung được một lão Hạc sắp chết. Đó là cái chết của người do bị trúng độc bả chó. Bất giác, em có cảm tưởng như không phải cách chết của một con người bình thường mà là cách chết như của một con chó. Có lẽ, cái chết đau đớn mà dữ dội như muốn liên tưởng sâu sắc đến lời thanh minh, chuộc tội với cậu Vàng. Lão không chọn cách chết nào khác mà chết như cách chết của một con chó ăn phải bả, bởi với lão đến tận lúc chết, ám ảnh về cậu Vàng, về việc mình đã trót lừa một con chó vẫn day dứt lương tâm lão. Lão đã chọn một cách giải thoát đáng sợ nhưng lại như một cách để tạ lỗi cùng cậu Vàng chăng? Lão Hạc yêu thương con chó như con trai nhưng lại nỡ lừa bán nó đổ cho thằng Mục giết thịt, thì lão cũng phải tự trừng phạt mình, tự chịu hình phạt như một con chó. Lão Hạc chết trong đau đớn, vật vã ghê gớm về thể xác nhưng chắc chắn lão lại thanh thản về tâm hồn vì đã hoàn thành nốt công việc cuối cùng với đứa con trai vẫn “bặt vô âm tín” với hàng xóm láng giềng về tang ma của mình. Lão chết để giữ phần ấm cho con, để giữ lại hi vọng cho người con duy nhất đang ở nơi xa của mình. Cái chết của lão là biểu hiện cao nhất của tình phụ tử thiêng liêng, của đức hi sinh cao cả. Đó là âm vang của lòng tự trọng, âm vang của tình thương yêu và cả nhân cách cao đẹp. Tiếng vang về cái chết của lão Hạc như một lời tố cao đanh thép về xã hội bất công tàn bạo. | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Suy nghĩ của em về “Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**- HDVN:** Học bài, hoàn thiện bài tập

**- Chuẩn bị bài:** Nói và nghe “Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần 21

TIẾT**: 83,84: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

*a. Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  **Phát triển kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề.**

**+** Xác định các tiêu chí cần biết để trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Nắm vững quy trình thực hành nói và nghe kể lại trình bày ý kiến về một vấn đề.

+ Thực hiện được một bài nói hoàn chỉnh.

**2. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 83**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Vần đề mà em thường quan tâm trong xã hội là vấn đề gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Hôm nay chúng ta cùng đi ôn tập “**NÓI VÀ NGHE TRÌNH ABYF Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI”**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

TIẾT**: 83**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1, Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?  ? Vấn đề xã hội là gì?  *+* Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | Vấn đề xã hội trong cuộc sống | Vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học | | - Ngưỡng mộ và mê muội thần tượng  - Học sinh cấp THCS sử dụng xe gắn máy phân khối lớn đến trường  - Cần biết lựa chọn sách để đọc | Giá trị của tình cha con được gợi ra sau khi học truyện Lão Hạc (Nam Cao)  - Thái độ cần có của người lớn đối với nước mơ của trẻ em được rút ra sau khi đọc văn bản “Trong mắt trẻ”( Ê-xu-pe-ri) - Sau khi đọc đoạn trích ‘Người thầy đầu tiên”( Ai-ma-tốp), em có suy nghĩ gì về quê hương, người thầy và mái trường tuổi thơ? | | ***a. Định nghĩa***  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội là nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói, sử dụng các luận điểm xác đáng và bằng chứng tin cậy, cụ thể nhằm thuyết phục người nghe về một vấn đề xã hội. - - Vấn đề xã hội có thể là một câu hỏi cần trả lời, một điều cần giải quyết, một hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực hay vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực trong cuộc sống.  b. Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung theo bảng sau: |
| ? Khi xác định vấn đề cần trả lời các câu hỏi như thế nào? | **Xác định vấn đề**  **1, Nói cho ai nghe?**  Đối tượng lắng nghe: thầy cô bạn bè một người lạ người thân khác.  **2, Nói để làm gì?**  Mục đích: trình bày ý kiến của bản thân về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm và thuyết phục người nghe về vấn đề đó.  **3, Nói cái gì?**  Nội dung: một vấn đề là một hiện tượng trong đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm.  **4, Nói như thế nào?**  Hình thức: diễn đạt bằng lời nói, thực hành kể lại trước lớp, hoặc trước một người khác. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2, Thực hành**  Bài tập: Chọn một trong hai đề bài sau:  (1) Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến “Cần biết lựa chọn sách để đọc”  (2) Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với nước mơ của trẻ em được rút ra sau khi đọc văn bản “Trong mắt trẻ”( Ê-xu-pe-ri) |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Bước 1:** Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 2)   Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản “Trong mắt trẻ”( Ê-xu-pe-ri)  - Xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có).  **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý  Tìm ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Đoạn trích “Trong mắt trẻ”( Ê-xu-pe-ri)  kể về chuyện gì?  + Nội dung đoạn trích đặt ra vấn đề thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em như thế nào?  + Ước mơ của trẻ em có đặc điểm gì?  + Thái độ của người lớn đối với ước mơ của trẻ em có thể khác nhau như thế nào? Biểu hiện cụ thể ra sao?  + Theo em, cần ủng hộ phê phán những thái độ nào? Vì sao?  + Em sẽ làm gì để phục người lớn có thái độ tích cực với ước mơ của bản thân?  - Lập dàn ý, tổ chức hệ thống các ý theo ba phần:  + Mở đầu: Nêu vấn đề cần trình bày: Người lớn cần hiểu và tôn trọng ước mơ của trẻ em. Đó là vấn đề được đặt ra trong đoạn trích “Trong mắt trẻ” (Ê-xu-pe-ri)  + Nội dung chính: Lần lượt trình bày các nội dung chính đã chuẩn bị trong phần tìm ý.  /Nội dung văn bản “Trong mắt trẻ” và vấn đề ước mơ của trẻ em.  /Đặc điểm ước mơ của trẻ em.  /Biểu hiện cụ thể về sự khác nhau giữa thái độ của người lớn với ước mơ của trẻ em.  /Nguyên nhân cần phê phán hoặc cùng hội đối với từng thái độ nêu trên.  + Kết thúc: Khái quát ý nghĩa của vấn đề  Hành xử phù hợp của trẻ em khi đối diện với thái độ của người lớn ước mơ của bản thân. |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **TIẾT: 84** |  |
| **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **Bước 3:** Thực hành nói và nghe  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.  **Tham khảo:** | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ chưa đạt** | | Mở đầu | Có dẫn dắt và nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận |  | | Nội dung chính | Có nêu và làm rõ ý kiến của em về vấn đề |  | | Kết thúc | Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống. |  | |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).**\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).  **Gợi ý:** |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn.  Tuổi thơ là khoảng thời gian đẹp đẽ nhất của mỗi người. Trong giai đoạn này, trẻ em luôn có những ước mơ, hoài bão lớn lao. Ước mơ là ngọn lửa soi sáng, dẫn dắt trẻ em trên hành trình trưởng thành. Chính vì vậy, thái độ của người lớn đối với ước mơ của trẻ em là vô cùng quan trọng.  2. Nội dung chính  Nhân vật xưng “tôi” trong văn bản “Trong mắt trẻ” ngày nhỏ thích vẽ. Trong một lần nhìn thấy bức tranh con trăn nuốt chửng cả một chú voi khổng lồ, bạn nhỏ ấy đã họa lại theo cách của mình, nhưng có vẻ không được tán dương lắm. Con trăn nó căng bụng bị nhìn nhầm thành chiếc mũ, nên cậu bé cho hở bụng và không quên họa con voi to tướng vào chỗ hở của bụng trăn. Khi ấy, “người lớn” thi nhau bảo cậu hãy bỏ giấc mộng vẽ vời đi. Chẳng ai hiểu cậu vẽ gì cả. Cậu bỏ thật...  Nhưng bức tranh ấy có nghĩa gì nhỉ? Tôi nghĩ mãi và tạm chấp nhận với câu trả lời: con trăn chính là cuộc sống của “người lớn”. Nó nuốt chừng cả đứa trẻ thơ dại còn sót lại trong mỗi chúng ta. Đáng buồn là, chẳng ai thèm đoái hoài hay lo lắng về quá trình khó lòng cưỡng lại ấy. Chúng ta dường như đang quay mặt lại với chính mình ngày xưa: giản đơn, hiền lành và đầy mơ mộng.  Người kể chuyện là một người đàn ông cô đơn. Mỗi lần người khác cười ông vẽ “chiếc mũ” vớ vẩn, ông lại từ chối đứa trẻ sống trong tim mình bằng cách sống giống “người lớn” hơn: trí tuệ, hiểu biết, và sõi đời.  Ông vẫn là một tâm hồn cô độc, quanh quẩn với chính mình, vòng quanh thế giới bao la nhưng mãi đến khi gặp Hoàng tử bé từ hành tinh B612 thì ông mới phần nào nguyên ngoai. Hai tâm hồn cô đơn, gặp nhau và tạo thành một mối dây liên kết vô hình. Của một cư dân Trái Đất với kẻ sống ở nơi chỉ toàn núi lửa và lác đác vài bông hoa. ...  Người lớn đánh giá một vật xấu hay đẹp, đánh giá một người có đáng được lắng nghe hay không, cũng chỉ sòng phẳng qua những phương tiện vật chất. Trong thế giới mà tiền bạc là tất cả, chẳng ai để ý đến bông hoa nhỏ bé có thể bị con cừu ranh mãnh ăn bất cứ lúc nào.  Trong đoạn trích "Trong mắt trẻ" trích từ tác phẩm "Hoàng tử bé" của nhà văn Antoine de Saint-Exupéry, người kể chuyện đã thể hiện thái độ thiếu tôn trọng, thậm chí là mỉa mai, chế giễu đối với ước mơ của trẻ em. Ông cho rằng ước mơ của trẻ em là viển vông, không thực tế. Ông chê cười những ước mơ của Hoàng tử bé, cho rằng chúng là những thứ không đáng để quan tâm. Thái độ đó của người kể chuyện là vô cùng đáng trách. Nó đã khiến cho Hoàng tử bé dần đánh mất đi niềm tin, ước mơ của mình.  Thái độ của người lớn đối với ước mơ của trẻ em có tác động rất lớn đến sự phát triển của trẻ. Nếu người lớn tôn trọng, lắng nghe và giúp đỡ trẻ em thực hiện ước mơ của mình, thì trẻ sẽ có thêm động lực để cố gắng, phấn đấu. Ngược lại, nếu người lớn chê cười, mỉa mai, ngăn cản trẻ em thực hiện ước mơ, thì trẻ sẽ dễ dàng đánh mất đi niềm tin, ước mơ của mình.  Vậy, thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em là gì? Đó là thái độ tôn trọng, lắng nghe và giúp đỡ trẻ em thực hiện ước mơ của mình. Người lớn cần hiểu rằng, ước mơ là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của trẻ em. Ước mơ giúp trẻ em có động lực để học tập, rèn luyện, phát triển bản thân. Ước mơ cũng giúp trẻ em có niềm tin, hy vọng vào cuộc sống.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề  Mỗi lứa tuổi có cách nhìn, cách nghĩ khác nhau; người lớn cần thấu hiểu và cảm thông với những suy nghĩ, hành động và ước mơ của trẻ em. | |

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phiếu học tập số 1 | Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra |
| Phiếu học tập số 2 | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra |

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**- HDVN:** Học bài, hoàn thiện bài tập

**- Chuẩn bị bài:** Soạn bài “Mời trầu”

Tuần:

**BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**Tiết 85,86: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: MỜI TRẦU**

**(Hồ Xuân Hương)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Biết cách đọc hiểu một bài thơ Đường Luật.

- Nhận biết được các đặc điểm của một bài thơ Đường luật: niêm, luật, xác định bố cục, vần và nhịp thơ, đối. Từ đó phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Mời trầu.

- Cảm nhận được niềm yêu thương, sự gắn bó của tác giả với con người và cảnh sắc quê hương, với cuộc đời.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Biết trân trọng, yêu quí và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống. Sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên quanh mình.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 85**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: Kể tên một số phong tục cổ truyền của Việt Nam**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Trong số những phong tục cổ truyền của Việt Nam thì ăn trầu là một phong tục cổ truyền của người Việt, tương truyền nó có từ thời Hùng Vương, nó gắn liền với câu chuyện cổ tích nối tiếng truyện Trầu cau và đó là một trong những phong tục cổ truyền của con người Việt Nam cho nên đây cũng chính là nguồn cảm hứng của rất nhiều những sáng tác trong đó có tác giả Hồ Xuân Hương, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu văn bản Mời trầu của tác giả Hồ Xuân Hương

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  | | --- | --- | | Thơ đường luật là gì? |  | | Thơ thất ngôn bát cú đường luật là gì? |  | | Đặc điểm thơ thất ngôn bát cú đường luật |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | **1. THƠ ĐƯỜNG LUẬT LÀ GÌ?**  a. Khái niệm:  - Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà đường Trung Quốc.  b. Phân loại:  - Thơ Đường luật gồm hai thể chính là Bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất.  - Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hòa thanh (phối hợp điều hòa, thanh điệu) về niêm, đối, vần và nhịp.  - Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn...  \* Thơ tứ tuyệt đường luật: là thể thơ mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có năm chữ (ngũ ngôn tứ tuyệt) hoặc bảy chữ (thất ngôn tứ tuyệt), thi luật của thơ tứ tuyệt về cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.  **\* Bố cục:**  - Bài thơ tứ tuyệt thường triển khai theo hướng **khởi** (mở ý cho bài thơ), **thừa** (tiếp nối phát triển ý thơ), **chuyển** (chuyển hướng ý thơ), **hợp** (thâu tóm ý tứ của toàn bài)  **NIÊM :** Trong bài thơ tứ tuyệt các câu 1-4, 2-3 niêm với nhau, chữ thứ hai của các cặp câu này phải cùng niêm với nhau tức là cùng thanh điệu (cùng bằng hoặc cùng trắc)  **LUẬT :** Bài thơ tứ tuyệt vẫn tuân thủ luật bằng trắc như với thơ thất ngôn bát cú, chữ thứ hai của câu thơ thứ nhất thuộc thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng và ngược lại, nếu thuộc thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Các chữ thứ 2,4,6 phải đan xen thanh điệu với nhau  VẦN & NHỊP:  Bài thơ tứ tuyệt gieo vần ở cuối các câu 1,2,4  Bài thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắt nhịp 4/3  Bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt ngắt nhịp 2/3 |
| **SƠ SƠ ĐỒ BÀI THƠ TỨ TUYỆT THEO LUẬT BẰNG**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | CÂU | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | | 1 | B **B** T **T** T **B** B | Câu 1 & 4 | B | | 2 | T **T** B **B** T **T** B | Câu 2&3 | B | | 3 | T **T** B **B** B **T** T |  | | 4 | B **B** T **T** T **B** B | Câu 1 & 4 | B | | |
|  |  |

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung: |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**    **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm bài thơ.  Khi đọc chú ý ngắt nghỉ đúng nhịp thơ( nhịp 2/2/3, 4/3…  **Chiến lược đọc hiểu:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể thơ |  |   Mời trầu là một trong hơn 50 bài thơ Nôm được truyền tụng của Hồ Xuân Hương. Thơ của bà thường gắn với các lễ hội, các phong tục tập quán, thể hiện khát vọng về hạnh phúc, tình yêu, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ. Nhà thơ đã đưa vào thơ Nôm Đường luật những hình ảnh sống động, tận dụng các phép đối, sử dụng từ ngữ, hình ảnh độc đáo, táo bạo, làm thay đổi kết cấu nghệ thuật của thể thơ Đường luật và phá vỡ nhiều quy định trong thơ ca trung đại.  Hồ Xuân Hương được tôn xưng là “Bà chúa thơ Nôm”. Thơ của bà đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Nưm 2022, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã vinh danh Nữ sĩ Hồ Xuân Hương là Danh nhân văn hóa.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   **Tìm hiểu chú thích** | **a. Tác giả:**  - Quê quán làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.  - Phong cách sáng tác; Nổi bật trong sáng tác thơ của Hồ Xuân Hương là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ.  - Tác phẩm chính: Lưu hương kí( phát hiện năm 1964) gồm 24 bài chữ Hán và 26 bài chữ nôm  **b. Văn bản:**  - Xuất xứ: Thơ Hồ Xuân Hương, NXB Văn học  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 86**  **III. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm thể loại qua bài thơ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Đặc điểm thể loại** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** ? Hãy chỉ ra đặc điểm về bố cục, niêm, luật, bằng trắc vần & nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú đường luật được thể hiện trong bài thơ Mời trầu?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **LUẬT BẰNG TRẮC**  Bài thơ được làm theo luật bằng vì chữ thứ hai của câu đầu **“cau”** mang thanh bằng  Bài thơ tuân thủ đúng quy tắc về luật bằng trắc, các chữ thứ 2-4-6 của mỗi câu đều có sự đan xen bằng- trắc.  NIÊM: Các cặp câu 1-4, 2-3 niêm với nhau vì chữ thứ hai các câu ấy đều cùng một thanh.  **GIEO VẦN:**  - Gieo vần ở chữ cuối các câu 1-2-4: vần “ôi”  **BỐ CỤC:**  - Bố cục: khai, thừa, chuyển, hợp  Câu 1: Hình ảnh qủa cau miếng trầu  Câu 2: Khẳng định bản thân  Câu 3: Câu nói giao duyên  Câu 4: Niềm mong mỏi về hạnh phúc lứa đôi |  |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm nội dung của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Đặc điểm nội dung** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Bài thơ gắn với phong tục gì của người Việt? Nội dung phong tục ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm này?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  Phân tích câu 1( khai)   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biểu hiện** | | Đặc sắc về nghệ thuật |  | | Đặc sắc về nội dung |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**   Bài thơ gắn với phong tục ăn trầu của người Việt.  – Nội dung phong tục ấy đã được Hồ Xuân Hương thể hiện chỉ tiết trong bài thơ qua những đồ vật, thao tác gắn liền với việc thực hành phong tục đó.  + Quả cau: Cau được hái về, bổ dọc ra làm bốn miếng, phơi héo hoặc để tươi. Lá trầu: Trầu được hái về, rửa sạch, thường được cắt dọc làm hai mảnh. Vôi đã được tôi để trong bình.  + Người têm trầu quệt vôi vào lá trầu. Cuộn miếng cau vào lá trầu đã quệt vôi, tết lại thành hình “sâu kèn” hoặc hình “cánh phượng”, cho vào miệng nhai. Trong quá trình nhai trầu (ăn trầu), các thành phần trong miếng trầu hoà quyện vào nhau thành một khối có màu đỏ thắm.  + Khi gặp nhau hoặc tiếp khách, người Việt thường mời nhau ăn trầu, thể hiện tình nghĩa và sự hiếu khách: “Miếng trầu là đầu câu chuyện”.  + Trong hôn nhân: Đồ sắm lễ của nhà trai đem tới nhà gái luôn phải có trầu cau, thể hiện sự gắn bó keo sơn khi thành vợ chồng.  Vì vậy, nếu một người con trai hoặc một người con gái đến tuổi thành niên, khi nhận trầu mời từ người khác, thường ngụ ý đã nhận tình cảm của người đó và mong muốn tiến đến hôn nhân.   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biểu hiện** | | Đặc sắc về nghệ thuật | - Cách sử dụng từ láy “nho nhỏ” cùng với dùng từ ngữ giản dị “trầu hôi” khi khách đến chơi nhà  -> Tác giả chỉ mời khách “quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi”  => Sự khiêm tốn chân thật của người mời trầu | | Đặc sắc về nội dung | - Nhà thơ tài tình trong việc sử dụng ca dao tục ngữ mang đậm nét dân ca. | | **a. Câu khai**  - Cách sử dụng từ láy “nho nhỏ” cùng với dùng từ ngữ giản dị “trầu hôi” khi khách đến chơi nhà  -> Tác giả chỉ mời khách “quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi”  => Sự khiêm tốn chân thật của người mời trầu  - Nhà thơ tài tình trong việc sử dụng ca dao tục ngữ mang đậm nét dân ca. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  Phân tích câu 2( THỪA)   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biểu hiện** | | Đặc sắc về nghệ thuật |  | | Đặc sắc về nội dung |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biểu hiện** | | Đặc sắc về nghệ thuật | - Cách sử dụng từ “này” khẳng định sự việc cụ thể và động từ”quệt”  -> Tăng ý thân mật đối với khách, không câu nệ, khách sáo  -> Tấm lòng chân thành, cởi mở và sẵn sàng đón nhận tình yêu. | | Đặc sắc về nội dung | - Nhà thơ tự xưng tên khẳng định cái tôi cá thể cần được tôn trọng  -> Một hiện tượng hiếm thấy, chứng tỏ bản lĩnh táo bạo và tính cách ngang tàng | | **b. Câu thừa**  - Cách sử dụng từ “này” khẳng định sự việc cụ thể và động từ”quệt”  -> Tăng ý thân mật đối với khách, không câu nệ, khách sáo  -> Tấm lòng chân thành, cởi mở và sẵn sàng đón nhận tình yêu.  - Nhà thơ tự xưng tên khẳng định cái tôi cá thể cần được tôn trọng  -> Một hiện tượng hiếm thấy, chứng tỏ bản lĩnh táo bạo và tính cách ngang tàng |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:**  Phân tích câu 3( CHUYỂN)   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biểu hiện** | | Đặc sắc về nghệ thuật |  | | Đặc sắc về nội dung |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **c. Câu chuyển + Câu hợp:**  - Hai câu thơ sử dụng chất liệu dân gian độc đáo, thành ngữ “xanh như lá, bạc như vôi” và chữ dân gian “phải duyên”  - Lời nhắn gửi sâu sắc, kín đáo: Nếu đã “phải lòng” nhau thì hãy keo sơn gắn bó đừng phụ nhau  - >Nỗi khát khao hạnh phúc  -> Lời cảnh giác với thói bạc tình, bạc nghĩa |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu đề tài và chủ đề của văn bản?    Nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Hồ Xuân Hương:  a. Ở bài *Mời trầu* có những từ ngữ liên quan đến ca dao, tục ngữ, thành ngữ. Hãy phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung bài thơ  b. Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương. Những từ ngữ đó đã thể hiện thái độ và tình cảm gì của tác giả?  a. Ở bài Mời trầu có những từ ngữ liên quan đến ca dao, tục ngữ, thành ngữ. Các yếu tố ngôn ngữ này đều có tác dụng trong việc thể hiện nội dung bài thơ.  – Các cụm từ “quả cau nho nhỏ”, “miếng trầu” gợi nhớ đến các câu ca dao về tình yêu, hôn nhân như:  *+ Quả cau nho nhỏ*  *Cái vỏ vân vân*  *Nay anh học gần*  *Mai anh học xa...*  *+ Thưa rằng tôi đi hải dân*  *Hai anh mở tủi đưa trầu cho ăn.*  *+ Từ ngày ăn phải miếng trầu*  *Miệng ăn, môi đỏ, dạ sầu đăm chiêu.*  *+ Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*  – Hai câu đầu còn gợi nhớ đến câu tục ngữ “Miếng trầu là đầu câu chuyện”.  – Hai câu cuối bài thơ gợi nhớ đến các thành ngữ: “xanh vỏ, đỏ lòng”, “xanh như lá, bạc như vôi”,...  + Hồ Xuân Hương không sử dụng toàn bộ một câu ca dao hay nguyên vẹn một câu tục ngữ, thành ngữ mà chủ yếu sử dụng thành phần của chúng, gợi nhớ đến các câu trọn vẹn. Các thành phần của ca dao, tục ngữ, thành ngữ được Hồ Xuân Hương sử dụng trong bài có tác dụng rất lớn trong việc biểu đạt nội dung của bài thơ, nói được những điều sâu kín trong tình cảm mà nếu sử dụng từ ngữ thông thường thì khó có thể nói hết hoặc nói sâu sắc được như vậy.  + Các từ gợi nhớ hoặc thành phần của một câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, ngoài việc biểu đạt nghĩa gốc của chúng còn được Hồ Xuân Hương ghép thêm từ, thành phần mới để tạo lập nghĩa mới phù hợp với nội dung biểu đạt mang phong cách riêng của bà.  b. Những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương:  “Trầu hội”: thể hiện sự khiêm nhường (kết hợp với “quả cau nho nhỏ”).  – “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”: sự khẳng định cái “tôi” cá nhân của một phụ nữ. Điều này ở thời trung đại chỉ có mình Hồ Xuân Hương dám thể hiện. Động từ “quệt” cũng cho thấy cá tính mạnh mẽ của nữ sĩ.  Những từ ngữ mang dấu ấn cá nhân đó đã thể hiện rõ nét thái độ và tình cảm thắm thiết của tác giả trước tình yêu và hôn nhân. Đây là sự độc đáo, cá tính trong thơ bà, không thể lẫn với người khác. | **IV. TỔNG KẾT**  - Chủ đề: Bài thể hiện ước mơ về cuộc sống hạnh phúc, tình yêu chính đáng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  **Nghệ thuật:** chất liệu dân gian đậm nét, tài tình: ca dao, tục ngữ, thành ngữ, chữ dân gian |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bài Mời trầu thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hãy làm sáng tỏ điều đó  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập:** Bài Mời trầu thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hãy làm sáng tỏ điều đó.  Bài Mời trầu thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc:  – Đầu tiên là những cảm xúc chân thật, khiêm nhường: “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi”.  – Nhưng cũng rất cá tính, rõ ràng: “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”. Câu thơ vừa khẳng định, tự tin vừa có chút nhí nhảnh xen lẫn trào lộng. Mời trầu không phải là một bài thơ trào phúng nhưng có ý vị trào phúng với sắc thái chua cay (người con gái đã thể hiện khát vọng, gửi gắm tình yêu qua miếng trầu mời nhưng rất có thể sẽ chỉ nhận được tình cảm lạnh lùng, hờ hững của chàng trai).  – Vừa hi vọng, nghiêm túc: “Có phải duyên nhau thì thắm lại”, nhưng lập tức lại thâm trầm và phảng phất nỗi buồn sâu xa, xen lẫn sự trách móc, ngờ vực: “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Chỉ qua bốn câu thơ mà Hồ Xuân Hương đã thể hiện nhiều cung bậc sinh động của tình cảm con người, bộc lộ thế giới nội tâm của một thiếu nữ đang khao khát một tình yêu chân thành, sâu sắc. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**   **Hồ Xuân Hương viết về việc mời trầu nhưng là để nói chuyện tình cảm. Nêu lên điều tác giả muốn nói qua bài thơ này bằng một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng)**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

**THAM KHẢO ĐOẠN VĂN:**

Bài thơ Mời trầu của Hồ Xuân Hương ngắn gọn nhưng lại chứa đựng biết bao nhiêu là tâm tình của người phụ nữ. Bài thơ nói lên được ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa mặc cho những hủ tục, những định kiến u ám của thời đại. Chỉ với bốn câu thơ nhưng cũng đủ bộc lộ những tâm tư của bà về tình duyên và cuộc đời. Bài thơ nói lên được ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa mặc cho những hủ tục, những định kiến u ám của thời đại. Qua đó là một tiếng nói trân trọng người phụ nữ, trân trọng những giá trị và ước mơ của họ trước cuộc đời.

hỉ ra sự giống nhau và khác nhau về thể thơ, đề tài, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài thơ Mời trầu của Hồ Xuân Hương với bài ca dao sau:

Miếng trầu ăn kết làm đôi

Lá trầu là vợ, cau tươi là chồng

Trầu xanh, cau trắng cay nồng

Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên

**Trả lời:**

Đây là một bài ca dao hay và có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Là một tác phẩm dân gian, không có tác giả cụ thể, đáp ứng đời sống tâm hồn của nhiều người nên giữa bài ca dao và bài thơ của Hồ Xuân Hương có những điểm giống và khác biệt như sau:

– Giống nhau: Đều qua tục ăn trầu với những thao tác như tâm trầu, ăn trầu để nói về chuyện tình cảm.

– Khác nhau:

+ Bài ca dao được lưu truyền trong dân gian bằng thơ lục bát, một thể thơ phổ biến của ca dao, dân ca. Bài thơ của Hồ Xuân Hương được viết bằng chữ Nôm, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

+ Tuy cùng nói về chuyện tình cảm nhưng bài thơ của Hồ Xuân Hương nói về tình yêu nam nữ để tiến đến hôn nhân, còn bài ca dao nói về chuyện hôn nhân vợ chồng. Cũng nói về duyên nhưng bài ca dao nói đến duyên vợ chồng gắn bó, keo sơn; còn duyên trong bài thơ của Hồ Xuân Hương là quan hệ giữa chàng trai và cô gái nên nó cũng có thể trở nên vô duyên nếu đối phương trong tình yêu là kẻ “xanh như lá, bạc như vôi”.

+ Khác với một bài thơ dân gian, thơ của Hồ Xuân Hương mang cả tính mạnh mẽ với những từ ngữ có nét riêng rõ rệt và ít nhiều có ý vị trào phúng như “này của Xuân Hương”, dùng từ “quệt” thay cho từ “pha” hiền lành trong bài ca dao. Từ ngữ trong bài ca dao, về cơ bản, là những từ ngữ không thể hiện nét riêng cá tính. Như vậy, bài thơ của Hồ Xuân Hương mang tính cá biệt, riêng của bà, không thể lẫn với của người khác.

**Chuẩn bị bài sau:** Vịnh khoa thi hương

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**TIẾT 87,88: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: VỊNH KHOA THI HƯƠNG**

(Trần Tế Xương)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một bài thơ trào phúng

- Nhận biết được một số yếu tố của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- Liên hệ được nội dung văn bản với những vấn đề xã hội.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức nhận biết và phê phán cái xấu, cái tiêu cực tồn tại xung quanh chúng ta. Luôn hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 87**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát các hình ảnh dưới đây và ghi nhanh lại những thông tin em biết về các kì thi thời kì phong kiến.

|  |
| --- |
| - Mục đích tổ chức kì thi là ..........................  - Đối tượng tham gia kì thi là .......................................  - Cách tổ chức kì thi là ............................................... |

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

|  |
| --- |
| - Mục đích tổ chức kì thi là tuyển chọn nhân tài ra làm quan để giúp dân, giúp nước.  - Đối tượng tham gia kì thi là các nhà nho đương thời  - Cách tổ chức kì thi là : ba năm triều đình sẽ tổ chức thi một lần. Mỗi kì thi chia thành 3 vòng: thi hương, thii hội, thi đình. Người đỗ đầu kì thi đình là Trạng Nguyên. |

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Các em vừa được xem các hình ảnh rất là quí và hiếm của triều đình nước ta thời xưa, và những hình ảnh đó là kiến thức nền liên quan đến bài thơ sau đây chúng ta sẽ học “***VỊNH KHOA THI HƯƠNG*”** đây là một bài thơ trào phúng rất đặc sắc của Trần Tế Xương

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. TÌM HIỀU TRI THỨC ĐỌC HIỂU** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  | | --- | --- | | **Thơ trào phúng** | | | **Về nội dung** |  | | **Về nghệ thuật** |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1. Thơ trào phúng**  **- Về nội dung:** thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con ngườitới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp  **- Về nghệ thuật:** thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,...tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng, lúc đả kích mạnh mẽ sâu cay.  **2. Ba đặc điểm để nhận diện văn bản thơ trào phúng:**  + Văn bản phải được trình bày bằng hình thức thơ.  + Đối tượng văn bản nhằm tới là những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa.  + Tác giả dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích để thể hiện xúc cảm thái độ đối với đối tượng. |

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung: |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  - Chú ý cách ngắt nhịp, ngữ điệu, tốc độ, âm lượng đọc cho phù hợp. Chú ý giọng thơ có ý châm biếm, chế giễu, mỉa mai.  - Đọc kĩ các chú thích ở chân trang để hiểu được nội dung bài thơ.  **Chiến lược đọc hiểu: Hình dung-> Theo dõi**  Nêu một vài hiểu biết và tác giảTrần Tế Xương?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích: lọ , quan sứ, mụ đầm** | - Nhà thơ Trần Tế Xương (1870-1907)  - Là người có tài nhưng lận đận trên con đường thi cử.  - Thơ Trần Tế Xương vừa đậm chất trữ tình lại có chất trào phúng. Các bài thơ vừa phản ánh bức tranh hiện thực xã hội nước ta đương thời và thể hiện tấm lòng của nhà thơ đối với đất nước. |
| **III. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm hình thức văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Đặc điểm hình thức của bài thơ** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  Bài thơ được viết theo thể thơ gì? Hãy chỉ ra đặc điểm về bố cục, niêm, luật, bằng trắc vần và nhịp của thể thơ đó được thể hiện trong bài thơ?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | . Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường Luật  Bài thơ làm theo luật trắc vì chữ thứ hai của câu đầu “nước” mang thanh trắc.  Bài thơ tuân thủ đung quy tắc về luật bằng trắc, các chữ thứ 2-4-6 của mỗi câu đều có sự đan xen bằng- trắc.  NIÊM:  Các cặp câu 1-8, câu 2-3, câu 4-5, câu 6-7, “dính” với nhau vì chữ thứ hai các câu ấy đều cùng một thanh.  GIEO VẦN  Gieo vần “a” ở các chữ cuối câu 1,2,4,6,8  ĐỐI  Các cặp câu cặp thực và câu luận có đối với nhau.  BỐ CỤC BÀI THƠ  Hai câu đề: giới thiệu khái quát về kì thi Hương năm 1897  Hai câu thực: hình ảnh các sĩ tử, quan lại trong lễ xướng danh  Hai câu luận: sự hiện diện của quan sứ, mụ đầm trong buổi lễ  Hai câu kết: lời nhắc nhớ về “cảnh nước nhà” để thức tỉnh, kêu gọi mọi người ra sức vì đất nước. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm nội dung văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Đặc điểm nội dung** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  Hai câu đề cho biết điều gì về chế dộ thi cử ở nước ta cuối thế kỉ XIX?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  Câu thơ đầu cung cấp thông tin về kì thi:  Phạm vi tính chất: “Nhà nước ba năm mở một khoa”- kì thi do nhà nước tổ chức với quy mô toàn quốc  => Câu thơ vừa thể hiện tính chất quan trọng, trang trọng của kì thi, vừa thể hiện sự quan tâm của nhà nước với việc giáo dục, tuyển chọn nhân tài để giúp dân giúp nước.    Thời gian: “ba năm…một khoa”- số từ “ba-một”  => Cho thấy khoảng cách thời gian giữa các kì thi, vừa cho thấy sự mong ngóng, đợi trông của bao nhiêu sĩ tử, nhân dân chờ đến ngày khai khoa để thể hiện tài năng.  Câu thứ hai thể hiện thực cảnh của kì thi:  Trường Nam, trường Hà vốn là kì thi riêng biệt nay lại “thi lẫn”( chứ không phải thi cùng) với nhau  => Gợi khung cảnh đông lúc, lộn xộn, nhốn nháo. Hoàn toàn đối lập với tính chất quan trọng, quan trọng và nghiêm túc cần có của một kì thi tuyển chọn nhân tài cho đất nước.  NHẬN XÉT HAI CÂU ĐỀ  - Hai câu đề không chỉ giới thiệu thông tin về kì thi mà còn hé lộ về sự suy tàn của nền giáo dục Nho học, kéo theo đó là chế độ thi cử gắn liền với nền học vấn ấy.  - Rộng hơn nó là dấu hiệu cho thấy sự bất ổn của đất nước trong bối cảnh thực dân Pháp xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn bạc nhược, bất lực, đầu hàng.  . | **a. Hai câu đề:**  - Hai câu đề không chỉ giới thiệu thông tin về kì thi mà còn hé lộ về sự suy tàn của nền giáo dục Nho học, kéo theo đó là chế độ thi cử gắn liền với nền học vấn ấy.  - Rộng hơn nó là dấu hiệu cho thấy sự bất ổn của đất nước trong bối cảnh thực dân Pháp xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn bạc nhược, bất lực, đầu hàng. |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  Trong hai câu thực, các biện pháp tu từ nào đã được sử dụng? Nêu rõ tác dụng của biện pháp tu từ đó trong việc tái hiện hình ảnh các sĩ tử và quan viên người Việt?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  Câu thơ khắc hoạ những bức chân dung quen thuộc của chốn trường thi, rộng hơn là chân dung của tầng lớp trí thức nho sĩ đương thời:  + Sĩ tử: là người đi thi, là nhũng kẻ đã dùi mài kinh sử, đọc sách thánh hiền, theo nghiệp nho gia để mong đua chen trên đường khoa cử đoạt lấy khoa doanh mà tiến thân.  + Quan trường: là những viên quan, những người cũng đã thành đạt trên con đường khoa cử, nay có quyền chức, danh vị.  Biện pháp tu từ và thủ pháp đối:  Biện pháp đảo ngữ với các từ láy tượng hình, tượng thanh( lôi thôi, ậm oẹ) đảo lên đầu câu.  Kết hợp với thủ pháp đối lậl lôi thôi- ậm ọe, sĩ tử- quan trường, vai đeo lọ- miệng thét loa.  Biện pháp tu từ và thủ pháp đối đã dựng lên bức chân dung trào phúng  Kẻ sĩ tử vai đeo lọ đựng giấy vở bút nghiên không gợi lên thư thái đoàng hoàng, nho nhã của các thư sinh mà ngược lại, chỉ thể hiện vẻ lôi thôi, lếch thếch, thảm hại đáng thương, đáng cười chê.  => Đó cũng là tình cảnh thảm hại của lớp nho sĩ cuối mùa với những tư tưởng lạc hậu, không còn phù hợp với thời đại mới.  Biện pháp tu từ và thủ pháp đối đã dựng lên bức chân dung trào phúng  + Quan trường đầy quyền uy, “miệng thét loa”. Tiếng thét ấy để thị uy hay để át đi cái nhốn nháo hỗn loạn chốn trường thi? Điều ta có thể chắc chắn là tiếng thét ấy không mang lại tác dụng như ý muốn của viên quan. Nó vang ra xa và truyền đi chỉ còn là tiếng “ậm oẹ”, “ngắc ngứ”, câu được câu mất, trầm đục không rõ ràng, lưu loát.  Biện pháp tu từ và thủ pháp đối đã dựng lên bức chân dung trào phúng  - Đó là ấn tượng nổi bật về tầng lớp quan lại “ăn không nên đọi nói chẳng nên lời”, cậy quyền thế mà thét quát nhân dân nhưng thực ra chỉ là phường giá áo túi cơm, hoàn toàn vô dụng.  Nhận xét hai câu thực:  - Hai câu thực tái hiện bức tranh bi hài về thực cảnh khoa cử nước nhà, với những nhân vật được xem là trụ cột cho nền học vấn, cho sự hưng vong của đất nước nhưng lại hiện lên vô cùng thảm hại, nhếch nhác, vừa đáng thương, xót xa lại vừa đáng chê cười. | **b. Hai câu thực:**  - Hai câu thực tái hiện bức tranh bi hài về thực cảnh khoa cử nước nhà, với những nhân vật được xem là trụ cột cho nền học vấn, cho sự hưng vong của đất nước nhưng lại hiện lên vô cùng thảm hại, nhếch nhác, vừa đáng thương, xót xa lại vừa đáng chê cười. |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **TIẾT 88**  - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 5**  Ở hai câu luận, tác giả đã sử dụng những hình ảnh “ngoại lai” nào để đặc tả tiếng cười trào phúng?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  Hai câu thơ luận nhắc đến sự xuất hiện của các nhân vật “ngoại lai”, những kẻ “ngoại xâm” nhưng được đón tiếp long trọng với tất cả lễ nghi: quan sứ, mụ đầm  Ấn tượng đầu tiên về các nhân vật ấy là màn xuất hiện đầy khoa trương, thị uy, phô phang đến kệch cỡm: “cờ kép rợp trời”, “váy lê quét đất”  Thủ pháp đối được sử dụng gợi nhiều liên tưởng thú vị:  - Cờ là biểu tượng của quốc gia( nước Pháp) lại đem đối sánh với váy là thứ trang phục của phụ nữ( tư tưởng Nho giáo vẫn còn trọng nam khinh nữ)  - “Quan sứ” là danh xưng khả kính, trang trọng với vị quan cao lại đem đối ứng với “mụ đầm” là cách xưng hô có phần giễu cợt, khinh thị.  => Hai câu thơ mang đậm tiếng cười đả kích và châm biếm sâu cay.  => Hai câu thơ mang đậm tiếng cười đả kích và châm biếm sâu cay.  Nhận xét 2 câu luận:  - Hai câu thơ tái hiện cảnh tượng xuất hiện những “ông Tây, bà Đầm” trong buổi lễ xướng danh, những kẻ ngoại xâm mà được đón rước như quốc khách. Buổi lễ xướng danh thay vì ý nghĩa tôn vinh nhân tài nước Việt thì bị biến thành dịp thị uy, phô phang cho sức mạnh và quyền uy của bọn thực dân Pháp.  - Đặt trong sự đối lập giữa hai câu thực và hai câu luận, càng thấy rõ sự thảm hại của tầng lớp nho sĩ và bọn quan trường nước ta, không những bất tài, vô dụng mà còn cam tâm tung hô kẻ ngoại xâm, bán mình để cầu danh lợi.  - Tác giả vừa thể hiện sự mỉa mai, giễu cợt với kẻ ngoại xâm đồng thời cũng có cả sự xót xa, tủi thẹn cho quốc thể, cho thân phận nô lệ của những người dân mất tự do trong một đất nước mất độc lập, chủ quyền.  . | **c. Hai câu luận**  - Hai câu thơ tái hiện cảnh tượng xuất hiện những “ông Tây, bà Đầm” trong buổi lễ xướng danh, những kẻ ngoại xâm mà được đón rước như quốc khách. Buổi lễ xướng danh thay vì ý nghĩa tôn vinh nhân tài nước Việt thì bị biến thành dịp thị uy, phô phang cho sức mạnh và quyền uy của bọn thực dân Pháp.  - Đặt trong sự đối lập giữa hai câu thực và hai câu luận, càng thấy rõ sự thảm hại của tầng lớp nho sĩ và bọn |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 6**  Nhắc đến “nhân tài đất Bắc” trong hai câu cuối, tác giả muốn ám chỉ đối tượng nào?Nhận xét thái độ của tác giả qua lời nhắn nhủ ấy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Hai câu thơ như lời nhắn gửi đến “ nhân tài đất Bắc”. Đối tượng mà nhà thơ nói đến ( nhân tài đất Bắc) có thể hiểu theo nhiều nghĩa:  + Đó có thể là những sĩ tử may mắn được xướng danh trong buổi lễ kia, được tiến thân trên quan lộ hay là những người trong chốn quan trường đang làm việc phụng sự nước nhà. Tác giả gọi họ là “nhân tài” với đầy mỉa mai, chế giễu bởi họ không chỉ bất tài, vô dụng mà còn thiếu cả chút liêm sỉ, sẵn sàng bán mình để có được danh lợi từ quan Tây.  + Cũng có thể hiểu “nhân tài” ở đây là chỉ những người có tài( thực tài), có tâm hướng về dân về nước.  => Dù hiểu theo nghĩa nào, hướng về đối tượng nào, câu thơ đều là lời nhắc nhở, một hồi chuông cảnh tỉnh để mỗi người Việt Nam, nhất là những người có tài, có tâm hãy biết “nghoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà”. Tình cảnh nước nhà vô cùng thê thảm, tủi nhục. Muốn cứu nước, cứu dân, trước hết phải có đủ dũng khí để nhìn thẳng vào sự thực, nhận ra thực cảnh của đất nước chứ đừng cúi mặt cam chịu hay ngoảnh mặt làm ngơ.  => Nhận xét tình cảm của tác giả:  Đằng sau những lời thơ trào phúng, châm biếm sâu cay là những tiếng lòng chân thành tha thiết nhà thơ dành cho đất nước đằng sau tiếng cười mỉa mai, giễu cợt là cả những giọt nước mắt tủi thẹn, đắng cay cho tình cảnh của bản thân, của đất nước và nhân dân. Thơ Trần Tế Xương vừa có sự kết hợp giữa trào phúng và trữ tình là vì thế.  . | **d. Hai câu kết:**    Đằng sau những lời thơ trào phúng, châm biếm sâu cay là những tiếng lòng chân thành tha thiết nhà thơ dành cho đất nước đằng sau tiếng cười mỉa mai, giễu cợt là cả những giọt nước mắt tủi thẹn, đắng cay cho tình cảnh của bản thân, của đất nước và nhân dân. Thơ Trần Tế Xương vừa có sự kết hợp giữa trào phúng và trữ tình là vì thế. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? | **IV. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **1.** Nội dung:  - Qua việc tái hiện sống động cảnh tượng lễ xướng danh khoa thi năm Đinh Dậu, Trầ Tế Xương đã gợi lên tình cảnh thê thảm của thực trạng khoa cử nước ta, rộng hơn, là tình cảnh của đất nước khi bị thực dân Pháp đô hộ. Từ đó, nhà thơ vừa thẻ hiện sự mỉa mai, chế giễu sâu cay nền khoa cử lạc hậu, những kẻ mang danh trí thức, nho sĩ mà nhếch nhác, bất tài, vô dụng đồng thời muốn thức tỉnh mọi người về thực cảnh đất nước, khơi dậy trong mỗi người tình yêu và sự quan hoài với vận mệnh đất nước.  **2. Nghệ thuật:**  - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường Luật được sử dụng một cách nhuần nhuyễn, điêu luyện cùng với việc sử dụng từ ngữ chính xác, tinh tế và các thủ pháp trào phúng( đảo ngữ, đối…) đã tạo ra tiếng cười vừa cham biếm, chế giễu những người, những việc tiêu cực đồng thời vẫn hướng đến những cách ứng xử nhân văn, cao đẹp, đứng đắn. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một bài thơ trào phúng?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập:**    Cách đọc hiểu một bài thơ trào phúng?  **Bước 1:** Xác định thể thơ và đặc điểm hình thức của thể thơ  **Bước 2:** Xác định đối tượng trào phúng và đặc điểm của đối tượng trào phúng.  **Bước 3:** Xác định nét đặc sắc trong nghệ thuật trào phúng( ẩn dụ, nói quá, tương phản- đối lập....)  **Bước 4:** Xác định thái độ, cảm xúc của nhà thơ với đối tượng trào phúng.  **Bước 5:** Liên hệ được nội dung của văn bản thơ trào phúng với những vấn đề trong xã hội hiện nay. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ “ Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu”

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

- Kiểu bài: nghị luận

- Chủ đề đoạn văn: một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ “ Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu”

- Kiểu hình thức đoạn văn: diễn dịch, quy nạp hoặc phối hợp.

- Dung lượng : 7- 9 câu

- Lựa chọn một trong những chi tiết trào phúng trong bài thơ để phân tích:

+ Hai câu thực: hình ảnh lôi thôi, nhếch nhác của các sĩ tử và cách nói năng tỏ vẻ ra oai của đám quan trường.

+ Hai câu thực: sự xuất hiện của hình ảnh ngoại lai “quan sứ” “bà đầm” mang đạm tiếng cười đả kích, châm biếm sâu cay.

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Thực hành Tiếng Việt

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần :

**TIẾT 89,90: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ, TỪ TƯỢNG HÌNH, TƯỢNG THANH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-** Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 89**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nói gì trong tình huống

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Cho cặp câu dưới đây, hãy chỉ ra sự khác nhau ở mỗi cặp câu và cho biết em ấn tượng với câu nào trong cặp câu đó.

a)

(1) Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(2) Cành lê điểm một vài bông hoa trắng.

b)

(1) Rộ lên tiếng quạ kêu quang quác ở bên trong rừng già.

(2) tiếng quạ kêu rộ lên quang quác ở bên trong rừng già.

c)

(1) Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận.

(2) Thoắt cái, một cơn mưa tuyết trắng long lanh trên những cành đào, lê, mận.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

Câu a) cách 1 Tạo nhiều ấn tượng bởi nó gợi về sắc trắng đang được điểm tô trên cành lê xanh báo hiệu một sức sống mùa xuân và nó tạo nên cái vẻ đẹp trong, thanh khiết, trong sáng của mùa xuân.

**Câu b)** cách 1 cấu tạo ngữ pháp không giống các câu bình thường, nó nhấn mạnh được cái sự xuất hiện rất bất ngờ của âm thanh, nó xuất hiện một cách bất ngờ trong không gian yên vắng của rừng già, nó nhấn mạnh âm thanh của tiếng quạ kêu hơn.

**Câu c)** cách 1 vì nếu muốn nhấn mạnh đến sắc trắng, nếu muốn nhấn mạnh đến ánh sáng tỏa long lanh của những cơn mưa, của những hạt mưa, của những bông tuyết thì rõ ràng cấu trức của câu 1 nó hay hơn, nó sống động hơn và cách diễn đạt này để lại nhiều ấn tượng cho người nghe hơn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học :** Như vậy, chúng ta nhìn thấy từ trong những các cặp câu trên, mình đều thấy có những cách diễn đạt rất là quen thuộc, nhưng bên cạnh đó, khi chúng ta chỉ cần thay đổi vị trí của một từ hoặc một cụm từ nào đó thôi, lập tức ta sẽ có được một câu mới, một cách diễn đạt mới, mà ấn tượng hơn, thú vị hơn, nó nhấn mạnh được cái thông điệp mà chúng ta gửi gắm hơn. Cách thức thay đổi vị trí các từ, cụm trong một câu để tạo ra một dấu ấn, có tác dụng như thế thì người ta gọi là gì, chúng ta cùng đi tìm hiểu về hiện tượng này.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nhắc lại kiến thức về **BIỆN PHÁP ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ, TỪ TƯỢNG HÌNH, TƯỢNG THANH**  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **I. NHẮC NHỚ KIẾN THỨC VỀ BIỆN PHÁP ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ, TỪ TƯỢNG HÌNH, TƯỢNG THANH** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1: Đọc câu thơ sau và nhận xét cấu tạo của các câu, các cụm từ được in đậm. Cho biết tác dụng của kiểu cấu tạo câu đó?  Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu  Bập bùng hoa chuối trắng màu hoa ban  (Hành trình của bầy ong- Nguyễn Đức Mậu)  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   **Dự kiến sp:**  - Cấu trúc của cũng danh từ thông thường phải là “rừng sâu thăm thẳm”, nhưng ở câu thơ trên trật tự này đã có sự thay đổi: tính từ “thăm thẳm” được đảo lên đứng trước danh từ trung tâm chỉ sự vật “rừng sâu”.  - Cấu trúc cụm chủ ngữ- vị ngữ thông thường sẽ là “hoa chuối bập bùng”, “hoa ban màu trắng”, ở câu thơ trên cũng có sự thay đổi trật tự các thành phần: các vị ngữ (bập bùng, trắng) được đảo lên đứng trước các chủ ngữ (hoa chuối, màu hoa ban)  **Tác dụng:**  **+** Nhấn mạnh không gian hoang vu, nguyên sơ của rừng già, cùng với đó là sắc màu đỏ tươi của những bông hoa chuối rừng, màu trắng tinh khôi của hoa ban nổi bật giữa màu xanh ngắt của khu rừng.  + Thể hiện sự khâm phục của tác giả trước cuộc hành trình đầy gian khổ mà đẹp đẽ của bầy ong để làm mật cho đời. | **1. Đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ** |
| Vậy biện pháp tu từ đảo ngữ là gì? có tác dụng gì? | **a. Khái niệm:** Biện pháp tu từ đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách **thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng**, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc **bộc lộ cảm xúc** của người viết (người nói).  **b. Đặc điểm:**  + Đảo trật tự các thành tố trong cụm từ( thành phần phụ sau đứng trước thành phần trung tâm)  + Đảo trật tự các thành phần trong câu (vị ngữ đứng trước chủ ngữ)  **c. Tác dụng:**  **+** Nhấn mạnh đặc điểm, trạng thái, hành động của đối tượng.  + Bộc lộ cảm xúc của tác giả |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc tri thức trong sgk.  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1: Giải nghĩa và cho biết tác dụng của các từ in đậm trong câu thơ sau:  a) Trong làn nắng ửng khói mơ tan  Đôi mái nhà tranh **lấm tấm** vàng  ( Mùa xuân chín- Hàn Mặc Tử)  b) **Lom khom** dưới núi tiều vài chú  Lác đác bên sông chợ mấy nhà  ( Qua Đèo Ngang- Bà Huyện Thanh Quan)  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sp:  **a)Giải nghĩa:** từ “lấm tấm” có nhiều hạt, nhiều điểm nhỏ trên bề mặt.  **Tác dụng:** trong câu thơ trên, từ “lấm tấm” gợi hình ảnh những đốm nắng trải qua vòm cây, in trên những mái nhà tranh, từ đó toát lên vẻ bình yên của buổi sáng mùa xuân nơi làng quê.  **b) Giải nghĩa:** từ “lom khom” - t**ư thế còng lưng xuống để làm việc gì. Tác dụng:** Trong đoạn thơ trên, từ “lom khom” gợi tả hình dáng của những tiều phu đang đốn củi và gánh củi về nhà. Từ “lom khom” gợi lên hình ảnh con người vất vả, bé nhỏ giữa không gian Đèo Ngang bao la, từ đó cũng thể hiện sự cảm thương và nỗi cô đơn của nhà thơ khi đứng trước cảnh và người nơi đây.  **Bức 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Đặc ddiểm và tác dụng của từ tượng hình** |
| ?Những từ trên là từ tượng hình? Vậy từ tượng hình là gì? có tác dụng gì? | **a. Khái niệm:** từ tượng hình là các từ gợi tả dáng vẻ, hình ảnh, trạng thái của sự vật.  **b.Tác dụng: từ** tượng hình có giá trị gợi hình, có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên sống động, cụ thể hơn. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2: Giải nghĩa và cho biết tác dụng của các từ in đậm trong những câu thơ sau: a) Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  Những phố dài **xao xác** hơi may  (Đất nước- Nguyễn Đình Thi).  b) Chiều, chiều rồi. Một chiều **êm ả** như ru, **văng vẳng** tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. (Hai đứa trẻ- Thạch Lam)  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  a) Giải nghĩa từ “xao xác”- những tiếng động nối tiếp nhau làm xao động không gian vắng lặng. **Tác dụng:** trong đoạn thơ trên, từ “xao xác” gợi những âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá rơi, gió thổi trong không gian im vắng, tĩnh lặng của phố phường Hà Nội trong những ngày đầu thu. Từ đó, gợi lên một nỗi buồn thoảng nhẹ, mơ hồ và cả nỗi nhớ, tình yêu với phố phường Hà Nội.  b) Giải nghĩa:  **êm ả:** yên tĩnh, không có sự xao động, gây cảm giác dễ chịu  **văng vẳng:** tiếng từ xa vọng lại, nghe không thật rõ.  **Tác dụng:** gợi không khí yên tĩnh của buổi chiều quê cùng những âm thanh quen thuộc. Qua đó góp phần khắc họa bức tranh buổi chiều quê tràn ngập cảm giác nhẹ nhàng, bình yên.  **Bức 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Đặc ddiểm và tác dụng của từ tượng thanh:** |
| ?Những từ trên là từ tượng thanh? Vậy từ tường thanh là gì? có tác dụng gì? | a. Khái niệm:  - Từ tượng thanh là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người.  b.Tác dụng:  - Từ tượng thanh có giá trị gợi thanh và có tính biểu cảm, làm đối tượng cần miêu tả trở nên sống động, cụ thể hơn. |

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 90**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó.   1. *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*   *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  (Bà Huyện Thanh Quan)  b. *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*  *Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  (Trần Tế Xương)  c.*Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;*  *Củi một cành khô lạc mấy dòng.*(Huy Cận)  d. *Đã tan tác những bóng thù hắc ám*  *Đã sáng lại trời thu tháng Tám*(Tố Hữu) | **Bài tập 1** |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | a. Biện pháp đảo ngữ: *Lom khom dưới núi; Lác đác bên sông*  => Tác dụng: Nhấn mạnh sự vất vả, đói nghèo, lam lũ của người dân vùng Đèo Ngang; sự thưa thớt, vắng vẻ, bé nhỏ, tiêu điền hoang vắng ở nơi đây  b.  - Biện pháp đảo ngữ: *Lôi thôi sĩ tử*  => Tác dụng: nhấn mạnh vẻ ngoài cẩu thả của những vị quan hiền tài của đất nước trong thời gian đấy.  - Biện pháp đảo ngữ: *Ậm oẹ quan trường*  => Tác dụng: nhấn mạnh thái độ, tác phong của quan trường trong kì thi tìm kiếm nhân tài cho đất nước.  c. Biện pháp đảo ngữ: *Củi một cành khô*  => Tác dụng: nhấn mạnh thân phận nhỏ bé, bọt bèo của kiếp người trong cuộc sống.  d. Biện pháp đảo ngữ: *Đã tan tác, đã sáng lại*  => Tác dụng: nhấn mạnh kẻ thù xâm lược và bầu trời ngày diễn ra Cách mạng tháng 8. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu in đậm dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó đối với việc liên kết câu.  a. *Chúng nó đã giở ra với chị biết bao là trò mua vui. Nào nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn.****Những cuộc vui ấy chị còn nhớ rành rành.***(Ngô Tất Tố)  b. *Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. […]****Hành thì nhà chị may lại còn****.*(Nam Cao)  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 2**  a. Tác dụng: Đảo ngữ tạo sự liên kết giữa hai câu. *"Những cuộc vui*" là từ thay thế các động (nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn) ở câu trước.  b. Tác dụng: Đảo ngữ tạo sự liên kết giữa hai câu. Từ "*Hành*" đầu câu trùng lặp với từ "hành" có trong câu trước. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Xác định câu hỏi tu từ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó.  a. Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?  (Thế Lữ)  b. Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu     Người không hề tiếc máu hi sinh?  Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu  Người hiên ngang không chịu cúi mình?  (Tố Hữu)  c. Con gái tôi vẽ đây ư? (Tạ Duy Anh)  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 3**    a. Câu hỏi tu từ: Thời oanh liệt nay còn đâu?  => Tác dụng: giúp cho câu thơ thêm sinh động về hình thức. Còn về nội dung bộc lộ được cảm xúc trông mong, nhớ về thời oanh liệt, thể hiện sự thất vọng tột cùng.  b.  - Câu hỏi tu từ: Người không hề tiếc máu hi sinh?  => Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.  - Câu hỏi tu từ: Người hiên ngang không sợ cúi mình?  => Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.  c. Câu hỏi tu từ: Con gái tôi vẽ đấy ư?  => Tác dụng:  dùng để hỏi và khẳng định chắc chắn. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Ghép các từ tượng hình, từ tượng thanh (in đậm) ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B:   |  |  | | --- | --- | | **A. Từ tượng hình, từ tượng thanh** | **B. Nghĩa** | | a. **Ậm ọe** quan trường miệng thét loa (Trần Tế Xương) | 1. (vóc dáng) bé nhỏ quá mức | | b. **Lom khom** dưới núi, tiều vài chú (Bà Huyện Thanh Quan) | 2. dài hoặc cao quá, mất cân đối | | c. **Lác đác** bên sông, chợ mấy nhà (Bà Huyện Thanh Quan) | 3. ở tư thế còng lưng xuống | | d. Đôi mắt lão **ầng ậng** nước… (Nam Cao) | 4. thưa và rải rác mỗi chỗ, mỗi lần một ít | | e. Hoài Văn **lầm rầm** khấn… (Nguyễn Huy Tưởng) | 5. (tiếng nói) nhỏ, thấp, đều đều, nghe không rõ | | g. Dế Choắt người… dài **lêu nghêu**… (Tô Hoài) | 6. (nước mắt) nhiều, dâng đầy khóe mắt, như chực tuôn chảy ra | | h. Chú bé **loắt choắt** (Tố Hữu) | 7. (tiếng nói) bị cản trong cổ họng, nghe không rõ |   **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 4**  a – 7; b - 3; c - 4; d - 6; e - 5g - 2; h - 1 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Các dạng câu hỏi phổ biến trong giao tiếp

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi đóng** | **Ví dụ** |
| + Câu hỏi đóng là loại câu hỏi mà người được hỏi chỉ có thể trả lời bằng một từ hoặc một câu ngắn, thường là “có” hoặc “không” hoặc một vài lựa chọn đơn giản khác.  + Câu hỏi đóng thường được sử dụng để thu thập thông tin cơ bản, xác nhận thông tin hoặc đưa ra câu trả lời chính xác. | + Bạn có thích đọc sách không?  + Tên của bạn là gì?  + Bạn bao nhiêu tuổi? |
| **Câu hỏi mở** | **Ví dụ** |
| + Câu hỏi mở là dạng câu hỏi không có câu trả lời cố định, đòi hỏi người trả lời phải suy nghĩ và đưa ra câu trả lời của riêng mình.  + Câu hỏi mở có ưu điểm là cho phép người trả lời bày tỏ quan điểm, ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc của mình. Đồng thời nó kích thích sự sáng tạo và tư duy của người trả lời. | + Bạn có thể kể cho tôi nghe về một trải nghiệm đáng nhớ của bạn không? |
| **Câu hỏi phễu** | **Ví dụ** |
| + Câu hỏi phễu là một loại câu hỏi được sử dụng để thu thập thông tin, tìm hiểu, hoặc nghiên cứu một vấn đề nào đó.  + Câu hỏi này được gọi là câu hỏi phếu bởi nó bắt đầu với một câu hỏi rộng và tổng quát, sau đó dần dần thu hẹp lại và tập trung vào các chi tiết cụ thể hơn. | + Lớp mình sẽ tham gia thi văn nghệ mừng ngày 20/11 với tiết mục gì?  + Tiết mục đó là bài hát tốp ca hay là nhảy hiện đại?  + Tiết mục đó cần bao nhiêu bạn tham gia? |

**\* Kết luận, đánh giá.**

**- Hướng dẫn về nhà:** Ôn bài

**- Chuẩn bị bài sau:** Thực hành đọc hiểu “Xa ngắm thức Núi Lư”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:  
Ngày dạy:

Tuần

**Tiết 91: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: XA NGẮM THÁC NÚI LƯ  
 (VỌNG LƯ SƠN BỘC BỐ)  
 Lý Bạch**  
**I. MỤC TIÊU**  
**1. Kiến thức**

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.  
- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thiên tài Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.  
**2. Năng lực**  
**\* Năng lực chung:**

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản,

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản,

**\* Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực đọc - hiểu văn bản thơ Đường theo thể loại.

+ Năng lực sử dụng phần dịch nghĩa trong việc phân tích tác phẩm và phần nào biết tích lũy vốn từ Hán Việt.  
**3. Phẩm chất**  
- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, hoà nhập gắn bó với thiên nhiên.  
- Giáo dục hs lòng yêu quê hương đất nước.  
- Tích hợp bảo vệ môi trường: Bảo vệ cảnh quan môi trường thiên nhiên.  
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

- Máy tính, máy chiếu  
- Sưu tầm tranh ảnh, thác nước.  
**2. Học liệu**

- SGK, SGV, SBT, PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**  
 **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

**b. Nội dung**:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**HS** quan sát tranh ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong tranh ảnh tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Kết nối tri thức học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- Quan sát đoạn các tranh ảnh sau, em cho biết tên của các địa danh xuất hiện trong mỗi bức tranh. Nêu hiểu biết của em về nền văn hóa của đất nước có các địa danh này.**

**-** GV chiếu tranh ảnh.

**\* B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát tranh ảnh và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

**GV** hướng dẫn HS quan sát tranh ảnh.

**\* B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**\* B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:   
 Trung Quốc – đất nước nổi tiếng với những cảnh đẹp thiên nhiên, ẩm thực đa dạng và đặc biệt là kho tàng văn học đồ sộ. Hôm nay, cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu một nhà thơ có thể khẳng định là vĩ đại nhất của TQ đó chính là Lý Bạch với tác phẩm Xa ngắm thác núi Lư

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Xa ngắm thác núi Lư*”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm. Hs trình bày dự án được giao trước đó về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm:** HS báo cáo, thuyết trình một số nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| ***\* GV hướng dẫn HS đọc và giải thích từ khó***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV hướng dẫn HS đọc: Đọc phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, giọng phấn chấn, hùng tráng, ca ngợi, ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3. Nhấn mạnh các từ vọng, sinh, quải nghi, lạc.  - GV yêu cầu HS tìm hiểu tất cả các từ Hán Việt trong bài thơ?  - GV yêu cầu HS so sánh bản dịch thơ và nguyên tác chữ Hán?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV đọc mẫu  - 2 HS đọc sáng tạo, diễn cảm.  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS đọc văn bản**  - GV gọi HS nhận xét về cách đọc của bạn và có thể chia sẻ thêm cách đọc của bản thân.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  **-** GV nhận xét kết quả đọc của HS; GV đọc lại một đoạn trong văn bản, khắc sâu những điều chú ý khi đọc.  GV chuẩn kiến thức - Câu 1: dịch khá chính xác. - Câu 2: bỏ mất từ “quải” thay bằng từ “treo”. - Câu 3, 4 dịch khá chính xác |  |
| ***\* Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *GV giao nhiệm vụ: HS chia sẻ thông tin về nhà thơ tác giả và tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị (GV kiểm tra trước buổi học).*   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1 (chuẩn bị ở nhà)** | | | Thông tin về tác giả: | - Tên tuổi:  - Quê quán:  - Phong cách thơ:  - Các tác phẩm tiêu biểu: | | Thông tin về tác phẩm: | 1. Thể thơ:  2. Xuất xứ bản dịch:  3. Phương thức biểu đạt:  4. Bố cục: |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS khác lắng nghe ghi chép nhận xét và thắc mắc.  - GV nghe Hs trình bày.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá và mở rộng -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide.  GV bổ sung về Lý Bạch: Ông tính tình phóng khoáng, văn hay, võ giỏi, thích uống rượu, đi nhiều nơi, làm thơ rất nhanh, rất hay  GV bổ sung về vai trò của các câu thơ: Câu 1: Phông nền cho bức tranh toàn cảnh thác nước ở Hương Lô. Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của thác nước dựa trên cơ sở câu thơ 1. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Lí Bạch (701-762). - Là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, được mệnh danh là “Tiên thi”.  - Thơ ông luôn thề hiện một tâm hồn tự do, phóng khoáng. Lý Bạch  Hình ảnh trong thơ ông thường kì vĩ, lãng mạn, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. **- Tác phẩm tiêu biểu:** Ông viết cà ngàn bài thơ vê đề tài chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn trong đó tiêu biểu như: Tĩnh dạ tứ.  Nguyệt hạ độc chước kỳ 1, Nguyệt dạ giang hành ký Thôi viên ngoại Tông Chi, Đối tửu, Cửu nguyệt thập nhật tức sự, Vọng Lư sơn bộc bố.  **2. Tác phẩm:**  **a. Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt.  **b. Xuất xứ bản dịch:**  - Bài thơ được Tương Như dịch, trong thơ Đường tập II, nhà xuất bản văn học, Hà Nội 1987. 2. Tác phẩm - In trong tập thơ Đường, tập II.  **c. Phương thức biểu đạt:**biểu cảm kết hợp miêu tả.  **d. Bố cục**(2 phần):  - Câu 1: Tả đỉnh núi Hương Lô.  - Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp khác nhau của thác nước. |

**Nhiệm vụ 2: Thực hành đọc hiểu**

**a. Mục tiêu**

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thiên tài Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm : Xác định vị trí đứng ngắm thác nước của Lý Bạch và cho biết lợi thế của việc chọn điểm nhìn dó để quan sát và miêu tả cảnh vật.  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi nhóm, suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhóm khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét đánh giá.  - Cảnh vật được nhìn ngắm từ xa. - Điểm nhìn đó không cho phép khắc hoạ cảnh vật 1 cách chi tiết, tỉ mỉ nhưng lại có lợi thế là dễ phát hiện được vẻ đẹp của toàn cảnh. Để làm nổi bật được sắc thái hùng vĩ của thác nước núi Lư, cách chọn điểm nhìn đó là tối ưu.  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc lại câu 1 và trả lời:  - Câu thơ thứ nhất miêu tả cái gì?  - Ngọn núi Hương Lô được miêu tả như thế nào?  - So sánh cách miêu tả ngọn núi Hương Lô trong câu văn của Tuệ Viễn: “Khí bao trùm trên đỉnh Hương Lô mù mịt như hương khói”, câu thơ dịch của Tương Như với bản dịch nghĩa, ta thấy có gì khác nhau?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide.  - GV giải thích thêm: Câu thứ nhất phác ra phông nền của bức tranh toàn cảnh trước khi miêu tả vẻ đẹp của thác nước. Đây là một phông nền đặc biệt: Ngọn núi Hương Lô hiện lên với đặc điểm nổi bật nhất, đặc điểm đó gợi cho người đời phải đặt tên là Lư Hương  - GV bổ sung: Câu thơ của Tuệ Viên gợi không khí huyền ảo, còn câu dịch của Tương Như không khí huyền ảo đó bị xua tan. Đó cũng là cái khó của người dịch thơ chữ Hán. Trong thơ Lý Bạch vừa có không khí huyền ảo, vừa cho thấy sự sinh sôi, nảy nở sống động khi MT xuất hiện.  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  - Trên nền cảnh núi rực rỡ hùng vĩ đó, 1 thác nước hiện ra khác nào 1 dòng sông treo trước mặt. Lời thơ nào (ở trong 3 bản) đã tạo nên hình ảnh này? Bản dịch thơ không dịch được chữ nào của nguyên tác? Dựa vào nghĩa của các từ quải và tiền xuyên, hãy cho biết câu 2 tả cảnh thác nước từ vị trí nào? Cảnh thác từ trên đỉnh cao được miêu tả như thế nào? - Trong các bản phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, lời nào diễn tả sức mãnh liệt của thác núi Lư? Chữ nào trong lời thơ này được viết với sự táo bạo của trí tưởng tượng?  - Câu thơ tả thác nước ở phương diện nào? Nó gợi cho ta điều gì?  - Con số ba nghìn thước có phải là con số chính xác không? Cách nói đó có tác dụng gì?  - Cảnh tượng mãnh liệt kì ảo kích thích trí tưởng tượng của nhà thơ, để ông viết tiếp lời thơ hết sức ấn tượng. Đó là lời thơ nào?  Hai động từ nghi, lạc gợi cho người đọc ảo giác gì ? Lời thơ gợi cảnh tượng như thế nào?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên chốt đáp án:  - Câu thơ: Xa trông dòng thác treo trước sông này. Từ quải.  GV bình: Vì vị trí ở xa ngắm thác nước nên dưới mắt nhà thơ, thác nước vốn tuôn trào, đổ ầm ầm xuống núi đã biến thành dải lụa trắng rủ xuống yên ắng và bất động được treo lên giữa khoảng vách núi và dòng sông. Chữ “quải” đã biến cái động thành tĩnh, biểu hiện một cách hết sức sát hợp cảm nhận nhìn từ xa về dòng thác. Đỉnh núi khói tía mịt mù, chân núi, dòng sông tuôn chảy, khoảng giữa là thác nước treo cao như dải lụa. Quả là một bức danh hoạ tráng lệ.  - Câu thơ: Thác chảy như bay đổ thẳng xuống ba nghìn thước. Từ phi: bay. Con số ba nghìn thước chỉ là con số ước phỏng hàm ý rất cao - làm tăng thêm độ nhanh, sức mạnh, thế đổ của dòng thác.  - Câu thơ: Ngỡ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây. Con thác treo đứng trước mặt khác nào như con sông Ngân Hà từ trên trời rơi xuống.  - GV bình: Nghệ thuật so sánh, phóng đại ở đây cũng như phép cường điệu, phóng đại ở 2 câu trên có vẻ như vô lí. Song đặt trong văn cảnh, người đọc vẫn cảm thấy chân thật, tự nhiên. Vì ngọn núi Hương Lô có mây mù bao phủ nên nhìn từ xa có cảm giác dòng nước như 1 dải lụa treo lơ lửng vắt từ trong mây, từ trên đỉnh trời mà trải xuống, chảy xuống.  -> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV chốt kiến thức chuẩn | **II. Thực hành đọc hiểu**  **1. Vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô.**  **1.1. Câu thơ đầu :**  - Tả đỉnh núi Hương Lư.  - Tạo ra cái phông nền cho bức tranh toàn cảnh của thác nước.  - Nhìn từ xa, ngọn núi Hương Lư trông như chiếc lò hương. Ánh sáng mặt trời phản quang với hơi nước chuyển thành một màu tím rực rỡ và kì ảo.  **1.2. Ba câu thơ cuối**  - Câu thứ hai biến động thành tĩnh, tả cảnh thác nước tuôn trào ầm ầm từ trên xuống biến thành một dòng sông rủ xuống bất động được treo lên giữa vách núi và dòng sông.  **-** Câu thứ ba tả thế nước chảy, cảnh vật lại từ tĩnh chuyển sang động. Tác giả dùng động từ *phi* (bay) và tính từ *trực* (thẳng) cùng phép nói quá để miêu tả thế nước chảy rất mạnh của dòng thác.  - Câu thứ tư nói về ảo giác của nhà thơ về dòng thác. Nhìn thác nước từ trên mây đổ xuống khiến tác giả liên tưởng đến dải Ngân Hà**.**  **2. Tâm hồn thi nhân** - Trí tưởng tượng bay bổng trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước. - Tình yêu thiên nhiên đằm thắm. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung hoạt động:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:: Hãy chọn chữ cái trước câu trả lời em cho là **đúng.  
Câu 1: Chủ đề của bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" là gì?**

A. Cảnh đẹp hùng vĩ của thác núi Lư.

B. Tâm hồn hoà nhập với thiên nhiên của nhà thơ

C. Cảnh thác núi Lư trong sự tưởng tượng phóng khoáng của thi nhân.  
D. Những xúc cảm trước cảnh đẹp của núi Lư  
**Câu 2: Nhà thơ Lý Bạch được mệnh danh là gì?**

A. Thánh thơ  
B. Thần thơ  
C. Tiên thơ  
D. Tất cả đều đúng  
**Câu 3: Lý Bạch đã chọn điểm nhìn như thế nào để quan sát thác nước?**

A. Từ trên cao nhìn xuống  
B. Từ xa nhìn lại  
C. Đứng gần bên dòng thác  
D. Từ dưới nhìn lên trên đỉnh thác  
**Câu 4: Bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" được viết theo thể thơ nào?**

A. Thất ngôn bát cú  
B. Ngũ ngôn tứ tuyệt  
C. Ngũ ngôn bát cú.  
D. Thất ngôn tứ tuyệt  
**Câu 5: Nhà thơ Lý Bạch sống dưới triều đại nào của Trung Quốc?**A. Thời Tam quốc.   
B. Thời nhà Tống.

C. Thời nhà Đường.

D. Thời nhà Lương.  
**Câu 6: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, tác giả đã ví dòng thác với cảnh vật nào?**  
A. Đám mây trên bầu trời.

B. Ngọn núi Hương Lô.

C. Dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

D. Con rồng từ trên trời bay xuống.  
**Câu 7: Vẻ đẹp của bức tranh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:**A. êm đềm, thần tiên.

B. tráng lệ, kì ảo.

C. hùng vĩ, tĩnh lặng.

D. hiền hòa, thơ mộng.   
**Câu 8: Qua bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, em biết được điều gì về Lý Bạch?**A. Một tâm hồn mơ mộng yêu dân, thương nước, say đắm thiên nhiên.  
B. Sự quan sát tinh tế, tình cảm bạn bè thắm thiết của tâm hồn đa cảm.  
C. Một con người luôn ao ước mơ mộng thiên nhiên, tìm cách lánh xa cõi đời thực.  
D. Sự quan sát tinh tế, tình yêu thiên nhiên đằm thắm và tâm hồn phóng khoáng của tác giả.  
**Câu 9: Điểm nhìn của tác giả đối với toàn cảnh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:**A. trên đỉnh núi Hương Lô.

B. ngay dưới chân núi Hương Lô.

C. đứng nhìn từ xa.  
D. trên con thuyền xuôi dòng sông  
**Câu 10: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, ví dòng thác với dải Ngân Hà, tác giả Lí Bạch muốn thể hiện điều gì?**A. Ngẫu nhiên ví von, không có ý định gì.  
B. Ca ngợi vẻ đẹp kì vĩ của dòng thác.  
C. Bắt chước người khác, phải so sánh trong thơ.  
D. Thể hiện sự hoang tưởng của mình khi nhìn thác.

**\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời.

- GV quan sát và hỗ trợ HS

**\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận

- HS trả lời.

- GV nghe HS trả lời.

**\* Bước 4:** Đánh giá kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Đáp án:**

1- B ; 2-C; 3-B; 4-D; 5-C; 6-C; 7-B; 8-C; 9-D; 10-B

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

GV giao bài tập về nhà: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên trong bài Xa ngắm thác núi Lư.

**\* Dặn dò:**

- Hoàn thiện BTVN.

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung bài học.

- Soạn bài: Cảnh khuya

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tuần:

**Tiết 92: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: CẢNH KHUYA**

**(Hồ Chí Minh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách đọc hiểu một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường Luật.

- Nhận biết được các đặc điểm của một bài thơ Đường luật: niêm, luật, xác định bố cục, vần và nhịp thơ, đối. Từ đó phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ

- Cảm nhận được niềm yêu thương, sự gắn bó của tác giả với con người và cảnh sắc quê hương, với cuộc đời.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Biết trân trọng, yêu quí và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống. Sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên quanh mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Cảm nghĩ của em sau khi xem vi deo này?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến câu trả lời :** Qua ca từ của bài hát, em thấy rất yêu qúi, kính trọng Bác- vị cha già của dân tộc, một con người có tấm lòng yêu thương vô bờ bến.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Ca từ của bài hát cho ta thấy chân dung vị lãnh tụ vĩ đại, trái tim lớn, người con quang vinh, niềm tự hào của dân tộc VN. Ca khúc còn là lời nhắc nhở chúng ta về lòng yêu thương con người, một thứ tình cảm cao quí truyền thống tốt đẹp ngàn đời mà cha ông ta trân trọng và nâng niu. Chính vì thế mà từng có ý kiến  «  Nếu có 1 thứ gia vị làm tăng thêm hơi ấm và cuộc sống

có ý nghĩa chính là lòng yêu thương, nếu có một thứ tình cảm thiêng liêng giúp ta vượt qua bao thử thách cũng là tình yêu thương. Lòng yêu thương con người là câu chuyện không bao giờ tắt, là suối nguồn không bao giờ vơi cạn, thứ tình cảm mà ai ai cũng nâng niu vun đắp không tiếc cho đi và hạnh phúc khi nhận về. Các em ạ, Bác Hồ của chúng ta không chỉ ngời sáng tình yêu thương mà ở Bác còn dạt dào tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương đất nước. Đi tìm hiểu bài thơ “ Cảnh khuya” sẽ giúp em hiểu rõ hơn điều này.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung: |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm bài thơ.  Khi đọc chú ý ngắt nghỉ đúng nhịp thơ  **Chiến lược đọc hiểu:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Thể thơ |  | | Nội dung chính |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  \* Tác giả:  -  Tiểu sử:  + Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình yêu nước ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.  + Học ở trường Quốc học Huế rồi dạy học ở Dục Thanh (Phan Thiết).  + Sớm có lòng yêu nước; Năm 1911, ra đi tìm đường cứu nước  + Hoạt động cách mạng ở nhiều nước: Pháp, TQuốc, Thái Lan…  + Ngày 3-2-1930, thành lập đảng cộng sản Việt Nam.  + Năm 1941, trở về nước, lãnh đạo phong trào CM trong nước  + Tháng 8-1942, sang TQ để tranh thủ sự viện trợ của quốc tế, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam đến tháng 9-1943.  + Ra tù, Người trở về nước, lãnh đạo phong trào CM, tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.   + Ngày 2-9-1945, đọc bản tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH, giữ chức vụ Chủ tịch nước.  + Lãnh đạo nhân dân trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.  + Từ trần ngày 2-9-1969, tại Hà Nội.  → Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào quốc tế  - Quan điểm sáng tác:  + Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng: mỗi nhà văn là một nhà chiến sĩ.  + Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học  + Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.  - Sự nghiệp sáng tác:  + Văn chính luận: các bài báo đăng trên báo Nhân đạo, Người cùng khổ, Tuyên ngôn độc lập, Bản án chế độ thực dân Pháp, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước   + Truyện và kí: truyện ngắn viết bằng tiếng pháp đăng trên các báo ở Pa-ri (Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu), Nhật kí chìm tàu  + Thơ ca: Nhật kí trong tù, chùm thơ sáng tác ở Việt Bắc và trong kháng chiến chống Pháp (Ca binh lính ca, Ca sợi chỉ...)  - Phong cách nghệ thuật:  + Tính đa dạng: Bác viết nhiều thể loại, viết bằng nhiều thứ tiếng và mỗi thể loại đều có những nét độc đáo, hấp dẫn riêng  • Văn chính luận: ngắn gọn, xúc tích, lập luận chặt chẽ, đa dạng về bút pháp.  • Truyện và ký: thể hiện tinh thần chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén.  • Thơ ca: gồm hai loại, mỗi loại có nét phong cách riêng.  + Tính thống nhất:  • Cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị  • Sử dụng linh hoạt các bút pháp nghệ thuật khác nhau  • Hình tượng nghệ thuật vận động hướng về ánh sáng tương lai  → Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Văn thơ của Người có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, đồng thời có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử và đời sống tinh thần của dân tộc  \* Tác phẩm:  - Bài thơ được viết năm 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tại chiến khu Việt Bắc.  **Tìm hiểu chú thích** | **a. Tác giả:**  Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 – 1969) là lãnh tụ vĩ đại nhà thơ lớn , danh nhân văn hoá thế giới  **b. Văn bản:**  - Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào mùa thu 1947 khi giặc Pháp đang tấn công lên Việt Bắc  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt  - Nội dung chính: Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ. |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm thể loại qua bài thơ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Đặc điểm thể loại** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** ? Hãy chỉ ra đặc điểm về bố cục, niêm, luật, bằng trắc vần & nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú đường luật được thể hiện trong bài thơ  Tiếng suối trong như tiếng hát xa, Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa. Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ, Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **LUẬT BẰNG TRẮC**  Bài thơ được làm theo luật bằng vì chữ thứ hai của câu đầu **“suối”** mang thanh bằng  Bài thơ tuân thủ đúng quy tắc về luật bằng trắc, các chữ thứ 2-4-6 của mỗi câu đều có sự đan xen bằng- trắc.  NIÊM: Các cặp câu 1-4, 2-3 niêm với nhau vì chữ thứ hai các câu ấy đều cùng một thanh.  **GIEO VẦN:**  - Gieo vần ở chữ cuối các câu 1-4: vần “a”  **BỐ CỤC:**  - Bố cục: khai, thừa, chuyển, hợp  Phần 1( 2 câu đầu): Cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc  Phần 2( 2 câu sau): Tâm trạng của nhà thơ |  |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm nội dung của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Đặc điểm nội dung** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Bài thơ gắn với phong tục gì của người Việt? Nội dung phong tục ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm này?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  Qua hai câu thơ đầu, cảnh khuya của núi rừng Việt Bắc hiện lên như thế nào? Cảnh khuya ấy thể hiện được điều gì trong tâm hồn nhà thơ?  Nhóm 1+2: câu 1( miêu tả âm thanh tiếng suối)  Nhóm 3+4: câu 2( miêu tả trăng)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  Hai câu thơ đầu   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, nghệ thuật** | **Tác dụng** | | …………………….  …………………… | …………………….  …………………… | | - Cảnh hiện lên như thế nào?  ………………………………………………………  …………………………………………………….. | |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  Nhóm 1+2:Câu1: Miêu tả âm thanh tiếng suối   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ, nghệ thuật | Tác dụng | | So sánh: Tiếng suối- tiếng hát | - sự vật, âm thanh có sự gắn bó với con người, tiếng suối là âm thanh nổi bật trong đêm khuya làm lòng người vương vấn | | -> Cách so sánh thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của Bác: Tiếng suối trở nên gần gũi thân quen với con người, mang sức sống trẻ trung | |   Nhóm 3+4:  Câu 2: Miêu tả trăng   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, nghệ thuật** | **Tác dụng** | | - Nghệ nhân hóa và điệp từ “lồng”  - Danh từ “trăng, cổ thụ, hoa” | - Làm cho sự vật có hồn, đan cài hòa quyện, quấn quýt    - Tạo ra ba tầng không gian( tầng cao có trăng, tầng trung có cây cổ thụ, hoa, tầng thấp có mặt đất) | | ->gợi ra 1 bức tranh cảnh khuya có nhiều tầng lớp, đường nét, hình ảnh màu sắc, cảnh hòa quyện quấn quýt với 2 màu sắc cơ bản màu trắng và đen, sáng và tối -> Bác đã thổi vào cảnh đêm rừng VB một linh hồn để tạo dựng một bức tranh lung linh, sống động. | | | a) Cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc  - Âm thanh: tiếng suối  - Hình ảnh: trăng, cây cổ thụ, hoa  - Nghệ thuật: so sánh, tính từ, điệp ngữ, danh từ  + Tiếng suối- tiếng hát xa-> âm thanh tự nhiên so sánh với âm thanh của cuộc sống. Tiếng suối gần gũi, ấm áp, có sức sống trẻ trung  + Lặp lại hai lần từ “lồng” trong câu thơ-> Cảnh vật dưới ánh trăng tầng tầng lớp lớp, có đường nét, hình khối lung linh quấn quýt  => Cảnh đêm khuya đẹp, gần gũi, cổ kính, tràn ngập ánh trăng |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  Hai câu cuối  Câu 1. Em hãy chỉ ra đối tượng được nhắc tới ở trong câu thơ thứ 3.  Câu 2. Những biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong câu thơ này.  Câu 3. Người chưa ngủ là vì lí do gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, nghệ thuật** | **Tác dụng** | | Nghệ thuật so sánh-cảnh khuay như vẽ  Điệp ngữ “chưa ngủ” | ->khái quát và khẳng định vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên cảnh khuya ở Vb tuyệt đẹp như tranh vẽ  -> vừa nhấn mạnh lí do chưa ngủ vừa thể hiện tâm trạng của Bác | | **b) Tâm trạng của Bác**  **-** Người chưa ngủ  - Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà- lo cho vận mệnh dân tộc  - Điệp từ: chưa ngủ mở ra 2 phía của tâm trạng-. rung động, say mê trước cảnh đẹp đêm trăng bằng cả tâm hồn đồng thời vẫn lo cho vận mệnh của đất nước, cho cách mạng.  => sự thống nhất giữa nhà thơ và người chiến sĩ  -> Tình yêu thiên nhiên hòa quyện cùng tình yêu đất nước. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu đề tài và chủ đề của văn bản? | **III. TỔNG KẾT**  1. Nội dung: Bài thể hiện một đặc điểm nổi bật của thơ Hồ Chí Minh: sự gắn bó, hòa hợp giữa thiên nhiên và con người.  **2. Nghệ thuật:**  - Có nhiều hình ảnh thơ lung linh kì ảo  - Sáng tạo về nhịp điệu  - Sử dụng phép tu từ so sánh, điệp từ có tác dụng miêu tả chân thực âm thanh, hình ảnh trong rừng đêm. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu cảm nghĩ của em về lí do Bác Hồ không ngủ được thể hiện trong bài thơ Cảnh khuya  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Đoạn văn tham khảo**  “Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủChưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”  Hai câu thơ trên đã giải thích cho câu hỏi vì sao Bác lại chưa ngủ. Bác không ngủ vì “lo nỗi nước nhà”, lo cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, cho cuộc sống của nhân dân. Nỗi nhớ nhà lo cho nước nhà làm cho trái tim Bác luôn thổn thức. Không chỉ đêm nay mà mà rất nhiều đêm khác nữa Bác đều không ngủ được. Thông qua hai câu thơ ta thấy được một tấm lòng yêu nước, một tâm hồn nghệ sĩ thanh cao lồng trong cốt cách người chiến sĩ cộng sản kiên trung. | **Bài tập.** Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu cảm nghĩ của em về lí do Bác Hồ không ngủ được thể hiện trong bài thơ Cảnh khuya |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Viết tích cực

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**   **Cảnh khuya” được viết trong những năm đầu khó khăn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài thơ đã biểu hiện tâm hồn và phong thái của Bác Hồ như thế nào trong hoàn cảnh ấy?**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

Mặc dù ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn của đất nước, vận mệnh dân tộc đang nghìn cân treo sợi tóc, nhưng bài thơ vẫn thể hiện được phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác, cụ thể là:

- Tâm hồn chan hòa với thiên nhiên, say đắm thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh.

- Hình ảnh trong hai bài thơ mang đậm vẻ đẹp cổ điển, những hình ảnh quen thuộc của thơ ca cổ phương Đông: cổ thụ, ánh trăng, tiếng suối, tiếng hát, giọng thơ khỏe khoắn, trẻ trung..

- Bài thơ thể hiện vẻ đẹp ung dung tự tại của người chiến sĩ Cách mạng, đêm ngày lo vận nước.

**Chuẩn bị bài sau:** Viết phân tích một tác phẩm thơ

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

TIẾT **93,94: VIẾT: PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Viết được bài phân tích một tác phẩm thơ: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**-**Phát triển kỹ năng viết

3**. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 93**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  GV yêu cầu HS kể tên một số bài thơ mà em đã học/đã đọc( HS ghi vào tờ giấy note) và cho biết tác phẩm thơ nào đã để lại ấn tượng sâu sắc? Vì sao?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Trước một tác phẩm thơ, mỗi người đọc có thể có những cảm nhận, quan điểm riêng biệt. Khi cần chia sẻ những cảm nhận, quan điểm đó, chúng ta có thể  sử dụng kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ, ở dạng bài viết này bạn cần làm rõ chủ đề của tác phẩm là gì? Tác phẩm có những nét đặc sắc nào về hình thức nghệ thuật? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu ***Viết phân tích một tác phẩm thơ.***

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ  HS đọc phần Định hướng (sách giáo khoa trang 26, 27) và trả lời các câu hỏi:  *?* *Thế nào là phân tích một tác phẩm thơ?*  *? Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ em cần chú ý những yêu cầu nào?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | 1.1. Phân tích một tác phẩm thơ cũng như phân tích một tác phẩm truyện (Bài 6), đều có yêu cầu chung là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Các em cũng có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, nêu những nhận xét riêng của bản thân về tác phẩm. Tác phẩm thơ có thể là bài thơ hoặc tập thơ. Bài 7 tập trung vào việc rèn luyện phân tích một bài thơ theo các yêu cầu nêu trên.  1.2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:  - Đọc kĩ tác phẩm, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết.  - Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ bài thơ cho mỗi luận điểm.  - Liên hệ, so sánh với các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề, thể loại để làm sáng tỏ thêm giá trị của bài thơ được phân tích.  - Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của bài thơ, về giá trị, sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý  ? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: lập dàn ý  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Đề bài**: Phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” của Trần Tế Xương.  **Bước 1: Chuẩn bị**  – Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu cần thực hiện.  – Xem lại phần Kiến thức ngữ văn, đọc lại bài thơ Vịnh khoa thi Hương, chú ý đến đặc điểm của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  – Lựa chọn một vài hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm để phân tích. Ví dụ: nghệ thuật trào phúng của bài Vịnh khoa thi Hương qua việc lựa chọn hình ảnh, ngôn từ và sử dụng phép đối. |
| Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | Chủ đề của bài thơ là gì? |  | | Nghệ thuật trào phúng của bài thơ có gì đặc sắc? |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  – Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Chủ đề của bài thơ là gì?  + Nghệ thuật trào phúng của bài thơ có gì đặc sắc? Ví dụ:  • Trần Tế Xương đã chọn những hình ảnh nào của khoa thi Hương năm Đinh Dậu? Hình ảnh đó có gì đặc biệt?  • Việc lựa chọn từ ngữ để khắc hoạ các hình ảnh trên có gì độc đáo? Có thể thay bằng các từ ngữ khác được không?  • Tác giả đã vận dụng các phép đối như thế nào để nghệ thuật trào phúng được phát huy triệt để?  • Các hình thức nghệ thuật trên đã làm rõ chủ đề của bài thơ như thế nào?  **\* Lập dàn ý:**  **- Mở bài:** Giới thiệu khái quát về bài Vịnh khoa thi Hương, tác giả và nghệ thuật trào phúng của bài thơ.  **- Thân bài:**  + Nêu chủ đề bài thơ.  + Phân tích nghệ thuật lựa chọn và xây dựng hình ảnh. Lí giải vì sao nhà thơ lại lựa chọn các hình ảnh ấy và phân tích để thấy được mục đích trào phúng.  + Phân tích nghệ thuật lựa chọn ngôn từ (thống kê các từ ngữ mà tác giả lựa chọn và chỉ ra tác dụng của chúng).  + Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép đối đã được tác giả sử dụng trong bài thơ.  + Nêu lên những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **- Kết bài :** Khái quát, tổng hợp lại vấn đề đã được trình bày: Nội dung và một số hình thức nghệ thuật của bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã cho thấy tài năng trào phúng bậc thầy của Trần Tế Xương. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 94** | **Bước 3: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn phân tích một bài thơ. Trong khi viết, chú ý vận dụng cách phân tích các yếu tố hình thức của thơ. |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Mở bài** | Giới thiệu khái quát về bài thơ, tác giả và nghệ thuật trào phúng của bài thơ. |  |  | | **Thân bài** | Nêu chủ đề bài thơ |  |  | | Phân tích nghệ thuật lựa chọn và xây dựng hình ảnh. |  |  | | Phân tích nghệ thuật lựa chọn ngôn từ (thống kê các từ ngữ mà tác giả lựa chọn và chỉ ra tác dụng của chúng) |  |  | | Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép đối đã được tác giả sử dụng trong bài thơ. |  |  | | Nêu lên những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. |  |  | | **Kết bài** | Khái quát, tổng hợp lại vấn đề đã được trình bày: Nội dung và một số hình thức nghệ thuật của bài thơ . |  |  | | **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt |  |  | | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc  **rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ** có cách thức như thế nào?  ? Làm bài tập sgk trang 29  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ**  **a) Cách thức**  Mỗi thể loại văn học đều có những hình thức tiêu biểu, nổi bật. Để thể hiện nội dung và cảm xúc, thơ nói chung thường sử dụng một số yếu tố hình thức như: vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ,...  Mỗi yếu tố hình thức của văn bản thơ đều có tác dụng trong việc biểu đạt nội dung (cảm xúc, tình cảm, tư tưởng,...). Khi đọc và phân tích thơ, cần chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức trong việc biểu hiện nội dung. Cần tránh việc chỉ nêu nội dung hoặc chỉ nêu hình thức, không thấy mối quan hệ của hai yếu tố ấy. |
| Trong các đoạn văn dưới đây, người viết đã tập trung phân tích tác dụng của yếu tố hình thức nào của văn bản thơ  – Đoạn 1: “Trong không khi lắng sâu ấy của đất trời, một hình ảnh hiện lên:*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*  Ánh trăng bao phủ trùm lên cổ thụ. Ánh trăng lồng vào tán lá. Cành lá cắt ánh trăng thành những mảng trắng đen lẫn lộn, những bóng trăng và bóng cây. Hai lớp bóng ấy lại trùm lên, lồng vào khóm hoa và bóng hoa, bóng trăng, bóng cây lại in lên mặt đất. Chỉ có tối và sáng, trắng và đen loang loáng ánh bạc. Sắc màu bề ngoài mát lạnh. Mọi vật im phăng phắc. Ấy thế mà bên trong, thiên nhiên lại vận động ẩm áp vô chừng.”.  (Lê Trí Viễn)  – Đoạn 2: “Các từ láy “xao xác”, “não nùng”, “chập chờn” gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm, một tâm trạng quạnh hiu, xa vắng. “Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng” nhịp điệu thơ trôi nhẹ như ru hồn về một thời xa xăm. Chữ “ngày không” thật đầy sức gợi.”.  (Lê Quang Hưng)  – Đoạn 3: “Trong hai câu thực, nhà thơ dùng thủ pháp cực tả, nói quá và biếm hoạ hình ảnh sĩ tử cũng như các quan coi thi:  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*  *Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  Với hình thức đảo ngữ, đặt tính từ “Lôi thôi” lên đầu câu, nhân vật sĩ tử “vai đeo lọ” bỗng trở thành kẻ nhếch nhác, luộm thuộm, được chăng hay chớ. Tiếp theo, việc đảo tính từ đồng thời là từ láy “Âm oe” lên trước cũng biếm hoạ ông quan coi thi “miệng thét loa” thành người ngu ngơ, ấm ở, dớ dẩn.”.  (Nguyễn Hữu Sơn) | **b. Bài tập**  – Đoạn 1: Phân tích hình ảnh: Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  – Đoạn 2: Tác dụng của các từ láy “xao xác”, “não nùng”, “chập chờn”.  – Đoạn 3: Phân tích các phép tu từ: nói quá, đảo ngữ; cách sử dụng tính từ. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phiếu học tập số 2 | Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra |
| Phiếu học tập số 3 | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra |

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**Tiết: 95,96:** **NÓI VÀ NGHE:** **NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG NGƯỜI KHÁC THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TẬP THƠ, BÀI THƠ**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức:***

- Học sinh nghe và tóm tắt được nội dung mà người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.

- Học sinh xác định được rõ vấn đề người nói sẽ trình bày, thời gian, đối tượng người nghe.

- Biết tóm tắt bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, , hình ảnh, cách triển khai,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, tập thơ.

1. ***Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* biết đề cao, trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc

- *Chăm học, chăm làm:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gợi lên từ bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 95**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em thích bài thơ nào mà em đã được học, được đọc nhất?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Hôm nay chúng ta cùng đi ôn tập “**NÓI VÀ NGHE NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG NGƯỜI KHÁC THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1, Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ cần đạt yêu cầu gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Ví dụ: | **-** Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ  + Xác định rõ vấn đề và thời gian người nói sẽ trình bày  + Tìm đọc trước bài thơ sẽ trình bày; tìm hiểu thông tin về tác giả và một số ý kiến, bài viết xung quanh tác phẩm  + Chuẩn bị các phương tiện để ghi chép và tóm tắt nội dung bài thuyết trình như giấy bút, sổ tay, máy tính cá nhân (nếu có)  + Bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành:** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  **1. Chuẩn bị**  **- Nội dung:**  + Mục đích: Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  + Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề  + Cách làm: Đọc lại nhiều lần bài viết để nắm chắc những nội dung quan trọng  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  Mở đầu: Giới thiệu khái quát về bài “Vinh khoa thi *Hương”,* tác giả và nghệ thuật trào phúng của bài thơ.  Nội dung chính:  + Trình bày chủ đề bài thơ.  + Phân tích nghệ thuật lựa chọn và xây dựng hình ảnh. Lí giải vì sao nhà thơ lại lựa chọn các hình ảnh ấy và phàn tích để thấy được mục đích trào phúng.  + Phân tích nghệ thuật lựa chọn ngôn từ: thống kẻ các từ ngữ mà tác giả lựa chọn, phân tích để thấy được sự lựa chọn đó rất hiệu quả trong việc khác hoạ hình ảnh các nhân vật trào phúng.  + Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép đối đã được tác giả sử dụng để tạo nên những hình ảnh, ngôn từ trào phúng đặc sác và gây ấn tượng mạnh mẽ.  + Nêu lên những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân vé nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  Kết thúc: Khái quát, tổng hợp lại vấn đề dã được trình bày: Nội dung và một số hình thức nghệ thuật của bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* dã cho thấy tài năng trào phúng bậc thắy của Trán Tế Xương. |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 96**  **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **3. Trình bày bài nói – nghe** Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.  **Tham khảo:** | **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**  **Nhóm:…..** | | | | | **Mức độ**  **Tiêu chí** | Chưa đạt | Đạt | Tốt | | **1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.** | Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói. | Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói. | Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói. | | **2. Tóm lược được các ý chính.** | Không tóm lược được ý chính | Có vài ý chính, không lan man. | Đầy đủ ý chính. | | **3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.** | Cẩu thả trong trình bày. | Tương đối cẩn thận với việc trình bày. | Trình bày sạch đẹp. | | **4. Có sự quan sát người trình bày.** | Không chú ý. | Về cơ bản có sự quan sát. | Quan sát tốt người trình bày. | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương) |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn. Em xin thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  2. Nội dung chính  \* Bối cảnh lịch sử: Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân lại tiếp tục bùng nổ dữ dội trong những năm cuối thế kỉ XIX.  \* Giá trị nội dung:  - Vịnh khoa thi hương là bài thơ thuộc đề tài thi cử - một đề tài khá đậm nét trong sáng tác của Tú Xương. Qua việc tái hiện hình ảnh thảm hại của kì thi năm Đinh Dậu (1897) tại trường Hà Nam, nhà thơ bày tỏ sự xót xa, đau đớn của con người trước tình cảnh thảm hại của các nhà Nho vào thời kì mạt vận của Nho học.  - Một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu đã được tái hiện lại đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước  \* Giá trị nghệ thuật:  - Nghệ thuật đối, đảo ngữ  - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề  Mỗi lứa tuổi có cách nhìn, cách nghĩ khác nhau; người lớn cần thấu hiểu và cảm thông với những suy nghĩ, hành động và ước mơ của trẻ em. | |

**- HDVN:** Soạn Quang Trung đại phá quân Thanh

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phiếu học tập số 1 | Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra |
| Phiếu học tập số 2 | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÀI THƠ: QUA ĐÈO NGANG – BÀ HUYỆN THANH QUAN**

**Câu 1**. Phương án nào nêu đúng về thể loại và chữ viết của bài thơ Qua Đèo Ngang?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Hán

B. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Nôm

C. Thất ngôn xen lục ngôn, viết bằng chữ Nôm

D. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Quốc ngữ

**Câu 2**. Cảnh Đèo Ngang được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

A. Cảnh vật tươi đẹp, đủ loại hoa lá sắc màu

B. Cảnh vật tràn đầy sức sống, cây cối chen chúc

C. Cảnh vật vắng vẻ, hoang sơ, đượm buồn

D. Cảnh vật trống vắng, lạnh lẽo, gợi nỗi buồn thê lương

**Câu 3**. Bài thơ được ngắt chủ yếu theo nhịp nào?

A. 3/4  B. 4/3 C. 2/3/2 D. 4/1/1/1

**Câu 4**. Từ nào sau đây là từ tượng hình

A. Lom khom B. Quốc quốc C. Gia gia D. Cỏ cây

**Câu 5**. Biện pháp tu từ đảo ngữ ở câu thơ “Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.” có tác dụng gì?

A. Tô đậm sự thưa thớt, quạnh vắng của cảnh vật

B. Thể hiện vẻ hoang tàn, tiều tuỵ của cảnh vật

C. Khắc hoạ tâm trạng buồn bã, cô đơn của tác giả

D. Miêu tả vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng của cảnh vật

**Câu 6**. Bài thơ viết về chủ đề gì? Chủ đề ấy có liên quan đến nhan đề Qua Đèo Ngang như thế nào?

Chủ đề của bài thơ: tả cảnh Đèo Ngang lúc xế tà và nói lên nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ nhà thương nước của một người con hiến mình cho tổ quốc.

Nhan đề bài thơ Qua Đèo Ngang thể hiện chủ đề tác phẩm, nó mang ý nghĩa chỉ một chuyến đi qua Đèo Ngang ( đây là một con đèo vượt núi Hoành Sơn tại ranh giới của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình). Thông qua đó, tác gia đã khắc họa khung cảnh thiên nhiên Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, có sự sống con người nhưng vẫn còn hoang sơ.

**Câu 7**. Các từ láy, từ tượng hình, từ tượng thanh và phép đối có vai trò gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?

- Các từ láy có giá trị gợi hình (lom khom, lác đá) gợi cảm giác thưa thớt, ít ỏi . Nhấn mạnh sự nhỏ bé, ít ỏi, nhỏ nhoi của sự sống ở giữa cảnh vật thiên nhiên rộng lớn, hoang sơ. ⇒ Hình ảnh con người hiện lên thưa thớt, ít ỏi làm cho cảnh vật thêm hoang vắng, tiêu điều. Qua đó, gợi cảm giác buồn hiu, vắng lặng của tác giả

- Âm thanh của chim quốc quốc, gia gia: nghệ thuật lấy động tả tĩnh; chơi chữ. - Tiếng chim quốc, chim gia gia nhớ nước, thương nhà cũng chính là tiếng lòng của chính tác giả đang da diết nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ quá khứ huy hoàng của đất nước. ⇒ Tâm trạng nhớ nước, nhớ nhà, nhớ quê hương của tác giả. Đó cũng chính là tâm trạng hoài cổ của nữ sĩ

- Sự đối lập vốn có của hai câu thực khiến cho cảnh trên sông, dưới núi thêm rời rạc, thưa thớt.

**Câu 8**. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi đi qua Đèo Ngang. Vì sao nhà thơ lại có tâm trạng đó?

- Tâm trạng của người lữ khách tha hương trong buổi chiều tà ẩn dấu một nỗi buồn man mác.

Mượn cảnh nói tình: thông qua thời gian và không gian của cảnh, đặc biệt qua hai hình tượng tiếng chim quốc quốc và tiếng chim đa đa.

Gia gia: vừa nói đến tiếng chim nhưng “gia” còn có nghĩa là là. Nỗi nhớ nhà của người con xa quê. Khi mặt trời lặn xuống cũng là lúc gia đình đoàn tụ,còn bà lại đang dừng chân chốn hoang sơ hiu quạnh, nỗi nhớ nhà như càng trào dâng tha thiết.

Con quốc quốc: Tiếng chim nhưng “quốc” cũng có nghĩa  là đất nước, Tổ quốc. Bà là nho sĩ xứ Bắc Hà quặn lòng nhớ về Thăng Long xưa, nhớ về quá khứ của đất nước lúc còn hưng thịnh, lúc triều Nguyễn chưa dời kinh đô vào Huế.

- Trực tiếp tả tình: Thể hiện qua câu cuối của bài thơ: Một mảnh tình riêng ta với ta “Mảnh tình riêng” đó thật sâu sắc, thấm thía. Đây là sự đối diện với chính mình, do đó nỗi cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan nơi đất khách càng được thế hiện chân thật và sâu sắc.

**Câu 9**. Em có nhận xét gì về không gian được khắc hoạ trong bài Qua Đèo Ngang? Không gian ấy có liên quan như thế nào đến tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan?

- Không gian đèo Ngang hiện lên qua nét vẽ của bà Huyện Thanh Quan thật hoang sơ, vắng vẻ, có nét đẹp của núi non, sông nước. Nơi đây thấp thoáng sự sống của con người nhưng thưa thớt và ít ỏi. Cảnh được miêu tả vào lúc chiều tà, lại được nhìn từ tâm trạng của kẻ xa quê nên cảnh gợi lên cảm giác buồn, hoang sơ, vắng lặng. Khi đi qua đèo Ngang, nhà thơ ngắm nhìn bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của con người nơi đèo Ngang: đẹp, hoang sơ nhưng gợi buồn. Đứng giữa vũ trụ bao la, rộng lớn đã khiến thi sĩ cảm thấy cô đơn, trống vắng, lẻ loi. Bà nhớ nước, thương nhà da diết, đó là nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả.

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT  
 Tiết : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách đọc hiểu truyện lịch sử

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đa tuyến và đơn tuyển, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, cảm phục và noi theo tấm gương của các anh hùng dân tộc; nhận thức đúng năng lực và phẩm chất của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 97**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

* Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, trò chơi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs chơi trò chơi

# ĐÂY LÀ AI?

Trên màn hình là một bức tượng đài của nhân vật lịch sử mà chúng ta đang nói đến. Tuy nhiên bức tượng đài ấy đã được che đi bởi bốn miếng ghép ở mỗi miếng ghép này đều là các câu hỏi, các thông tin gợi ý cho các em để tìm ra người anh hùng lịch sử được nói đến trong bức ảnh ở phía sau. Trả lời đúng được và tìm thấy được các dẫn chứng từ dữ liệu, từ trong những tấm thẻ ghép thì chúng ta sẽ được mở lần lượt từng mảnh ghép để chúng ta tìm thấy, nhìn thấy hình ảnh người anh hùng ở phía sau và trò chơi của chúng ta kết thúc khi có người nói đúng được tên người anh hùng lịch sử được nói đến ở trong bức hình này.

**Mảnh ghép 1:** Đây là một trong 14 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu của Việt Nam?

( **Gợi ý:** Theo bảng phân loại, xếp hạng của bộ văn hóa thông tin và du lịch thì những vị anh hùng dân tộc được gọi là vị anh hùng dân tộc phải đảm bảo các tiêu chí ví dụ: Đó phải là người lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa hoặc là một cuộc kháng chiến để chống ngoại xâm bảo vệ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc mình hoặc đó có thể là một vị vua sáng lập ra một vương triều có những công việc to lớn với đất nước đối với nhân dân hay có thể là những nhà quân sự nhà chính trị, nhà văn hóa lỗi lạc, có tài năng lớn và đóng góp to lớn trong lịch sử dân tộc và đất nước thì sẽ được gọi là anh hùng.)

**Mảnh ghép 2:** Là người chấm dứt tình trạng chia cắt giữa Đàng trong và Đàng ngoài kéo dài hơn hai thế kỉ.

(**Gợi ý:** Tình trạng đất nước mình bị chia cắt thành Đàng trong và Đàng ngoài đó là câu chuyện ở thế kỉ 17,18 khi đất nước mình bị chia cắt. Đàng trong là cái vùng đất nước bị thống trị của chúa Nguyễn còn Đàng ngoài là vùng đất thuộc quyền quản lý và cai trị của chúa Trịnh. Vua Lê tuy là người nắm quyền đứng đầu cả thiên hạ nhưng không có thực quyền nên đất nước cứ bị chia cắt và cứ thế kéo dài suốt hơn hai Thế kỷ. Và nhân vật lịch sử của chúng ta chính là người đã thống nhất đất nước, dẹp tan sự chia cách Đàng trong và Đàng ngoài )

**Mảnh ghép 3:** Lãnh đạo thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống quân Xiêm và quân Thanh ( Gợi ý: Miền Nam chống lại quân Xiêm và miền Bắc chống lại quân Thanh xâm lược, người anh hùng dân tộc nào vừa có công đánh đuổi quân Xiêm, lại đại phá quân Thanh để mang lại nền độc lập tự chủ cho dân tộc mình)

**Mảnh ghép 4:** Người anh hùng áo vải sáng lập ra vường triều Tây Sơn

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

* **\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Quang Trung- người anh hùng dân tộc áo vải, cờ đào đã dựng nên nghiệp lớn mang lại nền độc lập tự chủ của dân tộc với những chiến công lừng lẫy trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta. Và ngày hôm nay chúng ta cũng sẽ cùng tìm hiểu cuộc đời sự nghiệp lừng lẫy của vua Quang Trung thông qua một văn bản rất hào hùng QUANG TRUNG ( TRÍCH HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ, NGÔ GIA VĂN PHÁI- hồi thứ 14**)**
* **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**
* **Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn**  **b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi**  **c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ**  **d) Tổ chứchoạt động:** | **I. TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  | | --- | --- | | **Thông tin** | **Nội dung** | | **Khái niệm truyện LS** |  | | **Bối cảnh lịch sử** |  | | **Nhân vật** |  | | **Cốt truyện** |  | | **Ngôn ngữ** |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1. Khái niệm truyện lịch sử**  - Là loại truyện có nội dung liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử.  - Được nhà văn hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo thành hình tượng văn học.  **2. Đặc trưng truyện lịch sử:**  **- Bối cảnh:** Là hoàn cảnh xã hội trong một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua sư kiện, nhân vật lịch sử, phong tục tập quán.  **- Nhân vật:** Nhân vật chính là người thực, việc thực, những anh hùng dân tộc.  **- Cốt truyện:** Là hệ thống sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc được sắp xếp theo ý đồ nhất định.  + Cốt truyện đơn tuyến  + Cốt truyện đa tuyến  - **Ngôn ngữ:** Phù hợp với bối cảnh lịch sử mà truyện tái hiện. |

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc:**  **2. Tìm hiểu chung:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  + Dung lượng văn bản dài, có sự xuất hiện của nhiều nhân vật, nhiều sự việc, nên cần đọc nhiều lần để nắm được các sự việc chính, từ đó đọc lưu loát, trôi chảy hơn.  + Phân biệt lời kể chuyện với lời đối thoại của các nhân vật, đọc với giọng điệu khác nhau khi nói về các nhân vật khác nhau: **tôn kính, ngưỡng mộ, ngợi ca** khi nói về Quang Trung; ngậm ngùi xót xa khi kể về tình cảnh vua tôi Lê Chiêu Thống, hả hê trước sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  **Các chiến lược đọc hiểu**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Thể loại |  | | Nhan đề |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | **a. Tác giả:** Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai (nay là huyện Thanh Oai, Hà Tây).  **b. Văn bản**  **Tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”**  **\* Hoàn cảnh sáng tác**  - Tác phẩm HLNTC được viết trong một thời gian rất dài: Từ cuối thế kỉ 18 -> đầu thế kỉ 19. Giai đoạn này xã hội Việt Nam đầy biến động, phong trào nông dân nổi lên khắp nơi, nổi bật là phong trào Tây Sơn.  **\* Thể loại:**  - HLNTC là một tiểu thuyết lịch sử được viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi  - Tác phẩm còn được viết theo thể chí (là thể văn ghi chép sự việc vừa có tính chất lịch sử, vừa có tính chất văn học)  **\* Nhan đề:**  **“*Hoàng Lê nhất thống chí*”:**  - Hoàng: vua, Lê: nhà Lê; nhất thống: thống nhất; chí: thể chí (ghi chép)  -> Ghi chép về sự thống nhất của triều nhà Lê vào thời Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 98**  **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| 1. Mục tiêu: Hs tìm hiểu chi tiết truyện v ề bối cảnh và cốt truyện 2. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi 3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ   Tổ chứchoạt động: | **1. Sự kiện** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Văn bản Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn kể về những sự kiện gì? Các sự kiện ấy liên quan đến những tuyến nhân vật nào? (Chú ý kết hợp với nội dung tóm tắt truyện ở phần đầu).   * **Thực hiện nhiệm vụ:**   + Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.   + HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.   + GV quan sát, hỗ trợ HS. * **Báo cáo kết quả:**   + HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). * **Đánh giá nhận xét:**   + HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   **Tóm tắt chuỗi sự việc:**  + Quân Thanh chiếm Thăng Long.  + 20/11/1788, Ngô Văn Sở lui về Tam Điệp  + Quang Trung lên ngôi ở Phú Xuân: Vua tự đốc xuất đại binh, tiến quân ra Bắc diệt quân Thanh ( Vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân)-1788.  + Kén thêm binh lính, mở cuộc duyệt binh lớn, chia quân thành các đạo, phủ dụ binh lính.  + Phán xét công tội của các tướng Sở, Lân.  + 30 tháng chạp mở tiệc khao quân, hẹn ngày mùng 7 thắng giặc sẽ mở tiệc ăn mừng ở Thăng Long.  + Tiến quân đến sông Gián, Hà Hồi ta đều đánh thắng giặc đến đó. -> Quân Thanh đại bại.  + Ngày mùng 3 tết QT đến Hà Hồi, mờ sáng tới Ngọc Hồi, trưa kéo vào thành Thăng Long, tướng Thanh là Tôn Sỹ Nghị chạy trốn về nước, quân Thanh đại bại.   * + Vua Lê chiêu Thống vội vã chạy theo.   - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | - Văn bản Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn kể về 3 sự kiện chính:  + Tướng giặc Tôn Sĩ Nghị chủ quan, hống hách, bắt nạt triều đình vua Lê.  + Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh.  + Vua Lê cùng một số triều thần chạy trốn lên biên giới phía bắc  - Các sự kiện ấy liên quan đến những tuyến nhân vật: Quang Trung, vua Lê Chiêu Thống, Ngô Thì Nhậm, tướng nhà Thanh như Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống,.. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu đặc điểm nội dung của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Bố cục** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  Đặt tên và nêu nội dung chính của mỗi phần (đã đánh số) trong đoạn trích.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Phần 1 (Từ đầu đến ngày “25 tháng chạp năm Mậu Thân 1788”): Quân Thanh chiếm thành Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế.  - Phần 2 (Từ đoạn "Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh" đến "vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành): Cuộc hành quân và chiến thắng vang dội của vua Quang Trung và nghĩa quân Tây Sơn.  - Phần 3 (Còn lại): Sự thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống. |
| 1. Mục tiêu: Hs tìm hiểu các nhân vật 2. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi 3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ   d) Tổ chứchoạt động: | **3. Tìm hiểu về hệ thống nhân vật trong văn bản** |
| * Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo * Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm   **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Tìm hiểu Nhân vật vua Quang Trung**  **Câu 1:** Trong văn bản, vua Quang Trung được khắc họa với hai tư cách: **một vị vua đứng đầu cả nước và một vị tướng thống lĩnh quân đội**. Em hãy cho biết trong hai tư cách này, những phẩm chất nào của con Quang Trung được thể hiện?( Gợi ý: chỉ ra những chi tiết **miêu tả thái độ, lời nói và hành động** của Quang Trung trong hoàn cảnh với các vị thế khác nhau).  **Câu 2:** Qua việc tìm hiểu những đặc điểm, tính cách của nhân vật Quang Trung hãy nêu **cảm nhận của em về nhân vật?** | **a) Nhân vật vua Quang Trung** |
| * **Thực hiện nhiệm vụ:**   + Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.   + HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.   + GV quan sát, hỗ trợ HS. * **Báo cáo kết quả:**   + HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). * **Đánh giá nhận xét:**   + HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Câu 1:**  a) **Nhân vật Quang Trung trong tư cách một vị vua** - Khi nghe tin giặt chiếm thành Thăng Long: “Bắc Bình Vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ,  , định thân chinh cầm quân đi ngay”.  - Trong lời phủ dụ tướng sĩ ở Nghệ An:  + Khẳng định quyền độc lập tự chủ của dân tộc.  + Tố cáo hành động xâm lược của kẻ thù.  + Kêu gọi toàn dân đồng sức, đồng lòng đánh đuổi kẻ thù.  – Ngỏ lòng với các tướng sĩ: chỉ lo chiến tranh kéo dài, “không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy”.  **=> Quang Trung là vị vua có tấm lòng yêu nước, thương dân.**   * Mục đích lên ngôi vua: “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”( danh bất chính- ngôn bất thuận- sự bất thành).   Biết địch- biết ta:  + Hiểu rõ thế mạnh- yếu của kẻ thù. Thấu hiểu lòng dân trong nước.  + Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”=> Chuẩn bị sẵn sàng phương lược kế sách đánh giặc.  + “Mươi ngày có thể đuổi được người Thanh... Đến tối 30 tết lập tức lên đường hẹn đến 7/5 tới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng”.=> Chưa giao chiến đã tự tin sẽ đánh nhanh, thắng nhanh.   * “Chúng là nước lớn gấp 10 nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù... Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao... Chờ 10 năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giầu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”.   + Không chỉ đánh giặc trên mặt trận quân sự, còn tính chuyện bang giao hai nước sau chiến tranh.  + Không chỉ chiến thắng trong 10 ngày còn tính chuyện 10 năm sau.  **=> Quang Trung - vị vua có trí tuệ sáng suốt tầm nhìn xa rộng.**   * Lắng nghe ý kiến quần thần:   + Nóng lòng xuất binh nhưng nghe ý kiến quần thần, lên ngôi trước.  + Hành quân thần tốc vẫn dành thời gian hỏi ý kiến người ca sĩ(Nguyễn Thiếp) trước khi xuất chiến.  **=> Quyết đoán mà không độc đoán.**   * Biết rõ ưu- nhược điểm của các tướng sĩ:   + Song ta nghĩ các ngưoi đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tùy cơ ứng biến thì không có tài.=> Sở, Lân là hạng tướng võ dũng, không giỏi trí mưu nhưng rất trung thành.  + Các người đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu.=> Ngô Thì Nhậm là kẻ tiêu mưu trí, khôn khéo có tài ăn nói.  **-> Để các tướng cạnh nhau, bổ sung cho ưu điểm khuyết điểm của nhau.**  **-> Cho Ngô Thì Nhậm giao thiệp với nhà Thanh để dẹp việc binh đao thời hậu chiến.**  **- Thưởng phạt công bằng**  Giặt đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: “Quân thua chém tướng”. Tội của các ngươi đều đáng chết một vạn lần. Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng.  **=> Khiển trách các tướng không giữ được Thăng Long. Nhưng cho cơ hội “lập công chuộc tội”.**  **“**Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc,k không tha một ai”.  **=> Động viên, khích lệ quân sĩ giết giặc lập công nhưng cũng khiển trách, cảnh báo kẻ phản bội.**  **=> Quang Trung là vị vua có tài dùng người**    - **Quang Trung là vị vua yêu nước anh minh.**  + Quang Trung là vị vua có tấm lòng yêu nước thương dân.  + Quang Trung là vị vua có trí tuệ sáng suốt và tầm nhìn xa, trông rộng.  + Quang Trung là vị vua có tài dùng người và xét đoán bề tôi.  + Quang Trung là vị vua có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.  **b) Nhân vật Quang Trung trong tư cách một vị tướng**  **-Phân tích tình hình, hiểu rõ địch- ta**  + Giặc người đông, thế mạnh nhưng từ xa đến không hiểu rõ tình hình trong nước ta; lại đóng giữ ở Thăng Long bốn mặt không có gì che chắn; tướng sĩ kiêu căng, lơ là, chủ quan khinh địch.  + Ta quân ít mà tinh nhuệ, thạo chiến trận, lại có lòng yêu nước nồng nàn.   * **Chỉ huy cuộc hành quân thần tốc**   + Chưa đầy một tuần đã từ Phú Xuân ra Tam Điệp vừa đi vừa tuyển quân, duyệt binh đội hình bài bản chỉnh tề.  + Hành quân bí mật thần tốc kết hợp với những cuộc tập kích bất ngờ khiến kẻ thù không kịp trở tay: “tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên.”   * **Vị tướng linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng chiến thuật**   + Bắt giết toàn bộ quân do thám để giữ bí mật tuyệt đối của cuộc hành binh.  + Hư trương thanh thế để hạ đồn Ngọc Hồi.  + Sáng tạo, dũng mãnh khi công đồn Ngọc Hồi.  + Cho quân truy quét gắt gao đám tàn binh đuổi giặc về  phương Bắc.   * **Vừa là người chỉ huy cao nhất, vừa là tướng tiên phong**   **+ “**liền thúc quân đuổi theo”  + “tới làng Hà Hồi”  + “lại truyền”  + “ liền gấp rút sai”  + “tiến binh đến Thăng Long rồi vào thành”   * **Hình ảnh Quang Trung giữa chiến trường**   + Khung cảnh chiến trận với hình ảnh khói tỏa mù trời, đạn pháp ầm vang.  + Quang Trung cưỡi voi đốc thúc binh sĩ chiến đấu hào hùng, oai phong, lẫm liệt. |  |
| **Cảm nhận về nhân vật Quang Trung**  Quang Trung là linh hồn của cuộc kháng chiến, là vị anh hùng dân tộc, kết tinh sức mạnh, trí tuệ lòng yêu nước và ý chí, khát vọng của toàn dân tộc. **Đó là vị vua anh minh cũng là vị tướng có tài thao lược.**  Đặt trong thế so sánh với ông vua bán nước Lê Chiêu Thống và viên tướng bại trận tôn Sĩ Nghị, **hình ảnh Quang Trung càng nổi bật, đẹp đẽ phi thường.** | Quang Trung là linh hồn của cuộc kháng chiến, là vị anh hùng dân tộc, kết tinh sức mạnh, trí tuệ lòng yêu nước và ý chí, khát vọng của toàn dân tộc. **Đó là vị vua anh minh cũng là vị tướng có tài thao lược.**  Đặt trong thế so sánh với ông vua bán nước Lê Chiêu Thống và viên tướng bại trận tôn Sĩ Nghị, **hình ảnh Quang Trung càng nổi bật, đẹp đẽ phi thường.** |
| **Nhận xét về cách xây dựng nhân vật Quang Trung**  + Hình tượng Quang Trung được tác giả Ngô Gia xây dựng dựa trên nguyên mẫu anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ trong lịch sử dân tộc (giai đoạn cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19)  + **Đại Nam liệt truyện chính biên** có ghi: “Nguyễn Huệ là em Nhạc, tiếng nói như chuông, mắt sáng như điện, giảo, kiệt, thiện chiến, ai cũng phải sợ,... lúc ra trận đều đi trước, sĩ tốt hiệu lệnh nghiêm minh, thuộc hạ anh nấy dốc lòng vâng mệnh”.  - Nhật kí của Giáo hội truyền giáo Bắc Hà gửi cho Giáo hội truyền giáo trung ương Ba Lê có viết: “Ngày 30/1/1789 Quang Trung rời Kẻ Vôi( Hà Hồi) trên lưng voi mà đến chung sức và để khuyến khích đội ngũ của ông, nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm, ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo hai cái đoản đao và chạy dọc chiến tuyến, chém rơi đầu nhiều võ quan binh lính Trung Hoa, làm rất nhiều giặc chết **trên tay ông,** ông luôn miệng hò xung phong và lúc nào cũng mở trận tuyến đầu.”  ( Đặng Phương dịch, dẫn theo **Tạp chí Sử Địa số 9** trang 224)  Nhân vật Quang Trung được tái hiện **sống động thông qua lời nói hành động, cử chỉ**. Đặc biệt những phẩm chất của nhân vật được làm nổi bật khi đặt **trong nhiều tình huống khác nhau và trong các mối quan hệ với các nhân vật khác.** |  |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. | **b) Nhân vật vua Lê Chiêu Thống** |
| P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm hiểu nhân vật vua Lê Chiêu Thống**  Nhân vật vua Lê Chiêu Thống được khắc họa qua những chi tiết tiêu biểu nào?  Hãy chỉ ra sự tương phản đối lập trong việc xây dựng các nhân vật Quang Trung, vua Lê Chiêu Thống?  **Câu 2:** Nhận xét về tình cảm, thái độ của các tác giả Ngô gia trong việc xây dựng các nhân vật ở hai tuyến đối lập trong văn bản?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**   * Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. * HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. * GV quan sát, hỗ trợ HS. * **Báo cáo kết quả:**   - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).   * **Đánh giá nhận xét:** * HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Dự kiến sản phẩm:  **Câu 1: Những hành động của nhân vật vua Lê Chiêu Thống.**   * Để giữ ngai vàng, sẵn sàng rước kẻ thù về nước. Nhất nhất nghe lệnh Tôn Sĩ Nghị. * Khi thất bại hoảng hốt chạy theo quân giặc:   + Cứớp thuyền người đánh cá để sang sông  + Chạy trốn mấy ngày không ăn, không nghỉ, ai nấy mệt lử.  + Nghe tin Tây Sơn đuổi đến, cuống quýt lo sợ tìm đường lẩn tránh. Đến doanh tôn Sĩ Nghị, vua tôi nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt.  **=> Vị vua bán nước, hại dân, hèn nhát, bạc nhược, thảm hại. Hoàn toàn trái ngược với hình ảnh của Vua Quang Trung Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật Quang Trung:**  **+** Có tấm lòng yêu nước thương dân.  + Có trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn xa rộng.  + Có tài nhìn người, dùng người.  + Có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.  **Lê Chiêu Thống**  + Bán nước, hại dân.  + Tầm nhìn cạnh hẹp, chỉ lo giữ ngai vàng.  + Tin dùng đám nịnh thần, bất tài vô dụng.  + Hèn nhát, bạc nhược, thụ động  **Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật**  => Nghệ thuật đối lập góp phần làm rõ chân dung các nhân vật: Quang Trung vừa là vị vua anh minh, sáng suốt vừa là vị tướng có tài thao lược còn Lê Chiêu Thống là tên vua bán nước, bạc nhược;  => Các tác giả cũng thể hiện thái độ, tình cảm đối với mỗi nhân vật.  **Câu 2:** Tình cảm, thái độ của các tác giả Ngô gia:  **Với Quang Trung:**  + Ca ngợi tài năng, công đức với dân, với nước  + Thể hiện sự khâm phục, ngưỡng mộ  **Với Lê Chiêu Thống**  + Không đồng tình với hành động bán nước  + Có chút ngậm ngùi, xót xa trước tình cảnh thê thảm của ông vua mất nước.  **Lí giải thái độ của các tác giả Ngô Gia: Khách quan:**  + Tài năng, công đức của Quang Trung với dân với nước là không thể phủ nhận.  + Hành động ích kỉ, bán nước hại dân của Lê Chiêu Thống không gì biện hộ được.  **Chủ quan:**  + Các tác giả giữ được ngòi bút khách quan của người chép sử khi tái hiện sự việc, đánh giá nhân vật.  + Đặt quyền lợi của dân tộc lên trên hết, khen- chê, công  -tội đều xếp theo lợi ích của dân tộc.  + Nhiều đời chịu ơn sâu nhà Lê, nên có phần xót xa, ngậm ngùi trước hình ảnh của vương triều lúc suy tàn. | Là một ông vua bù nhìn, đặt lợi ích cá nhân lên trước lợi ích của đất nước, cấu kết với nhà Thanh để đất nước rơi vào tay của kẻ thù phương Bắc. |
| Hình tượng Quang Trung và Lê Chiêu Thống trong đoạn trích có gì giống và khác với những điều em biết về các nhân vật ấy trong lịch sử?  Hình tượng Quang Trung và Lê Chiêu Thống trong đoạn trích giống với những điều em biết về các nhân vật ấy trong lịch sử.  - Quang Trung là một người có hành động quyết đoán, mạnh mẽ. Ông là người có trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn xa trông rộng và là vị vua có tài thao lược, dụng binh hơn người  - Lê Chiêu Thống là một ông vua bù nhìn, đặt lợi ích cá nhân lên trước lợi ích của đất nước. Ông ta chỉ chăm chú vào việc ăn chơi, không lo đến việc nước. Ông cấu kết với nhà Thanh để đất nước rơi vào tay của kẻ thù. Ông đã chạy trốn bán sống bán chết thậm chí còn bị đói chạy đến cửa ải để tìm đường sống. |  |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 99**  a.Mục tiêu: Hs tìm hiểu các nhân vật  b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d. Tổ chứchoạt động: | **4. Đặc điểm của một truyện lịch sử có cốt truyện đa tuyến qua văn bản** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Hãy làm sáng tỏ đặc điểm của một truyện lịch sử có cốt truyện đa tuyến qua phân tích các yếu tố nhân vật và cốt truyện trong đoạn trích?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**   * Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. * HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. * GV quan sát, hỗ trợ HS. * **Báo cáo kết quả:**   - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).   * **Đánh giá nhận xét:** * HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Dự kiến sản phẩm: | - Đoạn trích của tái hiện những diễn biến phức tạp của nhiều nhân vật khác nhau: Suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật Tôn Sĩ Nghị. Các cảm xúc, suy nghĩ, hành động của Quang Trung. Diễn biến tâm trạng, cảm xúc, hành động của vua Lê Chiêu Thống  - Tác giả đã trình bày một chuỗi các sự kiện từ việc quân Thanh sang xâm lược đến việc Nguyễn Huệ lên ngôi vua dẫn quân đánh bại quân Thanh, vua Lê Chiêu Thống và quần thần tháo chạy. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút:  \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn truyền đến người đọc thông điệp, tư tưởng gì? Tư tưởng ấy có giá trị với cuộc sống hôm nay như thế nào?  Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp về lòng yêu nước và tôn trọng lịch sử dân tộc. Những tư tưởng, thông điệp về lòng yêu nước vẫn luôn có giá trị trong cuộc sống hiện nay. Từ xưa đến nay, theo Bác Hồ nói nhân dân ta luôn có một lòng yêu nước nồng nàn yêu nước và cách thể hiện lòng yêu nước trong mỗi người sẽ có những biểu hiện khác nhau. Cho đến nay, lòng yêu nước vẫn luôn được mọi con dân đất Việt gìn giữ trong tim. Tôn trọng lịch sử dân tộc cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước, điều đó thể hiện sự kính trọng với những gì mà thế hệ trước đã để lại, đồng thời đó cũng là những bài học để thế hệ sau học hỏi, tránh phải những sai lầm không đáng có. Tôn trọng lịch sử là một trong những điều quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và bảo vệ, giữ gìn. Chính vì vậy, thông điệp về tôn trọng lịch sử dân tộc vẫn có ý nghĩa quan trọng ở hiện tại và cả mai sau. | **4. Thông điệp**  Thông điệp về lòng yêu nước và tôn trọng lịch sử dân tộc  **5. Cách đọc hiểu truyện lịch sử:**  - Xác định sự kiện  - Xác định bố cục  - Tóm tắt các sự kiện  - Tìm hiểu nhân vật  - Rút ra thông điệp mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
2. Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi
3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời
4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**   * Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo * Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực   **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu cảm nhận về chi tiết trong văn bản  Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.  ? Khi đọc hiểu truyện lịch sử em cần lưu ý gì?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**   * **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**   + Gv quan sát, lắng nghe.   + Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. * **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**   - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Gợi ý:**  **Kiểu bài:** phân tích một chi tiết trong tác phẩm văn học.  **Chủ đề đoạn văn:** chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.  **Dung lượng:** 7-9 câu  **Lựa chọn chi tiết trong văn bản, tham khảo các chi tiết sau:**  + Chi tiết vua Quang Trung nói lời phủ dụ quân sĩ ở Nghệ An.  + Chi tiết Quang Trung nói chuyện với các tướng Sở, Lân và Ngô thì Nhậm tại Tam Điệp.  + Chi tiết Quang Trung cưỡi voi tiến đánh đồn Ngọc Hồi.  + Chi tiết vua tôi Lê Chiêu Thống bỏ chạy khỏi Thăng Long.  + Chi tiết quân lính Thanh tan tác tháo chạy.  **Gợi ý:** đoạn văn có thể gồm các ý như sau:  + Hoàn cảnh xảy ra chi tiết đó  + Hành động, lời nói của nhân vật trong chi tiết  + Ý nghĩa của chi tiết đó trong việc khắc họa chân dung nhân vật hoặc thể hiện chủ đề của tác phẩm.  **Tham khảo đoạn văn:** Trong đoạn trích Quang Trung đại phá quân Thanh, tôi ấn tượng với chi tiết miêu tả cuộc chạy trốn của vua tôi Lê Chiếu Thống. Khi nghe tin quân Thanh đại bại, vua Lê Chiêu Thống cùng bầy tôi đã tìm cách chạy trốn - đây là hành động thông thường của một kẻ bán nước. Tác giả miêu tả: “Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bến sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ bắc”. Đường đường là vua của một đất nước, nhưng giờ đây, vua Lê lại phải chạy trốn, thậm chí còn phải cướp thuyền của ngư dân để chạy trốn, dường như đã mất hết tôn nghiêm, quyền lực. Tình cảnh của vua Lê càng lúc càng thảm hại: “vua Lê và những người tuỳ tòng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử”, sau phải nương nhờ một người thổ hào, cúi mình xin giúp đỡ. Ở đoạn này, t ác giả đã miêu tả khá dài với âm hưởng âm hưởng chậm rãi, nhẹ nhàng hơn nhằm thể hiện sự chua xót, ngậm ngùi. Qua đó, tác giả muốn thể hiện tấm lòng tôn kính với một vương triều mình từng phụng thờ. | **Bài tập:** Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu cảm nhận về chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho  em ấn tượng sâu sắc nhất.  **Bài 2:** Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện  nội dung bài học. |

# 4. Hoạt động 4: Vận dụng

1. Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập
2. Nội dung: HS viết
3. Sản phẩm học tập:
4. Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Tại sao hoàng đế Quang Trung được coi là một thiên tài quân sự?
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…
* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

# Kết luận, đánh giá.

Thiên tài quân sự Quang Trung:

+ Kết hợp tài tình quân sự với chính trị

+ Đánh vào mục tiêu chiến lược trọng yếu nhất

+ trong các hoạt động quân sự phải luôn hành động bất ngờ.

+ Không biết chọn thời gian và không gian thuận nhất lợi nhất để đánh địch.

+ Làm cho địch chủ quan, kêu ngạo và tuyệt đối giữ bí mật kế hoạch tấn công.

+ Không coi thường địch.

+ Biết đem tư tưởng yêu nước và tinh thần bất khuất giáo dục chắc binh sĩ.

+ Có phương pháp phân tán và tập trung quân đội nhanh chóng, hiệu quả.

+ Tập hợp được nhiều tướng lĩnh có tài, quan tâm đến đời sống của binh sĩ.

+ Luôn chú ý đến công tác tình báo

(***Theo Đặng Việt Thủy, Mười điểm nổi bật về thiên tài quân sự của hoàng đế Quang Trung***, báo giáo dục net.vn)

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài

- Soạn: Đánh nhau với cối xay gió

Tuần:

**Tiết 100,101:**  **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ**

**(Trích tiểu thuyết *Đôn Ki - hô - tê*)**

(Xéc-van-tét)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Biết cách đọc hiểu tiểu thuyết

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đa tuyến và đơn tuyển, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) trong tiểu thuyết.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có lòng dũng cảm, cao thượng không mê muội hoang tưởng, có khát vọng lí tưởng cao đẹp vì cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 100**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

* Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, trò chơi

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

d) Tổ chứchoạt động:

* Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**C1:** "Em nào đã đọc văn bản Đánh nhau với cối xay gió trong SGK? Truyện kể về ai, về sự kiện gì? Điều gì làm em ấn tượng nhất?

C2: Những hình ảnh sau gợi em nhớ đến đất nước nào? Dựa vào những hình ảnh này kết hợp với vốn hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu về đất nước đó?

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  "Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung và khám phá những điều thú vị trong văn bàn Đánh nhau với cối xay gió của Xéc-van-tét.".

C2: Nhắc đến Tây Ban Nha là nhắc đến một đất nước có nền văn hóa đặc sắc bậc nhất thế giới. Trong lĩnh vực văn học, nhà văn Xéc-van-téc đã làm rạng danh xứ sở bò tót bằng tác phẩm kinh điển *Đôn-ki-hô-tê*. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* trích trong tiểu thuyết này.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  **Các chiến lược đọc hiểu**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Thể loại |  | | Vị trí |  | | Ngôi kể |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  GV nhấn mạnh:  - Miguel de Cervantes Saavedra (1547 – 1616), sinh ra tại thị trấn gần thủ đô Ma Đrít (Tây Ban Nha) trong một gia đình quý tộc nhỏ, đã sa sút. Ông thân sinh ra Xec-van-tec làm nghề thầy thuốc, phải lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác để kiếm tiền nuôi sống bảy đứa con.  - Ông sáng tạo ra kiểu nhân vật lưỡng diện: vừa điên rồ, vừa sáng suốt, dùng tiếng cười và thủ pháp lạ hóa điêu luyện trong việc bóc trần những thói hư, tật xấu của con người và xã hội.  ***Tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê (Don Quixote).***  Đôn Ki-hô-tê, Don Quixote hay Đông-Ki-Sốt (tiếng Tây Ban Nha: Don Quixote de la Mancha) là tiểu thuyết của nhà văn Tây Ban Nha Miguel de Cervantes Saavedra (1547-1616). Tác phẩm còn có tên đầy đủ là El Ingenioso hidalgo Don Quixote de la Mancha (Đôn Kihôtê, nhà hiệp sĩ quý tộc tài ba xứ Mancha). Phần đầu tiên được xuất bản năm 1605 và phần thứ 2 xuất bản năm 1615. Đây là một trong những tiểu thuyết viết sớm nhất bằng ngôn ngữ châu Âu hiện đại và có thể cho rằng là tác phẩm gây ảnh hưởng và điển hình nhất trong danh sách các tác phẩm của văn học Tây Ban Nha. Đôn Kihôtê được coi là một trong số ít tác phẩm có nhiều người đọc nhất trong văn học phương Tây; một cuộc điều tra năm 2002 do Viện Nobel Na Uy tiến hành đã cho thấy đây là tiểu thuyết hay nhất trong mọi thời đại.  **Nội dung:** Đoạn trích kể lại việc hai thầy trò đang trên đường phiêu lưu thi bắt gặp hàng chục chiếc cối xay gió. Đôn Ki-hô-tê một mực cho rằng đó là những gã khổng lồ và quyết tâm đánh bại chúng, bất chấp lời khuyên của Xan-chô Pan-xa. Cuối cùng, cả người và ngựa đều bị thương nặng.  **Tìm hiểu chú thích:** | **a. Tác giả**  - **Mi - ghen đơ** **Xéc – van - tét** (1547 - 1616**)** **-** là nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha thời Phục Hưng.  **b. Văn bản**    **\* Hoàn cảnh sáng tác:** Ra đời trong hoàn cảnh xã hội Tây Ban Nha mê truyện kiếm hiệp đến mê muội.  - Tác phẩm gồm 2 phần, 126 chương.  **\* Thể loại:**Tiểu thuyết  **\* Vị trí:** Đoạn trích thuộc chương VIII của tác phẩm.  **\* Ngôi kể:** ngôi thứ ba |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu xác định nội dung, cốt truyện  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Tìm hiểu nội dung bố cục, đặc điểm cốt truyện** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:  **Tìm hiểu nội dung bố cục, đặc điểm cốt truyện**  Xác định nội dung chính của mỗi phần trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió. Theo em, cốt truyện trong đoạn trích này là cốt truyện đơn tuyến hay đa tuyến? Vì sao?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm)  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **a) Nội dung bố cục**  Nội dung chính của mỗi phần trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió  + Phần 1: Thầy trò Đôn-ki-hô-tê trước trận chiến đấu  + Phần 2: Hiệp sĩ liều mình tấn công lũ khổng lồ  + Phần 3: Hai thầy trò tiếp tục lên đường  b) **Đặc điểm cốt truyện:**  Cốt truyện trong đoạn trích này là cốt truyện đơn tuyến vì nó chỉ xoay quanh truyện nhân vật Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió; tất cả những con người, sự kiện trong tác phẩm đều liên quan trực tiếp tới nhân vật này. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu nhân vật  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Tìm hiểu nhân vật** |
|  |  |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  **Tìm hiểu nhân vật**  Nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa được tác giả khắc họa như thế nào? Hãy liệt kê những đặc điểm của hai nhân vật này (dáng vẻ bên ngoài, suy nghĩ, sở thích, lời nói và hành động)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Đôn Ki-hô-tê** | **Xan-chô Pan-xa** | | Dáng vẻ bên ngoài |  |  | | Suy nghĩ |  |  | | Sở thích |  |  | | Lời nói và hành động |  |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Đôn Ki-hô-tê** | **Xan-chô Pan-xa** | | Dáng vẻ bên ngoài | Gầy gò, cao lênh khênh | béo lùn | | Suy nghĩ | * Nhìn chiếc cối xay gió nghĩ là tên khổng lồ: “cánh tay chúng dài 1 ngoẵng, có đứa, cánh tay dài tới hai dặm”.   - Cho rằng "chính lão pháp sư Phơ-re-xtôn trước đây đã đánh cắp thu phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ kia thành cối xay gió". | Biết rằng đó không phải các tên khổng lồ mà chỉ là những chiếc cối xay gió. | | Sở thích | Thích đọc tiểu thuyết kiếm hiệp, suốt đêm không ngủ để nhớ đến người yêu. | Ăn uống no say và ngủ. | | Lời nói và hành động | - Do đọc quá nhiều truyện hiệp sĩ, Đôn tín Ki-hô-tê tưởng những chiếc cối xay gió là bọn khổng lồ gian ác nên chế giễu tính nhút nhát của Xan-chô: “nếu anh sợ thì hãy lánh ra xa mà cầu kinh”; lão còn thét lớn khi đánh nhau với cối xay gió: “Chớ có chạy trốn" và cảnh cáo: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội.”.  - Vì hoang tưởng nên Đôn Ki-hô-tê có hành động ngông cuồng: "tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt"; "thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang mạc, liên tưởng nhớ tới tình nương". | - Xan-chô là người tỉnh táo nên đưa ra lời khuyên can: là “chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà là những cối xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong”; "Tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng cẩn thận đấy ư, rằng đó sắp chỉ là những chiếc cối xay gió, ai mà chẳng biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay!".  - Xan-chô còn là người bạn đồng hành tin cậy, sẵn sàng cứu chủ: “nâng Đôn Ki-hô-tê dậy”; hành động vô tư, lạc quan: “ngồi lại cho thật thoải mái trên lưng lừa, lôi các thứ ở trong cái túi hai ngăn ra, vừa di theo chú vừa ung dung đánh chén, thỉnh thoảng lại tu bầu rượu một cách ngon lành. | | |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Vì sao Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió? Xan-chô nhìn nhận về cối xay gió có gì khác với Đôn Ki-hô-tê?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| **Dự kiến sản phẩm :**  – Vì đam mê truyện hiệp sĩ đến nỗi điên cuồng nên khi nhìn thấy những chiếc cối xay gió, Đôn-ki-hô-tê tướng đó là những tên khổng lồ gian ác liền lao vào giao chiến, bất chấp lời khuyên can của Xan-chô. Đằng sau những hành động, lời nói gàn dở đó lại là Đôn Ki-hô-tê mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp: có lí tưởng cao đẹp, tinh thần dũng cảm, nghĩa hiệp, mong muốn lập lại trật tự xã hội, đem lại công lí cho người nghèo,...  – Còn Xan-chô biết rằng đó chẳng phải là các tên khổng lồ mà chỉ là những chiếc cối xay gió, “và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong". | |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 101**  a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách xây dựng nhân vật  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **3. Cách xây dựng nhân vật** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Tìm hiểu cách xây dựng nhân vật  Qua đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió, em hãy tưởng tượng về tính cách của hai nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa? em có nhận xét gì về cách xây dựng hai nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô của tác giả?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | – Đôn Ki-hô-tê là một quý tộc nghèo say mê đọc tiểu thuyết hiệp sĩ và muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ để diệt trừ cái ác - nhưng lại hoang tưởng, hão huyền, không thực tế.  - Xan-chô Pan-xa là người có đầu óc tỉnh táo, đó là khía cạnh tốt, nhưng ông ta lại quá thực dụng, chỉ lo hưởng thụ cho bản thân.  – Tác giả đã thành công trong cách xây dựng hai nhân vật này, bởi cả hai có sự tương phản, đối lập nhau về mọi mặt như dáng vẻ bên ngoài, suy nghĩ, sở thích và lời nói, hành động nhưng họ lại không mâu thuẫn mà trái lại, bổ sung những điểm tốt và cả những điểm không tốt cho nhau. Vì thế, họ luôn song hành, gắn bó với nhau. Từ đó, trở thành hình tượng độc đáo để tạo nên giá trị tác phẩm. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Từ đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió, em rút ra được bài học gì cho bản thân? | **4. Thông điệp**  – Con người có lúc cũng cần mộng mơ cho cuộc sống thêm thú vị nhưng không nên hoang tưởng, xa rời thực tế.  - Khôn ngoan, tỉnh táo nhưng đừng quá thực dụng, ích kỉ, chỉ biết nghĩ đến lợi ích của bản thân mà không quan tâm đến người khác, cộng đồng. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? Khi đọc tiểu thuyết ta cần lưu ý gì ? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:** cách xây dựng nhân vật, dựng cảnh và kể chuyện tài tình độc đáo của tác giả  **2. Nội dung**  Sống cần có khát vọng, lí tưởng, hoài bão cao đẹp nhưng phải tỉnh táo, thực tế; biết quan tâm, chia sẻ với người khác, cộng đồng.  **3. Cách đọc hiểu một văn bản tiểu thuyết**  - Tìm hiểu nội dung bố cục, đặc điểm cốt truyện  - Tìm hiểu nhân vật  - Nhận xét cách xây dựng nhân vật  - Rút ra bài học |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Đôn Ki-hô-tê  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Đôn Ki-hô-tê  **Gợi ý:**  **\* Hình thức**  - Kiểu bài: nghị luận(trình bày suy nghĩ  - Chủ đề đoạn văn: Nhân vật Đôn Ki-hô-tê - Kiểu hình thức đoạn văn: diễn dịch, quy nạp hoặc phối hợp.  - Dung lượng : 7- 9 câu  \* Nội dung: suy nghĩ về:  - Dáng vẻ bên ngoài  - Sở thích  - Suy nghĩ  - Lời nói và hành động  => Nhận xét?( Đôn Ki-hô-tê là một quý tộc nghèo say mê đọc tiểu thuyết hiệp sĩ và muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ để diệt trừ cái ác - nhưng lại hoang tưởng, hão huyền, không thực tế.)  \*\*Tham khảo  Đôn Ki-hô-tê là một lão quý tộc nghèo ở nông thôn. Người lão gầy gò, cao lênh khênh, đang ở độ tuổi năm mươi. Lão say mê các truyện hiệp sĩ phiêu lưu, mạo hiểm, đầu óc ngày càng trở nên mụ mẫm, chìm đắm trong mộng tưởng hão huyền. Lão mơ ước trở thành một hiệp sĩ giang hồ đi khắp đất nước Tây Ban Nha, phò đời cứu nguy, diệt trừ lũ khổng lồ yêu quái, thiết lập lại trật tự và công lí, để lại bao chiến công oanh liệt cho đời. "Chết nhưng cái nết không chừa" bị thảm bại nhục nhã trước những chiếc cối xay gió mà vẫn còn khoác lác. Trước lời an ủi của giám mã, Đôn Ki-hô-tê đã chỉ cho anh kéo lừa biết rằng cái nghề cung kiếm thường biến hóa khôn lường, nghĩa là sự thắng bại là chuyện bình thường. Và nguyên nhân thất bại theo Đôn-ki-hô-tê là do lão pháp sư đã cắp sách vở của ông bày trò. Hắn đã thâm thù ta, hắn đã tước đi phần vinh quang chiến thắng của ta! Phải chăng đó là khẩu khí của hiệp sĩ xứ Man-tra lừng danh thiên hạ! Cảnh đánh nhau với cối xay gió đã ghi được "chiến công hiểm hách" của Đôn Ki-hô-tê, hiệp sĩ xứ Man-tra. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS TRẢ LỜI

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

Theo em, việc Đôn Ki-hô-tê say mê, muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ và hành động của nhân vật này có những điểm nào tốt và không tốt? Câu chuyện nhằm ca ngợi hay phê phán điều gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến sản phẩm:

- Việc Đôn Ki-hô-tê say mê, muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ - và hành động của nhân vật này có những điểm tốt như: có hoài - bão, có ước mơ cao cả muốn trừ gian, diệt ác; gan dạ, dùng cảm; sống hết mình với tình yêu. Tuy nhiên, Đôn Ki-hô-tê lại có những điểm không tốt như: sống khắc khổ, cứng nhắc; suy nghĩ và hành động điên rồ, hoang tưởng, xa rời thực tế.

– Câu chuyện nhằm ca ngợi tinh thần xả thân vì chính nghĩa, tình yêu thương, lòng nhân đạo, biết đấu tranh bảo vệ người lương thiện; đồng thời, phê phán lối sống hoang tưởng, luôn mộng mơ, xa rời thực tế.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Thực hành Tiếng Việt.

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 102: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÂU KHẲNG ĐỊNH VÀ CÂU KHỦ ĐỊNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1.** Kiến thức:

-Nhận biết được câu khẳng định, cầu phủ định; chỉ ra được đặc điểm về ý nghĩa và hình thức của mỗi kiểu câu,

- Phân biệt được câu khẳng định, câu phủ định (trong hình thức của câu hỏi) với câu hỏi đích thực.

- Biết biến đổi câu khẳng định thành câu có ý nghĩa tương đương, trong đó có sử dụng hai lần từ phủ định.

- Sử dụng được câu khẳng định, câu phủ định trong tạo lập văn bản.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Nói gì trong tình huống

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: TRÒ CHƠI “VÒNG QUAY MAY MẮN”

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học :**  Bài học hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu 2 kiểu câu cơ bản **CÂU KHẲNG ĐỊNH VÀ CÂU KHỦ ĐỊNH**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nhắc lại kiến thức về **CÂU KHẲNG ĐỊNH VÀ CÂU KHỦ ĐỊNH**  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chức hoạt động: | **I. NHẮC NHỚ KIẾN THỨC VỀ CÂU KHẲNG ĐỊNH VÀ CÂU KHỦ ĐỊNH** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xét những câu sau và trả lời câu hỏi**  ***a) Nam đi Huế.***  ***b) Nam không đi Huế.***  ***c) Nam chưa đi Huế.***  ***d) Nam chẳng đi Huế.***  ***Câu hỏi:***  Các câu (b), (c), (d) có đặc điểm hình thức gì khác so với câu (a)?  Những câu này có gì khác so với câu (a) về chức năng?  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  Điểm khác:  + Câu (b) có từ *không*, câu (c) có từ *chưa,* câu (d) có từ *chẳng.*  + Câu a không có các từ đó.  ->Câu (a) mang nghĩa khẳng định về sự việc em làm bài tập, còn câu (b), (c) và (d) lại phủ định điều đó.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Xét ví dụ** |
| Câu khẳng định là gì? | – Câu khẳng định là câu dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật,  sự việc nhất định.  - Về hình thức, câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang nghĩa phủ định. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ định", tức là lặp hai lần từ ngữ mang nghĩa phủ định, ví dụ: "Tháng Tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong tết Trung thu ..." (Băng Sơn) hoặc đặt từ ngữ mang nghĩa phủ định sau một từ ngữ phiếm chỉ (ai, gì, nào,...). |
| Câu phủ định là gì? | - Câu phủ định là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một nhận định nào đó.  **-** Về hình thức, câu phủ định thường có các từ ngữ mang nghĩa phủ định như: không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải, đâu (có), có... đâu, làm gì, làm sao.... Ví dụ: "Bác chưa hát vì chưa có người nghe." (Thạch Lam); "Lay chị, em nói gì đâu!" (Tô Hoài). |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm câu khẳng định và câu phủ định trong những câu dưới đây. Chỉ ra đặc điểm về ý nghĩa và hình thức của mỗi câu.  a. Tất cả những điều ấy, họ làm sao hiểu được rõ ràng, đích xác. (Ngô gia văn phái)  b. Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân (Ngô gia văn phái)  c. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi (Ngô gia văn phái)  d. Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận (Ngô Tất Tố) | **Bài tập 1**  GV hướng dẫn HS tìm câu khẳng định, câu phủ định trong những câu đã cho và chỉ ra đặc điểm về ý nghĩa, hình thức của mỗi câu:  – Câu khẳng định: các câu b), c). Về nghĩa, các câu này xác nhận sự tồn tại của  sự việc nêu trong câu: Câu b) xác nhận sự tồn tại của sự việc vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân, câu c) xác nhận sự tồn tại của sự việc Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Về hình thức, các câu b), c) đều không có từ phủ định.  – Câu phủ định: các câu a), d). Về nghĩa, các câu này đều xác nhận không tồn tại sự việc nêu trong câu (ở vị ngữ). Về hình thức, các câu này đều chứa các từ có nghĩa phủ định: làm sao ở câu a), chưa ở câu d). |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Trong hai đoạn văn dưới đây (trích văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh của Ngô gia văn phái), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để khẳng định, để phủ định? Vì sao?  a. Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?  b. Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 2**  Ở đoạn a)  + Câu khẳng định: "Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi.". Về nghĩa, câu này xác nhận sự tồn tại của sự việc nêu trong câu. Về hình thức, câu này không chứa từ có ý nghĩa phủ định (chẳng qua không phải là từ phủ định mà chỉ là tổ hợp biểu thị mức độ hạn chế của sự việc nêu sau đó).  + Câu phủ định: “Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi?". Câu này mặc dù có đặc điểm hình thức của câu hỏi (từ sao và dấu chấm hỏi) nhưng về nghĩa, không được dùng để hỏi mà dùng để phủ định (bác bỏ khả năng chống chọi của quân tổng đốc họ Tôn đối với quân Tây Sơn).  Về hình thức, câu này có thể chuyển thành câu cùng nghĩa trong hình thức của câu phủ định (Ví dụ: “Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì không thể địch nổi.”).  + Câu hỏi: “Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?”. Về nghĩa, hai câu này đều được dùng với mục đích hỏi. Về hình thức, chúng đều có đặc điểm của câu hỏi (các từ nghi vấn sao, chăng và dấu chấm hỏi).  Ở đoạn b)  + Câu hỏi: “Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón ch ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ?”. Về nghĩa, câu này được dùng với mục đích hỏi. Về hình thức, có từ nghi vấn sao và dấu chấm hỏi.  + Câu khẳng định: “Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đa khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?”. Mặc dù câu này có đặc điểm hình thức của câu hỏi (các từ có nghĩa nghi vấn há chẳng... hay sao và dấu chấm hỏi) nhưng về nghĩa, câu này không được dùng để hỏi mà để xác nhận (khẳng định) sự tổn của sự việc nêu trong câu. Về hình thức, câu này có thể chuyển thành câu của nghĩa trong hình thức của câu khẳng định (Ví dụ: “Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, chắc chắn sẽ dễ dàng hơn."). |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Chuyển những câu khẳng định dưới đây thành những câu có ý nghĩa tương đương, trong đó có sử dụng hai lần từ phủ định:  a. Ai cũng muốn đuổi chúng đi (Ngô gia văn phái)  b. Ngày nào Thị Nở cũng phải đi qua vườn nhà hắn (Nam Cao)  c. Từ đấy, ngày nào Hoài Văn cũng xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước (Nguyễn Huy Tưởng)  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài tập 3**      Câu a): Ai cũng muốn đuổi chúng đi.  → Không ai không muốn đuổi chúng đi.  - Câu b): Ngày nào thị Nở cũng phải đi qua vườn nhà hắn.→ Không ngày nào thị Nở không phải đi qua vườn nhà hắn.  Câu c): Từ đấy, ngày nào Hoài Văn cũng xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước. → Từ đấy, không ngày nào Hoài Văn không xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh (Ngô gia văn phái), trong đó có sử dụng câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ định”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

"Hoàng Lê nhất thống chí là một truyện lịch sử đặc sắc của Ngô gia văn phái viết về các sự kiện và nhân vật có thật trong lịch sử. Đọc Hồi thứ mười 14 (Quang Trung đại phá quân Thanh) của tác phẩm này, không ai không động, khâm phục trước lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, tinh t chiến đấu vô cùng dũng cảm và đặc biệt là tài thao lược về quân sự của vua Quang Trung, một trong những vị anh hùng tiêu biểu của các cuộc kháng chiến chống qu xâm lược.”.

**\* Kết luận, đánh giá.**

**\* Hướng dẫn về nhà:** Học bài, làm bài tập

**\* Chuẩn bị bài sau:** Thực hành đọc hiểu “Bên bờ Thiên Mạc”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần:

**Tiết 103: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: BÊN BỜ THIÊN MẠC**

(Trích – Hà Ân)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện lịch sử đã được hình thành qua các bài học chính trước đó.

- Nắm chắc những tri thức đọc hiểu có quan hệ mật thiết với việc đọc hiểu truyện lịch sử.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có lòng dũng cảm, cao thượng không mê muội hoang tưởng, có khát vọng lí tưởng cao đẹp vì cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

* Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Khi đất nước lâm nguy trước kẻ thù xâm lược, theo em, mỗi người dân Việt cần phải làm gì?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

d) Tổ chứchoạt động:

* Kĩ thuật/ Phương pháp: động não

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  1. Đọc:  2. Tìm hiểu chung |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  **Các chiến lược đọc hiểu**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  GV (mở rộng): Sông Thiên Mạc là tên cổ của sông Châu Giang nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Nam, là ranh giới tự nhiên giữa hai huyện Duy Tiên và Lý Nhân. Sông Thiên Mạc nối sông Hồng, sông Đáy và sông Nhuệ.  Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trên bãi sông Thiên Mạc đã diễn ra những trận đánh thắng lớn của quân đội nhà Trần và tướng quân Trần Bình Trọng. Đây cũng là đường lui của triều đình theo đường thủy theo sông Châu về Tức Mặc - Thiên Trường (Nam Định, quê hương gốc của dòng họ nhà Trần) xây dựng căn cứ trong chiến tranh, là kinh đô thứ hai, nơi nghỉ ngơi của các Thái Thượng hoàng.  Người nào cũng thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát", nghĩa là giết giặc Mông Cổ.    **Tìm hiểu chú thích:** - Nô tì  - Quốc công  - Thượng tướng quân  - Địa danh Thiên Mạc  - “Sát Thát” | **a. Tác giả**  Hà Ân tên thật là Hoàng Hiển Mô, (16 tháng 1 năm 1928  – 25 tháng 1 năm 2011 tại Hà Nội), quê ở Hà Nội; là một nhà giáo, nhà văn Việt Nam. Ông nổi tiếng với các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử, truyện kể lịch sử và dã sử.  **b. Văn bản**    **\*Hoàn cảnh sáng tác**: truyện lịch sử kể về vị tướng Trần Bình Trọng tài năng đã hy sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2 (năm 1285) khi ông mới 26 tuổi.  **\* Xuất xứ:** trích trong truyện “Bên bờ Thiên Mạc”.  **\* Thể loại**: truyện lịch sử |
| **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu văn bản gắn với sự kiện lịch sử và bố cục văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Tìm hiểu văn bản gắn với sự kiện lịch sử và bố cục văn bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Tác phẩm Bên bờ Thiên Mạc gắn liền với sự kiện lịch sử nào của dân tộc? Xác định nội dung chính của mỗi phần trong đoạn trích.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm)  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Tác phẩm Bên bờ Thiên Mạc gắn liền với sự kiện lịch sử của dân tộc: vua tôi nhà Trần chống quân Mông - Nguyên - xâm lược lần thứ hai.  – Nội dung chính của mỗi phần:  + Phần (1): Trần Bình Trọng giao nhiệm vụ quan trọng và tuyệt mật cho Hoàng Đỗ.  + Phần (2): Trước giờ chia tay, Trần Bình Trọng xoá vết xăm nô tì trên trán Hoàng Đỗ để cậu bé trở thành người dân tự do. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu nhân vật  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Tìm hiểu nhân vật** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Hãy liệt kê tên các nhân vật trong đoạn trích. Những nhân vật nào là nhân vật có thật trong lịch sử?  - Trong đoạn trích có các nhân vật: Trần Bình Trọng, cha con Hoàng Đỗ, Trần Quốc Tuấn.  – Những nhân vật có thật trong lịch sử: Trần Bình Trọng, Trần Quốc Tuấn.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  **Tìm hiểu nhân vật**  Nêu một số chi tiết cụ thể (lời nói, suy nghĩ, hành động,...) mà tác giả đã sử dụng để khắc hoạ về Trần Bình Trọng, Trần Quốc Tuấn và Hoàng Đỗ. Từ đó, nhận xét về tính cách, phẩm chất của ba nhân vật ấy.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | Trần Bình Trọng | Trần Quốc Tuấn | Hoàng Đỗ | | Lời nói |  |  |  | | Suy nghĩ |  |  |  | | Hành động |  |  |  | | Nhận xét về tính cách, phẩm chất |  |  |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | Trần Bình Trọng | Trần Quốc Tuấn | Hoàng Đỗ | | Lời nói | “Em hãy quỳ xuống và ngẩng mặt lên!”, “Lòng em hằn khao khát điều này.”; “Hoàng Đỗ! Kể từ lúc này, em không còn là một nô tì nữa. Kể từ lúc này, em là em nuôi của ta! Em có bằng lòng không?”,. | “Cháu sẽ trao tận tay Thượng tướng quân bản lệnh này và chỉ được trao cho chính tay Thượng tướng quân mà thôi.”, “Ta cũng đã nghĩ trước điều đó rồi. Khi ấy, cháu sẽ trao cái khoá bạc này cho Thượng tướng quân. Thượng tướng quân suy nghĩ rồi sẽ hiểu được ý ta. Nếu vật này có rơi vào tay quân Nguyên, chúng cũng không thể nào ngờ được rằng chiếc khoá bạc có liên quan gì đến vận nước đâu.",... | “Thưa Quốc công, cháu chỉ là thằng bé chăn ngựa. Nhưng bố cháu đã dạy cháu phải trung với nước. Dù có chết cho nước, cháu cũng không sợ, nhưng cháu sợ không đảm đương nổi việc này.”, “Khi chúng cháu xông vào, chúng cháu liều chết với giặc, cuối cùng... cuối cùng, chúng cháu không chết mà chính lũ giặc đứa thì chết, đứa thì bỏ chạy "bán mạng...",... | | Suy nghĩ | “Cậu bé chăn ngựa đã biết đem tất cả những gì mình có, từ trí tuệ, tài năng đến tấm lòng hiến dâng cho nước. Có được những người lính như thế này thật là một hạnh phúc đối với những người làm tướng.”, nhớ lại và thấy trước đây “chưa đối xử rộng tình với quân sĩ và gia nô”, muốn phần thưởng “phải xứng với một cậu bé như Hoàng Đỗ”, “cảm thấy sung sướng và bằng lòng về hành động của mình”. | “hài lòng vì Hoàng Đỗ tỏ ra hiểu bãi lầy”. | “nhận viên sáp và cúi đầu nghĩ ngợi”.... | | Hành động | Đưa cha con Hoàng Đỗ về gặp Trần Quốc Tuấn, “dùng mũi kiếm rạch lên trán Hoàng Đỗ thành một ô vuông nhỏ và lột làn da có thích chàm ba chữ “Quan trung khách”, ba chữ phân biệt những người dân tự do với các nô tì thân phận gần như loài vật”, “cắt một vạt áo chiến của mình và dùng thuốc dấu buộc trán cho Hoàng Đỗ”, “đặt hai tay lên đôi vai của cậu bé và nói với tất cả niềm xúc động, trìu mến", “ôm cậu bé vào lòng”.... | “Trần Quốc Tuấn trao viên sáp cho Hoàng Đỗ.”, “chăm chú ngắm cậu bé”, “nheo mắt cười", "Ông móc trong bọc ra một vật và khẽ rung cổ tay.”, “muốn để hai thầy trò tự do hơn, ông vẫy ông già Màn Trò cùng ra khỏi lều”. | “sụp lạy Trần Quốc Tuấn rồi quay sang lạy từ Trần Bình Trọng”, “toan cúi lạy Trần Bình Trọng để tạ ơn”..... | | Nhận xét về tính cách, phẩm chất | Trần Bình Trọng là người sống rất tình cảm, trân quý những người có trí tuệ, tài năng và hết lòng phụng sự cho đất nước. | Trần Quốc Tuấn có tư thế bình tĩnh, ung dung, tự tại của người đứng đầu trong cuộc chiến tranh, biết đặt niềm tin đúng người để giao nhiệm vụ quan trọng. | Hoàng Đỗ tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã có chí lớn, dũng cảm, mưu trí. | | |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Đặc điểm của truyện lịch sử được thể hiện qua nhứng yếu tố nào ở văn bản này?   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Nội dung thể hiện** | | Đề tài |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Ngôn ngữ |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **3. Đặc điểm của truyện lịch sử thể hiện trong văn bản**  - Đề tài: Công cuộc kháng chiến của vua tôi nhà Trần chống quân Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai (năm 1285).  - Cốt truyện: Câu chuyện xoay quanh việc Trần Quốc Tuấn - giao nhiệm vụ hết sức quan trọng và tuyệt mật cho Hoàng Đỗ, con ông già Màn Trò, một nô tì ở vùng Thiên Mạc. Trước giờ chia tay, Trần Bình Trọng đã xoá vết xăm nô tì trên trán Hoàng Đỗ để cậu bé trở thành người dân tự do.  - Nhân vật: Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng có thật trong lịch sử; cha con Hoàng Đỗ là nhân vật hư cấu.  – Ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử thời nhà Trần mà truyện tái hiện. Tác giả đã tái hiện được không khí, sự kiện và con người lịch sử thời nhà Trần một cách sinh động. Trong đoạn trích Bên bờ Thiên Mạc có các từ ngữ chỉ tước hiệu thời phong kiến như: Quốc công, Thượng tướng quân,... hay từ ngữ tái hiện được không khí thời Trần: con đường qua Màn Trò, vượt xong bãi lầy, trận phá vây ải Khả Lá,... |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm ? Khi đọc tiểu thuyết ta cần lưu ý gì ? | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:** - Cách kể chuyện lịch sử hào hứng và đầy thú vị.  -Nhà văn Hà Ân có vốn kiến thức lịch sử sâu sắc, cùng với bút pháp, văn phong sinh động, Hà Ân đã tạo được không khí cho câu chuyện và hấp dẫn bạn đọc.  - Đoạn trích mang văn phong lịch sử với cốt truyện, bối cảnh nhân vật lịch sử có thật và nhân vật hư cấu (cha con Đỗ Hoàng)  **2. Nội dung:**  Đoạn trích ca ngợi vị tướng Trần Bình Trọng giỏi tài thao lược, dùng binh, cách ông ứng xử với nhân dân và yêu thương gần gũi nhân dân. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Trong đoạn trích trên, điều gì gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với em? Vì sao?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | Trong đoạn trích có nhiều điều gây ấn tượng, HS có thể tuỳ chọn. Ví dụ: Trần Bình Trọng xoá vết xăm nô tì trên trán của Hoàng Đỗ để cậu bé trở thành người dân tự do. Đó là món quà vô cùng quý giá mà Trần Bình Trọng trao cho Hoàng Đỗ với tình cảm yêu quý như anh em ruột thịt. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS TRẢ LỜI

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

Đoạn trích Bên bờ Thiên Mạc giúp em hiểu thêm được gì về tấm lòng của những người con nước Việt khi đất nước có giặc ngoại xâm?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến sản phẩm:

Khi có giặc ngoại xâm thì những người con nước Việt luôn có ý thức cao về trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân đối với đất nước, dân tộc để đánh đuổi giặc thù, bảo vệ non sông. Vì vậy, họ không hề lo sợ trước những nguy nan, gian khổ, sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân, lên đường chiến đấu chống giặc thù với ý chí quyết tâm cao.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

\*\***Chuẩn bị bài sau:** Ôn tập giữa kì 2

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 104,105: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về đọc hiểu văn bản truyện, thơ Đường luật và truyện lịch sử và tiểu thuyết; kiến thức tiếng Việt trong các bài 6,7,8.

- Củng cố kiến thức về quá trình tạo lập và vận dụng tạo lập hoàn chỉnh bài văn phân tích một tác phẩm truyện và phân tích một tác phẩm thơ;

**2. Năng lực**

**- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản đã học để thực hiện các đề minh họa kiểm tra đánh giá giữa học kì II.**

**- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.**

**2. Phẩm chất**

**- Chăm chỉ: tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ ôn tập.**

**- Trách nhiệm: nỗ lực, trung thực trong làm bài kiểm tra.**

**II. Phương tiện dạy học và học liệu**

**- Máy chiếu, máy tính.**

**- Các đề kiểm tra minh họa.**

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 104**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Giúp học sinh kết nối kiến đã học vào nội dung ôn tập, tạo tâm thế hào hứng cho việc ôn tập.

***b. Nội dung:***Hs nghe nhớ lại và trả lời câu hỏi

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* HĐ1: Tổng hợp kiến thức trọng tâm đã học***  **- GV chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức theo từng nội dung được phân công, dưới dạng các tấm thẻ có kích thước A6 (sơ đồ tư duy hoặc infographic).**  **+ Nhóm 1: Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện;**  **+ Nhóm 2: Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Đường;**  **+ Nhóm 3: Tổng hợp kiến thức tiếng Việt về** từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; biện pháp tu từ đảo ngữ;  **+ Nhóm 4: Tổng hợp kiến thức tiếng Việt** về câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  **+ Nhóm 5: Yêu cầu của bài văn** phân tích một tác phẩm truyện**;**  **+ Nhóm 6: Yêu cầu của bài văn** phân tích một tác phẩm **thơ.**  **- HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi**  **- GV gọi 6 HS đại diện mỗi nhóm trả lời câu hỏi; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**  **- GV tổng hợp kiến thức, nhấn mạnh và khắc sâu 1 số KT về nội dung văn bản, tiếng Việt và kĩ năng viết.** | **I. Kiến thức trọng tâm**  **1. Phần đọc hiểu**  ***1.1. Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện***  - Đọc và tóm tắt truyện, nắm bắt được sự kiện chính của truyện.  - Chỉ rõ chất hiện thực thể hiện trong truyện.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...) và tác dụng của các yếu tố hình thức trong văn bản.  - Phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) mà nhà văn muốn gửi đến người đọc qua văn bản.  - Phân tích, nhận xét đặc điểm của nhân vật dựa trên các biểu hiện: hành động cử chỉ, lời nói, tình cảm, suy nghĩ.  - Chỉ ra nội dung, ý nghĩa của truyện và kết nối với cuộc sống, với bản thân.  ***1.2. Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Đường luật***  - Đọc nhanh văn bản để nhận diện, xác định thể loại, các từ khó, điển tích, điển cố và nội dung bao quát của văn bản.  - Đọc kĩ, xác định và phân tích kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các biện pháp tu từ, phép đối, nhãn tự,… và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tư tưởng, quan niệm về con người, cuộc sống một cách kín đáo, tinh tế trong văn bản.  - Xác định được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến bạn đọc.  - Liên hệ, kết nối với bản thân và cuộc sống về những vấn đề văn bản gợi mở.  **2. Phần tiếng Việt**  ***- Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội***  + Từ ngữ toàn dân là những từ ngữ sử dụng rộng rãi trong các vùng miền của đất nước, ví dụ: cha,mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,…  ***+*** Từ ngữ địa phương là những từ ngữ được sử dụng trong một vùng miền nhất định, ví dụ: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa…  + Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định.  *Ví dụ*: một số từ ngữ được tạo ra bằng cách nói, viết lệch chuẩn như bít (biết), rùi (rồi), pó tai (bó tay) hoặc nói tắt như ga tô (ghen ăn tức ở), chuyển nghĩa như hồng lâu mộng (mơ mộng), thâm chí “nói bồi” tiếng nước ngoài như nâu pho gâu (no four go – vô tư đi)….là những biệt ngữ đang phổ biến trong giới trẻ.  ***+ Một số lưu ý khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội***  - Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.  - Tùy hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội sẽ tăng hiệu quả giao tiếp.  - Không phải đối tượng giao tiếp nào cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.  - Sử dụng biệt ngữ xã hội trong đời sống cũng như trong tác phẩm văn chương đều cần có chừng mực để bảo đảm hiệu quae giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc.  ***- Biện pháp tu từ đảo ngữ***  ***+*** Đảo ngữ là biện pháp tư từ, theo đó, một bộ phận câu được chuyển từ vị trí thông thường (vốn có) sang vị trí khác nhằm nhấn  mạnh vào sự vật, sự việc được biểu thị bởi bộ phận đó hoăc tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn.  + Ví dụ: “Chị Mơ thấy cháu mệt thì đi nấu cháo. Cháo, cháu cũng không ăn được.” (Nguyễn Thị Ngọc Tú)  ***- Câu hỏi tu từ***  + Là câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không dùng để hỏi mà để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cầu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định.  Ví dụ: “Đưa người, ta không đưa qua sông/ Sao có tiếng sóng ở trong lòng/ Bóng chiều không thắm, không vàng vọt/ Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?” (Thâm Tâm)  ***- Từ tượng hình và từ tượng thanh***  + Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh của sự vật, ví dụ: Lom khom, lênh khênh, rũ rượi, xộc xệch, vắt vẻo,…  + Từ tượng thanh là từ gợi tả (mô phỏng) âm thanh của tự nhiên hoặc âm thanh do con người tạo ra, ví dụ: ào ào, ha hả, róc rách, ù ù,…  + Tác dụng: Từ tượng hình và từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; do đó, thường được sử dụng trong thơ văn và lời ăn tiếng nói hằng ngày. |
| **3. Phần viết**  ***3.1. Yêu cầu của bài văn bài văn phân tích một tác phẩm truyện***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | | **Nội dung** | | **Nội dung** | ***Mở bài*** | - Giới thiệu tác phẩm văn học;  - Nêu ý kiến khái quát về chủ đề;  - Nêu ý kiến khái quát về nét đặc sắc nghệ thuật. | | ***Thân bài*** | **- Luận điểm 1:** Khái quát về chủ đề truyện  **- Luận điểm 2: Đặc sắc về nghệ thuật (**hình thức nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm)  ***+ Đặc sắc thứ nhất về nghệ thuật của tác phẩm***:  (*Ví dụ: xây dựng một cốt truyện và tình huống truyện).*  ++ Câu nhận định  ++ Bằng chứng để làm nổi bật nét đặc sắc thứ nhất  ++ Lí lẽ để làm nổi bật nét đặc sắc thứ nhất  ***+ Đặc sắc thứ hai về nghệ thuật của tác phẩm****:*  *(Ví dụ: miêu tả, khắc hoạ tâm hồn của nhân vật chính trong truyện).*  ++ Câu nhận định  ++ Bằng chứng để làm nổi bật nét đặc sắc thứ hai  ++ Lí lẽ để làm nổi bật nét đặc sắc thứ hai  ***+ Đặc sắc thứ ba về nghệ thuật của tác phẩm***:  *(Ví dụ: Cách xây dựng chi tiết đặc sắc trong truyện).*  ++ Câu nhận định  ++ Bằng chứng để làm nổi bật nét đặc sắc thứ ba  ++ Lí lẽ để làm nổi bật nét đặc sắc thứ ba | | ***Kết bài*** | **- Kết bài**  **Nêu được những ý sau:**  - Khẳng định lại ý kiến về chủ đề của tác phẩm:  - Khẳng định lại ý kiến về đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm:  - Nêu cảm nghĩ về tác phẩm. | | **Hình**  **thức** | ***Kiểu bài*** | Nghị luận | | ***Bố cục*** | Đảm bảo 3 phần MB – TB – KB, dung lượng cân đối, hợp lí. | | ***Chínhtả, ngữ pháp*** | Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt. |   ***3.2. Yêu cầu của bài văn bài văn phân tích một tác phẩm thơ***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | | **Nội dung** | | **Nội dung** | ***Mở bài*** | + Giới thiệu thông tin tác giả, tác phẩm  + Cảm nhận chung về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | | ***Thân bài*** | Phân tích bài thơ theo hệ thống luận điểm  + Luận điểm 1: Nêu chủ đề của bài thơ.  + Luận điểm 2: Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề của bài thơ, có thể lựa chọn một số cách triển khai:   * Theo trình tự bố cục bài thơ (VD: Khởi – thừa – chuyển – hợp; Đề – thực – luận – kết) * Theo các yếu tố đặc trưng của thể thơ (VD: Nghệ thuật sử dụng từ ngữ – nghệ thuật xây dựng hình ảnh – các biện pháp tu từ,…)   *Chú ý: Cần lựa chọn được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật, dấu ấn cá nhân của tác giả,… để phân tích, từ đó làm nổi bật giá trị nội dung (tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ, ý nghĩa,…) của bài thơ.*  + Kết hợp bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về bài thơ và tác giả. | | ***Kết bài*** | + Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  + Khẳng định tài năng của tác giả. | | **Hình**  **thức** | ***Kiểu bài*** | Nghị luận | | ***Bố cục*** | Đảm bảo 3 phần MB – TB – KB, dung lượng cân đối, hợp lí. | | ***Chính tả, ngữ pháp*** | Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt. | | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 105** | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* HĐ2: Vận dụng đọc hiểu***  - GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu mở rộng.  - HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn  - GV gọi HS bất kì trình bày bài, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung  - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức và chốt ra kĩ năng làm bài đọc hiểu văn bản truyện ngắn trữ tình; văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ. | **II. Vận dụng.**  **1. Vận dụng đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.** |

**Phần I. ( 6 điểm) Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

***CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ***

(**Bà Huyện Thanh Quan)**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn.  
Gác mái, ngư ông(1) về viễn phố(2),  
Gõ sừng, mục tử(3) lại cô thôn(4).  
Ngàn mai(5) gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu(6) sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn Chương Đài(7) người lữ thứ(8),  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn(9)?*

(Nguồn: Trần Trung Viên*, Văn đàn bảo giám*, NXB Văn học, 2004)

**Chú thích:**

1. *Ngư ông:* ông già câu cá/ đánh cá
2. *Viễn phố:* nơi bến xa
3. *Mục tử:* đứa trẻ chăn trâu
4. *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
5. *Ngàn mai*: rừng mai
6. *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
7. *Chương Đài*: Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Bà Huyện Thanh Quan đã vận dụng điển tích ấy một cách sáng tạo. "Chương Đài" và "lữ thứ' trong văn cảnh gợi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.
8. *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
9. *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

………………………………………………………………………….

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. **Bài thơ được viết theo thể thơ nào?**

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật **B. Thất ngôn bát cú Đường luật**

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật D. Song thất lục bát

**Câu 2**. **Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?**

A. Biểu cảm kết hợp tự sự B. Nghị luận kết hợp biểu cảm

C. Miêu tả kết hợp tự sự **D. Biểu cảm kết hợp miêu tả**

**Câu 3**. Từ nào sau đây **không phải** là từ Hán Việt trong bài thơ?

A. *viễn phố* B. *mục tử* **C. *ngàn mai*** D. *ngư ông*

**Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau**:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

A. Nhân hoá B. Ẩn dụ **C. Đảo ngữ** D. Đối lập

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.

B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.

**C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc.**

D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.

**Câu 6. Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:**

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.

B. Hình ảnh thơ gợi cảm, nghệ thuật lấy động tả tĩnh,

**C. Lời thơ trang nhã, giọng thơ man mác, hoài cổ, tả cảnh ngụ tình đặc sắc.**

D. Ngôn ngữ thơ Nôm giàu sức biểu cảm, táo bạo, giàu tính triết lý.

**Câu 7. Nhận xét tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?**

*Kẻ chốn Chương Đàingười lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

**A. Buồn, cô đơn, nhớ nhà, nhớ quê**  B. Buồn thương man mác

C. Nuối tiếc, hoài niệm quá khứ D. Cô đơn, trống vắng, bâng khuâng

**Câu 8. Dòng nào nói đúng nhất cách ngắt nhịp của bài thơ?**

A. 2/2/3;4/3 B. 4/3;2/5 C3/4; 2/2/3 D. 2/5;4/3

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Phát biểu ngắn gọn chủ đề của bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà” của Bà Huyện Thanh Quan

**Câu10**. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. (Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

**II. Phần viết. (4 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ ***Chiều hôm nhớ nhà*** của Bà Huyện Thanh Quan.

**HƯỚNG DẪN LÀM**

**I. Phần đọc hiểu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | B | D | C | C | C | C | A | B |
| 9 | Chủ đề bài thơ:  Bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là một áng văn đậm ân tình và cảm xúc của tác giả đối với quê hương của mình: bài thơ bày tỏ nỗi lòng, tâm sự thương nhà, nhớ quê. Đồng thời thi phẩm cũng thể hiện sự buồn chán của nữ thi sĩ với triều đại hiện tại, lòng bà chỉ hướng về ánh hào quang của quá khứ. | | | | | | | 1.0  0.5  0,5 |
| 10 | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;   -  **Nội dung:** Ýnghĩa của việc gắn bó với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương.  + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người.  … | | | | | | | 1,0 |
|  | **VIẾT** | | | | | | | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo về hình thức: một bài văn phân tích một tác phẩm thơ, bố cục 3 phần: MB, TB, KB* | | | | | | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*:  Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. | | | | | | | 0,25 |
| c. HS có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | | | | | | | **3.0** |
| **1. Mở bài**:  - Giới thiệu khái quát về Bà Huyện Thanh Quan (những nét chính về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác…).  - Giới thiệu khái quát về bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (hoàn cảnh sáng tác hoặc tóm tắt nội dung)  **2. Thân bài**  ***\* Hoàn cảnh sáng tác:*** Bài thơ được Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ sĩ trên đường thiên lí vào kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn.  **Luận điểm 1. Phân tích đặc điểm nội dung bài thơ.**  **\* Hai câu đề.**  - Câu thơ đầu tả ánh hoàng hôn một buổi chiều viễn xứ. Hai chữ "bảng lảng" là từ láy có giá trị tạo hình đặc sắc: ánh sáng lờ mờ lúc sắp tối, mơ hồ gần xa, tạo cho bức tranh một buổi chiều thấm buồn:  "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn".  Ánh nắng chiều "bảng lảng", le lói những tia sáng cuối cùng trước khi lụi tàn khiến con người cảm thán vì vẻ đẹp đó, cũng nuối tiếc một ngày đã qua.  - Đối với người đi xa, khoảnh khắc hoàng hôn, buồn sao kể hết được? Nỗi buồn ấy lại được nhân lên khi tiếng ốc (tù và) cùng tiếng trống đồn "xa đưa vẳng" lại. Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống đồn trên chòi cao) của không gian được diễn tả qua các hợp âm ấy, đã gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có âm thanh (tiếng ốc, trống đồn) tạo cho cảnh hoàng hôn miền đất lạ mang màu sắc dân dã, khiến con người bồi hồi, muốn quay trở về nhà.  **\* Hai câu thực**  - Chiều tà, ngư ông cùng con thuyền nhẹ trôi theo dòng sông về viễn phố (bến xa) với tâm trạng của một "ngư ông" - ông chài nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê:  - Cùng lúc đó, lũ trẻ đưa trâu về chuồng, trở lại "cô thôn", cử chỉ "gõ sừng" của mục đồng thật hồn nhiên, vô tư.   -> Đó là hai nét vẽ về con người lao động, hai bức tranh tuyệt đẹp nơi thôn dã vô cùng thân thuộc. Nhưng vẫn gợi không khí buồn man mác, cô đơn, lẻ loi nhuốm màu tâm trạng của con người. Sự sống vẫn diễn ra chỉ có điều nó tẻ nhat, tiêu điều. hai từ Hán Việt “viễn phố” và “cô thôn” đã thể hiện rõ nét điều đó.  **\* Hai câu luận.**  "*Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỏi,*  *Dặm liễu, sương sa khách bước dồn".*  - NT đảo ngữ làm nổi bật cái bao la của nẻo đường xa miền đất lạ: Ngàn mái xào xạc trong "gió cuốn"; gió mỗi lúc một mạnh; cánh chim mỏi bay gấp về rừng tìm tổ. Sương sa mù mịt dặm liễu.  - Trên con đường sương gió ấy, lạnh lẽo ấy chỉ có một người lữ khách, một mình một bóng đang "bước dồn" tìm nơi nghỉ trọ.  -> Hai hình ảnh "chim bay mỏi" và "khách bước dồn" là hai nét vẽ đăng đôi, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Con người như bơ vơ, lạc lõng giữa “gió cuốn" và "sương sa", đang sống trong khoảnh khắc sầu cảm, buồn thương ghê gớm.  **\* Hai câu kết:**  Hai câu kết hội tụ, dồn nén lại tình thương nhớ. Người lữ thứ trong chiều tha hương thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết:  *"Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,*  *Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".*  - Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Bà Huyện Thanh Quan đã vận dụng điển tích ấy một cách sáng tạo. "Chương Đài" và "lữ thứ" trong văn cảnh gợi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.  - "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng ai cũng biết đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn” là nóng lạnh, "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự. Nữ sĩ cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết, càng khao khát đoàn viên, khát khao mong gặp người chia sẻ. Câu thơ thấm đẫm nỗi buồn tủi, cô đơn gần như tuyệt đối của nhà thơ. (Liên hệ đến nỗi cô đơn trong bài thơ *Qua đèo Ngang* ở 2 câu cuối)  - Đặt bài thơ của nữ sĩ vào bối cảnh lịch sử như thế, ta có hiểu sâu thêm cái buồn trong lòng bà: cái buồn thời đại.  **\* Luận điểm 2. Phân tích giá trị nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.**  - "Chiều hôm nhớ nhà" kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật hàm súc, cô đọng. Có thể coi đó là bút kí - thơ vô cùng độc đáo.  - Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt (bảng lảng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn.  - Phép đối, nghệ thuật tương phản, đảo ngữ …. diễn tả nổi bật khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống và nỗi niềm tâm sự của nhà thơ.  - Bút pháp tả cảnh ngụ tình quen thuộc trong thơ cổ điển, từng hình ảnh, từng âm thanh đều gợi đến tâm trạng nhớ nhà của nữ sĩ.  - "*Chiều hôm nhớ nhà*" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, bâng khuâng. Thơ bà buồn, nhưng không vì thế mà mất vẻ đẹp gợi cảm. Trái lại, nhờ vậy càng tăng thêm phần đặc sắc. Thơ bà đẹp một cách trầm lặng như chính tâm hồn bà.  **3. Kết bài**  - Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà huyện Thanh Quan. | | | | | | | 0.5  1.5  0.5  0.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | | | | | | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ... | | | | | | | 0,25 |

**\* HDVN**: Ôn tập để chuẩn bị cho 2 tiết kiểm tra giữa kỳ

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tuần

**TIẾT 106,107: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

**-** Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về kiến thức HS học được ở bài 6,7 (Truyện, Thơ).

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực làm bài kiểm tra.

- Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Tích cực làm bài

- Trung thực: Làm bài nghiêm túc

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Bảng mô tả, ma trận trọng số, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm.

**2. học sinh:**

- Đồ dùng học tập

**III. Tiến trình dạy học**

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc -hiểu** | Truyện ngắn |  | 2 |  | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | **6,5** |
| **2** | **Viết**  **đoạn văn** | Viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **3,5** |
| **Tổng** | | |  | **25** |  | **40** | **0** | **25** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **40** | | **25** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **65** | | | | **35** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| Phần I. | **Đọc-hiểu** | Truyện ngắn | **\*Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  **\*Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  **\* Vận dụng.**  - Từ nội dung câu chuyện và hiểu biết của em, viết đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ về vai trò của trải nghiệm đối với tuổi trẻ | 2 | 2 |  | 1 |
| Phần  II. | **Viết**  **đoạn văn** | Viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ | **\*Nhận biết:** Nhận biết được đối tượng, định hướng được cách làm.  **\*Thông hiểu:** Đảm bảo cấu trúc, xác định đúng yêu cầu đề.  **\*Vận dụng cao:** Viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
| **Tổng** | | |  | **2** | **2** | **1TL** | **2TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **40** | **10** | **25** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **65** | | **35** | |

**III. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,5 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Một ngày nọ, người bố giàu có dẫn cậu con trai của mình thăm thú một ngôi làng. Người bố muốn cho con trai của mình thấy một người nghèo có thể nghèo đến mức nào. Họ đã dành thời gian tham quan cánh đồng của một gia đình nghèo. Sau khi trở về, người bố hỏi cậu con trai:*

*- Con thấy chuyến đi thế nào?*

*- Rất tuyệt bố ạ!*

*Người bố hỏi:*

*- Con đã thấy người nghèo sống thế nào chưa?*

*- Vâng, con thấy rồi ạ!*

*- Vậy nói cho bố nghe, con học được gì từ chuyến đi này?*

*Cậu bé trả lời:*

*- Chúng ta có một con chó, họ có bốn. Chúng ta có bể bơi, họ có những con sông. Chúng ta dùng đèn vào ban đêm, còn họ có những ngôi sao. Chúng ta có những bức tường để bảo vệ mình, họ có bạn bè. Chúng ta có ti vi, còn họ dành thời gian cho gia đình và họ hàng.*

*Cậu bé nói thêm:*

*- Cảm ơn bố đã cho con thấy chúng ta nghèo như thế nào!*

*Người bố vô cùng ngạc nhiên, ông nhìn cậu con trai, mỉm cười đáp:*

*- Chúng ta không giàu có chỉ vì có nhiều tiền. Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực mới khiến chúng ta thực sự giàu có con ạ!*

**(*“Cảm ơn bố đã cho con thấy chúng ta nghèo như thế nào?”,***dẫn the *http://quantrimang.com/cau-chuyen-y-nghia-ve-cuoc-song,* 2018)

**Câu 1**. Xác định các sự việc chính của truyện.

**Câu 2:** Trong văn bản, cácnhân vật chủ yếu được khắc họa ở phương diện nào?

**Câu 3:** Lí do nào khiến nhân vật người bố *“vô cùng ngạc nhiên”* về con sau chuyến đi?

**Câu 4:** Chỉ ra phép liên kết và từ ngữ dùng để liên kết trong đoạn: *“Chúng ta có những bức tường để bảo vệ mình, họ có bạn bè. Chúng ta có ti vi, còn họ dành thời gian cho gia đình và họ hàng”.*

**Câu 5:** Em có đồng tình với quan điểm của người bố *“Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực mới khiến chúng ta thực sự giàu có”* trong văn bản không? Vì sao?

**Câu 6:** Từ nội dung câu chuyện, kết hợp những hiểu biết của em, hãy viết đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về vai trò của trải nghiệm đối với tuổi trẻ.

**PHẦN II. VIẾT (3,5 điểm)**

Viết đoạn văn theo phép lập luận diễn dịch khoảng 15 câu, ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ “Thưa thầy” – Tác giả Tạ Nghi Lễ. Đoạn văn có sử dụng 1 câu khẳng định, gạch chân câu khẳng định.

**THƯA THẦY**

Tác giả: Tạ Nghi Lễ

Thưa thầy, bài học chiều nay

Con bỏ quên ngoài cửa lớp

Dưới gốc phượng già, nằm nghe chim hót

Con hóa mình thành bướm và hoa

Thưa thầy bài tập hôm qua

Con bỏ vào ngăn khóa kín

Mải lượn lờ theo từng vòng sóng

Cái ngã điệu đàng, sân trượt patin

Thưa thầy, bên ly cà phê đen

Con đốt thời gian bằng khói thuốc

Sống cho mình và không bao giờ mơ ước

Mình sẽ là ai? Tôi sẽ là ai?

Thưa thầy, qua ngõ nhà thầy khuya nay

Con vẫn thấy một vầng trăng ấm sáng

Thầy ngồi bên bàn phẳng lặng

Soạn bài trong tiếng ho khan

Thưa thầy, cho là nhận: điều giản đơn

Sao con học hoài không thuộc

Để bây giờ khi con hiểu được

Biết làm sao tạ lỗi cùng thầy./.

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,5** |
| **1 (1,0 đ)** | * Người cha cho con đi thăm một ngôi làng xem cuộc sống nghèo   như thế nào  - Trở về người bố hỏi con  - Con trả lời và cảm ơn bố  - Bố rất ngạc nhiên về câu trả lời của con | 1,0 |
| **2 (0,5 đ)** | Lời nói | 0,5 |
| **3 (1,0 đ)** | * Vì con đã nhìn thấy sự khác biệt trong cuộc sống của hai   cha con và những người ở ngôi làng mà họ đến thăm,   * Nhận thấy mình nghèo đến mức nào. | 0,5  0,5 |
| **4 (0,5 đ)** | Phép lặp  Các từ : Chúng ta, họ , có | 0,5 |
|
|
| **5**  **(1,0 đ)** | - Học sinh bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/không đồng tình/không hoàn toàn đồng tình.  - Lí giải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức . Đây là một định hướng:  \* Đồng tình vì:  + Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực vì đó là những giá trị tinh thần làm cho chúng ta được sống đầy đủ hơn, phong phú hơn, trọn vẹn hơn. Đó là những thứ vô giá mà tiền bạc không mua được.  + Sự giàu có về tình yêu, lòng trắc ẩn, tình cảm gia đình, bạn bè giúp cho mỗi người nhận thấy cuộc đời đầy ý nghĩa, đem lại sự giàu có về tinh thần, đem lại sức mạnh để con người lao động, cống hiến, …  + Giúp mọi người gắn kết, xã hội văn minh, …   * \* Không đồng tình vì:   + Ngoài các giá trị như tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, …thì cuộc sống của con người vẫn cần những giá trị vật chất khác để nuôi sống con người, để chữa bệnh, và phục vụ các nhu cầu khác.  + Nếu chỉ thiên về giá trị tinh thần, con người sẽ đánh mất đi cơ hội để phát triển, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.  + Có các giá trị vật chất xã hội mới có thể phát triển … | 1,0  0,5  0,5  1 |
| **6 (2,5 đ)** | **HÌNH THỨC:**  *- Đảm bảo thể thức của một đọan văn nghị luận*: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận.  *- Quá dài/ngắn: - 0,25đ*  *- Xác định đúng vấn đề nghị luận*: vai trò của trải nghiệm đối với tuổi trẻ.  - *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn*: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  **NỘI DUNG:**  \* **Giải thích vấn đề:**  - Trải nghiệm là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm; tích luỹ được nhiều kiến thức, kỹ năng và vốn sống. Khẳng định quan điểm cá nhân trước vấn đề nghị luận.  **\*Bàn luận vấn đề: Trải nghiệm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống mỗi con người vì:**  **-**  Trải nghiệm đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế, giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời cho đất nước.  - Trải nghiệm giúp mỗi người khám phá, thử nghiệm chính mình để có những lựa chọn đúng đắn và sáng suốt cho tương lại. Trải nghiệm giúp mỗi người dấn thân, thử nghiệm để sáng tạo; biết xử lý các tình huồng thực tiễn; biết vượt qua những khó khăn trở ngại tôi luyện bản lĩnh, ý chí để thành công.  - Thiếu trải nghiệm cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích; không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống…  (Lấy dẫn chứng về những người trải nghiệm thành công để chứng minh)  **\*Mở rộng:**  - Khuyên con người, đặc biệt là những người trẻ cần trải nghiệm để khám phá cuộc sống và chính mình. Cần tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm cuộc sống tốt đẹp và hữu ích.  - Thực tế nhiều bạn trẻ chưa coi trọng hoạt động trải nghiệm để bản thân trưởng thành. Đó là những người chỉ chú ý vào việc học tập, thi cử mà chưa chủ động, tích cực trải nghiệm, rèn kỹ năng sống. Một số khác chìm đắm trong thế giới ảo. Một số lại lao vào thử nghiệm những điều có hại, sa vào tệ nạn…  **\*Bài học nhận thức và hành động**:  Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của trải nghiệm, biết trải nghiệm tích cực để giúp bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.  Liên hệ bản thân.  **\* Lưu ý:**  - Đoạn văn cần có dẫn chứng  *- Khuyến khích hs có suy nghĩ riêng, tuy nhiên phải lí giải hợp lý, thuyết phục. Phần liên hệ cần chân thành .*  *- Không cho điểm đoạn văn có suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực.* | 0.5  2,0  0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **II** | **PHẦN VIẾT (3,5 ĐIỂM)** | | |
|  | \* Hình thức  (0,5đ*)* | **\* Yêu cầu về hình thức:**  - Đảm bảo hình thức đoạn văn. Trình bày theo đúng mô hình đoạn văn diễn dịch  - Sử dụng đúng và hợp lí câu khẳng định (Có gạch chân câu khẳng định).  - Đảm bảo dung lượng theo yêu cầu của đề; diễn đạt mạch lạc, rõ ý; đúng chuẩn chính tả, viết đúng ngữ pháp; diễn đạt trong sáng, câu văn giàu hình ảnh.  *(dưới 10 câu, trên 15 câu trừ 0,25 điểm)* | 0,5 |
|  | \* Nội dung  (3,0 đ) | ***Mở đoạn:*** *Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và khái quát về bài thơ. Cảm nhận chung về tình cảm trong bài thơ.* **:**  **VD:** “Thưa thầy” của nhà thơ Tạ Nghi Lễ (đã mất, nguyên là CTV báo Bình Dương) là lời một người đàn ông trung niên nhớ về thầy cũ của mình. Chính điều này khiến cho độc giả dễ bồi hồi vì có lẽ khi nhắc đến thời áo trắng, ai cũng có một ký ức đẹp, để phút chốc thấy bâng khuâng và đong đầy thương nhớ cho cái thuở chỉ biết ăn biết học, không phải lo toan cho cuộc sống bộn bề. | ***0,5*** |
|  | ***Thân đoạn:***  *- Trình bày cảm xúc theo trình tự hợp lí.*  *- Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ*  - Nhân vật trong bài thơ không chỉ mắc phải một lỗi mà rất nhiều lỗi như đã nói ở phần trên, nhưng đã biết nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của mình, chính nhờ một lần: “Qua ngõ nhà thầy khuya nay/Con vẫn thấy một vầng trăng ấm sáng/Thầy ngồi bên bàn lẳng lặng/Soạn bài trong tiếng ho khan...”.  - Đây là khổ thơ có sức nặng nhất trong bài. Vẫn là lời tự sự như ở ba khổ trên, nhưng cách so sánh thầy với “vầng trăng ấm sáng” đã thể hiện sự trân quý, tình cảm chân thành, ấm áp của nhân vật thơ dành cho thầy giáo của mình.  - “Tiếng ho khan” lúc soạn bài trong đêm khuya vắng lặng của người thầy, chắc cũng không còn trẻ nữa, đã không chỉ khiến cậu học trò ham chơi chạnh lòng mà độc giả cũng thấy cảm động trước nỗi vất vả, những đam mê thầm lặng, sự tận tụy hết mình cho sự nghiệp trồng người của những “kĩ sư tâm hồn” cao quý.  Thưa thầy, cho là nhận: điều giản đơn  Sao con học hoài không thuộc  Để bây giờ khi con hiểu được  Biết làm sao tạ lỗi cùng thầy.   * Cuộc sống luôn có những tình huống, những sự việc khiến con người ta phải day dứt, ăn năn, hối hận. Nhân vật thơ cũng vậy. Khi đã hiểu được điều giản đơn của bài học làm người từ thầy giáo đáng kính thì có thể đã là quá muộn: “Biết làm sao tạ lỗi cùng thầy”?   - Mỗi khổ thơ đều được bắt đầu bằng hai chữ “thưa thầy” ở dòng đầu tiên, cho thấy người học trò, nhân vật xưng “con” rất mực lễ phép và kính trọng thầy giáo của mình. Và như vậy chỉ cần các em biết nhận ra khuyết điểm, thậm chí là lỗi lầm của mình cùng thái độ ăn năn hối lỗi thì đã thực sự khiến cho bao công sức vất vả, bao chăm lo khuya sớm của các thầy cô không uổng phí. | 2,0  0,5  0,25  0,25  0,5  0,5 |
|  |  | ***Kết đoạn:***  Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân:  (Với hình thức tự sự rất mộc mạc, thậm chí còn hơi đơn giản, bài thơ của Tạ Nghi Lễ đã lấy được cảm tình của người đọc, nhờ cảm xúc chân thành, cách diễn đạt trong sáng rất phù hợp với lứa tuổi học sinh. Giá trị của người thầy sẽ luôn được tôn vinh thông qua những việc làm, những hành động âm thầm mà cao đẹp. ...) | 0,5 |

\* HDVN: - Thu bài

- Chuẩn bị: Viết “Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí”

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**TIẾT 108,109: VIẾT: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

- Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề tư tưởng đạo lí

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

-Phát triển kỹ năng viết

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 108**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: xem video

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là gì?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ cho + H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.   |  | | --- | | Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 72-73), hãy cho biết: | | Thế nào là viết bài văn nghị luận về một vấn đề một tư tưởng, đạo lí? | | Kể những ra những vấn đê về một tư tưởng, đạo lí mà em biết. | | Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề một tư tưởng, đạo lí các em cần làm gì? | | Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề một tư tưởng, đạo lí. |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | ***-*** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề tư tường, đạo lí là bài vãn thường tập trung làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa của một nhận định, một ý kiến về tư tưởng, tình cảm hay quan niệm về lối sống, cách ứng xử,...  - Đề văn về tư tường, đạo lí thường nhân một câu danh ngôn, tục ngữ. ca dao,... nào đó để nêu lên yêu cầu.  - Để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. các em cần chú ý:  + Tìm hiểu kĩ nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí được nêu trong đề (thường qua việc giải thích, phân tích một nhận định, một danh ngôn).  + Trình bày rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về tư tưởng, đạo lí ấy và lí giải vì sao.  + Tim ý và lập dàn ý cho bài viết: Căn cứ vào đề để xác định cách tìm ý cho phù hợp (đặt câu hỏi. suy luận, so sánh).  + Sử dụng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để làm rõ ý kiến, tăng sức thuyết phục cho bài viết.  Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  \* Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận  \* Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, chứng minh, vai trò, ý nghĩa, phê phán mặt trái của tư tưởng, đạo lí)  \* Kết bài: Khẳng định lại ý kiến; rút ra giải pháp cho vấn đề. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.  - Bước chuẩn bị cần những gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | 1. Đề bài: Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.  **a. Các bước viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.**  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc kĩ và tìm hiểu để biết các thông tin:  + Trọng tâm cần làm rõ: tinh thần bất khuất. không chịu sống nô lệ.  + Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  + Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa lí và thơ văn liên quan (ví dụ: đoạn trích Bên hờ Thiên Mạc).  Xác định yêu cầu để, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  - Tim hiểu nội dung, ý nghĩa câu nói của danh tướng Trân Bình Trọng. |
| Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào?- HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị theo PHT 01. Lập dàn ý theo PHT 02.  PHT 01:   |  |  | | --- | --- | | **Định hướng** | **Dự kiến** | | Câu nói của Trần Bình Trọng có ý nghĩa gì? | ………………………… | | Câu nói thê hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy? | ……………………………………… | | Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử,...)? | ……………………………………… | | Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thê nào? | ……………………………………… |   **PHT 02:**  **Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Lí lẽ | Bằng chứng | | 1 | ……. | ……. | | 2 | ……. | ……. | | … | ……. | ……. | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Câu nói của Trần Bình Trọng có ý nghĩa gì?  - Câu nói thê hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?  - Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử,...)?  - Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thê nào?  **\* Lập dàn ý:**  **-** Mở bài: Giới thiệu vấn đề: Có rất nhiều người anh hùng sẽ sống mãi với những hành động và lời nói bất hủ. Một trong những con người ấy là danh tướng Trần Bình Trọng. Câu nói của ông: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc." đến nay vẫn gọi cho chúng ta nhiều suy nghĩ.  - Thân bài: Phát triển các ý làm rõ cho vấn để nêu ở mở bài:  + Giải thích cầu nói:  - Câu nói: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.” có nghĩa là gì?  - Tại sao “thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc"?  + Chứng minh tính đúng đắn của câu nói  - Các bằng chứng từ cuộc sống và lịch sử.  • Các bằng chứng từ thơ văn, nghệ thuật.  + Bình luận câu nói  - Khẳng định ý nghĩa và giá trị của câu nói. .  - Phê phán tư tưởng, đạo lí sống ngược lại.  - Kết bài: Tổng hợp lại các ý đã nêu:  + Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay.  + Câu nói thể hiện khí phách và tinh thần gì của danh tướng nhà Trần? |
|  | **Bước 3: Viết bài**  **-** Viết theo dàn ý  - Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  - Quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận.  - Giữa các đoạn văn cần có câu chuyển đoạn. |
| **Tham khảo:** Trong lịch sử nước Việt ta còn ghi lại rất nhiều câu nói bất hủ của các bậc anh hùng dân tộc, làm rạng danh nước nhà. Một trong những câu nói bất hủ phải kể đến là lời mắng: "Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc" của danh tướng Trần Bình Trọng thời nhà Trần.   Câu chuyện Trần Bình Trọng hy sinh oanh liệt sau lời mắng nhiếc lũ giặc ngoại xâm xảy ra dưới thời vua Trần Nhân Tông, trong cuộc chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ 2 do sự chênh lệch quá lớn về quân số, mũi quân đánh chặn của Trần Bình Trọng thất bại, Trần Bình Trọng bị bắt sống. Tuy nhiên, Trần Bình Trọng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cầm chân địch khi chúng hoàn toàn mất dấu vết nhà Trần sau trận đánh này.           Để moi móc thông tin, tướng giặc đã dùng mọi cách với Trần Bình Trọng, từ dọa dẫm tới mềm mỏng. Nhưng Trần Bình Trọng quyết không nói nửa lời. Cuối cùng, tướng giặc dụ dỗ sẽ xin phong vương nếu Trần Bình Trọng quy hàng, nhưng ông đã khẳng khái thét mắng vào mặt chúng: "Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". Lời thét mắng ấy thể hiện rõ quan điểm khẳng định Đại Việt là một nước độc lập và có ý coi thường triều đình phương Bắc khi ông chỉ gọi nhà Nguyên Mông là "đất Bắc". Lời thét mắng ấy của Trần Bình Trọng khiến quân giặc giận tím mặt. Chúng giết ông ngay tức khắc. Sử sách còn ghi lại thời điểm ấy là tháng Chạp năm Ất Dậu (1285). Năm ấy, Trần Bình Trọng mới có 26 tuổi. Câu nói của ông đã thể hiện tinh thần bất khuất và tấm lòng yêu nước to lớn của một vị chính nhân quân tử. Câu nói ấy đến ngày nay vẫn còn truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam, để học biết sống và cống hiến cho Tổ quốc.           Nhờ sự chiến đấu anh dũng và sự hy sinh oanh liệt, thà chết chứ không chịu làm lộ thông tin quân sự của triều đình, của Trần Bình Trọng, triều đình nhà Trần mới có thời gian và điều kiện để chuẩn bị lực lượng phản công. Sau đó chỉ vài tháng, quan quân nhà Trần đã dốc toàn lực phản công, đập tan quân Nguyên Mông. Nhiều tướng giặc bị chém đầu tại trận, trong đó có Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán. Riêng Thoát Hoan hoảng sợ phải chui vào ống đồng để tránh tên bắn, bắt quân lính khiêng chạy chối chết về nước.           Cuộc chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ 2 thắng lợi ròn rã nhờ công đóng góp không nhỏ của Trần Bình Trọng. Bởi thế, khi xét công trạng, vua Nhân Tông đã truy phong ông là Bảo nghĩa vương.    Tưởng nhớ công ơn và cảm khí tiết của Bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng, ngày nay, tên của ông được đặt cho nhiều đường, phố ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Riêng ở Hà Nội, tên của Trần Bình Trọng được đặt cho tuyến phố nối từ phố Trần Hưng Đạo tới phố Trần Nhân Tông - hai nhân vật anh hùng cùng thời với Trần Bình Trọng gắn liền với chiến thắng vang dội trong 2 cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, lần thứ 2 và lần thứ 3.           Trần Bình Trọng sinh năm Kỷ Mùi (1259), là người xã Bảo Thái (nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam). Ông vốn là hậu duệ của vua Lê Đại Hành. Do cha Trần Bình Trọng làm quan dưới triều Trần Thánh Tông lập được nhiều công trạng lớn, nên được nhà vua ân sủng ban cho quốc thích (cho mang theo họ vua). Bởi vậy, Trần Bình Trọng mới có họ Trần, thay vì mang họ Lê. Về chuyện này, sách Toàn thư, quyển V, kỷ Nhân Tông hoàng đế có đoạn viết: "Bình Trọng dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo, do ông cha làm quan đời Trần Thái Tông, nên được cho quốc tính nhà họ Trần" | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 109** | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**   * Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những nội dung ở cột trái và   gợi ý chỉnh sửa ở cột phải   |  |  | | --- | --- | | Phương diện kiểm tra | **Câu hỏi kiểm tra** | | Nội dung | Mở bài: Đã giới thiệu khái quát vấn đề cần bàn luận chưa?  Thân bài: Có giải thích câu nói, chứng minh, bình luận câu nói để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài  - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục không?  - Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa?  - Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không?  Kết bài: Đã khẳng định ý nghĩa của câu nói chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? | | Hình thức | - Bài viết đã có đủ ba phần chưa?  - Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không?  - Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không? | | Đánh giá chung | - Bài viết đáp ứng yèu cầu cần đạt mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? | | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc  **rèn luyện kĩ viết** có cách thức như thế nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. Rèn luyện kĩ năng viết: Quan hệ giữa vấn dề. ý kiến, lí lẽ và bằng chứng: câu chuyển đoạn trong bài nghị luận**  - Cách thức  Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phải gắn bó chặt chẽ với nhau.  Vấn đề và ý kiến thường nêu khái quát ở phần mở bài; hoặc ở nhan đề bài viết.  Cách nêu lí lẽ và bằng chứng.  Cách chuyển đoạn. |
| Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho đề bài Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc. hãy lập sơ dồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài | **b. Bài tập**  Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho đề bài Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc. Hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết câu chuyển đoạn từ phần 1 (giải thích câu nói) sang phần 2 (chứng minh)

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**\* HDVN:** Chuẩn bị bài “Nói và nghe”

------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**TIẾT 110,111: NÓI VÀ NGHE:** **NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

*a. Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  **Phát triển kĩ năng nói và nghe**

- HS tiếp tục rèn luyện kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình.

- Nội dung bài học là nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học

**2. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 110**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một đoạn video thuyết minh về Trần Hưng Đạo

? Tập trung xem video và ghi lại những thông tin em nghe được?

***https://www.youtube.com/watch?v=ZG7pJf4xzk4***

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  *Trong thực tế cuộc sống, để nắm bắt và cập nhật được những thông tin hàng ngày đã và đang diễn ra, hay muốn tìm hiểu về một nhân vật lịch sử nào đó, chúng ta thường tìm hiểu bằng cách nghe người khác nói/ kể lại. Và làm thế nào để ta ghi nhớ được những thông tin đó thì một trong những kĩ năng cần thiết là Nghe. Vậy để nghe và tóm tắt lại những thông tin từ người khác truyền tới một cách chính xác nhất ta cần chú ý điều gì, trình tự Nghe ra sao, chúng ta cùng đi tì hiểu bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày bài nói và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ cần đạt yêu cầu gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Ví dụ: | **Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành:**  **Đề bài:** Nghe và tóm tắt nội dung giới thiệu về nhân vật Trần Bình Trọng với câu nói bất hủ: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.”  **\*Trong vai trò người nghe:**  ***Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt.***  - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói.  - Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày:  + Căn cứ trên thực tế ý kiến của người phát biểu để ghi tóm tắt.  + Tóm lược các ý chính dưới dạng từ, cụm từ.  - Dùng các kí hiệu như các số thứ tự, gạch đầu dòng,... để thể hiện tính hệ thống của các ý kiến.  ***Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa.***  - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có).  - Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi lại những ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài noia và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | Đề bài: Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng"  **1. Chuẩn bị**  **- Nội dung:**  + Mục đích: Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng"  + Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề  + Cách làm: Đọc lại nhiều lần bài viết để nắm chắc những nội dung quan trọng  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Mở đầu**: Người nói nêu ý gì? (Giới thiệu về ai? Họ có gì đáng chú ý?)  \* **Nội dung chính**:  - Người nói giới thiệu như thế nào về nhân vật? (danh tướng Trần Bình Trọng)  - Người nói đã giới thiệu như thế nào về câu nói bất hủ của danh tướng: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.”.  - Người nói có nhắc đến ý nghĩa của câu nói không? Phẩm chất của danh tướng đã được người Nói nhắc đến như thế nào?  \* **Kết thúc:**  - Qua đó người nói cho ta thấy được hình tượng danh tướng hiện lên như thế nào?  - Ta biết và học hỏi được điều gì từ danh tướng qua bài nói? |
| **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **3. Trình bày bài nói – nghe**  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.  **Tham khảo:** | **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**  **Nhóm:…..** | | | | | **Mức độ**  **Tiêu chí** | Chưa đạt | Đạt | Tốt | | **1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.** | Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói. | Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói. | Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói. | | **2. Tóm lược được các ý chính.** | Không tóm lược được ý chính | Có vài ý chính, không lan man. | Đầy đủ ý chính. | | **3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.** | Cẩu thả trong trình bày. | Tương đối cẩn thận với việc trình bày. | Trình bày sạch đẹp. | | **4. Có sự quan sát người trình bày.** | Không chú ý. | Về cơ bản có sự quan sát. | Quan sát tốt người trình bày. | | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 111**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng"  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng" |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn. Em xin thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng"  Trong lịch sử nước Việt ta còn ghi lại rất nhiều câu nói bất hủ của các bậc anh hùng dân tộc, làm rạng danh nước nhà. Một trong những câu nói bất hủ phải kể đến là lời mắng: "Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc" của danh tướng Trần Bình Trọng thời nhà Trần.  2. Nội dung chính  Câu chuyện Trần Bình Trọng hy sinh oanh liệt sau lời mắng nhiếc lũ giặc ngoại xâm xảy ra dưới thời vua Trần Nhân Tông, trong cuộc chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ 2 do sự chênh lệch quá lớn về quân số, mũi quân đánh chặn của Trần Bình Trọng thất bại, Trần Bình Trọng bị bắt sống. Tuy nhiên, Trần Bình Trọng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cầm chân địch khi chúng hoàn toàn mất dấu vết nhà Trần sau trận đánh này.           Để moi móc thông tin, tướng giặc đã dùng mọi cách với Trần Bình Trọng, từ dọa dẫm tới mềm mỏng. Nhưng Trần Bình Trọng quyết không nói nửa lời. Cuối cùng, tướng giặc dụ dỗ sẽ xin phong vương nếu Trần Bình Trọng quy hàng, nhưng ông đã khẳng khái thét mắng vào mặt chúng: "Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". Lời thét mắng ấy thể hiện rõ quan điểm khẳng định Đại Việt là một nước độc lập và có ý coi thường triều đình phương Bắc khi ông chỉ gọi nhà Nguyên Mông là "đất Bắc". Lời thét mắng ấy của Trần Bình Trọng khiến quân giặc giận tím mặt. Chúng giết ông ngay tức khắc. Sử sách còn ghi lại thời điểm ấy là tháng Chạp năm Ất Dậu (1285). Năm ấy, Trần Bình Trọng mới có 26 tuổi. Câu nói của ông đã thể hiện tinh thần bất khuất và tấm lòng yêu nước to lớn của một vị chính nhân quân tử. Câu nói ấy đến ngày nay vẫn còn truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam, để học biết sống và cống hiến cho Tổ quốc.           Nhờ sự chiến đấu anh dũng và sự hy sinh oanh liệt, thà chết chứ không chịu làm lộ thông tin quân sự của triều đình, của Trần Bình Trọng, triều đình nhà Trần mới có thời gian và điều kiện để chuẩn bị lực lượng phản công. Sau đó chỉ vài tháng, quan quân nhà Trần đã dốc toàn lực phản công, đập tan quân Nguyên Mông. Nhiều tướng giặc bị chém đầu tại trận, trong đó có Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán. Riêng Thoát Hoan hoảng sợ phải chui vào ống đồng để tránh tên bắn, bắt quân lính khiêng chạy chối chết về nước.           Cuộc chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ 2 thắng lợi ròn rã nhờ công đóng góp không nhỏ của Trần Bình Trọng. Bởi thế, khi xét công trạng, vua Nhân Tông đã truy phong ông là Bảo nghĩa vương.    Tưởng nhớ công ơn và cảm khí tiết của Bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng, ngày nay, tên của ông được đặt cho nhiều đường, phố ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Riêng ở Hà Nội, tên của Trần Bình Trọng được đặt cho tuyến phố nối từ phố Trần Hưng Đạo tới phố Trần Nhân Tông - hai nhân vật anh hùng cùng thời với Trần Bình Trọng gắn liền với chiến thắng vang dội trong 2 cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, lần thứ 2 và lần thứ 3.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề             Trần Bình Trọng sinh năm Kỷ Mùi (1259), là người xã Bảo Thái (nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam). Ông vốn là hậu duệ của vua Lê Đại Hành. Do cha Trần Bình Trọng làm quan dưới triều Trần Thánh Tông lập được nhiều công trạng lớn, nên được nhà vua ân sủng ban cho quốc thích (cho mang theo họ vua). Bởi vậy, Trần Bình Trọng mới có họ Trần, thay vì mang họ Lê. Về chuyện này, sách Toàn thư, quyển V, kỷ Nhân Tông hoàng đế có đoạn viết: "Bình Trọng dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo, do ông cha làm quan đời Trần Thái Tông, nên được cho quốc tính nhà họ Trần" | |

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phiếu học tập số 1 | Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra |
| Phiếu học tập số 2 | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**VĂN BẢN “TỨC NƯỚC VỠ BỜ”( NGÔ TẤT TỐ)**

- GV yêu cầu: *Đọc văn bản “Tức nước vỡ bờ” và trả lời câu hỏi*

*Từ câu 1-7; Câu 8,9,10 về nhà làm.*

**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):**

**1. Đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản Tức nước vỡ bờ có nhiệm vụ gì?**

A. Tóm tắt toàn bộ tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố

B. Tóm tắt bối cảnh xảy ra trước đoạn trích Tức nước vỡ bờ

C. Tóm tắt câu chuyện bọn người nhà lí trưởng đánh trói anh Dậu

D. Tóm tắt cảnh chị Dậu phải xoay xở vì suất SƯU của chồng

Câu 2. Câu nào là câu phủ định trong những câu dưới đây?

A. Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng

B. Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?

C. Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

D. U nó không được thế!

Câu 3. Câu nào là câu khẳng định trong những câu sau?

A. Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...

B. Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

C. Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.

D. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

**Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với diễn biến thái độ của chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*?**

A. Từ khẩn cầu run run đến thiết tha van xin.

B. Từ thiết tha van xin đến liều mạng cãi lại bằng lí lẽ.

C. Từ nhẫn nhịn đến phản kháng hết sức quyết liệt bằng lí lẽ.

D. Từ nhẫn nhục đến phản kháng bằng lời và chống trả quyết liệt.

**Câu 5. Nhận định nào sau đây không phải là nội dung của đoạn trích Tức nước vỡ bờ?**

A. Vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến đương thời.

B. Phản ánh tình trạng người dân vùng quê nghèo cãi nhau vì chuyện nợ nần.

C. Cho thấy lòng nhân hậu và sức sống mạnh mẽ của người phụ nữ nông dân.

D. Chỉ ra nỗi cực khổ của người nông dân bị áp bức và chế độ sưu thuế bất công.

6. Trong đoạn trích, tác giả miêu tả gia cảnh của chị Dậu như thế nào?

7. Em có nhận xét gì vê tính cách tên cai lệ?

8. Theo em, tình huống nào đã khiến chị Dậu vùng dậy chống trả quyết liệt với bọn tay sai?

9. Diễn biến tâm lý và hành động bảo vệ chồng của chị Dậu được tác giả miêu tả như thế nào thông qua các từ ngữ xưng hô trong văn bản?

10. Hãy viết một đoạn văn (8-10 dòng) trình bày ngắn gọn suy nghĩ của em về chị Dậu?

HƯỚNG DẪN

1B, 2D, 3C, 4D, 5B

6. Hoàn cảnh gia đình chị Dậu:

- Nghèo không có tiền nộp sưu.

- Chị Dậu phải bán cả con và chó để lấy tiền nộp sưu cho chồng và em chồng đã mất.

=> Hoàn cảnh khó khăn, bần hàn đến tận cùng vì bị giai cấp thống trị áp bức bóc lột.

7. Trong bộ máy xã hội đương thời, cai lệ chỉ là gã tay sai mạt hạng nhưng núp dưới bóng quan phủ hắn tha hồ tác oai tác quái . Hắn hung dữ, sẵn sàng gây tội ác mà không hề chùn tay, cũng không hề bị ngăn chặn vì hắn đại diện cho nhà nước nhân danh phép nước để hành động. Có thể nói , tên cai lệ vô danh không chút tình người là hiện thân đầy đủ nhất , rõ nét nhất của xã hội thực dân phong kiến đương thời .

8. - Chị Dậu vùng lên chống trả

+ Khi bị cai lệ đánh, anh Dậu tuy ốm yếu nhưng chúng vẫn bắt lôi đi

=> Tình yêu thương đối với chồng, với gia đình với quê hương trong chị Dậu dâng lên cùng với nỗi căm thù giặc sâu sắc đã dẫn đến hành động của chị.

+ Thay đổi trong cách xưng hô: ông - cháu, ông - tôi và cuối cùng: mày - bà

+ Chị Dậu đánh ngã tên cai lệ và người nhà Lí trưởng bằng sức mạnh của lòng căm thù

=> Tức nước thì vỡ bờ, có áp bức thì có đấu tranh.

9. Diễn biến tâm lí của chị Dậu thay đổi qua cách xưng hô: từ cháu - ông, nhà tôi - ông, bà - mày. Những từ ngữ miêu tả và giọng văn pha chút hài hước của tác giả ở đây đã làm nổi bật sức mạnh ghê gớm của chị Dậu và hình ảnh bất lực thảm hại của tên cai lệ khi bị chị "ra đòn" bất ngờ.

10. Tình yêu chồng, thương con cộng với tinh thần phản kháng âm ỉ bấy lâu đã thổi bùng lên ngọn lửa căm thù trong lòng chị Dậu – người đàn bà hiền lương, chất phác. Nỗi sợ cố hữu của kẻ bị áp bức phút chốc tiêu tan, chỉ còn lại nhân cách cứng cỏi của một con người chân chính: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được. Tuy vậy, hành động phản kháng của chị Dậu hoàn toàn mang tính manh động, tự phát. Đó mới chỉ là cái thế tức nước vỡ bờ của một cá nhân mà chưa phải là cái thế của một giai cấp, một dân tộc vùng lên phá tan xiềng xích áp bức bất công. Có áp bức, có đấu tranh, áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt và hành động của chị Dậu đã chứng minh cho chân lí ấy. Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là một trong những đoạn hay của tác phẩm Tắt đèn. Nhà văn Ngô Tất Tố đã dành cho nhân vật chính là chị Dậu tình cảm yêu thương, thông cảm và trân trọng. Những tình tiết sinh động và đầy kịch tính trong đoạn trích đã góp phần hoàn thiện tính cách người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**TIẾT 112: TRẢ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả bài làm của mình. Nhận ra những ưu nhược điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế.

- Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết.

***2. Năng lực***

- Năng lực giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực nhận thức và tự hoàn thiện: nhận thức được điểm mạnh, yếu và hoàn thiện bản thân

- Năng lực viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả.

- Năng lực phát hiện lỗi sai khi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt.

- Năng lực hợp tác trong các hoạt động học tập

***3. Phẩm chất***

- Trung thực, trách nhiệm với bản thân và trong công việc.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo viên: Bài kiểm tra của học sinh đã đánh giá điểm số, nhận xét, thống kê điểm và lỗi sai, kế hoạch dạy học

- Học sinh: sách, vở, sửa lỗi mắc phải

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ**

? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra giữa kì? Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khắc phục khó khăn đó khi làm bài kiểm tra?

\* HS chia sẻ

\* GV phân tích, đánh giá và nhấn mạnh những thuận lợi & khó khăn của HS.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV treo bảng phụ ghi đề bài.  *(1) Đọc lại đề.*  *(2) HS chữa vào vở phần tự luận ngắn*  *(3) Lập dàn ý cho phần viết*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc các nhân: Đọc lại đề, trả lời  - HS thảo luận theo cặp xây dựng đáp án (dàn ý) cho bài viết.  **\* Báo cáo nhiệm vụ.**  - HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung  **\* GV nhận xét, đánh giá** và treo bảng phụ có ghi dàn ý. | **I. Đề và phân tích yêu cầu đề**  **\* Yêu cầu :**  **Về hình thức:**  - Đảm bảo cách trình bày, cấu trúc của bài kiểm tra .Các phần thực hiện đúng nhiệm vụ của mình..  - Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo.  - Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đúng theo quy tắc tiếng Việt  **Về nội dung**  - Trả lời các câu hỏi đọc hiểu  - Viết đoạn văn nghị luận xã hội  - Viết được đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ theo yêu cầu | |
| **II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| \* **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu HS đọc lại bài làm của mình, xem đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình  - Yêu cầu xem và đánh giá bài của bạn  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc lại bài làm của mình, xem đánh giá của GV và tự nhận xét bài viết của mình  - HS nêu nhận xét của mình về bài viết của bạn.  **\* Báo cáo nhiệm vụ.**  - HS nghe để phát huy hoặc rút kinh nghiệm.  **\* Gv tổng hợp nhận xét ưu nhược điểm của HS rút kinh nghiệm**. | **II. Trả bài và đánh giá ưu, nhược điểm**  **1. Học sinh tự nhận xét, đánh giá bài viết**  \* Ưu điểm:  \* Nhược điểm:  **2. Giáo viên đánh giá chung cả lớp*:***  ***\* Về ưu điểm***  - Phần đọc hiểu:  + Nhiều em trả lời đúng nhưng một số hs trả lời chưa đúng trọng tâm câu hỏi.  - Phần viết  + Đa số các em đã viết được đoạn văn nghị luận xã hội; đoạn văn nêu cảm nhận  ***\* Về nhược điểm***  + Một số em chưa đọc kĩ yêu cầu khi viết đoạn văn nghị luận xã hội  + Một số em chưa viết được câu chủ đề  + Còn mắc lỗi chính tả  + Diễn đạt còn lủng củng  + Chữ viết ẩu | |
| **3. Hoạt động 3: III. Chữa lỗi** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập 3**  - GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục ).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát ở bảng phụ, thảo luận, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm,5 phút  **\* GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa.**  - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa.  - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa  - HS đọc phần đã sửa  ( GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại) | | **III. Chữa lỗi**   * GV cho Hs sửa lỗi vào vở |

**4. Hoạt động 4 : Vận dụng**

**\* GV giới thiệu một số bài viết tốt**

- GV chọn 3 bài viết tốt cho HS đọc, HS học tập.

**\* HS đọc**

**\* GV hướng dẫn HS tự học ở nhà**

- Xem lại đề bài và cách viết đoạn văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học.

- Chữa các lỗi đã mắc trong bài làm.

\* HDVN: Chuẩn bị bài 9

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**BÀI 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Tiết 113,114: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA**

- Lê Trí Viễn -

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Biết cách đọc hiểu một bài nghị luận văn bản văn học

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 113**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua bài thơ Cảnh khuya của tác giả Hồ Chí Minh các em đã được học ở bài 7, chúng ta thấy Bác Hồ là người như thế nào?( Hs đề cập đến vẻ đẹp trong tâm hồn, nhân cách của Chủ Tịch Hồ Chí Minh như yêu thiên nhiên, có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu nước...

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Vẻ đẹp trong tâm hồn, nhân cách của Chủ Tịch Hồ Chí Minh hôm nay chúng ta lại được học một văn bản của tác giả Lê Trí Viễn qua văn bản **VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  | | --- | --- | | **GÓC CHIA SẺ** | | | 1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc. |  | | 2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận?Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng? |  | | 3. Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? |  | | 4. SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản nghị luận? |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | **1.Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **- Luận đề:** là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu.)  **- Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.  **- Lí lẽ** là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cân chặt chẽ, xác đáng.  **- Bằng chứng** là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.  **2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng** là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.   * **Luân điểm** gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:   A picture containing text, screenshot, font, receipt  Description automatically generated  **3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**  + Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?  + Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?  + Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thê nào?  + Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào? |

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản nghị luận văn học.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | **1. Tác giả:**  Lê Trí Viễn (1919-2012) là Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, nhà nghiên cứu phê bình văn học nổi tiếng với phong cách độc đáo, vừa uyên bác mà tài hoa, vừa đậm chất trí tuệ mà tràn đầy cảm xúc.  Các công trình nghiên cứu của ông góp phần làm nổi bật những đóng góp quan trọng của nhiều tác giả lớn như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh,... Ông được Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012.  **2. Văn bản:**  - Xuất xứ: Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya" được trích trong cuốn Đến với thơ hay, NXB Giáo dục, 1997, từ trang 279 đến trang 286. Văn bản trong SGK có lược một số đoạn.  - Thể loại: Nghị luận văn học  - PTBĐ chính: nghị luận |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu *Luận đề*  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Luận đề(Vấn đề nghị luận)** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Vấn đề nghị luận**  Văn bản bàn luận về vấn đề gì? Những yếu tố nào giúp em nhận ra điều đó?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **- Luận đề:** Bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya*. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:**  **Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng**  **Câu 1.** Xác định nội dung chính của mỗi phần. Tính lô gích giữa các phần được thể hiện như thế nào?  **Câu 2.** Chỉ ra một ví dụ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung chính của một phần với lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong phần ấy.  **Câu 3.** Nêu một điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **a. Nội dung chính của mỗi phần:**  - Phần 1: Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.  - Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya.  - Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya.  - Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.  - Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.  **Tính lô gích giữa các phần được thể hiện ở:**   * Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục. * Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.   **b. Ví dụ:** Phần 2 có nội dung chính là phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích vẻ đẹp của cảnh vật, thiên nhiên trong câu thơ thứ nhất của bài *Cảnh khuya*.  **Lí lẽ:**   * Câu thơ vang lên hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. * Tiếng suối rất trong ấy văng vẳng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại. * Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tưởng tượng mĩ lễ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.   **Dẫn chứng:** Tác giả so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya với tiếng suối trong các bài thơ khác như tiếng suối trong bài Côn Sơn của Nguyễn Trãi, tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị.  c) Có thể thấy thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện thống nhất ở các phần trong văn bản: Đó là sự khâm phục, ngưỡng mộ của tác giả Lê Trí Viễn dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh qua việc khẳng định giá trị nội dung tư tưởng, giá trị nghệ thuật của bài thơ Cảnh khuya. | **- Văn bản được chia làm 5 phần**  + Phần (1): Giới thiệu về bài thơ Cảnh khuya (xuất xứ, ấn tượng chung).  + Phần (2): Vẻ đẹp của tiếng suối (câu thơ thứ nhất).  + Phần (3): Vẻ đẹp của trăng, cây và hoa (câu thơ thứ hai).  + Phần (4): Vẻ đẹp của hình ảnh người chưa ngủ (câu thơ thứ ba).  + Phần (5): Khái quát về hình ảnh thiên nhiên và con người trong bài thơ, qua đó làm nổi bật phong cách của Hồ Chí Minh.  - Nội dung của từng phần đã cho thấy tính kết nối lô gích để tạo nên một bài nghị luận văn học hoàn chỉnh.  b) Mối quan hệ giữa nội dung chính của mỗi phần với lí lẽ, bằng m chứng như sau (tuỳ thuộc nhóm HS chọn phần nào, GV sẽ nhận hi xét về phần đó):+ Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.   * **Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**   Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.  + Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.  + Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.   * **Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản:**   Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác. |
| Hãy dẫn ra một đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ| thuật để làm nổi nội dung của bài thơ?  Ví dụ đoạn “Câu thơ cắt ngang ở giữa [...] hoàn toàn thoải mái.”: Yếu tố nghệ thuật được phân tích là cách ngắt nhịp, hình ảnh nhằm thể hiện tư thế chủ động, ung dung của nhà thơ – chiến sĩ. |  |
| Một trong những cách bình luận thơ là so sánh sự thể hiện của tác giả này với tác giả khác về cùng một vấn đề. Em hãy nêu nhận xét về tác dụng của cách bình luận đó trong phần (2) văn bản Vẻ đẹp của bài thơ "Cảnh khuya".   * HS đọc kĩ các chú thích và những trích dẫn liên quan, từ đó thấy được tác giả so sánh, đối chiếu cách thể hiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà thơ khác để nói về nghệ thuật lấy động tả tĩnh (Giả Đảo, Nguyễn Khuyến); hay nói về nghệ thuật so sánh tiếng suối trong đêm (Bạch Cư Dị, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Thế Lữ). Tác dụng: mở rộng, xoáy sâu vào những điểm tương đồng và khác biệt, giúp người đọc cảm nhận được sức khơi gợi của các hình ảnh mà tác giả Hồ Chí Minh đã sử dụng trong bài thơ Cảnh khuya. |  |
| Trước và - sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cánh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy.  HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi   * Có thể sử dụng kĩ thuật viết tích cực. Câu trả lời cần nêu được sự khác biệt ở hai thời điểm, cũng là tác dụng của việc đọc tiêu các văn bản nghý luận văn học: giúp người đọc hiêu sâu sắc hom về một khía cạnh nào đó của tác phẩm hoặc cảm nhận được một cách rõ nét hơn những giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí  - Lập luận chặt chẽ, sắc bén; thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu,…  **2. Nội dung:**  Văn bản bàn về cái đẹp, cái hay ẩn sâu bên trong và dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ trong bài thơ Cảnh khuya.  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận:**  - Xác định luận đề của văn bản.  - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề.  - Chỉ ra các lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm.  - Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. |

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 114**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cảnh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy. Qua đó, em rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý:** Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, em cảm thấy có sự khác biệt rất lớn trong em về cách cảm nhận bài thơ này. Qua văn bản, em cảm nhận sâu hơn cái hay của bài thơ, rõ nét hơn dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ, cái tài của Bác trong nghệ thuật dùng từ. Bài phân tích của tác giả Lê Trí Viên xoáy sâu và nội dung vào từng từ ngữ, kết hợp với sự tưởng tượng của mình, ông đã tái hiện được hết vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên cảnh khuya, những cái hay ẩn sâu trong bài thơ Cảnh khuya. | ? Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cảnh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy. Qua đó, em rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về bài thơ “Cảnh khuya” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau:** Chiều sâu của truyện ngắn Lão Hạc

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**Tiết 115,116: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC”**

**- Văn Giá -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một bài nghị luận văn bản văn học

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản ......

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Văn Giá thể hiện qua văn bản.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: biết quan tâm, chia sẻ yêu thương mọi người xung quanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 115**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Ấn tượng nổi bật nhất của em sau khi học truyện ngắn Lão Hạc là gì? Nêu một số nhận xét của em về truyện này

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

* **\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* dưới góc nhìn của tác giả Văn Giá

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản nghị luận văn học.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | 1. Tác giả:  - Tác giả Văn Giá, tên đầy đủ là Ngô Văn Giá, sinh năm 1959 ở Tân Yên, Bắc - Giang. Ông là nhà giáo, nhà báo, nhà văn. Nhưng người đọc biết đến ông nhiều nhất với tư cách nhà phê bình văn học tài hoa, tinh tế cùng vốn tri thức văn hoá sâu rộng và tinh thần đối thoạidân chủ, sắc sảo.  - Một số tác phẩm chính: Một khoảng trời văn học (tiểu luận, phê bình), NXB Giáo dục, 2000; Vũ Bằng – Bên trời thương nhớ (chuyên luận), NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000; Đời sống và đời viết (tiểu luận, phê bình, chân dung), NXB HộiNhà văn, Hà Nội, 2005; Viết cùng bạn viết (tiểu luận, phê bình, chân dung), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010;...  2. Văn bản  - Xuất xứ: Chiều sâu của truyện "Lão Hạc” được trích trong cuốn Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông do Văn Giá tuyển chọn và biên soạn, NXB Giáo dục, 1997 (trang 67–71).  - Thể loại: Nghị luận văn học.  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1: từ đầu đến “…những hệ luỵ của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc  + Phần 2: Tiếp theo đến “…các điểm nhìn khác”->Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 3: Tiếp theo đến “…từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản. |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu *Luận đề*  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Luận đề(Vấn đề nghị luận)** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Vấn đề nghị luận**  Văn bản bàn luận về vấn đề gì? Các luận điểm triển khai trong văn bản?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **- Luận đề:** Giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm “Lão Hạc”.  - Luận điểm:  + Luận điểm 1: Nhà văn đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp tính cách nhân vật.  + Luận điểm 2: Thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng). |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 2,3. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:  - Luận điểm phần này có mối quan hệ như thế nào với vần đề nghị luận( luận đề)?  - Xác định lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm 1?  - Nhận xét về cách trích dẫn và phân tích bằng chứng của người viết ở luận điểm 1?  - Luận điểm 2 được trình bày trong phần 3 góp phần làm sáng tỏ luận đề như thế nào?  - Nhận xét về cách lập luận sử dụng trong luận điểm 2?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2** | | | |  | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 |  |  | | Luận điểm 2 |  |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện | Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. | | Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. | Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật. | | Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác. | Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. |   **=>** Người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí. Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn.  **2.2. Luận điểm 2.**  **-** Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão  Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng).  *- Cách lập luận: Chặt chẽ giúp làm rõ hơn giá trị tư tưởng trong tác phẩm “Lão Hạc”.* |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **3. Khái quát vấn đề nghị luận** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Phần 4 khái quát điều gì?  - Vấn đề nghị luận được khẳng định như thế nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Dự kiến :  Phần (4) nêu lên đặc điểm phong cách nghệ thuật của Nam Cao (sự thống nhất trong khác biệt: nhiều tầng nghĩa nổi chìm khuất lấp sau vẻ ngoài giản dị) và khẳng định lại nét đặc sắc của truyện Lão Hạc (tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn). Đây là cách khái quát những giá trị nghệ thuật mà bài viết đã trình bày từ lời văn, cách xây dựng chân dung và khắc hoạ tính cách nhân vật, ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm: đẹp mà buồn (con người phải tìm đến cái chết để có thể giải quyết trọn vẹn hơn vấn đề giữ gìn phẩm giá và gieo hi vọng cho tương lai con cái).  Văn nghị luận nghiêng về lí lẽ, bằng chứng nhưng cũng giàu tính biểu cảm. Hãy dẫn ra một đoạn văn trong văn bản thể hiện rõ tình cảm trân trọng, mến phục của người viết đối với tài năng nghệ thuật của Nam Cao.   * Đoạn văn trong văn bản thể hiện rõ tình cảm trân trọng, mến phục của người viết đối với tài năng nghệ thuật của Nam Cao:   *“Nói chung, truyện của Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tử, dựng truyện và triển khai mạch truyện; thậm chí không phải là dễ hiểu ngay được các tầng nghĩa nổi chìm trong đó (mặc dù chúng khoác một vẻ ngoài hết sức giản dị, thậm chí trần trụi – có lẽ nhờ đội quân ngôn ngữ lấm láp, quẫy đạp của ông). Thế nhưng truyện Lão Hạc thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.* | - Vấn đề nghị luận được khẳng định: Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Cách nêu ý kiến tường minh, lí lẽ xác đáng, bằng chứng được lựa chọn phong và phân tích, có những bình luận độc đáo, sâu sắc, sử dụng những hình ảnh sáng tạo, giọng văn biểu cảm, có khí chất riêng (tài hoa, uyên bác,...).  **2. Nội dung:**  Văn bản phân tích làm nổi bật "chiều sâu" của truyện Lão Hạc (tư tưởng nhân văn được thể hiện một cách độc đáo, thuyết phục qua ngòi bút tài hoa của Nam Cao)  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận:**  + Xác định luận đề (vấn đề nghị luận) cần dựa vào nhan đề văn bản,  + Xác định luận điểm cần dựa vào bố cục hoặc ý chính của từng phần.  + Tác dụng của lí lẽ và bằng chứng làm rõ cho luận điểm.  + Từ thái độ, giọng điệu, nhận ra mục đích nghị luận.  + Từ những yếu tố nghệ thuật, nhận ra cách thuyết phục của người viết |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 116**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Văn bản này giúp em hiểu sâu sắc hơn điều gì về truyện ngắn Lão Hạc?**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý:** - Văn bản này giúp em hiểu sâu sắc hơn về nội dung, nghệ thuật và thông điệp mà tác giả Nam Cao muốn truyền tải qua Lão Hạc đồng thời thấy được tinh thần nhân vật, nhân đạo cao cả của tác phẩm Lão Hạc. | Văn bản này giúp em hiểu sâu sắc hơn điều gì về truyện ngắn Lão Hạc? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về văn bản “Lão Hạc” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau:** **Thực hành tiếng Việt:** Thành phần biệt lập trong câu

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**Tiết 117,118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:** **THÀNH PHẦN BIỆT LẬP TRONG CÂU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách:

**-** Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.

- Bước đầu biết viết câu văn, đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập mang lại giá trị diễn đạt cao.

- Giải thích được tác dụng của thành phần biệt lập trong câu.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: - Thường xuyên thực hành tiếng Việt. Luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 117**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Xác định thành phần câu trong đoạn văn sau: (làm phiếu học tập)*

*“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.”*

*(Làng- Kim Lân)*

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**  Thành phần câu của hai câu văn:

Câu 1:

- Chủ ngữ: Ông lão

- Vị ngữ: bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm.

Câu 2.

- Chủ ngữ: cái bọn ở làng.

- Vị ngữ: lại đổ đốn đến thế được.

=> “Chả nhẽ” không phải là khởi ngữ, không phải là trạng ngữ…

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Các em đã được tìm hiểu về các thành phần câu như CN, VN, bổ ngữ , trạng ngữ…các thành phần câu này nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu. Giờ học này chúng ta sẽ được tìm hiểu về các thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu. Chẳng hạn từ “chả nhẽ” trong câu trên là thành phần gì và vai trò của nó ra sao ? giờ học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh củng cố tri thức tiếng việt  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết câu hỏi tu từ  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. CỦNG CỐ TRI THỨC TIẾNG VIỆT** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  Câu văn: Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.  ?Từ chả nhẽ trong câu văn thể hiện nhận định của người nói với các sự việc được nói đến trong câu như thế nào?  ? Nếu không có từ chả nhẽ nói trên thì ý nghĩa sự việc của câu chứa nó có khác đi không ? Vì sao?  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  Câu văn: Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.  - Từ “có lẽ”: thể hiện thái độ tin cậy thấp.  - Ý nghĩa không đổi -> nó không nằm trong cấu trúc câu, không trực tiếp nêu sự việc trong câu mà chỉ thể hiện đánh giá đối với người, sự việc được nói đến trong câu.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  (?) Theo em hiểu, thành phần biệt lập là gì?  + Là thành phần không nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu.  + Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. | **1. Thế nào là thành phần biệt lập?**    Thành phần biệt lập là thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ) và cũng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  (?) Từ việc phân tích ví dụ trong phiếu học tập số 2, hãy nêu hiểu biết của em về các thành phần biệt lập?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Thành phần tình thái** | **Thành phần cảm thán** | | Vị trí | linh hoạt đầu, giữa | thường đứng đầu câu | | Từ ngữ | Các từ tình thái như: hình như, dường như, có lẽ, … | các từ ngữ cảm thán như: Chao ôi, Trời ơi, Ôi… | | Ý nghĩa | được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. | bộc lộ tâm lí của người viết |   (?) Từ những hiểu biết trên, em hãy cho biết thế nào là thành phần tình thái, thế nào là thành phần cảm thán?  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **a. Thành phần tình thái**: thành phần thể hiện thái độ, cách đánh giá của ngưòi nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu.  Ví dụ:  **Chắc chắn** tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  -> **Chắc chắn** là thành phần tình thái, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin dược nói tới trong câu.  Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thi cô gái đã bước tới, **dường như** làm việc ấy hộ bố.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Dường như** là thành phần tình thái thể hiện ý không chắc chắn.  **b. Thành phần cảm thán**: thành phần được dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết (vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận,...).  Ví dụ: **Chao ôi**, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Chao ôi** là thành phần cảm thán bộc lộ sự xúc động.  **ơ,** cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?  (Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi) -> ơ là thành phần cảm thán bộc lộ sự ngạc nhiên.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Các thành phần biệt lập**  **a. Thành phần tình thái**: thành phần thể hiện thái độ, cách đánh giá của ngưòi nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu.  Ví dụ:  **Chắc chắn** tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  -> **Chắc chắn** là thành phần tình thái, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin dược nói tới trong câu.  Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thi cô gái đã bước tới, **dường như** làm việc ấy hộ bố.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Dường như** là thành phần tình thái thể hiện ý không chắc chắn.  **b. Thành phần cảm thán**: thành phần được dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết (vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận,...).  Ví dụ: **Chao ôi**, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Chao ôi** là thành phần cảm thán bộc lộ sự xúc động.  **ơ,** cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?  (Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi) -> ơ là thành phần cảm thán bộc lộ sự ngạc nhiên. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Chỉ ra thành phần gọi đáp trong ví dụ sau:   * *Anh Mên ơi, anh Mên!*   (Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi)*   * *ÔNG GIUỐC-ĐANH: - Lại còn phải bảo cái đó à?*   *PHÓ MAY: - Vâng, phải bảo chứ. Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.*  (Mô-li-e, *Trưởng giả học làm sang)*  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  - *ơi* là thành phần gọi - đáp mà Mon dùng để gọi Mên.  *- Vâng* là thành phần gọi - đáp mà phó may dùng để đáp lại lời ông Giuốc-đanh.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **c. Thành phần gọi - đáp**  - Về thành phần gọi – đáp:  + Lời gọi thường là các đại từ xưng hô, danh từ riêng/ danh từ chung kết hợp với/ ơi/ a/ thưa/ bẩm....  Lời đáp thường là vâng, đạ....  + Thành phần này ngoài chức năng gọi - đáp còn thể hiện mối quan hệ, tình cảm của các đối tượng tham gia giao tiếp. |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Chỉ ra thành phần phụ chú trong ví dụ sau:    + Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đấy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi đi trên con đường dài và hẹp. (Thanh Tịnh, Tôi đi học)  + Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngắm thế, nhưng cũng ra phết đấy chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bả chó... (Nam Cao, Lão Hạc)  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  Thành phần chêm xen “một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh” có chức năng bổ sung thông tin cho buổi mai hôm ấy, một buổi mai đáng nhớ bởi nó gắn với kỉ niệm về ngày tựu trường đầu tiên.  Thành phần chêm xen “lão vừa xin tôi một ít bả chó” có chức năng chứng minh lão Hạc không hề hiến lành như vẻ bề ngoài.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **d. Thành phần chêm xen (phụ chú)**  - Về thành phần chêm xen (phụ chú): Thành phần chêm xen, còn gọi là thành phần phụ chú, tuy không thuộc cấu trúc cú pháp của câu nhưng lại làm rõ thêm nội dung cho thành phần câu đứng ngay trước nó hoặc cho cả câu bằng cách giải thích, chứng minh, bổ sung, bình luận, nhấn mạnh,... |
|  |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5:** Chỉ ra thành phần chuyển tiếp trong ví dụ sau:  Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. **Điều đó cũng dễ hiểu thôi…**  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **Điều đó cũng dễ hiểu thôi…**  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Thành phần chuyển tiếp: được dùng để nêu lên một ý chuyển tiếp giữa câu chứa nó với một câu, một đoạn đứng trước hoặc sau đó. Thành phần này thường được biểu hiện bởi các từ ngữ như: tóm lại, ấy thế mà, hơn nữa, ngoài ra, nhân đây, như đã nói trên, như vậy, nói cách khác, nói chung, trái lại, thì ra, trước hết, thứ đến, tiếp theo,... Ví dụ: “Như đã giải thích bên trên, mưa sao băng là do những ngôi sao chổi gây ra.” (Theo Hồng Nhung). |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 118**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**   Tìm thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán trong các câu dưới đây. Nêu ý nghĩa của mỗi thành phần đó.  a. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? (Nguyễn Thành Long)  b. Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn (Ngô Tất Tố)  c. Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ (Kim Lân)  d. Trời ơi, chỉ còn năm phút (Nguyễn Thành Long)    PHIẾU HỌC TẬP   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trường hợp | thành phần gọi – đáp | thành phần cảm thán | Ý nghĩa của mỗi thành phần | | Câu a |  |  |  | | Câu b |  |  |  | | Câu c |  |  |  | | Câu d |  |  |  | | **Bài tập 1**  a. Thành phần cảm thán: *Ơ* => bộc lộ sự ngạc nhiên  b. Thành phần gọi - đáp: *Này* => dùng để gọi người đối thoại ngang hàng hoặc người dưới  c. Thành phần gọi - đáp: *Thưa ông* => dùng để trình bày hoặc bẩm báo với người đối thoại một cách trân trọng.  d. Thành phần cảm thán: *Trời ơi* => biểu lộ sự nuối tiếc |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm thành phần phụ chú trong những câu dưới đây. Dấu hiệu hình thức nào giúp em nhận biết thành phần đó? Các thành phần phụ chú đó được dùng làm gì?  a. Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh văng vẳng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa – tiếng suối… (Lê Trí Viễn)  b. Câu thơ vang lên những hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát (Lê Trí Viễn)  c. Vậy là không cần hành động, không cần biến cố (hai yếu tố này bị giảm thiểu đến mức tối đa), tác giả để cho tính cách nhân vật thể hiện qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật (Văn Giá) | **Bài tập 2**  a. Thành phần phụ chú là “tiếng suối”, có dấu hiệu hình thức là dấu gạch ngang ở trước. Thành phần này được dùng để giải thích làm rõ nghĩa cụm danh từ tiếng hát xa đứng trước.  b. Thành phần phụ chú là “tiếng suối và tiếng hát”, được nhận biết nhờ dấu hai chấm ở trước nó. Thành phần này được dùng để giải thích làm rõ nghĩa cho cụm danh từ hai thứ tiếng đứng trước.  c. Thành phần phụ chú là “hai yếu tố này đã bị thiếu giảm tới mức tới đa”, được nhận biết nhờ đặt trong dấu ngoặc đơn. Thành phần này có tác dụng nói rõ thêm về hành động, biến cố nêu trước đó. |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, chia sẻ cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm thành phần chuyển tiếp, thành phần tình thái trong những câu dưới đây. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của mỗi thành phần đó.  a. May ra có lẽ mợ không mắng đâu (Thạch Lam)  b. Vậy biến đổi khí hậu liên quan thế nào đến nước biển dâng? Trước hết, do nhiệt độ tăng cao, các khối băng, tuyết từ Bắc Cực, Nam Cực và các đỉnh núi cao tan ra, chảy ra biển. […] Thứ đến, nước dâng do hiện tượng dãn nở nhiệt của nước biển. (Lưu Quang Hưng)  c. Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lòng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. (Ngô Tất Tố)  d. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo (Thạch Lam)  e. Trong tầm quan sát của Trần Tế Xương, tất cả mọi vấn đề liên quan đến thi cử đều bị “biến dạng” trong mối quan hệ giữa danh và thực, tài và lực, giữa cái cũ lạc hậu nhưng chưa tiêu tan và cái mới vẫn chưa thắng thế. Nói cách khác, thơ Trần Tế Xương đã hoán cải ngay cả những bi kịch thi cử và thất vọng cá nhân thành một chuỗi cười dài (Nguyễn Hữu Sơn)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trường hợp | **Thành phần biệt lập** | **Dấu hiệu hình thức** | **Tác dụng** | | Câu a |  |  |  | | Câu b |  |  |  | | Câu c |  |  |  | | Câu d |  |  |  | | Câu e |  |  |  | | **Bài tập 3**  a. Thành phần tình thái là “’may ra, có lẽ”. “May ra” biểu thị ý hi vọng về một kết quả tốt đẹp nêu sau đó; “có lẽ” biểu thị ý không khẳng định chắc chắn điều nêu sau đó  b. Các thành phần chuyển tiếp là “trước hết và thứ đến”. “Trước hết” có nghĩa: trước tất cả những cái khác; “thứ đến” có nghĩa: (điều tiếp đến) thứ hai. Các thành phần này được dùng để nêu ý chuyển tiếp giữa những câu kế tiếp nhau (được sắp xếp theo trình tự lô gích nhất định) cũng đề cập đến một nội dung (quan hệ giữa biến đổi khí hậu và hiện tượng nước biển dâng)  c. Thành phần tình thái là “hình như”, biểu thị ý phỏng đoán dè dặt về điều nêu sau đó.  d. Tìm thành phần tình thái là “chắc”, biểu thị ý phỏng đoán về điều mà người nói (nhân vật Sơn) tin là như vậy.  e. Thành phần chuyển tiếp là “nói cách khác”, chỉ cách diễn đạt khác nội dung đã nói ở câu trước. Thành phần này được dùng để nêu ý chuyển tiếp giữa câu chứa nó với câu đứng trước (có cùng nội dung cơ bản nhưng khác về cách diễn đạt). |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS trả lời

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng ít nhất một thành phần tình thái và một thành phần phụ chú. Chỉ ra thành phần tình thái và thành phần phụ chú được sử dụng trong đoạn văn đã viết.

**Gợi ý:**

“Lão Hạc là một truyện ngắn đặc sắc của nhà văn của Nam Cao. Nhân vật chính của truyện là lão Hạc, một người nông dân nghèo, tính tình hiền lành, chân thật, giàu lòng vị tha, đức hi sinh. Mặc dù suốt đời cần kiệm làm ăn nhưng lão Hạc vẫn phải sống một cuộc đời cơ cực, bần hàn với một kết cục vô cùng bi thảm. Trong văn học Việt Nam trước cách mạng, có lẽ không có nhân vật nào có nhân cách vô cùng trong sạch lại phải chịu một số phận cay đắng, nghiệt ngã như nhân vật lão Hạc.”.

Chỉ ra thành phần tình thái và thành phần phụ chú được sử dụng trong đoạn văn:

+ Thành phần tình thái: có lẽ (trong câu cuối của đoạn văn).

+ Thành phần phụ chú: một người nông dân nghèo, tính tình hiền lành, chân thật, giàu lòng vị tha, đức hi sinh (trong câu thứ hai của đoạn văn).

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Chuẩn bị bài sau:** Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh

Tuần

**Tiết 119,120:THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: NẮNG MỚI, ÁO ĐỎ VÀ NÉT CƯỜI ĐEN NHÁNH**

**( VỀ BÀI THƠ NẮNG MỚI CỦA LƯU TRỌNG LƯ)**

**- LÊ QUANG HƯNG -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một bài nghị luận văn bản văn học

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Lê Quang Hưng thể hiện qua văn bản.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: biết quan tâm, chia sẻ yêu thương mọi người xung quanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 119**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: https://www.youtube.com/watch?v=AQzaQ1ssKnQ**

Suy nghĩ, tình cảm gợi ra cho em sau khi nghe bài thơ là gì?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Chúng ta đã được tìm hiểu tác phẩm Nắng mới của tác giả Lưu TrọngLư ở học kì 1, với bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu bài thơ **NẮNG MỚI** cụ thể hơn là vẻ đẹp của các hình ảnh trong tác phẩm này thông qua văn bản

**NẮNG MỚI, ÁO ĐỎ VÀ NÉT CƯỜI ĐEN NHÁNH**

**- LÊ QUANG HƯNG -**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản nghị luận văn học.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |     **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | 1. Tác giả:  - Lê Quang Hưng sinh ngày 10 tháng 4 năm 1956.  - Quê ở huyện Vũ Quang thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  - Ông là Phó giáo sư Tiến sĩ chuyên ngành nhân văn.  - Tác phẩm tiêu biểu: cuốn sách “ Những quan niệm, những thế giới nghệ thuật văn chương” được xuất bản năm 2019  - Ông đã được trao tặng giải thưởng và huân huy chương: Kỉ niệm chương Vì thế hệ Trẻ; được nhận tặng thưởng “Các tác phẩm lí luận, phê bình văn học, nghệ thuật xuất bản năm 2018".  2. Văn bản  Xuất xứ: Trích “Đến với tác phẩm văn chương”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007  - Thể loại: Nghị luận văn học  - PTBĐ: Nghị luận  - Bố cục:  + Phần 1: Hồn thơ trong bài thơ Nắng mới.  + Phần 2: Chi tiết "Nắng mới" và cái "áo đỏ" trong bài thơ Nắng mới.  + Phần 3: Nét cười trong bài thơ Nắng mới.  + Phần 4: Khái quát lại nội dung toàn bài. |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu *Luận đề*  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Luận đề(Vấn đề nghị luận)** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Vấn đề nghị luận**  Vấn đề trọng tâm mà bài viết này nêu lên là gì? Những yếu tố nào giúp người đọc có thể xác định nhanh vấn đề ấy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **- Luận đề:** Vấn đề trọng tâm mà bài viết này nêu lên là làm rõ chi tiết nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh trong bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư.  - Nhan đề là yếu tố giúp người đọc có thể xác định nhanh vấn đề ấy.  - Đã bao quát nội dung toàn bài |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, công đoạn, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  Hệ thống luận điểm của bài viết được triển khai như thế nào (chú ý tới nhan đề, bố cục bài viết, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng cho từng luận điểm)  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Để làm sáng tỏ cho luận đề, bài viết đã triển khai ba luận điểm:  + Luận điểm 1 (phần 2): Vẻ đẹp và sức gọi của các hình ảnh “nắng mới”, “áo đỏ" trong mạch chảy của nỗi niềm nhớ mẹ.  Lí lẽ: Nắng mới đã rọi vào cái tình cảm muôn thuở mà bao giờ cũng mới mẻ.  Dẫn chứng: Mô típ bài thơ. Chủ thể trong bài thơ  + Luận điểm 2 (phần 3): Vẻ đẹp và sức gợi của hình ảnh “nét cười đen nhánh" làm sắc nét thêm hình ảnh mẹ – tâm điểm của nỗi nhớ.  Lí lẽ: Thời điểm ấy.....mung lung đến thế.  Dẫn chứng: Phân tích khổ thơ hai khổ thơ: "Mỗi lần nắng mới hắt bên song... những ngày không."; "Tôi nhớ mẹ tôi...trước giậu phơi."  + Luận điểm 3 (phần 4): Liên hệ, kết nối về chủ đề của bài  thơ (nỗi niềm thương nhớ mẹ).  Lí lẽ: Dáng vào ra của me...đa cảm.  Dẫn chứng: Phân tích khổ thơ "Hình dáng mẹ...giậu thưa. So sánh với bài thơ của Hoàng Cầm |
| Những nhận xét sau đây nói về cách thức thể hiện của văn bản Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) là đúng hay sai? Vì sao?  a. Bố cục văn bản mạch lạc, lô gic, giúp cho người đọc tiện theo dõi  b. Bằng chứng được trích dẫn đầy đủ, phân tích toàn diện cả về nội dung (ngữ nghĩa, thông điệp) và cách thức thể hiện (hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu)  c. Có so sánh, liên hệ, mở rộng với tác giả khác viết về cùng đề tài để nhấn mạnh giá trị của tác phẩm  d. Sử dụng đa dạng các phép tu từ tạo nên cách diễn đạt độc đáo, giàu tính biểu cảm cho văn bản  Gợi ý:  a. Đúng. Bài chia làm các luận điểm cụ thể, lí lẽ, dẫn chứng đầy đủ giúp người đọc dễ dàng theo dõi.  b. Đúng. Ở mỗi luận điểm, tác giả đều trích dẫn các câu thơ cụ thể và phân tích cúng nhằm làm sáng tỏ luận điểm. Trong mỗi bài luận điểm đều để ý phân tích các chi tiết, hình ảnh, giọng điệu của bài thơ.  c. Đúng. Có so sánh với thơ của Hoàng Cẩm.  d. chưa đúng vì văn bản sử dụng không nhiều phép tu từ (chỉ có phép so sánh). Tính biểu cảm của văn bản được tạo nên chủ yếu bởi lời văn uyển chuyển, giàu nhịp điệu, cách sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh. |  |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: So với khi đọc bài thơ Nắng mới (Bài 2), văn bản nghị luận này giúp em có thêm hiểu biết gì về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ?  Sau khi đọc văn bản nghị luận này, em thấy mình hiểu sâu hơn về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Nắng mới đồng thời thấy rõ hơn tài năng của nhà thơ Lưu Trọng Lư. |  |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 120**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu đoạn văn mà em thích nhất trong bài nghị luận văn học này và trình bày lí do yêu thích.  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý tham khảo:** Đoạn văn mà em  thích nhất là  "Ai từng ở ...ngoài nội". Vì đoạn trích đã phân tích chi tiết khổ thơ "Mỗi lần...những ngày không", làm nổi bật lên cái tĩnh lặng của làng quê vào buổi trưa, cái nhịp điệu nhẹ nhàng của bài thơ qua việc phân tích từ ngữ, giọng điệu thơ. Đoạn văn này cũng có sự so sánh, mở rộng với các tác phẩm khác giúp bài phân tích trở nên sinh động, thú vị hơn. | - Hãy nêu đoạn văn mà em thích nhất trong bài nghị luận văn học này và trình bày lí do yêu thích. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về văn bản “Nắng mới” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau:** Viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT **121,122: VIẾT: VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM KỊCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được yêu cầu và cách làm kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

- Biết xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch. Phát triển kỹ năng viết

**2. Năng lực:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 121**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs chia sẻ trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  Em đã học các tác phẩm hài kịch nào? Nêu suy nghĩ của em về các tác phẩm đó?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** trong Bài 6, các em đã học phân tích một tác phẩm truyện; Bài 7 đã học cách phân tích một tác phẩm thơ, Bài 9 tập trung phân tích một tác phẩm hài kịch. Như vậy, bài luyện viết ở đây chỉkhác về đốitượngphân tích. Do đó, các em cần hiểu rõ những đặc trưng của đối tượng (tác phẩm kịch) đề bám sát được những đặc trưng này khi phân tích.

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** | |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ cho + H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.  1. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch, chúng ta cần làm gì? Người viết có phải kể lại đơn thuần hoặc đưa ra nhận xét chung chung về tác phẩm đó không?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1. Yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Phân tích cả nội dung và nghệ thuật  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng…) trong việc biểu đạt nội dung.  **2. Cách viết kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Xác định rõ yêu cầu nghị luận  - Đọc lại tác phẩm  - Xác định vấn đề cụ thể của bài viết  - Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận  - Lựa chọn, sử dụng bằng chứng trong tác phẩm để lí giải, phân tích  - Tránh kể lại đơn thuần hay nhận xét chung chung, thiếu thuyết phục. | |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  Yêu cầu HS đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” và thực hiện các yêu cầu trong sgk:  1. Chuẩn bị  **2.** Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  **3.** Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | 1. Đề bài: Phân tích đoạn trích “Đổi tên cho xã” (từ vở kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ    **Bước 1: Chuẩn bị**  - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người, qua đó làm nổi bật lên một trong những thói hư tật xấu tồn tại trong xã hội là "Bệnh sĩ".  - Nghệ thuật:  + Xây dựng tình huống xung đột giàu kịch tính  + Khắc họa tính cách nhân vật chân thực, độc đáo. | |
| - Hướng dẫn đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện phiếu học tập  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.  **-** Tình huống của đoạn trích là gì? Có những nhân vật nào?  - Các nhân vật có đặc điểm gì, đại diện cho kiểu người nào?  - Hành động và lời thoại của các nhân vật được khắc họa ra sao?  - Có những chi tiết vô lí, gây cười nào thể hiện tính hài kịch của đoạn trích?  - Có những xung đột nào trong đoạn trích? Kết quả giải quyết là gì?  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  - Tình huống của đoạn trích: Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người.  - Nhân vật: Ông Nha, Văn Sửu, ông Độp, bà Độp, ông Thình.  - Đặc điểm nhân vật:  + Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội.  + ...  - Hành động và lời thoại của các nhân vật: có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hung Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...  - Những chi tiết vô lí, gây cười thể hiện tính hài kịch của đoạn trích: Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo, cố nói những từ khoa học càng lộ ra sự thiếu hiểu biết như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.  - Những xung đột trong đoạn trích: mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.  => Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích:  + Văn bản đã phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện.  + Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại.  **\* Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Giới thiệu đoạn trích Đổi tên cho xã; nêu ấn tượng, cảm nhận chung về đoạn trích  - Thân bài:  + Khái quát nội dung đoạn trích và nêu tình huống kịch  + Lí giải xung đột và việc giải quyết xung đột thể hiện trong đoạn trích  + Phân tích đặc điểm nổi bật của một số nhân vật, qua đó thấy được ý nghĩa của đoạn trích  - Kết bài: Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; rút ra những bài học về nhận thức và hành động cho bản thân. | |
|  | **Bước 3: Viết bài**  **-** Viết theo dàn ý  - Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  - Quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận.  - Giữa các đoạn văn cần có câu chuyển đoạn. | |
| **Tham khảo:**  Đoạn trích “Đổi tên cho xã” của tác giả Lưu Quang Vũ đã cho người đọc thấy được tác hại của bệnh sĩ diện và ảnh hưởng của nó đến cộng đồng, xã hội chỉ thông qua sự việc đổi tên của xã Hùng Tâm.   Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. Ông Nha là một người sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng. Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông vẻ vang với các xã khác và với cấp trên. Ông tìm hiểu những nơi khác nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới. Ông muốn phát triển kinh tế nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần câu cơm của người dân nơi đây. Ông nói những từ ngữ khoa chương, lố bịch như " Bây giờ làm ăn mới rồi, quy mô khoa học... Đâu muốn hoạn phải mang lợn đến tận trụ sở". Ông nói rất cao siêu nhưng thực tế thì phũ phàng bởi những lời ông nói chỉ là sáo rỗng, ông phong chức một cách tràn lan nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.  Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hùng Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...  Ngôn ngữ của ông không phù hợp với một cuộc họp mang tính chất trang nghiêm. Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo. Điều buồn cười nữa là ở chỗ ông muốn phát triển kinh tế nhưng những công việc vốn là lợi thế ở xã lại triệt để vứt bỏ, chuyển sang sản xuất pháo, thứ mà chính những người nhận nhiệm vụ quản lí cũng không hiểu rõ. Ông Nha càng cố nói những từ khoa học, thì càng lộ ra nhiều sự thiếu hiểu biết của mình như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.  Văn bản có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế. Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.  Văn bản *Đổi tên cho xã* đã nêu lên và phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện. Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói sáo rỗng, giả dối, lố bịch. | | |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **TIẾT 122** | | **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc  **Rèn luyện kĩ năng nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học như thế nào?**    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | | **2. Rèn luyện kĩ năng nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học**  a) Cách thức  - Lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học phải xuất phát từ nội dung tác phẩm, làm rõ cho vấn đề trọng tâm đã nêu lên.  - Khác với bằng chứng trong bài nghị luận xã hội (thường là các ví dụ về con người, sự việc, số liệu, kết quả nghiên cứu,…từ đời sống), bằng chứng trong bài phân tích tác phẩm văn học là những câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc,…được trích dẫn trực tiếp trong văn bản.  - Đối với bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học (nhất là các tác phẩm dài như truyện, kịch, kí), bằng chứng cần được chọn lọc để vừa tiêu biểu vừa phù hợp với lí luận và luận điểm, không nên trích dẫn tràn lan.  - Bằng chứng sau khi trích phải được phân tích, lí giải, bình luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm, củng cố cho tính đúng đắn của lí lẽ đã nêu. |
| Bài tập: Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và cách phân tích bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn sau:  “Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch Đổi tên cho xã là ông Nha – chủ tịch xã, một điển hình cho kiểu người háo danh, sĩ diện. Là con người, ai cũng có những mong muốn, kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyễn hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình. Chỉ vì thay đổi cái tên của xã (theo ý chủ quan, cá nhân) mà ông chủ tịch xã tuyên bố rằng “lịch sử xã ta mở sang một trang mới”, “chấm dứt cái tên ... nôm na của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ”. Chính những lời nói đại ngôn, sáo rỗng đã cho thấy ông chủ tịch xã là người nóng vội, thiếu hiểu biết, kiểu “ếch ngồi đáy giếng”. Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ!” | | **b. Bài tập** |
| **Trả lời:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch Đổi tên cho xã là ông Nha – chủ tịch xã, một điển hình cho kiểu người háo danh, sĩ diện. | Là con người, ai cũng có những mong muốn, kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyễn hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình.  Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ! | Đưa ra việc ông chủ tịch xã dù thiếu hiểu biết nhưng nóng vội tuyên bố rằng “lịch sử xã ta mở sang một trang mới”, “chấm dứt cái tên ... nôm na của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ” | | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**\* HDVN:** Chuẩn bị bài “Nói và nghe”

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

TIẾT **123,124: NÓI VÀ NGHE: THUYẾT TRÌNH BÀI GIỚI THIỆU**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Phát triển kĩ năng nói và nghe

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 123**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày bài nói và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Vấn đề của tác phẩm văn học mà em định trình bày là gì?*  *+ Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong tác phẩm văn học, các em cần làm gì?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | - Xác định vấn đề: Lựa chọn vấn đề của tác phẩm văn họcem định trình bày ý kiến.  - Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần:  + Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. (Chú ý hệ thống bằng chứng cần đa dạng)  + Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có). |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài noia và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | Đề bài: *“Giả sử trong buổi sinh hoạt ngoại khóa của lớp vào tuần tới, nhóm em đăng kí trình bày về một vấn đề của văn bản “Đổi tên cho xã” trích từ vở hài kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ, em sẽ trình bày bài giới thiệu của nhóm em như thế nào?”*  **1. Chuẩn bị**  – Đọc kĩ yêu cầu của bài tập; xác định những từ ngữ quan trọng để biết yêu cầu về thể loại, nội dung, phạm vi bài trình bày và đối tượng người nghe.  – Xem lại nội dung đọc hiểu đoạn trích Đổi tên cho xã (Bài 4).  – Xác định vấn đề nhóm sẽ trình bày. Ví dụ: một nhân vật trong đoạn trích (ông Toàn Nha, Văn Sửu, ông Độp,...), thông điệp của đoạn trích (phê phán thói háo danh, sĩ diện, “bệnh” ảo tưởng, ấu trĩ,...), thủ pháp trào phúng gây cười (hành động, lời nói khoa trương, lố bịch của ông chủ tịch xã, vị thư kí, một số người dân),...  – Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  ví dụ, chọn vấn đề: thủ pháp trào phúng gây cười trong đoạn trích Đổi tên cho xã. – Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Em sẽ trình bày về vấn đề gì trong đoạn trích Đổi tên cho xã?  + Vấn đề đó thể hiện trong tác phẩm như thế nào?  + Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào đối với việc thể hiện giá trị tư tưởng của đoạn trích kịch?  – Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:  \*Mở đầu: Giới thiệu vấn đề trình bày: thủ pháp trào phúng trong đoạn trích kịch Đổi tên cho xã.  \*Nội dung chính:  + Nêu lên một số biểu hiện của thủ pháp trào phúng có trong đoạn trích (ví dụ: tình huống, nhân vật, bối cảnh...).  + Lí giải về ý nghĩa, tác dụng của thủ pháp trào phúng đối với việc thể hiện nội dung, tư tưởng của đoạn trích.  \*Kết thúc: Khẳng định sự thành công của tác giả trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng để tô đậm chất bi hài của đoạn trích kịch; cảm xúc, suy nghĩ của em về giá trị của đoạn trích; bài học rút ra. |
| **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **3. Trình bày bài nói – nghe**  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.  **Tham khảo:** | **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**  **Nhóm:…..** | | | | | **Mức độ**  **Tiêu chí** | Chưa đạt | Đạt | Tốt | | **1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.** | Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói. | Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói. | Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói. | | **2. Tóm lược được các ý chính.** | Không tóm lược được ý chính | Có vài ý chính, không lan man. | Đầy đủ ý chính. | | **3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.** | Cẩu thả trong trình bày. | Tương đối cẩn thận với việc trình bày. | Trình bày sạch đẹp. | | **4. Có sự quan sát người trình bày.** | Không chú ý. | Về cơ bản có sự quan sát. | Quan sát tốt người trình bày. | | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 124**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**Bài nói tham khảo:**

Đoạn trích “Đổi tên cho xã” của tác giả Lưu Quang Vũ đã cho người đọc thấy được tác hại của bệnh sĩ diện và ảnh hưởng của nó đến cộng đồng, xã hội chỉ thông qua sự việc đổi tên của xã Hùng Tâm.

 Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. Ông Nha là một người sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng. Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông vẻ vang với các xã khác và với cấp trên. Ông tìm hiểu những nơi khác nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới. Ông muốn phát triển kinh tế nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần câu cơm của người dân nơi đây. Ông nói những từ ngữ khoa chương, lố bịch như " Bây giờ làm ăn mới rồi, quy mô khoa học... Đâu muốn hoạn phải mang lợn đến tận trụ sở". Ông nói rất cao siêu nhưng thực tế thì phũ phàng bởi những lời ông nói chỉ là sáo rỗng, ông phong chức một cách tràn lan nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.

Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hùng Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...

Ngôn ngữ của ông không phù hợp với một cuộc họp mang tính chất trang nghiêm. Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo. Điều buồn cười nữa là ở chỗ ông muốn phát triển kinh tế nhưng những công việc vốn là lợi thế ở xã lại triệt để vứt bỏ, chuyển sang sản xuất pháo, thứ mà chính những người nhận nhiệm vụ quản lí cũng không hiểu rõ. Ông Nha càng cố nói những từ khoa học, thì càng lộ ra nhiều sự thiếu hiểu biết của mình như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.

Văn bản có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế. Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.

Văn bản Đổi tên cho xã đã nêu lên và phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện. Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói sáo rỗng, giả dối, lố bịch.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng"  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng" |
| 1, Mở đầu:  - Kính thưa....  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn!  Đoạn trích “Đổi tên cho xã” của tác giả Lưu Quang Vũ đã cho người đọc thấy được tác hại của bệnh sĩ diện và ảnh hưởng của nó đến cộng đồng, xã hội chỉ thông qua sự việc đổi tên của xã Hùng Tâm.  2. Nội dung chính  Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. Ông Nha là một người sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng. Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông vẻ vang với các xã khác và với cấp trên. Ông tìm hiểu những nơi khác nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới. Ông muốn phát triển kinh tế nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần câu cơm của người dân nơi đây. Ông nói những từ ngữ khoa chương, lố bịch như " Bây giờ làm ăn mới rồi, quy mô khoa học... Đâu muốn hoạn phải mang lợn đến tận trụ sở". Ông nói rất cao siêu nhưng thực tế thì phũ phàng bởi những lời ông nói chỉ là sáo rỗng, ông phong chức một cách tràn lan nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.  Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hùng Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...  Ngôn ngữ của ông không phù hợp với một cuộc họp mang tính chất trang nghiêm. Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo. Điều buồn cười nữa là ở chỗ ông muốn phát triển kinh tế nhưng những công việc vốn là lợi thế ở xã lại triệt để vứt bỏ, chuyển sang sản xuất pháo, thứ mà chính những người nhận nhiệm vụ quản lí cũng không hiểu rõ. Ông Nha càng cố nói những từ khoa học, thì càng lộ ra nhiều sự thiếu hiểu biết của mình như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.  Văn bản có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế. Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề           Văn bản *Đổi tên cho xã* đã nêu lên và phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện. Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói sáo rỗng, giả dối, lố bịch. | |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

# VĂN BẢN “Hoàng tử bé – Một cuốn sách diệu kì”

**Đọc văn bản Hoàng tử bé – Một cuốn sách diệu kì, SGK trang 99-100 và thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**

Vấn đề nghị luận của văn bản là gì?

A. Những lí do khiến trẻ em thích Hoàng tử bé

B. Những bài học bổ ích từ cuốn sách Hoàng tử bé

C. Những nhân vật đáng yêu trong truyện Hoàng tử bé

D. Những nỗ lực của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri khi viết Hoàng tử bé

**Câu 2:** Tên các mục được in đậm trong văn bản (**Hãy nhìn lại thế giới bằng trái tim - Hãy luôn luôn cố gắng trong mọi việc**) thể hiện yếu tố nào trong bài văn nghị luận?

A. Luận đề B. Luận điểm C. Lí lẽ D. Bằng chứng

**Câu 3**

Câu nào ở phần (3) có nêu bằng chứng gián tiếp từ tác phẩm?

A. Cây bao báp giống như phép ẩn dụ về những thói hư hoặc khó khăn trong cuộc đời con người

B. Hoàng tử bé có nhắc đến sự sinh sôi nảy nở nhanh chóng của một loài cây mang tên bao báp

C. Vậy nên, hãy luôn luôn cố gắng trong mọi việc

D. Hãy tạo những thói quan tốt làm nền tảng để xây dựng cho mình một tương lai tươi sáng

**Câu 4**

Văn bản này **không** nhằm hướng tới mục đích nào?

A. Khẳng định giá trị tư tưởng của cuốn sách Hoàng tử bé

B. Giới thiệu cốt truyện hấp dẫn của cuốn sách Hoàng tử bé

C. Thu hút sự quan tâm chú ý của người đọc đối với cuốn sách Hoàng tử bé

D. Ghi nhận thành công của tác giả Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri qua cuốn sách Hoàng tử bé

**Câu 5**

Ghép mỗi ô ở cột A với một ô ở cột B để có được những xác nhận đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Người lớn sống với bộ óc đã tiếp thu nhiều kiến thức, quyết định của họ đều trải qua sự cân nhắc kĩ lưỡng, cái nhìn của họ thiên về lí trí | a. Bằng chứng |
| 2. Những người mà hoàng tử bé gặp trong cuộc hành trình đến Trái Đất đều là những con người sống như công cụ. Nào là doanh nhân, nhà địa lí và thậm chí người thắp đèn đáng thương… | b. Lí lẽ |
| 3. Họ không thấy được ánh sáng của những vì sao; họ trở nên ưa áp đặt và thích phán xét người khác, đôi khi theo đuổi những thứ không đâu vào đâu… Người lớn ảo tưởng với mĩ từ “trưởng thành” nên tự cho rằng mình biết rất nhiều, nhưng thực ra, họ – không – biết – rằng – có – những – cái – họ – không – biết. | c. Kết luận được rút ra |
| 4. Đó là lí do trẻ con hiểu những điều giản đơn mà người lớn không hiểu | d. Bằng chứng được phân tích |

**Câu 6**

Tìm một câu trong văn bản có sử dụng thành phần phụ chú. Tác dụng của thành phần phụ chú đó là gì?

**Câu 7**

Hình thức trình bày của văn bản *“Hoàng tử bé” - một cuốn sách diệu kì* có gì đáng chú ý? Nêu tác dụng của hình thức trình bày ấy.

**Câu 8**

Vì sao tác giả cho rằng “cần đặt mình ở các phương diện khác nhau khi đánh giá một vấn đề, và, cần dùng trái tim để cảm nhận”? Hãy đưa ra bằng chứng cho câu trả lời của em.

**Câu 9**

Nêu và lí giải về một điểm tương đồng trong cách trình bày của phần (2) và phần (3)

**Câu 10**

Trong hai bài học được tác giả rút ra từ truyện Hoàng tử bé, bài học nào em thấy hữu ích hơn với bản thân? Vì sao?

**GỢI Ý:** 1B, 2B, 3A, 4B

Câu 5: 1- b      2 - a     3 - d     4 – c

**Câu 6**

Câu trong văn bản có sử dụng thành phần phụ chú: *"Vích-to Huy-gô, đại văn hào Pháp****,****đã từng nói: ...nó đi."*

=> Tác dụng: giải thích Vích-to Huy-gô là một đại văn hào người Pháp, người có đóng góp lớn cho nền văn học Pháp

**Câu 7**

- Tên mục trong văn bản *“Hoàng tử bé” - một cuốn sách diệu kì* đều được in đậm.

=> Việc này giúp cho người đọc dễ theo dõi, nắm bắt được nội dung chính của từng phần.

**Câu 8**

- Vì như vậy chúng ta mới có cái nhìn đa chiều và khách quan hơn khi đánh giá một vấn đề.

- Ví dụ: Số 8 nếu ta nhìn dọc nó sẽ là số 8 nhưng nếu nhìn theo chiều nằm nagng nó sẽ là dấu vô cực. Không ai đúng cũng chẳng ai sai, là do góc nhìn của mỗi người mà con số ấy là số 8 hay là dấu vô cực mà thôi.

**Câu 9**

Điểm tương đồng về cách trình bày:

- Mỗi phần đều có tên đầu mục in nghiêng, in đậm.

- Trong phần phân tích có sử dụng các chi tiết từ tác phẩm Hoàng tử bé để làm sáng tỏ vấn đề.

- Cuối mỗi phần đều có đoạn kết luận về một bài học.

Câu 10: Bài học của em khi đọc truyện Hoàng tử bé là: không nên nhìn cuộc sống một cách phiến diện phải nhìn theo nhiều chiều nên đặt mình vào vị trí của người khác để nhìn nhận và đánh giá.

Tuần

**BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**Tiết 125,126: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**TÁC PHẨM KHÔNG BAO GIỜ CŨ DÀNH CHO THIẾU NHI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách ; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chỉ tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin

- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 125**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** 

Chia sẻ những hiểu biết đã có của các em về cuốn sách.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sản phẩm:

+ Kể về người anh hùng Trần Quốc Toản

+ Lấy bối cảnh cuộc chiến chống quân Mông- Nguyên lần thứ hai

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:**  Tác phẩm **“LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG”** là một thiên truyện giáo dục nhân cách nâng cao hiểu biết của các bạn về lịch sử nước nhà góp phần bồi đắp tình yêu nước cho các em. Vậy lí do nào khiến cho thiên truyện có sức ảnh hưởng đến như vậy. Thông qua bài học này chúng ta

sẽ nhận được câu trả lời

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr…..  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK .  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | **1. Mục đích**  Trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị…của cuốn sách hoặc bộ phim.  **2. Cách thức trình bày**  - Từ thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm đến thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách, bộ phim;  -Từ thông tin khách quan về cuốn sách, bộ phim đến ý kiến chủ quan của người giới thiệu về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách, bộ phim đó  **3. Vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ**  Để tăng hiệu quả của việc cung cấp thông tin, người viết có thể sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ… trong bài giới thiệu |

**Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Bố cục |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Tìm hiểu chú thích** | 1. Xuất xứ: Theo sachhaynendoc.net, 23-05-2019.  2. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.  3. Bố cục:  Phần 1: Thông tin cơ bản về tác phẩm  Phần 2: Giới thiệu nội dung tác phẩm  Phần 3: Giới thiệu giá trị, nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Mục đích viết văn bản** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích viết văn bản**  Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng" - tác phẩm| không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi được viết nhằm mục đích gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  GV: Dựa vào tên trang web là nguồn văn bản (sachhaynendoc.net), còn có thể xác định mục đích của văn bản là thông qua việc giới thiệu đó, khích lệ mọi người, đặc biệt là trẻ em, hãy tìm đọc cuốn sách. | **- Mục đích:** Trình bày cho người đọc hiểu biết một số thông tin cơ bản, nội dung nổi bật và ý nghĩa của văn bản Lá cờ thêu sáu chữ vàng. |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 126**  a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Thông tin cơ bản về tác phẩm** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong tác phẩm?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Giới thiệu khái quát về tác phẩm  - Giới thiệu nội dung tác phẩm  - Giới thiệu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **3. Cách trình bày thông tin** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Câu 1.** Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính và thông tin cụ thể làm rõ cho ý chính đó của mỗi phần trong văn bản.  **Câu 2.** Những nội dung nào trong sơ đồ tư duy em vừa thực hiện là thông tin khách quan về tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”, những nội dung nào là ý kiến chủ quan của người giới thiệu hoặc người đọc về tác phẩm?  **Câu 3.** Theo em, có thể đảo trật tự trình bày nội dung của các phần trong văn bản được không? Vì sao?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Khái quát thông tin tác giả, tác phẩm  - Về nội dung, nghệ thuật |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Hình ảnh bìa sách trong bài viết thể hiện chi tiết nào trong văn bản? Theo em, vì sao người giới thiệu lại chọn hình ảnh này?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Hình ảnh bìa sách giới thiệu nội dung Trần Quốc Toản được đánh giặc ngoại xâm.  => Đây là chi tiết tiêu biểu, đặc sắc trong văn bản; hình ảnh này được lựa chọn làm trang bìa sách, khơi gợi nhu cầu tìm đọc của độc giả,... |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Bài viết cung cấp những thông tin cơ bản về tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.  - Bài viết giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về tác phẩm và gợi nên sự tò mò, thích thú trong họ.  **2. Nội dung:**  **-**  Cách trình bày thông tin giúp người đọc cÓ được những kiến thức mang tính hệ thống.  - Phương tiện phi ngôn ngữ giúp bạn đọc có cái nhìn trực quan, sinh động.  **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một cuốn sách)**  Bước 1: Đọc kĩ văn bản  Bước 2: Xác định  - Mục đích viết  - Thông tin cơ bản  - Cách trình bày thông tin  - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý :**  + Văn bản giới thiệu tập trung vào việc cung cấp thông tin khách quan hoặc chủ quan về cuốn sách. Trong đó, thông tin khách quan về cuốn sách là chủ yếu. Thông tin chủ quan là ý kiến của người giới thiệu hoặc người đọc uy tín khác mà người giới thiệu lựa chọn trích dẫn.  + Văn bản nghị luận tập trung vào việc thể hiện ý kiến, quan điểm của người viết về cuốn sách (thông tin chủ quan) và lập luận để bảo vệ ý kiến, thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm của người viết. | ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - Tìm đọc tham khảo các bài viết giới thiệu tác phẩm **“LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG”** ” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau:** Bộ phim Người cha và con gái

---------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**Tiết 127,128: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:BỘ PHIM NGƯỜI CHA**

**VÀ CON GÁI**

*(Theo vtc.cn, 30-09-2017)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một một bộ phim; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin

- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 127**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy kể tên một số bộ phim về tình cảm gia đình mà em đã xem và chia sẻ ấn tượng của em về một trong những bộ phim đó.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến :

- Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên

- Về nhà đi con

- Little Women (Những người phụ nữ nhỏ bé)

Chia sẻ: Tên bộ phim

Ai là người đạo diễn?

Em có ấn tượng điều gì nhất về bộ phim? (nội dung, thông điệp, diễn xuất của diễn viên..)

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Chủ đề gia đình xưa nay luôn là chủ đề quen thuộc trong các sáng tác, các tác phẩm nghệ thuật. Ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu một bộ phim vói về chủ đề này BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI- là một trong những bộ phim hoạt hình đặc sắc với thời lượng chỉ 8 phút nhưng vô cùng ý nghĩa nằm trong chủ đề tình phụ tử của đạo diễn Hà Lan Mai- cơn Đu- đốc- đơ Guýt, bộ phim Người cha và con gái không nói về yêu thương trong niềm vui, hạnh phúc, nhưng vẫn là một bộ phim ngắn đẹp đẽ, cảm động và day dứt, khiến người xem nhớ mãi.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Bố cục |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | 1. Xuất xứ: - Theo vtc.vn, 30/09/2017  2. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim  3. Bố cục:  Phần 1: Người cha và con gái...về tình cha con: Thông tin cơ bản về bộ phim  Phần 2: Phim bắt đầu.. ... yêu thương, xúc động: Nội dung của bộ phim  Phần 3: Bộ phim hoạt hình... trong tưởng tượng: Những đặc sắc của bộ phim  Phần 4: Chỉ trong hơn hạnh phúc vô giá: Giá trị nội dung, thông điệp của bộ phim |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Mục đích viết văn bản** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích viết văn bản**  Văn bản “**BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI**  được viết nhằm mục đích gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  GV: Dựa vào tên trang web là nguồn văn bản (sachhaynendoc.net), còn có thể xác định mục đích của văn bản là thông qua việc giới thiệu đó, khích lệ mọi người, đặc biệt là trẻ em, hãy tìm đọc cuốn sách. | **Mục đích:** Trình bày cho người đọc hiểu biết một số thông tin cơ bản, nội dung nổi bật , Những đặc sắc của bộ phim và giá trị nội dung, thông điệp của bộ phim |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Thông tin cơ bản về tác phẩm** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong tác phẩm?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Giới thiệu chung về bộ phim Người cha và con gái.  - Giới thiệu nội dung bộ phim Người cha và con gái  - Giới thiệu về nghệ thuật của bộ phim Người cha và con gái.  - Nêu thông điệp, ý nghĩa của bộ phim |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 128**  a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **3. Cách trình bày thông tin** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Câu 1:**  Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính của mỗi phần trong văn bản bộ phim Người cha và con gái và thông tin cụ thể làm rõ cho mỗi ý chính đó.?.  Câu 2: Mỗi trích dẫn sau thể hiện thông tin khách quan về bộ phim hay nhận xét, ý kiến chủ quan của người giới thiệu về bộ phim?  a. Người cha và con gái (Father and Daughter) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000.  b. Âm nhạc cùng với hình ảnh đã thay lời thoại, biểu đạt thành công tâm trạng của nhân vật: cảm xúc lưu luyến khi chia tay của hai cha con, tâm trạng phơi phới của cô con gái ngày ngày ngược gió đạp xe đi đón cha, bà lão đạp xe trong mệt mỏi với những hi vọng, đợi chờ không tắt, khoảng lặng chùng xuống khi người con nhìn thấy chiếc thuyền xưa…  c. Phim bắt đầu bằng hình ảnh hai cha con cùng đạp xe trên con đường đồi  d. Hai cha con dang rộng vòng tay, ôm chặt lấy nhau trong ấm áp, yêu thương, xúc động…  e. Hãy trân trọng người cha, người mẹ đang bên bạn, bởi vì có họ ở bên là một niềm hạnh phúc vô giá!    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Trong văn bản tác giả đã đưa vào 2 hình ảnh minh họa? Những hình ảnh này lấy từ đâu? Ý nghĩa của 2 hình ảnh ấy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | Các hình ảnh trong văn bản được lấy từ bộ phim Người cha và con gái.  – Tác dụng: minh hoạ một chi tiết trong bộ phim; bổ sung thông tin về bộ phim bên cạnh thông tin được trình bày bằng kênh ngôn ngữ; khơi gợi cảm xúc, hứng thú,... cho người đọc văn bản;... |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Cách trình bày thông tin rõ ràng, rành mạch.  - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sinh động.  - Lời văn chân thành trong việc bày tỏ cảm xúc chủ quan của người viết.  **2. Nội dung:**  Văn bản đã cung cấp cho bạn đọc những thông tin thú vị về bộ phim hoạt hình Người cha và con gái. Bài viết còn khiến bạn đọc tò mò, thích thú, tìm xem bộ phim.  **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một bộ phim)**  Bước 1: Đọc kĩ văn bản  Bước 2: Xác định  - Mục đích viết  - Thông tin cơ bản  - Cách trình bày thông tin  - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý :**  Em muốn biết hiểu hơn về nhân vật người phụ nữ trong bộ phim.  Các thông tin em tìm hiểu được: "Chính nhân vật người phụ nữ, trong suốt chặng hành trình dài đằng đẵng của cuộc đời, cũng hoàn toàn thấu hiểu sự vô vọng trong niềm hy vọng của mình, nhưng lý trí và cảm xúc là điều có thể tồn tại mâu thuẫn trong cùng một con người. Vì vậy, cô con gái vẫn chờ đợi và hy vọng."  Những hình ảnh trong văn bản được lấy từ bộ phim “Người cha và con gái”, việc này có tác dụng giúp người đọc dễ dàng hình dung được nội dung, hình thức... của bộ phim. | ? Ngoài các thông tin được giới thiệu trong bài viết, em còn muốn biết thêm thông tin nào về bộ phim Người cha và con gái? Hãy tìm hiểu và chia sẻ các thông tin đó. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Sau khi đọc bài giới thiệu, em có muốn xem bộ phim Người cha và con gái không? Vì sao?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau: Thực hành tiếng Việt:** Câu hỏi, cầu khiến, câu cảm, câu kể....

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**Tiết 129,130: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:** **CÂU KỂ, CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách:

**-** Nhận biết đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; và chỉ ra đặc điểm của chúng

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Thường xuyên thực hành tiếng Việt. Luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 129**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu mộ số kiểu câu được dùng trong tiếng việt?

(câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định)

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sp:**

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh củng cố tri thức tiếng việt  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết câu hỏi tu từ  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. CỦNG CỐ TRI THỨC TIẾNG VIỆT** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** Hãy thực hiện phiếu học tập sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Câu cảm** | **Câu hỏi** | **Cầu khiến** | **Câu kể** | | **Mục đích** |  |  |  |  | | **Dấu hiệu** |  |  |  |  |   **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bứơc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Câu cảm** | **Câu hỏi** | **Cầu khiến** | **Câu kể** | | **Mục đích** | Bộc lộ cảm xúc | Hỏi thông tin chưa biết | Yêu cầu, đề nghị, khuyên, mệnh lệnh... | Trình bày, thông báo, kể, tả, nhận xét... | | **Dấu hiệu** | - Dấu câu: !  - Từ ngữ: ôi, chao ôi, trời ơi, a, thay sao, biết bao... | Dấu câu: ?  - Từ ngữ: ai, cái gì, sao, tại sao, bao giờ, à, ư, hả , chăng... | Dấu câu: !  - Từ ngữ: hãy, đừng, chớ, đi, với, nào, thôi... | Dấu câu: . , {...}  - Từ ngữ: không có từ ngữ đặc trưng của 3 kiểu câu khác |   **\* Lưu ý: hiện tượng**  **+ Hình thức:** kiểu câu này  **+ Mục đích:** kiểu câu khác  - Ví dụ: Câu có tránh ra **không** thì bảo**?**  **+ Hình thức:** câu hỏi  **+ Mục đích:** cầu khiến  - Ví dụ: **Sao** lại thế hả trời**?**  **+ Hình thức:** câu hỏi  **+ Mục đích:** câu cảm  - Ví dụ: Bác cứ dùng bữa tự nhiên.  **+ Hình thức:** câu kể  **+ Mục đích:** cầu khiến |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 130**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (SGK/111) và thực hiện nhiệm vụ cặp đôi theo bàn, hoàn thành PHT số 2:  Xác định câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong những câu dưới đây (trích truyện Lão Hạc của Nam Cao). Chỉ ra đặc điểm giúp nhận biết mỗi kiểu câu đó.  a. Ông giáo hút trước đi.  b. Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thởi khói.  c. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi  d. Hỡi ơi lão Hạc!  e. Thế nó cho bắt à?  g. Chao ôi!  h. Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  | | e |  |  | | g |  |  | | h |  |  | | **Bài tập 1**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | | a | Câu khiến | Dấu chấm, trợ từ “đi” | | b | Câu kể | Dấu chấm và không có dấu hiệu hiệu đặc trưng của câu hỏi, cầu khiến, câu cảm | | c | Câu kể | Dấu chấm | | d | Câu cảm | Dấu chấm than; thán từ “ hỡi ơi” | | e | Câu hỏi | Dấu chấm hỏi, từ nghi vấn “à” | | g | Câu cảm | Dấu chấm than; thán từ “ chao ôi” | | h | Câu khiến | Dấu chấm, phó từ “đừng” | |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trong những câu dưới đây (trích truyện Lão Hạc của Nam Cao), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để biểu thị ý phủ định? Vì sao?  a. Việc gì còn phải chờ khi khác?  b. Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?  c. Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu?  d. Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn? | **Bài tập 2**  – Câu d). Câu hỏi đích thực (được dùng để hỏi): Câu này có cả đặc điểm nội dung lẫn hình thức của câu hỏi. Về nội dung, được dùng với mục đích nghi vấn thực sự (hỏi để được trả lời).  Về hình thức, có chứa từ nghi vấn (gì) và dấu chấm hỏi.  - Các câu a), b), c) Câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng được dùng để biểu thị ý phủ định: Những câu này tuy có hình thức của câu hỏi (vừa có dấu chấm hỏi, vừa có các từ nghi vấn) nhưng về nội dung, chúng không được dùng với mục đích nghi vấn mà dùng để phủ định.  Ngoài ra, những câu này đều có thể chuyển thành câu có ý nghĩa tương đương (nghĩa phủ định) trong hình thức của câu phủ định.  **Ví dụ:**  Câu a) có thể chuyển thành: “Không việc gì phải chờ khi khác.”  Câu b) có thể chuyển thành: “Chẳng tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại.”  Câu c) có thể chuyển thành: “Ta chẳng có quyền giữ cho ta một tí gì đâu.”. |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, chia sẻ cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Ghép các thành phần tình thái (in đậm) với nghĩa phù hợp: | **Bài tập 3**  **a-5, b-4, c-2, d-3, e-1** |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, chia sẻ cặp đôi  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm thành phần phụ chú trong các câu dưới đây. Chỉ ra dấu hiệu hình thức để nhận biết và tác dụng của thành phần đó trong mỗi câu.  a. Trên cơ sở một không gian nghệ thuật đầy thi vị – làng Mỹ Lý – ông vẽ những bức tranh thủy mặc về những đêm trăng và mùa gặt; cái nhà ga nhỏ và con đường sắt quạnh hiu thỉnh thoảng vọng lên tiếng còi tàu đêm cô đơn, mơ hồ ngoài quãng đồng xa vắng … (Trần Hữu Tá)  b. Bộ phim có những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ: con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,… (Bộ phim “Người cha và con gái”)  c. Cảnh vẽ trong phim đơn giản, gợi khung cảnh thời thơ ấu ở một vùng quê ở Hà Lan, quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt (Bộ phim “Người cha và con gái”)  d. “Người cha và con gái” (Father and Daughter) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000. (Bộ phim “Người cha và con gái”) | **Bài tập** 4: |
| **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thành phần phụ chú** | **Tác dụng** | | a | “làng Mỹ Lý”, dấu hiệu đặt gữa hai dấu gạch ngang | giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ “một không gian nghệ thuật đầy thi vị” đứng trước | | b | con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,… được nhận biết nhờ dấu hai chấm đặt trước | giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ “những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ” (ở trước đó) | | c | “ quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt” được nhận biết nhờ đặt sau dấu phẩy | giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ “một vùng quê ở Hà Lan” đứng trước | | d | Father and Daughter, được nhận biết nhờ đặt trong dấu ngoặc đơn | Dùng để chú thích tên tiếng Anh của bộ phim được giới thiệu. | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS trả lời

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết **một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.**

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập theo bảng tiêu chí sau:

|  |
| --- |
| **Yêu cầu** |
| 1. Hình thức: đảm bảo đoạn văn **(khoảng 7 đến 10 dòng)** |
| 2. Nội dung: **chủ đề tự chọn** |
| 3. Sử  **dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.** |
| 4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Chuẩn bị bài sau:** Thực hành đọc hiểu “Cuốn sách chìa khóa vũ trụ của Gioóc giơ”

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

**Tiết 131,132: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: CUỐN SÁCH CHÌA KHÓA VŨ TRỤ CỦA GIOÓC - GIƠ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**  Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một một bộ phim; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin

- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 131**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Em đã được học tác phẩm nào viết về chủ đề du hành vũ trụ ở Ngữ văn 7? Nêu cảm nhận và suy nghĩ của em sau khi được học xong tác phẩm đố?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến:** Nhật trình Sol 6

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Cùng viết về chủ đề khám phá và du hành vũ trụ và tác phẩm đã trở thành một cuốn sách vô cùng hấp dẫn đối với bao độc giả ở nhiều quốc gia. Vậy tác giả cuốn sách là ai, cụ thể nội dung và nghệ thuật của cuốn sách có gì hấp dẫn, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **I. Đọc – Tìm hiểu chung**  **1. Đọc:**  **2. Tìm hiểu chung:** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .  **Chú ý các thẻ chỉ dẫn:** theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Xuất xứ |  | | Kiểu văn bản |  | | Mục đích |  | | Bố cục |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | a. Xuất xứ: theo Phúc Yên, vnexpress.net, 24/3 / 2008  - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin  b. Mục đích: giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - giơ  c. Bố cục:  + Phần 1: Giới thiệu chung về cuốn sách  + Phần 2: Giới thiệu nội dung cuốn sách  + Phần 3: Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách. |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **1. Mục đích và nội dung chính của văn bản** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích của văn bản**  Văn bản “Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ”  có mục đích gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Mục đích của văn bản: giới thiệu cho người đọc các thông tin về nội dung và hình thức của cuốn sách Chìa khoả vũ trụ của Gioóc-giơ, khích lệ người đọc tìm đọc để mở mang hiểu biết, khám phá các thông tin khoa học trong cuốn sách;... |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **2. Thông tin cơ bản về tác phẩm** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong cuốn sách?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | + Thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm  +Thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách.  + Thông điệp của cuốn sách  => Thông tin đầy đủ, cụ thể rõ ràng, xác thực. |
| a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **3. Cách trình bày thông tin** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm**  **Câu 1:**  Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính của mỗi phần trong văn bản “Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ” và thông tin cụ thể làm rõ cho mỗi ý chính đó.?.  Câu 2: Trong văn bản, phần nào chủ yếu nêu ý kiến chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | - Về cơ bản, trật tự trình bày trong bài giới thiệu đảm bảo lô gích, phù hợp với việc tiếp nhận của người đọc. Một số thông tin bộ phận trong từng phần có thể hoán đổi vị trí, ví dụ có thể đặt phần giới thiệu hình thức của cuốn sách trước phần giới thiệu nội dung. |
| Ngày soạn:  Ngày dạy:  **Tiết 132**  a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động: | **4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ** |
| .- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  Trong văn bản tác giả đã đưa hình ảnh minh họa trang bìa cuốn sách? Ý nghĩa của hình ảnh ấy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | Hình ảnh minh họa trang bìa cuốn sách – Tác dụng: giúp người đọc dễ theo dõi, làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Cách trình bày thông tin rõ ràng, rành mạch.  - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sinh động.  - Lời văn chân thành trong việc bày tỏ cảm xúc chủ quan của người viết.    **2. Nội dung:**  Văn bản đã cung cấp cho bạn đọc những thông tin thú vị về “Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ” . Bài viết còn khiến bạn đọc tò mò, thích thú, tìm đọc cuốn sách.  **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một bộ phim)**  Bước 1: Đọc kĩ văn bản  Bước 2: Xác định  - Mục đích viết  - Thông tin cơ bản  - Cách trình bày thông tin  - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **\*Gợi ý :**  Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm về họa sĩ vẽ minh họa cho cuốn sách. Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ: là một cuốn tiểu thuyết gay cấn dành cho thiếu nhi mang chủ đề khám phá vũ trụ được viết bởi Lucy Hawking và bố cô Stephen W. Hawking (nhà vật lý lý thuyết người Anh). Tác phẩm được vẽ minh hoạ bởi Garry Parkson, trong khi Christophe Galfard là người cộng tác với Stephen Hawking ở phần cốt truyện, tình tiết, hình ảnh khoa học trong cuốn sách này. Chìa khóa Vũ trụ của George sẽ dẫn độc giả vào một cuộc phiêu lưu kỳ diệu bằng những khám phá khoa học mới nhất của Stephen Hawking. Ngoài ra, đây cũng là cuốn sách đầu tiên mà Stephen Hawking viết cùng con gái. | Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm được điều gì về cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ? Hãy chia sẻ những thông tin đó và cách mà em đã thực hiện để biết được các thông tin này. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  1. Có bạn cho rằng sách khoa học thường khô khan và khó đọc. Theo em, nếu được đọc bài giới thiệu sách này, bạn đó có thay đổi suy nghĩ ban đầu không? Vì sao?

2. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu tên một số cuốn sách khoa học phù hợp cho các bạn trong lớp tìm đọc. Nêu ngắn gọn lí do vì sao nên đọc các cuốn sách đó.

Gợi ý:

1. Nếu bạn của em đọc bài giới thiệu Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ, có thể bạn sẽ thay đổi suy nghĩ ban đầu của mình về sách khoa học. Bởi vì Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ được viết dưới dạng hành trình phiêu lưu khoa học, kết hợp giữa các khái niệm vật lý, thiên văn học, và triết học với những câu chuyện thú vị và hình ảnh sinh động.

2. A Briefer History of Time: Stephen Hawking là một trong những nhà vật lí nổi tiếng nhất thế giới. Ông nổi tiếng bởi công chúng về công trình rộng lớn của ông về vật lý lý thuyết, vũ trụ học và không may là cuộc chiến suy nhược của ông với bệnh nơ-ron vận động. Lịch sử Briefer của Thời gian là một phiên bản cập nhật và dễ đọc hơn của cuốn sách bán chạy nhất năm 1988 của ông, Một Lịch Sử Tóm Lược Thời Gian. Cuốn sách – giống như cuốn sách tiền nhiệm của nó – giống như một tiểu sử của vũ trụ và là một bài giới thiệu tuyệt vời cho thế giới vật lý. Tờ Sunday Times kết luận rằng: “Cuốn sách này kết hợp sự tự hỏi của một đứa trẻ với trí tuệ của thiên tài. Chúng tôi hành trình vào vũ trụ của Hawking trong khi kinh ngạc trước suy nghĩ của mình. ”

Death by Black Hole

Full Title: Cái chết của Black Hole: Và các vấn đề vũ trụ khác Quandaries. Tyson là một người rất lôi cuốn, nhiệt tình và thú vị và điều đó rất nổi bật trong các tác phẩm của ông và các phương tiện truyền thông. Cuốn sách Death by Black Hole của ông không phải là ngoại lệ. Trong đó, ông khám phá mọi thứ từ bản chất phá hoại của các hố đen đến những phỉ báng trong các bộ phim khoa học giả tưởng. Tính hài hước và sự nhiệt tình của ông làm cho quyển sách này trở nên thú vị. Sau khi đọc xong điều này, thật dễ dàng để thấy được ông đã bình chọn một trong những người có ảnh hưởng nhất trên thế giới và có lẽ ngay cả nhà thiên văn học thiên thể quyến rũ nhất còn sống, một vài giải thưởng trong số những người mà ông đã tích lũy qua nhiều năm.

=> Những cuốn sách trên sẽ có thể giúp bạn mở rộng hiểu biết về thế giới và các vấn đề khoa học quan trọng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Chuẩn bị bài sau:** Viết bài giới thiệu một cuốn sách

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần:

**Tiết 133,134: VIẾT: VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

*-* Phát triển kỹ năng viết

- HS viết được bài giới thiệu một cuốn sách với các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả. hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa.... của cuốn sách.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 133**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs chia sẻ trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  Cuốn sách để lại ấn tượng trong em là cuốn sách nào?hãy giới thiệu?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I.** **Định hướng** |
| - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ  Thế nào là viết bài giới thiệu một cuốn sách?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | 1. Viết bài giới thiệu một cuốn sách là trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả. hoàn cảnh ra đời. nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa.... của cuốn sách.  **2. Ví dụ:**  Hai văn bản " Lá cờ thêu sáu chữ vàng" – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi, Cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ" là những văn bản giới thiệu một cuốn sách và có một số đặc điểm chung sau đây:  - Nhan đề cuốn sách được giới thiệu ở tiêu đề và phần đầu của văn bản.  - Các thông tin chung về cuốn sách như: tác giả, hoàn cảnh ra đời, thông tin xuất bản,... trong phần đầu của văn bản.  - Các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật thể hiện của cuốn sách ở phần tiếp sau của văn bản.  - Ý kiến của người giới thiệu (hoặc người đọc) về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách.  - Sử dụng hình ảnh minh hoạ để bổ sung, làm rõ thông tin, tăng sức hấp dẫn cho bài giới thiệu.  3. Lưu ý:  - Lựa chọn cuốn sách phù hợp  - Đọc kĩ cuốn sách, xác định các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.  - Tim hiểu thêm các thông tin có liên: tác giả, hoàn cảnh ra đời, đánh giá của bạn đọc về cuốn sách,...  - Lựa chọn trật tự sắp xếp, trình bày  - Lựa chọn sử dụng hình ảnh, sơ đồ.... kêt hợp với chữ viết để giới thiệu thông tin; có thể viết tay hoặc trình bày trên máy vi tính. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV lưu ý HS theo dõi các bước trong SGK*  *+ GV yêu cầu HS đọc kĩ phần chuẩn bị để xác định nội dung bài viết của mình.*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2. Thực hành**  ***1.1 Thực hành viết theo các bước***  **Đề bài**: *Nhà trường tổ chức cuộc thi giới thiệu "Bầu trời trong trang sách”. Em hãy viết một bài giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.*  a. Chuẩn bị  - Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc....  - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu.  - Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.  - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan đến cuốn sách từ các nguồn khác nhau như sách, báo. Internet,...  b. Tìm ý và lập dàn ý  *Tên cuốn sách?Các thông tin chung về cuốn sách?*  *-* *Nội dung của cuốn sách?*  *- Hình thức của cuốn sách?*  *- Giá trị, ý nghĩa của cuốn sách?*  *- Các hình ảnh minh hoạ cần sử dụng?*  - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo bố cục ba phần của bài viết.  c. Viết  - Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài.  - Một ý có thể được thể hiện bằng một đoạn văn hoặc nhiều đoạn văn.  - Có thể lựa chọn sử dụng một số trích dẫn từ cuốn sách trong phần giới thiệu nội dung và hình thức, hoặc trích dẫn nhận định của bạn đọc tin cậy trong phần giới thiệu giá trị ý nghĩa của cuốn sách.  d. Kiểm tra và chỉnh sửa  + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh.  + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó.  + Soát lại và đối chiếu với dàn ý.  + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu.  + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân |
| Ngày soạn:  Ngày giảng:  **Tiết 134**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc  ***Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết***  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | ***2.2. Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết***  - Tóm tắt nội dung cuốn sách:  + Để giới thiệu cuốn sách, người viết cần tóm tắt được nội dung cuốn sách đó.  Tóm tắt nội dung cuốn sách là nêu ngắn gọn, chính xác nội dung chính của cuốn sách.  - Cách xưng hô trong bài viết:  + Để thể hiện mối quan hệ với người đọc, người viết có thể lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng các từ ngữ để xưng hô.  + Từ ngữ xưng hô là những từ ngừ người viết sử dụng để tự xưng mình (ví dụ: *tôi, ta, chúng tôi,...)* và gọi người đọc mà mình định hướng đến là ai (ví dụ: *bạn. các bạn. mọi người....).* Ngoài ra. còn phải sử dụng các từ ngữ khác nhau để gọi tên tác giả.  Ví dụ, với tác giả Hồ Xuân Hương, có thể dùng các từ ngữ: *nhà thơ. nữ thi sĩ, “Bà chúa thơ Nôm ”, tác gia bài “Mời trầu* ”,..., tránh việc chỉ dùng lặp lại một từ để chỉ tác giả. |
| Bài tập: Luyện viết tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết cho một trong hai đề văn sau:  *(1) Hãy viết bài giới thiệu một cuốn sách văn học hoặc khoa học mà em thấy có ý nghĩa với bản thân.*  *(2) Trang web trường em có chuyên mục "Mỗi tháng một cuốn sách hay”. Giả sử là người viết bài cho chuyên mục này, em hãy lựa chọn và giới thiệu một cuốn sách hay đến thầy cô và bạn bè trong trường.* | **b. Bài tập** |
| **Mở bài:** Nhắc đến văn hào nổi tiếng Hector Malot, chắc chắn chúng ta ai cũng nghĩ ngay đến tác phẩm không gia đình - Cuốn sách đã gây được ấn tượng mạnh mẽ về tình cảm gia đình cho người đọc. Hôm nay, chúng ta hãy cùng với AnyBooks đi sâu vào tác phẩm để hiểu hơn về thông điệp của cuốn sách không gia đình mà tác giả muốn gửi gắm nhé!  **Thân bài:**  - Đôi nét về tác giả sách không gia đình  Tác giả của cuốn sách không gia đình chính là Hector Malot - một nhà văn nổi tiếng của nước Pháp, ông là tác giả của rất nhiều cuốn tiểu thuyết và thời kỳ đó và được các độc giả khắp nơi trên thế giới yêu mến. Sự nghiệp văn chương của ông bao gồm hơn 70 tác phẩm trong đó cuốn sách không gia đình ra mắt năm 1878 chính là tác phẩm tổ điểm thêm sự thành công của ông.  Tác phẩm không gia đình ban đầu được ông hướng đến đối tượng nhí những chính người lớn lại phát cuồng về tác phẩm này của ông. Ngoài ra, ông còn rất nhiều tác phẩm để lại dấu ấn như cuốn sách Những người tình - tác phẩm đầu tay tạo nên cơn sốt hay tác phẩm Romain Kalbris (1869), Trong gia đình (En Famille, 1893).  Ông được người đời ca ngợi về tài năng trong việc viết sách, nghệ thuật của ông chính là để lại những triết lý khiến cho người lớn phải suy ngẫm trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ của nước pháp và giúp họ tìm ra con đường mới để thoát khỏi sự giam cầm trong chính bản thâm mình.  - Nội dung của cuốn sách  Nội dung của tác phẩm không gia đình kể về số phận đặc biệt của một bé đứa mồ côi cha mẹ tên là Remi, từ nhỏ cậu đã được nuôi dưỡng trong gia đình có tên là Barberin. Tuy nhiên, chưa bao lâu vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên gia đình này đã bán cậu cho một người đàn ông có tên là Vitalis - ông chủ của một đoàn xiếc rong.  Kể từ đó, tuổi thơ của Remi gắn liền với đoàn xiếc này, tại đây cậu làm bạn với những con vật được nuôi dưỡng trong gánh xiếc để biểu diễn như khỉ, chó và cùng ông chủ đoàn xiếc Vitalis rong ruổi khắp nước Pháp để kiếm sống mưu sinh. Nhờ vào sự dạy dỗ của ông chủ, Remi đã học hỏi được rất nhiều và dần trở thành một cậu bé bản lĩnh dám đương đầu với mọi khó khăn trong cuộc sống.  Trong hành trình mưu sinh và phiêu bạt khắp nơi cùng đoàn xiếc, cậu bé tiếp xúc với hết thảy các hạng người tốt xấu trong xã hội lúc bấy giờ và gặp không ít nguy hiểm. Thể nhưng nhờ vào những đức tính cao đẹp mà ông chủ Vitalis đã dạy dỗ cho cậu đã giúp cậu tỉnh táo vượt quá những thử thách đó và tiếp tục lao động chăm chỉ cùng với rạp xiếc.  So với lứa tuổi của mình, Remi đã phải đối mặt với rất nhiều tình cảnh éo le, có những chi tiết kể rằng cậu sắp bị chết đói và chết rét hay thậm chí là bị bắt bỏ tù một cách oan uổng. Thế nhưng sau tất cả Remi vẫn xây dựng cho mình được một đức tính, giữ đúng được phẩm chất làm người và không bao giờ chịu đầu hàng số phận mặc dù cho xã hội lúc bấy giờ rất loạn lạc.  Ngay cả khi ông chủ rạp xiếc Vitalis qua đời và gánh xiếc chỉ lại đúng chó chó để bầu bạn với cậu, thế nhưng cậu không bỏ cuộc và tiếp tục lao động và cống hiến mình., Khiến cho người đọc cảm thấy nể phục với tinh thần và phẩm chất của cậu bé có tuổi đời còn quá nhỏ này.  Ở cuối tác phẩm, sau khi bị bỏ tù ở nước Anh, Remi cuối cùng cũng tìm thấy được niềm hạnh phúc cho riêng mình đó là tìm lại được người mẹ đã thất lạc của mình sau bao nhiêu năm xa cách. Đây cũng chính là phần thưởng dành cho cậu bé đã phải chịu quá nhiều cực khổ, đọc đến đây cũng đã có rất nhiều khán giả vui mừng và xúc động với nhân vật này.  - Thông điệp ý nghĩa mà cuốn sách muốn gửi gắm  Có thể nói rằng, tác phẩm không gia đình đã đưa người đọc cùng trải nghiệm hành trình mưu sinh của cậu bé Remi với nhiều tình huống trớ trêu mà một cậu bé còn quá nhỏ phải chịu đựng và vượt qua. Đã có lúc tưởng chừng cái kết đã cận kề nhưng cậu bé vẫn lạc quan vượt qua, tiếp thu thêm nhiều kinh nghiệm quý giá mà những đứa trẻ cùng độ tuổi khác không có được.  Từ đó, cùng với ông chủ và gánh xiếc, remi đã vượt qua những năm tháng lao động vất vả nhưng lại đầy quyết tâm vươn lên. Kể cả khi người thân duy nhất là ông chủ gánh xiếc đã qua đời, những đức tính mà ông dạy cho Remi vẫn không hề bị suy giảm hay mất đi thậm chí nó ngày càng mãnh liệt hơn.  Có thể nói, gánh xiếc chính là ngôi nhà của Remi, nơi cậu có được tình thương và sự bao bọc của ông Vitalis cùng với những con thú, tất cả đã tạo nên một gia đình thật sự. Cũng nhờ đó, đã giúp Remi có thêm động lực để sống tốt và vượt qua những thử thách dù tuổi đời vẫn còn quá nhỏ.  Tác giả Hector Malot đã vô cùng thành công trong việc tạo nên những chi tiết có tính xúc động mạnh đánh trung tâm lý của người đọc cũng như tạo nên những phân cảnh tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm.  Tuy được viết dành cho trẻ em tác phẩm lại có rất nhiều chi tiết để người lớn phải suy ngẫm, có nhiều người sau khi đọc cuốn sách này còn cảm thấy hổ thẹn vì bản thân mình không bằng một đứa trẻ. Cũng chính tác phẩm này đã làm rất nhiều người thức tỉnh, giúp họ tạo thêm động lực để vượt qua những khó khăn mà cuộc sống đem lại.  **Kết bài:** Trên đây là phần giới thiệu về quyển sách nổi tiếng không gia đình của tác giả Hector Malot mà chúng tôi muốn gửi đến các độc giả. Hy vọng với những thông tin bạn đã hiểu hơn về nội dung của cuốn sách và có thêm động lực để vững bước trên con đường của mình. Nếu bạn muốn tìm hiểu sâu hơn thì hãy mua ngay một quyển về để có thể trải nghiệm nhé! | |
| \*  MB: Giới thiệu dẫn dắt cuốn sách mà em yêu thích: “*Đắc Nhân Tâm*”  Đắc nhân tâm - Tác giả Dale Carnegie  \* TB  - Giới thiệu chung:  + Tác giả: DALE CARNEGIE  DALE CARNEGIE - tác giả cuốn sách, vốn chỉ là một con người bình thường trong vô vàn con người nhưng bằng sự nỗ lực vượt bậc, ông đã được hàng triệu người biết đến nhờ tài năng xuất chúng trong nghệ thuật hùng biện và khả năng thuyết phục. Đây là công trình tâm huyết cả đời của và xuất phát từ chính nhu cầu của Dale khi cảm thấy cuộc đời mình sẽ không phạm phải quá nhiều sai lầm đã qua nếu như được học tử tế về cách cư xử trong cuộc sống. Ông đã viết bằng chính trải nghiệm phong phú cả đời mình.  + Nhan đề cuốn sách: Đắc nhân tâm”  Tên cuốn sách đã trở thành một danh từ chỉ lối sống mà ở đó con người ta cư xử linh hoạt và thấu tình đạt lý. Lý thuyết muôn thuở vẫn là những quy tắc CHẾT nhưng nhân tâm là SỐNG, là BIẾN ĐỔI. Bạn hãy thử đọc "Đắc Nhân tâm" và tự mình chiêm nghiệm những cái đang diễn ra trong đời thực hiện hữu, chắc chắn bạn sẽ có những bài học cho riêng mình.  - Nội dung của cuốn sách:  + Phần 1 nói về nghệ thuật ứng xử căn bản của mỗi con người, bao gồm những bí quyết, kinh nghiệm và cả các bài học về việc đối nhân xử thế trong các mối quan hệ xã hội mà bạn nên lưu tâm đến.  + Phần 2 của cuốn sách sẽ hướng dẫn cho bạn những bí quyết hữu ích trong việc tạo ra sự thiện cảm đối với người đối diện, nhờ đó giúp cho những người xung quanh luôn yêu quý và trân trọng tình cảm của bạn hơn.  + Phần 3 được xem là một phần rất quan trọng và sẽ đem lại cho bạn rất nhiều bài học bổ ích nhất liên quan đến lĩnh vực tâm lý học, đó là chỉ cho bạn các phương pháp và bí quyết giúp bạn và những người khác có chung về suy nghĩ và quan điểm trong cuộc sống.  + Phần 4, phần cuối cùng của cuốn sách Đắc nhân tâm, tác giả sẽ bày cho bạn những cách để chuyển hóa cảm xúc và suy nghĩ của một người khác từ tiêu cực chuyển thành tích cực mà không để xảy ra sự hận thù hay oán trách, dù cho đây không phải là một việc làm đơn giản chút nào.  \* KB: Tổng kết lại giá trị của cuốn sách | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Viết phần mở bài cho đề bài viết bài giới thiệu một cuốn sách hay đến mọi người.*

Đoạn văn tham khảo:

"*Một cuốn sách hay cho ta một điều tốt, một người bạn tốt cho ta một điều hay*". Sách là người bạn chân thành và sáng suốt. Nó chỉ cho bạn con đường đúng đắn, nó giữ cho bạn khỏi bị lầm lạc. Có sách bên mình thì cả trong thời thơ ấu, cả giữa lúc thanh xuân và cả những khi về già, bạn không bị cô độc, bạn thấy mình mạnh mẽ.

Cách đối nhân xử thế luôn được coi là chuẩn mực đánh giá sự khéo léo, thông minh của một con người. Bạn có dám khẳng định rằng cách hành xử của mình luôn khiến mọi người xung quanh cảm thấy hài lòng? Bản thân tôi thì không! Đôi khi muốn hành động, cư xử một cách hoàn hảo lại là chuyện vô cùng khó. Theo thời gian tính cách của con người sẽ thay đổi, sự trưởng thành sẽ giúp họ nhận ra đối nhân xử thế là môn học mà bạn phải luôn học hỏi hàng ngày, học hỏi cả đời. Tôi thường băn khoăn làm sao để mỗi ngày trôi qua sẽ là một nấc thang đưa tôi đến thành công và có được cái nhìn thiện cảm của người khác đối với mình. Cho đến khi tôi chạm tay đến cuốn sách đã thay đổi cuộc sống của biết bao người, cuốn sách có tầm ảnh hưởng nhất mọi thời đại “**ĐẮC NHÂN TÂM**”.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

Tuần

**Tiết 135,136: ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống hóa các kiến thức về loại,thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì 2

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

***2. Năng lực:***

***- Năng lực ngôn ngữ:*** Đọc - viết – nói và nghe:

***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm:Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 135**

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập kiến thức học kì I.

**2.Tổ chức thực hiện : Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi SKG (128-)**

**Câu 1 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Thống kê tên các thể loại hoặc kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 8, tập hai, dẫn ra một số ví dụ.

**Trả lời:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Thơ Đường luật** | **Truyện lịch sử và tiểu thuyết** | **Nghị luận văn học** | **Văn bản thông tin** |
| - Lão Hạc  - Trong mắt trẻ  - Người thầy đầu tiên | - Mời trầu  - Vịnh khoa thi Hương  - Xa ngắm thác núi Lư  - Cảnh khuya | - Quang Trung đại phá quân Thanh.  - Đánh nhau với cối xay gió  - Bên bờ Thiên Mạc | - Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya  - Chiều sâu của truyện Lão Hạc  - Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh | - Lá cờ thêu sáu chữ vàng - tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi  - Bộ phim Người cha và con gái  - Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ |

**Câu 2 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu nội dung chính của các văn bản truyện đã học trong Bài 6; từ đó, nhận xét và phân tích ý nghĩa nhân văn được thể hiện trong các văn bản này.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Nội dung chính** | **Ý nghĩa nhân văn** |
| Lão Hạc | Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người. | Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng. |
| Trong mắt trẻ | Câu chuyện "Trong mắt trẻ" bao gồm chương một, hai và hai mươi bảy của tác phẩm nổi bật với thông điệp về sự khác biệt giữa cách nhìn của trẻ em và người lớn. Tác giả cũng đề cập đến tầm quan trọng của các mối quan hệ và đưa ra cái nhìn sâu sắc của tác giả về tuổi tác và cách suy nghĩ. Câu chuyện được kết thúc đầy bí ẩn, kết truyện tập trung vào tình bạn đặc biệt giữa Hoàng tử bé và nhân vật chính. | Tác giả muốn gửi tới thông điệp khi con người đối mặt với nỗi buồn khi mất đi người mình yêu thương. |
| Người thầy đầu tiên | Kể về thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò và cô học trò An-tư-nai thông minh lanh lợi. Qua đó người đọc thấy được tình cảm thầy trò cao quý và thiêng liêng. | 'Người thầy đầu tiên' gieo niềm tin về nhân cách |

**Câu 3 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Những đặc điểm cần chú ý của thể loại thơ Đường luật là gì? Chỉ ra và nhận xét một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng được sử dụng trong các bài thơ Đường luật ở Bài 7.

**Trả lời:**

\* Những đặc điểm cần chú ý của thể thơ Đường luật:

- Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ).

- Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt (mỗi bài bốn câu).

+ Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: đề, thực, luận, kết, mỗi phần có hai câu (gọi là liên). Hai câu đề có nhiệm vụ mở bài, giới thiệu vấn đề mà bài thơ đề cập. Hai câu thực nêu hiện tượng, sự vật, làm rõ hơn ý của đề bài được đưa ra ở hai câu đề. Hai câu luận phát triển rộng thêm ý của bài, có chức năng luận bàn về vấn đề được nói đến ở các câu trên. Hai câu kết có vai trò kết thúc ý toàn bài, thể hiện cảm xúc của nhà thơ; có khi hai câu kết còn gợi ra ý mới để suy nghĩ tiếp.

+ Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): khởi, thừa, chuyển, hợp. Câu khởi có chức năng mở bài, gợi mở ý thơ. Câu thừa nối tiếp câu khởi để làm trọn vẹn ý thơ. Câu chuyển có nhiệm vụ chuyển ý thơ từ việc phản ánh các sự vật, hiện tượng ở hai câu đầu sang phần gợi mở về bản chất, nguyên nhân của sự vật, hiện tượng được phản ánh. Câu hợp kết hợp với câu chuyển làm cô đúc ý thơ, thể hiện nỗi niềm của tác giả.

- Niêm có nghĩa đen là dính, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau theo nguyên tắc: Ở bài bát cú thì âm tiết (chữ) thứ hai của các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 phải cùng thanh (niêm) với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 và 4, 2 và 3. – Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất mang thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, nếu mang thanh trắc thì là luật trắc.

+ Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.

+ Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn).

+ Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần thực và luận, các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vần bằng đối với chữ vần trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...

- Một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng được sử dụng trong các bài thơ Đường luật ở Bài 7

+ Mời trầu:

Cái tôi của Xuân Hương là cái tôi khao khát sống mãnh liệt đó cũng là lí do bà thể hiện sự trào phúng của mình trong bài thơ Mời trầu. Với bà, thơ trào phúng, trước hết là sự giải tỏa nỗi lòng, sau đó còn là một thứ vũ khí để đấu tranh với các thói hư tật xấu, là tấm khiên để bảo vệ những người phụ nữ khác trong xã hội. Bà chạnh lòng với những cảnh ngộ trớ trêu, không như ý, thậm chí đắng cay, chua chát, bà khát khao hạnh phúc.

+ Vịnh khoa thi Hương:

Bài thơ có 8 câu thì 6 câu đầu đều thể hiện sự trào phúng của tác giả. Việc thi cử ngày xưa vốn là việc hệ trọng của triều đình nhằm kén chọn kẻ sĩ tài giỏi, chọn nhân tài ra làm quan phò vua, giúp nước. Nhưng trong bài thơ, việc này đã thuộc về “nhà nước", tức thực dân Pháp xâm lược. Việc thi cử vẫn còn thi chữ Hán và theo lệ cũ “ba năm mở một khoa song đã cuối mùa. Và, kẻ chủ xướng là “nhà nước” - là chính phủ bảo hộ. Hai từ “nhà nước" đứng ở ngay đầu bài thơ như một lời mỉa mai về sự thoái vị của triều đình phong kiến trong việc tổ chức thi cử. Đồng thời cũng là lời thông báo về tính chất trào phúng của bài thơ. Câu thơ thứ hai nêu lên tính chất hỗn tạp, nhốn nháo của kỳ thi “Trường Nam thi lẫn với trường Hà”. Không có gì hứa hẹn sự trang nghiêm cần có của những kì thi như thế này. Hai câu đề thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm kín đáo và cũng bộc lộ một nỗi buồn sâu lắng trong tâm hồn tác giả.

**Câu 4 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của các văn bản đọc hiểu ở Bài 8:

a. Nội dung chính của các văn bản đọc hiểu là gì? Đề tài và chủ đề của các văn bản truyện lịch sử có gì giống nhau?

b. Nhận xét đặc điểm nổi bật về hình thức thể loại của các văn bản truyện lịch sử và nêu các lưu ý về cách đọc hiểu các truyện này.

**Trả lời:**

a. Nội dung chính của các văn bản đọc hiểu:

- Quang Trung đại phá quân Thanh: Kể về Quang Trung, một người thông minh, trí tuệ sáng suốt, khả năng phán đoán tốt, nhạy bén trước thời cuộc. Đồng thời qua đoạn trích, người đọc cảm nhận về vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của lũ vua quan phản nước hại dân.

- Đánh nhau với cối xay gió: Kể câu chuyện về sự thất bại của Đôn Ki - hô - tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hão huyền, phê phán thói thực dụng thiển cận của con người trong đời sống xã hội.

- Bên bờ Thiên Mạc: Đoạn trích Bên bờ thiên mạc kể về tình tiết khi Trần Quốc Tuấn giao nhiệm vụ quan trọng và hết sức bí mật cho Hoàng Đỗ, con ông già Màn Trò, một nô tì ở vùng đất Thiên Mạc.

=> Đề tài và chủ đề của các văn bản truyện lịch sử đều có nội dung liên quan đến các nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Truyện cũng được nhà văn văn viết hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo nhằm tăng tính sinh động cho câu chuyện.

b.

- Đặc điểm nổi bật về hình thức thể loại của các văn bản truyện lịch sử là:

+ Truyện lịch sử có bối cảnh là hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán.

+ Nhân vật chính của truyện lịch sử thường là người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc; ngoài ra, tác giả còn có thể hư cấu thêm nhiều nhân vật khác.

+ Ngôn ngữ của truyện lịch sử phải phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử mà truyện tái hiện.

+ Truyện lịch sử có hai dạng cốt truyện là cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Khi đọc truyện lịch sử cần chú ý:

+ Truyện viết về sự kiện gì? Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử của dân tộc?

+ Chủ đề, tư tưởng, thông điệp nội dung mà văn bản truyện muốn thể hiện.

+ Một số đặc điểm hình thức nổi bật của truyện (sự kiện, nhân vật, ngôn ngữ mang không khí và dấu ấn lịch sử,...).

+ Những tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản truyện.

---------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 136**

**Câu 5 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Các văn bản trong Bài 9 có điểm gì chung? Cần chú ý những gì về cách đọc các văn bản này?

**Trả lời:**

Các văn bản trong Bài 9 đều là văn bản nghị luận văn học, có luận đề, luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, xác đáng. Bằng chứng cụ thể, rõ ràng, thuyết phục.

Khi đọc các văn bản này cần chú ý:

+ Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?

+ Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?

+ Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ luận đề như thế nào?

+ Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

**Câu 6 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Đề tài và kiểu bài của các văn bản thông tin ở Bài 10 có gì đặc sắc? Nêu các lưu ý về cách đọc các văn bản thông tin trong Bài 10.

**Trả lời:**

Đề tài và kiểu bài của các văn bản thông tin ở Bài 10 là giới thiệu về một bộ tác phẩm văn học hoặc một bộ phim. Đây là một loại văn bản thông tin có mục đích trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị,.. của cuốn sách hoặc bộ phim đó.

Các lưu ý về cách đọc các văn bản thông tin trong Bài 10:

- Đọc lướt tên bài, các đề mục lớn nhỏ,... để xác định:

+ Văn bản giới thiệu cuốn sách hoặc bộ phim nào?

+ Em đã biết gì về cuốn sách hoặc bộ phim đó?

+ Người viết có sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ,... để chuyển tải thông tin không?

- Đọc kĩ văn bản để xác định:

+ Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Thông tin chính trong mỗi phần là gì?  Thông tin trong văn bản được giới thiệu theo trình tự nào?

+ Cách trình bày của văn bản (nhan đề, sa pô, các tiểu mục, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình,...) có tác dụng gì?

+ Văn bản giúp em biết thêm điều gì? Thông tin từ văn bản có ý nghĩa như thế nào với em?

**Câu 7 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu những điểm giống nhau và khác nhau về phần Đọc hiểu trong sách Ngữ văn 8, tập hai so với Ngữ văn 8, tập một.

**Trả lời:**

\* Giống nhau:

- Các văn bản đều giúp cho chúng ta hiểu và cảm nhận được tình cảm gia đình, quê hương ấm áp qua những câu chuyện đời thường gần gũi thân quen.

+ Bài 1 là vườn cau của mẹ kể lại những kỉ niệm của nhân vật tôi về người bà.

+ Bài 2 là các bài thơ như Đường về quê mẹ với kí ức của người còn về người mẹ và những lần cùng mẹ về quê nhận họ.

+ …

- Các văn bản cung cấp cho chúng ta kho tàng kiến thức về các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề xã hội thông qua các bài thuyết minh và nghị luận.

+ Văn bản Sao băng cung cấp cho học sinh những thông tin về hiện tượng Sao băng.

+ Văn bản Hịch tướng sĩ nghị luận về vấn đề đề xã hội thời trung đại.

+ …

- Trong hai quyển sách đều rèn luyện cho chúng ta khả đọc hiểu, phân tích và cảm nhận về một tác phẩm văn học.

\* Khác nhau:

- Ngữ Văn 8 tập 1: Các văn bản đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay.

- Ngữ Văn 8 tập 2: Các văn bản trong sách giúp chúng ta học tập, tìm hiểu các tác phẩm văn học nổi tiếng như Lão Hạc, Hoàng tử bé...; các tác phẩm thơ Đường luật như Mời trầu, Vịnh khoa thi Hương…

**Câu 8 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai thuộc những kiểu văn bản nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa phần Viết và phần Đọc hiểu của mỗi bài học.

**Trả lời:**

- Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai thuộc những kiểu văn bản: Tự sự, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh.

- Giữa phần viết và phần đọc hiểu của mỗi bài học có quan hệ mật thiết với nhau. Mỗi bài viết đều có cùng chủ đề hoặc cùng kiểu văn bản với các văn bản đọc hiểu.

**Câu 9 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Thống kê các kĩ năng viết được rèn luyện trong sách Ngữ văn 8, tập hai (ví dụ, Bài 10: Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết). Phân tích ý nghĩa và tác dụng của các kĩ năng nói trên.

**Trả lời:**

\* Các kĩ năng viết được rèn luyện:

+ Phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện.

+ Phân tích tác dụng của hình thức thơ.

+  Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.

+  Câu chuyển đoạn trong bài nghị luận

+ Nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học.

+ Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết.

\* Phân tích tác dụng của hình thức thơ:

+ Việc rèn luyện các kí năng này giúp chúng ta học được cách phân tích, cảm nhận và đưa ra nhận định về các tác phẩm thơ.

- Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng: Giúp chúng ta biết cách viết văn một cách logic, có sức thuyết phục hơn.

- Câu chuyển đoạn trong bài nghị luận: Giúp chúng ta rèn kĩ năng viết văn có sự liên kết giữa các câu, các đoạn sao cho bài văn có sự mạch lạc,

- Nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học: Giúp chúng ta biết cách xác định các luận đề, luận điểm, dẫn chứng, lí lẽ trong một bài văn nghị luận. Từ đó giúp bài văn của mình tăng sức thuyết phục với người đọc, người nghe.

- Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết: Việc rèn luyện các kĩ năng này giúp chúng ta biết cách nắm bắt nội dung trọng tâm của một tác phẩm.

**Câu 10 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu một số điểm khác biệt (mục đích, nội dung, hình thức, lời văn,...) giữa kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ và kiểu bài thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Phân tích một tác phẩm thơ** | **Thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ** |
| Mục đích | Làm rõ những điểm nổi bật trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về bài thơ như: nhan đề, thể loại, tác giả, hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa... |
| Nội dung | Phân tích, cảm nhận và chỉ ra được những giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết. | Thuyết minh, giới thiệu về những vấn đề xoay quanh tác phẩm thơ như: tác giả, hoàn cảnh ra đời,... giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ. |
| Hình thức | Sử dụng hệ thống luận điểm, luận cứ và các phép lập luận. | Bài thường được trình bày theo trình tự: từ khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm đến thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của bài thơ; từ thông tin khác quan đến ý kiến chủ quan của người đọc, người xem hoặc người giới thiệu. |
| Lời văn | Rõ ràng, cụ thể với hệ thống lý lẽ, dẫn chứng logic, thể hiện quan điểm, cảm xúc của người viết. | Lời văn trung tính, khách quan, đưa ra thông tin rõ ràng, chuẩn xác. |

**Câu 11 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Các kiểu văn bản được học ở phần Viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai có gì khác so với Ngữ văn 8, tập một?

**Trả lời:**

- Sách Ngữ văn 8 tập 1 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:

|  |  |
| --- | --- |
| **Kiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** |
| Tự sự | Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả, biểu cảm. |
| Biểu cảm | Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. |
| Nghị luận | Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học). |
| Thuyết minh | Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. |
| Nhật dụng | Kiến nghị về một vấn đề đời sống. |

-  Sách Ngữ văn 8 tập 2 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:

|  |  |
| --- | --- |
| **Kiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** |
| Nghị luận | Phân tích một tác phẩm truyện; Phân tích một tác phẩm thơ; Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí; nghị luận phân tích một tác phẩm kịch |
| Thuyết minh | Viết bài giới thiệu về một cuốn sách |

=> Các kiểu văn bản được học ở phần Viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai tập chung chủ yếu vào kiểu văn nghị luận và văn thuyết minh.

**Câu 12 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu những nội dung chính được rèn luyện về các kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai. Xác định trọng tâm phần Nói và nghe của mỗi bài học.

**Trả lời:**

- Bài 6: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ý

Rèn luyện cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

+ Một số vấn đề xã hội trong cuộc sống

- Ngưỡng mộ và mê muội thần tượng.

- Học sinh cấp Trung học cơ sở sử dụng xe gắn máy phân khối lớn đến trường.

- Cần biết lựa chọn sách để đọc.

+  Một số vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học:

- Giá trị của tình cha con được gợi ra sau khi học truyện Lão Hạc (Nam Cao).

- Thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em được rút ra sau khi đọc văn bản Trong mắt trẻ (Ê-xu-pe-ri).

- Suy nghĩ về quê hương, mái trường và người thầy sau khi đọc đoạn trích Người thầy đầu tiên (Ai-ma-tốp).

- Bài 7: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ

Yêu cầu cụ thể ở bài này là nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về một bài thơ.

- Bài 8: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học

+ Rèn luyện kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học.

- Bài 9: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học

+ Rèn luyện kĩ năng thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề nội dung hay nghệ thuật của tác phẩm văn học.

- Bài 10: Giới thiệu một cuốn sách

+ Học về cách thức giới thiệu một cuốn sách ở phần Viết

**Câu 13 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu những yêu cầu cần bảo đảm khi thực hành hoạt động nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai.

**Trả lời:**

Những yêu cầu cần bảo đảm khi thực hành hoạt động nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai:

- Khi thực hiện:

\* Người nói:

- Nội dung trình bày:

+ Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.

+ Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.

- Hình thức trình bày:

+ Bài trình bày có bố cục rõ ràng.

+ Các nội dung minh hoạ có chất lượng.

+ Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.

+ Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày.

- Tác phong, thái độ trình bày:

+ Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.

+ Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng hoặc không có những từ ngữ chêm xen quá nhiều.

+ Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.

+ Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.

+ Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.

\* Người nghe:

- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại.

- Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.

- Khi nhận xét:

\* Người nói:

- Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày.

- Rút kinh nghiệm về nội dung, cách thức và thái độ trình bày...

- Tự đánh giá:

+ Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì?

+ Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?

\* Người nghe:

- Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa.

- Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.

- Đánh giá:

+ Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?

+ Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì?

**Câu 14 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu nội dung chính của phần tiếng Việt được học trong sách Ngữ văn 8, tập hai. Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần Đọc hiểu, Viết, Nói và nghe?

**Trả lời:**

- Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 là: Từ ngữ, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển của ngôn ngữ.

Trong đó có các nội dung chính cụ thể của tiếng Việt tập 2 là:

+ Bài 6: Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.

+ Bài 7: Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình và từ tượng thanh.

+Bài 8: Câu khẳng định và câu phủ định.

+ Bài 9: Thành phần biệt lập trong câu.

+ Bài 10: Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể.

- Các nội dung này là những vấn đề được sử dụng nhiều trong các văn bản của phần đọc hiểu và được áp dụng trong quá trình viết bài, quá trình rèn luyện kỹ năng nói và nghe.

**Câu 15 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Nêu một số biện pháp tu từ có trong các bài thơ đã học ở Bài 7 và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật.

**Trả lời:**

- Một số biện pháp tu từ có trong các bài thơ đã học ở Bài 7 là: ẩn dụ, đảo ngữ, câu hỏi tu từ.

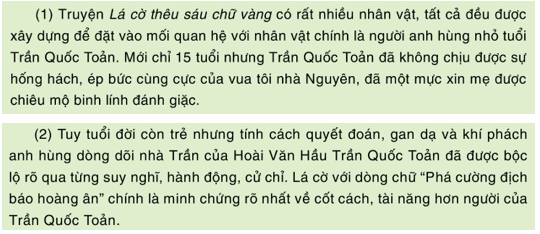
- Ví dụ về phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật là:

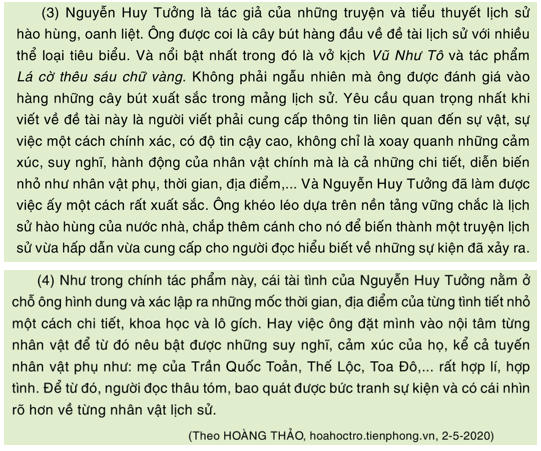
+ Hình ảnh: “Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi": khác với miếng trầu têm cánh phượng khéo léo trang trọng, câu thơ cho thấy sự giản dị, bình thường nhất. Vẫn là quả cau, miếng trầu nhưng lại không được toàn vẹn, ý nói sự nghèo khó, thiếu thốn, không hoàn hảo. Người phụ nữ chỉ có sự khéo léo, tấm lòng nhưng lại nghèo khó...

**TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ**

**I. Đọc hiểu**

**Yêu cầu (trang 125 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:





**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5)**

**Câu 1 (trang 126 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Đoạn trích trên giới thiệu về vấn đề gì?

A. Về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng

B. Về tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và Nguyễn Huy Tưởng

C. Về tài năng nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng

D. Về một số nhân vật trong tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

**Trả lời:**

Đáp án đúng là B.

**Câu 2 (trang 126, SGK Ngữ văn 8, tập 2 - Cánh diều):**

Có thể xem đoạn trích trên thuộc kiểu bài viết nào?

A. Giới thiệu về một nhà văn

B. Phân tích tác phẩm văn học

C. Giới thiệu về một cuốn sách

D. Kể lại một truyện lịch sử

**Trả lời:**

Đáp án đúng là C.

**Câu 3 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Đoạn văn nào tóm tắt nội dung chính của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*?

A. (1) và (2)

B. (1) và (3)

C. (2) và (4)

D. (2) và (3)

**Trả lời:**

Đáp án đúng là A.

**Câu 4 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Đoạn văn nào đánh giá tài năng viết tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng?

A. (2) và (3)

B. (1) và (2)

C. (3) và (4)

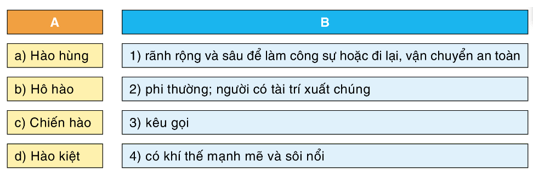
D. (1) và (3)

**Trả lời:**

Đáp án đúng là C.

**Câu 5 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Ghép tiếng “hào” trong các từ ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B:



**Trả lời:**

a - 4; b - 3; c - 1; d - 2

**Câu 6 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

Trong văn bản có nêu: “Yêu cầu quan trọng nhất khi viết về đề tài này là người viết phải cung cấp thông tin liên quan đến sự vật, sự việc một cách chính xác, có độ tin cậy cao…”. Em hiểu “đề tài này” là đề tài nào? Vì sao đề tài ấy phải đáp ứng được yêu cầu đã nêu?

**Trả lời:**

- Đề tài truyện lịch sử.

- Vì truyện lịch sử khi được viết ra bắt buộc phải dựa vào sự thật, không được sai lệch.

**Câu 7 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):**

“Ông khéo léo dựa trên nền tảng vững chắc lịch sử hào hùng của nước nhà, chắp thêm cánh cho nó để biến thành một tiểu thuyết lịch sử vừa hấp dẫn vừa cung cấp cho người đọc hiểu về những sự kiện đã xảy ra”. Em hiểu cụm từ “chắp thêm cánh” ở đây là chỉ việc gì?

**Trả lời:**

- Cụm từ “chắp thêm cánh ở đây là chỉ việc nhà văn đã thổi hồn vào nhân vật và câu chuyện, tạo ra các hình tượng nghệ thuật giúp người đọc dễ dàng hình dung, tưởng tượng.

---------------------------------------------------------------------------------------------------

Tuần

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 137,138: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở kì 2.

**2. Năng lực:**

Học sinh làm được các bài kiểm tra thông qua các nội dung đã học.

**3.Phẩm chất:**

- Nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1- GV**: Tài liệu tham khảo, đề bài, đáp án, photo đề.

2- **HS**: Soạn bài ở nhà và chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

**Tiết 139 : NÓI VÀ NGHE : GiỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Phát triển kĩ năng nói và nghe

- HS trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo sự lựa chọn cá nhân), cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

- Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh măt, nét mặt, cử chỉ, ... và các phương tiện minh hoạ, hỗ trợ để hoạt động trình bày thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn.

- Lựa chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe.

- Nghe và tổng hợp được các thông tin chính của bài nói, biết nhận xét về chất lượng bài nói (nội dung và cách trình bày), trao đổi để rút kinh nghiệm cách thực hiện bài nói theo yêu cầu của bài.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày bài nói và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **1. Định hướng** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | – Chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe.  – Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ... và các phương tiện minh hoạ, hỗ trợ để hoạt động thuyết trình thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài nói và nghe  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **2. Thực hành** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp.  **1. Chuẩn bị**  - Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc....  - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu.  - Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.  - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan đến cuốn sách từ các nguồn khác nhau như sách, báo. Internet,...  - Xác định thời lượng thuyết trình, đối tượng nghe bài thuyết trình.  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  *Tên cuốn sách?Các thông tin chung về cuốn sách?*  *-* *Nội dung của cuốn sách?*  *- Hình thức của cuốn sách?*  *- Giá trị, ý nghĩa của cuốn sách?*  *- Các hình ảnh minh hoạ cần sử dụng?*  - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo bố cục ba phần của bài viết.  **b) Lập dàn ý:**  + Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.  + Nội dung chính: Lần lượt trình bày thông tin chung về cuốn sách; nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. Sử dụng các hình ảnh, nội dung minh hoạ tương ứng.  + Kết thúc: Cảm ơn và bày tỏ mong muốn nhận được phản hồi từ người nghe. |
| **Người nói:**  Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  - Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  - Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.  **Người nghe:**  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. | **3. Trình bày bài nói – nghe**  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |
| **?Yêu cầu đối với người nói?**  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.  **?Yêu cầu đối với người nghe?**  + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.  **Tham khảo:** | **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Người nói:**   Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày.  - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…  - Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?  **Người nghe:**  - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.  - Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì? |
|  | **Dựa vào bảng kiểm** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**  **Nhóm:…..** | | | | | **Mức độ**  **Tiêu chí** | Chưa đạt | Đạt | Tốt | | **1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.** | Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói. | Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói. | Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói. | | **2. Tóm lược được các ý chính.** | Không tóm lược được ý chính | Có vài ý chính, không lan man. | Đầy đủ ý chính. | | **3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.** | Cẩu thả trong trình bày. | Tương đối cẩn thận với việc trình bày. | Trình bày sạch đẹp. | | **4. Có sự quan sát người trình bày.** | Không chú ý. | Về cơ bản có sự quan sát. | Quan sát tốt người trình bày. | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy?    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp. |
| **1, Mở đầu:**  **- Kính thưa....**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:  Xin chào thầy cô và các bạn!  Nhắc đến văn hào nổi tiếng Hector Malot, chắc chắn chúng ta ai cũng nghĩ ngay đến tác phẩm không gia đình - Cuốn sách đã gây được ấn tượng mạnh mẽ về tình cảm gia đình cho người đọc. Hôm nay, chúng ta hãy cùng với AnyBooks đi sâu vào tác phẩm để hiểu hơn về thông điệp  **2. Nội dung chính**  - Đôi nét về tác giả sách không gia đình  Tác giả của cuốn sách không gia đình chính là Hector Malot - một nhà văn nổi tiếng của nước Pháp, ông là tác giả của rất nhiều cuốn tiểu thuyết và thời kỳ đó và được các độc giả khắp nơi trên thế giới yêu mến. Sự nghiệp văn chương của ông bao gồm hơn 70 tác phẩm trong đó cuốn sách không gia đình ra mắt năm 1878 chính là tác phẩm tổ điểm thêm sự thành công của ông.  Tác phẩm không gia đình ban đầu được ông hướng đến đối tượng nhí những chính người lớn lại phát cuồng về tác phẩm này của ông. Ngoài ra, ông còn rất nhiều tác phẩm để lại dấu ấn như cuốn sách Những người tình - tác phẩm đầu tay tạo nên cơn sốt hay tác phẩm Romain Kalbris (1869), Trong gia đình (En Famille, 1893).  Ông được người đời ca ngợi về tài năng trong việc viết sách, nghệ thuật của ông chính là để lại những triết lý khiến cho người lớn phải suy ngẫm trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ của nước pháp và giúp họ tìm ra con đường mới để thoát khỏi sự giam cầm trong chính bản thâm mình.  - Nội dung của cuốn sách  Nội dung của tác phẩm không gia đình kể về số phận đặc biệt của một bé đứa mồ côi cha mẹ tên là Remi, từ nhỏ cậu đã được nuôi dưỡng trong gia đình có tên là Barberin. Tuy nhiên, chưa bao lâu vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên gia đình này đã bán cậu cho một người đàn ông có tên là Vitalis - ông chủ của một đoàn xiếc rong.  Kể từ đó, tuổi thơ của Remi gắn liền với đoàn xiếc này, tại đây cậu làm bạn với những con vật được nuôi dưỡng trong gánh xiếc để biểu diễn như khỉ, chó và cùng ông chủ đoàn xiếc Vitalis rong ruổi khắp nước Pháp để kiếm sống mưu sinh. Nhờ vào sự dạy dỗ của ông chủ, Remi đã học hỏi được rất nhiều và dần trở thành một cậu bé bản lĩnh dám đương đầu với mọi khó khăn trong cuộc sống.  Trong hành trình mưu sinh và phiêu bạt khắp nơi cùng đoàn xiếc, cậu bé tiếp xúc với hết thảy các hạng người tốt xấu trong xã hội lúc bấy giờ và gặp không ít nguy hiểm. Thể nhưng nhờ vào những đức tính cao đẹp mà ông chủ Vitalis đã dạy dỗ cho cậu đã giúp cậu tỉnh táo vượt quá những thử thách đó và tiếp tục lao động chăm chỉ cùng với rạp xiếc.  So với lứa tuổi của mình, Remi đã phải đối mặt với rất nhiều tình cảnh éo le, có những chi tiết kể rằng cậu sắp bị chết đói và chết rét hay thậm chí là bị bắt bỏ tù một cách oan uổng. Thế nhưng sau tất cả Remi vẫn xây dựng cho mình được một đức tính, giữ đúng được phẩm chất làm người và không bao giờ chịu đầu hàng số phận mặc dù cho xã hội lúc bấy giờ rất loạn lạc.  Ngay cả khi ông chủ rạp xiếc Vitalis qua đời và gánh xiếc chỉ lại đúng chó chó để bầu bạn với cậu, thế nhưng cậu không bỏ cuộc và tiếp tục lao động và cống hiến mình., Khiến cho người đọc cảm thấy nể phục với tinh thần và phẩm chất của cậu bé có tuổi đời còn quá nhỏ này.  Ở cuối tác phẩm, sau khi bị bỏ tù ở nước Anh, Remi cuối cùng cũng tìm thấy được niềm hạnh phúc cho riêng mình đó là tìm lại được người mẹ đã thất lạc của mình sau bao nhiêu năm xa cách. Đây cũng chính là phần thưởng dành cho cậu bé đã phải chịu quá nhiều cực khổ, đọc đến đây cũng đã có rất nhiều khán giả vui mừng và xúc động với nhân vật này.  - Thông điệp ý nghĩa mà cuốn sách muốn gửi gắm  Có thể nói rằng, tác phẩm không gia đình đã đưa người đọc cùng trải nghiệm hành trình mưu sinh của cậu bé Remi với nhiều tình huống trớ trêu mà một cậu bé còn quá nhỏ phải chịu đựng và vượt qua. Đã có lúc tưởng chừng cái kết đã cận kề nhưng cậu bé vẫn lạc quan vượt qua, tiếp thu thêm nhiều kinh nghiệm quý giá mà những đứa trẻ cùng độ tuổi khác không có được.  Từ đó, cùng với ông chủ và gánh xiếc, remi đã vượt qua những năm tháng lao động vất vả nhưng lại đầy quyết tâm vươn lên. Kể cả khi người thân duy nhất là ông chủ gánh xiếc đã qua đời, những đức tính mà ông dạy cho Remi vẫn không hề bị suy giảm hay mất đi thậm chí nó ngày càng mãnh liệt hơn.  Có thể nói, gánh xiếc chính là ngôi nhà của Remi, nơi cậu có được tình thương và sự bao bọc của ông Vitalis cùng với những con thú, tất cả đã tạo nên một gia đình thật sự. Cũng nhờ đó, đã giúp Remi có thêm động lực để sống tốt và vượt qua những thử thách dù tuổi đời vẫn còn quá nhỏ.  Tác giả Hector Malot đã vô cùng thành công trong việc tạo nên những chi tiết có tính xúc động mạnh đánh trung tâm lý của người đọc cũng như tạo nên những phân cảnh tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm.  Tuy được viết dành cho trẻ em tác phẩm lại có rất nhiều chi tiết để người lớn phải suy ngẫm, có nhiều người sau khi đọc cuốn sách này còn cảm thấy hổ thẹn vì bản thân mình không bằng một đứa trẻ. Cũng chính tác phẩm này đã làm rất nhiều người thức tỉnh, giúp họ tạo thêm động lực để vượt qua những khó khăn mà cuộc sống đem lại.  **3. Kết thúc:** Khẳng định lại vấn đề  Trên đây là phần giới thiệu về quyển sách nổi tiếng không gia đình của tác giả Hector Malot mà chúng tôi muốn gửi đến các độc giả. Hy vọng với những thông tin bạn đã hiểu hơn về nội dung của cuốn sách và có thêm động lực để vững bước trên con đường của mình. Nếu bạn muốn tìm hiểu sâu hơn thì hãy mua ngay một quyển về để có thể trải nghiệm nhé! | |

**Hồ sơ dạy học:**

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phiếu học tập số 1 | Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra |
| Phiếu học tập số 2 | Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra | Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Đọc văn bản Tập truyện Quê mẹ của nhà văn Thanh Tịnh, SGK trang 120 và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Câu 1.** Nội dung văn bản được trình bày theo trật tự nào?

A. Giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giác về tập truyện

B. Nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện

C. Giới thiệu nội dung tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; nhận xét, đánh giá về tập truyện

D**.**Giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*

**Trả lời:**

Đáp án đúng là A.

**Câu 2.** Trong các ý kiến sau, **những** ý kiến nào đúng?

A. Tập *Quê mẹ* xuất bản lần đầu năm 1941, có lời *Tựa*của Thế Lữ

B. Trong lần tái bản năm 1983, tập truyện gồm 18 truyện ngắn

C. Không gian nghệ thuật trong tập truyện là làng Mỹ Lý, xứ Huế, quê hương của Thanh Tịnh

D. Tập truyện viết về đời sống tình cảm của những người nông dân nghèo xứ Huế

**Trả lời:**

Đáp án đúng là B.

**Câu 3 .** Điểm chung của các nhân vật trong tập truyện *Quê mẹ* là gì?

A. Luôn gặp bất hạnh, trắc trở trong cuộc sống

B. Luôn lạc quan, yêu đời, chất phác, hồn hậu

C. Luôn ánh lên vẻ đẹp của tâm hồn và ai cũng có nỗi đau khổ riêng

D. Luôn mong muốn khẳng định bản thân, sống một cuộc đời thực sự có ý nghĩa

**Trả lời:**

Đáp án đúng là C.

**Câu 4.**

Truyện nào được người viết đánh giá là tiêu biểu hơn cả trong tập *Quê mẹ*?

A. Ngậm ngải tìm trầm

B. Am cu li xe

C. Tôi đi học

D. Quê mẹ

**Trả lời:**

Đáp án đúng là B.

**Câu 5.**  Phương án nào nêu trực tiếp ý kiến nhận xét của người viết về tập *Quê mẹ*?

A. *Quê mẹ* là tập truyện ngắn của nhà văn Việt Nam Thanh Tịnh, xuất bản lần đầu năm 1941, gồm 13 truyện, có lời *Tựa* của Thạch Lam

B. Trong lần tái bản năm 1983, tác phẩm được bổ sung thêm năm truyện: *Am cu li xe, Con so về nhà mẹ, Ngậm ngải tìm trầm, Một đêm xuân, Làng.*

C. … Ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ vịnh gọn và có dư vị trữ tình lắng sâu.

D. “Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre để ca hát những đám mây và những làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê…”

**Trả lời:**

Đáp án đúng là C.

**Câu 6 .** Chỉ ra thông tin chính được giới thiệu trong phần (2) của văn bản và các chi tiết làm rõ thông tin chính đó.

**Trả lời:**

- Thông tin: Tác giả tập trung viết về nông thôn xứ Huế quê Ông.

- Các chi tiết làm rõ thông tin:

+ Miêu tả khung cảnh làng quê "Trên cơ sở một không gian... tha thiết, gợi nhớ."

+ Giới thiệu các nhân vật trong các câu chuyện "Trên bối cảnh thơ mộng và phảng phất buồn ấy...côi cút"

+ …

**Câu 7.** Em đã được đọc truyện ngắn nào trong tập *Quê mẹ*? Từ hiểu biết về truyện ngắn đó, em thấy ý kiến sau có chính xác không: “Nhìn chung, Thanh Tịnh thuộc một phong cách nghệ thuật gần với Thạch Lam, Hồ Dzếnh, Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*) nhưng có sắc thái riêng: ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác.”? Hãy giải thích rõ ý kiến của em.

**Trả lời:**

- Em đã được đọc truyện ngắn Tôi đi học trong tập Quê mẹ.

- Theo em, nhận xét của nhà văn Thạch Lam là đúng. Bởi vì ngay từ đoạn mở đầu truyện ngắn Tôi đi học của Thanh Tịnh đã thể hiện sự trong sáng, gợi cảm và giàu chất thơ trong văn của Thanh Tịnh. Trong truyện “tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh, ông đã rất thành công trong việc sử dụng các nghệ thuật tinh tế, nhẹ nhàng, mà vô cùng sâu sắc kết hợp với các ngôn ngữ giàu hình ảnh giàu gợi hình, gợi cảm với giọng điệu nhẹ nhàng êm dịu góp phần tạo nên chất thơ, chất trữ tình trong truyện

**Câu 8 .**Em biết thêm thông tin nào khác về tập *Quê mẹ*? Hãy trình bày ngắn gọn các thông tin đó.

**Trả lời:**

- Truyện Quê mẹ đã nổi tiếng một thời gian dài vì được trích dẫn trong các sách giáo khoa, làm bài học thuộc lòng cho nhiều thế hệ học trò.

- Truyện được trích dẫn và truyền tụng, vì giá trị giáo dục: đoạn văn ca ngợi buổi đi học đầu tiên, ngày tựu trường, và đề cao việc học, văn hóa, trong giai đoạn người đi học chưa nhiều.

**Câu 9**

Hãy chuyển văn bản trên thành một bản đồ họa (infographic) để giới thiệu về tập truyện *Quê mẹ* của nhà văn Thanh Tịnh.



Tuần

**Tiết 140: TRẢ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**